LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP

TẬP II

(1954 - 1975)

BIÊN SOẠN LẦN ĐẦU

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP (1954 - 1975)

Chỉ đạo nội dung

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY ĐỒNG THÁP

Biên soạn

LÊ XUÂN THÀNH, NGÔ XUÂN TƯ, PHẠM VĂN ĐÔNG,
NGUYỄN THỊ KIM ĐỊNH

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP

TẬP II
(1954 - 1975)

(Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2020

BIÊN SOẠN TÁI BẢN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP (1954 - 1975)

Chỉ đạo nội dung

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY ĐỒNG THÁP

Chỉ đạo biên soạn

LÊ THỊ KIM LOAN
Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp

Biên soạn

LÊ MINH TRUNG, TẠ QUANG TRUNG, NGÔ THỊ THỦY

Với sự tham gia của

NGUYỄN VĂN BIẾT, LÊ TÙNG SĨ, CHÂU VĂN DƯƠNG, LÊ XUÂN THÀNH

Cố vấn khoa học

PGS. TS. NGUYỄN DANH TIÊN
Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

VÕ HỒNG NHÂN
Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
nguyên Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,
nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp

Trung tướng VÕ THÁI HÒA
Nguyên Thứ trưởng Bộ Công an

BÙI QUANG THẠNH
Nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp

NGUYỄN ĐẮC HIỀN
Nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp

PHAN HỮU LẬP
Nguyên Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,
nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp

LÊ MINH TRUNG
Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Trưởng ban Tuyên giáo
Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Tháp

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng Tháp là một trong 13 tỉnh, thành của vùng đồng bằng sông Cửu Long, phía bắc giáp Campuchia, phía nam giáp tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ, phía tây giáp tỉnh An Giang, phía đông giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

Cùng với lịch sử khai phá, mở mang và gìn giữ bờ cõi của ông cha ta, mảnh đất Đồng Tháp hôm nay đã trải qua nhiều biến đổi, thăng trầm. Người dân Đồng Tháp kiên trung, bất khuất, đã vượt qua biết bao khó khăn, thử thách trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, chống chọi với thiên tai, địch họa.

Trải qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Đồng Tháp đã lập nên nhiều chiến công hiển hách góp phần tô thắm trang sử vẻ vang của dân tộc.

Để ghi lại những chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tổng kết những bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, biểu dương những tấm gương tiêu biểu trong chiến đấu và xây dựng, nhân dịp Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tỉnh ủy Đồng Tháp phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản bộ sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (1927 - 2000)*, gồm 3 tập.

Bộ sách phản ánh một cách khách quan, sinh động quá trình ra đời, xây dựng và phát triển của Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp qua các giai đoạn lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng, nâng cao lòng tự hào dân tộc, tri ân các thế hệ cha anh đã cống hiến, hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Đồng Tháp không ngừng vươn lên phát huy truyền thống của quê hương, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mặc dù các tác giả và Nhà xuất bản đã rất cố gắng, nhưng do những khó khăn chủ quan và khách quan trong việc sưu tầm tư liệu và biên soạn, bộ sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau bộ sách được hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng giới thiệu tập II của bộ sách cùng bạn đọc.

Tháng 5 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Đồng Tháp là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, được tạo thành chủ yếu do lượng phù sa của sông Mê Kông bồi đắp, là nơi đầu nguồn sông Tiền chảy qua biên giới vào Việt Nam, chia cắt tỉnh thành hai khu vực: phía bắc sông Tiền nằm trọn trong vùng Đồng Tháp Mười rộng lớn, gồm các huyện Tân Hồng, Hồng Ngự, thị xã Hồng Ngự, Thanh Bình, Tam Nông, Tháp Mười, Cao Lãnh và thành phố Cao Lãnh; phía nam sông Tiền (tiếp giáp từ hữu ngạn sông Tiền đến tả ngạn sông Hậu), gồm các huyện Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành và thành phố Sa Đéc.

Tỉnh Đồng Tháp giáp với các tỉnh An Giang, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ và nước bạn Campuchia, có tiềm năng để phát triển kinh tế, đặc biệt là về nông nghiệp. Nhân dân Đồng Tháp vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, khí phách hiên ngang, sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn, thử thách. Ra đời trong bão táp của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng bộ Đồng Tháp đã lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh vượt qua biết bao gian lao, thử thách, giành được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *"về tăng cường và nâng cao chất lượng*

nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam" và Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *"về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng",* Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp chủ trương biên tập, tu chỉnh và bổ sung bộ sách về lịch sử Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1927 - 2000. Theo đó, lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp từ năm 1927 đến năm 2000 được kết cấu thành 3 tập. Tập I từ năm 1927 đến năm 1954, tập II từ năm 1954 đến năm 1975 và tập III từ năm 1975 đến năm 2000. Trong đó, tập I và tập II thực hiện tu chỉnh, bổ sung trên cơ sở ba tập sách đã xuất bản trước đó và tập III được biên soạn mới.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 1927 - 2000 gắn liền với lịch sử dân tộc và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là thời kỳ Đảng bộ lãnh đạo quân và dân Đồng Tháp trải qua quá trình đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, hy sinh, song hết sức vẻ vang. Xuyên suốt hành trình hơn 70 năm, ở mỗi chặng đường đều có những dấu ấn riêng thể hiện bản lĩnh và trí tuệ của Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp anh hùng.

Ngay từ những năm 1929 - 1930, các chi bộ Đảng đầu tiên trên địa bàn Đồng Tháp đã lần lượt ra đời và sớm trở thành lực lượng chủ yếu lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh bền bỉ đấu tranh chống thực dân, đế quốc và phong kiến tay sai, tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thiết lập chế độ mới của dân, do dân và vì dân.

Bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ hơn 30 năm chống thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đã đoàn kết, phát huy cao độ truyền thống yêu nước và cách mạng, vượt qua mọi thử thách, cam go, cùng với

cả nước kiên cường chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, giang sơn thu về một mối.

Sau khi đất nước thống nhất, Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp đã kịp thời hàn gắn vết thương chiến tranh, bắt tay vào xây dựng và bảo vệ quê hương trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy có những sai lầm, vấp váp trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện, song những thành tựu mà Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp đã giành được trong 70 năm qua là những nét son rất đáng tự hào, là tiền đề quan trọng để Đồng Tháp tiếp tục tiến lên trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Mặc dù còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, song lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 1927 - 2000 đã phác họa một cách hệ thống, chân thực, khách quan, sinh động về những bước thăng trầm cùng những nỗ lực phi thường và những thành tựu to lớn của Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp qua các thời kỳ cách mạng. Qua các tập sách, độc giả sẽ tìm thấy những tư liệu, sự kiện, nhân vật lịch sử cùng với những kinh nghiệm quý về sự lãnh đạo kiên cường, năng động, sáng tạo của các chi bộ, đảng bộ địa phương, của Đảng bộ tỉnh, về mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, về tình đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung... Đây là nền móng góp phần bồi dưỡng, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng, niềm tự hào về quê hương, xứ sở cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp trân trọng cảm ơn và ghi nhận sự đóng góp của Hội đồng Cố vấn, của các đồng chí nguyên là lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh, những nhân chứng lịch sử qua các thời kỳ, các nhà khoa học đã có nhiều ý kiến tâm huyết và quý báu cho bộ sách. Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của các cơ quan lưu trữ Trung ương và địa phương, đặc biệt là Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã hỗ trợ về mặt chuyên môn và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật giúp chúng tôi xuất bản bộ sách.

Mặc dù đã rất cố gắng, song việc tu chỉnh, bổ sung và biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh trong hơn 70 năm, khi nhiều nhân chứng lịch sử không còn, tài liệu lưu trữ hạn chế nên bộ sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận những ý kiến góp ý của độc giả để bộ sách được hoàn chỉnh hơn trong lần xuất bản sau.

Nhân dịp Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xin trân trọng giới thiệu bộ sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (1927 - 2000)*** tới đồng chí, đồng bào và bạn đọc gần xa.

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 5 năm 2020

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

LÊ MINH HOAN

Ủy viên Trung ương Đảng - Bí thư Tỉnh ủy

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG THÁP

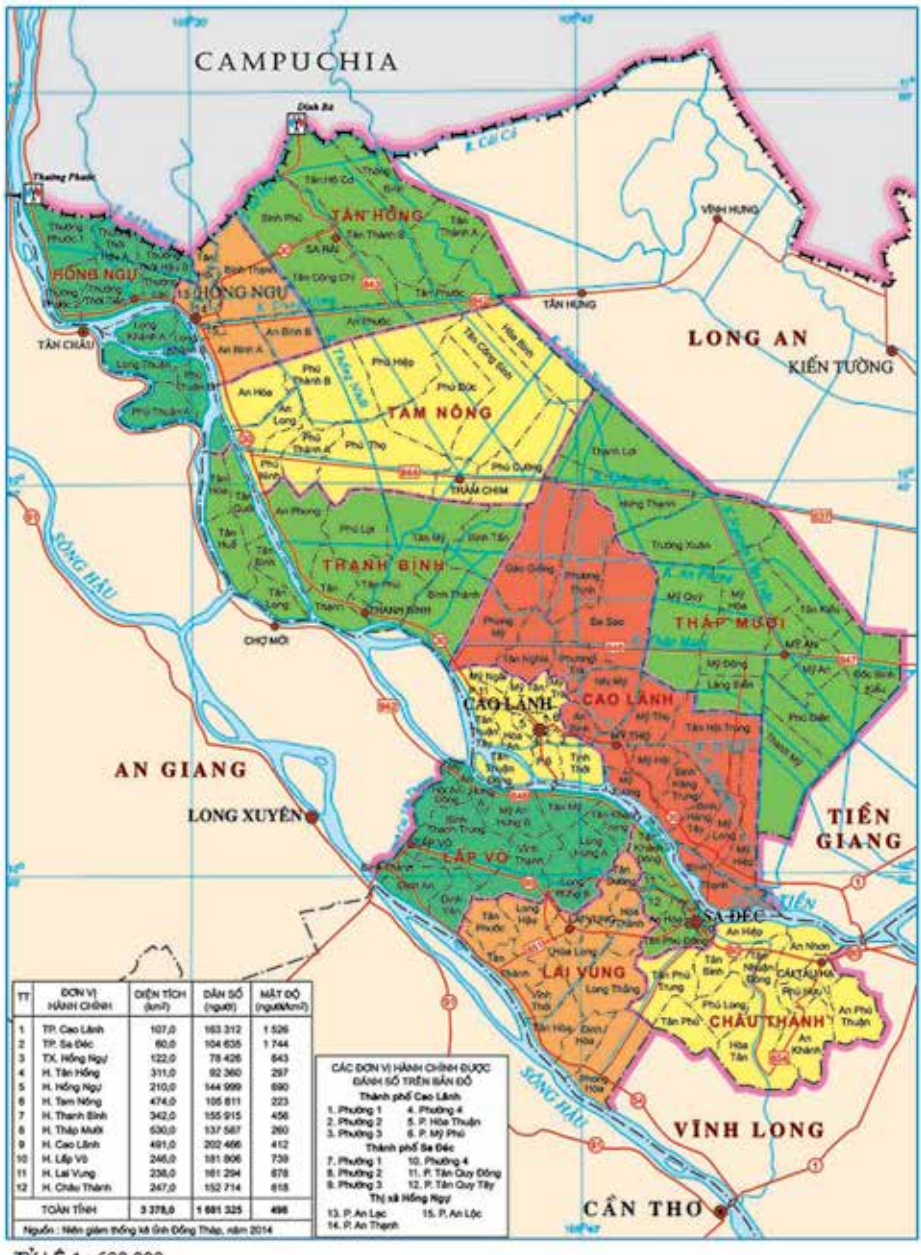

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km²)	DÂN SỐ (người)	MẬT ĐỘ (người/km²)
1	TP. Cao Lãnh	107,0	163 312	1 526
2	TP. Sa Đéc	60,0	104 635	1 744
3	TX. Hồng Ngự	122,0	78 426	643
4	H. Tân Hồng	311,0	92 360	297
5	H. Hồng Ngự	210,0	144 999	690
6	H. Tam Nông	474,0	105 811	223
7	H. Thanh Bình	342,0	155 915	456
8	H. Tháp Mười	530,0	137 587	260
9	H. Cao Lãnh	491,0	202 466	412
10	H. Lấp Vò	246,0	181 806	739
11	H. Lai Vung	238,0	161 294	678
12	H. Châu Thành	247,0	152 714	618
	TOÀN TỈNH	3 378,0	1 681 325	498

Nguồn : Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp, năm 2014

CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ĐÁNH SỐ TRÊN BẢN ĐỒ

Thành phố Cao Lãnh
1. Phường 1 — 4. Phường 4
2. Phường 2 — 5. P. Hòa Thuận
3. Phường 3 — 6. P. Mỹ Phú

Thành phố Sa Đéc
7. Phường 1 — 10. Phường 4
8. Phường 2 — 11. P. Tân Quy Đông
9. Phường 3 — 12. P. Tân Quy Tây

Thị xã Hồng Ngự
13. P. An Lạc — 15. P. An Lộc
14. P. An Thạnh

TỶ LỆ 1 : 600 000

TẶNG

HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG

Nhân dân, cán bộ, chiến sĩ tỉnh Đồng Tháp

Chương I

ĐẤU TRANH GIỮ GÌN, SÚC TÍCH LỰC LƯỢNG TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI (1954 - 1960)

I- THỰC HIỆN ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ

Cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp của nhân dân ta đến ngày 20/7/1954 đã kết thúc. Theo Hiệp định Giơnevơ, vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời, Quân đội nhân dân Việt Nam tập kết về phía bắc giới tuyến, quân đội Pháp chuyển vào phía nam giới tuyến; trong hai năm, từ ngày 20/7/1954 đến ngày 20/7/1956, quân đội Pháp phải rút hết về nước, hai miền Nam - Bắc Việt Nam sẽ hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước.

Nhưng từ trước khi Pháp bại trận, đế quốc Mỹ thực hiện âm mưu hất cẳng Pháp, độc chiếm miền Nam, tiến đến thôn tính nước ta và cả ba nước Đông Dương. Âm mưu này nằm trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ nhằm ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc theo xu hướng cộng sản lan ra các nước Đông Nam Á, tiến công các nước xã hội chủ nghĩa - lúc này đã trở thành một hệ thống thế giới. Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về thay Bảo Đại[1], dựng lên chính quyền

---

1. Ngô Đình Diệm về nước làm Thủ tướng chỉ định từ ngày 25/6/1954. Ngày 07/7/1954, thành lập Chính phủ do Diệm làm Thủ tướng (Sắc luật số 43/CP).

tay sai mới. Như vậy, ngay từ tháng 7/1954, trong khi quân đội Pháp chưa rút đi thì dân tộc ta lại đứng trước kẻ thù chính, trực tiếp là đế quốc Mỹ, một cường quốc có tiềm lực kinh tế và quốc phòng mạnh hơn Pháp nhiều lần. Trước tình hình đó, Đảng đã kịp thời có những quyết sách phù hợp. Ở miền Nam, ta phải tập kết bộ đội, tạm rút chính quyền và chuyển hướng cơ sở nhằm đạt nhiệm vụ trước mắt, đồng thời, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Ở tỉnh Long Châu Sa[1], theo chủ trương chung, nhiệm vụ tập kết quân đội, chính quyền và chuyển hướng cơ sở được thực hiện rất khẩn trương. Tỉnh thành lập Tổ liên hiệp[2] trực tiếp quan hệ với quân đội Pháp để thực thi các điều khoản Hiệp định; thành lập Ủy ban Quân quản đặc trách vấn đề tiếp quản quận lỵ Cao Lãnh[3] và tập kết chuyển quân. Tỉnh ủy bố trí hai bộ phận, một bộ phận chỉ đạo tập kết bộ đội và một bộ phận chỉ đạo chuyển hướng công tác.

Trước và sau ngày ngừng bắn ở Nam Bộ - kể từ 8 giờ ngày 11/8/1954, tình hình trong tỉnh khá phức tạp, công việc rất nhiều, nhưng quan trọng nhất là công tác tư tưởng và công tác tổ chức.

---

1. Tỉnh Long Châu Sa được thành lập từ tháng 6/1951 theo Nghị định số 173/NB ngày 27/6/1951 của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, gồm 10 huyện, thị: Tân Châu, Phú Châu A, Phú Châu B, Tân Hồng, Chợ Mới, Cao Lãnh, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành, thị xã Sa Đéc.

2. Tổ liên hiệp được chỉ định, gồm: đồng chí Nguyễn Như Văn, Tỉnh đội phó, Tham mưu trưởng Tỉnh đội làm Trưởng tổ, đồng chí Phước - Huyện đội chính huyện Lai Vung, đồng chí Trần Bá Hào - Tham mưu phó Tỉnh đội và một số nhân viên cảnh vệ, thông tin, quản lý, điện báo...

3. Quận lỵ Cao Lãnh được chọn làm một trong những điểm tập kết chuyển quân.

Nhiều người lo lắng rằng sau khi bộ đội, chính quyền của ta rút đi, vùng giải phóng rơi vào tay địch, quân đội, chính quyền địch được bổ sung lực lượng chuyển từ miền Bắc vào, như vậy, ta ở thế yếu, còn địch sẽ thẳng tay đàn áp và nhất định sẽ không bỏ qua những người trước đây tham gia hoặc ủng hộ kháng chiến. Bần cố nông thật sự lo lắng, ruộng đất mà chính quyền cách mạng cấp cho họ rồi sẽ bị địa chủ đòi lại, lại chịu cảnh áp bức, bóc lột như cũ. Trong nội bộ, việc bố trí cán bộ ở lại hoạt động hoặc phân công người đi tập kết cũng phải giải quyết tư tưởng, phổ biến là hoài nghi chủ trương đấu tranh chính trị hòa bình của Đảng, ngán ngại khó khăn, gian khổ. Lúc này, ở nhiều nơi trong tỉnh, nhất là vùng tôn giáo, vùng địch tạm chiếm trước đây, địch ra sức tuyên truyền xuyên tạc, đàn áp. Ở Tam Thường, Tân Hồng, Lai Vung, Châu Thành, địch gia tăng các hoạt động cướp bóc, phá rối. Ở một vài địa phương, cán bộ hoang mang, dao động, nhân dân lo lắng...

Trước tình hình trên, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị cán bộ toàn tỉnh (ngày 15/8/1954), chỉ đạo các huyện mở hội nghị các xã (từ ngày 9 đến ngày 20/8/1954) để học tập các chỉ thị của Trung ương và Phân liên khu miền Đông về tình hình nhiệm vụ mới và chủ trương của Đảng xung quanh Hiệp định Giơnevơ[1],

1. Ngày 08/8/1954, tỉnh mở hội nghị gồm 80 cán bộ tỉnh, huyện ủy và 30 bí thư chi bộ xã căn cứ du kích để nghe phái đoàn của Phân Liên khu miền Đông phổ biến tình hình nhiệm vụ mới, phương châm, sách lược mới và vấn đề tập kết bộ đội.

Ngày 15/8/1954, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh tổ chức ở hai địa điểm: Cao Lãnh và Tân Phú (Tân Hồng), có 450 cán bộ, thời gian hội nghị 4 ngày 4 đêm. Nội dung học tập gồm: tình hình mới, phương châm sách lược mới, nhiệm vụ mới và những điểm căn bản của Hiệp định. Tài liệu gồm: Mật điện số 1 của Trung ương Cục miền Nam, Báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam

ra chỉ thị (ngày 27/8/1954) hướng dẫn các mặt công tác cụ thể cho từng vùng (vùng ngoại vi tập kết và vùng nội khu tập kết), nhằm giải quyết tư tưởng nội bộ và nhân dân. Qua học tập, cán bộ, đảng viên thấy được thắng lợi của Hiệp định, nhận thức được tình hình, nhiệm vụ, phương châm, sách lược mới, nhận rõ việc tập kết quân đội, tạm rút chính quyền ra miền Bắc là có lý, có lợi, đánh giá đúng mức những khó khăn thuận lợi và những chuyển biến của chiến trường Nam Bộ nói chung và Long Châu Sa nói riêng, trên cơ sở đó, xây dựng ý thức trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh, tin và dựa vào quần chúng, nhất là bần cố nông, trung nông. Ở cấp huyện, xã, ngoài việc học tập các tài liệu của Trung ương, còn triển khai chỉ thị ngày 27/8/1954 của Tỉnh ủy, từ đó, giải quyết cơ bản tư tưởng bi quan, dao động, ngại khó khăn, gian khổ, không thấy rõ tương quan lực lượng giữa ta và địch một cách đúng đắn, thiếu tin vào khả năng đấu tranh chính trị của quần chúng[1], chưa thấy hết âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh của Mỹ nên không tin tưởng vào sách lược mới...

(tài liệu chính), Bản tuyên bố chung của Hội nghị Giơnevơ, Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 22/7/1954) sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Hiệp định tóm tắt (tài liệu tham khảo).

Các chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam gồm: Chỉ thị ngày 25/7/1954 *Về tuyên truyền nội dung của Hiệp định Giơnevơ; đẩy mạnh tuyên truyền thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ và những nhiệm vụ trước mắt;* Chỉ thị ngày 26/7/1954 *Về tuyên truyền, giải thích và vận động nhân dân, cán bộ, quân đội phấn khởi chào mừng thắng lợi vĩ đại Giơnevơ và cương quyết phấn đấu bảo đảm thực hiện các hiệp ước đình chiến;* Chỉ thị số 41/CT-TWC (tháng 8/1954) *Về việc tập kết quân đội và chính quyền;* Chỉ thị số 43/CT-TW ngày 18/8/1954 *Về việc chuyển hướng tổ chức, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.*

1. Công điện số 280, ngày 05/9/1954 của Tỉnh ủy Long Châu Sa gửi Trung ương Cục và Phân liên khu ủy, báo cáo tình hình phổ biến trong Đảng là sợ khủng bố sắp đến của giặc.

Trong các ngày 15 và 16/8/1954, ta tiếp quản quận lỵ Cao Lãnh, phía Pháp bàn giao quận lỵ và rút toàn bộ lực lượng ra ngoài vùng tập kết. Sáng ngày 15/8, nhân dân Cao Lãnh náo nức treo cờ đỏ sao vàng khắp các đường phố, quần chúng tập trung rất đông trước công sở chờ đón phái đoàn ta. Chiều và tối ngày 16/8, tỉnh tổ chức cuộc míttinh lớn tại sân vận động, gồm 15.000 người, có cả nhân dân từ các xã ven quận lỵ. Ta tuyên truyền thắng lợi của Hiệp định đình chiến, báo cáo công tác tiếp quản thị trấn, giới thiệu Ủy ban Quân quản lâm thời thị trấn, phổ biến chính sách tôn giáo, chính sách đối với vùng mới giải phóng và 10 điều kỷ luật của nhân viên, cán bộ, chiến sĩ khi vào thị trấn. Nhân dân vui mừng phấn khởi.

Việc giữ gìn an ninh trật tự vùng tập kết do đội bảo vệ và một trung đội tỉnh luân phiên phụ trách.

Ngày 20/8, bộ đội địa phương các huyện và bộ đội tỉnh về khu căn cứ Đồng Tháp Mười. Tại đây, Ban tập kết quân-dân-chính tỉnh lãnh đạo học tập, dựa vào tiêu chuẩn, mục đích tập kết do Khu hướng dẫn để sắp xếp người đi, người ở lại. Phần lớn cán bộ dân chính của các huyện, xã, nhiều cựu binh, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và một số thương binh xin được ở lại hoạt động. Những người được phân công đi tập kết cũng thấy được nhiệm vụ của mình[1]. Khẩu hiệu lúc này là *Đi vinh quang, ở lại anh dũng*.

---

1. Tổng số 13.508 cán bộ, chiến sĩ, nhân viên các cơ quan dân-chính-đảng,... thuộc tỉnh Mỹ Tho, Long Châu Sa, Gia Định Ninh, Phân Liên khu miền Đông,... đã tập trung về Cao Lãnh để tập kết ra miền Bắc. Riêng tỉnh Long Châu Sa có 2.563 người, trong đó có Tiểu đoàn 311 (586 người), cơ quan Tỉnh đội (215 người), cơ xưởng (230 người), cán bộ dân-chính-đảng (246 người), thương bệnh binh (259 người),... (Báo cáo số 421/G1 ngày 02/11/1954 của Cục Tác chiến, Bộ Tổng tham mưu. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Trung ương Đảng).

Thực hiện chỉ thị tuyệt mật của Phân Liên Khu ủy và Trung ương Cục miền Nam, tỉnh cho cất giấu một số súng bộ binh còn tốt[1], giữ lại một số súng ngắn cho tỉnh ủy viên, huyện ủy viên và công an để bảo đảm trật tự, an ninh. Các loại máy móc, dụng cụ, vũ khí, quân dụng và tài liệu được bộ đội tập kết chuyển theo.

Trong 100 ngày tập kết ở Cao Lãnh, ta vừa thực hiện các quyền tự do dân chủ, vừa đẩy mạnh học tập tuyên truyền tranh thủ chính trị, củng cố phát triển Mặt trận Dân tộc thống nhất, cơ sở mật,... Cán bộ, bộ đội tích cực giúp dân khôi phục sản xuất, giữ gìn trật tự, an ninh, xây trường học, mở các lớp bình dân học vụ, duy trì các lớp phổ thông, lập nhà hộ sinh, khám chữa bệnh, cấy philatốp, biểu diễn văn nghệ, chiếu phim, làm vệ sinh đường phố,... Những việc làm thiết thực này đã gây ảnh hưởng chính trị rộng lớn đối với đồng bào Cao Lãnh, cả đồng bào có đạo. Sau này, nhiều gia đình tín đồ Hòa Hảo ở cù lao An Tịch sẵn sàng giúp đỡ kháng chiến, nuôi giấu cán bộ, nhiều thanh thiếu niên, học sinh tham gia hoạt động cách mạng. Trong thời gian tập kết, Tiểu đoàn 311 của tỉnh cùng nhân dân đã xây dựng Đài liệt sĩ ở trung tâm quận lỵ và mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc[2] - thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh ở ấp Hòa Hiệp, xã Hòa An[3]. Khi bàn giao quận lỵ Cao Lãnh cho đối phương, biên bản ghi rõ hai công trình này và phía địch cam kết giữ nguyên vẹn.

---

1. Các hầm giấu súng có số lượng đáng kể là: một hầm 50 khẩu súng ở ngọn Trà Bông (xã Nhị Mỹ, Cao Lãnh), một hầm 40 khẩu súng ở giồng Sa Rài (Hồng Ngự), một hầm 30 khẩu súng ở gò Ông Hiểu (gần gò Cà Dâm, huyện Thanh Bình).

2. Cụ Nguyễn Sinh Sắc còn có tên là Nguyễn Sinh Huy.

3. Đài liệt sĩ ở khu vực siêu thị Vinafoodmart thành phố Cao Lãnh ngày nay. Khu di tích mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc hiện ở phường 4, thành phố Cao Lãnh.

Đài Liệt sĩ và mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, do bộ đội và nhân dân địa phương xây dựng ở quận lỵ Cao Lãnh trong 100 ngày tập kết chuyển quân (năm 1954)

Ảnh tư liệu

Tháng 7/1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Ta chuyển quân từ Mỹ Tho - Gò Công về Đồng Tháp để tập kết ra Bắc

Những ngày chuyển quân tập kết - Đại đội 100, Tiểu đoàn 302 bên tấm sơ đồ đóng quân tại Nhị Mỹ, Cao Lãnh, Long Châu Sa, tháng 8/1954

Ảnh tư liệu

Đồng bào lưu luyến tiễn đưa bộ đội tập kết tại bến bắc Cao Lãnh, ngày 29/10/1954

Nhân dân vùng giải phóng Đồng Tháp Mười liên hoan tiễn đưa con em mình tập kết ra Bắc, năm 1954

Ảnh tư liệu

Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 311 Long Châu Sa đến viếng mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trước khi tập kết ra Bắc, năm 1954

Cán bộ dặn dò bộ đội trước lúc tập kết ra Bắc, Đồng Tháp năm 1954

Ảnh tư liệu

Cảnh chia tay bộ đội tập kết ra Bắc, năm 1954

Quang cảnh tiễn đưa bộ đội tập kết ra Bắc, năm 1954

Ảnh tư liệu

Quang cảnh tiễn đưa bộ đội tập kết ra Bắc, năm 1954

Ảnh tư liệu

Ngày 29/10/1954, hàng ngàn đồng bào các nơi kéo về bến bắc Cao Lãnh tiễn con em xuống chuyến tàu cuối cùng đưa bộ đội ra miền Bắc.

Cùng với việc tập kết chuyển quân, trong thời gian đầu đình chiến, toàn Đảng bộ tập trung giải quyết vấn đề chuyển hướng cơ sở.

Sau Hội nghị cán bộ toàn tỉnh (từ ngày 15 đến ngày 18/8/1954), phần lớn thắc mắc về đường lối, chủ trương, sách lược chung của Đảng và Chính phủ được giải quyết trong Đảng bộ, tuy nhiên, còn một số cán bộ, đảng viên ở cơ sở vẫn chưa thông suốt đầy đủ. Trong khi đó, các chỉ thị, hướng dẫn cho huyện, xã lại thiếu kịp thời, chưa cụ thể, do đó, tỉnh chủ trương cho các huyện, xã tiếp tục học tập, giải quyết tư tưởng, trên cơ sở đó, sắp xếp lại chi bộ, kiện toàn cấp ủy, phân loại

đảng viên và tổ chức điều lắng cán bộ[1]. Hướng chung là Đảng rút vào hoạt động bí mật, tranh thủ thế công khai hợp pháp, hòa mình trong quần chúng. Thành lập chi ủy, xã ủy bí mật từ 3 đến 7 đồng chí. Đảng viên tập họp thành "tổ tam tam". Mạnh dạn đưa những đảng viên thành phần không bảo đảm ra khỏi cấp ủy. Những đảng viên yếu kém đã giáo dục mà không tiến bộ thì phân công công tác khác, không để trong Đảng bộ bí mật. Thực hiện hệ thống đơn tuyến, Huyện ủy bí mật chỉ đạo Xã ủy bí mật, bộ phận công khai của huyện chỉ đạo bộ phận công khai của xã. Xây dựng căn cứ bí mật của Huyện ủy, Xã ủy và của mỗi cán bộ, dựa vào cơ sở, bảo đảm bộ máy chỉ đạo. Đoàn Thanh niên Lao động chuyển vào hoạt động bí mật, đoàn viên ở cơ sở hình thành "tổ tam tam".

Trừ Đoàn Thanh niên Lao động, các tổ chức quần chúng và dân quân du kích đều giải thể. Hội viên sinh hoạt ở "tổ tam tam", gọi là tổ nòng cốt. Các tổ nòng cốt thanh niên, phụ nữ, nông dân bí mật do đảng viên trực tiếp giao công tác[2], ở cấp huyện có 3 cộng tác viên thanh niên, phụ nữ, nông dân giúp cấp ủy về công tác tổ chức, vận động quần chúng. Cấp tỉnh có 2 cán bộ phụ nữ, một người lo tổ chức quần chúng bí mật và bán hợp pháp, một người tranh thủ tổ chức công khai. Tranh thủ

---

1. Những cán bộ, đảng viên đã bị lộ không thể tiếp tục ở địa phương được nữa thì chuyển sang vùng khác.

2. Các tổ chức này có hạn chế trong việc nắm quần chúng, nắm các tổ chức bán hợp pháp không rộng, nhất là nắm các tổ chức công khai do chính sách bóp nghẹt của địch. Do đó, Tỉnh ủy chủ trương xây dựng tổ nòng cốt là mỗi đảng viên ở cơ sở phải nắm được 3 đến 5 tổ nòng cốt, ít nhất là 1 tổ, mỗi nòng cốt phải nắm được 5-7 quần chúng cảm tình, dưới quần chúng cảm tình phải có 3-5 quần chúng tốt, từ đó, hình thành hệ thống rễ, chuỗi.

trí thức, tư sản thông qua Đảng Dân chủ (đảng này thành lập trong kháng chiến chống Pháp) do đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách. Đối với các tôn giáo, thông qua tổ chức rễ - chuỗi để nắm giáo dân và tranh thủ chức sắc. Cấp xã, huyện, tỉnh đều hình thành Ban binh vận.

Nói chung, qua chuyển hướng cơ sở, phương châm tổ chức quần chúng cơ bản là công khai, hợp pháp và bán hợp pháp, phương thức hoạt động chủ yếu là công khai, hợp pháp.

Theo chỉ đạo của Trung ương, ngày 08/9/1954, Tỉnh ủy Long Châu Sa giải thể, lập các tỉnh ủy Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc (theo địa danh tỉnh của chính quyền Sài Gòn). Tỉnh ủy Sa Đéc có 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Phối làm Bí thư[1]. Trực thuộc Tỉnh ủy Sa Đéc gồm các huyện ủy Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh và Thị xã ủy Sa Đéc. Mỗi huyện ủy bí mật có từ 5 đến 11 huyện ủy viên. Các bộ phận giúp việc cấp ủy tỉnh, huyện được thu gọn lại, gồm các bộ phận *tuyên huấn*, *tổ chức*, *tài chính*, *dân vận*, *giao liên*[2]. Tỉnh ủy còn bố trí

1. Tỉnh ủy Sa Đéc gồm 7 đồng chí: Nguyễn Văn Phối (Bí thư), Nguyễn Việt Châu (Phó Bí thư), Mai Xuân Quảng (Ủy viên Thường vụ phụ trách tổ chức), Nguyễn Văn Y (tức Năm Trà, bí danh mới là Tám Trang - Tỉnh ủy viên phụ trách binh vận), Lê Thái Hiệp (Bảy Hiệp - Tỉnh ủy viên phụ trách thanh niên), Nguyễn Văn Thuyền (Ba Tôn - Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị xã ủy Sa Đéc), Trương Ngọc Thanh (Tư Rạng - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Châu Thành).

2. Ở cấp huyện, các bộ phận này do huyện ủy viên kiêm nhiệm.

Số cán bộ giao liên cũ được giữ lại (70 đồng chí), bộ phận giao liên hoả tốc và giao liên chuyên được sắp xếp thành bộ phận công khai hợp pháp và bán hợp pháp; giao thông liên lạc các cấp chủ yếu qua đường công khai, công văn, chỉ thị, báo cáo phải viết "bạch chỉ"; đài vô tuyến điện báo dùng để thu tin là chính.

một số cán bộ công an, quân báo (cũ) làm nhiệm vụ giúp cấp ủy nắm địch tình. Một số cán bộ quân sự cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn được giữ lại làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang. Ở cấp xã, giữ lại hầu hết Bí thư, Chủ tịch và Ban Chỉ huy xã đội.

Việc giữ lại nhiều cán bộ quân sự và cất giữ súng là một bước chuẩn bị đối phó với địch.

Nhìn chung, qua kháng chiến chống Pháp, nhân dân đều thấy chính nghĩa cách mạng, tin và làm theo sự lãnh đạo của Đảng. Trong vùng tôn giáo, đồng bào hiểu rõ chính sách tôn giáo của Đảng, nhiều tín đồ tìm cách ly khai với những người đứng đầu các giáo phái thân Mỹ. Mức độ giác ngộ cách mạng của nhân dân ở vùng căn cứ, du kích và vùng tạm chiếm có khác nhau, khi có Hiệp định đình chiến, ai cũng phấn khởi nhưng khi biết bộ đội, chính quyền của ta rút đi thì không ít người tỏ ra hoang mang.

Trước tình hình trên, thực hiện Chỉ thị ngày 27/8/1954 của Tỉnh ủy, các cấp ủy huyện, xã tăng cường tranh thủ chính trị, tập hợp quần chúng và giải quyết quyền lợi ruộng đất cho dân. Trong kháng chiến, chính quyền cách mạng đã thu hồi công điền, công thổ ở vùng tạm chiếm, tịch thu đất của địa chủ Pháp, địa chủ Việt gian, quản lý đất của địa chủ tự nguyện hiến điền, đất hoang hóa để tạm giao, tạm cấp cho nông dân không đất, không phân biệt tôn giáo, gia đình binh sĩ hay người kháng chiến. Trong vùng căn cứ, vùng tự do, ta tạm cấp đất đã tịch thu và cấp giấy chủ quyền cho nông dân, vận động những địa chủ còn ở tại địa phương cho đất hoặc thu tô theo chính sách của chính quyền cách mạng, bán các cơ sở tự túc

của cơ quan, bộ đội cho nông trường viên và bần cố nông, đấu giá đìa bàu cho dân làm; bãi bỏ hầu hết các sắc thuế, chỉ duy trì một số ít thuế công thương nghiệp.

Tỉnh ủy mở Đại hội nông dân toàn tỉnh, Đại hội tiểu thương, tiểu chủ, Liên hoan tôn giáo dân tộc, mời một số điền chủ yêu nước, tiến bộ để vận động họ đoàn kết với nông dân. Những việc này nhằm củng cố Mặt trận, tranh thủ các tầng lớp nhân dân để phát huy khả năng hoạt động hợp pháp về sau.

Đến tháng 10/1954, việc chuyển hướng cơ sở của Đảng bộ Long Châu Sa đạt được kết quả bước đầu rất quan trọng[1]. Tuy nhiên, ở một số địa phương, không phải mọi vấn đề đều được giải quyết suôn sẻ, ráo bước, cán bộ ở vùng căn cứ du kích cũ quen tác phong công khai, khi chuyển vào bí mật thì lúng túng, chưa chủ động công việc, có nơi thực hiện một cách hốt hoảng làm nhân dân hoang mang, có nơi cán bộ chuyển về được ít ngày thì bị lộ. Việc hình thành các tổ chức quần chúng chưa được hướng dẫn rõ ràng, cụ thể cho từng vùng, nên chưa giúp cho huyện, xã chuyển hướng mau lẹ.

Trong những khó khăn do chuyển hướng, có khó khăn xuất phát từ hậu quả xung đột giữa Việt Minh và Hòa Hảo ở một số địa phương trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp,

---

1. Theo báo cáo của Tỉnh ủy Long Châu Sa gửi Trung ương Cục, đến tháng 10/1954, việc chuyển hướng đạt mức độ như sau: "Cán bộ tương đối nắm được những căn bản của tình hình mới và Hiệp định đình chiến, lần lần rèn luyện lại được tư tưởng và đang xúc tiến mọi mặt công tác... Nhân dân có hiện diện đấu tranh với địch để đòi bầu cử dân chủ. Nhân dân vùng Tân Hồng đã đấu tranh có kết quả, bắt buộc địch phải tìm ta để bàn bạc việc thành lập tề".

về sau, nhờ thực hiện tốt chính sách tôn giáo, ta đã chủ động dàn xếp được phần nào mâu thuẫn này. Nhưng từ sau đình chiến, chính quyền trong tay địch, bọn phản động lợi dụng tôn giáo kích động tín đồ, gây cho ta nhiều khó khăn.

Những nhược điểm, khó khăn trên chỉ là tạm thời, có thể khắc phục được trong quá trình hoạt động sau này của Đảng bộ.

*

* *

Giai đoạn cách mạng mới mà nội dung cơ bản là đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định, thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử, tiến đến hòa bình thống nhất nước nhà. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Đảng bộ có truyền thống đấu tranh cách mạng rất kiên cường, đoàn kết, nhất trí cao và tích luỹ được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo phong trào. Đội ngũ cán bộ, đảng viên qua thực tiễn chiến đấu, qua các cuộc vận động chỉnh đốn Đảng, nhất là qua thực hiện "chuyển hướng" đã được sàng lọc. Hầu hết những người ở lại hoạt động đều vững vàng. Dưới ánh sáng đường lối của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lại được sự chỉ đạo kịp thời của Xứ ủy Nam Bộ, nhất định Đảng bộ sẽ vượt qua mọi khó khăn thử thách, trụ vững, đưa phong trào cách mạng trong tỉnh phát triển theo tình hình chung.

So sánh lực lượng giữa ta và địch tại chỗ, trước mắt, tuy ta có nhiều bất lợi vì chính quyền, quân đội của ta đã tập kết ra Bắc, vùng giải phóng không còn, trong khi đó, chính quyền, quân đội địch vẫn giữ nguyên và được tăng thêm gấp bội, nhưng Đảng bộ có thể dựa vào nhân dân, một nền tảng

chính trị to lớn được Đảng ta dày công gây dựng trong 15 năm đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) và 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), với cơ sở cách mạng được xây dựng rộng rãi khắp 3 vùng (vùng căn cứ du kích, vùng yếu tôn giáo và thị xã, thị trấn). Trong kháng chiến, các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân, được cách mạng đem lại nhiều quyền lợi chính trị, kinh tế. Đặc biệt là trong khu căn cứ Đồng Tháp Mười, được sống dưới chế độ dân chủ nhân dân, họ am hiểu cách mạng và có trình độ giác ngộ chính trị khá. Nhân dân nói chung, người dân Đồng Tháp Mười nói riêng là chỗ dựa đáng tin cậy, là sức mạnh của Đảng bộ.

Trong những nhân tố trên, sự lãnh đạo của Đảng bộ là nhân tố giữ vai trò quyết định trực tiếp.

Cuối tháng 10/1954, trước khi kết thúc đợt cuối tập kết chuyển quân ở Cao Lãnh, đồng chí Nguyễn Văn Phối - Bí thư Tỉnh ủy, chủ trì cuộc họp Ban Chấp hành Đảng bộ Sa Đéc (mới) tại vùng căn cứ ở rạch Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh. Hội nghị ra nghị quyết tổng kết những chặng đường đấu tranh cách mạng đầy gian lao, thử thách nhưng thắng lợi vẻ vang của Đảng và nhân dân ta, chỉ rõ bản chất ngoan cố, hiếu chiến của đế quốc Mỹ và tay sai; khẳng định Hiệp định là thắng lợi lớn về mọi mặt, tạo thế mới, lực mới, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ trong và ngoài nước, nhưng cách mạng miền Nam bước vào giai đoạn mới, nhiều khó khăn, so sánh lực lượng giữa ta và địch thì ta có nhiều bất lợi. Do đó, "việc lãnh đạo cách mạng miền Nam cũng như tỉnh nhà, yêu cầu: bảo tồn sự lãnh đạo của Đảng, giữ và bảo vệ phong trào cách mạng của quần chúng chống trả quyết liệt với kẻ địch mạnh hơn mình, tạo thế

củng cố, xây dựng, phát triển lực lượng, đưa phong trào ngày càng mạnh lên theo thời cơ chung".

Nghị quyết nhấn mạnh: "Đấu tranh thi hành Hiệp định nhưng phải nắm quan điểm bạo lực cách mạng, cảnh giác địch đúng mức", chỉ rõ hoạt động sắp tới của Đảng bộ trong tình hình "có sự biến đổi chính trị lớn, bước đầu còn bỡ ngỡ chưa có kinh nghiệm. Phải quán triệt quan điểm quần chúng, thực hiện đúng đường lối quần chúng của Đảng trong mọi mặt lãnh đạo, sinh hoạt, tổ chức đấu tranh với địch", cần phải "bám dân, lắng nghe ý kiến, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của dân. Khẳng định niềm tin của lãnh đạo và tạo niềm tin mới cho quần chúng"[1].

Ngoài ra, Nghị quyết của Tỉnh ủy Sa Đéc hướng dẫn một số công tác cụ thể:

- Bám sát cơ quan đầu não địch, đối phó kịp thời âm mưu thủ đoạn đánh phá của chúng[2].

- Bảo tồn lực lượng, thực hiện tốt nguyên tắc, ăn ở và hoạt động ngăn cách, bí mật; xây dựng căn cứ trên cơ sở thuyết phục lòng dân, được dân tin yêu, nuôi giấu, bảo vệ.

Đây là nghị quyết đầu tiên của Tỉnh ủy Sa Đéc (mới). Thực hiện nghị quyết này, các đồng chí Tỉnh ủy viên xây dựng được căn cứ ven thị xã Sa Đéc (rạch Sa Nhiên, Tân Quy Đông, rạch Dầu, rạch Cái Bè), nằm ngay sát địch, kịp thời nắm tình hình, lãnh đạo đấu tranh và gây dựng cơ sở mới.

---

1. Trích từ Tự thuật của đồng chí Trương Ngọc Thanh (Tư Rạng), nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Sa Đéc sau đình chiến năm 1954.

2. Phân công đồng chí Nguyễn Văn Phối - Bí thư Tỉnh ủy lãnh đạo việc bám đầu não địch ở Cao Lãnh, các đồng chí công tác tại các huyện phía nam sông Tiền bám đầu não địch ở Sa Đéc và các huyện.

Ngay từ sau ngày ngừng bắn, trong khi bộ đội ta tập kết ra Bắc, địch thừa cơ đóng đồn nhiều nơi, gây nên nhiều vụ bắn giết, cướp bóc ở Tân Hồng, Châu Thành, Lai Vung, tăng cường tuyên truyền xuyên tạc Hiệp định Giơnevơ, phá rối vùng nội khu tập kết, bắt cán bộ,... Ở Tân Hồng, địch dựng bộ máy tề ở một số xã, chủ yếu là số tề cũ. Ở huyện Lai Vung và Châu Thành, lực lượng bảo an Hòa Hảo đưa Ban trị sự cũ trở về nắm chính quyền. Cuối năm 1954, địch đưa về Sa Đéc một trung đoàn đặc nhiệm, đa số là lính người Nùng.

Địch dùng nhiều âm mưu, thủ đoạn để tiêu diệt, xóa bỏ ảnh hưởng của những người kháng chiến cũ, tìm cách "bôi đen" gia đình kháng chiến cũ, gia đình có người tập kết ra Bắc bằng cách mua chuộc, dụ dỗ, khống chế, cưỡng bức... làm cho nhiều gia đình bị nghi ngờ, chia rẽ, ly tán.

Tình hình trật tự xã hội rất phức tạp. Chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức đàn áp, khủng bố và nạn trộm cướp nổi lên khắp nơi - chi bộ các xã lãnh đạo và hướng dẫn quần chúng tự lập ra các đội chống cướp để bảo vệ mình, giữ gìn sự yên ổn.

Dựa vào cường hào ác bá, hội tề cũ và đám lưu manh trộm cướp, nên chính quyền địch không thu phục được nhân tâm. Luận điệu tuyên truyền lừa bịp và những hành động vi phạm Hiệp định của chúng, ngay từ đầu đã bị đồng bào vạch mặt và đấu tranh quyết liệt. Tiêu biểu là các cuộc đấu tranh ở xã Bình Thành (tổng Phong Thạnh Thượng), quận lỵ Cao Lãnh và An Nhơn (Châu Thành).

Tại xã Bình Thành, ngày 11/11/1954, 8 tên lính của Đại đội 4, Tiểu đoàn 513 đóng ở đồn Thầy Ba Vĩ[1] vào nhà dân ở

1. Đơn vị này do Thiếu uý Sĩ Hoàn và Trung úy Trần Bá Thành chỉ huy.

cách đồn 100 thước cướp 1.000 đồng và một cà rá vàng. Khi bị người dân vây bắt, lính trong đồn nổ súng làm chết 4 người và bị thương 8 người, bọn cướp thừa lúc bỏ trốn. Ngày hôm sau, lính đồn bao vây xã Bình Thành, bắn chết 3 người, bắt 600 người đánh đập tàn nhẫn. Chúng giữ lại hơn 70 người bị tình nghi là cán bộ, đảng viên rồi thủ tiêu 24 người trên sông Cửu Long vào chiều hôm đó. Tại Cái Tre, chúng lén lút đào hai hầm chôn chung những người bị giết. Được tin này, hàng chục quần chúng mang đơn tố cáo tội ác của địch đến Ủy hội quốc tế đóng ở Tân Châu. Địch ngăn cản cuộc điều tra của Ủy hội quốc tế, bắt thêm một số người mang đơn kiến nghị, moi xác từ hố chôn tập thể quăng xuống sông, mua cá linh đổ lên để phi tang. Nhưng cuối cùng, tội ác của chúng đã bị phơi bày, Ủy hội quốc tế kết luận: lính bảo an đồn Thầy Ba Vĩ vi phạm Hiệp định, buộc chúng phải bồi thường sinh mạng, tài sản cho đồng bào.

Ở quận lỵ Cao Lãnh, việc tập kết chuyển quân của ta vừa chấm dứt thì địch đập phá Đài liệt sĩ và cấm dân đến viếng mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, âm mưu xóa dấu vết, ảnh hưởng của cách mạng. Hàng trăm đồng bào và học sinh Cao Lãnh đấu tranh, buộc địch phải ngừng việc phá Đài liệt sĩ, sau đó, chúng lén phá dần vào ban đêm. Đồng bào còn kịp thời ngăn chặn âm mưu địch bốc hài cốt cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, cử người đi Sài Gòn vận động các nhà báo tiến bộ viết bài lên án hành động bỉ ổi của địch. Bị dư luận kịch liệt phản đối, Quận trưởng Cao Lãnh phải hủy bỏ việc này nhưng cho lính ngăn cản đồng bào xa gần đến thăm viếng. Song, bằng nhiều cách, đồng bào vẫn đến sơn phết, dọn cỏ, đốt nhang, giữ gìn mộ cụ Phó bảng đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Đầu năm 1955, bảo an quân Hòa Hảo bắt đồng chí Sanh - Bí thư xã An Nhơn. Huyện ủy Châu Thành chỉ đạo vận động tín đồ Hòa Hảo thân quen và quần chúng cách mạng đấu tranh với đồn, bót Hòa Hảo đóng tại xã. Cơ sở đảng tổ chức đưa từng tốp từ 15 đến 20 người cùng gia quyến đồng chí Sanh liên tục đưa đơn đến chính quyền quận ở Cái Tàu Hạ và Ban Liên hiệp đóng ở Phụng Hiệp (Cần Thơ) tố cáo hành động bắt bớ, vi phạm Hiệp định của ngụy quân, ngụy quyền huyện Châu Thành và xã An Nhơn, chống trả thù người kháng chiến cũ, đòi thi hành Hiệp định, đòi thả người bị bắt, buộc địch phải thả đồng chí Sanh.

Các cuộc đấu tranh chính trị trên đây quy mô không lớn nhưng nó chứng tỏ trình độ giác ngộ của quần chúng và sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các chi bộ Đảng. Song có những cấp ủy - như xã Bình Thành, chưa có kinh nghiệm đấu tranh chính trị hợp pháp, đưa số đông cán bộ, đảng viên và du kích ra đấu tranh làm bộc lộ lực lượng, mất thế hợp pháp, do đó, bị tổn thất - hơn 40 cán bộ, đảng viên và quần chúng xã Bình Thành bị địch thảm sát.

Ngày 10/7/1955, thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ[1] và Liên Tỉnh ủy Trung Nam Bộ, các cấp ủy Đảng tỉnh Sa Đéc và huyện Hồng Ngự (thuộc tỉnh Châu Đốc), phát động một đợt đấu tranh chính trị phối hợp phong trào chung toàn miền. Khắp các địa phương trong tỉnh, quần chúng kéo đến

1. Hội nghị thành lập Xứ ủy Nam Bộ tháng 10/1954 bầu đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư (giải thể Trung ương Cục). Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ chia Nam Bộ làm 3 Liên Tỉnh ủy (miền Đông, miền Trung và miền Tây Nam Bộ) và Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, lập các Liên Tỉnh ủy.

dinh quận trưởng, tỉnh trưởng đưa yêu sách đòi tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước. Trong nhiều cuộc míttinh, đồng bào hô khẩu hiệu phản đối Mỹ - Diệm cự tuyệt hiệp thương[1], vạch mặt Ngô Đình Diệm là tay sai của đế quốc Mỹ. Nhân dân còn tổ chức các hình thức đấu tranh (chợ không nhóm, phố đóng cửa, xe không chạy, người không ra đường, chùa chiền đổ chuông,...); dán, rải hiệu triệu, truyền đơn khắp thành thị, nông thôn, chuyển cho cơ sở nội tuyến tán phát vào công sở, đồn, bót. Đồng bào sáng tạo hình thức làm bè chuối có khẩu hiệu thả trôi trên kinh rạch, qua đồn, bót, đến xóm chợ đông người. Kiểu đấu tranh trên làm cho ngụy quyền bị động, lúng túng. Đợt đấu tranh sôi nổi này kéo dài đến ngày 19/8/1955, nổi bật là các cuộc đấu tranh trực diện của nhân dân Hồng Ngự và Châu Thành.

Ở huyện Hồng Ngự, ngày 10/7, Huyện ủy chỉ đạo tổ chức nhiều xuồng ghe chở hàng ngàn người ở các xã Thường Phước, Thường Thới, Tân Hộ Cơ, Tân Thành,... mang băng, khẩu hiệu, đơn, kiến nghị kéo sang chợ Tân Châu, trực tiếp đưa yêu sách cho Ủy hội quốc tế đòi chính quyền địch cho dân tự do đi lại làm ăn, chống khủng bố, đòi hiệp thương thống nhất nước nhà. Sau cuộc đấu tranh, địch bắt hàng chục đảng viên và quần chúng cốt cán. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Châu Đốc[2], các cấp ủy địa phương lãnh đạo quần chúng viết đơn tố cáo hành động vi phạm Hiệp định của địch, yêu cầu Ủy hội

1. Từ ngày 06/6 đến ngày 19/7/1955, chính quyền Diệm nhiều lần bác bỏ Công hàm đòi hiệp thương 2 miền của Chính phủ ta. Chúng tập trung bọn lưu manh côn đồ bày trò biểu tình chống Hiệp định Giơnevơ và đập phá trụ sở Ủy ban quốc tế ở Sài Gòn.

2. Thời gian này huyện Hồng Ngự thuộc địa phận tỉnh Châu Đốc.

quốc tế can thiệp. Hàng chục lượt chị em phụ nữ đi Sài Gòn vận động các nhà báo viết bài phanh phui tội ác của địch trước công luận. Đài Tiếng nói Việt Nam (Hà Nội) đanh thép phản đối nhà đương cục miền Nam đàn áp các cuộc biểu tình, trong đó có vụ bắt người ở Hồng Ngự, Tân Châu. Cuộc đấu tranh kéo dài và giằng co quyết liệt, cuối cùng địch phải thả những người bị bắt.

Tại huyện Châu Thành, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Sa Đéc, từ đầu tháng 7/1955, Huyện ủy đã chuẩn bị một cuộc đấu tranh lớn hơn, khẩu hiệu cao hơn so với cuộc đấu tranh ở An Nhơn, lấy điểm là dinh quận ở Cái Tàu Hạ. Lực lượng quần chúng tham gia gồm xã Phú Hựu (làm nòng cốt) kết hợp lực lượng từ các xã An Nhơn, An Khánh, An Phú Thuận tổ chức biểu tình đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, chống bắt bớ trả thù, đòi xài bạc xé hai[1], đòi tự do đi lại làm ăn, giảm xét hỏi, chống lục xét nhà ban đêm. Chi bộ các xã lãnh đạo huy động lực lượng, đảng viên có vị trí hợp pháp làm nòng cốt, lực lượng bố trí thành từng tổ, nhóm, toán.

Đúng 7 giờ sáng 10/7/1955, theo kế hoạch chung, quần chúng từ các xã An Khánh, An Phú Thuận kéo ra, từ các xã lân cận kéo đến. Đoàn biểu tình của xã Phú Hựu có đồng bào các giới trong thị trấn tham gia ngày càng đông (khoảng 2.000 người). Lực lượng chính của xã Phú Hựu có băng, cờ, khẩu hiệu, đi đầu là khoảng 30 em thiếu nhi mặc đồng phục, đội mũ calô đỏ viền vàng, cùng lúc, một đoàn khá đông vượt sông Cái Tàu kéo

1. Trong kháng chiến, ta đóng dấu lên tiền và xé hai tiền Đông Dương Ngân hàng để tiền không lọt ra vùng tạm chiếm. Ngô Đình Diệm tuyên bố bạc xé hai không có giá trị.

vào thị trấn. Quận trưởng Châu Thành buộc phải nhận đơn, đến khoảng 10 giờ cuộc biểu tình chấm dứt. Sau đó, địch bắt 20 người để điều tra. Do có dự kiến trước, ban chỉ đạo đấu tranh cho người đưa đơn khiếu nại, hai ngày sau, địch buộc phải thả hết số người bị giam giữ. Sau cuộc đấu tranh, Huyện ủy Châu Thành họp rút kinh nghiệm. Huyện ủy đánh giá đây là cuộc tập dượt phát huy được khí thế quần chúng, tạo niềm tin phấn khởi, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh tiếp theo.

Ở huyện Lấp Vò, ngày 20/7/1955, nổ ra cuộc đấu tranh rộng lớn đòi địch thi hành Hiệp định bằng nhiều khẩu hiệu thiết thực. Ở thị xã Sa Đéc, Thị ủy chỉ đạo các xã cử nhiều đoàn - mỗi đoàn 3 người là cha, mẹ chiến sĩ, cầm kiến nghị đến Ủy hội quốc tế đóng tại Tân Châu, đòi thi hành Hiệp định, tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Ngoài phong trào đấu tranh đòi Mỹ - Diệm hiệp thương, còn nổ ra cuộc đấu tranh chống khủng bố của nhân dân xã Bình Thành lần thứ hai vào ngày 14/7/1955. Địch vây bắt gần 100 người, bà con trong xã đấu tranh bằng nhiều lý lẽ, buộc chúng phải thả ra nhưng vẫn giữ lại 4 cán bộ kháng chiến (Hải, Liền, Lộ, Bé). Huyện ủy chỉ đạo xã Bình Thạnh tổ chức 29 lần đưa kiến nghị đến Ủy hội quốc tế ở Tân Châu và Sài Gòn. Năm tháng sau, địch buộc phải thả hết 4 người.

Các cuộc đấu tranh trên đã tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân đoàn kết đấu tranh cho hòa bình, độc lập, thống nhất, phát huy khí thế cách mạng trong giai đoạn mới, tập dượt quần chúng cốt cán, cô lập kẻ thù hơn nữa về chính trị. Đáng chú ý là khẩu hiệu đấu tranh biết kết hợp đòi quyền lợi

dân sinh, dân chủ. Ở nông thôn, quần chúng hưởng ứng từ 70 đến 80%, ở thị xã, thị trấn quần chúng tham gia từ 50 đến 70%. Đây là những cuộc đấu tranh chính trị sâu rộng nhất trong tỉnh kể từ sau đình chiến năm 1954. Thắng lợi của phong trào là một thực tế góp phần củng cố lập trường, quan điểm quần chúng, của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Đây cũng là dịp Tỉnh ủy Sa Đéc kiểm nghiệm việc củng cố xây dựng Đảng trong tình hình mới, bước đầu Đảng nắm quần chúng đấu tranh dưới hình thức và phương pháp mới.

II- LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG LẠI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, ĐẤU TRANH CHỐNG "TỐ CỘNG, DIỆT CỘNG"

Sau Hiệp định Giơnevơ, từ tháng 7/1954 đến đầu năm 1955, tình hình chính trị ở miền Nam diễn biến rất phức tạp. Pháp bại trận nhưng không muốn để quyền lợi rơi vào tay Mỹ nên xúi giục và làm hậu thuẫn cho một số tướng tá và người đứng đầu các tôn giáo chống lại Ngô Đình Diệm. Còn Mỹ - Diệm thì loại bỏ dần những người thân Pháp ra khỏi cương vị chủ chốt trong chính phủ. Về quân sự, Mỹ chủ trương duy trì sự có mặt của quân Pháp đến tháng 7/1956 để đối phó với tình hình, đồng thời tích cực cải tổ ngụy quân. Ở miền Trung và cực nam Trung Bộ, Ngô Đình Diệm mở chiến dịch "tiếp quản vùng Việt Minh", đánh phá nhiều ngày vào vùng căn cứ của ta. Từ cuối năm 1954 đến ngày 15/3/1955, chúng điều lực lượng vào đánh miền Đông và miền Tây Nam Bộ.

Cùng thời gian trên, ở Đồng Tháp Mười, địch đưa quân chiếm đóng vùng căn cứ của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, Bộ Tư lệnh Khu 8 và các tỉnh ủy, huyện ủy trong kháng chiến chống Pháp ở sông Vàm Cỏ Tây, Mộc Hóa.

Ở tỉnh Long Châu Sa cũ, ngoài việc chiếm đóng các thị xã, thị trấn, địch còn đóng nhiều đồn ở vùng đông dân ven sông Tiền, sông Hậu, đồn quân ngụy xen kẽ với đồn bảo an Hòa Hảo. Lực lượng Cao Đài liên minh từ miền Đông Nam Bộ kéo về đóng trên các kinh Dương Văn Dương, Tư Mới (4 bis), Bảy Bồng, Cái Bèo, Nguyễn Văn Tiếp A,...

Mỹ - Diệm chủ trương sáp nhập quân Bình Xuyên, lực lượng vũ trang Cao Đài, Hòa Hảo vào "quân đội quốc gia", xóa bỏ tình trạng cát cứ. Chủ trương này tước bỏ nhiều quyền lợi của những người cầm đầu lực lượng giáo phái, do đó ngày 04/3/1955, họ liên kết lập ra "Mặt trận Thống nhất toàn lực quốc gia" chống Diệm. Sau nhiều lần thương thuyết không thành, Ngô Đình Diệm dùng kế ly gián, tiêu diệt, bức hàng, làm tan rã từng bộ phận lực lượng giáo phái.

Ngày 02/5/1955, quân đội Diệm mở cuộc tấn công quân Bình Xuyên ở Sài Gòn, quân Bình Xuyên rút chạy về Gò Công. Tiếp đó, Ngô Đình Diệm mở chiến dịch Hoàng Diệu, tiêu diệt tàn quân Bình Xuyên ở Rừng Sác, mở chiến dịch Đinh Tiên Hoàng (I và II) bình định miền Tây, "tảo thanh" các lực lượng giáo phái Hòa Hảo và đánh phá cơ sở cách mạng.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ và Liên Tỉnh ủy Trung Nam Bộ về tranh thủ các lực lượng giáo phái chống Ngô Đình Diệm, lợi dụng thời cơ các lực lượng giáo phái mâu thuẫn với Diệm và bị thất thế, ta tranh thủ lôi kéo họ về phía ta, tạo điều kiện cho ta củng cố cơ sở, phát triển lực lượng. Tỉnh ủy Sa Đéc cử một số cán bộ quân sự ở lại sau tập kết chuyển quân vào làm cố vấn cấp trung đội, đại đội và bộ chỉ huy của Năm Lửa.

Trong địa bàn của tỉnh[1], ta còn thành lập một số tiểu đội du kích lấy danh nghĩa *Bộ đội Hòa Hảo* (*thôn vệ đội*) chống Diệm, thành phần là cán bộ, chiến sĩ Vệ quốc đoàn cũ.

Việc lợi dụng lực lượng vũ trang giáo phái gặp không ít khó khăn, do bản chất quân phiệt, lưu manh của họ và do bọn mật vụ của Diệm gài vào[2]. Mặt khác, những người chỉ huy lực lượng vũ trang các giáo phái như Năm Lửa, Ba Cụt chạy vào vùng căn cứ nhằm bảo tồn lực lượng, nhờ ta giúp đỡ hậu cần nuôi quân, chờ cơ hội trả giá với Diệm. Tuy vậy, ta thuyết phục được các chỉ huy cấp dưới của Năm Lửa giảm thiểu các vụ cướp bóc, đưa lực lượng du kích của ta giả danh Hòa Hảo đi bắn súng, phát loa kêu gọi dân chúng tẩy chay cuộc "Trưng cầu dân ý", phế truất Bảo Đại của Diệm (tháng 10/1955)[3]. Đặc biệt, cuối tháng 11/1955, một số cán bộ Vệ quốc đoàn của ta phối hợp lực lượng Năm Lửa bao vây, pháo kích, bức hàng đồn Cả Cái (xã Tân Thành, Hồng Ngự), bao vây uy hiếp đồn Thông Bình và Bình Phú, phục kích diệt một tàu tiếp tế. Những hoạt động trên gây hoang mang trong binh sĩ các đồn phụ cận và làm các cấp chỉ huy địch rất lo ngại.

---

1. Bộ Chỉ huy của Năm Lửa (tức Trần Văn Soái) đóng ở gò Mười Tải (xã Phú Cường, Thanh Bình). Đồng chí Đặng Tâm Quảng, Tỉnh ủy viên, được cử làm cố vấn đặc trách bên cạnh Năm Lửa, Thông Sĩ Khanh làm cán bộ tham mưu của Năm Lửa. Ở Mộc Hóa, Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ cử đồng chí Võ Danh làm cố vấn Ban Chỉ huy Cao Đài Cơ Chánh Vệ, đồng chí Lê Phát (Ba Đoàn) làm cố vấn đặc trách cho Đại tá Bảy Môn (Bình Xuyên).

2. Có lần bọn này ném lựu đạn vào chỗ đóng quân của Năm Lửa rồi hô lên là Việt Cộng bắn phá.

3. Tạo cớ cho đồng bào viện lý do "sợ mấy ông Hòa Hảo bắn súng", không đi bỏ phiếu.

Ngày 01/01/1956, quân đội Sài Gòn mở chiến dịch Nguyễn Huệ nhằm truy quét tàn quân giáo phái và khủng bố phong trào cách mạng, trọng điểm là vùng Đồng Tháp Mười và U Minh Thượng, vừa đánh vừa cho tay chân móc nối dụ dỗ, mua chuộc những người cầm đầu lực lượng vũ trang giáo phái.

Từ ngày 05/02 đến giữa tháng 02/1956, Ngô Đình Diệm dùng lực lượng mạnh tấn công ồ ạt vào vùng Thông Bình, Tân Thành, Cả Cái (Hồng Ngự) với mục đích bao vây và chặn đường tiếp tế, liên lạc của lực lượng Năm Lửa qua biên giới. Quân của Năm Lửa bị tổn thất nặng, phải rút sâu vào vùng Đồng Tháp Mười. Trong thời gian này, địch đặt trại chiêu an tại Cái Vồn (Vĩnh Long) và cho người mua chuộc Năm Lửa[1], ngày mùng 2 Tết năm Bính Thân (ngày 13/02/1956), Năm Lửa kéo quân ra hàng tại Cái Vồn[2].

Cùng thời gian trên, lực lượng Dân xã đảng, mệnh danh "nghĩa quân cách mạng" do Ba Cụt chỉ huy, đóng ở ven sông Hậu cũng bị quân đội Sài Gòn tấn công làm tổn thất nặng. Ba Cụt không ra hàng mà kéo quân về Châu Đốc, chủ trương hoạt động phân tán, cho một bộ phận Trung đoàn Lê Quang - do Nguyễn Thới Rê chỉ huy, kéo quân qua Đồng Tháp Mười vào

1. Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ chấp nhận những điều kiện của Năm Lửa: giữ nguyên cấp bậc, chức vụ cũ, sĩ quan cấp dưới của Năm Lửa được giữ nguyên quân hàm, binh sĩ ở nguyên đơn vị cũ, được hoạt động tại phương và được truy lĩnh lương những tháng ly khai. Nhưng khi ra hàng, sĩ quan, binh sĩ của Năm Lửa bị tước khí giới, buộc phải mang băng trắng và bị dồn hết vào trại giam chờ ngày đi huấn luyện tại Quán Tre.

2. Số quân của Năm Lửa kéo ra hàng có hơn 3.000 quân, trên đường chuyển quân ra có một số binh sĩ trước đây bỏ về nhà làm ăn, nghe tin ra hàng được truy lĩnh lương, lại được hoạt động tại địa phương nên xin nhập bọn, do đó, khi đến Cái Vồn số quân lên tới 4.000 người.

hạ tuần tháng 3/1956. Sau đó, Ba Cụt bị bắt tại Chắc Cà Đao (Châu Thành, Long Xuyên) và bị xử tử ở Cần Thơ.

Trước tình hình đại bộ phận các lực lượng giáo phái thất bại và ra hàng Diệm, Tỉnh ủy Sa Đéc họp, nhận định bản chất của Mỹ - Diệm rất phản động, ngoan cố, xảo quyệt, độc tài phátxít, chúng ngày càng bị cô lập, phải dùng bạo lực đàn áp thay cho thủ đoạn chính trị mị dân. Lúc này, ta không thể tiếp tục dùng kiểu đấu tranh chính trị đơn thuần, xin xỏ, nhiều nơi quần chúng kiến nghị dùng bạo lực để tự vệ. Do tình hình bức bách, lại được chỉ thị của Liên Tỉnh ủy cho phép, các tỉnh lấy số vũ khí chôn giấu, thành lập các lực lượng vũ trang mang danh nghĩa giáo phái. Tỉnh ủy mà người đứng đầu có tâm huyết nhất là đồng chí Nguyễn Văn Phối, Bí thư Tỉnh ủy, quyết định tái lập lực lượng vũ trang của tỉnh hoạt động dưới danh nghĩa giáo phái.

Ngày 14/02/1956, ở vùng hậu của huyện Cao Lãnh, hai đại đội vũ trang của tỉnh được thành lập, lấy phiên hiệu 402 và 210. Cán bộ, chiến sĩ của hai đại đội này là những người được phân công làm cố vấn cho lực lượng Năm Lửa trước đây. Cuối tháng 02/1956, ta vận động cán bộ và thanh niên các xã lập đại đội thứ 3 (ở vùng Bắc Dầu, huyện Thanh Bình) lấy phiên hiệu 510. Tháng 3/1956, Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập một tiểu đoàn, phiên hiệu Tiểu đoàn Đinh Bộ Lĩnh (sau đổi tên là Tiểu đoàn 5 Hòa Hảo), quân số 100 người, nòng cốt là Đại đội 510 cũ. Ban Chỉ huy tiểu đoàn gồm Hồng Việt, Chính trị viên, Đạo Đờn (nguyên là quận phó Hòa Hảo) làm Tiểu đoàn trưởng, Ba Trung làm Tiểu đoàn phó. Riêng Đại đội 402 và Đại đội 210 vẫn giữ nguyên, hoạt động tại các xã thuộc tổng Phong Nẫm, tổng An Tịnh (Cao Lãnh).

Ở các huyện phía nam sông Tiền của tỉnh Sa Đéc, theo chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Phối - Bí thư Tỉnh ủy, tháng 02/1956, thành lập một trung đội vũ trang ở vùng Lấp Vò, lấy tên Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt[1], cũng mang danh nghĩa Hòa Hảo.

Cùng thời gian trên, ở Mộc Hóa, Liên Tỉnh ủy Trung Nam Bộ thành lập Tiểu đoàn 2 mang danh nghĩa "bộ đội Bình Xuyên". Cán bộ chỉ huy của tiểu đoàn là cán bộ quân sự làm cố vấn cho lực lượng của Đại tá Bảy Môn. Khi lực lượng Bảy Môn ra hàng Diệm, số cán bộ ta ở lại thành lập Tiểu đoàn 2.

Các tiểu đoàn đều mang danh nghĩa giáo phái. Cán bộ, chiến sĩ phần lớn là đảng viên, đoàn viên, thanh niên con em các gia đình chí cốt. Cán bộ chỉ huy đã kinh qua hoạt động vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Vũ khí trang bị là số súng được cất giữ khi tập kết chuyển quân.

Tiểu đoàn bố trí từng phân đội hoạt động ở một vùng, mỗi phân đội chia thành nhiều tổ. Nhiệm vụ trước mắt là huấn luyện cách ăn ở, giao tiếp giống như bộ đội Hòa Hảo để ngụy trang, làm công tác vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở, khi cần thì diệt tề điệp ác ôn, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Phương châm hoạt động là *phân tán*, *cơ động*, *linh hoạt*, *khéo công tác*, *che giấu lực lượng*.

Việc thành lập lực lượng vũ trang của tỉnh là một bước tiến mới của phong trào cách mạng quần chúng: *chuyển từ đấu tranh chính trị đơn thuần sang đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang tự vệ.* Nó xuất phát từ nguyện vọng thiết tha của

1. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t.II, tr.124.

quần chúng, đồng thời, thể hiện quan điểm đúng đắn của Tỉnh ủy Sa Đéc trong việc xây dựng, sử dụng bạo lực cách mạng.

Ngày 04/3/1956, bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của nhân dân trong và ngoài nước, Mỹ - Diệm ngang nhiên tổ chức "cuộc bầu cử quốc hội" ở miền Nam, chà đạp lên nguyện vọng tối cao của cả dân tộc ta là hiệp thương hai miền, tổ chức cuộc tổng tuyển cử tự do thống nhất nước nhà. Theo chỉ thị của trên, Tỉnh ủy Sa Đéc chỉ đạo phát động một cuộc đấu tranh mới phối hợp với phong trào chung của cả nước. Cuộc đấu tranh chống bầu cử quốc hội bù nhìn lần này nhằm chuyển phong trào lên một bước. Ta giáo dục quần chúng vạch bộ mặt giả dối, tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm, động viên quần chúng trong nội ô và ven thị xã tán phát truyền đơn, khẩu hiệu, lực lượng vũ trang cảnh cáo tề, đồn, bót,... Phong trào phát triển mạnh mẽ, rộng khắp trong toàn tỉnh. Lực lượng vũ trang phân từng tổ 3 người bám vào các ấp vùng ven, lấy danh nghĩa "bộ đội Hòa Hảo" uy hiếp tề điệp, tạo thanh thế cho quần chúng. Nhiều nơi ta nổ súng vào trụ sở xã - nơi đặt thùng phiếu, đồng bào mượn cớ "sợ mấy ông Hòa Hảo bắn súng" hoặc viện nhiều lý do khác để không đi bầu cử, địch phải xua quân lùng sục, bắt ép từng người.

Trong cuộc tẩy chay trò hề bầu cử này, nổi lên cuộc đấu tranh của đồng bào xã Mỹ Ngãi. Sáng ngày 04/3/1956, Chi bộ xã vận động 300 quần chúng biểu tình từ Bình Trị đến rạch Bà Vại. Đoàn biểu tình hô các khẩu hiệu phản đối cuộc bầu cử riêng rẽ của chính quyền miền Nam, đi ngược lại Hiệp định Giơnevơ, đòi phải hiệp thương tổng tuyển cử. Một phân đội vũ trang chặn đánh bọn đi lùng sục bắt đồng bào đi bỏ phiếu. Lực lượng địch quá đông, quân ta vừa đánh vừa phải rút. Đồng chí

Mai Văn Khải, Bí thư Chi bộ xã, người trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh bị địch phát hiện vây bắt, bị tra tấn và dồn vào bao bố thả xuống sông Đình Trung.

Cuộc đấu tranh chống bầu cử quốc hội bù nhìn ở tỉnh Sa Đéc giành thắng lợi. Nó không những động viên được nhiều tầng lớp xã hội tham gia mà còn tranh thủ được sự đồng tình của binh sĩ, công chức, giáo chức. Địch không có cớ gì để khủng bố. Do đó, đã bảo tồn được cơ sở, lực lượng đấu tranh nói chung, củng cố niềm tin và tinh thần cách mạng. Tỉnh ủy xem đây là mốc khôi phục lại thế đứng của phong trào, đồng thời, chuyển lên một thế mới: *thế công khai hợp pháp kết hợp bán hợp pháp và bất hợp pháp, kết hợp ba lực lượng chính trị, binh vận và vũ trang.*

Đến đầu năm 1956, về cơ bản Mỹ - Diệm đã giải quyết xong vấn đề giáo phái thân Pháp nên tập trung đánh phá phong trào cách mạng ở Nam Bộ và cực nam Trung Bộ, trong "giai đoạn 2 tố cộng"[1], các tỉnh vùng Đồng Tháp Mười là một trọng điểm đánh phá. Sa Đéc trước đây là tỉnh có phong trào vũ trang chống Pháp khá mạnh, có căn cứ địa Đồng Tháp Mười rộng lớn, quận lỵ Cao Lãnh là nơi tập kết chuyển quân 100 ngày, uy thế và ảnh hưởng của cách mạng ở đây rất lớn. Vì vậy, Mỹ - Diệm tập trung đánh phá vùng này rất dữ dội và toàn diện.

---

1. Giai đoạn I tố cộng bắt đầu từ tháng 7/1955 đến cuối năm 1956, Mỹ - Diệm phát động trên toàn lãnh thổ, trọng điểm đánh phá là miền Trung Trung Bộ (Liên khu V). Từ tháng 6/1956 đến tháng 4/1959, Mỹ - Diệm mở giai đoạn II tố cộng, trọng điểm đánh phá ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ.

Mỹ - Diệm xem đây là "*một nhiệm vụ cơ bản tối yếu, một cuộc vận động lớn tập trung lực lượng của chính quyền, đoàn thể vì nhân dân nhằm đả phá mạnh mẽ tàn tích và các phần tử Việt Minh Cộng sản*"[1]. Chúng tiếp tục khủng bố trả thù người kháng chiến cũ; tổ chức kiểm tra dân số, làm thẻ căn cước, lập tờ khai gia đình, úp bộ nhiều người dân vào Đảng Cần lao Nhân vị, Phong trào cách mạng quốc gia, Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ cộng hoà...; phát động tố cộng kết hợp hành quân cảnh sát bố ráp, thủ tiêu người tình nghi; hạ uy tín gia đình cán bộ bằng nhiều thủ đoạn (buộc kêu chồng con ra đầu thú hoặc phải ly dị chồng, từ bỏ con,...). Trong nhà tù, chúng buộc tù nhân chính trị phải ly khai Đảng, truy bức tư tưởng (xé cờ Đảng, đạp lên ảnh Bác...), lén lút thủ tiêu, thảm sát "chính trị phạm".

Trong khuôn khổ dự án cải tổ nền hành chính Nam Việt Nam, bằng Sắc lệnh số 22-NV ngày 17/02/1956, chính quyền Diệm giải thể tỉnh Sa Đéc, lập tỉnh Phong Thạnh. Sau đó, với Sắc lệnh số 143-NV ngày 22/10/1956, tỉnh Phong Thạnh được cải tên thành tỉnh Kiến Phong. Tỉnh Kiến Phong bao gồm quận Cao Lãnh của tỉnh Sa Đéc, quận Hồng Ngự của tỉnh Châu Đốc, quận Thanh Bình (tổng Phong Thạnh Thượng của tỉnh Long Xuyên) và quận Mỹ An (thành lập tháng 7/1957). Các huyện phía nam sông Tiền của tỉnh Sa Đéc cũ sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Long.

Cuối năm 1956, Diệm phê chuẩn dự án thành lập Phân khu Đồng Tháp Mười gồm 2 tiểu khu (Kiến Phong và Kiến Tường),

1. Trích "Báo cáo đặc biệt về tình hình và Đảng ở miền Nam" của Ban Thống nhất Trung ương.

5 chi khu (Cao Lãnh, Hồng Ngự, Mộc Hóa, Thủ Thừa, Ấp Bắc), về sau, lập thêm chi khu Thanh Bình và chi khu Mỹ An.

Lập Phân khu Đồng Tháp Mười, chính quyền Diệm âm mưu kiểm soát chặt sông Cửu Long, giữ biên giới với Campuchia và bình định Đồng Tháp Mười[1].

Ngoài các đồn, bót tăng thêm để phòng thủ biên giới và kiểm soát các vùng đông dân, địch lập "Nông trường bảo an Hồng Ngự"[2] thuộc hệ thống phòng thủ của Chi khu Tân Thành (Hồng Ngự). Tại trung tâm căn cứ kháng chiến cũ ở Đồng Tháp Mười, chính quyền Diệm cho xây tháp 10 tầng (khánh thành tháng 6/1957) cao 42m, có một trung đội bảo an đóng giữ, để khống chế vùng giáp ranh 3 tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường và Mỹ Tho. Ở các quận lỵ, ngoài chi khu quân sự, còn có chi cảnh sát,...

Từ năm 1957, chính quyền Diệm triển khai chương trình dinh điền ở Đồng Tháp Mười, sửa chữa lộ 30 từ Hồng Ngự qua Cao Lãnh đến An Hữu, khai thông một số kinh mới (kinh Phước Xuyên, kinh An Long, kinh Đôn Phục...). Ngô Đình Diệm

---

1. Trong dự án thành lập Phân khu Đồng Tháp Mười, quân đội ngụy dự định bố trí hai trung đoàn chính quy địa phương (1 trung đoàn tổ chức hệ thống chỉ huy lãnh thổ, 1 trung đoàn ứng chiến và hành quân); thành lập nhiều tiểu đoàn bảo an với 5.000 quân; đóng thêm 38 đồn dọc biên giới Việt Nam - Campuchia; tăng cường 2 hải đoàn chiến đấu (Hải đoàn Vĩnh Long và Hải đoàn Mỹ Tho) với 48 tàu tuần tiễu và nhiều loại vũ khí, phương tiện chiến tranh.

2. Nông trường bảo an Hồng Ngự là một căn cứ chiến lược, rộng 60km^2, gần biên giới Việt - Campuchia. Nông trường chia làm 3 liên khu A, B, C, mỗi liên khu gồm 3 hay 4 khu, mỗi khu bố trí 50 gia đình do 1 trung úy bảo an chỉ huy, binh sĩ đều có vũ khí. Địch dự định đưa về đây 1.000 gia đình binh sĩ bảo an nhưng đến tháng 10/1957 mới có 400 gia đình.

ra Dụ số 57 với khẩu hiệu mị dân "cải cách điền địa" để "hữu sản hóa nông dân", nhằm mục tiêu xóa bỏ thành quả cách mạng ruộng đất mà nhân dân ta giành được trong kháng chiến chống Pháp, tăng thu tô, thu thuế, đặt ra thuế mới như "thuế bình định"[1].

Những chủ trương biện pháp nói trên của Mỹ - Diệm nhằm "loại trừ cộng sản" ra khỏi đời sống chính trị, đi ngược lại nguyện vọng bức thiết của nhân dân ta là độc lập, thống nhất, tự do dân chủ, cải thiện dân sinh. Tình hình đó đòi hỏi các cấp ủy Đảng phải đề ra nhiệm vụ, chủ trương, đối sách thích hợp nhằm giữ vững, đẩy mạnh phong trào.

Cuối năm 1956, xuất phát từ thực tế mới, theo chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy Trung Nam Bộ, Tỉnh ủy Sa Đéc được chia ra để thành lập Tỉnh ủy Kiến Phong do đồng chí Nguyễn Văn Phối làm Bí thư. Số tỉnh ủy viên còn lại được bổ sung thêm để kiện toàn Tỉnh ủy Sa Đéc do đồng chí Nguyễn Việt Châu làm Bí thư.

Đến tháng 8/1957, chính quyền Ngô Đình Diệm giải thể tỉnh Tam Cần, ta chủ trương hợp nhất 3 tỉnh Sa Đéc, Tam Cần và Vĩnh Long thành một tỉnh lấy tên là Vĩnh Long. Tỉnh ủy Vĩnh Long do đồng chí Nguyễn Việt Châu làm Bí thư[2].

Thực hiện chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ và Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ, từ năm 1957 đến năm 1959, trong điều kiện địch khủng bố, tố cộng ác liệt, dưới ánh sáng của *Đề cương*

---

1. Trong tài khóa năm 1957, thuế bình định của tỉnh Kiến Phong dự thu 3.000.000đ, thực thu 6.495.840 (đạt 216,5%), các loại thuế khác đều thu trội hơn từ 18 đến 80%.

2. Từ tháng 8/1957 đến tháng 8/1974, các huyện phía nam sông Tiền của tỉnh Sa Đéc (cũ) thuộc hệ thống lãnh đạo của Tỉnh ủy Vĩnh Long.

đường lối cách mạng miền Nam được Hội nghị Xứ ủy thông qua cuối năm 1956 và *Đề án vũ trang tuyên truyền* được Xứ ủy Nam Bộ, Liên Tỉnh ủy Trung Nam Bộ thông qua, Tỉnh ủy vẫn duy trì hoạt động của lực lượng vũ trang mang danh nghĩa giáo phái để hỗ trợ phong trào đấu tranh của nhân dân chống tố cộng, chống địch khủng bố[1]; các cấp ủy Đảng trong tỉnh phải vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, dựa vào sự bao bọc, che chở của quần chúng để tồn tại, lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành giữ quyền lợi dân sinh, dân chủ, trên cơ sở đó, phát động phong trào đấu tranh, giữ gìn, phát triển lực lượng.

Phong trào đấu tranh giành giữ quyền lợi dân sinh, dân chủ nổi lên mạnh nhất là chống bắt lính, chống Dụ số 57.

Phong trào đấu tranh chống bắt lính bùng nổ ở thị xã, thị trấn rồi lan ra các vùng nông thôn. Hàng trăm đồng bào thị xã và quận Thanh Bình kéo đến dinh tỉnh trưởng đưa yêu sách đòi thả con em của họ. Học sinh Cao Lãnh rải nhiều truyền đơn, khẩu hiệu phản đối luật quân dịch. Sau hai ngày đấu tranh, Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Ngưu ra lệnh thả hết 200 thanh niên. Các huyện Mỹ An và Châu Thành cũng nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của hàng ngàn quần chúng đòi thả hết thanh niên bị bắt. Đồng bào kéo xuống tàu giành giật từng người làm chìm tàu (Mỹ An); vây chặt binh lính đi áp giải, tạo điều kiện cho hơn 100 thanh niên trốn thoát (Châu Thành).

1. Ở miền Trung Nam Bộ, dù bị Thường trực Xứ ủy phê bình nặng và chỉ đạo ngưng hoạt động vũ trang tuyên truyền, Bí thư Liên Tỉnh ủy Nguyễn Minh Đường chủ trương không thi hành kỷ luật đối với các vụ "xé rào" diệt ác ôn và không giải tán các đơn vị vũ trang, các đội vũ trang tuyên truyền đã có.

Các địa phương khác, đồng bào chống bắt lính dưới nhiều hình thức, phổ biến nhất là tổ chức canh gác hoặc dựa vào cơ sở của ta trong lòng địch báo ra, nhờ đó, ta hướng dẫn đồng bào chủ động tổ chức cho thanh niên trốn lính.

Phong trào đấu tranh chống Dụ số 57, nội dung chính là chống cướp đất thu tô. Yêu cầu lãnh đạo đấu tranh là đòi giảm tô, chống tăng tô và giữ nguyên canh. Từ ngày đình chiến năm 1954, ta chuẩn bị cơ sở pháp lý (biên lai, chứng từ, giấy chủ quyền, giấy giao kèo mức tô...) và hướng dẫn nông dân đấu tranh với địch. Năm 1957, nhiều địa chủ dựa vào thế lực của chính quyền Diệm, lấy lại số đất chính quyền kháng chiến trước đây trang trải cho nông dân không có ruộng, phong trào đấu tranh giành chủ quyền ruộng đất nổi lên mạnh mẽ ở nhiều nơi. Vùng yếu tôn giáo, nhiều địa chủ trước đây làm theo chính sách giảm tô của cách mạng thì nay lại đòi tăng tô. Những vùng đất rộng lớn của địa chủ Pháp, đất công điền và đất khai hoang, chính quyền kháng chiến quản lý chia cho dân nay chính quyền địch cho đo đạc, vẽ hoạ đồ từng khoảnh để thu hồi, buộc nông dân phải mua và làm khế ước. Tóm lại, chính quyền Diệm muốn xóa bỏ thành quả cách mạng ruộng đất do chính quyền kháng chiến đem lại, tư sản hóa địa chủ làm chỗ dựa chính trị cho chế độ Mỹ - Diệm.

Thấy được âm mưu đen tối của Mỹ - Diệm, được chỉ thị của Xứ ủy Nam Bộ và hướng dẫn của Liên Tỉnh ủy Trung Nam Bộ, từ năm 1957 đến năm 1959, các cấp ủy Đảng trong tỉnh lãnh đạo hàng trăm cuộc đấu tranh của nông dân chống Dụ số 57. Chi bộ xã Phong Mỹ (Cao Lãnh) lãnh đạo 200 nông dân phối hợp một phân đội vũ trang tỉnh chia nhiều tốp khống chế

địa chủ và tề xã, buộc họ phải bỏ chạy. Một tổ đặc công đánh chìm chiếc xáng đang vét kinh ở vàm Phong Mỹ, đưa khí thế quần chúng lên. Sau trận này, địa chủ và tề xã co lại. Hàng trăm lượt người ở các xã Bình Thành, Tân Phú (Thanh Bình), Thanh Mỹ (Mỹ An) đấu tranh, trấn áp ác ôn, đuổi đánh những người đi đo đất, cảnh cáo địa chủ, giữ được nguyên canh và mức tô cũ. Ở xã Bình Thạnh (Cao Lãnh), một nông dân cặp cổ một địa chủ nhảy xuống sông lặn đến lúc địa chủ chết ngạt. Xã Phú Hựu (Châu Thành), nông dân diệt một tay sai của Cai tổng Trí khi đi thu lúa ruộng. Nhiều nơi, chi bộ xã cho mời một số địa chủ để giáo dục, những địa chủ vắng mặt thì gửi thư cảnh cáo. Cách làm này đã có tác dụng tốt. Qua hướng dẫn của chi bộ, nông dân tìm cách trì hoãn việc trả tiền đất cho địa chủ, một số địa chủ cho người đi "xin tô", ai "cho" bao nhiêu cũng được, không dám hống hách. Tập trung mạnh mẽ nhất là Mỹ An, "thủ đô" của căn cứ kháng chiến cũ, đất rộng, thưa dân (khoảng 20.000 người), từ năm 1957 đến năm 1959, có 78 cuộc đấu tranh lớn nhỏ với 15 vạn lượt người tham gia[1].

Khắp các vùng nông thôn, phong trào đấu tranh giành và giữ quyền lợi ruộng đất diễn ra dưới nhiều hình thức, phổ biến nhất là uy hiếp bộ máy tề hoặc giáo dục địa chủ.

Đến năm 1959, ở vùng căn cứ du kích cũ, phần lớn ruộng đất cách mạng tạm cấp cho nông dân vẫn giữ được nguyên canh. Vùng tôn giáo và vùng địch hậu cũ, trước tá điền nộp tô cho địa chủ từ 6 đến 9 giạ mỗi công, nhưng qua đấu tranh giảm xuống còn 1 giạ hoặc 1,5 giạ mỗi công. Đây là phong trào

1. Số liệu lấy từ Báo cáo của đồng chí Trần Anh Điền, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp, trong Hội nghị Tổng kết chiến tranh B2.

đấu tranh rộng lớn và giằng co suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Riêng từ năm 1957 đến năm 1959, phong trào đã giáng một đòn rất nặng làm phá sản âm mưu của Mỹ - Diệm nhằm xóa bỏ thành quả cách mạng, góp phần nâng cao uy thế và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đánh giá thắng lợi của công tác đấu tranh ruộng đất trong hai năm 1957 và 1958, Xứ ủy Nam Bộ nêu rõ: "...Tâm trạng chung của địa chủ là không muốn bán ruộng (trừ ở những nơi không giành được quyền sở hữu hoặc không thể truy tô, tăng tô) và tâm trạng chung của nông dân cũng không muốn mua ruộng. Thái độ phổ biến là muốn giằng co từng mùa để chờ thời cuộc (mà họ tin là cách mạng nhất định sẽ thành công). Chỉ có một số ít nhận mua ruộng truất hữu theo Dụ số 57, hoặc điều đình riêng với địa chủ để mua"[1]. Đây là thắng lợi chung của nhân dân các tỉnh Nam Bộ, trong đó phản ánh tình hình đấu tranh ruộng đất ở trong tỉnh.

Lãnh đạo phong trào đấu tranh ruộng đất thắng lợi, Đảng bộ tăng cường hơn được mối quan hệ gắn bó với quần chúng, trước hết là nông dân, tạo nên chỗ dựa vững chắc chống lại chính sách tố cộng, diệt cộng của Mỹ - Diệm.

Phong trào đấu tranh chống tố cộng, diệt cộng được phát động sâu rộng nhất, đặc biệt là vận động nhân dân phòng gian bảo mật, nuôi giấu, bảo vệ cán bộ. Có nhiều hình thức đấu tranh, như tẩy chay không đi học tố cộng, phá hoặc làm vô hiệu hóa các hình thức kềm kẹp của địch, đấu tranh quyết liệt chống các thủ đoạn khủng bố, rún ép gia đình cán bộ...

1. Trích Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ tháng 10/1958 *Về đấu tranh bảo vệ quyền lợi ruộng đất cho nông dân.*

Ở thị xã, ta phát động phong trào học sinh đấu tranh chống chính quyền Mỹ - Diệm đưa "chương trình học tố cộng" vào nhà trường. Phong trào này được giáo chức và học sinh hưởng ứng. Đặc biệt, ngày 06/01/1957, cơ sở nòng cốt trong học sinh Cao Lãnh treo cờ búa liềm nhiều nơi trong thị xã[1] kỷ niệm ngày thành lập Đảng.

Cùng thời gian đó, ở thị xã Sa Đéc, cơ sở đảng và Đoàn Thanh niên Lao động treo cờ Đảng tại bến đò Tân Phú Đông (nay là phường 2) và ngọn cây sao tại cầu Cái Sơn thuộc xã Vĩnh Phước (nay là phường 1), đồng thời, treo một tấm băng lớn tại bến đò Tân Hưng (nay là phường 4).

Vùng nông thôn, với khẩu hiệu *mất cán bộ là mất Đảng, mất đất như mất đầu*, nông dân sẵn sàng hy sinh cả sinh mạng, tài sản để bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng. Đối với gia đình cán bộ, nhân dân rất tin tưởng, bảo vệ. Họ dùng nhiều lý lẽ chống địch rún ép, giam cầm gia đình cán bộ, chống sĩ quan, binh sĩ địch mua chuộc cưỡng ép để lấy vợ con cán bộ.

Tại Mỹ An, ta gửi thư cảnh cáo quận trưởng Hồ Châu về những hành động khủng bố gia đình cán bộ, nhiều địa phương khác cũng làm theo.

Tại huyện Cao Lãnh, trong cuộc càn lớn từ ngày 21 đến ngày 28/9/1958, địch rải rất nhiều truyền đơn kêu gọi cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 Giải phóng quân Bình Xuyên ra đầu hàng, mặt khác, ép gia đình, cán bộ chiến sĩ ta kêu chồng,

---

1. Ngày 06/01/1957, học sinh Cao Lãnh phân làm nhiều tốp, ban đêm tiếp cận các điểm cao treo cờ. Rạng sáng cờ búa liềm (cờ Đảng) xuất hiện trên nóc nhà Tỉnh trưởng, Ty cảnh sát, sân vận động, chợ Cao Lãnh, Cái Sâu, cầu Xép Lá, chùa Hòa Long. Đồng bào truyền tin "bộ đội tập kết về rồi".

con, em ra đầu thú. Chúng hứa bảo đảm an ninh, tự do, một số cán bộ, chiến sĩ kháng chiến cũ ở Cao Lãnh về nhà làm ăn đã bị địch bắt giam. Ấp Mỹ Đông, xã ủy chủ trương cho cán bộ đảng viên ra trình diện, lấy giấy căn cước để hợp pháp làm thí điểm, nhưng Huyện ủy Cao Lãnh đã kịp thời ngăn chặn. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chỉ thị cho Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 2 Giải phóng quân Bình Xuyên và các địa phương đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, vạch rõ âm mưu thâm độc và dối trá của địch, giải quyết thắc mắc, khắc phục tư tưởng cầu an. Đối với gia đình cán bộ, chiến sĩ, ta chỉ rõ âm mưu chiêu hàng của địch, hướng dẫn đấu tranh; vận động chiến sĩ viết thư cho thân nhân binh sĩ địch, giáo dục thời cuộc, chính nghĩa của ta, vừa có tác dụng phát triển công tác binh-tề vận, vừa chống âm mưu chiêu hàng của địch, hạn chế được thiệt hại, củng cố lập trường tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ.

Để bảo vệ Đảng, hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng, ngoài vai trò lãnh đạo chung của toàn Đảng bộ, phải nói đến vai trò đặc biệt của lực lượng vũ trang trong giai đoạn này.

Ngay từ khi mới thành lập, tiểu đoàn của tỉnh đã thực hiện phương châm hoạt động phân tán, bám vào xóm ấp vùng ven làm công tác vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở và làm nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan Tỉnh ủy, Huyện ủy. Theo yêu cầu của nhân dân, các phân đội vũ trang trừng trị một số tên ác ôn, gửi thư cảnh cáo một số tên khác, do đó, phong trào phát triển khá. Khi có điều kiện và nắm chắc thắng lợi thì diệt từng tốp nhỏ quân địch, nổi lên một số trận: tháng 5/1956, phục kích tại kinh Ngang (xã Phong Mỹ, Cao Lãnh), diệt 20 lính của đại đội bảo an do Thiếu uý Mẫn chỉ huy; tháng 8/1956, một phân đội

vũ trang tỉnh phục kích tại Me Nước (xã Tân Thạnh, Thanh Bình) đánh một trung đội của Lê Quang - phái Dân xã Hòa Hảo, diệt 2 lính, thu 2 súng[1]; tháng 11/1956, diệt 20 lính của Đại đội Hòa Hảo Nguyễn Giác Ngộ; tháng 8/1957, kết hợp nội ứng lấy đồn Cây Điệp (xã Tân Thuận Đông, Cao Lãnh).

Cuối năm 1956, Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ chỉ đạo sáp nhập Tiểu đoàn Đinh Bộ Lĩnh của tỉnh Kiến Phong vào Tiểu đoàn 2 của Liên Tỉnh ủy và giao cho tỉnh Kiến Phong quản lý. Tiểu đoàn lấy phiên hiệu là Tiểu đoàn 2 với danh nghĩa "Bình Xuyên ly khai". Tiểu đoàn chia từng phân đội xây dựng nhiều điểm trú quân ở những nơi có lau sậy rậm rạp trong Đồng Tháp Mười và thường xuyên di chuyển, giữ bí mật. Phương châm hoạt động: *tập trung, phân tán linh hoạt, tránh đụng trận lớn với địch để che giấu lực lượng*.

Năm 1957, ngụy quyền tỉnh Kiến Phong đẩy mạnh việc thu các sắc thuế, dùng nhiều thủ đoạn cắt nguồn tài chính của ta. Để giải quyết vấn đề này, Tỉnh ủy chủ trương thành lập ban kinh tài ở một số xã căn cứ và ven căn cứ. Các ban kinh tài xã chịu trực tiếp hệ thống ban kinh tài tỉnh, mỗi ban có 2 người, một người lo về kinh tế tài chính và một người sưu tập

1. Trung đoàn Lê Quang (phái Dân xã đảng ly khai) tự xưng là "nghĩa quân cách mạng" nhưng bản chất cực kỳ lưu manh. Ban ngày chúng bung ra vận động chống Diệm, ban đêm đi giết cán bộ, cướp của đồng bào, hãm hiếp phụ nữ. Vùng hoạt động của bọn này ở Kho Bể, Lung Bông, Tân Thạnh, Bảy Thưa, vàm Ba Răng, chỉ huy sở đóng ở Giồng Đế. Nhiều lần ta đưa cán bộ tranh thủ bọn Lê Quang giảm thiểu số vụ nhũng nhiễu nhân dân nhưng không có kết quả. Cuối cùng, ta tuyên truyền trong đồng bào tín đồ Hòa Hảo hiểu được tội ác của bọn này, cô lập chúng. Bị bộ đội ta vây ép, lại không được tín đồ ủng hộ, Trung đoàn Lê Quang buộc phải rút về vùng Bảy Núi (An Giang), ta trừ được thảm họa cho dân.

tài liệu về tình hình địa phương. Cũng thời gian này, ta giải thể Ủy ban hành chính xã (thành lập từ năm 1955) cho phù hợp với đường lối, sách lược chung. Bộ đội tỉnh cũng lập một bộ phận chuyên lo về tài chính, phối hợp với ban kinh tài tỉnh về các vấn đề hành chính, kinh tế và tài chính để tiếp tế phục vụ cho bộ đội. Về biện pháp, ấn định các nguồn thu như sau:

- Giành giật với địch các nguồn thu quan trọng nhất, như bán các nguồn hoa lợi, thủy sản trên kinh rạch, đìa bàu.

- Thu từ tầng lớp trên như chủ tàu, xe, nhà máy, địa chủ, thương gia, phú nông.

- Đối với nông dân thì vận động lạc quyên ủng hộ.

- Đẩy mạnh sản xuất tự túc cho đơn vị.

- Đánh lấy quân nhu, tài chính và vật dụng của địch.

Thực hiện những biện pháp trên, đã giải quyết được một phần khó khăn về đời sống cho bộ đội. Tuy nhiên, trong lúc địch càn quét liên miên, bắt giữ, giam cầm những người tiếp tế, việc thu thuế của ta vẫn còn hạn hẹp, vấn đề tài chính vẫn rất khó khăn. Trong khi đó, cấp ủy chỉ đạo giản chính lực lượng vũ trang và không được diệt ác ôn một cách bừa bãi, không được đánh địch, sợ manh động làm thiệt hại phong trào. Ta cho một số cán bộ, chiến sĩ về sinh hoạt cùng nhân dân, khi cần sẽ gọi tập trung về đơn vị. Ở huyện Cao Lãnh, 2 phân đội vũ trang 402 và 210 (thành lập từ ngày 15/2/1956) đang hoạt động phân tán từng tổ ở các xã phía nam và tây Cao Lãnh, thực hiện giản chính ta buộc phải cho bộ đội đi "điều lắng" từng người để tạo thế hợp pháp.

Trong quá trình hoạt động nhỏ, phân tán, một số cán bộ, chiến sĩ của Tiểu đoàn 2 bị hy sinh và bị địch bắt. Ngày 31/10/1957, một tổn thất xảy ra: Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 2 bị

địch bắt[1]. Tỉnh ủy Kiến Phong chỉ đạo phải kịp thời củng cố, khắc phục tư tưởng chủ quan mất cảnh giác, hữu khuynh, thiếu kiên quyết đánh địch để tự vệ. Ban Chỉ huy mới của tiểu đoàn được thành lập[2]. Tiểu đoàn hoạt động phân tán trên địa bàn các huyện và lấy bí danh riêng từng phân đội: Phân đội Năm Bình ở Hồng Ngự, Phân đội Bảy Phú ở Thanh Bình, Phân đội Tám Trà ở Cao Lãnh, Phân đội Chín Cứ ở Mỹ An, Phân đội Út Biên bảo vệ các cơ quan Tỉnh ủy ở biên giới. Công tác chính trị, công tác đảng trong đơn vị được coi trọng, quán triệt sâu sắc hơn nữa đường lối đấu tranh của Đảng, xác định *phải đánh địch để tự vệ*, khắc phục tư tưởng hữu khuynh, hợp pháp chủ nghĩa. Đơn vị kêu gọi số cán bộ, chiến sĩ trước đây cho về sinh sống với gia đình hoặc chuyển xuống miền Tây, nay trở về đơn vị nhận nhiệm vụ.

Các huyện phía nam sông Tiền, sau khi sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Long (tháng 8/1957), Tỉnh ủy Vĩnh Long chủ trương hợp nhất các phân đội vũ trang trong tỉnh thành một tiểu đoàn, lấy tên là Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt. Tiểu đoàn có 3 đại đội (206, 207, 208), quân số mỗi đại đội tương đương 1 trung đội.

---

1. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 2 phân công phụ trách từng phân đội, ngày họp (31/10/1957) Đảng ủy Tiểu đoàn tại gò Cà Dâm (xã Công Tân Sính, Thanh Bình) các đồng chí về họp đông đủ. Một cánh quân của Tiểu khu Kiến Tường bất ngờ đánh úp địa điểm này. Các đồng chí Thái Hoàng Ân - Tiểu đoàn trưởng, Đặng Tâm Quảng - Chính trị viên, Tư Sâm (Hồng Việt) - Chính trị viên phó và 7 người khác gồm liên lạc, trinh sát, cứu thương bị địch bắt. Riêng đồng chí Ba Trung - Tiểu đoàn phó thoát khỏi. Địch áp giải về Vàm Cỏ Tây, lợi dụng đêm tối, đồng chí Tư Sâm nhận xuồng trốn thoát.

2. Đồng chí Ba Trung - Tiểu đoàn trưởng, Nguyễn Văn Phàn (Sáu Chung) - Chính trị viên.

Địa bàn hoạt động của tiểu đoàn từ huyện Bình Minh (bao gồm cả Phong Hòa, Vĩnh Thới) lên tới Lấp Vò.

Hoạt động của tiểu đoàn nhằm đạt 3 yêu cầu: Khơi sâu mâu thuẫn lực lượng vũ trang giáo phái với Diệm; vũ trang tuyên truyền vùng Hòa Hảo, gây dựng cơ sở và giác ngộ đoàn kết với đồng bào Hòa Hảo nhằm xây dựng mặt trận đấu tranh chống Mỹ - Diệm; trừng trị ác ôn, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Thời gian đầu, việc thâm nhập vào dân của tiểu đoàn gặp khó khăn. Tín đồ Hòa Hảo sợ "Việt Minh giả mạo", những tín đồ đã hiểu biết ít nhiều về cách mạng lại sợ lực lượng giáo phái nên không dám nuôi chứa. Để khắc phục khó khăn, đơn vị kiên trì tuyên truyền, thuyết phục, nâng cao trình độ giác ngộ của đồng bào, làm cho họ thấy được Mỹ - Diệm là kẻ thù. Mặt khác, bộ đội cùng ăn, cùng ở, cùng làm với người dân, hướng dẫn họ đấu tranh với địa chủ, giữ được nguyên canh, giảm tô; giúp dân khai hoang, tăng gia sản xuất; gửi thư cảnh cáo hoặc cho mời địa chủ ngoan cố đến giáo dục, buộc phải cam kết không ức hiếp dân, không cướp đất, không thu tô cao và xóa nợ cho những người quá nghèo.

Từ những việc làm đó, đồng bào Hòa Hảo thấy được chỗ dựa của họ chính là cách mạng, xóa hết mọi nghi ngờ, ngăn cách, nhiều gia đình đã nhận nuôi giấu cán bộ, bộ đội, nhiều gia đình đưa con em đi bộ đội, chiến đấu và hy sinh anh dũng. Đồng bào Hòa Hảo cũng tham gia Mặt trận đoàn kết chống Mỹ - Diệm. Ta còn tranh thủ được đại đội của Tám Nở (thuộc lực lượng giáo phái ly khai của Ba Cụt) không ra hàng Diệm

mà liên minh với ta chống Diệm[1]. Thắng lợi lớn nhất của công tác tuyên truyền, giác ngộ đồng bào Hòa Hảo là đã làm giảm được hố sâu ngăn cách giữa Việt Minh và Hòa Hảo, đồng thời, khơi sâu mâu thuẫn giữa Mỹ - Diệm với tôn giáo, nhất là với đồng bào Hòa Hảo.

Ngoài thắng lợi trên, từ năm 1958, Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt còn làm nhiệm vụ diệt ác trừ gian, khi được chỉ đạo của Tỉnh ủy thì đánh đồn, diệt đơn vị ác ôn. Một số trận điển hình, như trận diệt một cảnh sát ở đồn Giồng Nổi (xã Hòa Tân) vào tháng 10/1957, diệt một tên ác ôn ở đồn Nhân Lương, trận đánh quân lính đồn Giồng Nổi đi ruồng bố ở kinh Ông Huyện (tháng 7/1958) và vũ trang tuyên truyền các xã An Phú Thuận, Tân Thành... Những trận này làm hạ uy thế địch, đưa phong trào quần chúng tiến lên. Nổi bật nhất là trận diệt địch hỗ trợ quần chúng đấu tranh chống địch lập khu trù mật Cái Dầu.

Địch lập khu trù mật Cái Dầu nhằm gom dân vùng Phong Hòa, Vĩnh Thới (huyện Bình Minh) nhằm tách dân ra khỏi ảnh hưởng của ta, gây khó khăn cho hoạt động của ta ở vùng yếu tôn giáo ven sông Hậu. Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt phối hợp với cơ sở và quần chúng đánh diệt 1 trung đội biệt kích canh giữ khu trù mật, địch đưa 1 tiểu đoàn biệt động quân đến giải toả bị ta diệt gọn 1 trung đội. Cùng lúc đó, ta phát động quần chúng không đi làm khu trù mật Cái Dầu. Cuộc đấu tranh giằng co, cuối cùng, địch không lập được khu trù mật Cái Dầu.

---

1. Đại đội này cùng với ta đánh địch cho đến chuyển vùng năm 1960. Khi Tám Nở bị địch bắt, binh sĩ trong đại đội giao hết súng cho ta.

Quá trình bám vùng yếu Hòa Hảo, Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt đã xây dựng, phát triển cơ sở, giới thiệu cho địa phương phát triển nhiều đảng viên, xóa nhiều ấp trắng cơ sở đảng.

Đến năm 1958, vùng bắc Mỹ Thuận, vùng ruột (gồm Phú Long, Tân Quới, Thành Lợi, Phong Hòa, Hòa Thành, Long Hưng...) đã hình thành những lõm bất hợp pháp. Cán bộ, bộ đội, du kích thường dựa vào vùng này để bung về các địa phương hoạt động.

Quá trình hoạt động của Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt đã góp phần đáng kể cùng với các Đảng bộ địa phương xây dựng, tích luỹ lực lượng, chuẩn bị đón thời cơ phát động quần chúng nổi dậy.

Sau ngày 20/7/1956 - qua hai năm đấu tranh thi hành Hiệp định không đạt mục tiêu tổng tuyển cử, thống nhất đất nước, khí thế đấu tranh của quần chúng giảm sút, trong Đảng có diễn biến. Đảng viên ở cơ sở bị phân hóa, hao hụt do địch sát hại, nhiều đồng chí bị bắt, bị tù, một số bị lộ chạy vào vùng căn cứ đòi đấu tranh vũ trang. Một số khác hoài nghi, thiếu tin vào đường lối đấu tranh chính trị. Không ít cán bộ, đảng viên bỏ địa bàn công tác đi xứ khác làm ăn, số còn bám trụ lại ở các chi bộ xã không nhiều. Có địa phương, như Tân Thành (Hồng Ngự) lúc đình chiến có 105 đảng viên, sau khi củng cố lại (năm 1956) chỉ còn 1 chi bộ với 11 đảng viên. Ở Cao Lãnh, xã Mỹ Ngãi còn 7 đảng viên, xã Mỹ Xương trước đây có gần 100 đảng viên, xã Mỹ Hội hơn 100 đảng viên, nhưng khi sắp xếp tổ chức lại thì Mỹ Xương còn 15 đảng viên, Mỹ Hội còn 20 đảng viên. Xã Mỹ An Hưng có trên 200 đảng viên, đến cuối năm 1956 chỉ còn 25 đảng viên. Xã Phú Hựu (Châu Thành)

có trên 80 đảng viên, năm 1956 củng cố lại còn 15 đảng viên và đến năm 1959 chỉ còn 3 đảng viên. Các xã khác tình hình cũng diễn ra tương tự. Vùng ven sông Hậu của huyện Lấp Vò như Bình Thành, Định Yên, Hội An Đông, Bình Thạnh Trung... có xã trắng cơ sở đảng, xã có cơ sở đảng cũng chỉ còn một vài đồng chí nhưng không đứng chân được trong xã (hoạt động "vọt cần câu"). Đến 1956, cơ sở đảng được củng cố tương đối mạnh ở các xã Tân Dương, Long Hưng, Vĩnh Thạnh, Hội An Đông, Mỹ An Hưng, Bình Thạnh Trung.

Được sự chỉ đạo, hướng dẫn của Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy miền Trung và Tây Nam Bộ, cuối năm 1956, các cấp ủy đảng trong tỉnh triển khai học tập *Đề cương đường lối cách mạng miền Nam*, do đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, soạn thảo. Tinh thần cơ bản của Đề cương khẳng định con đường giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc, phong kiến là con đường cách mạng bạo lực. Tháng 12/1956, Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ hai (mở rộng) cũng nghe báo cáo đề án vũ trang tuyên truyền và chỉ đạo: Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ cách mạng từ căn cứ kháng chiến chống Pháp như Chiến khu Đ, Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười, U Minh.

Ngoài việc học tập các tài liệu trên, trong thời gian từ cuối năm 1955 đến cuối năm 1956, ta còn triển khai chỉ thị của Xứ ủy, chấn chỉnh một bước tư tưởng và tổ chức trong Đảng nhằm làm cho các cấp ủy nắm vững đường lối, chính sách, củng cố quan điểm quần chúng, tăng cường kỷ luật trong Đảng. Về mặt tổ chức chỉ đạo, thực hiện chấn chỉnh cấp tỉnh làm cho tỉnh nắm được xã, xã nắm được quần chúng,

kiện toàn hệ thống giao thông liên lạc. Sinh hoạt chi bộ xã chặt chẽ, coi trọng giáo dục khí tiết cách mạng. Đảng viên tuyên thệ "*Thà chết đứng hơn sống quỳ*", "*Suốt đời trung thành với Đảng, với dân*". Mỗi kỳ sinh hoạt đưa một vài đồng chí báo cáo hoàn cảnh gia đình và thân nhân bị bọn đế quốc phong kiến áp bức, đày đoạ, gây căm thù. Các chi bộ trong nhà tù mở cuộc vận động đấu tranh chống truy bức tư tưởng (chống địch bắt tù chính trị đạp lên ảnh Bác, xé cờ Đảng, ly khai Đảng...), đòi cải thiện chế độ sinh hoạt của tù nhân. Tinh thần bất khuất của các đồng chí trong tù ảnh hưởng lớn đến anh chị em đang hoạt động.

Các cơ quan Tỉnh ủy, Huyện ủy vẫn bám các thị xã, thị trấn, vùng tôn giáo, dựa vào cơ sở quần chúng chí cốt nuôi dưỡng, bảo vệ. Bộ đội tỉnh dựa vào dân đứng vững trên địa bàn. Lịch sử Đảng bộ ghi nhớ mãi công lao và sự hy sinh thầm lặng, bền bỉ của hàng ngàn cơ sở quần chúng nuôi dưỡng, che giấu cán bộ. Nhờ họ mà Đảng tồn tại trong thế hợp pháp bao bọc của quần chúng.

Thượng tuần tháng 12/1957, Tỉnh ủy Kiến Phong mở hội nghị tại vùng căn cứ mật ở xã Thường Thới Tiền (Hồng Ngự). Trên cơ sở phân tích âm mưu và hoạt động của địch, Tỉnh ủy chủ trương tăng cường lãnh đạo phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ, chống cướp đất thu tô, chống sưu cao thuế nặng, chống bắt lính, đòi tự do đi lại làm ăn. Sau hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Phối được rút về Khu ủy, đồng chí Nguyễn Kim Nha làm Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong. Giữa năm 1958, Tỉnh ủy Kiến Phong được sắp xếp lại, đồng chí Nguyễn Kim Nha được rút về khu, đồng chí Nguyễn Văn Thử (Sáu Sa, Tám Thử) được

chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong. Ban Chấp hành có 5 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết[1].

Năm 1958, ngụy quyền tỉnh Kiến Phong đẩy mạnh các mặt hoạt động nhằm triệt phá cơ sở của ta. Chúng chủ trương tăng nhanh quân số, tổ chức các đơn vị bảo an đặc biệt, kiện toàn liên gia, huấn luyện trưởng ấp, tăng cường hoạt động của cán bộ công dân vụ, truy nã ráo riết "Việt Cộng nằm vùng", kiểm tra thanh niên, tổ chức các xã đoàn thanh niên cộng hòa, từng bước tăng binh lực và hoả lực của bảo an để thay thế 2 trung đoàn chủ lực đang đóng giữ ở đây. Tháng 9/1958, địch lợi dụng mùa nước nổi mở nhiều cuộc càn quét vùng sâu căn cứ Đồng Tháp Mười. Ở xã ấp, địch mở liên tiếp các cuộc hành quân cảnh sát phối hợp tề điệp lùng bắt cán bộ. Trong một cuộc lục soát ở xã Tân Quới (Thanh Bình), địch bắt được Tôn - bảo vệ của đồng chí Tám Thử. Tôn khai báo. Địch sử dụng Tôn và Võ Tam Dân - một tên phản bội nguy hiểm, từng hoạt động ở Ty Công an Long Châu Sa, đánh phá cơ sở cách mạng ở xã Tân Huề (Thanh Bình). Tại đây, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Thử bị bắt[2]. Các đồng chí Hoàng Trí Dũng (Ba Hên) - Trưởng Văn phòng Tỉnh ủy, Lê Văn Hai (tự Triều) - Phó Văn phòng Tỉnh ủy, cũng bị bắt trong thời gian này.

---

1. Gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Thử, Bảy Thệ, Năm Điệp (là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho do Liên Tỉnh ủy bổ sung cho Tỉnh ủy Kiến Phong), Trần Văn Cát, Nguyễn Ngọc Thăng (Tỉnh ủy viên) và Trần Anh Điền (Tỉnh ủy viên dự khuyết) phụ trách binh vận và giao liên.

2. Nguyễn Văn Thử (Sáu Sa, Tám Thử) bị bắt trong trường hợp cải trang hợp pháp. Sau khi bị địch bắt, ông khai báo cơ sở, mất khí tiết. Sau này vượt ngục ra được cấp ủy kiểm thảo, ông thú nhận và chịu kỷ luật.

Sau khi Bí thư Tỉnh ủy bị bắt, vùng căn cứ và cơ sở của Tỉnh ủy Kiến Phong, Huyện ủy Hồng Ngự bị địch đánh phá, gây nhiều thiệt hại. Trước tình hình đó, Liên Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Phối - Thường vụ Liên Tỉnh ủy (từ đầu năm 1958 được Liên Tỉnh ủy điều làm Bí thư Tỉnh ủy Long An) về làm Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong, đồng chí Trần Anh Điền - Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Năm Điệp - Ủy viên Thường vụ. Tỉnh ủy viên chính thức và dự khuyết gồm 6 đồng chí[1].

Từ cuối tháng 9/1958 đến giữa năm 1959, các cấp ủy trong tỉnh mở cuộc vận động củng cố chi bộ xã, theo chỉ thị của Trung ương Đảng và kế hoạch hướng dẫn của Liên Tỉnh ủy miền Trung và Tây Nam Bộ. Đây là lần thứ 3 ta mở đợt củng cố Đảng kể từ sau đình chiến (năm 1954). Cuộc vận động này khác những lần trước ở chỗ nhằm đạt yêu cầu nêu trong chỉ thị của Trung ương Đảng là tạo được sự chuyển biến căn bản về tư tưởng và tổ chức, thực hiện phương châm tổ chức Đảng *tinh giản, gọn nhẹ, bí mật, trọng chất lượng*.

Nội dung học tập gồm *Đề cương đường lối cách mạng miền Nam*, chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, hướng dẫn của trên, nhiệm vụ và 3 tiêu chuẩn đảng viên, 5 bước công tác cách mạng.

Các bước củng cố chi bộ gồm phát động học tập kết hợp điều nghiên phân loại đảng viên, sắp xếp điều lắng và tập hợp chi bộ mới. Việc sắp xếp điều lắng cán bộ được tiến hành từ khi "chuyển hướng" (năm 1954). Khi Ngô Đình Diệm bắt đầu

1. Gồm Nguyễn Ngọc Thăng, Nguyễn Văn Phàn, Võ Văn Trị, Bùi Văn Bê, Thạnh, Tiến.

chiến dịch tố cộng (năm 1955), Xứ ủy chủ trương cho những đảng viên bị lộ điều lắng. Nhưng qua quá trình hoạt động, trong Đảng, nhất là ở cơ sở có nhiều biến chuyển, bộc lộ sơ hở và yếu kém. Do đó, chủ trương mở đợt củng cố chi bộ theo chỉ thị của trên là rất kịp thời.

Cách phân loại đảng viên và điều lắng cán bộ lần này được vận dụng triệt để hơn. Trên cơ sở quán triệt tình hình nhiệm vụ và yêu cầu củng cố chi bộ, mỗi đảng viên căn cứ vào tiêu chuẩn để tự phê bình và tự phong. Những đảng viên trung kiên tích cực, không lộ hoặc lộ với một số ít quần chúng tốt ngoài phạm vi liên hệ chuỗi - rễ, có vị trí công khai hợp pháp, bám quần chúng và được thử thách qua đấu tranh chính trị đã chứng tỏ bản lĩnh vững vàng thì được tập hợp vào chi bộ mới. Những đảng viên đạt tiêu chuẩn trung kiên tích cực nhưng lộ quá nhiều với quần chúng, có thể lộ với địch hoặc bị địch điểm danh truy nã thì thuộc đối tượng điều lắng. Những đảng viên tiêu cực hoặc thành phần phức tạp thì đưa ra khỏi Đảng.

Kết quả, ở tỉnh Kiến phong đến cuối tháng 6/1959, đã tập hợp được 21 chi bộ mới, 19 xã đang củng cố chi bộ, 3 xã còn một vài đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động, 1 xã (Phú Thành, huyện Thanh Bình) chưa có cơ sở. Trước đợt củng cố, toàn tỉnh có 44 chi bộ (43 chi bộ xã và 1 chi bộ thị trấn), giảm 4 chi bộ do bị địch đánh tan rã hoặc do sắp xếp điều lắng chỉ còn dưới 3 đảng viên.

Số lượng đảng viên ở xã: đến cuối tháng 6/1959, tỉnh Kiến Phong còn 358 đảng viên đủ tiêu chuẩn tập hợp vào chi bộ mới (chi bộ B). So với trước đợt củng cố toàn tỉnh có 933

đảng viên[1], sụt giảm 575 người. Số lượng đảng viên phần lớn do điều lắng chưa kịp móc nối tập hợp vào chi bộ mới (chi bộ A)[2], một số không đủ tiêu chuẩn (tiêu cực, cầu an, không hoạt động) bị đưa ra khỏi Đảng, một số ít bị địch bắt, bị giết hoặc đầu hàng. Đa số chi bộ xã có từ 5 đến 10 đảng viên, xã có số lượng đảng viên đông nhất là Mỹ An (27 đồng chí).

Các huyện Châu Thành, Lấp Vò, Sa Đéc trong thời gian trên cũng phát động củng cố chi bộ. Số cán bộ bị lộ nhiều được điều lắng ngoài tỉnh - phần đông xuống Cà Mau, một số cán bộ có điều kiện thì điều lắng trong tỉnh (Vĩnh Long), một số đảng viên không hoạt động thì đưa ra khỏi Đảng. Việc tập hợp chi bộ mới ở các huyện này gặp khó khăn, do số đảng viên có vị trí công khai hợp pháp còn lại quá ít, nhiều xã trắng cơ sở đảng. Huyện ủy Châu Thành lúc này chỉ có bí thư, không có ban thường vụ.

Do gặp khó khăn và do yêu cầu chuẩn bị cho tình hình mới, đến cuối năm 1959, các huyện Châu Thành, Lấp Vò, Sa Đéc kêu gọi số cán bộ điều lắng trở về và thành lập các chi

---

1. Theo báo sơ kết tình hình củng cố chi bộ của Liên Tỉnh ủy ngày 29/7/1959, ở tỉnh Kiến Phong đầu năm 1958 có 983 đảng viên trong 400.000 dân (không kể số đảng viên trong cơ quan tỉnh, huyện và lực lượng vũ trang). Tháng 8/1958, toàn tỉnh còn có 933 đảng viên, bị tiêu hao 50 người do bị địch bắt, giết và số đảng viên cầu an, tiêu cực, không còn hoạt động.

2. Từ tháng 9/1958 đến tháng 6/1959, tỉnh Kiến Phong đưa 351 đảng viên đi điều lắng, gồm 109 điều lắng tại địa phương, 242 điều lắng ngoài tỉnh. Một số đảng viên chưa kịp sắp xếp điều lắng đã tự động tìm nơi tránh né. Năm 1960 - 1961, khi phong trào phát triển, nhiều người trong số này trở lại với Đảng.

bộ bí mật (chi bộ A). Đây là một chủ trương sát hợp tình hình, nhằm tăng cường sức chiến đấu của chi bộ xã, bảo đảm cho việc chuyển thế sau này.

Trong quá trình củng cố cơ sở đảng, các chi đoàn Thanh niên Lao động và cơ sở nòng cốt chuỗi - rễ trong quần chúng cũng được sắp xếp lại. Cuối năm 1957, tỉnh Kiến Phong có 514 đoàn viên, đến tháng 6/1959, còn 402 đoàn viên. Cơ sở nòng cốt chuỗi - rễ bị sụt giảm ít nhiều, do chi bộ mới chưa kịp liên lạc với số cơ sở của đảng viên điều lắng để lại. Chỉ tính riêng 15 xã của huyện Cao Lãnh có 403 cơ sở nòng cốt, 907 quần chúng tích cực. Nói chung, sau khi được củng cố, mỗi đảng viên nắm từ 3 cơ sở nòng cốt trở lên, trung bình mỗi đảng viên lãnh đạo trên 1.000 quần chúng, so với yêu cầu mỗi đảng viên lãnh đạo 100 quần chúng thì khoảng cách còn xa.

Qua đợt phát động, tuy số lượng chi bộ và đảng viên bị sụt giảm nhưng thắng lợi đạt được có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Trong tình hình địch đánh phá liên tục và ngày càng ác liệt, toàn Đảng bộ quyết tâm chuyển hướng tổ chức và phương châm hoạt động, nhờ đó mà giữ được lực lượng, sau đợt củng cố ít bị tiêu hao.

Những chi bộ mới gồm đa số đảng viên chọn lọc, thử thách trong thực tiễn lãnh đạo phong trào, giữ được vị trí công khai hợp pháp trong dân, số đảng viên yếu, tiêu cực còn rất ít. Nói chung, chất lượng chi bộ được nâng lên, cơ bản đạt yêu cầu tổ chức Đảng *tinh giản, gọn nhẹ, bí mật, trọng chất lượng*, không những tránh được mũi dùi đánh phá của địch mà còn nâng cao uy thế và vai trò lãnh đạo của Đảng. Các chi bộ sau khi được củng cố bám sát được quần chúng, đưa quần chúng ra đấu

tranh trực diện với địch. Do đó, tạo khả năng mới để phát triển cơ sở, mở rộng và đẩy mạnh phong trào.

Trong suốt những năm 1954 - 1958, lãnh đạo nhân dân chống bắt lính, chống Dụ số 57, chống chính sách tố cộng, diệt cộng của Mỹ - Diệm, tuy gặp muôn vàn khó khăn, thử thách, nhưng Đảng bộ luôn vững vàng bám sát, lãnh đạo quần chúng, đấu tranh giữ gìn, bảo vệ, xúc tích lực lượng, nắm thời cơ... Đây là những nhân tố quyết định cho cuộc nổi dậy - tấn công đồng khởi sau này.

III- PHÁT ĐỘNG QUẦN CHÚNG KHỞI NGHĨA TỪNG PHẦN, TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI GIÀNH CHÍNH QUYỀN, LÀM CHỦ NHIỀU VÙNG NÔNG THÔN

Sau khi không đạt được mưu đồ triệt phá cơ sở cách mạng, năm 1959, địch tiếp tục đánh phá ác liệt và toàn diện hơn.

Trung đoàn 31 thuộc Sư đoàn 11 (e31/f11) chủ lực ngụy cùng nhiều tiểu đoàn bảo an càn quét dài ngày vùng hậu bối các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình, Cao Lãnh. Trong các cuộc hành quân ngày 11/3/1959 và 22/6/1959 ở vùng tam giác (hậu bối) huyện Hồng Ngự (vùng căn cứ kháng chiến cũ), địch bắt được vài cán bộ ta, thu một số súng đạn và tài liệu của Tiểu đoàn 2 Bình Xuyên.

Ngụy quyền tỉnh Kiến Phong thành lập thêm 3 đại đội biệt động của tỉnh, nhiều trung đội, tiểu đội công an đặc biệt của quận; đôn thanh niên bảo vệ hương thôn lên dân vệ, đôn dân vệ lên bảo an, đưa bảo an làm nhiệm vụ cơ động ứng chiến.

Địch tiến hành quy khu, quy ấp, lập thêm khu dinh điền, khu trù mật. Chúng tập trung các gia đình cán bộ thoát ly,

có thân nhân tập kết và những người "chứa chấp hoặc tiếp tế cho Việt cộng" vào một khu riêng; gom dân các vùng hẻo lánh, vùng căn cứ kháng chiến vào các ấp mà chúng cho là "bảo đảm an ninh"; lập khu dinh điền, khu trù mật để bố trí những gia đình di dân từ miền Trung vào. Từ năm 1957 đến năm 1959, địch lập được 4 địa điểm dinh điền: Hồng Ngự, Gãy Cờ Đen, Đôn Phục và Phước Xuyên, đưa hàng ngàn gia đình di dân và gia đình binh sĩ bảo an đến định cư, khai phá 3.503 mẫu đất hoang hóa[1].

Trong chương trình bình định và khai thác Đồng Tháp Mười, đến tháng 4/1959, địch mở công trường đào kinh Đôn Phục (Hồng Ngự), tháng 6/1959, đào kinh Đồng Tiến (từ An Long đến Gãy Cờ Đen nối với kinh Dương Văn Dương)[2]. Khi được khai thông, hai con kinh này sẽ tạo ra khả năng mới trong việc quy khu, quy ấp, lập khu dinh điền và chia cắt Đồng Tháp Mười, vì thế địch làm rất khẩn trương. Chúng điều hai tiểu đoàn thuộc e31/f11 và một bộ phận công binh đến bảo vệ, dò mìn. Dọc kinh An Long (Đồng Tiến) địch lập các khu dinh điền số 1, 2, 3, 4, 5, 6, phần lớn là di dân Quảng Nam.

---

1. Theo báo cáo của Tỉnh ủy Kiến Phong, địch bao chiếm và đưa máy cày đến cướp đất của dân địa phương, một số đồng bào di dân đánh bắt cá bừa bãi trên đìa bàu của dân địa phương, gây nên một số vụ tranh chấp giữa đồng bào địa phương và đồng bào di dân.

2. Kinh Đôn Phục (Hồng Ngự), Tỉnh trưởng Kiến Phong huy động nhân lực (bắt dân đi làm xâu) đào bằng tay. Theo thiết kế, kinh dài 11.000m, bề ngang mặt 9m, ngang đáy 3m, sâu 3m. Kinh Đồng Tiến từ An Long đến Gãy Cờ Đen do hãng xáng Pháp thầu, khởi công ngày 19/6/1959 và hoàn thành vào ngày 12/9/1960. Kinh dài 44 km, bề ngang mặt nước từ 17m (ngọn) đến 31m (vàm ra sông Tiền), sâu từ 4 đến 6m. Đây là một công trình trọng điểm thuộc loại "đại công tác".

Ở các xã ấp, địch ráo riết kiểm tra thanh niên, kiểm tra quân nhân trù bị tại gia, rún ép dân chúng vào các tổ chức thanh niên cộng hòa, phụ nữ liên đới, phong trào cách mạng quốc gia. Chúng tổ chức các cuộc míttinh tố cộng, mở các cuộc hành quân cảnh sát cấp trung đội, đại đội, vây ráp bắt bớ những người tình nghi.

Ngày 06/5/1959, Ngô Đình Diệm ban hành Luật số 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Chính quyền Diệm lê máy chém đi khắp nơi, khi đến Hồng Ngự, Cao Lãnh (Kiến Phong) bị nhân dân phản đối quyết liệt buộc phải rút đi.

Để chủ động đối phó với âm mưu địch, được sự chấp thuận của Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong, ngày 12/01/1959, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 2/BX (biệt hiệu Anh Quyết) ra chỉ thị gửi các đơn vị về việc rải truyền đơn chống bắt xâu, bắt lính. Chỉ thị nêu rõ: Mùa khô năm nay, địch sẽ ráo riết bắt dân đi làm xâu đào kinh đắp đường để lấn sâu vào Đồng Tháp Mười. Trong mùa lúa, mùa đìa sắp tới địch sẽ ra sức thu góp nặng nề, vơ vét nhân dân. Biện pháp chống: ra sức giáo dục binh tề bằng hai loại truyền đơn: truyền đơn kêu gọi binh tề chống lại âm mưu bình định và không tích cực thi hành âm mưu khủng bố, vơ vét của địch; gửi thư cho tề xã, tề ấp giáo dục về tình cảm dân tộc, âm mưu bắt xâu đào kinh, đắp đường và thu góp của địch. Đối tượng phổ biến là đồn, bót và cơ quan hành chính huyện, tỉnh của địch, rải rác trong lúc địch đi ruồng bố...

Tiếp đó, ngày 25/01/1959, nhân dịp Tết Nguyên đán, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 2/BX thảo các loại thư gửi cho binh sĩ, sĩ quan địch, tán phát hoặc gửi cho các đối tượng, chủ yếu

là binh sĩ[1], gây được ảnh hưởng lớn trong quần chúng, trong binh sĩ và gia đình họ.

Cuối tháng 2/1959, thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng trong tỉnh phát động đợt đấu tranh tố cáo tội ác Mỹ - Diệm thảm sát tù nhân ở Phú Lợi[2]. Nhiều địa phương, quần chúng đưa đơn cho chính quyền Diệm kịch liệt phản đối. Hàng chục ngàn truyền đơn, khẩu hiệu được rải và dán khắp nơi. Qua đợt tuyên truyền, phát động đã gây dư luận trong quần chúng. Chiến sĩ Tiểu đoàn 2/BX thề quyết trả thù cho đồng bào, đồng chí bị địch sát hại. Các phân đội vũ trang ta tổ chức nhiều cuộc vũ trang tuyên truyền ở các địa điểm dinh điền, rải hàng chục ngàn truyền đơn vạch trần tội ác Mỹ - Diệm, kêu gọi đồng bào trong khu dinh điền đấu tranh đòi về quê cũ làm ăn. Kết hợp vũ trang tuyên truyền, trong các ngày 24/3/1959 và 16/5/1959, các phân đội vũ trang ta đốt hai máy cày ở dinh điền Đôn Phục, đặt chất nổ phá hủy hai máy cày dinh điền Phước Xuyên. Sau thất bại này, quận trưởng Mỹ An, Hồng Ngự và các trưởng khu dinh điền Đôn Phục, Phước Xuyên bị khiển trách nặng. Tỉnh trưởng Kiến Phong trực tiếp chỉ huy cuộc hành quân càn quét trong quận Mỹ An nhưng không kết quả, chỉ bắt được 2 binh sĩ bảo an và 4 người khác trong khu dinh điền Phước Xuyên bị tình nghi

---

1. Cách gửi: thông qua các chủ ấp chuyển cho đồn, bót, dùng nhân mối và những người có thân thế với đồn, bót, kẹp cặp tre bao thư ở hàng rào đồn, bót, gửi qua bưu điện công khai, gửi qua nội tuyến... Thư gửi riêng cá nhân và binh sĩ Diệm thì dùng nhân mối đưa tận tay. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 2 còn gửi thư chúc Tết các đơn vị, thư chúc Tết nhân dân, thư chúc Tết dân vệ (gửi qua gia đình họ).

2. Ở trại giam Phú Lợi, cuối năm 1958, địch thảm sát hàng ngàn tù chính trị.

liên can. Những hoạt động trên làm binh sĩ ở các địa điểm dinh điền và các vùng phụ cận hoang mang.

Tháng 9/1959, tại vùng căn cứ Tam Thường (Hồng Ngự), Ban Chấp hành Đảng bộ Kiến Phong họp dưới sự chủ toạ của đồng chí Nguyễn Văn Phối, Ủy viên Thường vụ Liên Tỉnh ủy, Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong. Hội nghị phân tích, nhận định tình hình, những thuận lợi khó khăn của ta và nhất trí thông qua nghị quyết chuyển giao căn cứ vùng Tam Thường cho Khu 8, Tỉnh ủy dời về Thiện Mỹ (Cao Lãnh); lãnh đạo móc nối xây dựng cơ sở trong lòng địch; tăng quân số Tiểu đoàn 2/BX, lập các đội du kích, tăng cường các hoạt động vũ trang tuyên truyền hỗ trợ cơ sở đảng phát động quần chúng phá thế kềm kẹp. Đây là *nghị quyết xúc tích lực lượng và phá kềm đầu tiên* của Tỉnh ủy Kiến Phong kể từ sau đình chiến năm 1954.

Cùng thời gian trên, Liên Tỉnh ủy chủ trương đổi phiên hiệu các đơn vị vũ trang địa phương. Ngày 23/9/1959, Tiểu đoàn 2 Quân giải phóng Bình Xuyên tỉnh Kiến Phong (Tiểu đoàn 2/BX) đổi tên thành Tiểu đoàn 502[1]. *Việc đổi phiên hiệu tiểu đoàn là sự chuyển biến về chất của lực lượng vũ trang tỉnh ta (bỏ danh nghĩa giáo phái), tạo ra khả năng mới về quân sự chuẩn bị chuyển phong trào sang thế mới, lực mới.*

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, sau khi được củng cố và huấn luyện, Tiểu đoàn 502 mở đợt vũ trang tuyên truyền hỗ trợ cơ sở các xã vùng ven căn cứ phá thế kềm kẹp.

---

1. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn gồm: Lê Văn Khuyên (Tám Dần) - Tiểu đoàn trưởng, Ba Trung - Tiểu đoàn phó, Nguyễn Văn Phàn (Sáu Chung) - Chính trị viên. Các đại đội trực thuộc Tiểu đoàn 502 vẫn giữ phiên hiệu và địa bàn hoạt động như cũ.

Trong các ngày 02/9, 24/9 và 25/9/1959, Đại đội Tám Trà (Cao Lãnh) và Đại đội Chín Cứ (Mỹ An) liên tiếp mở các đợt vũ trang tuyên truyền ở kinh Bảy Bồng, Ngã Chùa (Long Hiệp)[1]. Bộ đội kết hợp cơ sở diệt và bắt một số tề ác ôn, công an chỉ điểm, cảnh cáo nhiều tên khác, phát động quần chúng gây căm thù Mỹ - Diệm, giáo dục nhóm làm cầu đường không làm tiếp đoạn đường đến Mỹ An, sau đó địch không làm tiếp đoạn đường này nữa.

Ngày 26/9/1959, quân ta thắng lớn ở Giồng Thị Đam và Gò Quản Cung.

Theo kế hoạch, đại đội Bảy Phú của Tiểu đoàn 502 làm công tác vũ trang tuyên truyền phá kế hoạch gom dân của địch ở xã Bình Thạnh (Hồng Ngự)[2]. Ngày 25/9, đơn vị tập kết

---

1. Cùng thời điểm (sáng ngày 24/9/1959), Tòa án Quân sự đặc biệt của chính quyền Ngô Đình Diệm mở phiên tòa tại trường trung học Cao Lãnh xét xử vụ "6 cán bộ Việt cộng và nội tuyến phá hoại máy cày dinh điền Phước Xuyên", gây phẫn nộ trong nhân dân và bất bình trong một bộ phận binh sĩ bảo an (vì có 2 binh sĩ bảo an bị tòa tuyên án).

2. Đại đội Bảy Phú làm công tác chuẩn bị cho đợt hoạt động tại Gò Quản Cung, bị bọn thám báo của địch phát hiện. Ngày 21/9/1959, Trung tá Trần Hoàng Quân - Tư lệnh Phân khu Bắc (Mỹ Tho) thuộc Quân khu 5 (sau này là Vùng 4 chiến thuật) họp bàn với Tỉnh trưởng Kiến Phong và Phó tỉnh trưởng Nội an để thống nhất kế hoạch mở cuộc càn tiêu diệt lực lượng vũ trang ta ở vùng giáp ranh hai huyện Hồng Ngự và Thanh Bình. Kế hoạch hành quân được thảo ngay trong đêm ngày 21/9/1959 và thông báo cho Tỉnh trưởng Kiến Phong và trung đoàn 43/f23 bộ binh (đang phối thuộc cho địa phương).

Trong các ngày 24 và 25/9/1959, bộ đội ta hoạt động vũ trang tuyên truyền ở xã Mỹ Quý và xã Long Hiệp, Tỉnh trưởng Kiến Phong hoảng hốt đề nghị hoãn cuộc hành quân nói trên, chuyển sang mở cuộc càn ở phía nam quận Cao Lãnh. Đề nghị này không được chấp thuận.

về Giồng Thị Đam thì phát hiện một toán quân địch hành quân bằng xuồng (80 chiếc) từ Hồng Ngự đi thẳng về Dứt Gò Suông (Sa Rài)[1]. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn nhận định: Địch mở cuộc càn tìm diệt lực lượng vũ trang ta, hỗ trợ việc gom dân quy khu, quy ấp và giải tỏa vòng ngoài để bảo vệ công trường

1. Theo kế hoạch, địch chia làm 4 cánh quân:

- Cánh quân A (chủ công) gồm 3 đại đội 11,12,13 của d2/e43 ngày 25/9/1959 xuất phát từ quận lỵ Hồng Ngự, lực lượng bố trí hơn 80 chiếc xuồng, do Đại úy Nguyễn Văn Phán, Tiểu đoàn phó chỉ huy, tiến quân vào vùng phía bắc Giồng Chàng đến dinh điền Đôn Phục (Sa Rài) và nghỉ đêm ở đó. Ngày 26/9/1959, đội hình 3 mũi hành quân ngoặt xuống hướng đông nam đánh vào vùng toạ độ quy định (tức Giồng Thị Đam). Sau đó tiến xuống Gò Quản Cung để bắt tay d2/e43 (tức cánh quân B) lục soát vùng này.

- Cánh quân B (thứ yếu) gồm Đại đội 7 và Đại đội 9 của d2/e43 (thiếu 2 đại đội) do Đại uý Hồ Văn Thơm chỉ huy, ngày 26/9 xuất phát từ An Phong càn vào Gò Quản Cung để phối hợp với d3/e43 (cánh A) bao vây đánh úp bộ đội ta. Nhưng Đại uý Thơm viện lý do "giữ xáng" và "đề cử" Trung úy Lã Huy Bật - Đại đội trưởng Đại đội 9/d2/43 chỉ huy cánh quân B. Đại đội 9, ngày 24/9/1959 làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa do Tòa án Quân sự đặc biệt mở tại sân vận động Cao Lãnh, xét xử vụ "6 cán bộ Việt cộng và nội tuyến phá hoại máy cày dinh điền Phước Xuyên", vì các quan tòa nghỉ đêm tại đây và phải bảo vệ, sau đó lại gặp trở ngại phương tiện di chuyển nên không kịp có mặt tại An Phong. Rốt cuộc đến giờ xuất phát hành quân, cánh quân B chỉ có Đại đội 7/d2 do Thiếu úy Nguyễn Minh Kiệt chỉ huy, dò dẫm tiến vào mục tiêu.

- Cánh quân C gồm Đại đội 10 của d3/e43 và ban chỉ huy hành quân do Trung tá Trần Hoàng Quân - Tư lệnh phân khu Bắc chỉ huy, tập kết tại đồn Cả Cái xã Tân Thành, bố trí quân án ngữ hướng đông bắc.

- Cánh quân D gồm đại đội bảo an Tiểu khu Kiến Phong chốt giữ đồn Hòa Bình và một số sĩ quan chỉ huy của Tiểu khu Kiến Phong, phục kích trên kinh Phước Xuyên, án ngữ hướng đông nam.

Ngoài ra còn một giang lực (3 tàu) trên kinh Phước Xuyên làm nhiệm vụ sẵn sàng cơ động.

Địch dùng chiến thuật bao vây đột kích, vừa dùng 2 cánh quân đánh úp vào mục tiêu vừa phục kích chặn đường rút quân của ta. Toán quân 80 chiếc xuồng mà ta phát hiện là cánh quân A.

đào kinh An Long. Qua quan sát, thấy địch không quen bơi xuồng chiến đấu trên đồng nước, nếu bị ta bất ngờ nổ súng thì nhất định chúng sẽ khó bề chống đỡ. Phân tích lợi thế của ta, điểm yếu của địch, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn nhất trí đánh. Một tổ trung liên của phân đội Năm Bình (Hồng Ngự) được lệnh tăng cường cho đại đội Bảy Phú.

Đúng như nhận định của ta, khoảng 9 giờ ngày 26/9/1959, cánh quân địch từ giồng Sa Rài, tiến theo đường cộ về Giồng Thị Đam, lọt vào trận địa phục kích. Khi khoảng cách giữa ta và địch còn khoảng 50m, tổ trung liên được lệnh bắn thẳng vào xuồng chỉ huy địch, đơn vị đồng loạt nổ súng. Bị bất ngờ, đội hình địch rối loạn, binh sĩ mất tinh thần quăng súng nhảy xuống nước, xuồng địch bị chìm rất nhiều. Bộ đội ta xung phong bắt tù binh, thu vũ khí.

Ngoài số lính chết tại trận, ta bắt 75 tên, trong đó có Đại úy Phán - Tiểu đoàn phó, chỉ huy cánh quân A (d3/43)[1], thu được rất nhiều súng đạn, trong đó có 5 khẩu trung liên Mỹ.

Qua khai thác đại úy Phán, ta nắm được toàn bộ kế hoạch hành quân của địch, trục tiến quân, các mục tiêu đánh phá của chúng. Biết được ngoài cánh quân A, còn có cánh quân B sẽ tiến vào vùng này, do đó, đơn vị hành quân gấp về Gò Quản Cung[2].

Tại Gò Quản Cung, quân ta bố trí xong trận địa thì cánh quân B của địch cũng vừa tới. Chúng hối hả bắn đuổi theo 2

---

1. Tài liệu "Phúc trình của Hội đồng Quân kỷ" Bộ Tổng tham mưu quân đội ngụy xác nhận: Đại đội 12 và Ban chỉ huy d3/43 bị diệt và bị bắt, chỉ có 1 binh sĩ trốn thoát.

2. Đơn vị di chuyển về Gò Quản Cung để tránh địch phản kích; mặt khác, Gò Quản Cung có địa hình tốt hơn, đơn vị có thể trụ tại đây.

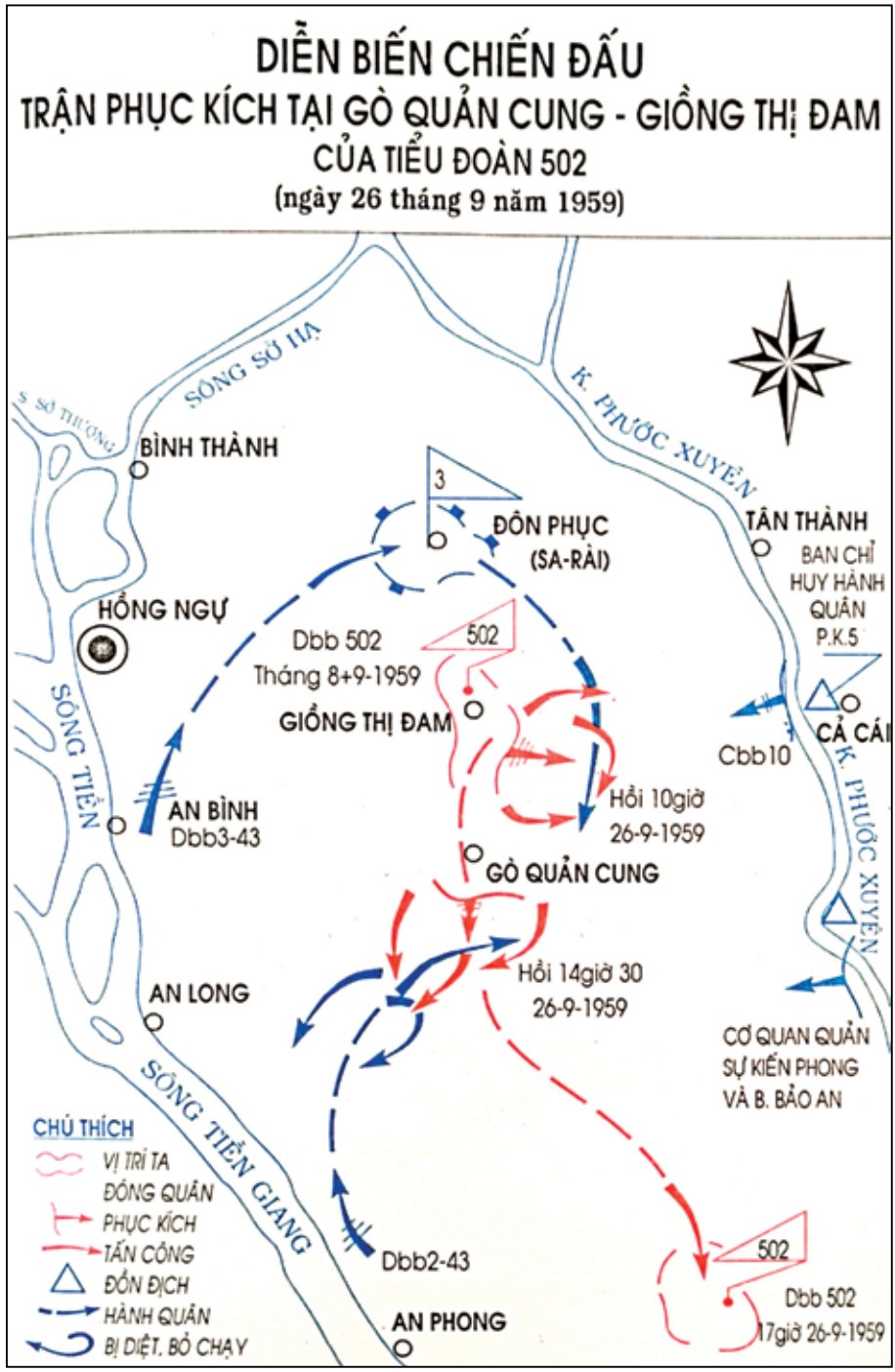

Sơ đồ trận phục kích trận Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung

trinh sát của đơn vị và lại lọt vào trận địa phục kích của ta[1]. Lúc này đã xế chiều, quân ta đồng loạt nổ súng, xung phong. Hỏa lực ta áp đảo mạnh (súng thu được ở Giồng Thị Đam đã trang bị cho bộ đội đánh trận này). Một số lớn quân địch chết ngay loạt đạn đầu. Số còn lại bị lật xuồng lặn hụp dưới nước. Cánh quân địch bị diệt và bị bắt gần hết, chỉ còn 3 xuồng chạy về hướng Tân Dinh.

Số tù binh được ta giáo dục và phóng thích tại chỗ, họ kéo ra thị trấn Hồng Ngự. Ta vận động gia đình binh sĩ và quần chúng đóng vai gia đình binh sĩ đến gặp quận trưởng và cấp chỉ huy đấu tranh đòi bồi thường sinh mạng chồng, con, em bị chết trận, đòi thả chồng, con em bị bắt đi lính, vận động binh sĩ phản chiến, rã ngũ. Sau đó, hàng trăm binh sĩ rã ngũ.

Hai ngày sau (ngày 28/9), địch đưa hai đại đội trở lại trận địa, tăng cường lực lượng bố phòng công trường đào kinh An Long.

Trận Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung do Đại đội 271 của Tiểu đoàn 502, với 42 tay súng đã diệt gọn hai đại đội (Đại đội 12 và Đại đội 7) của hai tiểu đoàn (Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 3 và một ban chỉ huy tiểu đoàn (Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 3) thuộc Trung đoàn 43, Sư đoàn 23 chủ lực ngụy; đánh bại cuộc hành quân cấp trung đoàn do Phân khu Bắc tổ chức, bắt 105 tù binh, thu tại chỗ 127 súng, 12 máy thông tin, 4 ống nhòm, 2 địa bàn và nhiều quân cụ khác. Phía ta hy sinh 1 chiến sĩ (đồng chí Ân, xạ thủ trung liên), bị thương 3 chiến sĩ.

---

1. Hai trinh sát của ta ở gò Bộ Tức phát hiện có địch chống xuồng về báo cáo với Ban Chỉ huy. Để giữ bí mật trận địa, 2 trinh sát băng qua Gò Quản Cung chạy về hướng Giồng Thị Đam. Địch đuổi theo và lọt vào ổ phục kích.

Đây là *chiến công xuất sắc đầu tiên của Tiểu đoàn 502, là trận thắng lớn nhất ở tỉnh Kiến Phong, Khu 8 và Nam Bộ nói chung kể từ sau đình chiến năm 1954;* là thắng lợi của lòng căm thù giặc cao độ, ý chí sắt đá, tinh thần kiên cường, dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ ta; là thắng lợi của quá trình bền bỉ đấu tranh xây dựng, giữ gìn và xúc tích lực lượng, thể hiện quan điểm chỉ đạo của Tỉnh ủy là đúng đắn. Đây cũng là một thất bại nặng, bất ngờ lớn đối với ngụy quân, ngụy quyền[1].

Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung là *mốc lịch sử quan trọng, đánh dấu bước chuyển lên thế mới, tạo ra tình thế cách mạng của địa phương.* Ngoài thắng lợi quân sự, thắng lợi quan trọng nhất là về chính trị. Nó cổ vũ khí thế đấu tranh của nhân dân trong tỉnh, ảnh hưởng lan rộng ra nhiều tỉnh. Chiến thắng này đã tạo điều kiện vật chất (vũ khí) và kinh nghiệm quý báu chỉ đạo cho cuộc đồng khởi tiếp sau. Việc giáo dục và thả tù binh thể hiện công tác chính trị, binh vận rất tốt, *làm tiền đề cho lý luận 3 mũi giáp công* sau này.

Sau chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung, Tỉnh ủy Kiến Phong được Thường vụ Liên Tỉnh ủy chính thức phổ biến Nghị quyết 15/TW của Trung ương Đảng[2]. Nghị quyết 15/TW

---

1. Hội đồng Quân kỷ (do Bộ Tổng tham mưu quân đội ngụy Sài Gòn lập ra) quyết định cách chức Trung tá Trần Hoàng Quân - Tư lệnh Phân khu Bắc, tống giam và bãi chức nhiều sĩ quan chỉ huy hai cánh quân A, B (gồm sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn, đại đội).

2. Đồng chí Nguyễn Minh Đường, nguyên Bí thư Khu ủy Khu 8 kể lại "Tinh thần cơ bản của Nghị quyết 15/TW được Khu ủy phổ biến trước cho tỉnh Kiến Phong. Sau đó, đến tháng 12/1959, văn bản nghị quyết được triển khai sâu rộng đến các cấp ủy toàn Khu".

khẳng định "con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay thì đường lối đó là *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*"[1]. Nhưng lúc này Thường vụ Liên Tỉnh ủy chỉ trao đổi vắn tắt với Tỉnh ủy Kiến Phong: "*Trung ương cho làm vũ trang*".

Nắm được tinh thần trên, các cấp ủy trong tỉnh rất phấn khởi. Tỉnh ủy Kiến Phong chỉ đạo củng cố *Tiểu ban địch tình* đổi thành *Ban bảo vệ* (an ninh) nhằm tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ lực lượng cách mạng.

Chủ trương phát động đợt hoạt động lập thành tích kỷ niệm Nam Kỳ khởi nghĩa (23/11/1940 - 23/11/1959). Rút kinh nghiệm phong trào phá các hình thức kềm kẹp đã làm trước đây: tối nổi dậy phá, sáng đấu tranh tại chỗ, rồi địch bắt quần chúng làm lại, chẳng những không giải quyết được vấn đề then chốt mà quần chúng có chiều uể oải. Do đó, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tiến công vào hệ thống kềm kẹp của địch ở xã ấp (liên gia, tề khóm, tề ấp), hạ uy thế địch và nâng uy thế phong trào lên một bước. Tỉnh chọn 2 xã Phong Mỹ, Mỹ Ngãi (Cao Lãnh) làm điểm, đồng thời, phát động trên diện rộng. Từ trước ngày 23/11, các chi bộ xã phát động đồng bào khắp tỉnh nổi dậy đánh trống mõ, đập phá bảng tố cộng, đốt cờ ba que, tờ khai gia đình, hình Ngô Đình Diệm... Ban ngày,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.20, tr.82.

quần chúng kéo ra công sở xã trả thẻ căn cước, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi tề xã, tề ấp trả chức, nghỉ việc, vận động binh lính bỏ ngũ. Ban đêm, người dân đốt lửa cháy rực đồng, họp míttinh, tuần hành thị uy. Địch hốt hoảng, dân vệ, tề xã, đồn tua rút chạy. Hai xã Phong Mỹ, Mỹ Ngãi được lực lượng vũ trang hỗ trợ, quần chúng nổi dậy rất mạnh. Đồn Vàm Xáng (xã Phong Mỹ) bị quân ta tiến công, làm chủ và thiêu hủy, bắt một số tề ấp, liên gia, toán trưởng, số còn lại tháo chạy, bộ đội và cán bộ cơ sở họp 300 quần chúng tại chợ, phát động gây căm thù, vạch mặt bọn tay sai ác ôn, cảnh cáo số tên bị bắt. Hơn 400 thiếu niên vùng Phong Mỹ, Nhị Mỹ (Cao Lãnh) tham gia tuần hành ban đêm.

Sau ngày 23/11/1959, các phân đội vũ trang của tỉnh phối hợp cơ sở phát động quần chúng nổi dậy ở các xã Thiện Mỹ, Mỹ Hội (Cao Lãnh), Thường Phước, Thường Thới, Tân Thành (Hồng Ngự). Thế kềm kẹp ở các xã này bị phá lỏng, nhiều tề xã, tề ấp xin trả chức, nghỉ việc. Nhiều nơi, dân vệ, tề xã xin lỗi quần chúng, uy thế quần chúng được nâng lên.

Nhân đà thắng lợi và thực tế địch phản ứng yếu ớt, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương mở liên tiếp đợt 2 và đợt 3 nổi dậy với yêu cầu cao hơn: *phá tề xã, gỡ đồn, bót, mở lõm căn cứ và hành lang du kích* - lúc này, các tỉnh lân cận chưa phát động nổi dậy - tấn công. Việc Tỉnh ủy chủ trương phát động nổi dậy sớm xuất phát từ đường lối của Trung ương (Nghị quyết 15/TW) và tình thế cách mạng tại chỗ, quần chúng sôi sục căm thù và bừng bừng khí thế cách mạng; lực lượng vũ trang sau chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung phát triển nhanh; cán bộ, đảng viên tuy ít về số lượng nhưng

có truyền thống đoàn kết, dày dạn qua gian nan thử thách, ngoan cường, gương mẫu đi đầu trong phong trào quần chúng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng; bộ máy chính quyền địch ở cơ sở đang chao đảo trước áp lực của phong trào quần chúng. Trước tình hình đó, nếu ta hướng phong trào đánh đúng vào chỗ yếu nhất của địch, không chỉ có khả năng đánh bại các "quốc sách" của địch mà phong trào nhất định lên mạnh hơn, phá rã bộ máy kềm kẹp của địch, giành quyền làm chủ, mở ra thế mới cho phong trào.

Đợt 2 nổi dậy, ta phát động từ giữa tháng 12/1959, lấy xã Thanh Mỹ làm điểm, hướng phát triển là Mỹ Hòa và điểm phụ là đánh pôngtông bến bắc Cao Lãnh, cùng lúc phát động phong trào trên diện rộng. Ngoài việc chỉ đạo diện chung, Thường vụ Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo lực lượng 3 mặt dồn sức vào vùng điểm nhằm gây thối động và căng kéo địch, đẩy địch lún sâu hơn vào thế bối rối, hỗn loạn. Khi vào đợt, do trục trặc nên hướng phát triển (Mỹ Hoà) và điểm phụ (bến bắc Cao Lãnh) không thực hiện được, phải để lại đợt sau. Hướng diện, xã Thường Lạc (Hồng Ngự) nổi lên trước vùng trọng điểm (xã Thanh Mỹ, Mỹ An). Tại xã Thường Lạc, đêm 19/12, chi bộ xã phát động quần chúng nổi dậy đánh trống mõ, đốt pháo, đốt đuốc sáng rực, bán đội vũ trang vây bót, bắn súng, lực lượng nội ứng khống chế, tước khí giới dân vệ và tề xã, ta chiếm bót và trụ sở xã suốt đêm. Chính quyền địch từ xã đến ấp, khóm bị tan rã (sau đó địch chiếm lại, ta chỉ làm chủ một ấp).

Tại xã Thanh Mỹ, đêm 24/12, Đại đội Chín Cứ phối hợp 3 nội ứng trong bót Vinh Huê (ngã tư Thanh Mỹ) và 2 cơ sở của ta trong tề xã, diệt cán bộ bình định Lê Đoan, truy bắt

một số tên ác ôn ngoan cố, quần chúng chiếm trụ sở tề xã, giải tán dân vệ, hoàn toàn giải phóng xã Thanh Mỹ. Để giữ vững thành quả, chi bộ xã phát động phong trào quần chúng làm hầm chông, bãi mìn, xây dựng xã ấp chiến đấu; hình thành 3 lực lượng chính trị, binh vận và vũ trang, gia đình binh sĩ là mũi nhọn chống 3 đợt lấn chiếm kéo dài 7 ngày của địch, giành thắng lợi.

Trận phối hợp 3 lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận diệt đồn Vinh Huê, giải phóng xã Thanh Mỹ, *mở ra khả năng mới là tiêu diệt địch, giải phóng xã ấp, mở rộng vùng, xây dựng căn cứ cách mạng.*

Phát huy thắng lợi, Tỉnh ủy chỉ đạo mở tiếp đợt 3 lập thành tích kỷ niệm ngày thành lập Đảng (06/01)[1]. Đợt này tỉnh chọn điểm là xã Mỹ Hòa, hướng diện là phá các khu gom dân của địch ở Hồng Ngự và Mỹ An. Điểm phụ là đánh pôngtông bến phà Cao Lãnh.

Tại xã Mỹ Hòa (Mỹ An), ngày 04/01/1960, 7 ngày sau khi giải phóng xã Thanh Mỹ, một phân đội đặc công tỉnh đánh sập Tháp mười tầng ở Gò Tháp, diệt gọn trung đội địch đồn trú ở đây. Cùng lúc, bộ đội tỉnh phối hợp cơ sở diệt đồn Mỹ Hòa, chiếm trụ sở tề xã, giải thoát 3 cán bộ ta bị địch giam giữ. Mỹ Hòa là xã thứ hai trong tỉnh được giải phóng. Chớp thời cơ trong lúc bọn tề ngụy hoang mang, cơ sở trong khu gom dân Gãy Cờ Đen (xã Thạnh Lợi) phát động quần chúng nổi dậy phá banh khu gom dân, bung ra ngoài làm ăn.

---

1. Đại hội lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960) quyết nghị lấy ngày 03/02 làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

Tại thị xã Cao Lãnh, đêm ngày 04 rạng sáng 05/01/1960, cơ sở mật treo cờ Đảng ở cống Ông Hai (trước Tòa Hành chính ngụy)[1], rạch Cái Sâu (xã Hòa An), cầu Kinh (khu tịnh xá Ngọc Linh). Các xã vùng ven dán khẩu hiệu, truyền đơn, nội dung chống địch kềm kẹp. Cùng thời gian này, một tổ đặc công của tỉnh đánh chìm pôngtông bến phà Cao Lãnh, cắt đứt giao thông giữa bờ bắc và bờ nam sông Tiền.

Ở huyện Cao Lãnh, một phân đội vũ trang tỉnh đột nhập cù lao Bình Thạnh, diệt 2 đồn (Cồn Trọi và Bình Linh), quần chúng nổi dậy cùng du kích tước vũ khí dân vệ, buộc tề xã đầu hàng. Bình Thạnh là xã thứ ba của tỉnh Kiến Phong được giải phóng. Các xã khác nổi dậy diệt ác trừ gian: xã Hòa An diệt Sạt-lô (công an ngầm), Tân Thuận Tây diệt Lương Văn Bảy (công an ngầm).

Ở huyện Hồng Ngự, bộ đội ta đột nhập vào các xã Thường Thới, Bình Thạnh, diệt đồn Cả Sơ. Cơ sở đảng phát động quần chúng nổi dậy tước vũ khí dân vệ, buộc tề xã đầu hàng, thêm 3 xã được giải phóng (riêng xã Tân Quới chỉ giữ được 3 ngày). Một mũi tấn công khác của Phân đội Năm Bình phối hợp cơ sở nội ứng bức rút 3 bót, phá tan các khu gom dân Chòi Mòi, Cây Me, Tham Bua, Cả Sơ (xã Tân Thành, Hồng Ngự).

Các huyện phía nam sông Tiền (Châu Thành, Lấp Vò, Sa Đéc) thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Vĩnh Long, cũng ra sức xây dựng lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa. Mặt khác, do ảnh hưởng khí thế nổi dậy của nhân dân phía bắc sông Tiền (Kiến Phong), trong tháng 12/1959, tại xã Long Hưng (Lấp Vò),

1. Trụ sở Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm hiện nay.

một phân đội vũ trang của Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt phối hợp cơ sở nội ứng đánh bót Vàm Đinh, diệt 2 tiểu đội địch và tề xã, thu toàn bộ vũ khí, ta làm chủ nhiều ấp. Ngày 16/12/1959, địch mở cuộc càn quét vào xã Long Hưng, Đại đội 258 (Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt) cùng du kích xã đánh trả quyết liệt, diệt nhiều tên.

Kết quả, từ tháng 11/1959 đến đầu tháng 01/1960, quân và dân trong tỉnh liên tục tiến công và nổi dậy giành quyền làm chủ, giải phóng hoàn toàn 1 xã (Thanh Mỹ), giải phóng cơ bản 6 xã (không kể xã Tân Quới bị địch chiếm lại), phá banh 9 khu gom dân, diệt 7 đồn, diệt và bắt hàng trăm tên địch, thu hơn 300 súng các loại. Nhiều xã khác, ta giải tán phần lớn liên gia, tề khóm, tề ấp, uy hiếp và cô lập tề xã, nhiều người đem nộp sổ sách, tiền bạc cho cơ sở của ta. Đặc biệt, ta đánh sập Tháp mười tầng, một "viễn vọng đài" quan sát tầm xa của địch, mở một địa bàn căn cứ rộng lớn, liên hoàn từ Cao Lãnh, Mỹ An đến biên giới Việt Nam - Campuchia.

Thắng lợi của các đợt hoạt động nói trên được Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ đánh giá cao và được báo cáo tại Hội nghị triển khai Nghị quyết 15, tháng 12/1959. Trong báo cáo, đồng chí Nguyễn Văn Phối, Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong, nêu bật 3 kinh nghiệm lãnh đạo phong trào:

Một là, dùng lực lượng vũ trang hỗ trợ quần chúng nổi dậy khởi nghĩa, tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Hai là, các gia đình binh sĩ là một bộ phận của lực lượng chính trị quần chúng, nếu ta lãnh đạo tốt, họ là lực lượng đấu tranh tích cực chống khủng bố, chống càn quét, vạch mặt bọn ác ôn ngoan cố và phân hóa hàng ngũ địch.

Ba là, phải đánh vào khâu yếu nhất trong bộ máy kềm kẹp của địch ở cơ sở, nhất là bọn tề điệp ác ôn, vì bọn này là tai mắt của địch trực tiếp chống phá phong trào, kềm kẹp nhân dân.

Bản báo cáo của Tỉnh ủy Kiến Phong được Hội nghị đánh giá cao vì đã *đúc kết được những kinh nghiệm bước đầu về xây dựng lực lượng và chỉ đạo khởi nghĩa.*

Sau Hội nghị quán triệt Nghị quyết 15, Liên Tỉnh ủy chủ trương phát động các tỉnh miền Trung Nam Bộ đồng loạt khởi nghĩa mở đầu vào ngày 15/01/1960.

Thực hiện sự chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy, đáp ứng kịp thời sự phát triển của phong trào, các chi bộ xã đều được củng cố kết nạp thêm một số đảng viên mới và tập hợp nhiều cán bộ, đảng viên điều lắng đã qua thử thách. Một số xã vùng ven căn cứ như Thường Phước, Thường Thới, Tân Thành (Hồng Ngự), Long Hưng, Tân Dương, Vĩnh Thạnh (Lấp Vò), Mỹ Hội, Long Hiệp, Bình Thạnh (Cao Lãnh), Thanh Mỹ (Mỹ An)... thành lập đội du kích trang bị thô sơ. Trên thực tế, các xã vùng sâu Đồng Tháp Mười hình thành thế trận liên hoàn du kích chiến tranh. Các đơn vị trực thuộc Tiểu đoàn 502 đổi phiên hiệu - Năm Bình gọi là c273, Bảy Phú: c275, Tám Trà: c276, Chín Cứ: c277, Út Biên: c274 (bảo vệ Khu ủy), thành lập c278 (bảo vệ cơ quan quân sự), c279 (bảo vệ Tỉnh ủy), c271 (Đại đội cơ động tỉnh). Ngoài các đại đội bộ binh, Tiểu đoàn 502 có trung đội trinh sát đặc công, tổ quân y, quân giới và xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí. Đến cuối năm 1959, tổng quân số của Tiểu đoàn gồm 200 cán bộ, chiến sĩ. Tỉnh mở lớp huấn luyện trinh sát đặc công, khóa đầu tiên có 41 học viên do đồng chí Phạm

Văn Hai (Hai Lô) và Bảy Hanh phụ trách. Số học viên phần lớn là của các tỉnh trong khu gửi học.

Các cơ quan Tỉnh ủy và ban ngành cấp tỉnh dời xuống kinh Một (xã Thanh Mỹ), Tỉnh ủy bổ nhiệm một số cán bộ phụ trách đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ[1], chỉ đạo các đoàn thể soạn thảo *Điều lệ tạm thời*, coi như phác thảo quy chế tổ chức và hoạt động. Từ đó, tổ chức các hội đoàn thể ở ấp, xã, huyện rồi đến tỉnh.

Ngày 05/01/1960, Ban giao liên du kích cùng hệ thống đường giao liên, đường xương sống và các trạm, điểm, nút, chốt, được chính thức thành lập. Ngày 20/4/1960, các huyện phía nam sông Tiền cũng thành lập hệ thống đường giao liên du kích. Mạng lưới giao liên được sắp xếp thành 3 hệ thống: giao liên du kích, giao liên bán khai và giao liên công khai. Ngoài ra, còn liên lạc bằng vô tuyến điện báo và thành lập 1 trung đội trinh sát đặc nhiệm để chạy thư hỏa tốc, đưa rước cán bộ, vận chuyển tiền, hàng. Mạng lưới giao liên của tỉnh bảo đảm thông suốt giữa các cấp các vùng, là đầu cầu nối liền giữa miền Trung và miền Tây Nam Bộ.

Như vậy, *trước khi phát động đồng khởi toàn khu, tỉnh Kiến Phong đã củng cố và phát triển được lực lượng các mặt, tạo được thế và lực mới.*

Ngày 15/01/1960, thực hiện chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy về Đồng khởi đợt 1, hầu hết các xã thuộc tỉnh Kiến Phong, cơ sở đảng đã lãnh đạo quần chúng đồng loạt đánh trống mõ uy hiếp

1. Tỉnh ủy bổ nhiệm đồng chí Năm Ẩn làm cộng tác viên phụ trách nông dân, đồng chí Mười Ái - cộng tác viên phụ trách thanh niên, đồng chí Năm Vạn - cộng tác viên phụ trách phụ nữ.

Nhân dân tỉnh Kiến Phong biểu tình chống Luật 10/59 phát xít của Mỹ - Diệm

Ảnh tư liệu

Phế tích Tháp Mười Tầng ở Gò Thấp, xã Mỹ Hòa bị phân đội đặc công tỉnh đánh sập, tháng 1/1960

Ảnh: Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp

tề điệp. Du kích mang súng giả đi tuần hành thị uy. Đồng bào kéo đi từng đoàn hô các khẩu hiệu, trừng trị ác ôn ngoan cố, kêu gọi tề trả chức, nghỉ việc, kêu gọi binh sĩ quay về với nhân dân, nhiều tề điệp bỏ trốn.

Ngày 02/02/1960, một trung đội của c271 đánh chiếm đồn khu chợ Cái Vừng (xã Nhị Mỹ), diệt một tề xã, bắt sống 3 tên, thu 3 súng. Xã Nhị Mỹ (Cao Lãnh) là xã thứ 8 trong tỉnh được giải phóng.

Trong các ngày 10 và 12/02/1960, lực lượng vũ trang tỉnh đột nhập vào khu dinh điền Phước Xuyên 2 làm công tác vũ trang tuyên truyền, pháo kích các đồn, bót trong khu, bắt một tên ác ôn; phục kích ở giồng Ông Tố (xã Thường Thới), đánh thiệt hại nặng trung đội biệt kích, thu nhiều vũ khí (có 1 trung liên).

Để chuẩn bị Đồng khởi, Tỉnh ủy Vĩnh Long thành lập Đại đội 259 (Đại đội cơ động tỉnh). Ở các huyện phía nam sông Tiền, từ ngày 15 đến ngày 25/01/1960, Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt kết hợp cơ sở đảng các xã vũ trang tuyên truyền ở Vĩnh Thạnh, Mỹ An Hưng, Long Hậu, Hòa Long (Lấp Vò), Phú Long, An Khánh, Phú Hựu, An Nhơn (Châu Thành), rải truyền đơn, gửi thư cảnh cáo một số tên tề xã.

Để đối phó với phong trào nổi dậy ngày càng lan rộng, địch vội vã điều 1 trung đoàn của Sư đoàn 21 về tỉnh Kiến Phong, ra sức càn quét giải tỏa, chiếm lại những vùng đã mất. Ngày 09/02/1960, một tiểu đoàn của Sư đoàn 21 từ xã Tân Phú (Thanh Bình) chia 2 mũi tràn vào kinh Bắc Dầu (xã Bình Thành). Đại đội 271 đánh địch quyết liệt, truy kích đến kinh Chó Sủa Cành Cạch. Hai máy bay khu trục ném bom ngăn

chặn quân ta, đồng bào trong vùng nổi lửa đốt đồng, khói bay che phủ trận địa, máy bay địch sợ bắn nhầm đồng bọn nên chỉ bắn vu vơ. Đến 18 giờ 30 mới kết thúc trận đánh, địch bị diệt 80 tên, ta hy sinh 2, bị thương 5 (có 2 cán bộ đại đội).

Như vậy, từ ngày 15/01 đến ngày 12/02/1960, hưởng ứng Đồng khởi đợt 1, tỉnh Kiến Phong giải phóng thêm xã Nhị Mỹ, làm tê liệt hệ thống chính quyền cơ sở của địch ở nhiều xã, ấp, góp phần kềm chân và căng kéo địch, làm chúng bị động đối phó.

Sau Đồng khởi đợt 1, theo chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy, tỉnh mở hội nghị sơ kết và chuẩn bị Đồng khởi đợt 2. Đợt này phát động từ giữa tháng 02 đến tháng 3/1960, trọng điểm là mở mảng biên giới gồm các xã vùng Tam Thường, tuyến sông Sở Hạ (Hồng Ngự) và khu vực phía nam huyện Cao Lãnh.

Ngày 06/3/1960 (lúc 20 giờ 30), một phân đội vũ trang tỉnh phối hợp cơ sở nội tuyến trong khu dinh điền Phước Xuyên, tấn công tiêu diệt nhiều dân vệ.

Ngày 15/3/1960, lúc 20 giờ, sau hai ngày bao vây, tiến công, Tiểu đoàn 502 của tỉnh phối hợp cùng quân và dân huyện Hồng Ngự chiếm được đồn Tân Thành, diệt 32 tên, thu 30 súng, địch đưa Tiểu đoàn 1/e31 đến giải tỏa nhưng không dám vào. Cùng lúc đó, quân ta đánh cứ điểm Thông Bình và 2 khu dinh điền Gò Da, Tân Hòa (Hồng Ngự), diệt nhiều tên địch đồn trú tại đây, thu 12 súng và nhiều tài liệu quan trọng. Trên sông Sở Hạ, quân ta phục kích chặn đường tiếp viện của địch. Trong cuộc tấn công này, ta phá tan ấp trù mật thí điểm của địch ở Tân Thành và Thông Bình, đưa dân về quê cũ.

Đại đội địa phương quân huyện Hồng Ngự (quân số 1 trung đội), sau khi thành lập đã ra quân đánh thắng trận đầu. Đại đội do đồng chí Sáu Hồng Khanh chỉ huy, phục kích tại kinh Bảy Thưa (hậu xã An Bình) đánh một đại đội bảo an Kiến Phong từ chi khu Hồng Ngự càn vào. Địch rút chạy, quân ta truy kích diệt nhiều tên, thu 20 súng.

Trước sức ép nổi dậy của quần chúng và đòn tiến công của bộ đội ta, các bót ở Đường Thét, Cản Đất rút chạy, ta giải phóng 3 ấp trên kinh Nguyễn Văn Tiếp A (thuộc 2 xã Mỹ Quý và Thiện Mỹ, huyện Cao Lãnh). Lực lượng địch ở các khu dinh điền: Khu 3 Phú Thành, Khu 4 Tràm Chim, Tân Công Sính (Thanh Bình), Khu 5 Gò Mười Tải Phong Mỹ (Cao Lãnh), Khu 6 Mỹ Hưng (Mỹ An) cũng lần lượt rút chạy, quần chúng bung ra ngoài làm ăn.

Đặc biệt, xã Hòa An chỉ cách trung tâm thị xã Cao Lãnh không quá 1.000m, trong đợt Đồng khởi này (tháng 4/1960), quần chúng nổi dậy rất mạnh. Hơn 500 người tập hợp thành đội ngũ chỉnh tề tuần hành thị uy qua các ấp, hô khẩu hiệu, đánh trống mõ, sau đó, có thêm nhiều người hưởng ứng, nhập vào đoàn biểu tình. Ta còn tổ chức một trung đội hơn 20 người, trong đó có trưởng ấp Hòa Long và thanh niên chiến đấu nghi trang nón nan, áo khoác, mang súng cây, ban đêm đi một vòng trong ấp. Sáng ra, cơ sở ta tung tin có quân chủ lực về. Trước khí thế nổi dậy của quần chúng, tề xã co rút, một số chủ ấp hoảng sợ, trả sổ sách, nghỉ việc.

Trong tháng 3/1960, ở các huyện phía nam sông Tiền, Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt phân tán nhiều phân đội bám vào xóm ấp

tuyên truyền phát động quần chúng các xã Bình Thạnh Trung, Tân An Trung, Hội An Đông, Mỹ An Hưng, Long Thắng, Vĩnh Thạnh (Lấp Vò), Phú Long, An Khánh (Châu Thành). Trong các cuộc vũ trang tuyên truyền nói trên, quân ta diệt và bắt nhiều tên tề xã, mật báo và dân vệ ác ôn. Ngày 19/4/1960, lúc 7 giờ sáng, một đại đội của Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt đánh thiệt hại nặng trung đội bảo an tại xã An Khánh.

Kết quả Đồng khởi đợt 2 (từ giữa tháng 2 đến tháng 4/1960), quân và dân trong tỉnh đã tiêu diệt và bức rút một số đồn, bót của địch trên tuyến sông Sở Hạ (Hồng Ngự), giải phóng đoạn Đường Thét, Cản Đất trên kinh Nguyễn Văn Tiếp A (Cao Lãnh), phá tan hai khu dinh điền Gò Da và Tân Hòa (Hồng Ngự), vũ trang tuyên truyền nhiều xã, diệt và bắt hàng chục tên địch trong đó có nhiều tên ác ôn, mật báo viên nguy hiểm, mở ra hành lang giải phóng liên hoàn từ huyện Mỹ An lên đến Hồng Ngự giáp với Campuchia. Tuy nhiên, trong đồng khởi lần này ta chưa phát huy được thế mạnh của lực lượng chính trị quần chúng - bị Liên Tỉnh ủy phê phán là *còn tư tưởng ỷ lại vào đấu tranh vũ trang*.

Sau Đồng khởi đợt 2, theo chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy (Khu 8), Đảng bộ Kiến Phong tiếp tục phát động các đợt hoạt động nhân các ngày kỷ niệm 01/5, 19/5, 20/7, chú ý xây dựng lực lượng chính trị, phát động phong trào du kích chiến tranh, ra sức xây dựng xã, ấp chiến đấu chống địch càn quét tái chiếm, tiếp tục phát động khởi nghĩa ở những xã có điều kiện.

Trong tháng 4/1960, Tiểu đoàn 502 chống càn tại Ngã Cái (xã Long Hiệp); phục kích trên lộ 30 đoạn từ xã Bình Hàng

Tây về xã Mỹ Thọ, diệt hơn 1 tiểu đội địch, bắn cháy 1 xe GMC, thu 1 trung liên; chống càn đánh một tiểu đoàn của Sư đoàn 21 ở đầu kinh Kiểm Điền Ngân (xã Mỹ Thọ), diệt và làm bị thương 60 tên; chặn đánh một trung đội thám báo tại kinh Ba (xã Mỹ Hòa), diệt và bắt 4 tên, thu 4 súng, có một cối 60 ly; đánh một đại đội bảo an ở Bảy Thưa (hậu xã An Bình, huyện Hồng Ngự), diệt nhiều tên, thu một số súng, trong đó có 3 trung liên. Phong trào du kích chiến tranh nổi lên cuộc chiến đấu chống địch tái chiếm của nhân dân xã Bình Thạnh (Cao Lãnh). Du kích và đồng bào ở đây dựa vào xã ấp chiến đấu đánh bại cuộc càn lớn của địch có tàu chiến và máy bay yểm trợ, giữ vùng giải phóng.

Tháng 5/1960, Tiểu đoàn 502 phục kích tại ngọn rạch Chùa Tổ (xã Bình Hàng Trung), làm thiệt hại nặng đại đội bảo an. Địch tháo chạy, quân ta truy kích tới lộ 30, binh lính ở đồn nhà thờ hoảng hốt rút chạy, ta làm chủ lộ 30 và khu chợ. Xã Bình Hàng Trung là xã thứ 9 trong tỉnh được giải phóng.

Các huyện Lấp Vò, Sa Đéc và Châu Thành, theo chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy Tây Nam Bộ (Khu 9) và Tỉnh ủy Vĩnh Long, Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt mở đợt hoạt động mới. Trong tháng 6/1960, các phân đội vũ trang của tiểu đoàn đột nhập vào xã Tân Thới (Lấp Vò), bắn phá trụ sở dân vệ, diệt một cảnh sát xã; đột nhập vào xã Long Hậu (Lấp Vò), bắt một trung đội phó thanh niên cộng hòa; phối hợp du kích Vĩnh Thạnh đánh giao thông tỉnh lộ 8 (đoạn xã Vĩnh Thạnh), diệt tổng đoàn dân vệ; đánh diệt đại đội 48 bảo an tại Vĩnh Thạnh. Ngoài ra, còn vũ trang tuyên truyền ở các xã Phú Long, Tân Nhuận Đông, An Phú Thuận, Hòa Tân (Châu Thành), vận động quần chúng không đi làm khu trù mật, tử hình một mật vụ kiêm

trung đội trưởng thanh niên bảo vệ hương thôn có nhiều nợ máu với nhân dân. Đặc biệt, lúc 17 giờ 15, ngày 16/6/1960, một phân đội vũ trang của Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt phục kích xe chở Tỉnh trưởng Khưu Văn Ba và xe hộ tống, diệt Tỉnh trưởng và một công an viên, bắt sống Trưởng ty Thông tin Vĩnh Long[1], gây tiếng vang lớn, mở đầu thời kỳ tiến công và nổi dậy của nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Sau đó, khoảng đầu tháng 7/1960, địch trả thù, thảm sát 52 tù chính trị ở đuôi Huyền Vũ (xã Tịnh Thới).

Các hoạt động ngày một gia tăng của Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt làm các cấp chỉ huy địch ở tỉnh Vĩnh Long rất lo ngại. Từ ngày 16 đến ngày 25/6/1960, địch mở nhiều cuộc hành quân vây ráp, bắt bớ ở xã Tân Xuân, Long Thắng, Tân Phú Trung (Sa Đéc), Long Hậu, Mỹ An Hưng (Lấp Vò).

Tháng 6/1960, thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy Khu 8, các cấp ủy đảng tỉnh Kiến Phong triển khai quán triệt Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ tư (tháng 11/1959)[2]. Nghị quyết khẳng định chủ trương đúng đắn của Nghị quyết 15, phát triển và cụ thể hóa phù hợp đặc điểm tình hình từng khu, biểu dương và cổ vũ quân và dân ta tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Vào đợt 20/7, trong các ngày 30/6, 19/7, Tiểu đoàn 502 hai lần đột nhập khu dinh điền Gò Da (Hồng Ngự), phát động

---

1. Tỉnh trưởng Khưu Văn Ba đi thăm khu trù mật Cái Sơn, trên đường về bị ta phục kích. Số liệu ghi ở đây dựa vào báo cáo của tỉnh Vĩnh Long gửi Văn phòng phủ Tổng thống Việt Nam cộng hòa.

2. Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam có mật danh là R. Từ đây Liên Tỉnh ủy được gọi là Khu ủy.

quần chúng, làm cho đồng bào thấy được âm mưu của Mỹ - Diệm đẩy đồng bào đến vùng hoang vu, chịu cảnh sống cơ cực nhằm lợi dụng đồng bào chống lại cách mạng. Cơ sở quần chúng nòng cốt điểm chỉ cho bộ đội bắt một tên mật báo viên ác ôn. Ngày 15/7/1960, một cánh quân khác của Tiểu đoàn 502 đánh chiếm một ghe chở 1.066 bao gạo của địch trên đường vào các dinh điền.

Cũng trong tháng 7, Tiểu đoàn 502 vận động tập kích một đại đội thuộc Sư đoàn 21 chủ lực ngụy tại kinh Ông Cả, xã Phong Mỹ (Cao Lãnh), diệt 20 tên, thu 7 súng; chống càn ở Tràm Dơi, ngọn Kiểm Điền Ngân (xã Mỹ Thọ), đánh hai tiểu đoàn của Sư đoàn 21 và bảo an, giết và làm bị thương 70 tên, ta hy sinh 1 đồng chí, bị thương 1 đồng chí (đều là cán bộ đại đội). Ngày 18/7/1960, Đại đội 271 cơ động tỉnh đóng quân tại đám tràm Sáu Tố (kinh Cái Bèo, xã Mỹ An), bị một tiểu đoàn địch càn vào, quân ta vừa chiến đấu vừa rút về Kinh 1 (xã Mỹ Hội), địch chết và bị thương 50 tên, ta hy sinh 13 đồng chí, trong đó có 2 cán bộ trung đội, bị thương 5 đồng chí. Trận này ta có khuyết điểm trú quân không đào công sự nên bị tổn thất nặng.

Những tháng cuối năm 1960, nhân dân các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình và Cao Lãnh tổ chức nhiều cuộc đấu tranh chính trị. Huyện ủy Hồng Ngự lãnh đạo cuộc đấu tranh của hàng ngàn quần chúng ở quận lỵ đòi Quận trưởng Long chấm dứt càn quét, bắn phá, giữ gìn trật tự an ninh cho dân sản xuất. Nhiều gia đình binh sĩ tham gia biểu tình đấu tranh đòi thả chồng, con, em về nhà làm ăn, đòi tăng lương cho binh sĩ. Nhiều xã tổ chức biểu dương lực lượng, làm súng giả bao vây đồn, bót, không cho lính nống ra ruồng bố.

Các huyện phía nam sông Tiền, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Vĩnh Long đẩy mạnh phát triển đấu tranh chính trị kết hợp với diệt ác trừ gian và thống nhất với Khu ủy lấy ngày 14/9/1960 đồng loạt nổi dậy. Tỉnh tăng cường cán bộ xuống chỉ đạo cơ sở, củng cố cơ sở đảng những nơi bị địch đánh phá. Ở xã, ấp, ta tổ chức *Hội nghị Diên Hồng*, gồm các đại biểu cơ sở nòng cốt, phát động gây căm thù và hạ quyết tâm nổi dậy. Tỉnh ủy (Vĩnh Long) chỉ đạo lấy xã Hòa Tân (Châu Thành) làm điểm, đánh bót Giồng Nổi, phối hợp nổi dậy là các xã An Khánh, Tân Nhuận Đông và Phú Hựu. Huyện Lấp Vò lấy xã Long Hưng làm điểm, mở lan ra Tân Dương, Hòa Thành, đồng thời phát động nổi dậy trên diện rộng. Đêm 13 rạng 14/9, quần chúng các xã đồng loạt đánh trống mõ liên hồi, du kích và cơ sở nòng cốt mang súng giả truy lùng ác ôn, giải tán liên gia, tề ấp, tề khóm ở các xã Mỹ An Hưng, Tân Mỹ, Bình Thạnh Trung, Long Hưng, Long Hậu, Hòa Thành, Tân Phước, Hội An Đông... Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt đánh diệt bọn dân vệ và tề xã Phong Hòa, bao vây đồn Giồng Nổi, đánh quân tăng viện từ chi khu Châu Thành vào An Khánh, hỗ trợ cuộc bao vây bức rút đồn Kinh Mới, đánh thiệt hại nặng 1 tàu sắt của địch, kết hợp quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ 3 xã Phú Long, Hòa Tân, An Khánh và phân nửa các xã Phú Hựu, An Nhơn, Tân Nhuận Đông. Các xã Mỹ An Hưng, Tân Mỹ, Hòa Thành, Long Hưng, Tân Dương, Tân Khánh Tây, Vĩnh Thạnh, quần chúng nổi dậy quét sạch tề điệp. Chỉ trong mấy ngày, hai lõm căn cứ quan trọng của huyện Châu Thành được mở ra và tồn tại nhiều năm trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đến cuối năm 1960, lực lượng mọi mặt của ta đã trưởng thành, thế trận được mở ra như sau:

Ở tỉnh Kiến Phong, quần chúng nổi dậy ở đại bộ phận các vùng nông thôn, giải phóng 2 xã (Thanh Mỹ và Bình Thạnh), địch chiếm lại 7/9 xã giải phóng, quần chúng giành quyền làm chủ nhiều ấp ở các xã khác. Ở Châu Thành, Sa Đéc, Lấp Vò giải phóng cơ bản 6 xã. Các lực lượng vũ trang tỉnh đánh hàng trăm trận lớn nhỏ, diệt và làm bị thương 800 tên địch, bắt sống 500 tên (kể cả tề điệp), làm rã ngũ nhiều tên, thu 400 súng các loại, có 15 trung liên, 1 cối 60 ly, diệt 12 đồn và trụ sở tề, bức rút 9 đồn,...

Thời kỳ này nổi lên vai trò của công tác binh vận. Ta xây dựng lực lượng nòng cốt thanh niên đưa vào lực lượng địch, phát động phong trào chống bắt lính. Phong trào quần chúng, nhất là gia đình binh sĩ kêu gọi chồng con đào - rã ngũ... đã góp phần to lớn phá thế kềm kẹp, đồng khởi giành quyền làm chủ của nhân dân ta.

Mặc dù phải liên tục đánh địch, các lực lượng vũ trang trong tỉnh vẫn phát triển mạnh về quân số và trang bị. Đến cuối năm 1960, Tiểu đoàn 502 Kiến Phong có 400 quân[1]. Công trường của tỉnh bước đầu mở rộng sửa chữa vũ khí, sản xuất đạp lôi, chông sắt, lựu đạn,... Công trường huyện cũng được thành lập, nhiều xã có tổ vũ khí. Phong trào du kích chiến

1. Tỉnh Kiến Phong còn đưa về Khu 1 đại đội làm nòng cốt xây dựng Tiểu đoàn 261 của khu, chi viện 1 trung đội có đầy đủ súng cho tỉnh Mỹ Tho, chuyển sang tỉnh Bến Tre và tỉnh An Giang một số súng, vận động 100 tân binh bổ sung b295 bảo vệ Khu ủy và đưa về Miền.

tranh phát triển mạnh, mỗi xã vùng giải phóng có 1 trung đội du kích, xã tranh chấp có từ 1 đến 2 tiểu đội, xã vùng yếu có tổ du kích mật.

Công tác cán bộ đặt ra yêu cầu bức thiết. Tỉnh ủy đưa nhiều cán bộ đi học các lớp ở Khu, có nhiều cấp ủy viên của tỉnh, huyện. Trong năm 1960, hai trường Đảng (mật danh Tư Huyến), trường đoàn thể (Năm Luận) tỉnh Kiến Phong mở 6 lớp đào tạo cán bộ cơ sở và cán bộ đoàn thể, hàng trăm cán bộ qua trường lớp đã trở thành cốt cán lãnh đạo phong trào. Ngoài ra, còn chú ý bồi dưỡng cán bộ qua các hội nghị học tập Nghị quyết 15 của Trung ương (năm 1959), Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ tư (tháng 11/1959), Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ năm (tháng 7/1960), các hội nghị sơ kết, tổng kết... Các cuộc học tập này nhằm thông suốt đường lối, chính sách, chủ trương của trên, tổng kết và rút kinh nghiệm công tác, nhất là kinh nghiệm phát động tư tưởng trong Đảng bộ. Tuy nhiên, công tác đào tạo cán bộ chưa đáp ứng kịp yêu cầu lãnh đạo phong trào, việc giáo dục đảng viên còn hạn chế trong khi số lượng đảng viên mới tăng nhanh.

Với đà phát triển của phong trào, ta đã khôi phục và phát triển cơ sở đều khắp các vùng nông thôn và một số nơi trong thị xã, thị trấn. Đến cuối năm 1960, tỉnh Kiến Phong không còn xã trắng (năm 1959 còn 1 xã chưa có cơ sở), số lượng đảng viên tăng lên 1.066 đồng chí, so với năm 1959 (358 đảng viên) thì số mới phát triển bằng 197,7%. Tốc độ phát triển Đảng tương đối nhanh, nhưng so với nhịp độ, quy mô phát triển của phong trào và yêu cầu lãnh đạo vẫn chưa đáp ứng kịp, tỷ lệ đảng viên nữ còn thấp (khoảng 10%),

cơ sở phát triển rất chậm ở thị xã, thị trấn, vùng tôn giáo, khu dinh điền và trong lòng địch.

Tuy còn một số nhược điểm và thiếu sót nhưng thắng lợi của phong trào Đồng khởi 1959 - 1960 có ý nghĩa và vị trí đặc biệt quan trọng trong tiến trình lịch sử cách mạng của tỉnh.

Cuộc nổi dậy - tấn công (sau này gọi là Đồng khởi) 1959 - 1960 là một tất yếu lịch sử, một cuộc bùng nổ cách mạng sau những năm tháng khốc liệt, chịu đựng nhiều hy sinh, gian khổ, nung nấu căm thù và lòng yêu nước, thiết tha với độc lập, tự do của đồng bào được Đảng ta phát động rất đúng lúc. Đó là đỉnh cao nhảy vọt của quá trình vận động trong nhiều năm từ các phong trào đấu tranh của quần chúng có kết hợp vũ trang và binh vận, là kết quả của quá trình ta sắp xếp lực lượng, trừ gian, diệt ác, giữ gìn và xúc tích lực lượng một cách bền bỉ với niềm tin tất thắng.

Cuộc nổi dậy của nhân dân trong tỉnh đã góp phần làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch, đánh dấu bước ngoặt chuyển thế cách mạng, góp phần đưa phong trào cách mạng toàn Miền sang giai đoạn mới: *giai đoạn tiến công địch liên tục và mạnh mẽ, phát triển không ngừng cả thế và lực cách mạng; chấm dứt thời kỳ chiến tranh một phía, thế mạnh tạm thời của địch, bắt đầu quá trình khủng hoảng toàn diện và triền miên của chúng.*

Nghị quyết 15 của Trung ương và thực tiễn lãnh đạo phong trào Đồng khởi của Đảng bộ đã giải quyết được những lúng túng về cách đánh địch, giải quyết tư tưởng bi quan, cầu an, co thủ hữu khuynh của một bộ phận cán bộ, đảng viên, xóa tan sự lấn cấn giữa bạo lực và hòa bình chủ nghĩa, đem lại cho

Đảng bộ niềm tin phấn khởi, củng cố lòng tin vào khả năng cách mạng quần chúng.

Một đặc điểm quan trọng, xuyên suốt, xuất phát từ quan điểm thấu triệt trong Đảng bộ là: nhờ xây dựng lực lượng vũ trang sớm, lại biết kết hợp làm công tác vũ trang tuyên truyền với trấn áp ác ôn, bảo vệ được lực lượng cán bộ và cơ sở tồn tại trong dân, giữ được lòng tin vào cách mạng, do đó, trong tình thế quần chúng bị địch khống chế vẫn phát động được phong trào khởi nghĩa rộng mạnh, đưa uy thế quần chúng lên và tạo ra những khả năng hợp pháp với địch vững vàng. *Kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự với binh vận, giữ thế hợp pháp cho quần chúng là những vấn đề phát triển mới về cách đánh địch ở tỉnh Kiến Phong.*

Chương II

PHÁT ĐỘNG CAO TRÀO PHÁ ẤP CHIẾN LƯỢC, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" (1961 - 1965)

I- TIẾN CÔNG ĐỊCH BA MẶT, GIỮ THẾ LÀM CHỦ CỦA QUẦN CHÚNG Ở NÔNG THÔN

Cuộc khởi nghĩa từng phần năm 1959 - 1960 trong tỉnh hòa nhập vào phong trào khởi nghĩa ở nông thôn Nam Bộ thành một cuộc khởi nghĩa khổng lồ, giành thắng lợi hết sức to lớn. Đánh giá tình hình và kết quả Đồng khởi, Ban Thống nhất Trung ương nêu rõ: "Cuộc Đồng khởi năm 1960 ở miền Nam làm cho hàng ngũ bên dưới của địch hoang mang dao động một cách trầm trọng và lộ liễu. Ở Nam Bộ, trong hơn một nửa số xã, tề, dân vệ và các tổ chức chính trị phản động bị tan rã hoặc tê liệt... Tinh thần sĩ quan cấp dưới và binh lính giảm sút nặng. Các cuộc hành quân càn quét bị phân tán và giảm sút hiệu lực. Việc dồn quân, bắt xâu, thâu thuế nhiều nơi không làm được"[1].

Hướng về miền Nam, miền Bắc trong mấy năm khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng quân đội nhân dân

---

1. Trích Báo cáo tình hình miền Nam 6 tháng đầu năm 1960 của Ban Thống nhất Trung ương.

từng bước tiến lên chính quy hiện đại đạt được thành tích đáng kể. Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã có bước phát triển trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và trở thành hệ thống thế giới. Phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới. Trong tình hình đó, từ ngày 05 đến ngày 10/9/1960, Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam khai mạc tại Hà Nội. Đại hội thông qua đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà. Thắng lợi của Đại hội lần thứ III của Đảng là sự động viên, cổ vũ hết sức to lớn đối với đồng bào, chiến sĩ miền Nam nói chung, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh nói riêng.

Ngày 20/12/1960, tin vui lan truyền khắp nước: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, Mặt trận Dân tộc giải phóng là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam. Cờ Mặt trận nền 2 màu nửa trên đỏ, nửa dưới xanh, giữa có sao vàng. Bài ca *Giải phóng miền Nam* là bài hịch hùng tráng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sự kiện lịch sử trọng đại đó mau chóng được nhân dân trong nước và quốc tế đồng tình ủng hộ.

Thắng lợi của cuộc Đồng khởi năm 1960 cùng với những thay đổi trong nước và trên thế giới ngày càng có lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, cho thấy xu thế phát triển của cách mạng miền Nam. Song, ta vẫn còn nhược điểm và khó khăn: phong trào cách mạng nói chung có phát triển

nhưng không đều, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi nhưng chưa thay đổi đến mức căn bản, vùng giải phóng rộng lớn chưa được củng cố, thực lực chưa nhiều, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam mới được thành lập, ảnh hưởng chưa sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân.

Riêng ở tỉnh Kiến Phong và các tỉnh lân cận, sau Đồng khởi, chính quyền ở xã ấp của địch bị tan rã từng mảng lớn nhưng ở cấp quận và tỉnh, nhất là quân chủ lực hầu như còn nguyên vẹn. Trong khi đó, khu Trung Nam Bộ mới thành lập Bộ Tư lệnh Quân khu, bộ đội chủ lực Khu mới phát triển đến cấp tiểu đoàn. Chiến trường ở tỉnh còn gặp khó khăn, là đồng bằng đồng nước trống trải, việc xây dựng căn cứ, giữ hành lang vận chuyển, việc tập trung binh lực và hỏa lực rất hạn chế, lại là chiến trường xa Trung ương, sự chi viện của hậu phương lớn (miền Bắc) chưa nhiều. Dù còn nhược điểm và khó khăn, song nhìn chung, thế và lực của ta sau Đồng khởi phát triển nhanh và mạnh hơn trước gấp bội. Ta có đủ cơ sở và điều kiện khắc phục nhược điểm và khó khăn, đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiến lên theo thời cơ đã mở.

Tháng 4/1961, tại căn cứ Tam Thường (huyện Hồng Ngự), Hội nghị Khu ủy mở rộng đã tổng kết một năm Đồng khởi, triển khai Nghị quyết ngày 31/01/1961 của Bộ Chính trị *Về nhiệm vụ quân sự 5 năm (1961 - 1965) và phương hướng, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam* và chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ.

Trong Hội nghị, theo tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị và sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, Liên Tỉnh ủy

Hàng chục nghìn đồng bào các xã huyện Cao Lãnh và Mỹ An,
tỉnh Kiến Phong làm lễ thượng cờ
Mặt trận Dân tộc giải phóng vừa ra đời

Ảnh: Lê Văn Cương

Trung Nam Bộ chuyển thành Khu ủy, đồng chí Nguyễn Minh Đường làm Bí thư, Nguyễn Văn Chim làm Phó Bí thư, các đồng chí Nguyễn Thành Long, Nguyễn Văn Phối, Phạm Ngọc Bích, Huỳnh Châu Sổ, Nguyễn Thị Định làm Ủy viên. Một thời gian sau hội nghị, Bộ Tư lệnh Quân khu và hệ thống chỉ huy các cấp được hình thành. Bộ Tư lệnh gồm Lê Quốc Sản - Tư lệnh, Nguyễn Minh Đường - Chính ủy, Nguyễn Văn Phối - Phó Chính ủy, Đỗ Giọng - Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng.

II- MỸ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" (1961 - 1965)

1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"

Chiến lược "trả đũa ồ ạt" của Tổng thống Mỹ Aixenhao trải qua 8 năm thực hiện (1953 - 1960) đã tỏ ra bất lực, không ngăn chặn được phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản thế giới. Ở miền Nam Việt Nam, sau Đồng khởi đợt 1, 2 (năm 1960), cách mạng ngày càng lớn mạnh, chế độ Sài Gòn trước nguy cơ sụp đổ. Ngày 20/01/1961, Tổng thống Mỹ mới đắc cử Kennơđi đã chọn chiến lược "phản ứng linh hoạt" và thử nghiệm ở miền Nam từ mức thấp nhất là "chiến tranh đặc biệt", theo công thức "binh lính Sài Gòn + vũ khí Mỹ + cố vấn Mỹ".

Để thực hiện chiến lược đó, tháng 3/1961, Mỹ lập lực lượng đặc nhiệm[1] và đưa 400 lính lực lượng đặc biệt sang miền Nam Việt Nam.

Để thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt", ngày 22/11/1961, Tổng thống Kennơđi phê chuẩn kế hoạch Xtalây - Taylo với tham vọng bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Kế hoạch Xtalây - Taylo được triển khai với 3 nội dung chủ yếu:

- Củng cố chính quyền Sài Gòn: Sau khi bầu lại tổng thống tiến hành cải tổ chính phủ.

- Tăng cường quân ngụy Sài Gòn và nhân viên quân sự Mỹ ở miền Nam; tổ chức lại chiến trường, kéo dài thời gian

1. Gồm Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, CIA, Cơ quan quản trị hợp tác quốc tế ICA, Cục Thông tin Mỹ USIA và Văn phòng tổng thống.

quân dịch, ráo riết bắt lính đôn quân (năm 1963, quân Sài Gòn tăng gấp đôi so với năm 1961).

- Tiến hành bình định bằng chính sách ấp chiến lược.

- Thực hiện "Quốc sách ấp chiến lược".

Sau thất bại trong việc thành lập khu dinh điền, khu trù mật, tháng 7/1961, Mỹ - Diệm tiến hành chương trình ấp chiến lược. Đến ngày 17/4/1962, chương trình này được Mỹ - Diệm nâng lên thành "quốc sách". Quốc sách ấp chiến lược có những điểm đáng chú ý:

- Ấp chiến lược được khoác một cái vỏ triết thuyết, là sự phối hợp giữa thuyết "pháp trị" và "nhân vị" gọi là "cộng đồng, đồng tiến, cải thiện dân sinh", mục đích chính là kềm kẹp bằng luật lệ phátxít, đi đôi với lừa mị bằng một số chính sách kinh tế - xã hội thực thi ở ấp chiến lược.

- Việc thực thi quốc sách ấp chiến lược không còn là một kế hoạch riêng lẻ như trước, mà cần huy động toàn lực, tiến công toàn diện vào hạ tầng cơ sở nông thôn, trong đó chủ yếu là lực lượng quân sự.

- Quá trình xây dựng ấp chiến lược là quá trình "chiến tranh tâm lý", làm cho "người dân căm thù cộng sản", "tự nguyện đứng về phía quốc gia để chống cộng" theo phương châm "chinh phục trái tim và khối óc người nông dân", từ đó "lấy dân để chiếm đất chứ không phải chiếm đất để giữ dân" như trước.

Chính quyền Sài Gòn chia 3 loại vùng áp dụng biện pháp gom dân, tát dân, lập ấp chiến lược khác nhau:

- Vùng đô thị, ven đô thị: làm hàng rào tại chỗ để quây người dân lại thành khóm hoặc ấp chiến lược, không phải tổ chức hành quân quy mô lớn để gom dân.

- Vùng nông thôn tranh chấp: tổ chức nhiều cuộc càn quét, kết hợp gom dân ra ven quốc lộ lập ấp chiến lược.

- Vùng giải phóng: đốt phá nhà, dùng bạo lực cưỡng bức gom dân vào ấp chiến lược theo quy định trước.

Thực hiện kế hoạch Xtalây - Taylo, trong năm 1962, chính quyền Sài Gòn liên tiếp mở 4 chiến dịch lớn để tiêu diệt lực lượng cách mạng và giành dân lập ấp chiến lược (chiến dịch Bình Minh quy mô sư đoàn đánh vào 9 tỉnh miền Đông Nam Bộ, chiến dịch Bình Tây đánh vào các tỉnh Tây Nam Bộ, chiến dịch Sao Mai đánh vào Long An, Tây Ninh, chiến khu Dương Minh Châu và chiến dịch Thu Đông đánh vào chiến khu Đ). Chúng tăng cường lực lượng vũ trang địa phương (bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu) bảo vệ tại chỗ hòng tăng khả năng cơ động của quân chủ lực với sự yểm trợ vũ khí, phương tiện hiện đại của Mỹ tiến công lực lượng cách mạng bằng thủ đoạn "bủa lưới phóng lao", "phượng hoàng vồ mồi", "trên đe dưới búa", "sóng tình thương"... Trong đó, chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" của Mỹ gây nhiều khó khăn, tổn thất cho ta.

2. Diễn biến triển khai quốc sách ấp chiến lược và chống phá ấp chiến lược

Để đối phó với tình hình phát triển của cách mạng miền Nam, Mỹ vội vã đưa thêm cố vấn và phương tiện chiến tranh vào miền Nam và tăng viện trợ, lập Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn trùm lên Bộ Tổng tham mưu ngụy, sử dụng các lực lượng yểm trợ Mỹ (không quân, hải quân, biệt kích...) trực tiếp chiến đấu ở miền Nam, chuẩn bị điều kiện đưa quân chính quy Mỹ và chư hầu vào miền Nam. Từ năm 1961 đến cuối năm 1962, Mỹ - Diệm thực hiện kế hoạch Xtalây - Taylo bình

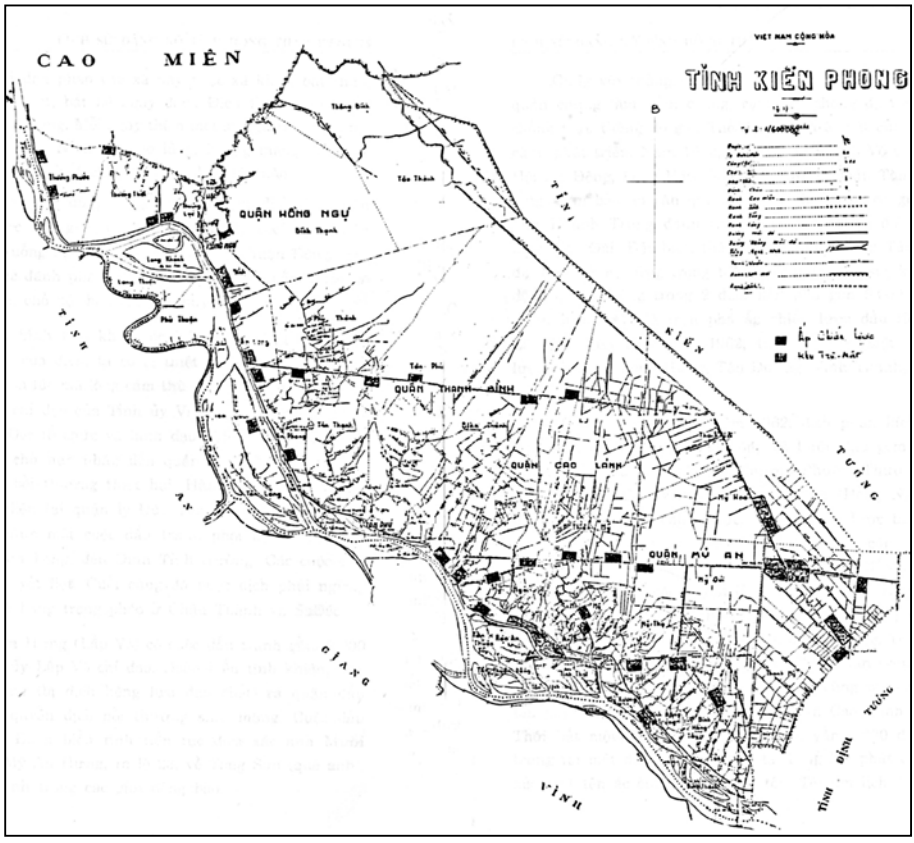

Hệ thống ấp chiến lược, khu trù mật của địch ở tỉnh Kiến Phong, dự định xây dựng trong giai đoạn 1 (1961 - 1962), sao chụp nguyên bản trong hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Trung ương 2

định miền Nam Việt Nam trong 18 tháng. Đây là kế hoạch giai đoạn I trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Các biện pháp chủ yếu là ra sức bắt lính, đôn quân, xây dựng ngụy quân, ngụy quyền mạnh lên, tăng cường phong tỏa biên giới và bờ biển, đẩy mạnh càn quét gom dân lập ấp chiến lược để kềm dân, tách dân ra khỏi Đảng, diệt du kích... lập ấp chiến lược được coi là "quốc sách", là "xương sống" của "chiến tranh đặc biệt".

Tại tỉnh Kiến Phong, giai đoạn I, địch lập kế hoạch xây dựng 65 ấp chiến lược (gồm 38 ấp chiến đấu, 27 ấp trù mật) và 4 khu trù mật[1], lập thêm dinh điền Tràm Chim, đào kinh từ sông Tiền đến rạch Cả Sách, gần biên giới nhằm "chặn đường tiếp viện kinh tài của Việt cộng", lập quận Kiến Văn (13/7/1961) gồm các xã Bình Hàng Trung (quận lỵ), Bình Hàng Tây, Bình Thạnh, Long Hiệp, Mỹ Hội, Mỹ Xương, Mỹ Thọ.

Các huyện Châu Thành, Sa Đéc, Lấp Vò[2], ngụy quân, ngụy quyền tiến hành điều tra, thụ huấn cán bộ, lập ấp chiến lược ở một vài nơi làm thí điểm rút kinh nghiệm, đồng thời, chuẩn bị cơ sở vật chất lập ấp chiến lược trên diện rộng trong năm 1962 - 1963.

Trong giai đoạn I, địch đưa ra các biện pháp: phát động nhân dân chống Cộng, củng cố thanh niên ấp (thanh niên chiến đấu), lập các đồn bình định, đóng thêm đồn, bót dọc lộ 30, kinh Nguyễn Văn Tiếp A và kinh An Long, dùng chiến thuật "vết dầu loang" càn quét từng vùng kết hợp với "chiêu an" (lôi kéo du kích đầu thú), chỉnh đốn hệ thống tình báo từ tỉnh đến quận, xã, trong quân đội, cảnh sát, dân vệ, cài cắm một số gián điệp vào vùng giải phóng[3].

Địch đẩy mạnh hành quân đánh phá dọc biên giới Hồng Ngự - Campuchia, vùng Đồng Tháp Mười, Long Hưng,

---

1. Xem bản đồ hệ thống ấp chiến lược, khu trù mật ở tỉnh Kiến Phong, dự định xây dựng trong giai đoạn I (1961-1962).

2. Năm 1962, chính quyền Sài Gòn chia tỉnh Sa Đéc làm 4 quận: Đức Tôn, Đức Thành, Sa Đéc, Lấp Vò.

3. Năm 1961, Mỹ bố trí 16 nhân viên CIA bên cạnh cơ quan mật vụ tỉnh Kiến Phong.

Vĩnh Thạnh (Lấp Vò), Phú Long, Hòa Tân, An Khánh (Châu Thành) nhằm kềm chân lực lượng vũ trang ta, tạo điều kiện cho quân bình định gom dân lập ấp chiến lược. Ở vùng căn cứ, địch dùng trực thăng, phi pháo kết hợp càn quét gom dân ra vùng chúng kiểm soát. Năm 1962, địch cho bắc nhiều cầu sắt[1] và cống trên trục giao thông An Long - Phước Xuyên, tăng cường pháo và tàu chiến bảo vệ các địa điểm dinh điền dọc kinh Đồng Tiến. Ý đồ của địch là "tạo thành một nỗ lực mạnh mẽ chia cắt khu vực Đồng Tháp Mười làm 2 phần, rất ích lợi trong việc tác chiến chống cộng"[3].

Cùng với việc đánh phá, gom dân lập ấp chiến lược, trận lụt năm 1961 làm mùa màng bị thiệt hại nặng, càng gây cho ta nhiều khó khăn.

Trước tình hình trên, tháng 10/1961, tại Hội nghị R (mở rộng) lần thứ nhất, Trung ương Cục miền Nam đã đánh giá một cách toàn diện hoạt động đấu tranh cách mạng, xác định phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam và khẳng định "Con đường đúng đắn mà Đảng ta chủ trương hiện nay là *con đường tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đề ra và được Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ III xác nhận, đó là con đường có lợi nhất và có nhiều khả năng thực hiện*"[2].

Hội nghị đã nêu lên 10 nhiệm vụ cụ thể đối với các cấp Đảng bộ miền Nam: Tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng rộng khắp trên 3 vùng; đẩy mạnh

---

1, 3. Hồ sơ của Văn phòng Phủ tổng thống ngụy (Sài Gòn).

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.22, tr.656.

Đại hội thành lập Ủy ban nhân dân giải phóng tỉnh Kiến Phong, tháng 10/1961

Ảnh: Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp

đấu tranh vũ trang phối hợp với đấu tranh chính trị, phá tan kế hoạch Xtalây - Taylo của địch, chuẩn bị mọi mặt cho tổng khởi nghĩa và đối phó với âm mưu mới của địch; tăng cường vận động binh lính và sĩ quan trong quân đội địch, đây là công tác chiến lược cần quán triệt trong quá trình cách mạng; đẩy mạnh công tác mặt trận dân vận, củng cố cơ sở công nông liên minh, tập hợp mọi lực lượng, mọi khả năng chống Mỹ - Diệm; tiếp tục xây dựng và mở rộng căn cứ địa; xây dựng và củng cố chính quyền ở vùng giải phóng; tăng cường công tác kinh tế, tài chính, đặc biệt là đẩy mạnh sản xuất nhằm cải thiện đời sống nhân dân, đáp ứng nhu cầu to lớn của cách mạng; xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng ở thành thị; đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục; tăng cường công tác tư

tưởng trong Đảng, củng cố và phát triển cơ sở Đảng và Đoàn rộng khắp. Gấp rút đào tạo cán bộ kịp thời đáp ứng nhu cầu phong trào và chuẩn bị tổng khởi nghĩa[1].

Thực hiện chủ trương này, tỉnh đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn và yếu kém nhằm chuyển phong trào lên theo yêu cầu và thời cơ mới.

Cuối năm 1961, tỉnh thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng từ cấp tỉnh đến huyện, xã, lập Ban An ninh tỉnh nhằm giúp cấp ủy chỉ đạo công tác phản gián, bảo vệ nội bộ. Ở các huyện, ban an ninh cũng lần lượt được thành lập do một đồng chí trong thường vụ huyện ủy phụ trách. Cấp xã có ban an ninh xã hoặc 1 cán bộ chuyên trách an ninh. Ngoài ra, còn một số cán bộ an ninh hoạt động trong các tổ chức quần chúng và trong lòng địch. Đồng thời, tỉnh thành lập các ban Tuyên huấn, Tổ chức, Kinh tài, Dân vận, Binh vận, Dân y và các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Nông hội... Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy có các tiểu ban: Tuyên truyền, Huấn học, Thông tấn báo chí, Giáo dục, Văn nghệ, Nhà in, Đoàn văn công và Trường Đảng. Tỉnh ủy còn thành lập Ban Căn cứ đặc trách xây dựng và bảo vệ căn cứ của Tỉnh ủy, phát động trồng cây gây rừng, đào chướng ngại vật, cải tạo địa hình, địa vật.

Hệ thống giao liên từ tỉnh đến huyện xã được xây dựng. Đường giao liên 1A (đường chính) nối Khu 8 với Khu 9 qua các trạm Bình Thạnh (Cao Lãnh), Tân An Trung (Lấp Vò), Tân Nhuận Đông (Châu Thành).

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.22, tr.656-730.

Nhằm khắc phục một cách căn bản và lâu dài những khó khăn do đồng bằng đồng nước trống trải, từ năm 1961, Tỉnh ủy Kiến Phong chủ trương phát động các cơ quan, đơn vị vũ trang và nhân dân trong tỉnh trồng cây gây rừng. Chủ trương này được thực hiện rất tốt, nhờ đó, những năm sau và suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, các cơ quan, đơn vị bộ đội và du kích có chỗ ở, bám trụ, đánh địch thắng lợi trong cả mùa khô và mùa nước nổi.

Thực hiện chủ trương của trên và Tỉnh ủy, các đảng bộ địa phương bám sát lãnh đạo quần chúng đấu tranh quyết liệt với địch, đặc biệt là chống địch bình định Đồng Tháp Mười, điển hình là các cuộc đấu tranh ngày 04/10/1960, 07/01/1961, 05/3/1961.

Cuộc đấu tranh ngày 04/10/1960 gồm 4.000 người, đa số là phụ nữ ở các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình, Mỹ An, Cao Lãnh và thị xã Cao Lãnh. Đoàn chia làm 3 cánh kéo đến Dinh Tỉnh trưởng, Ty Cảnh sát và Dinh quận Cao Lãnh, đưa kiến nghị đòi không được bắn pháo bừa bãi, đòi tự do đi lại làm ăn, không bắt thanh niên đi lính... Địch xoa dịu, đưa người ra nhận đơn, sau đó, chúng trở mặt đàn áp, cho lính dồn nhiều người lên xe nhà binh, chở ra sân vận động. Cuộc đấu tranh giằng co. Đồng bào ở chợ Cao Lãnh kéo ra sân vận động phản đối đàn áp. Đến 12 giờ trưa, Tỉnh trưởng Kiến Phong buộc phải nhượng bộ, ra lệnh trả tự do cho những người bị bắt.

Cuộc đấu tranh ngày 07/01/1961 gồm 6.000 người từ các huyện trong tỉnh Kiến Phong kéo về thị xã Cao Lãnh, yêu sách cũng như cuộc đấu tranh trên. Lần này, Tỉnh trưởng cũng xoa dịu cho người ra nhận đơn rồi đề nghị đoàn biểu tình giải tán.

Ở Ty Cảnh sát, địch dùng dây thép gai bao vây, chia cắt lực lượng biểu tình, đánh đập, tra hỏi một số người nhưng không khai thác được gì. Lực lượng đấu tranh bên ngoài kéo đến tiếp ứng đông nghẹt một khúc đường trước Ty Cảnh sát. Thấy tình thế không ổn, địch chuyển sang thủ đoạn bắt "biểu tình ngược chống Việt cộng", vẽ khẩu hiệu "đả đảo Việt cộng" lên nón lá, lên áo. Chị em kiên quyết đấu tranh chống lại, đạp nón, lột áo. Cảnh sát bắt một số người, Ban Chỉ huy biểu tình cử người đến gặp Tỉnh trưởng yêu cầu ngừng khủng bố. Đến chiều địch phải nhượng bộ, trả tự do cho số người bị bắt nhưng vẫn giữ lại 7 phụ nữ ở huyện Thanh Bình. Liên tiếp mấy ngày sau, tỉnh chỉ đạo tổ chức nhiều đoàn kéo đến đòi trả tự do cho những người còn bị giam giữ, cuối cùng địch buộc phải thả hết.

Rút kinh nghiệm và phát huy thắng lợi hai cuộc đấu tranh trên, ta tổ chức một cuộc đấu tranh quy mô lớn hơn vào ngày 05/3/1961. Cuộc đấu tranh được chuẩn bị chu đáo[1] và lãnh đạo chặt chẽ. Ngoài ban chỉ đạo, Ban Chỉ huy trực diện của tỉnh còn có ban chỉ huy từng cánh của huyện, lực lượng bảo vệ, liên lạc, cứu thương, tiếp tế hậu cần. Mỗi cánh đều vận động một bộ phận gia đình binh sĩ tham gia. Đến lúc này địch đã lập được 6 khu dinh điền, khu trù mật ở Đồng Tháp Mười và tăng cường càn quét đánh phá, do đó, ta đưa ra khẩu hiệu đòi yên ổn làm ăn, chống bắt lính, đòi an ninh nông thôn.

Rạng sáng ngày 05/3/1961, các cánh từ vị trí tập kết tiến vào thị xã Cao Lãnh.

---

1. Việc tổ chức đấu tranh chính trị, từ tỉnh đến xã đều có số cán bộ nhiều kinh nghiệm hướng dẫn lý lẽ, cách đối phó... Cấp tỉnh do đồng chí Tư Thanh phụ trách; huyện Cao Lãnh do đồng chí Sáu Nhĩ làm cán bộ hướng dẫn.

Huyện Mỹ An để lại đấu tranh ở thị trấn 3.000 người, lên thị xã Cao Lãnh 1.000 người, trong đó có cả du kích đội nón nan, đồng phục màu xanh, vũ trang mã tấu để hỗ trợ nếu địch đàn áp, nhưng sau đó tỉnh chỉ đạo cho lực lượng này trở về, số còn lại đi xuồng đến cầu Đình Trung. Lực lượng mũi dùi đi trước, khoảng 100 xuồng lọt vào thị xã, lực lượng đi sau nhập với đoàn Cao Lãnh rất đông. Địch hoảng hốt ném lựu đạn cay, bắn thẳng vào đoàn biểu tình làm hai người chết, nhiều người bị thương và bắt giữ một số người. Lực lượng đi sau không tiến vào nội ô được nhưng lực lượng mũi dùi vẫn đấu tranh quyết liệt với địch, đưa nhiều đơn cho cảnh sát, một bộ phận đấu tranh trực diện ở Tòa Hành chính.

Lực lượng của thị xã Cao Lãnh tập trung ở xã Hòa An, 5 giờ sáng ngày 05/3 kéo xuống Dinh Tỉnh trưởng nhưng đến Cầu Đúc bị địch chặn lại.

Huyện Thanh Bình kéo xuống thị xã 2.000 người, đấu tranh tại quận lỵ Thanh Bình 1.000 người, ở lại làm nhiệm vụ tiếp tế và dự bị 500 người. Rạng sáng ngày 05/3, cánh đi thị xã từ Mỹ Ngãi, tới đồn Quế Ụt lúc 5 giờ sáng thì bị địch chặn lại. Địch dùng xe bọc thép bắn vào đoàn biểu tình, làm chết 3 người, bị thương nhiều người, nhưng lực lượng đấu tranh vẫn tiến lên giằng co với địch. Địch bắt nhiều người (trong đó có người bị thương) đưa vào sân vận động. Tại đây, chúng đánh đập tra hỏi tìm người chỉ huy nhưng không ai khai báo. Chúng chở người bị thương lên thẳng Sài Gòn, cưa chân 2 người.

Lực lượng cánh dưới của huyện Cao Lãnh theo vàm Bà Bầy lên xóm Bún. Địch ở cầu Đúc bắn dọc hai bờ sông không cho xuồng tấp vô bờ, ném lựu đạn chặn đầu đoàn xuồng.

Học sinh thị xã bung ra nhiều ngả đường tiếp sức đấu tranh cùng đồng bào, làm liên lạc và cứu chữa những người bị thương. Một bộ phận quần chúng bao vây Dinh Tỉnh trưởng phản đối hành động đàn áp nói trên. Bọn đầu sỏ lúc này mới xoa dịu, cho người ra nhận đơn và hứa can thiệp, đình chỉ nổ súng và trả tự do số người bị bắt.

Trong cuộc đấu tranh này, nhiều tấm gương hy sinh dũng cảm, như chị Ba, chị Be ở Thanh Bình, bà Bướm, anh Dừa ở huyện Cao Lãnh...

Cũng sáng ngày 05/3/1961, ở tất cả các quận lỵ trong tỉnh đều nổ ra các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ (800 người ở thị trấn Hồng Ngự, 1.000 người ở Thanh Bình, 3.000 người ở Mỹ An, 1.000 người ở thị xã Sa Đéc). Ở quận lỵ Mỹ An, địch bắn chết anh Hai Cai, xã Mỹ An chở xác anh ra quận đòi bồi thường sinh mạng, đồng bào xã Đốc Binh Kiều kéo lên phối hợp đấu tranh quyết liệt, Quận trưởng buộc phải xoa dịu, thừa nhận tội ác và hứa giải quyết yêu sách.

Sau cuộc đấu tranh, Tỉnh ủy mở hội nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm.

"Cuộc đấu tranh ngày 05/3/1961 với quy mô toàn tỉnh, khoảng 14.000 người tham gia (vượt chỉ tiêu 4.000 người), khí thế sôi động. Nói chung, cuộc đấu tranh giành thắng lợi. Riêng cuộc đấu tranh tại thị xã không trọn vẹn, do ta chủ quan, mơn trớn trước thắng lợi dồn dập, thiếu kiểm tra lực lượng và giữ đúng giờ xuất phát của mỗi cánh trong lúc quần chúng rất hăng hái. Các đoàn biểu tình để đa số thanh niên mang mã tấu nhập đoàn, ồ ạt kéo ra thị xã trước 4 giờ sáng, thay vì giờ quy định là 7 giờ sáng. Do đó địch hoảng hốt cho ta là huy động lực lượng cướp chính quyền. Chúng xả súng bắn bừa làm chết

3 người (bà Bướm, anh Dừa ở xã Long Hiệp, anh Cai ở Mỹ An), một số khác bị thương (chị Ba, chị Be ở Thanh Bình, em Bế ở Mỹ Ngãi) và có người bị thương nặng (chị Uy, bà Sẩm ở huyện Thanh Bình). Nhưng lực lượng biểu tình vẫn kiên cường xông tới nêu gương bất khuất làm địch phải chùn bước. Bà Bướm trước khi ngã xuống vẫn không ngớt khoát tay và hô tiến lên, anh Dừa bứt ruột quăng vào mặt trung úy..."[1]. Nhiều chị em lấy thân mình che chở cho các bà, các mẹ khi bọn ác ôn xông đến đánh đập, số chị em bị bắt, bị tra tấn vẫn một mực không khai báo.

Cuộc đấu tranh trên đây có quy mô toàn tỉnh lớn nhất, khí thế quần chúng mạnh mẽ chưa từng có kể từ sau đình chiến năm 1954, là đỉnh cao của phong trào đấu tranh chính trị ở tỉnh Kiến Phong. Tuy có bị hy sinh tổn thất nhưng ảnh hưởng của cuộc đấu tranh lan rộng khắp Nam Bộ. Tuy nhiên, Tỉnh ủy cũng thấy rằng "Sự mất mát do sơ sót của lãnh đạo làm ảnh hưởng xấu đến phong trào không nhỏ, việc tập trung lực lượng chính trị đấu tranh tại thị xã bị sượng kéo dài"[2].

Ngoài cuộc đấu tranh chính trị quy mô toàn tỉnh nói trên, sau đó còn lẻ tẻ nổ ra các cuộc đấu tranh ở quận, xã. Quận Kiến Văn nổ ra cuộc đấu tranh của 2.000 người khiêng 5 xác người dân bị pháo địch bắn chết, đòi quận trưởng bồi thường, hứa chấm dứt bắn pháo bừa bãi. Thị xã Cao Lãnh nổi lên phong trào học sinh đấu tranh đòi công lập trường Lê Quý Đôn, lãng khóa chống tăng học phí, phản đối sa thải giáo viên và bắt thầy giáo đi lính, chống mật vụ đội lốt giáo viên.

1, 2. Trích từ bản góp ý dự thảo Lịch sử Đảng bộ tỉnh của đồng chí Trần Anh Điền, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong viết ngày 20/10/1993.

Với khí thế thừa thắng sau Đồng khởi, ta phát động chiến tranh du kích rộng khắp các vùng nông thôn, phong trào nổi dậy của quần chúng với thế 3 mặt chính trị kết hợp với vũ trang và binh vận tiếp tục nổi lên trong các khu dinh điền, vùng ven thị xã, thị trấn.

Tại khu dinh điền Sa Rài (Hồng Ngự), ngày 04/3/1961, Đại đội 271 cơ động tỉnh (Kiến Phong) phối hợp cơ sở phát động quần chúng nổi dậy diệt tề điệp ác ôn, phá banh khu dinh điền, đưa 200 gia đình dân di cư từ Quảng Nam, Quảng Ngãi về vùng giải phóng. Tiếp đó, Đại đội 271 đánh địch 3 ngày đêm ở xã Tân Thành và Bình Thạnh (Hồng Ngự), lập chính quyền tự quản của quần chúng, mở thông hành lang biên giới. Nhân dân các xã mới giải phóng của huyện Hồng Ngự xây dựng xã ấp chiến đấu, cùng bộ đội địa phương và du kích đánh lui nhiều cuộc càn quét tái chiếm của địch ở Bảy Thưa (An Bình), giồng Ông Tố (Thường Thới), Bình Hưng (Bình Thạnh), tấn công đồn Cả Sách, đồn Cây Thước Nước và đồn mương Ba Chanh, san bằng đồn Cai Lập. Tại xã Mỹ Hòa (Mỹ An), tháng 3/1961, Tiểu đoàn 502 diệt gọn trung đội biệt kích của Chi khu Mỹ An. Cao Tư[1] và Thiếu uý Đức ác ôn khét tiếng bị đền tội trong trận này.

Tại Cả Mác xã Thiện Mỹ (Cao Lãnh), tháng 3/1961, Tiểu đoàn 502 phối hợp địa phương quân huyện và du kích xã phục kích diệt một đại đội, đánh thiệt hại một đội khác, chặn đánh một toán quân nhảy dù chi viện, thu 300 dù, bắn rơi 1 máy bay khu trục. Cùng thời gian này, Đại đội 271 của Tiểu đoàn 502

1. Tên Cao Tư đã giết người mổ bụng moi gan lấy mật, khi chết trong túi áo của hắn còn 3 cái mật người.

cùng du kích xã Mỹ Trà bí mật phục kích ở rạch Bà Mụ, xã Mỹ Trà (cách tiểu khu 2km) đánh bọn bảo an bung ra càn quét, lấn chiếm gom dân, làm chết và bị thương 60 tên, bắt sống 3 tên, trong đó có Đại uý Nguyễn Lương Tri - Tỉnh phó kiêm Tỉnh đoàn trưởng bảo an. Trận đánh diễn ra sát nội ô thị xã làm cho bọn địch trong tỉnh lỵ hoang mang lo sợ, còn nhân dân phấn khởi tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng. Sau một tuần giáo dục, ta tổ chức míttinh ở vùng giải phóng, có hơn 1.000 quần chúng tham dự để phổ biến chính sách 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, phóng thích Đại uý Nguyễn Lương Tri. Việc này đã gây ảnh hưởng rộng rãi trong hàng ngũ chính quyền, quân đội địch, làm sáng ngời chính sách của Mặt trận và chính quyền cách mạng.

Đợt hoạt động tháng 3/1961 chứng tỏ thế và lực cách mạng ở tỉnh Kiến Phong sau Đồng khởi đã phát triển sang một quy mô và trình độ mới. Quần chúng nhân dân, chủ yếu là nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, với lòng căm thù địch và khí thế thừa thắng không những chống càn, diệt địch, giữ vững được quyền làm chủ các vùng nông thôn mà còn tiến công địch mạnh mẽ về chính trị, quân sự, kết hợp với nổi dậy giành quyền làm chủ ở vùng ven và nội ô thị xã Cao Lãnh. Nó cũng chứng tỏ chủ trương của Đảng: *Đưa đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch trên 3 mặt trận - quân sự, chính trị và binh vận - là đúng đắn.*

Phong trào nổi dậy Đồng khởi lại nổi lên ở các xã Hòa An, Tân Thuận Đông và Tân Thuận Tây. Nổi bật nhất là xã Hòa An, một xã cách trung tâm thị xã hơn 1km, được 2 đại đội địa phương quân và du kích xã phối hợp, quần chúng nổi dậy rất mạnh. Ngày 02/9/1961, hơn 1.000 người dân các ấp kéo về khu

Hòa Na, ấp Hòa Mỹ, lực lượng vũ trang bắt trên 10 tên có nợ máu đem ra xét xử, quần chúng phẫn nộ hô "tử hình", số tên này bị xử trị tại chỗ. Sau cuộc nổi dậy, quần chúng hoàn toàn làm chủ xóm ấp, ta mở lõm căn cứ sát nách thị xã Cao Lãnh.

Tháng 7/1961, do sai lầm của Ban Chỉ huy, khi Đại đội 271 hành quân qua kinh Bảy Bồng (xã Mỹ Quý) thì đụng một tiểu đoàn quân chủ lực ngụy đi càn. Địa hình trống trải, địch chiếm sẵn vườn cây, dù bị bất lợi, Đại đội 271 vẫn chiến đấu quyết liệt, diệt hơn 100 tên địch nhưng đơn vị bị thiệt hại nặng, 72 cán bộ, chiến sĩ hy sinh. Sau trận Bảy Bồng, Tỉnh ủy chỉ đạo củng cố lại lực lượng vũ trang tỉnh. Đại đội 271 vận động được 100 tân binh bổ sung, đổi phiên hiệu là c209 (ngày 02/9/1961), Đại đội 272 đổi tên là c261 (ngày 06/01/1961).

Ở các huyện phía nam sông Tiền, sau Đồng khởi 1960, các lực lượng vũ trang ta đổi tên thành Quân giải phóng địa phương - chấm dứt thời kỳ hoạt động dưới danh nghĩa "Liên quân giáo phái". Tiểu đoàn của tỉnh (Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt) giữ lại một trung đội làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh, số còn lại phân làm nhiều trung đội đưa về các huyện. Các huyện Châu Thành, Sa Đéc, Lấp Vò tiếp nhận một trung đội của tỉnh làm nòng cốt xây dựng địa phương quân và du kích xã. Phương châm chỉ đạo: *nắm vững và sử dụng tốt thế hợp pháp cách mạng của quần chúng*, nhờ đó, phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh ở cả 3 huyện, nổi bật nhất là Lấp Vò.

Tháng 12/1960, địa phương quân huyện Lấp Vò phục kích diệt gọn một toán quân địch của đồn Nước Xoáy (xã Long Hưng) càn quét ở ngọn Thủ Ô (xã Vĩnh Thạnh), trong đó có đồn trưởng, ta thu trên 100 súng, có 2 trung liên. Năm 1961, quân và dân huyện Lấp Vò diệt tề xã Vĩnh Thạnh và tề xã Bình

Thạnh Trung, diệt bót Rạch Dong (xã Long Hậu), binh vận lấy bót kinh Thầy Lâm (xã Mỹ An Hưng) và bót Tân Lợi (xã Vĩnh Thạnh). Du kích các xã Bình Thạnh Trung, Tân Khánh Tây, Tân An Trung hoạt động mạnh, diệt nhiều tên ác ôn khét tiếng, nổi bật là du kích Bình Thạnh Trung diệt đồn Bồ Hút, thu 23 súng, du kích xã Long Hậu - phần đông là nữ, binh vận làm rã ngũ nhiều binh lính địch, tổ chức đấu tranh chính trị, làm giao liên, bảo vệ an ninh xóm ấp.

Quân và dân huyện Châu Thành và Sa Đéc, trong thời gian kể trên đã ra sức xây dựng xã, ấp chiến đấu. Bộ đội địa phương và du kích đánh bại nhiều cuộc càn quét tái chiếm của địch, giữ vững vùng căn cứ giải phóng.

Năm 1962, vùng giải phóng của huyện Châu Thành, Sa Đéc vẫn giữ được thế liên hoàn, rộng mạnh. Địch dùng thủ đoạn gom tát dân bằng trọng pháo, cứ 15 phút bắn 1 quả đạn pháo vào xã này hoặc xã khác, bất thần, không thành quy luật, bất kể ngày đêm, kéo dài hơn nửa tháng. Nhân dân lo lắng, hoang mang, bỏ công ăn việc làm.

Song song với việc dùng trọng pháo tát dân, địch thực hiện chiến thuật "trực thăng vận", "đổ quân nhảy cóc". Đầu tiên, chúng đổ quân xuống ngọn Rạch Cầu (xã Tân Nhuận Đông), sau đó, tiếp tục đánh vào cơ quan, du kích, chỗ họp hội của xã, huyện.

Trước tình hình khó khăn, ác liệt với những thủ đoạn gom tát dân mới của địch, ta có thể bị thiệt hại về người và của. Nhưng đây cũng là lúc mà lòng căm thù sôi sục cao độ của quần chúng. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Vĩnh Long, các huyện ủy Châu Thành, Sa Đéc tổ chức và lãnh đạo nhiều cuộc

đấu tranh của quần chúng chở nạn nhân đến quận lỵ, tỉnh lỵ tố cáo tội ác của địch, đòi bồi thường thiệt hại. Hằng ngày đều có cuộc đấu tranh trực diện tại quận lỵ Đức Tôn (Cái Tàu Hạ). Từ 3 đến 5 ngày, tổ chức một cuộc đấu tranh phối hợp các huyện kéo đến Dinh Tỉnh trưởng ở thị xã Vĩnh Long. Các cuộc đấu tranh liên tục, quyết liệt, buộc địch phải ngừng việc gom tát dân bằng trọng pháo ở Châu Thành và Sa Đéc.

Ở xã Mỹ An Hưng (Lấp Vò) có cuộc đấu tranh gồm 2.000 người do Huyện ủy Lấp Vò chỉ đạo. Đoàn biểu tình khiêng xác anh Mười Nhường (bị địch liệng lựu đạn chết) ra quận đấu tranh đòi bồi thường sinh mạng. Cuộc đấu tranh thắng lợi, đoàn biểu tình tiếp tục đưa xác anh Mười Nhường về chợ Mỹ An Hưng, ra lộ 23, về Tòng Sơn (quê nhà), gây xúc động mạnh trong đồng bào.

Cùng với thắng lợi về chính trị, ta phát động phong trào quần chúng làm hầm chông, rào chiến đấu chống địch ruồng bố và chống trực thăng đổ quân. Thế đấu tranh 3 mặt của quần chúng cùng phát triển. Năm 1962, bộ đội huyện Lấp Vò và du kích xã Hội An Đông, Long Hậu diệt đồn mương Quận Tàu, chặn đánh tổng đoàn bảo an càn quét giải tỏa, diệt 3 xe cơ giới. Du kích Tân Khánh Trung đánh thiệt hại nặng trung đội biệt kích ở kinh Cao Đài. Đặc biệt, tháng 4/1962, chi bộ xã Tân Khánh sử dụng cơ sở nội ứng trong phòng vệ dân sự, kết hợp phát động quần chúng trong 2 đêm liền phá gần 9.000 mét rào ấp chiến lược, đây là trận phá ấp chiến lược đầu tiên ở huyện Lấp Vò. Đến cuối năm 1962, ta phá được một số ấp chiến lược ở các xã Long Hưng, Tân Dương, Vĩnh Thạnh, Tân Khánh Đông, Tân Khánh Trung.

Ở tỉnh Kiến Phong, năm 1962, địch phản kích quyết liệt nhằm tái chiếm vùng giải phóng và bước đầu gom dân lập ấp chiến lược. Du kích các xã Thường Phước, Thường Lạc, Tân Hội, Tân Hộ Cơ, Bình Thạnh, An Bình (Hồng Ngự) liên tục đánh địch, phá ấp chiến lược, có ấp chiến lược ta phá đi phá lại nhiều lần. Trong các khu dinh điền, nhiều cán bộ bám quần chúng xây dựng cơ sở, phát động đồng bào đấu tranh đòi về đất cũ làm ăn. Ở các huyện Cao Lãnh, Mỹ An, Kiến Văn, Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục phá thế kềm kẹp vùng ven thị xã, thị trấn.

Đợt hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Đảng, trước Tết nguyên đán, Tiểu đoàn 502 tiến sâu vào xã Tịnh Thới (ven thị xã Cao Lãnh), chặn đường từ thị xã Cao Lãnh xuống Tịnh Thới, bắt một số tên tay sai, xử trị 1 tên ác ôn, cảnh cáo 10 tên. Tết nguyên đán năm 1962, du kích mật xã Tịnh Thới treo cờ trên một cây cao 30m tại đuôi Huyền Vũ, địch không dám hạ xuống. Ngày mùng 6 Tết, ta còn đưa đội văn nghệ về phục vụ tại đình Tịnh Thới, có trên 500 người xem. Qua đợt hoạt động, củng cố được 1 tiểu đội du kích xã, đưa bổ sung bộ đội 5 đồng chí, kết nạp Đảng một số thanh niên nòng cốt và một xã đội trưởng, cơ sở các ấp được củng cố đều khắp.

Địch tăng cường hoạt động gián điệp đánh phá phong trào. Qua phát động quần chúng ý thức phòng gian bảo mật và bằng nghiệp vụ, lực lượng an ninh Kiến Phong bắt một số tên gián điệp nguy hiểm ở Hồng Ngự, thị xã Cao Lãnh, Kiến Văn, Thanh Bình, khám phá 1 đại đội tình báo ở vùng Mỹ Ngãi, hơn 1 trung đội thám báo ở Bình Thạnh (Hồng Ngự) và 4 tên mật vụ ở huyện Thanh Bình.

Đấu tranh chính trị, quân sự kết hợp hoạt động an ninh bước đầu tạo nên sức mạnh tổng hợp của phong trào nhân dân

du kích chiến tranh diệt đồn, chặn viện và phát động quần chúng phá ấp chiến lược có kết quả. Đây là thắng lợi trên cơ sở vận dụng sáng tạo các kinh nghiệm chiến tranh du kích trong kháng chiến chống Pháp kết hợp phát huy sức mạnh tổng hợp ba mũi giáp công sau Đồng khởi.

Song phong trào còn nhiều nhược điểm và khó khăn. Thời gian đầu, ta chưa lường hết được những thủ đoạn thâm độc của địch, mặt khác, sau Đồng khởi, hạ tầng cơ sở của địch ở xã ấp bị phá rã nhưng quân chủ lực hầu như còn nguyên vẹn. Do đó, ở nhiều địa phương chúng vẫn gom được dân, lập được ấp chiến lược, như vùng ven sông Hậu, ven lộ 80, lộ 23, lấn sâu vào vùng căn cứ Long Hưng, Nước Xoáy (Lấp Vò), ngã tư Cái Bèo (Cao Lãnh). Đến cuối năm 1962, toàn tỉnh Kiến Phong địch đã xây dựng 79 ấp chiến lược. Chúng gom tát dân bằng phi pháo kết hợp càn quét, dùng chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận", đổ quân đánh phá rất ác liệt. Vùng giải phóng bị thu hẹp, nhiều chi bộ bị đánh dạt[1].

Để phá ấp chiến lược, ta thường sử dụng lực lượng du kích tấn công từ bên ngoài, khi du kích rút thì địch làm lại như cũ. Trước khó khăn mới, trong nội bộ Đảng, nhất là ở cơ sở có một bộ phận hoang mang, một số hoài nghi, thiếu tin vào khả năng của quần chúng, còn đại bộ phận đảng viên vẫn vững vàng, nhưng lúc này ta vẫn chưa có kinh nghiệm chỉ đạo phá ấp chiến lược.

---

1. Theo Báo cáo tình hình xây dựng Đảng ở Khu 8: Năm 1961, thị xã Cao Lãnh có 4 chi bộ thì bị địch đánh dạt 1; năm 1962, tỉnh Kiến Phong có 12 chi bộ xã bị đánh dạt (còn gọi là chi bộ ly hương), 3 xã không có chi bộ và đảng viên.

Để giải quyết khó khăn, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp triển khai thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục và hướng dẫn của Khu ủy về tăng cường công tác tư tưởng, giúp đảng viên nhận thức rõ hơn tính chất của giai đoạn cách mạng hiện tại, đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch, khắc phục tư tưởng chủ quan, nôn nóng, cục bộ và phiến diện, ngăn chặn hữu khuynh, co thủ, đề cao tác phong tích cực, khẩn trương, mạnh dạn, sâu sát quần chúng. Tỉnh ủy mở nhiều hội nghị tổng kết chỉ đạo về các mặt công tác chính trị, quân sự, tổ chức, dân vận, mặt trận, tuyên huấn. Các báo cáo tổng kết và báo cáo điển hình tập hợp nhiều kinh nghiệm bổ ích giúp các cấp ủy, cơ quan và bộ đội vận dụng vào công tác thực tế, động viên cổ vũ phong trào chung.

Cấp ủy Đảng tỉnh, huyện năm 1961 được kiện toàn một bước. Đồng chí Trần Anh Điền được Khu ủy bổ nhiệm quyền Bí thư Tỉnh ủy, thay đồng chí Nguyễn Văn Phối được rút lên Khu. Tỉnh ủy bổ sung thêm 5 ủy viên Ban Chấp hành. Các huyện ủy được bổ sung một số cán bộ trẻ. Hầu hết huyện ủy viên và bí thư chi bộ xã được rèn luyện qua thử thách trong chiến đấu và được đào tạo bồi dưỡng qua Trường Đảng của Khu, tỉnh.

Công tác phát triển Đảng đã có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Năm 1961, tỉnh Kiến Phong có 1.683 đảng viên, trong đó, số mới kết nạp trong năm chiếm 38%. Năm 1962, do địch đánh phá ác liệt, số đảng viên mới chưa bù đủ số bị tiêu hao (toàn tỉnh còn 1.666 đảng viên). Có 35 chi bộ có từ 10 đảng viên trở lên, riêng xã Mỹ An có 126 đảng viên, là chi bộ có số lượng đảng viên cao nhất trong Khu. Các huyện phía nam sông Tiền - những nơi phát động được quần chúng

nổi dậy, trong 2 năm (1961 - 1962) phát triển Đảng tương đối mạnh. Vùng tôn giáo ven sông Hậu của huyện Lấp Vò, số xã ấp trắng cơ sở còn nhiều.

Nhìn chung, đến cuối năm 1962, thế chiến trường trong tỉnh giằng co quyết liệt. Địch nỗ lực lớn để bình định gom dân lập ấp chiến lược nhưng không đạt được mục tiêu cô lập Đảng, diệt lực lượng vũ trang ta. Mặc dù địch gây cho ta nhiều khó khăn nhưng các cấp ủy vẫn kiên trì, chủ động xây dựng cơ sở, củng cố lực lượng, tìm cách đánh địch, phá ấp chiến lược, chuyển phong trào lên.

III- PHÁT ĐỘNG CAO TRÀO PHÁ ẤP CHIẾN LƯỢC, XÂY DỰNG, CỦNG CỐ VÙNG GIẢI PHÓNG

Không thực hiện được mục tiêu kế hoạch bình định miền Nam trong 18 tháng (từ tháng 6/1961 đến cuối năm 1962)[1], Mỹ - Diệm buộc phải chuyển qua thực hiện kế hoạch Mắc Namara, bình định miền Nam trong ba năm (1963 - 1965). Nội dung chủ yếu của kế hoạch này là tập trung lực lượng càn quét,

1. Trong hai năm 1961 - 1962, địch tiến hành bình định miền Nam đạt được một số kết quả: củng cố được vùng kiểm soát, giải toả được vùng ven, khống chế các trục giao thông chính, lấn vào một số vùng căn cứ, bắt được lính, đôn được quân,...Theo Tài liệu tổng kết chiến tranh B2: Năm 1961, tổng quân số của địch 276.000 quân, đến cuối năm 1962, tăng lên 354.000 quân. Riêng chủ lực ngụy tăng từ 170.000 quân lên 198.000 quân. Địch lập thêm các lực lượng đặc biệt như biệt kích, biệt động, dù, thủy quân lục chiến, tăng cường phương tiện cơ động (trực thăng, xe thiết giáp, tàu chiến)... Nhưng do sức chống trả mãnh liệt của quân và dân ta nên về cơ bản địch không thực hiện được kế hoạch bình định miền Nam trong 18 tháng (chỉ lập được 3.900 ấp chiến lược trong kế hoạch 16.000 ấp chiến lược, không tiêu diệt lực lượng vũ trang ta mà ngược lại lực lượng ta phát triển rất nhanh cả quân chủ lực và quân địa phương).

gom dân lập ấp chiến lược một cách ồ ạt, vừa tập trung bình định vùng trọng điểm, vừa đánh phá trên diện rộng[1]. Trọng điểm bình định là vùng đông dân và vùng ven thị xã, thị trấn. Biện pháp chủ yếu là dùng lực lượng quân sự mạnh, càn quét đánh bật lực lượng ta, tạo điều kiện đóng đồn, lấn chiếm để gom dân, chủ yếu là khoanh dân tại chỗ lập vành đai ấp chiến lược. Riêng các vùng sâu thưa dân, địch càn quét có trực thăng, xe lội nước, tàu giang cảnh yểm trợ, gom dân vào ấp chiến lược rồi lập vành đai trắng, ở "vùng trắng" thì thực hiện "quét sạch, đốt sạch, phá sạch".

Các xã Tân Nhuận Đông, An Phú Thuận, Hòa Tân, Phú Long (Châu Thành), Tân Mỹ, Mỹ An Hưng, Long Hưng (Lấp Vò) và hầu hết các xã của huyện Cao Lãnh, địch đánh phá rất ác liệt, càn đi quét lại nhiều lần, thiêu hủy nhà dân, phát quang vườn tược, thiêu hủy lúa gạo (ở Châu Thành tháng 02/1963), bỏ thuốc độc vào nguồn nước, gạo, nước mắm của đồng bào (ở Cả Mác, Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh)... Chúng bắn giết, đánh đập, bắt giam hàng trăm người, hãm hiếp nhiều phụ nữ.

Một số nơi, địch đánh dạt được lực lượng ta, mở rộng vùng chiếm đóng. Huyện Thanh Bình trong 6 tháng đầu năm 1963, địch đã hoàn thành cơ bản việc gom dân lập ấp chiến lược, du kích xã An Phong hy sinh hết, xã Tân Thạnh bị tiêu hao 2/3 cán bộ và du kích. Các xã Thường Lạc, Thường Phước, Bình Thạnh, Long Thuận, Phú Thuận, Long Khánh, An Bình, Tân

1. Từ năm 1963 đến năm 1965, địch thực hiện kế hoạch Mắc Namara, gọi là kế hoạch giai đoạn 2 "Tổng tấn công toàn diện", bình định miền Nam trong ba năm. Trong kế hoạch này, địch vẫn coi biện pháp dồn dân lập ấp chiến lược là trung tâm, nhưng tập trung bình định vùng trọng điểm.

Hộ Cơ... của huyện Hồng Ngự, địch dồn được hàng ngàn dân. Tại xã An Bình, địch dùng máy bay, xe cơ giới xúc dân từ Bảy Thưa ra ven sông Tiền để lập ấp chiến lược. Tại Cao Lãnh, địch lập ấp chiến lược ven thị xã, đóng đồn lấn chiếm dồn dân ở các xã Mỹ Xương, Mỹ Thọ, Mỹ Hiệp. Ngoài ra, địch còn lập được 6 điểm dinh điền trên kinh Đồng Tiến và 4 điểm trên kinh Gò Da, kềm kẹp 3.040 gia đình gồm 13.638 người và khai hoang 25.000 mẫu ruộng. Với việc lập các khu dinh điền này, địch đã tiến thêm bước nữa việc thực hiện âm mưu chia cắt khu căn cứ Đồng Tháp Mười.

Các huyện phía nam sông Tiền, địch bắt dân đào mương lập vành đai, khoanh dân theo khu vực, lập trạm canh, lô cốt, tăng cường tuần tra. Đến giữa năm 1963, địch lập vành đai ấp chiến lược ở tất cả xã ấp trong huyện Lấp Vò, nhiều đồn, bót được dựng lên ở Nước Xoáy, Bờ Rào, Mương Trâu, Xẻo Tre, Bà Vú, Xẻo Đào... Vùng chữ V huyện Châu Thành, trong mấy tháng đầu năm 1963, địch lập vành đai ấp chiến lược ở ven sông Nha Mân và sông Cái Tàu. Các xã căn cứ như Phú Long, Hòa Tân, An Khánh, địch lập ấp chiến lược một phần quanh đồn, lấn chiếm vùng giải phóng, đóng đồn Cả Ngõ, Rạch Chùa, Rạch Gia, Cây Kè (Phú Long), Ngã Kinh (Bình Tiên), ngọn Cây Thượng, Bà Cù (Tân Phú Trung), Xóm Cửi, Xẻo Lò, Nhân Lương (Phú Hựu), Sông Chẹt (Hòa Tân).

Ấp chiến lược là trại tập trung dân, gắn với đồn, bót thành căn cứ quân sự. Người dân trong ấp chiến lược bị địch kềm kẹp khống chế rất nghiêm ngặt, đi làm ruộng, bắt cá, đi chợ,... đều phải báo cáo trưởng ấp, qua cổng gác bị khám xét, nếu mang gạo, thực phẩm quá mức quy định bị giữ lại. Do đó, việc tiếp tế

cho cán bộ, bộ đội ở căn cứ hết sức khó khăn, cán bộ hoạt động bí mật mỗi lần bám vào ấp chiến lược phải vượt qua lính gác và hệ thống chướng ngại vật (bờ đai, mương, chông, mìn,...). Nguy hiểm nhất là bộ máy kềm kẹp chìm nổi trong ấp chiến lược[1] và các thủ đoạn gây xáo trộn dân chúng, làm nhà nọ nghi kỵ nhà kia, không ai tin ai, tạo ra tâm lý cầu an, không dám chứa chấp cán bộ. Ngoài ra, địch còn tổ chức "thanh niên chiến đấu", tranh thủ lừa mị dân, chia rẽ nhân dân với cộng sản.

Với việc lập ấp chiến lược đồng loạt cùng với những biện pháp kềm kẹp dân, địch đã thực hiện được một phần âm mưu "tách cá khỏi nước - tách dân khỏi Đảng", đặt tổ chức đảng và lực lượng vũ trang ta trong thế bị bao vây, cô lập. Số cơ sở đảng bị đánh bật ra khỏi dân tương đối nhiều. Trong năm 1963, tỉnh Kiến Phong có 3 chi bộ bị đánh rã[2]. Thị xã Sa Đéc cũng có hai chi bộ bị đánh rã (An Tịch và Tân Xuân). Địa phương quân huyện Lấp Vò đụng địch đi càn ở Cả Gáo bị hy sinh hết (cuối năm 1962). Sau Đồng khởi năm 1960, xã Long Hưng, có 1 trung đội du kích, đến năm 1963 chỉ còn 1 du kích, bị mất hết súng. Một số chi bộ xã ven sông Tiền thuộc huyện Hồng Ngự, Thanh Bình bị địch đánh dạt, đảng viên bị mất thế hợp pháp. Các chi đoàn Thanh niên Lao động cũng bị địch đánh dạt, chạy vào thế bất hợp pháp tương đối phổ biến, nhất là

1. Trong ấp chiến lược, địch coi trọng kềm kẹp về chính trị: ở mỗi ấp thành lập một ban trị sự thay cho trưởng ấp, 1 tiểu đội dân vệ (từ 6 đến 10 người), các đoàn thể chính trị,... Ban trị sự ấp gồm 1 trưởng ấp, 1 phụ tá an ninh trật tự và thanh niên, 1 phụ tá chính trị, 1 phụ tá kinh tế - xã hội, 1 công an làm nhiệm vụ tình báo.

2. Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 1963 của Khu 8.

các xã ở vùng tranh chấp[1]. Một số đảng viên gặp khó khăn ác liệt chạy dài hoặc cầu an, co thủ, không hoạt động. Ở Đảng bộ Kiến Phong, số đảng viên loại này bị khai trừ ra khỏi Đảng là 67 người.

Những nơi quá khó khăn, Tỉnh ủy chỉ đạo đưa cán bộ tỉnh, huyện xuống hoặc điều từ xã khác đến. Năm 1962, ở một số địa phương, ta đưa cán bộ luồn sâu vào các ấp chiến lược, phát động quần chúng chống thu thuế nặng, chống bắt lính đôn quân, qua đó, phát triển thêm nhiều tổ quần chúng trung kiên, cơ sở nội ứng trong đồn, bót, tề, dân vệ và thanh niên chiến đấu. Đến đầu năm 1963, được sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương Cục và Khu ủy, Tỉnh ủy đã đưa được phần lớn các chi bộ ly hương trở về bám dân, gây dựng lại cơ sở tương đối đều khắp. Song, cũng còn một số ít chi bộ ven sông Tiền thuộc hai huyện Hồng Ngự, Thanh Bình chưa bám được. Huyện ủy tiến hành củng cố nhưng chưa chuyển được.

Rút kinh nghiệm nhiều nơi, nhất là kinh nghiệm phá ấp chiến lược bằng ba mũi giáp công được minh hoạ bằng hai câu thơ, làm phương châm vận động quần chúng cách mạng:

Dân làm, dân phá mới hay
Dân làm, quân phá biết ngày nào xong.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Cục và Khu ủy, trong năm 1963, ta mở liên tiếp 3 đợt tấn công phá ấp chiến lược

1. Theo báo cáo tổng kết tình hình công tác tổ chức của tỉnh Vĩnh Long (từ năm 1962 đến tháng 3/1963), tình hình cơ sở đoàn như sau: "Hiện nay các xã giải phóng còn chi đoàn, các xã tranh chấp hệ thống chi đoàn không còn. Qua thời kỳ địch phản kích lấn chiếm, các xã giải phóng trước đây nay thành tranh chấp. Các cơ sở đoàn lại chạy vào thế bất hợp pháp hầu hết đoàn viên, mỗi xã còn một số ít đoàn viên hợp pháp".

(đợt 1: sáu tháng đầu năm 1963, đợt 2: từ tháng 7 đến tháng 10 và đợt 3: từ tháng 11 trở đi). Khu vực phía bắc, Tỉnh ủy Kiến Phong chọn huyện Cao Lãnh làm điểm, tập trung dứt điểm ấp chiến lược ở hai xã Long Hiệp, Bình Hàng Tây, sau đó, phát động trên diện rộng. Khu vực phía nam, Tỉnh ủy Vĩnh Long chọn Vùng chữ V (huyện Châu Thành) là một trong những vùng trọng điểm chỉ đạo phá ấp chiến lược. Phương thức phá ấp chiến lược là: Kết hợp lực lượng vũ trang bên ngoài đánh mạnh với phát động quần chúng bên trong nhất tề nổi dậy phá rã các hình thức kềm kẹp của địch.

Đêm 22/02/1963, ấp chiến lược ở xã Bình Hàng Tây bị phá tan. Sáng hôm sau (23/02/1963), địch mở cuộc càn vào hai xã Long Hiệp và Bình Hàng Tây, Tiểu đoàn 502 bẻ gãy các đợt xung phong của địch, giữ vững vùng mới giải phóng, du kích các xã dùng hầm chông, bãi mìn, lựu đạn, hố đinh... kiên trì đánh địch. Sau hai giờ chiến đấu, ta diệt 16 tên, làm bị thương 23 tên, phần lớn là diệt địch bằng chông, mìn. Đêm 27/02/1963, du kích các xã này dùng mìn phục kích bọn ác ôn ở bót Vàm Mỹ Long và bót Cái Sậy, địch chết 27 tên, bị thương 15 tên.

Việc phá ấp chiến lược ở xã Bình Hàng Tây và sau đó chống địch càn thắng lợi, đã mở ra khả năng phát động phong trào trên diện rộng. Hòa cùng với chiến thắng Ấp Bắc ở Mỹ Tho[1], ta phát động phong trào "Thi đua với Ấp Bắc, giết giặc lập công".

---

1. Trong trận Ấp Bắc, ngày 02/01/1963, lần đầu tiên một đơn vị bộ đội tỉnh và Khu diệt 450 tên địch (cả Mỹ và ngụy), bắn rơi 19 máy bay, phá hủy một số xe bọc thép, làm phá sản chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận, mở đầu cao trào chống địch càn quét gom dân và phá ấp chiến lược. Trận Ấp Bắc chứng tỏ ta có đủ khả năng đánh bại "chiến tranh đặc biệt".

Sáng 15/3/1963, du kích xã Mỹ Ngãi phục kích đánh 02 đại đội biệt kích từ tiểu khu Kiến Phong càn vào xã bắt dân đi xâu làm bãi tập bắn, ta bắn chết 06 tên, làm bị thương 15 tên, thu 06 súng và nhiều đạn. Cũng trong tháng 3/1963, bộ đội huyện Cao Lãnh cường tập một số đồn, bót và tháp canh của địch, kết hợp lực lượng quần chúng xã Thanh Mỹ chi viện cho các xã ở nam Cao Lãnh phá rã 3 ấp chiến lược. Bộ đội huyện Kiến Văn và du kích xã Bình Hàng Trung đánh địch hỗ trợ quần chúng trong hai lần phá tan ấp chiến lược Chùa Tổ, đánh thiệt hại nặng đồn cầu Bốn Miệng, phát động quần chúng xây dựng xã, ấp chiến đấu.

Ngày 25/3/1963, địch huy động hơn 1.000 quân bảo an, biệt kích, có tàu chiến và máy bay yểm trợ, càn quét khu vực giáp ranh ba tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường, Mỹ Tho. Quân và dân tỉnh Kiến Phong phối hợp với tỉnh bạn đánh địch quyết liệt, bắn hỏng 3 máy bay, bắn chìm 1 tàu ở Gãy Cờ Đen, diệt 38 tên địch. Địch đổ 500 lính dù xuống hai xã Mỹ Quý, Mỹ Hòa, bị du kích diệt và làm bị thương 31 tên, thu 8 súng và 300 dù. Cũng thời gian này, du kích xã Thanh Mỹ bắn cháy 1 máy bay trực thăng.

Ngày 17/4/1963, ta tiếp tục đánh thắng một trận càn lớn của địch ở vùng Cái Bè và Mỹ An (giáp ranh hai tỉnh Kiến Phong và Mỹ Tho). Địch đưa 51 lượt máy bay trực thăng và khu trục yểm trợ, đổ hơn 600 quân của Sư đoàn 7 và 200 lính bảo an, biệt kích, càn vào các xã Thanh Mỹ, Mỹ An, Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây, Long Hiệp. Lực lượng vũ trang tỉnh Kiến Phong phối hợp với bộ đội Mỹ Tho diệt hơn 100 tên địch, du kích các xã dùng hầm chông, bãi mìn, lựu đạn và

bắn tỉa diệt 38 tên. Tổng cộng, ta loại ngoài vòng chiến đấu hơn 400 tên địch, trong đó có 6 lính Mỹ, 1 sĩ quan cấp tá ngụy, bắn hỏng nhiều xe M113, bắn cháy 1 máy bay trực thăng.

Sau khi phối hợp với các đơn vị bạn và du kích đánh thắng các cuộc càn quét nói trên, Đại đội 209 cơ động thuộc Tiểu đoàn 502 về ém quân ở kinh Kho (xã Mỹ Lợi, huyện Cái Bè, Mỹ Tho). Ngày 25/4/1963, một tiểu đoàn quân chủ lực địch chia hai cánh, đánh vào nơi đóng quân của đơn vị[1], một chi đoàn xe M113 đánh bọc hậu, Ban Chỉ huy đại đội cho đơn vị rút lui bị địch phát hiện bao vây, ta hy sinh 35 đồng chí, bị bắt 10 đồng chí. Đây là lần thứ hai Đại đội 209 bị thiệt hại nặng, Tỉnh ủy chỉ đạo rút kinh nghiệm, đồng thời phát động học tập trận Ấp Bắc (Mỹ Tho) xây dựng công sự nhiều tuyến, hình thành công sự vòng tròn, khi địch càn quét thì bộ đội tỉnh, huyện phải trụ tại chỗ chống càn.

Ở Hồng Ngự, địch tăng quân về Đôn Phục và Bản Đô, đóng đồn dọc lộ 30 và các tuyến sông, lập nhiều ấp chiến lược, ra sức vơ vét lúa gạo, ngăn chặn ghe xuồng của dân nhằm phong toả kinh tế của ta.

Ngày 05/3/1963, địch mở cuộc càn lớn gồm 3 tiểu đoàn bộ binh, 30 xe cơ giới và tàu chiến yểm trợ, đánh vào căn cứ của Khu ủy ở rừng Ổ Quạ (xã Thường Phước). Du kích và Đơn vị 274 bảo vệ Khu ủy đánh lui hàng chục đợt phản kích của địch, bắn cháy 2 xe tăng, diệt nhiều lính, giữ vững trận địa.

---

1. Đơn vị trú quân nhầm nhà một mật báo viên của địch. Tên này báo về Mỹ Tho, địch liền đổ quân vây đánh. Do đơn vị không có kế hoạch chống càn, hấp tấp rút quân nên bị thiệt hại nặng.

Trong trận này, đồng chí Võ Văn Lai (16 tuổi) dùng thủ pháo ném cháy xe tăng địch và anh dũng hy sinh.

Đêm 07/3/1963, địa phương quân huyện Hồng Ngự diệt gọn trung đội dân vệ ở ấp chiến lược Tân Hội, nhân dân nổi dậy bắt 12 thanh niên chiến đấu, tước vũ khí, giáo dục và giải tán. Ấp chiến lược Tân Hội bị phá rã hoàn toàn.

Ngày 29/6/1963, Vùng 4 chiến thuật mở chiến dịch "Đức Thắng 32" ở vùng Tam Thường (Thường Phước, Thường Thới, Thường Lạc), bị quân và dân ta chặn đánh quyết liệt, loại khỏi vòng chiến đấu 80 tên, bắn cháy 1 xe M113, bị thương 2 chiếc khác.

Trong các trận càn ở Hồng Ngự, địch dội bom napan đốt nhà dân, phá vườn tược, bắn vào ghe xuồng, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản của đồng bào. Huyện ủy Hồng Ngự kịp thời chỉ đạo tổ chức gần 1.000 người biểu tình đòi quận trưởng can thiệp chấm dứt bắn phá, giết dân thường vô tội, đòi tự do đi lại làm ăn. Tháng 4/1963, 200 đồng bào xã Bình Thạnh chở xác 3 người dân bị pháo địch bắn chết ra đồn Sâm Sai tố cáo tội ác của chúng, 900 đồng bào xã Tân Thành kéo lên Tổng ủy Dinh điền đòi địch chấm dứt bắn pháo vào xóm ấp, Tổng ủy Dinh điền phải bồi thường 2 triệu đồng.

Đến giữa năm 1963, địa phương quân huyện Hồng Ngự và du kích các xã lần lượt diệt các đồn, bót ở mương Kháng Chiến, Bình Phú, Cả Sơ, Sâm Sai, ụ Cờ Đen và giải phóng hoàn toàn xã Tân Thành, đột nhập vũ trang tuyên truyền phá kềm ven lộ 30 (Hồng Ngự - An Long). Phong trào quần chúng ở Hồng Ngự làm hầm chông, bãi mìn, xây dựng xã, ấp chiến đấu phát triển mạnh.

Thanh Bình là một trong những nơi gặp khó khăn nhiều nhất, nhưng trước khí thế chung, phong trào cũng chuyển lên. Ngày 05/4/1963, du kích cùng bộ đội địa phương bẻ gãy cuộc càn của 700 quân (có 2 cố vấn Mỹ) đánh vào vùng hậu xã Bình Thành, diệt 58 tên, hạ 1 máy bay khu trục. Ngày 10/4, xã Tân Thạnh binh vận cướp đồn, bắn chết trưởng đồn, bắt sống một số tên, thu vũ khí.

Ở phía nam sông Tiền, sau khi Hội nghị Tỉnh ủy Vĩnh Long tại xã An Khánh (tháng 02/1963), các đoàn chỉ đạo phá ấp chiến lược của tỉnh, huyện xuống từng địa bàn phát động tư tưởng nội bộ Đảng, nhất là số chi bộ ly hương, củng cố lập trường và quyết tâm bám xã, bám ấp chiến lược, móc nối gây dựng cơ sở. Do địa bàn hoạt động ở huyện Sa Đéc gặp nhiều khó khăn nên Tỉnh ủy Vĩnh Long quyết định cắt các xã phía bắc lộ 80 của huyện Sa Đéc để lập một huyện mới lấy tên là Lê Hà (tên một đồng chí Bí thư đã hy sinh). Huyện Lê Hà gồm các xã Tân Mỹ, Tân An Trung, Tân Khánh Tây, Tân Đông, Tân Khánh (có khi ghép gọi là Tân Khánh Đông), Tân Dương, Hòa Thành, Hòa Long và Long Thắng. Huyện Lê Hà tồn tại từ năm 1963 đến trước Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, dựa vào vùng căn cứ xã Long Hưng để hoạt động. Khi tách huyện, địa phương quân huyện Sa Đéc gồm một đại đội được phân bổ cho hai huyện.

Thời gian này, địch bình định gom dân lập ấp chiến lược bằng mọi biện pháp dã man, tàn bạo, trọng điểm là khu vực chữ V huyện Châu Thành. Ngày 13/3/1963, quân và dân huyện Châu Thành đánh bại cuộc càn gồm 5 đại đội bảo an, 2 trung đội biệt kích địch ở 4 xã An Phú Thuận, Hòa Tân, Phú Long và Tân Nhuận Đông. Quân địch bị du kích bắn tỉa tiêu hao nặng,

buộc phải rút lui, trên đường về lại bị vướng bãi mìn, lựu đạn gài và bị đơn vị bộ đội tỉnh chặn đánh. Kết quả địch chết và bị thương 140 tên, bị bắt 5 tên, ta thu nhiều súng. Tháng 4/1963, cũng tại các xã này, bộ đội tỉnh Vĩnh Long chống địch càn quét diệt nhiều tên, chặn đánh địch tại Gộc Dừa và kinh Câu Dụng, bẻ gãy cuộc càn gom dân của địch.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy Lấp Vò, địa phương quân huyện sau khi được xây dựng củng cố đủ 1 trung đội đã ra quân với quyết tâm đánh thắng trận đầu. Đơn vị đánh liên tiếp 2 trận tại xã Long Hậu, diệt toàn bộ lực lượng dân xã đảng và một trung đội bảo an, bắt 13 dân vệ. Ngoài ra, tổ đặc công và du kích còn đánh đồn tề xã Hòa Long và diệt 3 tên ác ôn ở xã Tân Dương.

Ở thị xã Sa Đéc, ta đánh mìn nhà khách Tỉnh trưởng. Giữa năm 1963, nổi lên vụ ni sư chùa Quan âm Tân Hưng tự thiêu để phản đối Mỹ - Diệm đàn áp đồng bào Phật giáo ở Huế. Đây là phản ứng dây chuyền của phong trào Phật giáo chống chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Tiếp đó, học sinh các trường học Sa Đéc đấu tranh đòi xóa bỏ lệ phí, chống học tố cộng, đòi cải thiện học đường, nghiệp đoàn xe khách đấu tranh đòi tăng lương, Hội Phụ nữ thị xã vận động các gia đình có con em bị bắt lính đấu tranh, buộc địch phải thả 200 thanh niên đang bị giam tại Đám Lác.

Kết quả 6 tháng đầu năm 1963, phong trào có sự phát triển. Các cấp ủy đảng trong tỉnh tập trung phát động quần chúng nổi dậy, bộ đội tỉnh, huyện và du kích liên tục đánh địch, bẻ gãy hầu hết các cuộc càn. Hầu hết các chi bộ ly hương đã trở về bám xã, xây dựng cơ sở.

Tuyến đường chuyển vận vũ khí từ Bến Tre, Mỹ Tho về Kiến Phong được mở ra, mang mật danh *Văn hóa bình dân*, tiếp nhận vũ khí từ miền Bắc chi viện qua đường Hồ Chí Minh trên biển, đã giải quyết một phần khó khăn về trang bị cho cuộc chiến đấu của quân dân trong tỉnh và một số tỉnh bạn. Việc vận chuyển bằng xuồng ghe do một trung đội nữ giao liên đảm nhận.

Rút kinh nghiệm đợt 1, Tỉnh ủy chỉ đạo đợt 2, từ tháng 7 đến tháng 10/1963, chọn huyện Cao Lãnh làm điểm.

Ngày 01/9/1963, Tiểu đoàn 502 và bộ đội huyện Cao Lãnh, Mỹ An tấn công 3 đồn Cái Bèo, Bà Vẹn (xã Mỹ Quý), ngã tư kinh Cái Bèo (xã Mỹ Hội), phục kích đánh địch ở Tân Trường (xã Mỹ Hội). Cùng lúc đó, du kích xã Long Hiệp vũ trang súng cây cùng đồng bào nổi dậy phá ấp chiến lược thắng lợi.

Địch phản kích vào Xẻo Quýt (xã Long Hiệp), Tiểu đoàn 502 chống càn suốt ngày, ban đêm vận động tập kích địch, giữ vững căn cứ. Các trận này địch chết và bị thương 185 tên, ta thu 50 súng, bắn cháy 1 máy bay F105. Tháng 10/1963, ta phát động quần chúng các xã Phong Mỹ, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Mỹ Hội, Mỹ Thọ đồng loạt nổi dậy cùng du kích phá ấp chiến lược thắng lợi. Du kích xã Bình Thạnh dựa vào vườn cây, mương rạch, bãi chông, mìn, lựu đạn, bẻ gãy cuộc càn quét của tiểu đoàn bảo an Tiểu khu Sa Đéc.

Ở huyện Châu Thành, ngày 02/9/1963, bộ đội tỉnh Vĩnh Long cùng bộ đội địa phương và du kích hai xã Phú Long, Tận Nhuận Đông bất ngờ tấn công ấp chiến lược xã Tân Nhuận Đông, mặt trận chính tại vàm Ông Yên. Quân biệt kích Mỹ hành quân theo đường sông và 1 tiểu đoàn (thuộc Trung đoàn 13, Sư đoàn 9) theo đường bộ từ Sa Đéc kéo xuống

Tân Nhuận Đông tiếp viện. Quân ta chặn đánh, diệt hơn 100 tên địch, bắn chìm 1 tàu, phá rã ấp chiến lược vùng 1. Phát huy thắng lợi, trong tháng 10/1963, bộ đội huyện Châu Thành và đội bảo vệ Tỉnh ủy Vĩnh Long cùng du kích các xã bao vây đồn Sông Chẹt (xã Hòa Tân), đồn Tầm Vu (xã Mỹ Thuận A, giáp huyện Châu Thành), các đồn Nhà Thờ, Bà Cù, ngọn Cây Thượng (xã Tân Phú Trung). Ta vừa bao vây, vừa chặn viện làm cho quân địch đói khát, đồng thời phát động quần chúng trong ấp chiến lược phá thế kềm kẹp, phá bờ bao, hàng rào. Trong thế bị bao vây cô lập, một số đồn rút chạy, riêng đồn Sông Chẹt, ta không dứt điểm được.

Kết thúc đợt 2, quân và dân trong tỉnh đã phá mảng ấp chiến lược vùng rìa căn cứ Tỉnh ủy Kiến Phong ở Cao Lãnh, vùng rìa căn cứ Tỉnh ủy Vĩnh Long ở Châu Thành; đánh bại các cuộc càn quét của địch, giữ vững vùng giải phóng, xây dựng nhiều cơ sở vùng yếu tôn giáo và vùng ven thị trấn.

Ngày 01/11/1963, nổ ra cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm. Lợi dụng lúc nội bộ địch rối ren, ta mở đợt 3 tấn công.

Tại huyện Châu Thành, trong hai tháng 11 và 12/1963, ta bức rút 5 đồn Cây Sộp, Đồng Điền, Cây Kè (xã Phú Long), Cái Ngổ (xã Tân Nhuận Đông) và đồn Sông Chẹt (xã Hòa Tân). Được sự hỗ trợ đắc lực của lực lượng vũ trang, quần chúng các xã trên nổi dậy phá ấp chiến lược. Nổi bật là xã Hòa Tân, phụ nữ phá ấp chiến lược giữa ban ngày. Phú Hựu, một xã cửa ngõ của chi khu Đức Tôn, phá được 5/6 ấp chiến lược. Chi khu Đức Tôn bắn pháo bừa bãi làm chết 3 người và nhiều người bị thương, Huyện ủy Châu Thành chỉ đạo tổ chức một cuộc đấu tranh, khoảng 5.000 người dân các xã chở xác 3 người

xuống thị xã Vĩnh Long, biểu tình đưa yêu sách đòi chấm dứt bắn phá bừa bãi, đòi bồi thường sinh mạng. Tỉnh trưởng thừa nhận tội ác, bồi thường và đưa người bị thương đi điều trị.

Các huyện Lấp Vò, Lê Hà và Sa Đéc, ta phát động quần chúng nổi dậy ở một số nơi. Du kích xã Tân Khánh Tây đánh bọn dân vệ và thanh niên chiến đấu, đồng bào trong xã nổi dậy diệt tề điệp ác ôn, phá 7.500m bờ bao ấp chiến lược, xóa 8 trạm gác của địch. Tháng 12/1963, chi bộ xã Mỹ An Hưng phát động quần chúng nổi dậy cùng du kích phá rã toàn bộ ấp chiến lược trong xã. Xã Long Hậu có phong trào phá ấp chiến lược nổi bật nhất huyện Lấp Vò. Những tháng cuối năm 1963, các xã Hòa Thành, Long Thắng, Hội An Đông, Bình Thạnh Trung, Tân Mỹ, Tân Khánh Tây, Tân Khánh Đông và các xã ven sông Hậu của huyện Lấp Vò lần lượt phát động quần chúng phá ấp chiến lược thắng lợi.

Ở Sa Đéc, phong trào du kích diệt tề, phá rã thanh niên cộng hòa và phòng vệ dân sự lan rộng khắp các xã. Cuối năm 1963, phá tan ấp chiến lược ở 8 ấp ngoại ô của xã Tân Vĩnh Hòa, diệt nhiều tên ác ôn khét tiếng, bắn bị thương nhiều tên khác, trong số này có trưởng ty cảnh sát và trưởng đồn Rạch Chùa. Ở ấp Tân Thạnh (xã Tân Hưng), nhân dân làm chủ ban đêm được 7 tháng. Lực lượng vũ trang và biệt động thị xã còn đột nhập đánh trung tâm biệt kích Mỹ, ném lựu đạn gần trường Quang Minh.

Phía bắc sông Tiền, cuối năm 1963, ta tấn công vùng ven và đánh sâu vào thị xã Cao Lãnh. Một phân đội đặc công tỉnh đột nhập căn cứ quân sự Trần Quốc Toản (xã Tân An - gần thị xã Cao Lãnh), diệt 52 tên địch, tiêu hao nặng trung đội bảo an tiếp viện, phá hủy 1 xe bọc thép, đánh sập đồn

Rạch Chanh (xã Mỹ Trà - cách tòa hành chính tỉnh 600m). Địch cho máy bay ném bom, bắn phá yểm trợ bộ binh giải toả. Ngày 21 và 22/12/1963, du kích xã Mỹ Thọ bắn rơi tại chỗ 2 máy bay, diệt 7 tên.

Huyện Hồng Ngự, du kích hoạt động mạnh vùng cù lao Long Thuận, Phú Thuận, Long Khánh, phá lỏng thế kềm kẹp của địch. Trại huấn luyện quân sự của địch ở Hồng Ngự nổ ra cuộc binh biến của 60 binh sĩ chống lệnh của cố vấn Mỹ, bọn sĩ quan cột đá vào người một binh sĩ rồi neo xuống sông Cửu Long, gây bất bình trong binh sĩ ngụy.

Huyện Thanh Bình, cuối năm 1963, bộ đội tỉnh và địa phương quân huyện bám vào các ấp vùng ven phát động quần chúng, tiễu trừ ác ôn. Ta phá được một số ấp chiến lược và xây dựng, phát triển nhiều cơ sở. Trong các khu dinh điền, quần chúng đấu tranh chống tề, binh lính hà hiếp dân, đòi trả lại ruộng đất, bồi thường đìa, trừng trị bọn ác ôn. Lực lượng vũ trang huyện và du kích đột nhập vào các khu dinh điền tán phát truyền đơn, phục kích diệt 30 dân vệ. Nổi bật là cuộc đấu tranh của 150 đồng bào di dân (có 3 chức sắc trong Ban trị sự Hòa Hảo và 30 gia đình binh sĩ) vạch trần thủ đoạn lừa mị của địch, không nhận đất của chúng cấp, đòi về quê cũ làm ăn. Địch buộc phải cho đồng bào dỡ nhà về quê, trả 9.000 ha đất cho dân tại chỗ. Hơn 30 gia đình di dân vào vùng giải phóng được cách mạng cấp đất làm ăn.

Ở huyện Mỹ An, ta giải phóng ngã tư Đốc Binh Kiều, ngã tư Cái Bèo, phá dứt ấp chiến lược dọc kinh Nguyễn Văn Tiếp A, nối liền vùng giải phóng từ biên giới Hồng Ngự đến Mỹ An...

Phối hợp với phong trào đấu tranh ấp chiến lược, các lực lượng an ninh khám phá một tổ chức tề ngầm tại xã Mỹ Quý (27 tên), bắt một nội gián ở xã Thường Phước, bắt một gián điệp của Tổng nha Sài Gòn chui vào tổ chức cách mạng ở xã Thiện Mỹ - tên này chỉ điểm đánh phá làm 6 người chết, 20 người bị bắt, đa số là cán bộ cơ sở, mở phiên tòa xử tội một số ác ôn tại huyện Hồng Ngự, xã Hòa Tân (Châu Thành). Việc phát hiện, bắt một số tên gián điệp, xử tội những tên ác ôn có nhiều nợ máu đã giúp ta bảo toàn được cơ sở, đưa khí thế quần chúng lên.

Với ba đợt tấn công địch liên tục và rộng khắp trong năm 1963 đã chuyển thế của ta từ thế bị động và tổn thất lúc đầu (1962) sang giành thế chủ động, nhất là từ sau tháng 7/1963, phong trào càng về cuối năm càng phát triển mạnh. Với phương châm tấn công địch toàn diện (chính trị, quân sự, binh vận), ta đã tiêu diệt và làm tan rã từng mảng sinh lực địch, tiêu diệt, bức hàng bức rút nhiều đồn, bót, phá tan, phá dứt điểm hàng loạt ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng. Thắng lợi của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh góp phần đáng kể vào thắng lợi chung của các tỉnh trong khu vực[1], làm thất bại về căn bản "quốc sách ấp chiến lược" của địch, đẩy địch lún sâu vào thế bị động chiến lược.

Thắng lợi đã giành được càng làm cho cán bộ, đảng viên phấn khởi, tin tưởng vào đường lối đánh địch, tích cực bám đất,

1. Theo Tài liệu tổng kết chiến tranh B2: Từ tháng 7 đến tháng 11/1963, ở Khu 8 đã phá 35 mảng lớn, giải phóng 44 vạn dân; du kích đánh 3.000 trận, bức hàng bức rút 207 đồn, bót, diệt 2.600 tên địch, đào rã ngũ 6.000 tên, thu 1.265 súng.

bám dân, trụ vững, xây dựng xã ấp chiến đấu. Hầu hết các chi bộ bị đánh dạt đã về bám xã, làm chủ xã ấp, đưa xã từ tranh chấp yếu thành tranh chấp mạnh hoặc xã giải phóng. Cuối năm 1963, một nửa trong số ấp chiến lược còn lại đã có đảng viên. Cơ sở đảng ở ba xã bị địch đánh tan rã hồi đầu năm đã được khôi phục lại. Các huyện Lấp Vò, Lê Hà, Châu Thành, Sa Đéc còn 6 xã trắng[1]. Riêng tỉnh Kiến Phong, cuối năm 1963 có 1.885 đảng viên, trong đó có 217 đảng viên mới phát triển.

Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong tình hình mới, năm 1963, cấp ủy tỉnh, huyện được tăng cường cán bộ. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiến Phong có 11 ủy viên do đồng chí Trần Anh Điền làm Bí thư. Mỗi huyện, thị xã có từ 5 đến 11 cấp ủy viên.

Ở cơ sở, những xã tranh chấp ta tổ chức chi bộ gồm hai bộ phận: một bộ phận hoạt động công khai, một bộ phận bí mật, xác định vị trí, nhiệm vụ của từng bộ phận, quy định cách làm việc, phối hợp thống nhất dưới sự lãnh đạo tập trung của chi ủy; những xã giải phóng chỉ tổ chức 1 chi bộ nhưng chuẩn bị sẵn một bộ phận hợp pháp. Đây là những vấn đề mới trong công tác xây dựng cơ sở đảng nhằm thích ứng với điều kiện chiến trường.

---

1. Theo Báo cáo tổng kết tình hình công tác tổ chức từ năm 1962 đến tháng 3/1963 của tỉnh Vĩnh Long: "Tình hình cơ sở đảng ở các huyện Lấp Vò, Châu Thành, Sa Đéc, Lê Hà và thị xã Sa Đéc như sau: Lấp Vò có 7 chi bộ, 3 xã có đảng viên, 1 xã trắng; Lê Hà có 5 chi bộ, 2 xã có đảng viên; Sa Đéc có 5 xã có chi bộ, 3 xã có đảng viên, 3 xã trắng; nội ô thị xã Sa Đéc có một hộ trắng đảng (hộ là đơn vị hành chính gồm một số xã); Châu Thành 10 xã có chi bộ, 1 xã có đảng viên, 1 xã trắng".

Năm 1964, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Cục[1], tỉnh phối hợp mở cao điểm hoạt động mùa khô.

Tháng 01/1964, lực lượng vũ trang các huyện phía bắc sông Tiền liên tiếp vây các đồn, bót địch, đánh 62 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 628 tên (chết 189 tên, bị thương 123 tên có 2 tên Mỹ, bị bắt 28 tên, đào rã ngũ 298 tên), thu 50 súng, bắn rơi 1 máy bay, đánh sập 1 cầu sắt, bắn chìm và hỏng 2 tàu, san bằng 1 đồn, bức rút 5 đồn, giải phóng nhiều ấp vùng ven thuộc 3 xã Mỹ Thọ, Nhị Mỹ, Mỹ Ngãi (Cao Lãnh), tranh chấp mạnh tuyến lộ 30 từ Thường Phước (Hồng Ngự) đến An Phong (Thanh Bình).

Tháng 02/1964, du kích cùng bộ đội huyện Cao Lãnh bao vây bót Cái Bèo (xã Mỹ Quý), tập kích 1 trung đội địch ở vàm kinh Ông Cả (ngày 28/02), diệt bót chợ Cái Vừng (xã Nhị Mỹ, ngày 06/3), bắn cháy 2 trực thăng (ngày 02/3). Trong tháng 02/1964, bộ đội huyện Hồng Ngự được lực lượng trên chi viện,

---

1. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục lần thứ hai (số 2/NQ, tháng 3/1964) nêu quyết tâm phát động toàn dân toàn quân tiến lên đánh bại "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy. Cụ thể là: "Bẻ gãy những mũi lấn chiếm gom dân lập ấp chiến lược của địch vào vùng ta, san bằng đại bộ phận khu, ấp chiến lược trong vùng tranh chấp và chuyển thành xã chiến đấu, phá lỏng nặng hầu hết các ấp chiến lược trong vùng địch còn kiểm soát ở nông thôn, ở khu dinh điền, đồn điền, các phường khóm chiến lược ở thành phố, thị xã, thị trấn, làm thất bại kế hoạch củng cố hệ thống ấp chiến lược có trọng điểm rồi loang dần ra của địch. Cần gắn liền yêu cầu phá ấp chiến lược với các yêu cầu mở rộng vùng, đẩy mạnh phong trào du kích và đấu tranh chính trị, động viên nhân tài vật lực để xây dựng, phát triển lực lượng" (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.25, tr.721).

san bằng đồn Cả Cái, bức rút đồn Thông Bình, giải phóng xã Tân Thành.

Tại huyện Mỹ An, bộ đội cùng du kích diệt các đồn Kinh Giữa, Bằng Lăng, Đốc Binh Kiều, Gò Tháp và trụ sở tề xã Mỹ Quý, đánh chìm 1 tàu đổ quân tiếp viện, bức rút đồn Ngã Sáu, giải phóng cơ bản 3 xã Đốc Binh Kiều, Mỹ Hòa, Mỹ Quý.

Tháng 3/1964, ta đánh bại 3 cuộc càn lớn ở huyện Hồng Ngự và Cao Lãnh.

Tại Tam Thường (Hồng Ngự), ngày 03/3/1964, địch mở cuộc càn gồm 3 tiểu đoàn bộ binh, 25 xe M113, 5 xe tăng, 4 đại bác 105 ly và 155 ly, 30 tàu chiến và 20 máy bay các loại, đánh phá ác liệt xã Thường Phước. Địch mở nhiều cuộc tấn công có xe M113 dẫn đầu, nhưng từ sáng đến chiều vẫn không chọc thủng được tuyến công sự phòng ngự của bộ đội ta và phải chịu tổn thất nặng nề: 76 tên chết (có 1 đại úy Mỹ cố vấn lữ đoàn dù), 94 tên bị thương (có Cao Văn Viên - Tư lệnh Lữ đoàn dù và 1 thiếu tá Mỹ), 4 xe M113 bị bắn cháy, nhiều xe khác bị bắn hỏng. Địch cho nhiều lượt máy bay lên thẳng thu nhặt xác đồng bọn rồi rút lui. Các cơ quan Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu đóng ở đây được bảo vệ an toàn.

Ngày 14 và 17/3/1964, tại Tân Thành (Hồng Ngự), địch mở cuộc càn lớn gồm 2.000 quân, 40 xe lội nước, 65 máy bay các loại, do cố vấn Mỹ chỉ huy. Địch dội bom vào xóm làng, đốt cháy 20 nhà, xe lội nước quần nát 200 công ruộng, cướp tài sản của đồng bào và bắt hàng trăm thanh niên nam nữ. Du kích và đồng bào dựa vào xã chiến đấu chống trả địch quyết liệt, giết và làm bị thương 39 tên (có 2 tên Mỹ). Huyện ủy Hồng Ngự chỉ đạo một cuộc đấu tranh chính trị trực diện

Du kích và đồng bào xã Đốc Binh Kiều phá ấp chiến lược, xây dựng xã, ấp chiến đấu

Ảnh: Thông tấn xã Giải phóng

Đại hội chiến sĩ thi đua tỉnh Kiến Phong, năm 1964

Ảnh: Nguyễn Đắc Hiền

gồm 1.400 quần chúng, số đông là phụ nữ, chia ba mũi: mũi thứ nhất có 500 người kéo ra bót Cả Cái đấu tranh đòi ngừng ngay cuộc khủng bố, mũi thứ hai gồm 500 người bao vây đoàn xe M113 tranh thủ binh sĩ không cho xe hoạt động, mũi thứ ba gồm 500 người bao vây bọn địch coi giữ những thanh niên bị chúng bắt, đòi phải thả hết số thanh niên này. Trước lý lẽ của đồng bào, lại được sự đồng tình của binh sĩ, bọn chỉ huy buộc phải ra lệnh thả 325 thanh niên, trả lại những tài sản chúng cướp giật rồi rút quân.

Tại xã Mỹ Hội (Cao Lãnh), đêm 21/3, bộ đội tỉnh và du kích xã tấn công bót Miễu Ông Hổ, bao vây một bót khác trong xã. Hai ngày 22 và 23/3, địch đưa hơn 1.000 quân có máy bay và xe M113 yểm trợ, càn quét giải tỏa các đồn này. Qua hai ngày đêm công đồn, đánh viện, quân ta bắn chết và bị thương 180 tên địch, bắn cháy 1 máy bay trực thăng và 4 xe M113. Tiểu đoàn 3/f7 và Tiểu đoàn "Cọp đen" thiện chiến của địch bị đánh quỵ.

Trong tháng 3/1964, quân dân toàn tỉnh còn đẩy mạnh du kích chiến tranh ở nhiều nơi, như xã Hòa An (thị xã Cao Lãnh), Mỹ An Hưng (Lấp Vò), An Phong (Thanh Bình), Hòa Tân, An Phú Thuận (Châu Thành), Thường Phước (Hồng Ngự). Ở Sa Đéc, ta đánh sập đài truyền thanh, thiêu hủy 1 kho đạn.

Tháng 4/1964, ta tiếp tục bao vây tấn công địch ở nhiều nơi. Ngày 6/4, địch đưa 2 tiểu đoàn bộ binh, có 12 xe M113, 2 tàu chiến, 5 máy bay yểm trợ, giải tỏa các bót ở xã Nhị Mỹ, Mỹ Ngãi, Phong Mỹ, Ba Sao. Ta bắn chìm 1 tàu chiến trên sông Phong Mỹ, diệt 30 tên. Các bót Cái Bứa, kinh Cả Đức (xã Phong Mỹ), Ba Sao (Thiện Mỹ) bị quân và dân địa phương

san bằng. Ngày 8/4, ta bao vây bức rút 2 bót ở xã Mỹ Thọ. Kể từ đầu tháng 4/1964, quân và dân Cao Lãnh đã san bằng 5 đồn, giải phóng một vùng chạy dài hàng chục cây số.

Ngày 02/4/1964, địch mở cuộc càn cấp trung đoàn đánh vào vùng giải phóng ở hai xã Bình Hàng Tây và Long Hiệp (huyện Cao Lãnh), có 30 xe lội nước, 20 máy bay, hàng chục tàu và nhiều trọng pháo yểm trợ. Ta đánh trả quyết liệt, diệt 300 tên, bắn cháy và hỏng 7 xe, 3 máy bay. Đây là trận thắng vang dội nhất của tỉnh Kiến Phong kể từ sau Đồng khởi năm 1960.

Đêm 15/4/1964, ta tấn công tiêu diệt đồn Cái Sách (xã Thường Thới Hậu), đồn Cầu Muống (xã Thường Lạc), tập kích đồn Mương Kinh, đồn Cầu Ván (xã Thường Phước), giết và làm bị thương 59 tên, bắt sống 45 tên, thu 64 súng, trên 1 tấn đạn. Ngày 16/4, địch đưa nhiều xe lội nước và tàu yểm trợ cho các đồn còn lại rút chạy, cả vùng Tam Thường rộng lớn giáp với biên giới Campuchia được giải phóng. Cũng thời gian này, du kích và đồng bào vùng cù lao Long Khánh, Long Thuận (Hồng Ngự) nổi dậy diệt nhiều tên ác ôn, phá rã nhiều ấp chiến lược.

Ở huyện Châu Thành, ta tiến công phá dứt điểm các ấp chiến lược còn lại trong khu vực chữ V, giải phóng hoàn toàn ba xã Phú Long, Hòa Tân, An Khánh và 2/3 các xã Tân Nhuận Đông, Phú Hựu, mở rộng thêm căn cứ của Tỉnh ủy Vĩnh Long và Huyện ủy Châu Thành. Tuy địch mở hàng chục cuộc càn quét vào Vùng chữ V nhưng đều bị bộ đội địa phương đẩy lùi.

Song song với hoạt động quân sự, các cấp ủy Đảng trong tỉnh chỉ đạo phát động phong trào đấu tranh chính trị sôi nổi, mạnh mẽ.

Từ tháng 1 đến tháng 3/1964, hàng chục học sinh, giáo viên các trường học ở thị xã Cao Lãnh, Sa Đéc và thị trấn Hồng Ngự đồng loạt bãi khóa, míttinh, ký kiến nghị đòi tẩy chay mật vụ đội lốt giáo viên, đòi bồi thường thiệt hại cho những học sinh bị cảnh sát đánh đập, đòi phục hồi những giáo viên bị sa thải. Trong cuộc míttinh, học sinh đồng thanh hô khẩu hiệu "Đả đảo phương pháp giáo dục bằng vũ lực". Địch dùng súng và lựu đạn cay đàn áp, đánh đập và giam giữ hàng chục học sinh, buộc gia đình học sinh cam kết con em không tham gia hoạt động cách mạng. Mỗi buổi học đều có 2 đến 3 công an, mật vụ đến trường để theo dõi học sinh, nhất là ở Trường trung học công lập Sa Đéc. Địch tổ chức theo dõi những nơi đông người (bến tàu, bến xe, nhà máy), kiểm soát chặt tiểu thương, xe lôi, xe hơi, nhưng vẫn không ngăn ngừa được làn sóng đấu tranh của đồng bào ta.

Trong 7 ngày ngưng bắn Tết Giáp Thìn theo chủ trương của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (từ ngày 12 đến ngày 18/02/1964), Tỉnh ủy chỉ đạo phát động một đợt đấu tranh chính trị và binh vận sâu rộng. Khoảng 17.000 lượt đồng bào vùng phụ cận thị xã Cao Lãnh, trong đó có nhiều trí thức, học sinh và gia đình binh sĩ kéo vào nội ô thị xã họp míttinh hoan nghênh chủ trương của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đòi chấm dứt chiến tranh, thực hiện hòa bình trung lập ở miền Nam. Sau khi dự míttinh, đồng bào kéo đến dinh Tỉnh trưởng đưa yêu sách đòi chấm dứt càn quét, khủng bố, bắt xâu, bắt lính, đòi giải ngũ chồng, con, em và thả thanh niên bị bắt lính. Học sinh thị xã tán phát hàng ngàn truyền đơn giải thích chủ trương ngừng bắn 7 ngày của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Sau cuộc

míttinh, đồng bào công khai bàn tán sôi nổi chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, gây dư luận lan rộng trong công chúng, nhất là trong binh sĩ và gia đình họ. Ngụy quân, ngụy quyền bối rối, ra lệnh cấm trại binh sĩ[1].

Ngày 08/02, cơ sở của ta trong binh sĩ, tề xã An Bình (Cao Lãnh) phối hợp du kích diệt chỉ huy ác ôn, san bằng bót. Đêm 13/3, một tiểu đội biệt kích đóng dã chiến ở Thường Phước (Hồng Ngự) đem hết vũ khí về với cách mạng. Sau Tết, một đại đội bảo an quân Hòa Hảo mang vũ khí đầu hàng ta.

Ngày 03/4/1964, Huyện ủy cùng Thị xã ủy Cao Lãnh tổ chức một cuộc míttinh ở thị xã Cao Lãnh, có 7.000 đồng bào lương, giáo, học sinh và gia đình binh sĩ tham gia. Sau míttinh, đồng bào kéo đến dinh Tỉnh trưởng đưa yêu sách đòi chấm dứt càn quét, khủng bố, đòi bồi thường thiệt hại do địch gây ra ở xã Tân Thành (Hồng Ngự), Bình Hàng Tây và Long Hiệp (Cao Lãnh), đòi bãi bỏ ấp tân sinh, đòi cho chồng, con, em giải ngũ. Ngày 04/4, ở quận lỵ Kiến Văn có cuộc đấu tranh của 3.000 đồng bào, ở quận lỵ Mỹ An có cuộc đấu tranh của 2.000 đồng bào đòi quận trưởng giải quyết những yêu sách như trên.

Cũng trong tháng 4/1964, một trận càn của địch vào xã Hòa Tân (Châu Thành), chúng giết 8 thường dân đang nhổ mạ, đem xác lên bờ mổ bụng, cắt đầu phơi nắng. Cuộc thảm sát man rợ của địch đã gây nên sự căm phẫn tột độ lan rộng trong quần chúng. Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long (đồng chí Nguyễn Việt Châu - Bí thư Tỉnh ủy) chỉ đạo phát động một

1. Lệnh cấm trại bị binh sĩ phản đối, hàng trăm binh sĩ bỏ về nhà ăn Tết, trong số này có nhiều binh sĩ bỏ ngũ, gồm 37 binh sĩ các đồn trong huyện Cao lãnh, 32 binh sĩ của 3 đại đội dân vệ huyện Hồng Ngự.

cuộc đấu tranh. Bà con xã Hòa Tân gồm 3.000 người do đồng chí Nguyễn Thị Năm (Bí thư Đoàn Thanh niên xã) dẫn đầu, dùng ghe xuồng chở 8 xác người dân bị hại ra thị trấn Cái Tàu Hạ, sau đó, tập hợp thêm lực lượng kéo về thị xã Vĩnh Long đấu tranh. Đến thị trấn Cái Tàu Hạ, đoàn biểu tình bị địch chặn lại, binh lính bắn súng hăm dọa và bắt 21 người, đoàn biểu tình buộc phải giải tán. Địch cho pháo bắn cấp tập vào Xẻo Trầu, điều lực lượng từ Vĩnh Long lên để chặn. Cánh quân này bị bộ đội tỉnh (lực lượng đến hỗ trợ cho đoàn biểu tình) chặn đánh, diệt 12 tên, bị thương 3 tên, địch rút chạy về Vĩnh Long. Cuộc đấu tranh không thành công, sau đó, ta tổ chức một đám tang, phát động căm thù trong quần chúng.

Qua bốn tháng, từ tháng 01 đến tháng 4/1964, quân và dân trong tỉnh loại khỏi vòng chiến đấu 1.409 tên địch, bắn cháy 10 máy bay, phá hủy 10 xe M113, đánh nổ tung 1 kho đạn, phá hủy 1 đài truyền thanh, đánh chìm 2 tàu, diệt và bức rút 22 đồn, phá rã hàng loạt ấp chiến lược, giải phóng nhiều vùng nông thôn, hàng ngàn lượt người dân đủ các giới đã tham gia đấu tranh chính trị và công tác binh vận. *Đây là thắng lợi quan trọng, một đỉnh cao của phong trào phá ấp chiến lược.*

Sáu tháng cuối năm 1964, địch mở nhiều cuộc hành quân cấp tiểu đoàn tái chiếm một số đồn ở các xã Bình Thạnh, Tân Thành, An Bình, Thường Lạc, Thường Thới, Tân Hội (Hồng Ngự); tiếp tục đánh phá vùng giải phóng thuộc các xã Thanh Mỹ, Long Hiệp, Bình Hàng Tây, Bình Hàng Trung, Mỹ Hội, Mỹ Thọ, Nhị Mỹ, Thiện Mỹ (Cao Lãnh) và ở các huyện Lấp Vò, Lê Hà, Sa Đéc, Châu Thành. Bộ đội địa phương và du kích các xã diệt nhiều tên địch. Ở huyện Lấp Vò, ngoài việc chống địch lấn chiếm vùng giải phóng, ta còn mở đợt tấn công ra

vùng kềm. Đêm 11/8/1964, bộ đội tỉnh Vĩnh Long cùng một số cán bộ huyện Lấp Vò làm công tác vũ trang tuyên truyền ở xã Định Yên, diệt hàng trăm tên địch trong đó có nhiều tên ác ôn và 2 cố vấn Mỹ. Ta phát động quần chúng và xây dựng một số cơ sở tin cậy trong tín đồ Hòa Hảo. Ở xã Phong Hòa, tháng 9/1964, du kích và đồng bào kiên cường đánh trả cuộc càn quét lớn của địch có phi cơ, pháo binh, tàu sắt, xe M113, M118 yểm trợ, đẩy lùi hơn 20 lần tấn công của địch, diệt 150 tên, thu 20 súng, bắn rơi 1 trực thăng, đánh hỏng 1 xe M113 và 1 tàu sắt, giữ vững trận địa. Với thành tích này, du kích xã Phong Hòa được tặng danh hiệu Tiểu đội gang thép và Huân chương Chiến công hạng Nhì.

Cùng với việc chống địch càn quét, ta phát động quần chúng xây dựng xã ấp chiến đấu bằng nhiều hình thức. Xã Thanh Mỹ (Mỹ An) đào 12km hào giao thông, có hầm ẩn nấp, bên ngoài bố trí nhiều hầm chông, bãi lựu đạn gài. Mùa nước nổi năm 1964, xã Thanh Mỹ có 2.000 lượt người vót chông, làm được 10 hầm chông lớn, 110 hố chông nhỏ. Các loại mìn, lựu đạn gài của công trường tỉnh, huyện sản xuất[1] và các loại chông sắt, chông tre của quần chúng tự làm có tác dụng rất lớn trong việc phòng thủ, đánh địch. Ở các xã giải phóng và tranh chấp của các huyện Châu Thành, Cao Lãnh, quần chúng đào

1. Công trường tỉnh Kiến Phong có 71 người, gồm các bộ phận nguội tiện, hóa chất... Mỗi tháng sản xuất 400 - 450 vỏ đạn, 6.000 đầu đạn, dập được 20kg thuốc đen. Các xưởng của các huyện đều tổ chức sản xuất, sửa chữa vũ khí. Nói chung các xưởng của tỉnh, huyện trong thời gian này (1961 - 1967), sản xuất được nhiều lựu đạn, thủ pháo, thủy lôi, lựu phóng và sửa chữa các loại súng bộ binh. Có xưởng sản xuất cả vỏ đạn và đầu đạn súng trường.

nhiều tuyến chướng ngại và công sự chiến đấu[1], các cơ quan trong vùng giải phóng và nhân dân trồng hàng ngàn cây cải tạo địa hình, cắm nhiều chông, ngù[2], bảng tử địa, sử dụng ong vò vẽ... hạn chế có hiệu quả sự lùng sục của địch.

Trong vùng giải phóng, ta đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, tạm cấp hàng ngàn công ruộng cho hàng ngàn nông dân chưa có đất sản xuất. Tỉnh Kiến Phong mở 01 trường bổ túc công nông và nhiều trường lớp phổ thông với hơn 1.000 học sinh, đào tạo 50 giáo viên. Ngoài ra, còn mở một số lớp bình dân học vụ, bổ túc văn hóa cho cơ quan, xã, ấp. Trường Đảng tỉnh mở hàng chục lớp bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, nông vận, y tế, an ninh xã. Tỉnh, huyện có ban dân y, có trạm xá. Xã giải phóng có nhà bảo sanh, tổ chức "cấy nhau" cho hàng ngàn người[3]... Ở cấp xã, ngoài Mặt trận Dân tộc giải phóng, các đoàn thể, ta còn thành lập ban tự quản của quần chúng làm nhiệm vụ quản lý

---

1. Gồm một tuyến từ Rạch Cầu đến Bà Tơ và Lung Bông, một tuyến từ ngã ba Xẻo Mát vào Rạch Sậy, như đào bờ chướng 500, 1.000, trồng cây ngăn chặn xe M113.

2. Ngù: làm hình nộm xóc cọc tre, cọc tràm, đầu cọc có quấn búi cỏ hoặc treo lá chuối, rơm, bố trí thành tuyến ven theo giăng cây, cặp bờ kinh phía ngoài đồng.

3. Báo cáo chung niên năm 1964 của tỉnh Vĩnh Long phản ánh tình hình xây dựng vùng nông thôn giải phóng như sau: "Đến cuối 1964, toàn tỉnh Vĩnh Long có 3 xã giải phóng (Tam Bình: 1, Châu Thành: 1, Sa Đéc: 1); đã tạm cấp 1.000 công ruộng, trang trải 374 công, giải quyết cho 35 gia đình không đất và thiếu đói; mở 52 trường, 68 giáo viên, 1.959 học sinh, còn 23 trường chưa mở cửa vì thiếu giáo viên, mở 2 lớp bình dân học vụ, 4 nhà bảo sanh, cấy nhau 758 người; các lớp bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, đoàn viên, nông vận, phụ vận, y tế, an ninh xã... cộng chung 862 học viên".

an ninh trật tự, vận động nhân dân nhường cơm sẻ áo, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống...

Công tác xây dựng Đảng đạt kết quả khá. Tỉnh Kiến Phong mở hai đợt học tập quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Cục và Khu ủy, các lớp bồi dưỡng 6 bài chính trị cơ bản cho cán bộ cơ sở[1], nhiều lớp học Điều lệ Đảng cho cán bộ, đảng viên. Qua học tập, trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên về lập trường chiến đấu của giai cấp công nhân, xác định cuộc đấu tranh toàn dân toàn diện, phương châm chính trị - vũ trang, phương hướng tiến lên của cách mạng, củng cố ý thức tổ chức kỷ luật.

Nhờ củng cố, chất lượng chiến đấu của Đảng bộ nói chung được nâng lên. Hầu hết các đảng viên bám xã, bám dân, chiến đấu rất tích cực. Đảng viên trong lực lượng vũ trang chiến đấu dũng cảm, gương mẫu chấp hành điều lệ chiến trường, hiện tượng vi phạm kỷ luật giảm đáng kể, những đảng viên bị địch bắt vẫn giữ vững khí tiết cách mạng.

Trong năm 1964, Tỉnh ủy Kiến Phong chỉ đạo rà soát toàn bộ khả năng, hướng dẫn biện pháp phát triển đảng bốn bước cho xã[2], tập trung cho những xã, ấp ít hoặc trắng đảng viên. Số đảng viên của tỉnh Kiến Phong đến tháng 9/1964 là 2.345 người, trong đó phát triển mới là 460 người. So với năm 1963, tốc độ phát triển tăng hơn 2 lần. Tuy vậy, ở các xã

1. Trường Đảng của tỉnh Kiến Phong có tên là "Tư Huyến" đào tạo chi ủy viên, Trường Đảng huyện đã đào tạo hàng trăm cán bộ cơ sở và tổ trưởng đảng.

2. Bốn bước như sau: căn cứ yêu cầu, soát xét khả năng, đề ra chỉ tiêu biện pháp chung toàn xã; phân công đảng viên lựa chọn đối tượng; tập trung tuyên truyền giáo dục về Đảng; tiến hành bốn thủ tục kết nạp.

vùng cù lao Tân Long, Tân Quới, Long Khánh, Tân Thuận, Phú Thuận, có khoảng 75.000 quần chúng tín đồ Hòa Hảo nhưng chưa phát triển được nhiều (chỉ kết nạp được 8 đảng viên là tín đồ Hòa Hảo). Việc phát triển đảng ở các xã vùng địch bình định, ven thị xã, thị trấn và lộ giao thông chiến lược còn gặp nhiều khó khăn.

Các huyện Châu Thành, Lấp Vò, Sa Đéc, Lê Hà và thị xã Sa Đéc có 619 đảng viên[1]. Một số xã như Tân Thành, Bình Thành Tây (Lấp Vò), Hòa Khánh, Vĩnh Phước, Tân Quy Tây (thị xã Sa Đéc) còn trắng cơ sở.

Từ tháng 9/1964 đến tháng 02/1965, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiến Phong được bổ sung 17 đồng chí, các huyện ủy có từ 15 đến 19 đồng chí. Ngoài ra, còn đưa cán bộ về Khu và Miền. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng. Trường Đảng tỉnh liên tục mở nhiều lớp cho cán bộ, đảng viên các ngành và cơ sở. Tỉnh cũng tạo điều kiện đưa đi bồi dưỡng đào tạo nhiều cán bộ chủ chốt ở Trường Đảng Khu và Miền. Trong hoàn cảnh kháng chiến có nhiều khó khăn, tỉnh cố gắng thực hiện chính sách cán bộ, chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần. Tùy từng đối tượng, Tỉnh ủy có chế độ phụ cấp, giúp liên lạc gia đình, giải quyết ruộng đất cho cán bộ bị bệnh, hoàn cảnh khó khăn...

---

1. Theo *Sổ tay ghi chép* của Khu 9, số lượng đảng viên, đoàn thể ở các huyện này (tính đến ngày 14/9/1964) như sau: "Huyện Châu Thành: 216 đảng viên, 256 đoàn viên, 1.280 nông hội, 110 thanh niên giải phóng, 316 phụ nữ giải phóng; huyện Lấp Vò: 154 đảng viên, 168 đoàn viên, 322 nông hội, 156 thanh niên giải phóng, 316 phụ nữ giải phóng; huyện Sa Đéc: 146 đảng viên, 157 đoàn viên, 663 nông hội, 72 thanh niên giải phóng, 659 phụ nữ giải phóng; huyện Lê Hà: 91 đảng viên, 117 đoàn viên; thị xã Sa Đéc: 12 đảng viên, 14 đoàn viên, 15 nông hội".

Ngoài các công tác nói trên, trong năm 1964, các cấp ủy đảng trong tỉnh còn giải quyết nhiều trường hợp cán bộ, đảng viên được địch thả ra và một số người đầu hàng, đầu thú hoặc chạy dạt nay trở về. Số bị địch bắt rồi thả ra, ở huyện, xã nào thì Đảng bộ nơi đó trực tiếp kiểm thảo, nếu thấy vững tốt thì cho phục hồi công tác, nếu mất khí tiết thì tùy mức độ để giải quyết. Số đầu hàng đầu thú, số chạy dạt trở về thì không phục hồi đảng tịch. Số chạy đi nơi khác tranh thủ được thế hợp pháp, công tác liên tục, vững vàng thì cho phục hồi đảng tịch hoặc kết nạp lại.

Kể từ sau Đồng khởi năm 1960 đến đầu năm 1965, Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đã trải qua chặng đường đấu tranh cách mạng đầy gian khổ và hy sinh.

Cuộc đọ sức giữa âm mưu bình định đánh phá tát dân của địch với chủ trương của ta giữ đất giành dân giằng co hết sức gay gắt, quyết liệt. Ta giành thắng lợi lớn là mở và giữ được vùng giải phóng, giành được dân, đập tan âm mưu lập ấp chiến lược của địch, tạo thế làm chủ cho quần chúng. Tuy bị hy sinh tổn thất (trận Bảy Bồng, xã Mỹ Quý và trận Mỹ Lợi), có lúc phong trào gặp khó khăn như năm 1962 - 1963, nhưng thế và lực cách mạng được củng cố và phát triển lớn mạnh, luôn chủ động tiến công địch. Bài học tiến công tổng hợp hai chân chính trị - vũ trang, ba mũi chính trị - quân sự - binh vận ngày càng được phát huy sáng tạo.

Những thắng lợi trên đây của tỉnh đã góp phần cùng toàn Miền đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

Chương III

ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH NHÂN DÂN GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

I- PHÁT ĐỘNG TOÀN DÂN ĐÁNH THẮNG CHIẾN THUẬT "THUYỀN BAY" VÀ "HẠM ĐỘI NHỎ TRÊN SÔNG"

Đến đầu năm 1965, "quốc sách ấp chiến lược" - xương sống của "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ, đã bị quân và dân ta đập tan. Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, đánh phá đường mòn Hồ Chí Minh không ngăn chặn được sự chi viện sức người, sức của từ hậu phương lớn miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam. Chính quyền độc tài phátxít của Mỹ ở miền Nam liên tiếp bị đảo chính, lật đổ. Trong thế bị động chiến lược, đế quốc Mỹ liều lĩnh tiến hành cuộc "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, ồ ạt đưa quân Mỹ và quân chư hầu trực tiếp tham chiến trên chiến trường miền Nam, thay quân ngụy đảm nhận nhiệm vụ bình định những vùng trọng yếu. Cuối năm 1965, số quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ở miền Nam lên hơn 20 vạn, trong đó có 18 vạn quân Mỹ. Ngoài ra, còn 7 vạn lính hải quân và không quân xuất phát từ tàu chiến trên biển và các sân bay ở Thái Lan, Philíppin.

Ở tỉnh Kiến Phong và các huyện Châu Thành, Sa Đéc, Lấp Vò, Lê Hà (Vĩnh Long), ngụy quân vẫn đảm nhận nhiệm vụ chính là chiếm đóng và hành quân bình định. Tuy nhiên, số cố vấn, biệt kích Mỹ và quân Nam Triều Tiên được đưa về đây mỗi năm lại tăng lên, đến cuối năm 1965, ở Kiến Phong có 94 tên Mỹ, Sa Đéc có 70 tên Mỹ cùng chư hầu; cuối năm 1966, số quân Mỹ và Nam Triều Tiên ở vùng này tăng lên cả ngàn tên. Ngoài 2 căn cứ lớn của Sư đoàn 9 Mỹ đóng ở Bình Đức (Mỹ Tho), Rạch Kiến (Long An), tại Kiến Phong, xây dựng căn cứ biệt kích ở Đôn Phục, Cà Vàng, Bản Đô, lập tuyến phòng thủ biên giới. Tại thị xã Cao Lãnh, lập Biệt khu 44, cơ quan Viện trợ hậu cần USOM của Mỹ, căn cứ thuyền bay. Chúng tăng cường vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, dùng bom pháo và phi cơ rải chất độc hủy diệt địa hình, tàn phá ruộng vườn, xóm làng, săn đuổi, xét hỏi ghe xuồng đi lại.

Quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở chiến trường đã gây cho ta những khó khăn mới[1]. Trước đây, đối tượng tác chiến của ta chủ yếu là quân ngụy, từ năm 1965, ta phải đánh quân Mỹ, quân ngụy và chư hầu.

Trên cơ sở quán triệt quyết tâm của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Cục, Khu ủy, Tỉnh ủy Kiến Phong đề ra nhiệm vụ "Tập trung phát động trong cán bộ, đảng viên, quần chúng thông suốt tư tưởng quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ; trước mắt là

1. Thời gian này, địch dùng máy bay phản lực B57 ném bom tọa độ, kể cả ban đêm. Kinh Ba Mỹ Hòa bị tàn phá không còn nhà dân, xã Thanh Mỹ là nơi để địch trút bom đạn thừa. Ta phát động đắp hầm chữ A, làm công tác tư tưởng trong nội bộ ra quần chúng. Tình hình tư tưởng tạm ổn.

củng cố xây dựng vùng giải phóng, phát triển cơ sở đảng, các tổ chức quần chúng, các lực lượng vũ trang; đặc biệt chú trọng xây dựng cơ sở vùng yếu tôn giáo, thị xã, thị trấn; kiên quyết đánh bại các cuộc càn quét lấn chiếm, bình định của địch, giữ vững vùng giải phóng; giữ thế hai chân ba mũi giáp công đánh địch, tiêu hao, tiêu diệt quân Mỹ - ngụy và chư hầu; đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc chống Mỹ, cứu nước". Ở các huyện phía nam sông Tiền, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Vĩnh Long, phương châm hành động được quán triệt là "Quyết giữ vững vùng giải phóng, đứng vững vùng kềm, đẩy mạnh tấn công vùng yếu, đô thị".

Những nhiệm vụ trên đây được triển khai đến cấp ủy cơ sở, trong lực lượng vũ trang, các tổ chức đoàn thể và nòng cốt. Đối với nhân dân, ta tuyên truyền rộng rãi bằng truyền đơn, họp nhóm... Riêng lực lượng vũ trang, ngoài việc giáo dục chính trị thường xuyên, ta còn mở cuộc vận động ba dân chủ lớn trong quân đội. Trong học tập tình hình nhiệm vụ mới, ta kết hợp đưa tin chiến thắng và những kinh nghiệm đánh thắng quân Mỹ ở Núi Thành (Quảng Nam)[1], Vạn Tường (Bắc Quảng Ngãi)[2], Plâyme (Tây Nguyên)[3] và học tập

1. Ngày 27/5/1965, ở Núi Thành (Quảng Nam), một đơn vị bộ đội địa phương diệt gọn một đại đội lính Mỹ.

2. Ngày 18/8/1965, tại Vạn Tường (Bắc Quảng Ngãi), một lực lượng của ta ít hơn địch 10 lần đã đánh bại cuộc hành quân đầu tiên của 8.000 quân Mỹ, có pháo binh, xe tăng, thiết giáp, không quân yểm trợ, diệt và làm bị thương 900 tên Mỹ, 22 xe tăng và 13 máy bay.

3. Ngày 19/10/1965, tại Plâyme (Tây Nguyên), bộ đội chủ lực ta mở chiến dịch phản công, giáng cho Sư đoàn 1 kỵ binh bay Mỹ một "trận đẫm máu", diệt 3.000 tên địch có 1.700 tên Mỹ, bắn cháy 59 máy bay, 74 xe quân sự.

10 kinh nghiệm đánh Mỹ đầu tiên của Bộ Tư lệnh Quân khu Sài Gòn - Gia Định[1]... Nhờ đó, củng cố được niềm tin vào khả năng đánh thắng giặc Mỹ của quân và dân ta, phong trào thi đua "Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt" được phát động và hưởng ứng rộng rãi.

Ở huyện Châu Thành, sau thất bại trong âm mưu dùng trọng pháo bắn vu vơ, không giờ giấc để tát dân (năm 1962) và nhất là sau thất bại trong kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược (năm 1963 - 1964), ngày 5/5 năm Ất Tỵ (05/6/1965), địch bắt đầu dùng thủ đoạn chiến thuật mới. Chúng cho nhiều máy bay ném bom công phá lớn (bom đìa) và bom bi liên tục từ 10 giờ đến 14 giờ mỗi ngày, tập trung và dữ dội nhất ở khu vực từ vàm Xẻo Mác, Bằng Lăng đến vàm Giồng Nổi (xã Hòa Tân), làm chết và bị thương hơn 10 người dân và làm sập, hỏng

---

1. Mười kinh nghiệm đánh Mỹ đầu tiên của Bộ Tư lệnh Quân khu Sài Gòn - Gia Định:

- Ai cũng đánh được Mỹ.
- Vũ khí gì cũng đánh được Mỹ.
- Nhiều cũng đánh, ít cũng đánh, một người, một tổ cũng đánh và đều đánh thắng.
- Ở đâu cũng đánh được Mỹ. Đánh ở rừng, ở xóm, ở ấp chiến lược, ở đồng lầy, chỉ cần tích cực bám địch, tìm địch mà đánh là được.
- Ngày nào cũng đánh, đêm cũng đánh được Mỹ, vì cả ngày cả đêm đều có sơ hở, nhược điểm.
- Địch phản công là cơ hội tốt để ta diệt chúng.
- Đánh cả ở tiền tuyến, đánh cả ở hậu phương địch, đánh đều khắp, càng làm cho giặc Mỹ bối rối, bị động, ta diệt địch càng dễ dàng hơn.
- Đánh cả trong xã, ấp chiến đấu và ngoài xã, ấp chiến đấu, chỉ cần nâng cao quyết tâm tìm Mỹ mà đánh, tìm Mỹ mà diệt.
- Có khả năng đánh thắng các loại binh chủng Mỹ.
- Đánh bằng vũ trang, đánh bằng chính trị, đánh bằng cả binh vận.

nhiều nhà cửa, nhân dân lo lắng, nhiều gia đình tản cư ra vùng địch.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Vĩnh Long mở hội nghị tại Ấp 4 (xã Hòa Tân). Hội nghị quyết định thành lập đoàn chỉ đạo chống phá bình định, thực hiện phương châm: Kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang song song, lấy vũ trang làm đòn xeo, là tay thước và kết hợp binh vận tại chỗ.

Được sự chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy Vĩnh Long, Huyện ủy Châu Thành tập trung cán bộ huyện, cán bộ các ngành tỉnh tăng cường cùng với Chi bộ xã Hòa Tân tuyên truyền vận động quần chúng, phát động căm thù. Huyện ủy chỉ đạo tổ chức nhiều cuộc đấu tranh trực diện từ 500 đến 1.000 quần chúng ở quận lỵ Đức Tôn (Cái Tàu Hạ) và tỉnh lỵ Vĩnh Long, buộc địch phải thừa nhận tội ác, hứa giải quyết yêu sách bồi thường thiệt hại cho dân. Mặt khác, phát động từ nội bộ ra dân thực hiện ba bám: du kích bám đánh địch, cán bộ bám dân, nông dân bám ruộng, phương châm vừa tấn vừa xây: xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị mạnh; xây dựng xã chiến đấu, làm bãi chông mìn chống địch đổ bộ tại vàm rạch Gốc Gừa, vàm rạch Thầy Năm Nhàn (xã Hòa Tân), dựng bờ chướng ngại, trồng cây cải tạo địa hình; chủ trương sơ tán dân ra đồng ở các cụm cây đơn lẻ, phân tán để tránh thiệt hại lớn; lãnh đạo nông dân bám đất sản xuất, thâm canh tăng vụ, tăng diện tích gieo trồng.

Nhờ lãnh đạo kịp thời của Tỉnh ủy, Huyện ủy, nhân dân các xã Vùng chữ V huyện Châu Thành kiên cường bám đất, bám ruộng sản xuất, coi sản xuất cũng là chiến đấu. Trong vùng giải phóng cũng như vùng tranh chấp, mỗi gia đình đều có hầm kiên cố, trên các đường đi lối lại, giữa nhà này sang

nhà khác, giữa ấp nọ qua ấp kia đều có hệ thống công sự, hầm hào liên hoàn. Cuộc đấu tranh chống địch đánh phá tát dân diễn ra hết sức quyết liệt. Ta đã giành thắng lợi lớn là giữ được đại bộ phận quần chúng nhân dân ở vùng giải phóng, liên hoàn nhiều xã. Nhờ đó, đã cung cấp sức người sức của cho cách mạng, góp phần đánh bại âm mưu bình định của địch trong các năm 1965 - 1967 và giành thắng lợi lớn cho tổng tấn công Xuân Mậu Thân năm 1968.

Sau Hội nghị ở Ấp 4 (xã Hòa Tân, Châu Thành), Tỉnh ủy Vĩnh Long chỉ đạo các huyện Bình Minh, Lấp Vò, Tam Bình... đánh sâu vào vùng địch. Tiểu đoàn 857 của tỉnh về huyện Lấp Vò mở tuyến Định Yên, Tân Phước, Long Hậu để căng kềm địch.

Ngày 15/5/1965, ta đánh đồn Ông Yên (Tân Nhuận Đông), diệt 1 trung đội địch. Ngày 20/5, địch đưa Tiểu đoàn 4/e16/f9 đến tái chiếm, ta chặn đánh, đến chiều địch co cụm, buổi tối, ta tập kích làm thiệt hại nặng tiểu đoàn này (có 3 cố vấn Mỹ bị diệt), thu 100 súng các loại. Cùng lúc, bộ đội địa phương và du kích hoạt động mạnh ở khu vực Bình Tiên, Tân Phú Trung, Tân Xuân (Sa Đéc) và tuyến lộ 80.

Thời gian này, du kích Tân Xuân và một phân đội của Tiểu đoàn 857 chặn đánh quân địch ở cây số 137 liên tỉnh lộ 80, diệt và làm bị thương nhiều tên địch. Du kích thị xã Sa Đéc cùng cơ sở mật gài mìn đánh sập một trạm cảnh sát làm 2 cố vấn Mỹ bị thương nặng. Ở vùng ven sông Hậu thuộc huyện Lấp Vò, Tiểu đoàn 857 đánh 5 đồn ở Tân Hòa, Vĩnh Thới, đánh thiệt hại 1 tiểu đoàn của Sư đoàn 9 ngụy, địch dội bom, bắn pháo, làm cháy và sập hơn 100 nhà dân.

Tính chung ở huyện Châu Thành, lực lượng vũ trang ta đánh 10 trận lớn nhỏ, diệt hàng trăm tên địch, bắn rơi tại chỗ 2 máy bay trực thăng tại xã Tân Nhuận Đông, bắn cháy 2 xe M113 tại Phú Long, đánh chìm 2 tàu đổ quân biệt kích Mỹ, đánh hỏng 1 tàu khác đi cứu viện. Âm mưu bình định của địch bị thất bại. Ta củng cố phát triển lực lượng về mọi mặt, giữ vững vùng giải phóng ba xã Phú Long, Hòa Tân, An Khánh và một phần của xã Tân Nhuận Đông.

Ở phía bắc sông Tiền, ngày 30/7/1965, Tiểu đoàn 502 tập kích một tiểu đoàn bảo an địch đóng dã chiến dọc theo lộ 30 trên kinh Ông Cả (xã Tân An, thị xã Cao Lãnh), loại khỏi vòng chiến đấu 85 tên địch, thu 50 súng. Ngày 20/8/1965, địa phương quân Mỹ An diệt 1 trung đội biệt kích tại Ngã Sáu (xã Thanh Mỹ).

Các phân xưởng sửa chữa sản xuất vũ khí của tỉnh, huyện phát triển khá mạnh. Mỗi tháng sản xuất được hàng ngàn mìn (đạp lôi), chông sắt, lựu đạn gài, hàng chục ngàn đầu đạn súng trường. Ta còn sử dụng đạn pháo lép chế tạo thành trái gài đánh địch rất lợi hại.

Vùng giải phóng, ta chú trọng lãnh đạo nông dân sản xuất, chủ yếu là phát triển cây lúa để đáp ứng yêu cầu nuôi bộ đội. Các đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ giữ vai trò tích cực trong xây dựng xã ấp chiến đấu, đi dân công phục vụ chiến dịch. Chú ý phát triển văn hóa, giáo dục nhưng do chiến tranh ác liệt, nhân dân tản cư ra vùng địch hoặc ăn ở rất phân tán ngoài đồng hoặc theo kinh rạch, việc mở trường lớp rất khó khăn, không ổn định. Nhiều trường vừa cất xong lại bị địch đốt, các đoàn thể địa phương vận động nhân dân

cất lại. Nhiều nơi, ban ngày không dạy học được, phải dạy ban đêm. Mùa nước nổi, giáo viên tổ chức những em có xuồng đưa đón các em không có phương tiện. Năm 1965, ta cố gắng mở được một số trường lớp phổ thông với 912 học sinh (có 40 em học bổ túc công nông) và 32 giáo viên. Hầu hết các xã đều có trạm y tế, nhà hộ sinh để điều trị, cấp cứu những người bị thương. Vùng tranh chấp, ta vận động mở trường học, nhà hộ sinh tuyến trước, nhiều đồng bào trong vùng địch chiếm cũng ra chữa bệnh tại các cơ sở này.

Các xã vùng yếu tôn giáo như Định Yên, Long Hưng, Tân Phước (Lấp Vò), cù lao Tân Huề (Thanh Bình), bước đầu ta xây dựng được cơ sở nòng cốt, sau đó thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng. Vùng thị xã, thị trấn, ta chú ý xây dựng phát triển cơ sở đảng ở nội ô và các cơ sở nội tuyến trong lòng địch.

Đáng chú ý là trong năm 1965, việc phát động tư tưởng quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ, ra sức xây dựng củng cố vùng giải phóng, vừa đánh địch vừa phát triển lực lượng[1] về mọi mặt được tập trung cao nên tạo ra thế đối phó âm mưu hoạt động mới của địch trong bất kỳ tình huống nào. Bên cạnh đó, Đảng phát động "ôn nghèo kể khổ" trong nông dân, gây căm thù đế quốc, địa chủ, đẩy mạnh tấn công đánh thắng chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy.

Những tháng đầu năm 1966, Mỹ - ngụy mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất trên toàn miền Nam. Ở đồng bằng sông Cửu Long, địch mở nhiều cuộc hành quân

1. Tỉnh Kiến Phong đưa 200 thanh niên nam nữ đi thanh niên xung phong, hơn 1.000 thanh niên tòng quân gia nhập ba thứ quân. Tổng số trong hai năm 1964 - 1965, Kiến Phong có trên 1.300 thanh niên nhập ngũ.

đánh vào các lõm căn cứ, đường hành lang nhằm lấn chiếm, xúc dân, phá hoại mùa màng.

Nhờ phát động tư tưởng và quyết tâm thắng Mỹ, năm 1966, các lực lượng vũ trang Kiến Phong tác chiến 584 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 1.360 tên địch, trong đó diệt 616 tên (có 40 tên Mỹ), bị thương 744 tên (có 14 tên Mỹ), bắn cháy 6 xe M113, 6 máy bay, bắn chìm 7 tàu, bắn hỏng 4 xe M113, 6 tàu và 14 thuyền bay.

Nổi bật có các trận:

Ngày 5/4/1966, Tiểu đoàn 502 tấn công quân biệt chánh công dân vụ tại đồn Cái Tre, huyện Thanh Bình, diệt 18 tên, bắt 7 tên (có 1 phó đoàn), thu 11 súng, diệt đồn Bà Dư

Lễ tiễn thanh niên Lấp Vò lên đường tòng quân, năm 1965

Ảnh tư liệu

(Long Hiệp), diệt đồn Mỹ Hổ (23/5/1966) và tập kích đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn địch tại đây (25/5/1966). Ngày 18/7/1966, Đại đội đặc công tỉnh cùng Tiểu đoàn 502 tấn công sân bay Tân Tịch (xã Tịnh Thới), phá hỏng 2 máy bay L-19, diệt nhiều tên địch, thu 20 súng. Tháng 9/1966, Tiểu đoàn 502 phối hợp bộ đội huyện Cao Lãnh, Thanh Bình đánh đồn Thống Linh, đồn Láng Tượng. Du kích xã Thanh Mỹ bắn rơi 1 máy bay F105.

Trong tháng 12/1966, bộ đội huyện Hồng Ngự phối hợp với du kích xã Bình Thạnh bẻ gãy cuộc càn của một tiểu đoàn địch, diệt 72 tên. Địch dùng nhiều trực thăng, xe M113, thuyền bay và phi pháo yểm trợ bộ binh phản kích nhưng bị tổn thất nặng nề và rút quân. Phát huy thắng lợi, Huyện ủy Hồng Ngự chỉ đạo địa phương quân huyện và du kích các xã Tân Thành, Thông Bình tập kích yếu khu Cà Vàng, sau đó, chống càn ở khu căn cứ giáp biên giới Việt Nam - Campuchia, đánh thiệt hại nặng một đại đội địch.

Tại các huyện phía nam sông Tiền, theo chỉ đạo của Khu ủy Khu 9, tỉnh Vĩnh Long mở đợt tấn công ra vùng kềm, phá dự trữ của địch, xây dựng cơ sở, đồng thời căng kéo địch, buộc chúng phải rút lực lượng bình định nông thôn về đối phó ngay trong vùng chúng kiểm soát.

Tháng 6/1966, địa phương quân tỉnh hoạt động mạnh ở Tân Hòa, Vĩnh Thới (vùng ven sông Hậu thuộc huyện Lấp Vò). Sau đợt hoạt động, Tiểu đoàn 857 của tỉnh rút về dưỡng quân ở xã Phú Quới, cơ quan quân y huyện Châu Thành cũng ở xã Phú Quới. Do có gián điệp chỉ điểm, ngày 17/6/1966, địch huy động 2 tiểu đoàn của e16/f9, tiểu đoàn biệt động quân số 43 đánh vào quân y huyện. Quân y huyện cùng đội

bảo vệ và du kích xã dựa vào địa hình, công sự đánh trả địch quyết liệt. Nhận được tin này, Tiểu đoàn 857 triển khai ngay đội hình chiến đấu để phối hợp và chia lửa cho cơ quan quân y huyện Châu Thành. Một đại đội biệt động quân của Tiểu đoàn 43 bị diệt. Địch dùng trực thăng tăng viện 5 tiểu đoàn, có phi cơ yểm trợ. Cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt và kéo dài suốt ngày 17/6. Kết quả, ta diệt gần 300 tên, thu trên 100 súng, bắn rơi 3 máy bay, bẻ gãy trận càn của địch. Ta bị hy sinh 30 đồng chí.

Sau trận chống càn nói trên, Tiểu đoàn 857 của tỉnh Vĩnh Long tiếp tục đứng chân ở vùng kềm. Tháng 9/1966, tiểu đoàn phối hợp bộ đội huyện Châu Thành và du kích xã Bình Tiên tập kích phân chi khu Bình Tiên, diệt 2 tiểu đội cảnh sát dã chiến và tề xã Bình Tiên. Ngày 25/11/1966, tiểu đoàn tập kích địch ở xã Tân Xuân (Sa Đéc) diệt trên 100 tên địch; phối hợp với địa phương quân Lấp Vò tập kích tiêu hao nặng Liên đội 3 bảo an Huỳnh Trung Hiếu tại xã Mỹ An Hưng, diệt 110 tên, thu 30 súng; phục kích cánh quân thuộc Trung đoàn 15/f9 đi càn quét ở xã Bình Thạnh Trung, diệt 152 tên, phá hủy 4 xe M113.

Đặc biệt, 0 giờ ngày 12/11/1966, Tiểu đoàn 857 Vĩnh Long phối hợp cơ sở binh vận là Nguyễn Bá Hài - thượng sĩ trinh sát của Tiểu đoàn 3/e15/f9 ngụy, đóng tại hậu cứ Trung đoàn 15 ở đình Tân Quy Tây, ngã tư Cầu Đốt. Bộ đội ta cải trang đột nhập, bất thần tiến công diệt gọn Đại đội 1/d3/e15, diệt tại chỗ 115 tên, bắt sống 12 tên, thu trên 180 súng, gần 15 tấn đạn, thiêu hủy 5 xe đạn. Sáng ngày 12/11, địch tập trung 2 tiểu đoàn của e15/f9 và một chi đoàn M113 truy kích. Do được chuẩn bị trước, các mũi đấu tranh chính trị gồm hơn 10.000 quần chúng

từ các ngả kéo ra vây chặt hai tiểu đoàn địch, kêu la, than khóc, đòi thấy mặt chồng, con em, lên án Mỹ - ngụy bắt người thân của họ đi lính, đòi bồi thường sinh mạng, quân địch lúng túng đối phó, không tiến quân ra khỏi thị xã được. Trong trận đánh này, ta giành thắng lợi cả ba mặt quân sự, chính trị và binh vận.

Cuối năm 1966, bộ đội tỉnh, huyện và du kích còn đánh địch nhiều trận ở các xã An Nhơn, Hòa Tân, Phú Hựu, Tân Nhuận Đông (Châu Thành), diệt 50 tên địch trong đó có 1 trung đội lính thủy đánh bộ, 8 cố vấn Mỹ, bắn cháy 3 máy bay, 2 xe Jeep.

Theo chỉ đạo của Trung ương Cục và Khu ủy, năm 1966, Tỉnh ủy Kiến Phong và Tỉnh ủy Vĩnh Long mở đợt học tập tình hình nhiệm vụ mới và Lời kêu gọi ngày 17/7/1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh[1], kết hợp phổ biến tin chiến thắng và kinh nghiệm đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất của Mỹ - ngụy. Qua học tập, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ củng cố thêm một bước tinh thần và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ. Tỉnh ủy chủ trương phát động tuần lễ căm thù với khẩu hiệu "Chiến đấu trả thù cho đồng bào, chiến sĩ bị giặc Mỹ sát hại trong trận lũ lụt 1966 và bị hãm hiếp chết dọc theo sông Cửu Long".

---

1. Lời kêu gọi có đoạn: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!" (Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.131).

Hưởng ứng *Tuần lễ căm thù*, có hơn 3 vạn lượt người ở thị xã, thị trấn, các ấp chiến lược và nhiều vùng nông thôn, họp xóm ấp, míttinh, biểu tình, để tang tập thể... lên án tội ác dã man của Mỹ - ngụy. Toàn tỉnh có hơn 43 cuộc biểu tình đấu tranh trực diện của hơn 8.000 quần chúng gồm học sinh, trí thức, tư sản dân tộc, các tín đồ tôn giáo yêu nước và được sự đồng tình của hơn 4.000 binh sĩ, kéo đến dinh Tỉnh trưởng, quận trưởng, đồn, bót tố cáo tội ác man rợ của giặc Mỹ, buộc chính quyền ngụy phải chấp nhận yêu sách và bồi thường thiệt hại.

Nổi bật là cuộc đấu tranh của 35 đồng bào huyện Thanh Bình trong ngày 17/12/1966. Khi bọn giang thuyền Mỹ và Nam Triều Tiên tuần tiễu trên sông, thấy bà con đang làm rẫy ở vàm Tân Thạnh (Thanh Bình), chúng cập tàu vào bờ rượt bắt 35 người, đa số là phụ nữ, đều là tín đồ Hòa Hảo. Chúng đưa số người này xuống tàu, rồi thay nhau hãm hiếp. Một số đồng bào cùng làm rẫy chạy thoát, gặp Quận trưởng Khải tố cáo tội ác của giặc. Trước bằng chứng cụ thể, bọn Mỹ và Quận trưởng Khải phải thừa nhận tội lỗi và thả đồng bào ra. Vụ này gây dư luận lan rộng khắp nơi, quần chúng phẫn nộ vạch trần bộ mặt xấu xa của chúng, còn địch thì cải chính việc làm nói trên.

Năm 1966, tuy giành được thắng lợi đáng kể về quân sự và chính trị, nhưng nhìn chung, ta còn nhiều khó khăn:

Từ tháng 10/1965, theo chỉ đạo của trên, huyện Chợ Mới (An Giang) được chuyển giao cho tỉnh Kiến Phong, huyện có 12 xã đều thuộc vùng yếu tôn giáo, vùng kềm nặng của địch, cơ sở đảng bị đánh dạt, Huyện ủy và địa phương quân huyện đều

phải ly huyện, cuối năm 1966 mới phục hồi được cơ sở nhưng còn hai xã trắng (Nhơn Mỹ và Mỹ Hội Đông).

Huyện Thanh Bình có 8 xã với 65.000 dân nhưng chỉ có 10.000 dân ở vùng giải phóng, còn lại đều ở vùng yếu ven sông Tiền, địa hình rất mỏng hoặc là cù lao nên việc đi lại, liên lạc rất khó khăn. Cơ sở đảng, du kích bị đánh bật ra ngoài, nhiều cán bộ, chiến sĩ hy sinh.

Huyện Hồng Ngự có 15 xã với 90.000 dân thì có 10 xã với 80.000 dân thuộc vùng yếu và tranh chấp (7 xã ven sông Tiền và quanh thị trấn, 3 xã yếu vùng cù lao Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận).

Huyện Mỹ An có 7 xã với hơn 50 ngàn dân, trong đó có 2 xã giải phóng với 12 ngàn dân. Đầu năm 1966, ta đánh lấn địch chuyển được phong trào, nhưng vào tháng 3/1967, địch chiếm lại xã Đốc Binh Kiều, gây cho ta nhiều khó khăn.

Vùng sâu các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình, Cao Lãnh và huyện Mỹ An, địch xây dựng 14 khu dinh điền, trong đó, phần lớn ta chưa xây dựng được cơ sở.

Năm 1966, ở vùng tôn giáo ven sông Hậu của huyện Lấp Vò và một số xã của huyện Lê Hà, phong trào có chuyển biến nhưng còn nhiều xã chưa có cơ sở đảng.

Đến cuối năm 1966, toàn tỉnh (kể cả các huyện phía nam sông Tiền)[1] có 3.472 đảng viên, 6.000 đoàn viên, nhưng các cấp ủy bị động với công tác phong trào nên chưa thật quan tâm

1. Riêng hệ dân - chính - đảng ở các huyện: Châu Thành có 42 đảng viên, Lấp Vò 56 đảng viên, Lê Hà 27 đảng viên, Sa Đéc 37 đảng viên, thị xã Sa Đéc 7 đảng viên.

xây dựng các đoàn thể. Tổ chức đoàn sinh hoạt lỏng lẻo. Mạng lưới y tế, giáo dục ở vùng giải phóng gặp khó khăn vì lũ lụt và chiến tranh ác liệt nên số lượng sụt giảm đáng kể. Cuối năm 1966, cả tỉnh còn 11 trường trung học đệ nhất cấp với 307 học sinh (đầu năm: 45 trường, 912 học sinh).

Trên chiến trường miền Nam, sau cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất bị thất bại nặng, cuối năm 1966 đầu năm 1967, Mỹ - ngụy mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai. Tham vọng của chúng nhằm giành được thắng lợi trong kế hoạch hai gọng kềm "tìm diệt" và "bình định", tạo nên bước ngoặt quyết định trong cuộc chiến tranh.

Ở trong tỉnh, ngụy quân, ngụy quyền điều chỉnh lại thế bố trí chiến lược, thành lập lại tỉnh Sa Đéc (theo Sắc lệnh số 162-SL/DU/HU ngày 24/9/1966) gồm 4 quận (Đức Tôn, Đức Thịnh, Đức Thành, Lấp Vò) với 10 tổng, do trung tá Lê Thọ Trung làm Tỉnh trưởng. Chúng mở rộng các căn cứ quân sự (sân bay, kho đạn ở Tân Quy Tây, lấy câu lạc bộ sĩ quan và sân vận động thị xã làm căn cứ Mỹ, xây dựng hậu cứ ở xã Tân Dương). Những tháng cuối năm 1966, số quân Mỹ, Nam Triều Tiên và Ôxtrâylia ở thị xã Sa Đéc tăng lên 500 tên, lập căn cứ của Trung đoàn 15/Sư đoàn 9 và bố trí 1 tiểu đoàn thường trực ứng chiến, tăng 14 tàu tuần tiễu trên sông Cửu Long. Lực lượng bảo an, dân vệ, cảnh sát dã chiến, biệt kích Mỹ, biệt kích ngụy, quân cảnh chốt giữ nhiều vị trí quan trọng trong thị xã.

Địch mở nhiều cuộc hành quân càn quét sâu vào Đồng Tháp Mười. Có lúc tập trung 2 trung đoàn bộ binh, 40 xe M113, 20 thuyền bay, 100 tàu chiến các loại và trên 30 lượt máy bay, hàng chục khẩu pháo đánh phá vào vùng ta. Đặc điểm các trận càn này là kéo dài nhiều ngày, đánh nhiều lần vào một điểm,

kết hợp bộ binh và cơ giới, kể cả dùng chất độc hóa học đánh vào nhiều vùng, như khu vực hậu xã Bình Hàng Trung (Cao Lãnh), xã Thanh Mỹ (Mỹ An). Ngày 20/3/1967, địch đưa 1 trung đoàn bộ binh yểm trợ 4 đại đội biệt kích Mỹ đóng chốt xây dựng căn cứ Đốc Binh Kiều (Mỹ An) nhằm khống chế vùng sâu rộng lớn Đồng Tháp Mười. Ngày 20/5/1967, Tiểu đoàn 4/e16/f9 ngụy hỗ trợ bảo an, dân vệ tái chiếm đồn Ông Yên (xã Tân Nhuận Đông, Châu Thành).

Địch chia địa bàn hoạt động làm ba vùng, đánh ta bằng ba giai đoạn: tảo thanh, đánh bật và sau cùng là bình định. Chúng lập các đoàn bình định đưa xuống xã, ấp hoạt động ráo riết, kết hợp chiến tranh tâm lý tuyên truyền xuyên tạc, đầu độc, lừa mị quần chúng. Chúng đưa tay chân vào nắm các phe phái, như phe Cả Bộ Phan Bá Cầm, Thị Nguyệt - vợ Ba Cụt (Dân xã Đảng), Lâm Thành Nguyên (Hai Ngoán), Nguyễn Giác Ngộ... nhằm tạo hậu thuẫn về chính trị, tập hợp những cán bộ quân sự Hòa Hảo cũ, chức sắc cũ thôi việc từ những năm Ngô Đình Diệm khủng bố giáo phái trở lại hoạt động. Số này tuy ít nhưng còn nhiều ảnh hưởng trong tín đồ, nhất là ở các vùng Chợ Mới, Thanh Bình, Hồng Ngự, Lấp Vò. Chúng nắm ban trị sự và lực lượng vũ trang tại chỗ để dễ bề bắt lính. Trong sáu tháng đầu năm 1967, địch bắt được 800 thanh niên, phần lớn trong số này ở vùng tôn giáo, các ấp chiến lược, ven thị xã, thị trấn.

Thủ đoạn chung của địch là bình định có trọng điểm, hoạt động trên nhiều mặt quân sự, chính trị (chiến tranh tâm lý), kinh tế, văn hóa, xã hội, đưa các đoàn cán bộ bình định về hoạt động các trọng điểm, gia tăng kềm kẹp quần chúng ở vùng

chúng kiểm soát, nơi bị phá lỏng kềm thì sử dụng các trung đội biệt kích và đồn, bót khống chế quần chúng, nơi kềm không được thì tát dân, đóng đồn lấn chiếm. Các vùng tranh chấp ven sông Tiền, quanh thị xã Sa Đéc, thị xã Cao Lãnh, chúng thường dùng biệt kích "đánh xỉa"[1]. Vùng căn cứ giải phóng của huyện Châu Thành, địch ném bom vào các chòi của dân dựng ở ngoài đồng, làm cho nhiều gia đình bị thiệt hại. Ở xã An Khánh, địch ném bom làm chết 2 gia đình (14 người) trốn chung trong một hầm. Ở xã Hòa Tân, địch ném bom tại ngọn Gộc Dừa (Đìa Dùng) trúng một hầm chết cả gia đình ông Tám Xinh (12 người).

Âm mưu thủ đoạn chung của địch là khủng bố, đàn áp đi đôi với lừa mị, có tập trung trọng điểm, ra sức giành người, giành của nhằm cô lập và tiêu diệt ta. Việc mở rộng các căn cứ quân sự, tăng cường binh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ, nhất là thuyền bay và tàu tuần tiễu đã gây cho ta nhiều khó khăn. Hành lang vận chuyển của ta bị địch phát hiện, đánh phá rất ác liệt. Năm 1967, vận tải vũ khí bằng đường biển của ta bị lộ, địch phong tỏa đường Cửa Đại (Bến Tre) về Vĩnh Long. Thực hiện chủ trương của Trung ương Cục và Khu ủy, ngành giao liên tỉnh bàn giao việc vận chuyển vũ khí cho bộ đội tỉnh. Tuy gặp khó khăn nhưng bằng nhiều cách ta vẫn giữ vững đường giao thông huyết mạch vận chuyển vũ khí, thuốc men, hóa chất an toàn.

---

1. Theo Báo cáo sơ kết công tác tấn công vùng yếu, xây dựng cơ sở, phát động quần chúng phá kềm ở Vĩnh Long năm 1967: "Trong sáu tháng địch tiến hành 466 cuộc đánh xỉa, 41 cuộc biệt kích, có 17 cuộc gây thiệt hại cho ta, chết 13 người có 12 cơ sở, bị thương 4 cơ sở, bị bắt 21 người có 7 cơ sở, mất 8 súng. Vùng tranh chấp của Châu Thành bị thiệt hại nhiều nhất".

Để chống lại kế hoạch hai gọng kềm của địch và đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trả thù đế quốc Mỹ đánh phá miền Bắc, ta phát triển thế chiến tranh nhân dân rộng khắp ba vùng, tiến công Mỹ - ngụy bằng ba mũi chính trị, quân sự, binh vận.

Tiếp tục phát động *Tuần lễ căm thù* đưa quần chúng ra thị xã, thị trấn đấu tranh tố cáo tội ác địch. Ngày 15/01/1967, 1.300 quần chúng các xã vùng ven thị xã Cao Lãnh kéo vào nội ô biểu tình. Hơn 200 người khiêng 10 thi hài nạn nhân chết vì bom đạn địch và bị bọn Mỹ hãm hiếp quăng xuống sông. Người biểu tình mặc đồ tang tố cáo tội ác giặc Mỹ khắp thị xã. Cuộc biểu tình lôi cuốn thêm 2.000 người trong nội ô thị xã và 400 binh sĩ. Ngụy quyền tỉnh và chỉ huy quân Mỹ bối rối, buộc phải thừa nhận tội lỗi, nhận đơn và hứa bồi thường thiệt hại. Cùng ngày, ở xã Hòa An, Tân Thuận Tây có 100 người, Mỹ Ngãi 200 người, An Phong 400 người biểu tình chống Mỹ - ngụy tàn sát, hãm hiếp phụ nữ trên sông Cửu Long, chống đôn quân bắt lính. Ở nhiều nơi khác, quần chúng đấu tranh đòi giảm tô, đòi cứu tế những đồng bào thiếu đói sau nạn lụt. Phong trào diễn ra liên tục, đã giành lại 9.000 giạ lúa tô và 4.310.000 đồng cứu tế. Ở thị xã Sa Đéc và ven sông Hậu (Lấp Vò), phong trào đấu tranh chính trị đòi quyền dân sinh, dân chủ nổi lên mạnh, buộc địch phải đắp công sự để tránh phi pháo, bồi thường thiệt hại cho 25.000 đồng cho xã Long Hậu và 25 căn nhà ở xã Định Yên. Đồng bào tuyên truyền giáo dục 73 gia đình binh sĩ, xây dựng được nhiều cơ sở cảm tình trong binh sĩ địch, vận động nhiều binh sĩ đào, rã ngũ.

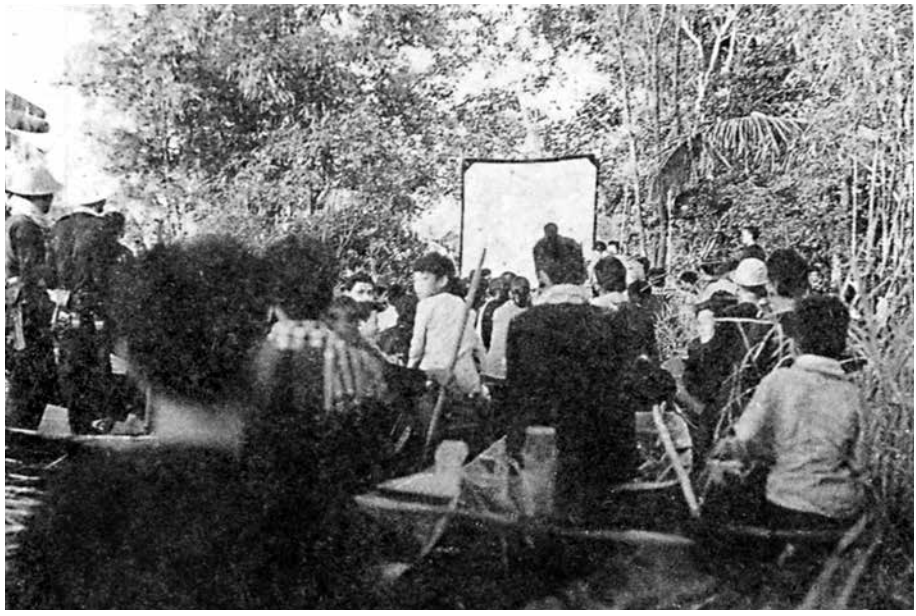

Chiếu phim phục vụ đồng bào vùng căn cứ giải phóng Đồng Tháp Mười

Ảnh: Hồng Hải

Chiến đấu trên đồng nước Tháp Mười

Ảnh: Hoàng Mai

Tù binh bị ta bắt trong trận tập kích hậu cứ Trung đoàn 15, Sư đoàn 9 tại Sa Đéc đêm 23/11/1966

Ảnh tư liệu

Thuyền bay Mỹ bị du kích Tứ Thường bắt ngày 26/7/1967

Ảnh: Thông tấn xã Giải phóng

Mùa mưa năm 1967, lợi dụng nước ngập đồng, thuyền bay đánh phá sâu vào vùng căn cứ hằng ngày, nhân dân chạy ra vùng địch, một số cán bộ tránh né, điều kiện chiến đấu của bộ đội, du kích rất khó khăn. Tỉnh ủy Kiến Phong kịp thời chủ trương cho nhân rộng sáng kiến làm công sự nổi, phát huy sở trường chiến đấu trên đồng nước, liên tục đánh địch trong lúc đồn, bót cũng bị ngập nước thiếu công sự ẩn nấp, diệt được một số đồn, làm cho địch rất hoang mang.

Để tạo điều kiện cho cán bộ, du kích và cơ sở bám lại chiến đấu, với quyết tâm trả thù cho đồng bào đồng chí bị địch giết hại, ngày 03/7/1967, một bộ phận của Tiểu đoàn 502 phối hợp với biệt động thị xã Cao Lãnh và du kích xã Hòa An tấn công vào nội ô và căn cứ thuyền bay[1], diệt và làm bị thương 60 tên (cả quân Mỹ, ngụy và Nam Triều Tiên), phá hủy và phá hư 20 thuyền bay. Trên đồng nước Tháp Mười, bộ đội và du kích mạnh dạn đánh thuyền bay bằng nhiều cách. Riêng cách giăng dây gài mìn hoặc cắm sào gài mìn (còn gọi là "thủy lôi sào"), làm cạm bẫy kết hợp phục kích, dùng súng bộ binh đánh thuyền bay rất hiệu quả. Ở huyện Tứ Thường[2] từ đầu năm 1967, địch đưa về căn cứ biệt kích Mỹ ở Bản Đô (xã Thường Thới Tiền) một đội thuyền bay (11 chiếc) do quân Mỹ

1. Nay là một phần của công viên Thiếu nhi, đoạn đối diện với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

2. Khoảng tháng 7/1966, để bảo vệ căn cứ của Khu ủy, ta thành lập huyện Tứ Thường gồm bốn xã Thường Thới Hậu, Thường Thới Tiền, Thường Lạc, Thường Phước. Huyện ủy có 5 đồng chí, do đồng chí Tư Bê nguyên là cán bộ Ban tổ chức Khu làm Bí thư, đồng chí Năm Thôi - nguyên Huyện ủy viên Hồng Ngự làm Phó bí thư. Buổi đầu thành lập đội du kích liên xã, sau lập Huyện đội và địa phương quân huyện. Đến tháng 5/1970, Mỹ - ngụy đánh lên Campuchia, Khu ủy rút khỏi căn cứ Tứ Thường, ta giải thể huyện Tứ Thường, giao bốn xã nói trên cho huyện Hồng Ngự.

điều khiển, thường xuyên đánh vào căn cứ của ta trong mùa nước nổi. Ngày 26/7/1967, đội thuyền bay địch chia làm 2 mũi đánh vào căn cứ Huyện đội và Huyện ủy Tứ Thường ở ấp Bình Hòa Thượng (xã Thường Thới Hậu). Mũi thứ nhất gồm 6 chiếc thọc sâu vào căn cứ, mũi thứ hai từ cánh đồng ấp Bình Hòa Hạ đánh ra. Lực lượng du kích liên xã Thường Thới Hậu, Thường Thới Tiền, Thường Lạc phục kích sẵn (có làm cạm bẫy xóc cọc gài mìn), khi thuyền bay địch lọt vào trận địa, ta đồng loạt nổ súng diệt tại trận 3 chiếc, làm bị thương 3 chiếc khác, số còn lại tháo chạy. Cùng thời gian này, du kích xã Bình Thạnh, Tân Thành (Hồng Ngự) dùng mìn, lựu đạn gài giăng bẫy ven căn cứ diệt tại chỗ 2 chiếc. Từ đó về sau, địch không còn dùng thuyền bay đánh sâu vào căn cứ của ta.

Ngày 13/7/1967, Tiểu đoàn 502 phối hợp đại đội đặc công của Tiểu đoàn 261 (Quân khu 8) tấn công 4 đại đội địch gần căn cứ biệt kích Mỹ ở Đốc Binh Kiều. Trong trận đánh chớp nhoáng này, ta diệt và làm bị thương 180 tên, thu 60 súng.

Đêm 12/8/1967, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Tiểu đoàn 502 cùng đại đội đặc công tỉnh tấn công khu hậu cần tiểu khu Kiến Phong tại xã Mỹ Trà[1]. Khu này có 6 lớp rào kẽm gai được gài lựu đạn, mìn, trái sáng, nhiều công sự cá nhân, 6 lô cốt, 8 dãy nhà kho và trại lính, do Đại đội 949 Bảo an đóng giữ và 2 trung đội dân vệ tuần tra canh gác ngày đêm. Ta dùng đặc công cắt rào, đặt mìn định hướng mở cửa, dùng B40, B41, DKZ hủy diệt lô cốt. Sau đó, các mũi đột kích thọc sâu vào đánh chiếm từng công sự, dãy nhà, chia cắt tiêu diệt quân địch.

1. Khoảng từ Bệnh viện Quân Dân y ngày nay kéo dài đến sông Cái Sao Thượng.

Bên ngoài, ta bố trí quân án ngữ chặn quân tiếp viện, dùng cối 60 ly bắn kềm chế địch ở tiểu khu, du kích các nơi bao vây đồn, bót. Kết quả, ta diệt 72 tên, bị thương 85 tên, thu 53 súng các loại. Đây là trận đánh sâu vào hậu cứ địch trong thị xã, là một bất ngờ lớn đối với địch.

Tiếp theo các trận trên, cuối năm 1967, quân và dân tỉnh lại giáng tiếp một đòn rất nặng, góp phần đánh bại chiến thuật "hạm đội nhỏ trên sông" của Mỹ - ngụy. Diễn biến trận này như sau:

Ngày 04/12/1967, liên quân Mỹ - ngụy thuộc lực lượng đặc nhiệm thủy bộ (lực lượng cơ động đường sông) cho nhiều tàu chiến, máy bay, bộ binh từ sông Tiền đánh vào sông Rạch Ruộng (địa phận xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho, nay là xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang)[1]. Đây là vùng căn cứ, nơi có nhiều cơ quan đầu não của tỉnh Kiến Phong đóng. Tiểu đoàn 502 và các cơ quan trực thuộc Ban Chỉ huy quân sự tỉnh đóng ở đây, được tin địch càn, ta chủ động triển khai đội hình chiến đấu trên mặt trận dài gần 2.000m. Chờ cho đoàn tàu địch lọt vào trận địa, ta bất ngờ nổ súng, chỉ trong hai giờ chiến đấu ta đã bắn chìm, bắn cháy 37 tàu địch (có 4 chiếc cỡ lớn). Riêng Anh hùng Nguyễn Minh Trí bắn 9 quả B41 làm chìm 7 tàu. Bị tổn thất nặng, địch cho trực thăng đổ quân tiếp viện, máy bay địch ném hàng chục tấn bom, các cụm pháo bắn hơn 2.000 quả đạn vào trận địa. Bộ đội ta kiên cường bám công sự chiến đấu suốt ngày, đến tối, 1 trung đội của Đại đội 1 (Tiểu đoàn 502) còn tập kích địch trước khi rút quân. Kết quả, ta diệt và làm bị thương trên 300 tên địch

1. Cuộc hành quân này mang mật danh "Coronado IX".

trong đó có cả sĩ quan và lính Mỹ[1], mục tiêu "dàn quân tại căn cứ tỉnh Kiến Phong" của Mỹ - ngụy không thực hiện được. Ta hy sinh 81 đồng chí, trong đó, bộ phận báo chí, mỹ thuật của Ban Tuyên huấn tỉnh và bộ phận cơ yếu, bảo vệ, hoả tốc, bảo mật, quân y thuộc Ban Tham mưu Tỉnh đội bị thiệt hại nặng.

Trận thắng này được Khu ủy, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam gửi điện (ngày 07/12/1967) khen ngợi "Đây là một chiến công xuất sắc, chiếm kỷ lục cao nhất về thành tích đánh phá cơ giới, phương tiện và tiêu diệt nhiều sinh lực địch trong thời gian ngắn nhất ở chiến trường đồng bằng".

Trận đánh tàu trên sông Rạch Ruộng cùng với những trận diệt thuyền bay trên chiến trường sông nước Đồng Tháp Mười đã góp phần làm phá sản chiến thuật "hạm đội nhỏ trên sông" và "thuyền bay" của Mỹ - ngụy. Đây là một trong những chiến công oanh liệt nhất của quân và dân trong tỉnh. Nó chứng tỏ chủ trương của Tỉnh ủy phát động căm thù, làm công sự nổi, trụ lại đánh thuyền bay, chủ động tấn công là đúng đắn.

---

1. Các tư liệu của hải quân Mỹ, hồi ký của cựu quân nhân Mỹ và quân đội Sài Gòn lưu vong trên mạng internet về trận đánh này cũng khá rải rác, thiếu chi tiết, đôi chỗ không giống nhau, nhất là về thiệt hại của hai bên. Theo Horacio Rivero trong *The River War in Vietnam:* "...Khi tiến quân về hướng sông Rạch Ruộng, các tàu chiến đã bị pháo, đạn, tên lửa tấn công dữ dội. Khoảng 40 chiếc bị trúng đạn và gánh chịu tổn thất nặng nề... Các tàu tham chiến đã hứng chịu lửa đạn suốt một ngày". Theo Báo cáo tình hình hoạt động của quân Mỹ ở căn cứ Đồng Tâm năm 1967: "Phía đồng minh: 2 lính hải quân Mỹ, 9 lính bộ Mỹ, 41 hải quân Việt Nam tử trận, 68 lính hải quân Mỹ, 89 lính bộ Mỹ, 70 lính hải quân Việt Nam bị thương, 1 hải quân Mỹ bị thương. Tổng cộng 52 lính chết, 228 lính bị thương". Trong số bị thương có Đại tá David Zoller.

Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 502 bàn phương án tác chiến

Ảnh: Hoàng Dũng

Tàu Mỹ dùng súng phun lửa lên bờ

Ảnh sưu tầm

Đoàn tàu chiến Mỹ hành quân trên sông rạch

Ảnh sưu tầm

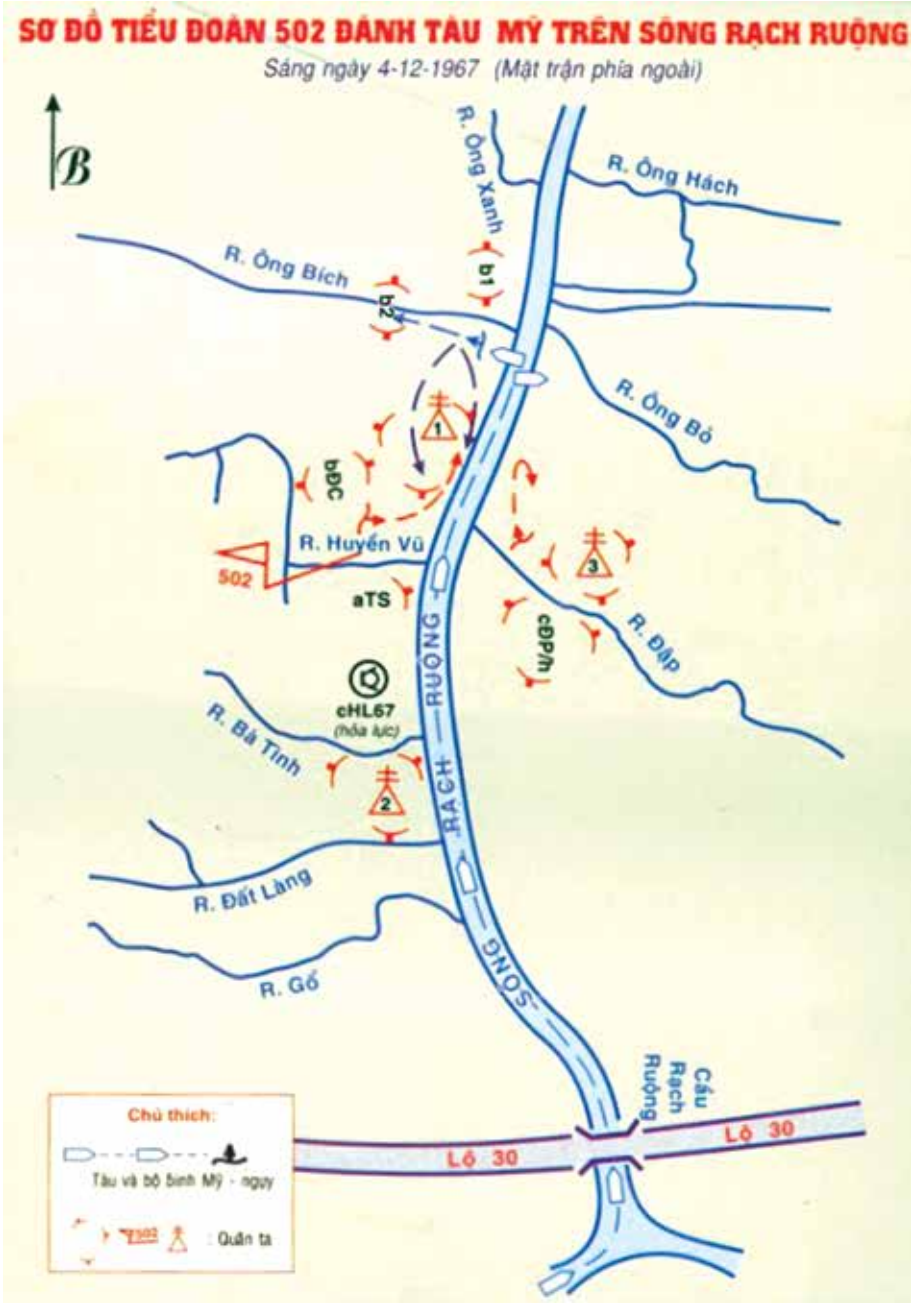
SƠ ĐỒ TIỂU ĐOÀN 502 ĐÁNH TÀU MỸ TRÊN SÔNG RẠCH RUỘNG
Sáng ngày 4-12-1967 (Mặt trận phía ngoài)
B
R. Ông Xanh
R. Ông Hách
R. Ông Bích
b1
b2
R. Ông Bỏ
1
cBB
R. Huyền Vũ
502
aTS
3
R. Đập
cBP/h
cHL67
(hỏa lực)
R. Bà Tính
2
RẠCH RUỘNG
R. Đất Làng
R. Gố
SÔNG
Cầu Rạch Ruộng
Lộ 30
Lộ 30
Chú thích:
Tàu và bộ binh Mỹ - ngụy
: Quân ta

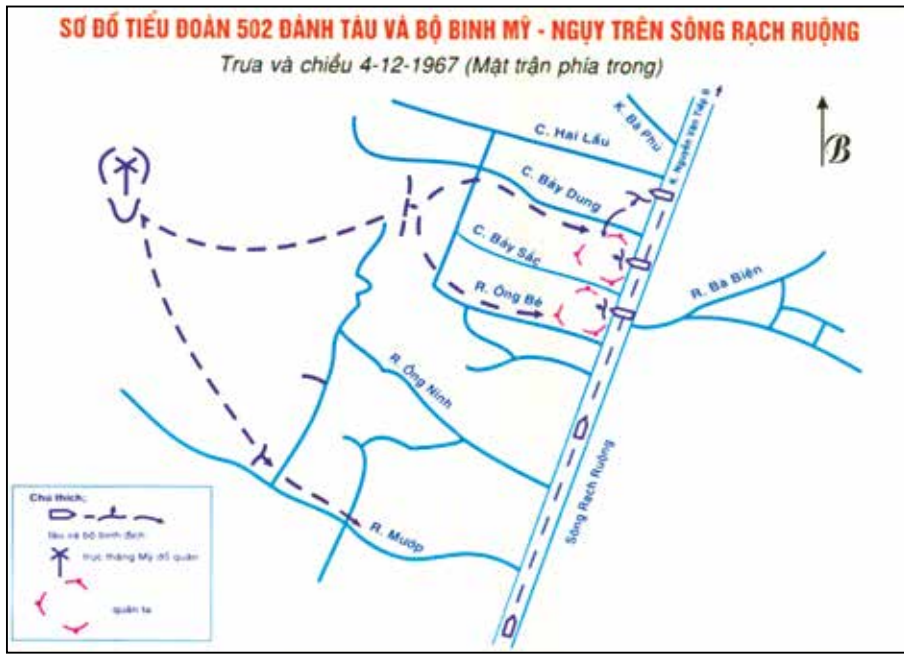

Trong năm 1967, Tỉnh ủy chỉ đạo đưa nhiều đội vũ trang tỉnh, huyện phân tán luồn sâu bám cơ sở vùng yếu tôn giáo ở Thanh Bình, Chợ Mới, tổng An Tịnh. Cán bộ cơ sở cùng với bộ đội phát động quần chúng tín đồ gây căm thù giặc Mỹ giết hại đồng bào, hãm hiếp phụ nữ. Kết quả, đã xây dựng được nhiều cơ sở góp phần chuyển phong trào vùng yếu tôn giáo lên, phát triển 500 du kích mật, có xã xây dựng được 1 trung đội du kích. Du kích tại chỗ làm nhiệm vụ dẫn đường, đánh địch, vận tải, làm nòng cốt phát động quần chúng, làm hầm chông, bãi mìn, đào đắp công sự, cắm bảng tử địa... hạn chế sự lùng sục của giặc; ta làm chủ ngày và đêm một số ấp ở vùng tổng An Tịnh. Ở vùng yếu thuộc các huyện Thanh Bình, Chợ Mới, Cao Lãnh, Mỹ An, ta phá lỏng kềm kẹp trên 20 ấp, khoảng 15.000 dân. Ở vùng ven sông Hậu của Lấp Vò và thị xã Sa Đéc, ta phá

lỏng kềm chuyển vùng nhiều xã ấp. Cán bộ tỉnh, huyện bám quần chúng phát động cứu đói, khắc phục hậu quả lũ lụt, chữa bệnh cho đồng bào, gây ảnh hưởng chính trị tốt và xây dựng được nhiều cơ sở, cán bộ, bộ đội trụ được trong dân, lính đồn, bót hoang mang cố thủ. Bộ đội phát triển tấn công diệt 1 trung đội biệt kích ở Tân Mỹ, đánh diệt và bức rút hàng chục đồn, bót. Chuyển 2 xã Mỹ An Hưng, Tân Dương từ tranh chấp yếu đến tranh chấp mạnh, 3 xã Hòa Thành, Tân Phú Đông, Tân Khánh từ kềm lỏng lên tranh chấp, 8 xã Tân An Trung, Tân Đông, Tân Khánh Tây, An Tịch, Tân Hiệp, Bình Tiên, Hòa Long, Long Thắng từ bị địch kềm chặt xuống kềm lỏng.

Đặc biệt, trong tháng 12/1967, bộ đội thị xã Sa Đéc phối hợp với Tiểu đoàn 857 của tỉnh Vĩnh Long kết hợp binh vận tập kích Đại đội 4 và ban chỉ huy Tiểu đoàn 3/e13/f9 tại Tân Quy Tây, cùng lúc pháo kích vào doi Trường Án (Tân Quy Đông) nơi đặt dinh Tỉnh trưởng, nhà ở của cố vấn Mỹ và doanh trại của tiểu đoàn bảo an 834,... Ta diệt gọn đại đội 4, diệt 173 tên địch, bắt sống 27 tên, làm bị thương 16 tên Mỹ và một số sĩ quan cận vệ, thu 72 súng, 5 máy PRC-25.

Nhìn chung, trong năm 1967, toàn tỉnh giành thắng lợi lớn. Về quân sự, lực lượng vũ trang 3 thứ quân đã đánh 418 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 5.250 tên địch, trong đó chết 2.099, bắt 58; diệt gọn 5 đại đội, 4 trung đội, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn; bắn cháy, bắn chìm 40 tàu, 40 thuyền bay, bắn rơi 9 máy bay, bị thương 8 chiếc, diệt và đánh hỏng 28 xe các loại, phá hư 2 khẩu pháo 105 ly; diệt 12 đồn tua, 7 tháp canh, bức hàng 1 đồn, đánh sập l đài quan sát, 4 dãy nhà lính thuyền bay, l nhà chỉ huy, 1 cư xá Mỹ, 1 dinh quận, 14 cầu,

1 kho máy truyền tin, 1 kho quân trang, 1 phòng truyền tin; phá hủy 150 súng các loại, 40 máy thông tin[1].

Về chính trị, ta phát động rộng rãi trong nội bộ và quần chúng nêu cao quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ, khơi sâu căm thù giặc Mỹ - ngụy đánh phá miền Bắc và tàn sát dân thường, hãm hiếp phụ nữ, tổ chức nhiều cuộc đấu tranh ở thị xã, thị trấn vạch trần tội ác của chúng, cô lập kẻ thù...

Công tác dân vận ngày càng mở rộng. Các đoàn thể thanh niên giải phóng, phụ nữ giải phóng, nông dân giải phóng, các nghiệp đoàn lao động... có hệ thống từ tỉnh, huyện đến xã ấp, phát triển được nhiều hội viên. Hệ thống nòng cốt rễ chuỗi của quần chúng được củng cố. Cơ sở binh vận phát triển trong quần chúng và trong hàng ngũ địch.

Công tác an ninh và giao thông liên lạc của tỉnh được củng cố và tăng cường. Ban An ninh tỉnh được trang bị đài điện báo liên lạc trực tiếp với An ninh Khu 8. Đại đội an ninh vũ trang được thành lập gồm 4 trung đội, trong đó có 1 trung đội làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ Tỉnh ủy. Riêng thông tin điện báo của tỉnh Kiến Phong có 5 đài, không kể đài thu phát phân xã thông tấn. Mạng lưới giao liên phát triển khá hoàn chỉnh, đường dây thông suốt, so với giao thông liên lạc trong thời kỳ hoạt động bí mật 1954 - 1960, lực lượng và phương tiện thông tin, giao liên của ta có những bước tiến nhanh và vững chắc, đáp ứng kịp thời công tác chỉ đạo chiến trường.

Trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng và phát triển lực lượng, Tỉnh ủy chú trọng chỉ đạo phát triển đảng viên tại chỗ và hợp pháp ở vùng yếu. Đến cuối năm 1967, tỉnh Kiến Phong có 3.119 đảng viên ở cơ sở, 42 xã có chi bộ, 645 đảng viên, 4 xã

1. Số liệu chỉ tính riêng tỉnh Kiến Phong.

có từ 1 đến 2 đảng viên. Ở huyện Chợ Mới, mỗi chi bộ có dưới 10 đảng viên, một số đảng viên bám được vùng kềm của địch. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong có 9 đồng chí, đồng chí Lê Thái Hiệp (Lê Thái, Bảy Hiệp) làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Võ Văn Trị (Mười Đồng) làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Các huyện Châu Thành, Lấp Vò, Lê Hà và thị xã Sa Đéc, năm 1967 phát triển được một số cơ sở đảng vùng yếu, với số lượng đảng viên là 390 đồng chí.

Thắng lợi toàn diện trong hai mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 đánh dấu một bước trưởng thành đáng kể của Đảng bộ và quân, dân trong tỉnh. Tuy địa hình chiến trường đồng bằng, đồng nước gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ các cấp ủy đảng nắm vững chủ trương, biết phát huy sở trường chiến đấu trên đồng nước, phát động tư tưởng nội bộ và quần chúng quyết tâm đánh Mỹ, kết hợp phát động căm thù, trụ vững đánh địch bằng hai chân ba mũi, ta đã đánh thắng chiến thuật "hạm đội nhỏ trên sông" và "thuyền bay" của địch trên đồng nước Tháp Mười, đánh thắng chiến thuật "thiết xa vận" ở các huyện phía nam sông Tiền. Không những thế, ta còn đánh phá kho tàng, căn cứ hậu cần và cơ quan đầu não của địch ở thị xã, thị trấn. Vừa đánh địch vừa tích cực xây dựng lực lượng, do đó, càng đánh lực lượng ta càng phát triển nhanh chóng[1], tạo cơ sở,

1. Cuối năm 1967, tỉnh Vĩnh Long, mở cuộc vận động đóng góp sức người sức của cho kháng chiến. Các huyện Châu Thành, Sa Đéc, Lấp Vò có nhiều gia đình hiến tiền, vàng, lúa gạo, có gia đình hiến một nửa tài sản, nhiều gia đình đưa con em đi bộ đội, riêng nông dân xã An Khánh (Châu Thành) góp 14 ngàn giạ lúa đảm phụ, đưa hàng trăm thanh niên tòng quân. Tỉnh Kiến Phong trước và trong đợt Tổng tiến công Xuân Mậu Thân (1968) mở đợt vận động thanh niên vùng tranh chấp, vùng yếu tòng quân, lập các đội du kích mật, trong hai năm 1967, 1968 có 2.000 thanh niên gia nhập bộ đội.

điều kiện và lực lượng cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

II- CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968

Sau thất bại nặng nề trong hai mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967, Mỹ - ngụy có sự điều chỉnh biện pháp chiến lược, tăng cường đánh phá miền Bắc, chuyển từ "tìm diệt" và "bình định" sang "quét và giữ" ở miền Nam. Chúng rút quân ở nhiều nơi về phòng thủ thành phố, thị xã, thị trấn.

Tại Kiến Phong, địch rút hai đại đội bảo an ở Trường huấn luyện Trần Quốc Toản, 3 đại đội biệt kích ở Đốc Binh Kiều, Cà Vàng và Gò Măng Đa về thị xã Cao Lãnh. Tổng số quân địch ở thị xã Cao Lãnh gồm hai tiểu đoàn của e16/f9, 4 đại đội biệt kích, 8 đại đội bảo an, 2 đại đội cảnh sát, 4 đoàn bình định, 1 đại đội xe cơ giới, một cụm pháo 105 ly (2 khẩu). Trong đó, 4 đại đội bảo an đóng giữ khu vực khám đường, 2 đại đội bảo an bảo vệ căn cứ Cơ quan viện trợ hậu cần của Mỹ (USOM), Biệt khu 44, Tỉnh đoàn bảo an, số còn lại được bố trí bảo vệ căn cứ thuyền bay, căn cứ thiết giáp, các trận địa pháo, kho hậu cần tiểu khu, hậu cứ, cư xá... Ở thị xã Sa Đéc, sau 2 trận ta đánh vào hậu cứ e15/f9 và tiêu diệt Đại đội 4 của d3/e13/f9, địch xây dựng thêm công sự kiên cố, nhất là ở doi Trường Án, sân bay, kho đạn, sân vận động,...

Đặc biệt, khi nước Mỹ đang tiến gần tới bầu cử tổng thống nhiệm kỳ mới vào năm 1968, thì thất bại về quân sự lúc này của quân Mỹ sẽ tác động nặng nề tới tình hình chính trị nước Mỹ.

Nắm thời cơ đó, tháng 12/1967, Bộ Chính trị họp và ra quyết định mở cuộc tổng công kích và tổng khởi nghĩa nhằm giáng một đòn sấm sét vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Tháng 01/1968, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp Hội nghị lần thứ 14, hạ quyết tâm "*chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ tiến công và nổi dậy giành thắng lợi quyết định*"[1].

Để thực hiện quyết tâm chiến lược đó, *"Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta trong thời kỳ mới là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định"*[2].

Toàn bộ quá trình tổng công kích và tổng khởi nghĩa được dự kiến gồm ba bước:

Bước 1: Vào mùa đông 1967 - 1968, vừa tác chiến, vừa chuẩn bị mọi mặt, đồng thời phá thế chuẩn bị của địch, thực hiện nghi binh chiến lược, đánh lạc hướng chú ý của địch[3].

Bước 2: Thực hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Bước 3: Giữ vững và phát huy thắng lợi, đánh bại các cuộc phản kích của địch, củng cố vùng giải phóng, thành lập chính quyền cách mạng.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.29, tr.50.

3. Đêm 20/01/1968, ta bất ngờ tấn công Khe Sanh, uy hiếp dữ dội tuyến phòng ngự Đường 9 của địch, địch nhận định đây là hướng tiến công chính của ta nên đã điều Sư đoàn 1 kỵ binh bay, 2 lữ đoàn thuộc Sư đoàn 101 của Mỹ ra Bắc Trị - Thiên.

Nhận được chủ trương tổng công kích, tổng khởi nghĩa, Tỉnh ủy Kiến Phong chỉ đạo triển khai kế hoạch rất khẩn trương, lấy thị xã Cao Lãnh làm trọng điểm. Tỉnh quyết định rút bộ đội huyện bổ sung cho tỉnh, gấp rút thành lập thêm Tiểu đoàn 502B, đôn du kích xã lên bộ đội huyện. Binh lực và hỏa lực của bộ đội tỉnh Kiến Phong trước giờ tổng công kích gồm có 2 tiểu đoàn (502A và 502B), 1 đại đội trợ chiến (gồm các trung đội hỏa lực 12ly7, DKZ 57 và 75 ly, cối 82 ly), 1 đại đội đặc công, 1 đại đội trinh sát, 1 đại đội thông tin. Mỗi tiểu đội bộ binh được trang bị 1 B40, 1 trung liên, 1 M79, mỗi trung đội được tăng cường thêm B40 và 1 đại liên. Mỗi huyện có từ 1 đến 4 trung đội địa phương quân[1]. Hành lang vận chuyển thông suốt từ tỉnh, huyện đến cơ sở xã, ấp. Thông tin liên lạc các cấp được chấn chỉnh, bảo đảm liên lạc cả đường công khai, bán công khai và đường giao liên du kích.

Song song, ta phát động phong trào thanh niên tòng quân giết giặc hoặc tham gia dân quân tự vệ, đi dân công hỏa tuyến, được đông đảo thanh niên hưởng ứng. Nhờ vậy, ta có đủ lực lượng bổ sung cho bộ đội tỉnh, huyện và lập các đơn vị mới.

Để kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy, Tỉnh ủy chỉ đạo gấp rút củng cố các cơ sở quần chúng, nắm cơ sở binh vận,

---

1. Huyện Cao Lãnh có 1 trung đội độc lập, 1 trung đội biệt động Kiến Văn, 1 trung đội trinh sát, 1 trung đội đặc công. Huyện Mỹ An có 1 trung đội biệt động thị trấn, 1 trung đội trinh sát, 1 trung đội đặc công. Huyện Thanh Bình: 3 trung đội độc lập và 2 tiểu đội đặc công. Thị xã Cao Lãnh: 1 đội biệt động, 1 phân đội hoả lực. Thị xã Sa Đéc: 1 đại đội. Huyện Châu Thành: du kích các xã có từ 2 tiểu đội đến 2 trung đội, có xã có 1 đại đội dân quân. Các huyện Hồng Ngự, Lấp Vò, Lê Hà, mỗi huyện có từ 2 trung đội đến 1 đại đội địa phương quân.

nhất là cơ sở ở thị xã, thị trấn và cơ sở nội ứng, chuẩn bị khởi nghĩa. Cán bộ, chiến sĩ được huấn luyện nhanh về chiến thuật đánh địch trong đô thị, đánh địch trong công sự vững chắc, đánh hiệp đồng binh chủng và khả năng tác chiến độc lập. Bộ đội được học chính sách 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và 10 điều kỷ luật nhằm nâng cao trình độ chính trị, ý thức kỷ luật, nhất là những chiến sĩ mới nhập ngũ. Lực lượng an ninh tỉnh dựa vào cơ sở quần chúng kết hợp nghiệp vụ lập danh sách phân loại đối tượng cần phải diệt hoặc trấn áp.

Khu vực nam sông Tiền, khi chuẩn bị Tổng tiến công Xuân Mậu Thân, Tỉnh ủy Vĩnh Long giải thể huyện Lê Hà, lập huyện Sa Đéc (mới) trên cơ sở địa giới hành chính của huyện Lê Hà cũ. Số xã của huyện Sa Đéc (cũ) sáp nhập vào huyện Châu Thành. Lúc này, công tác chuẩn bị cho tổng công kích, tổng khởi nghĩa đặc biệt khẩn trương. Chấp hành lệnh của Tỉnh ủy Vĩnh Long, huyện Châu Thành và huyện Lấp Vò đưa hết 2 đại đội địa phương quân về tỉnh, rút du kích xã lên lập đơn vị địa phương quân mới, huyện Châu Thành còn thành lập 1 trung đội địa phương quân nữ. Trong một thời gian ngắn, thị xã Sa Đéc thành lập 2 trung đội vũ trang với trên 40 quân. Tỉnh rút 1 trung đội của huyện Sa Đéc tăng cường cho thị xã, hình thành 1 đại đội. Việc học tập, huấn luyện chưa kịp, tuy vậy, các chiến sĩ đều trải qua chiến đấu ở xã ấp nên chất lượng đơn vị vẫn đáp ứng được yêu cầu. Công tác phát động quần chúng được tiến hành khẩn trương và sâu rộng. Cán bộ của tỉnh, huyện bám sát cơ sở ven thị xã, thị trấn để chỉ đạo phong trào.

Khi nhận được mệnh lệnh chuẩn bị tổng công kích, tổng khởi nghĩa, Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kiến Phong

triệu tập Hội nghị cán bộ chủ chốt cấp tỉnh để chuẩn bị kế hoạch. Trong ba ngày 24, 25 và 26/01/1968, tại căn cứ của thị xã ủy ở rạch Bà Bầy (xã Nhị Mỹ), kế hoạch tổng công kích, tổng khởi nghĩa của Thị xã ủy Cao Lãnh (trọng điểm của tỉnh) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy - gồm các đồng chí Trần Anh Điền (Bí thư), Võ Văn Trị (Phó Bí thư), Lê Văn Nhị (Ủy viên Thường vụ - Tỉnh đội trưởng), thông qua. Phía thị xã Cao Lãnh có đồng chí Huỳnh Văn Thưởng (Năm Thảo) - Tỉnh ủy viên, Bí thư, Nguyễn Văn Ơn (Năm Hải) - Phó Bí thư, Phạm Văn Nỉ (Hai Lô) - Ủy viên Thường vụ/Thị đội trưởng, Võ Hồng Nhân - Thị xã ủy viên phụ trách nội ô. Ngoài ra, còn có đồng chí Nguyễn Thế Hữu - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự dự thông qua kế hoạch của Huyện ủy Hồng Ngự.

Nhận được lệnh tấn công trong điều kiện và thời gian hết sức cấp bách nhưng với tinh thần nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết, phát huy vai trò chủ động sáng tạo, Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh triệu tập Hội nghị cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, huyện triển khai kế hoạch. Phương châm của ta là tiến công kết hợp với nổi dậy, dùng quân sự tấn công mạnh, làm đòn xeo phát động quần chúng khởi nghĩa giành quyền làm chủ.

Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh xác định tiến công vào các mục tiêu trọng yếu trong nội ô theo hai hướng. Hướng chủ yếu do Tiểu đoàn 502A và 1 đại đội đặc công, 1 trung đội biệt động thị xã, đội an ninh vũ trang tỉnh và 1 đại đội trinh sát vũ trang tỉnh (mũi 1) đảm nhiệm, tập kết tại Xóm Bún[1], có nhiệm vụ đánh chiếm Tiểu khu (lầu Mười Chuyển), dinh Tỉnh trưởng,

1. Nay thuộc phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

căn cứ Thiết đoàn M113 và hướng phát triển là Khám đường, Nha Cảnh sát,... Hướng thứ yếu do Tiểu đoàn 502B, 1 trung đội đặc công và 1 trung đội biệt động thị xã (mũi 2) tập kết tại xã Mỹ Ngãi - cách thị xã 5 km, có nhiệm vụ đánh chiếm cơ quan USOM, sau đó là căn cứ hậu cần, căn cứ thuyền bay. Hướng phối hợp là Hòa An, Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây - do địa phương quân huyện Cao Lãnh và du kích tự lực giải phóng xã ấp. Ban chỉ huy chiến dịch đóng trên bờ sông Nhị Mỹ, vàm rạch Cả Chai (cách thị xã 5km về hướng đông).

Rạng sáng ngày 29/01/1968 (ngày 30 Tết), các đơn vị vào vị trí tập kết an toàn, riêng các đơn vị đảm nhiệm hướng chủ yếu phải bí mật vượt sông Cái Sao Thượng, một tổ đặc công ém quân ở lầu 2 khách sạn Phước Lộc (ngang Tiểu khu). Bất ngờ, ngày 30/01/1968, Quân khu 8 lệnh cho tỉnh đưa Tiểu đoàn 502A cơ động về hướng Quốc lộ 4 (Mỹ Tho) làm lực lượng dự bị cho quân khu. Do yêu cầu nhiệm vụ đánh địch trong thị xã Cao Lãnh rất nặng nề, tỉnh đề nghị và được Quân khu chấp thuận cho Tiểu đoàn 502A - lúc đó đang đóng quân ở kinh Số Một (xã Bình Hàng Trung, Cao Lãnh) trở về, nhưng không kịp giờ quy định nổ súng (0 giờ ngày mùng 1 Tết Mậu Thân)[1]. Mặt khác, đạn DKZ và B40 chưa kịp chuyển đến nên ta tạm hoãn một ngày. Ban Chỉ huy chiến dịch nhận định: ta đã mất yếu tố bất ngờ, lỡ thời cơ, không thể đột nhập vào nội ô thị xã vào ban ngày, địch đã cảnh giác và bố trí lại lực lượng. Dù tình huống không thuận lợi, ta vẫn phải căng kéo, kềm giữ địch theo hợp

1. Tiểu đoàn 502A (cánh chủ yếu) không về kịp, cánh quân ở hướng thứ yếu không nổ súng vì theo hợp đồng tác chiến: tiếng súng của cánh chủ yếu là hiệu lệnh tấn công vào thị xã Cao Lãnh.

đồng tác chiến toàn Miền, nhất là đối với mặt trận Sài Gòn. Do đó, Ban Chỉ huy chiến dịch chỉ đạo mũi 1 trụ lại xã An Bình bao vây đồn An Bình, Cần Lố, tối lại diệt 2 đồn này, cắt đứt giao thông quốc lộ 30 từ Cao Lãnh đi Kiến Văn, đồng thời, đưa 1 phân đội biệt động thị xã luồn sâu vào nội ô đánh thăm dò trụ sở cảnh sát tài nguyên (bờ tây kinh Thầy Cừ) rồi rút ra. Mũi 2 do Tiểu đoàn 502B làm chủ công cũng lùi ngày tấn công theo mũi 1. Vào 17 giờ ngày 31/01/1968, ta diệt đồn Cái Vừng xã Nhị Mỹ. Trong đêm 31/01/1968 (mùng 2 Tết), ta nổ súng tấn công vào thị xã Cao Lãnh mở đầu bằng pháo kích cơ quan Viện trợ hậu cần của Mỹ (USOM).

Đêm 01/02/1968, Tiểu đoàn 502A cùng biệt động và trung đội đặc công đánh Tòa hành chính, địch chống trả quyết liệt, ta không chiếm được mục tiêu. Tiểu đoàn 502B tấn công vào cư xá Mỹ, diệt bọn công an cảnh sát và đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 2/e16 của địch, địch chống trả quyết liệt, ta không dứt điểm được các mục tiêu theo kế hoạch.

Ngày 03/02/1968, ta bám giữ các khu vực xung quanh thị xã Cao Lãnh. Lực lượng công an vũ trang, tự vệ mật cùng cơ sở truy lùng những tên ác ôn, phá rã bộ máy kềm kẹp của địch, 19 đồn tua rút chạy, đường giao thông bị cắt đứt.

Đêm 03 rạng 04/02/1968, Tiểu đoàn 502B đánh khu vực chợ Mỹ Ngãi, chiếm nhà máy đèn, tấn công đồn Chợ Mỹ Ngãi, tua Kinh Cụt và đánh sập cầu Kinh Cụt (trên lộ 30), địch bỏ chạy, ta truy kích đến nội ô. Quần chúng phối hợp nổi dậy diệt ác ôn.

Đến ngày 07/02/1968, địch điều lực lượng các nơi về tiếp ứng cho tiểu khu Kiến Phong, dùng trực thăng đổ Tiểu đoàn

biệt động 41 ở đuôi Xóm Bún đánh vào khóa đuôi Tiểu đoàn 502A. Đại đội trinh sát vũ trang an ninh tỉnh đợi địch đến gần nổ súng kềm chân địch, bẻ gãy nhiều đợt tấn công của địch và kiên cường chiến đấu, đến tối địch dùng trực thăng rút quân vào thị xã. Sau các đợt tấn công, sức chiến đấu của quân ta bị giảm sút, quân số tiêu hao, đạn dược không kịp bổ sung, nhưng vẫn chiến đấu kiên cường, diệt được 90 lính của Tiểu đoàn 41.

Tối 07/02/1968, Tiểu đoàn 502A rút qua Hòa An, Tiểu đoàn 502B tiếp tục tấn công thị xã Cao Lãnh, chiếm khu chợ, đánh chi cảnh sát, cư xá Mỹ, ta diệt và làm bị thương 196 tên (có 06 tên Mỹ). Cùng lúc ta tiếp tục pháo kích vào tòa hành chính. Sau đó, Tiểu đoàn 502B cũng rút qua xã Hòa An chuẩn bị đánh địch phản kích.

Ngày 08/02/1968, địch tập trung lực lượng bảo an và Tiểu đoàn 2/e16/f9 cùng Tiểu đoàn biệt động 41 có xe M113 và không quân chi viện chia làm nhiều mũi phản kích. Quân ta chiến đấu anh dũng, đánh lui nhiều đợt xung phong của địch. Đêm 08/02/1968, ta rút quân về phía bắc thị xã.

Qua 7 ngày của cao điểm I đợt A, tại mặt trận thị xã Cao Lãnh, ta diệt 500 tên địch; bắt sống 13 tên, thu 65 súng các loại; bức rút 20 đồn tua quanh thị xã; tiêu hao nặng Tiểu đoàn 2/e16/f9; giải phóng 2 xã, 16 ấp chiến lược gồm l.000 gia đình với 50.000 dân trở về quê cũ. Phía ta hy sinh 20 đồng chí, bị thương 60 đồng chí.

Phối hợp với mặt trận thị xã Cao Lãnh, trong cao điểm I đợt A, đêm 31/01 rạng 01/02, quân và dân huyện Hồng Ngự đồng loạt tiến công các mục tiêu quân sự quan trọng, như thị trấn Hồng Ngự, Cà Vàng, Bản Đô, Đôn Phục, gây cho địch

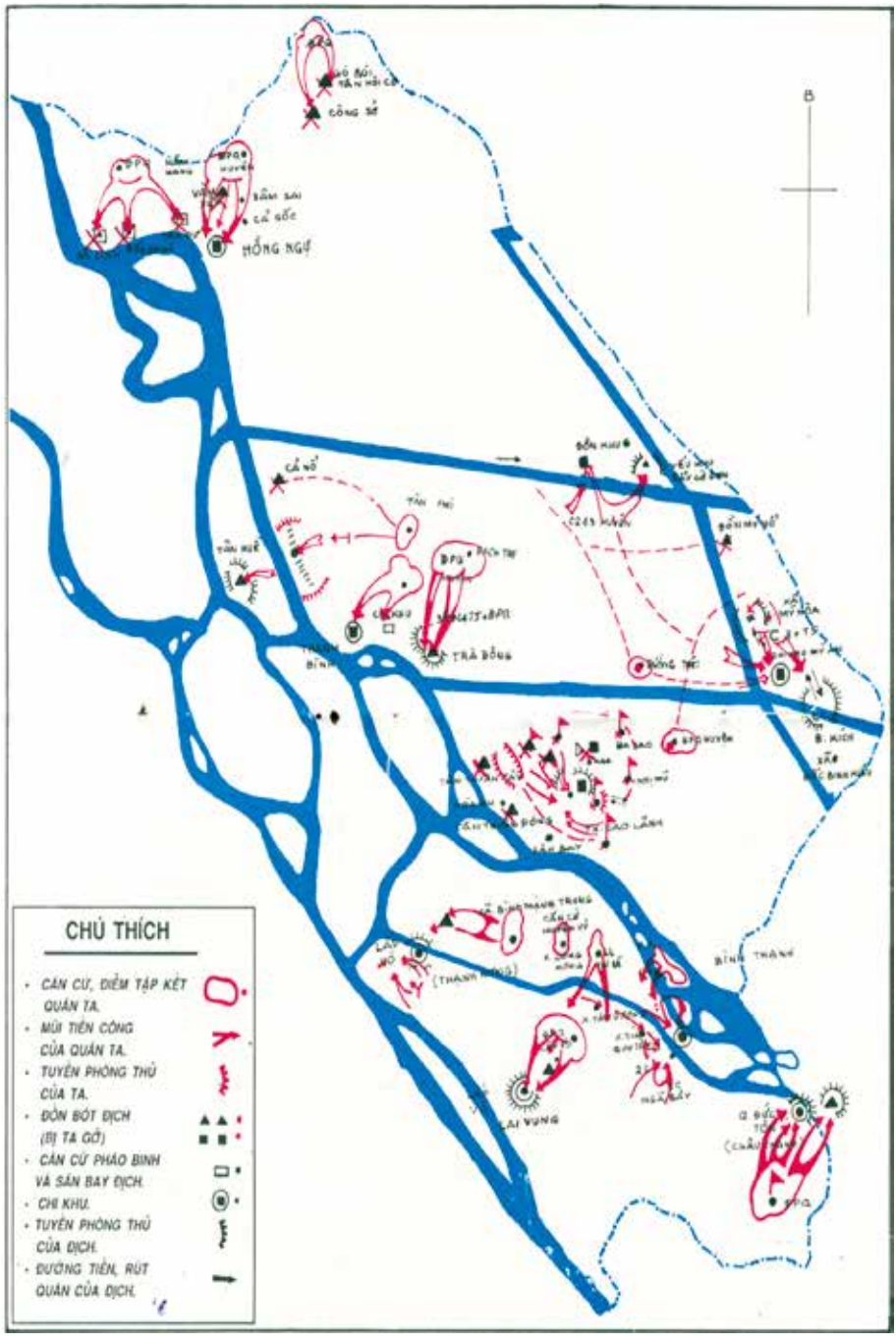

Sơ đồ các mục tiêu quân sự địch bị quân và dân trong tỉnh tiến công trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968

nhiều thiệt hại. Riêng ở thị trấn, bọn tề điệp bỏ chạy vào chi khu, ta làm chủ đến hết ngày 01/02/1968. Ở các xã Tân Hộ Cơ, Thường Lạc, Tân Hội, Bình Thạnh, quần chúng nổi dậy phối hợp ba mũi giáp công đánh địch diệt hàng trăm tên, đánh chìm đánh hỏng 4 tàu đưa quân tiếp viện, thu nhiều vũ khí, trong đó có 3 khẩu 12,7 ly. Du kích các xã Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận thừa cơ bao vây đồn, bót, vũ trang tuyên truyền nhiều ấp.

Ở các huyện Thanh Bình, Cao Lãnh, Kiến Văn, Mỹ An, trong cao điểm I, ta bao vây, tiến công nhiều đồn, bót, tích cực đưa dân công hỏa tuyến, vận động thanh niên tòng quân tiếp sức cho mặt trận thị xã Cao Lãnh.

Phía nam sông Tiền, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Vĩnh Long, mặt trận chính là tiểu khu và sân bay Vĩnh Long, chi khu Đức Tôn, bến phà Mỹ Thuận.

Thị xã Sa Đéc và các huyện khác do bộ đội địa phương và du kích đảm nhận. Tuy không đủ khả năng đánh lớn, nhưng thị xã Sa Đéc vẫn tiến công một số mục tiêu: đánh cảnh sát dã chiến tại Rạch Dầu, hậu cứ Sư đoàn 9, thám báo của Trung đoàn 51/f9. Sau đó, lực lượng ta trụ lại ở Rạch Dầu đánh địch phản kích, diệt 1 đại đội, bắn cháy 3 xe M113. Đặc công huyện Lấp Vò đột nhập phá hủy 2 khẩu pháo 105 ly ở chi khu Đức Thành. Ở huyện Châu Thành, bộ đội địa phương phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh cùng du kích xã Tân Hòa và nội ứng tấn công bến phà Mỹ Thuận, đồn Huyền Báo, trụ sở tề Tân Hòa, đồn Cái Gia Lớn, đồn Bà Bóng. Ta đã chiếm lĩnh trận địa, bức hàng đại đội dân vệ và cuộc cảnh sát, thu hàng trăm súng các loại, làm chủ bến Bắc Mỹ Thuận trong 5 ngày, cắt đứt giao thông giữa các tỉnh miền Tây và Sài Gòn.

Đêm 05/02/1968, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Vĩnh Long, 1 đại đội của Tiểu đoàn 857 và 1 đại đội của Tiểu đoàn 2 cùng với địa phương quân Châu Thành tấn công chi khu Đức Tôn. Mũi tấn công từ mé sông Tiền đánh lên, tiêu diệt 1 đại đội bảo an, thu 30 súng, 3 máy thông tin, một mũi khác đánh cụm pháo. Mũi chủ yếu từ lộ 80 tiến vào bị pháo ta bắn trúng đội hình gây một số thương vong nên không chiếm được dinh quận và không tiêu diệt được chi khu. Huyện Châu Thành dùng lực lượng ba mũi bao vây tuyến đồn, bót dọc sông Cái Tàu Hạ và sông Nha Mân, diệt 1 đồn, bức rút 5 đồn, diệt và bắt hàng trăm tên địch. Cũng trong thời gian này, bộ đội huyện Sa Đéc diệt đồn Tân Mỹ, dùng ba mũi giáp công bao vây một số đồn trong huyện.

Ngày 10/02/1968, Tiểu đoàn 2 của tỉnh Vĩnh Long về xã Tân Dương (huyện Sa Đéc) vũ trang tuyên truyền, thọc sâu vào thị xã Sa Đéc, trụ lại vùng ven. Ngày 13/02, tiểu đoàn đứng chân ở Sa Nhiên, địch phản kích bị ta chặn đánh, diệt 2 đại đội và Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 3/e15/f9, bắt 27 tù binh, thu 40 súng các loại và 3 máy thông tin.

Từ ngày 18 đến ngày 24/02/1968, ta mở cao điểm II đợt A, trọng điểm là thị xã Cao Lãnh, hướng diện gồm các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình, Mỹ An.

Tại thị xã Cao Lãnh, lực lượng tỉnh phối hợp với thị xã, đêm 18/02, ta tổ chức hai mũi đánh vào các cứ điểm địch trong nội ô. Hôm sau, ta đồng loạt tấn công dinh Tỉnh trưởng, Trung đoàn 10/f7 bộ binh, đồn Huế Ụt, đồn Kinh Cụt, chiếm khu chợ mới Mỹ Ngãi. Nhưng lực lượng mũi 1 chỉ chiếm đến nhà thương (bệnh viện) bị đại liên của địch từ lầu Mười Chuyển khống chế, không tiến lên được, rạng sáng rút về phòng ngự ở

Xóm Bún (từ cầu rạch Ông Cân trở xuống). Chiều ngày 18/02, địch phản kích ở cầu rạch Ông Cân bị ta đẩy lùi, chúng dùng pháo bắn liên tục vào trận địa[1].

7 giờ sáng ngày 19/02, địch cho pháo bắn cấp tập dọn bãi, bắn pháo khói rồi 19 chiếc trực thăng chở Tiểu đoàn biệt động quân số 41 đổ xuống đuôi Xóm Bún đánh vào khóa đuôi đội hình ta. Lực lượng của ta ở đây gồm Tiểu đoàn 502A, 1 đại đội công an vũ trang tỉnh, 1 trung đội biệt động thị xã và ban chính trị tỉnh đội và các cơ ngành thị xã, tỉnh.

Đồng chí Vân Hùng - Đại đội trưởng đại đội công an vũ trang, ra lệnh để địch vào thật gần mới nổ súng. Khi chúng cách công sự ta khoảng 10m thì đồng loạt nổ súng diệt đợt đầu 30 tên, bắn kềm không cho bọn còn lại rút ra, bom và pháo địch dội vào đội hình chỉ huy sở của ta. Từ đó đến chiều, với sự yểm trợ của pháo binh, máy bay chiến đấu ném bom, chúng tổ chức 5 lần tấn công. Lực lượng ta kiên cường chiến đấu, được cối 60 ly, 82 ly của Tiểu đoàn 502 phía sau phối hợp nên đã đẩy lùi các đợt tấn công của địch, diệt thêm 60 tên, làm bị thương 40 tên, đến 17 giờ chúng phải rút lui, ta hy sinh 4 đồng chí.

Tối đến, Tiểu đoàn 502A, biệt động thị xã, công an vũ trang tỉnh (trinh sát vũ trang) chuyển về Hòa An, lực lượng xã Mỹ Trà, du kích vượt sông Cái Sao Thượng về căn cứ.

Ngày thứ ba cao điểm, ta phát triển tấn công các đồn quanh thị xã, diệt đồn Xẻo Bèo (Hòa An), đồn và công sở xã Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây, giải phóng 3 xã liên hoàn phía tây thị xã Cao Lãnh. Nổi bật nhất là xã Hòa An - một xã

1. Trong trận này, đồng chí Phạm Quang Phấn và vợ là Phan Thị Huỳnh là đảng viên chi bộ công - giáo chức hy sinh.

tiếp giáp nội ô thị xã Cao Lãnh, quần chúng được phát động nổi dậy bằng lực lượng chính trị kết hợp binh vận, tự lực giải phóng cơ bản xã, riêng đồn Xẻo Bèo có lực lượng địa phương quân chi viện (sau Xuân Mậu Thân 1968, xã Hòa An được đi báo cáo điển hình ở Trung ương Cục). Địch tập trung càn quét giải tỏa, bị địa phương quân Cao Lãnh và Đại đội 2 của tỉnh chặn đánh quyết liệt. Kết quả các cuộc tấn công kể trên, ta diệt và làm bị thương 381 tên địch (20 tên Mỹ), bắt 4 tên, bắn chìm 1 tàu, bị thương 3 tàu, thu gần 100 súng, 1 máy thông tin. Ta hy sinh 15 cán bộ, chiến sĩ.

Ngày 25/02/1968, địch đưa Tiểu đoàn 41 biệt động quân và Tiểu đoàn 2/e16/f9 chia làm ba mũi đánh vào xã Hòa An. Bộ đội tỉnh chặn đánh và truy kích địch khoảng 1km. Tiếp đó, ta bao vây, tập kích diệt 200 tên, thu 9 súng, 2 vô tuyến điện. Ta hy sinh 4 đồng chí, bị thương 11 đồng chí.

Tại các huyện, trong những ngày trên, lực lượng địa phương quân và du kích cùng đồng loạt tấn công địch. Huyện Mỹ An bao vây chi khu, khu 6, diệt đồn Mỹ Hòa. Huyện Thanh Bình đánh dứt điểm đồn Trà Bông, bao vây pháo kích thị trấn, du kích các xã bao vây đồn, bót, phá lộ, đắp cản, làm rào chiến đấu, đánh bứt ụ Cả Nga, đồn Ông Phật; đồn ấp Nhứt (xã An Phong) và đồn Nhà thờ (hậu Khu 5) đồng loạt rút chạy. Ngày 20/02/1968, một tiểu đoàn địch càn vào An Phong, bị du kích chặn đánh, diệt 50 tên. Huyện Hồng Ngự bức rút đồn Cả Xép, diệt 4 tàu, thu 3 trung liên. Huyện Chợ Mới bao vây đánh địch tại xã Hội An[1].

1. Theo số liệu báo cáo của S8 về tổng công kích - khởi nghĩa ở Kiến Phong, Xuân năm 1968.

Đồn Xẻo Bèo xã Hòa An bị quân và dân ta đánh chiếm ngày 21/02/1968

Ảnh: Hoàng Dũng

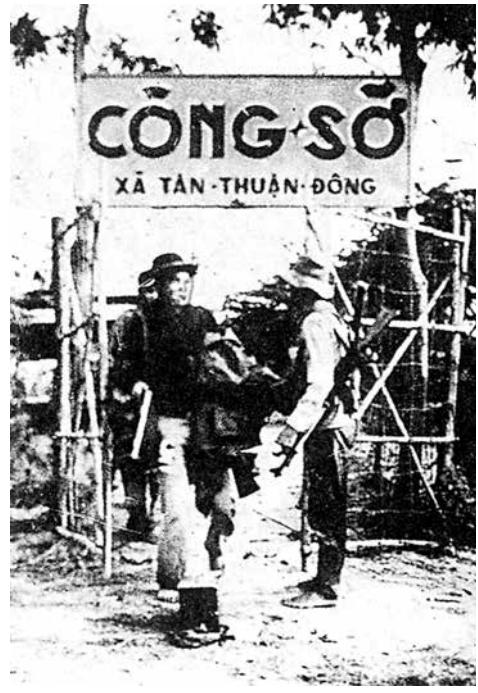

Đồn và công sở tề xã Tân Thuận Đông bị quân và dân ta đánh chiếm ngày 21/02/1968

Ảnh: Hoàng Dũng

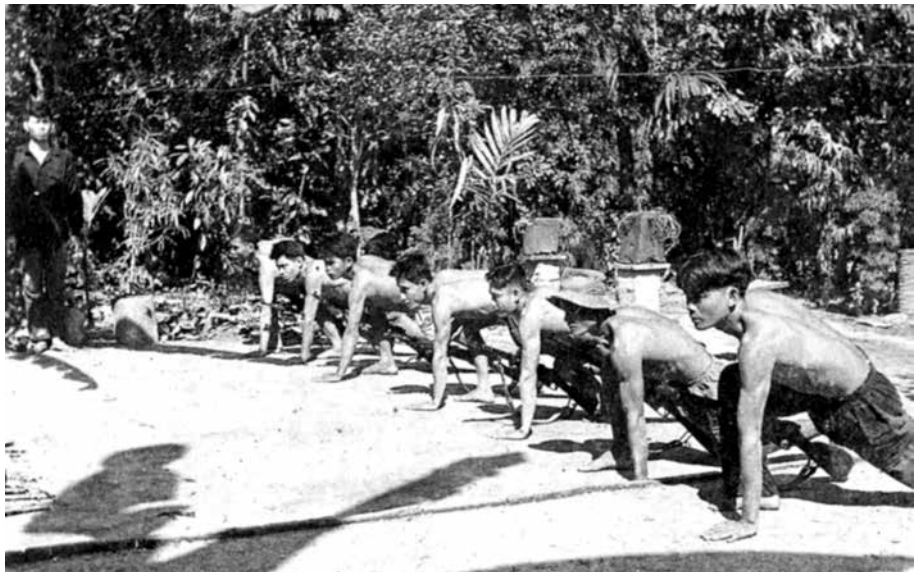

Đội Cảm tử quân Châu Thành luyện tập chuẩn bị ra trận
Xuân Mậu Thân (1968)

Ảnh tư liệu

Quán triệt quyết tâm xốc tới trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy
Xuân Mậu Thân (1968)

Ảnh: Lê Chí Hải

Trước sự tấn công của ta, địch tập trung lực lượng phòng thủ thị xã và chống trả, phản kích quyết liệt. Chúng rút tiểu đoàn biệt động 41 về thị xã Cao Lãnh, đưa 14 đại đội khóa sinh Trần Quốc Toản và 2 đại đội cảnh sát dã chiến vào các cuộc càn quét, tăng cường 2 chi đoàn xe M113 (24 chiếc). Ngoài ra, địch còn bố trí 17 đại đội biệt kích, gồm 4 đại đội ở Thường Thới, 5 đại đội ở Cà Vàng, 5 đại đội ở Sa Rài (Hồng Ngự), 2 đại đội ở Đốc Binh Kiều (Mỹ An) và 1 đại đội bảo vệ cư xá Mỹ. Tổng cộng có trên 10.000 quân phòng thủ thị xã và các vị trí xung yếu.

Về phía ta, qua hai cao điểm tấn công đợt A, tuy lực lượng có bị tiêu hao, nhưng chấp hành chủ trương của Trung ương Cục và Khu ủy, rút kinh nghiệm hai cao điểm trước, ta tiếp tục củng cố lực lượng và mở cao điểm III (đợt A). Trong cao điểm III, Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh lấy chi khu Kiến Văn làm trọng điểm.

Ngày 03/3/1968, bộ đội tỉnh diệt đồn Tân Trường (xã Mỹ Hội), pháo kích 2 lần vào chi khu Kiến Văn. Ngày 05/3/1968, ta tiếp tục pháo kích chi khu Kiến Văn, diệt 6 tên, bị thương 7 tên, trong đó có Phó quận Kiến Văn. Ngày 06/3/1968, ta bao vây bót Mỹ Xương, địch đưa Hải đoàn 26 và Tiểu đoàn 2/e16/f9 đến giải tỏa. Bộ đội huyện chặn đánh, bắn chìm 1 tàu, bị thương 1 tàu, bắn rơi 2 máy bay, diệt 30 tên, làm bị thương 70 tên. Ta hy sinh 2 đồng chí, bị thương 17 đồng chí, không thực hiện được ý định đánh vào thị trấn Kiến Văn.

Trong các ngày 17/3, 19/3 và 10/4/1968, Tiểu đoàn 502 đánh tiêu diệt các đồn Ngã Chùa (xã Long Hiệp), Cồn Trọi (xã Bình Thạnh) và Doi Me (xã Mỹ Thọ). Du kích các xã bao vây thúc ép đồn, bót địch, đứng chân trên các trục lộ giao thông.

Tỉnh ủy chỉ đạo đưa lực lượng luồn sâu bám trụ vùng yếu, như bãi Cai Vạn (Thanh Bình), Long Thuận, Phú Thuận (Hồng Ngự), Cù Lao Giêng (Chợ Mới), phát động quần chúng nổi dậy phá rã bộ máy kềm kẹp của địch, làm chủ nhiều ấp. Riêng ở Cù Lao Giêng, ta bao vây đồn, diệt 15 tên, phá lỏng kềm và làm chủ 2 ấp, pháo kích và bao vây bót Hòa Hưng (Cồn Én), bót Tân Long (cồn Ông Cha). Lực lượng địa phương quân và cán bộ cơ sở phát động quần chúng, xây dựng cơ sở. Địch dùng trực thăng và tàu đổ quân giải tỏa, bị ta chặn đánh quyết liệt, diệt một số tên.

Tính chung trong cao điểm III đợt A, quân và dân tỉnh Kiến Phong đã bao vây tấn công trên 40 đồn tua, pháo kích các mục tiêu quân sự, trận địa pháo trong thị xã và các thị trấn Hồng Ngự, Thanh Bình, Kiến Văn, Mỹ An, cắt đứt giao thông trên lộ 30 và luồn sâu đánh hiểm vào vùng sau lưng địch, diệt và bắt hơn 200 tên địch, nhưng không đánh chiếm được thị trấn Kiến Văn.

Sơ kết ba cao điểm của đợt A, Tỉnh ủy Kiến Phong kiểm điểm thấy rằng: ta không đánh dứt điểm được các mục tiêu chủ yếu trong thị xã, thị trấn như kế hoạch, nhưng liên tục tấn công bao vây nhiều đồn, bót, diệt được nhiều sinh lực địch. Kết quả, loại khỏi vòng chiến đấu 1.000 tên, làm rã ngũ 1.500 tên, tiêu hao nặng Tiểu đoàn 2/e16/f9 và 1 đại đội bảo an; mở rộng vùng giải phóng ra 04 xã An Bình, Nhị Mỹ, Hòa An, Tân Thuận Tây và 42 ấp với 85.000 dân, tạo thế du kích chiến tranh bao quanh thị xã. Ở các huyện Kiến Văn, Thanh Bình, Hồng Ngự, Chợ Mới, quân và dân ta liên tục tấn công ba mũi, làm chủ một số xóm ấp.

Trong công tác chỉ đạo và tổ chức tấn công đợt A bộc lộ những nhược điểm và thiếu sót: tư tưởng quyết tâm nắm vững thời cơ tấn công địch chuyển phong trào chưa cao; lãnh đạo của Tỉnh ủy chưa chặt, kế hoạch thực hiện thiếu cụ thể, tỉ mỉ; kết hợp ba thứ quân, ba mũi tấn công chưa tốt, hợp đồng chưa nhịp nhàng, ăn ý, công tác hậu cần chậm trễ, đánh diện quá rộng, do đó, không nơi nào dứt điểm được mục tiêu; binh vận bộc lộ yếu kém, cơ sở nội tuyến bị địch điều quân xáo trộn, phần lớn "coi gió bỏ buồm"; công tác triển khai chỉnh huấn cho chi bộ chưa sâu, chưa phát động quần chúng nổi dậy trên diện rộng; du kích hoạt động ở diện hẹp, nhiều nơi có hiện tượng trông chờ vào tỉnh, huyện, từ đó, không đẩy mạnh được diện tấn công.

Mặt khác, lực lượng vũ trang tỉnh bị tiêu hao nhiều, quân số không kịp bổ sung, ở huyện và xã quân số cũng hao hụt khá lớn. Lúc này khả năng đánh chiếm thị xã không còn nữa do địch điều quân các nơi về phòng thủ thị xã. Tuy nhiên, lực lượng của địch ở nông thôn hoang mang, dao động, Tỉnh ủy nhận định đây là thời cơ giải phóng từng mảng lớn ở nông thôn nên đề nghị Khu ủy cho để lại một lực lượng vây ép thị xã kềm địch, tỉnh rút lực lượng về giải phóng nông thôn. Nhưng yêu cầu của tỉnh Kiến Phong không được cấp trên chấp thuận. Vì kỷ luật chiến trường, ta phải chuẩn bị vào đợt B. Tỉnh ủy chủ trương cho củng cố lại lực lượng. Hai Tiểu đoàn 502A và 502B sáp nhập thành 1 tiểu đoàn, đại đội đặc công chỉ còn 64 cán bộ, chiến sĩ, đại đội trợ chiến còn 80 người, đại đội trinh sát còn 38 người, trung đội thông tin liên lạc còn 44. Các huyện, thị xã bố trí lại lực lượng cho phù hợp yêu cầu. Tỉnh chỉ đạo lập các vành đai du kích chiến tranh ở

khu vực Thống Linh, Phong Mỹ, Thiện Mỹ, Đốc Binh Kiều, Kiến Văn và thị xã Cao Lãnh, tổ chức 1 trung đội pháo cối chốt ở thị xã, củng cố vùng nông thôn giải phóng, phát triển các đoàn thể quần chúng đông, rộng khắp.

Vào đợt B, trên cơ sở khả năng binh lực hạn chế, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung đánh dứt điểm chi khu Thanh Bình kết hợp đánh phá một số mục tiêu trong thị xã Cao Lãnh và đánh phá giao thông. Ngày 05/5/1968, Tiểu đoàn 502 phối hợp bộ đội huyện Thanh Bình tiếp cận chi khu. Do hợp đồng không chặt chẽ, khi bộ binh áp sát hàng rào chi khu thì bị pháo của ta bắn trúng đội hình, gây thương vong và chậm bước tiến công. Địch có thời gian củng cố và phản kích nên ta diệt 30 tên địch rồi buộc phải rút quân.

Việc tấn công chi khu Thanh Bình không đạt kết quả, Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục đưa lực lượng giải phóng nông thôn. Thực hiện chỉ đạo đó, tỉnh đã mở đợt tấn công từ ngày 14 đến ngày 18/5, Tiểu đoàn 502, địa phương quân huyện Cao Lãnh, Thanh Bình, Mỹ An do đồng chí Lê Văn Nhị (Hai Tiến) - Ủy viên Thường vụ, Tỉnh đội trưởng trực tiếp chỉ huy mở đợt vũ trang tuyên truyền ở các xã Hòa An, Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây hỗ trợ các xã này tiếp tục phát động quần chúng nổi dậy chống địch lấn chiếm đóng đồn, bót. Trong 5 ngày, địch bung ra phản kích ác liệt, có cả xe M113, pháo, máy bay yểm trợ. Ta giữ vững trận địa, diệt nhiều sinh lực địch và rút về vùng căn cứ xã Phong Mỹ vào tối ngày 18/5/1968.

Tháng 5/1968, biệt động thị xã Cao Lãnh kết hợp nội tuyến đánh đồn Quản Khánh (xã Mỹ Trà), sau 10 phút nổ súng, ta đã diệt 13 tên, bắt sống 2 tên, thu 23 súng các loại.

Cuối tháng 5/1968, một tiểu đội biệt động thị xã Cao Lãnh do đồng chí Nguyễn Văn Lẹ (Bình Dân) chỉ huy đã bí mật bất ngờ dùng B40 tập kích cảnh sát tài nguyên (ở nội ô thị xã) diệt 24 tên.

Địch tập trung lực lượng phản kích quyết liệt. Lực lượng ta bị tiêu hao mà không bổ sung kịp nên sức chiến đấu giảm dần, do đó, hiệu quả hoạt động bị hạn chế. Địch bung ra lấn chiếm một số đồn. Kết quả đợt B, ở tỉnh Kiến Phong theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, ta diệt 1.003 tên, bị thương 996 tên, đào rã ngũ hơn 1.500 tên, bắn rơi 12 máy bay các loại, phá hủy và hỏng 17 xe quân sự, 13 xe M113.

Phối hợp với mũi quân sự, về chính trị ta phát động nội bộ và quần chúng học tập nghị quyết của Trung ương Đảng (khóa III) và thư của Trung ương Cục, quán triệt tư tưởng khởi nghĩa nông thôn, tích cực xây dựng lực lượng. Cả đợt có 160.470 lượt cán bộ và quần chúng tham gia các mặt công tác phá lộ, tải thương, dân công vận chuyển tiếp tế cho bộ đội. Mũi binh vận phát động được 21.228 lượt người, làm nòng cốt học tập 3.938 gia đình binh sĩ, vận động đào rã ngũ 6.203 binh sĩ.

Trong đợt B phát triển được 70 đảng viên, 84 đoàn viên. Số lượng này chưa tương xứng với sự phát triển rộng lớn của phong trào. Nguyên nhân chủ yếu do các cấp ủy bị động trong công tác cần kíp trước mắt, từ đó, xem nhẹ công tác phát triển Đảng.

Cũng trong đợt B, ta vận động thanh niên tòng quân bổ sung nhiều tân binh cho đơn vị tỉnh, huyện. Do chưa kịp rèn luyện, thử thách đã đưa ra chiến đấu nên khi đụng trận ác liệt thì một số dao động bỏ ngũ.

Ở các huyện phía nam, vào đợt B giành được thắng lợi đáng kể. Địa phương quân và du kích các xã của huyện Châu Thành đánh 52 trận, diệt và làm bị thương 223 tên địch, phá hủy 1 xe quân sự, đánh hỏng 1 tàu, pháo kích 27 lần vào các đồn, bót. Lực lượng thị xã Sa Đéc đánh 9 trận, diệt 93 tên có 84 tên Mỹ, bị thương 45 tên có 6 tên Mỹ, bắn rơi 2 máy bay. Quân và dân huyện Sa Đéc đánh 30 trận, pháo kích 63 lượt đồn, bót, bao vây 9 bót, diệt và làm bị thương 183 tên, bắt sống 8 tên, phá hỏng 3 xe M113, 32 xe GMC. Địa phương quân và du kích các xã của huyện Lấp Vò đánh 24 trận, pháo kích 23 lần vào đồn, bót, diệt và làm bị thương 123 tên địch, có 4 tên Mỹ, bắn rơi 1 máy bay L-19[1].

Tháng 4/1968, tỉnh Vĩnh Long đưa Tiểu đoàn 857 về Tân Dương (Lấp Vò) để củng cố - lúc này hai tiểu đoàn ghép làm một nhưng chỉ còn 77 cán bộ, chiến sĩ. Tiểu đoàn trụ tại đây 2 tháng, vừa củng cố vừa phải đánh địch phản kích. Tiểu đoàn đã diệt trên 1.000 tên địch, bắn cháy và hỏng 8 xe M113, nhưng bị hy sinh thêm nhiều cán bộ, chiến sĩ, phải rút về Bình Minh để củng cố lại.

Bị quân và dân ta liên tục tiến công và nổi dậy đánh phá các căn cứ, kho tàng, sân bay, cơ quan đầu não của địch ở thành phố, thị xã, thị trấn, gây tổn thất nặng nề, Mỹ - ngụy điên cuồng phản kích, dùng không quân ném bom ác liệt, kết hợp trực thăng đổ quân đánh sâu vào các căn cứ, các đường hành lang của ta. Ngày 24/4/1968, Mỹ dùng 2 phi vụ máy bay B.52 ném bom rải thảm dọc sông Nha Mân từ Bà Tơ ra tới

1. Theo số liệu báo cáo tổng kết đợt 2 tấn công Xuân Mậu Thân 1968 của tỉnh Vĩnh Long.

vườn Lý Mầu ngoài Xóm Rượu (huyện Châu Thành). Đây là lần phản kích đầu tiên của địch; do ta chưa có kinh nghiệm nên bị tổn thất lực lượng, 3 cán bộ cơ yếu của Tỉnh ủy Vĩnh Long và 2 cán bộ văn công của huyện hy sinh. Tháng 6/1968, địch dùng trực thăng và tàu sắt đổ bộ 1 tiểu đoàn quân Mỹ càn quét vùng căn cứ của ta ở Vùng chữ V huyện Châu Thành, bộ đội thị xã Sa Đéc và du kích chặn đánh địch tại ấp I (xã Tân Nhuận Đông). Địch dùng máy bay ném bom, tàu chiến bắn súng phun lửa thiêu hủy địa hình, sau đó cho bộ binh xung phong. Sau 17 đợt tấn công không chọc thủng được tuyến công sự của ta, địch rút về Vĩnh Long. Kết quả, 52 cán bộ, chiến sĩ ta đã đánh bại 1 tiểu đoàn Mỹ có quân đông hơn 8 lần và hỏa lực mạnh hơn ta nhiều lần, diệt 120 lính Mỹ, làm bị thương nhiều tên. Đây là một trong những trận thắng Mỹ oanh liệt nhất của bộ đội thị xã Sa Đéc và du kích xã Tân Nhuận Đông.

Ở phía bắc, tại nhiều vùng giải phóng, địch phản kích đánh phá quyết liệt. Ngày 18/5/1968, địch cho 2 tốp máy bay gồm 6 chiếc B.52 ném bom rải thảm dọc kinh Số Một (xã Thanh Mỹ), dùng trực thăng đổ quân sát hại hàng chục người, trong đó có cô giáo Trần Thị Bích Dung và 5 học sinh.

Ở vùng ven thị xã Cao Lãnh, địch mở nhiều cuộc hành quân càn quét, phản kích rất ác liệt tại xã Hòa An, Xóm Bún... Tiểu đoàn 502 của tỉnh, bộ đội huyện quân số sụt giảm sau hai đợt tấn công Xuân Mậu Thân nhưng vẫn bám trụ vùng ven đánh địch giành dân giữ đất. Tháng 7/1968, Tiểu đoàn vận động tập kích 1 tiểu đoàn bảo an địch tại kinh Thầy Cừ (xã Mỹ Trà, thị xã Cao Lãnh). Sau 20 phút nổ súng, ta diệt 85 tên địch, thu 30 súng và nhiều đạn. Đánh thắng trận này, tạo điều

kiện cho các xã Hòa An, Tân Thuận Tây, Tân Thuận Đông nổi dậy bao vây đồn, bót, giữ vững thế làm chủ nông thôn.

Trong Tổng tiến công và nổi dậy, các chi bộ kết nạp nhiều quần chúng ưu tú vào Đảng. Đến tháng 7/1968, toàn tỉnh Kiến Phong có 3.246 đảng viên (kể cả số đảng viên thuộc Khu quản lý công tác tại địa phương), trong đó, 625 đảng viên được kết nạp trong năm 1968. Các đoàn thể cũng được củng cố và phát triển[1]. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam với chính sách 10 điểm được tuyên truyền vận động rộng rãi, đã có ảnh hưởng lớn trong nhân dân.

Tháng 8/1968, Trung ương Cục và Quân ủy Miền quyết định mở đợt ba tiến công và nổi dậy đồng loạt ở các thành phố, thị xã, thị trấn toàn miền Nam. Do tổn thất khá lớn trong hai đợt tấn công trước, chưa kịp củng cố bổ sung lực lượng, Tỉnh ủy đề nghị và được cấp trên chấp thuận cho tỉnh Kiến Phong không tham gia tấn công đợt 3. Để giữ thành quả cách mạng, Tỉnh ủy chỉ đạo: kiên trì bám trụ, phát động du kích chiến tranh kết hợp đấu tranh ba mặt, giành dân, giữ đất, ra sức xây dựng củng cố lực lượng, mở rộng vùng giải phóng[2].

Như vậy, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân ở tỉnh Kiến Phong đến tháng 7/1968 là kết thúc. Kết quả trong Tổng tiến công và cả năm 1968, tỉnh Kiến Phong loại khỏi vòng chiến đấu 4.316 tên địch trong đó có 259 tên Mỹ, diệt 16 đồn,

---

1. Nhiều nơi, đoàn viên thanh niên lao động xin tòng quân và đi dân công hỏa tuyến hết, ở cơ sở không còn nòng cốt thanh niên. Do đó, Tỉnh ủy chỉ đạo mỗi địa phương để lại một số nòng cốt hoạt động phong trào, phục vụ cho tiền tuyến.

2. Tinh thần nghị quyết của Tỉnh ủy Kiến Phong, tháng 8/1968.

27 tua, 21 lô cốt, bức hàng bức rút 12 đồn tua, đánh sập và hạ 34 đồn tua, bắn rơi 31 máy bay các loại, bắn cháy và hỏng 96 xe quân sự; có 15 xe M113, 1 xe nồi đồng, bắn chìm và hỏng 90 tàu, có 1 chiếc xáng, 44 thuyền bay, 13 ca-nô[1].

Tương quan lực lượng tại chỗ có nhiều bất lợi cho ta, địch có số quân nhiều hơn gấp 10 lần, có hệ thống phòng thủ vững chắc trong thị xã, thị trấn, ta vẫn kiên quyết tấn công, tuy chưa chiếm được thị xã, thị trấn nhưng giành được thắng lợi như trên là một cố gắng lớn của quân và dân trong tỉnh, góp phần cùng toàn Miền và cả nước làm nên thắng lợi vĩ đại Xuân Mậu Thân 1968[2], buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và chấp nhận đàm phán với ta tại Pari.

---

1 Số liệu diệt địch và phương tiện chiến tranh trong năm 1968 - theo báo cáo số liệu chung niên 1968 của tỉnh Kiến Phong. Số liệu các huyện phía nam gộp chung với tỉnh Vĩnh Long, cụ thể là: tính đến hết đợt 1 (gồm cao điểm I và cao điểm II), Vĩnh Long loại khỏi vòng chiến đấu 11.401 tên địch, có 1.000 tên Mỹ, đào rã ngũ 1.700 tên, bắn rơi và phá hủy 120 máy bay, bắn cháy 93 xe quân sự, có 63 xe M113 và M118, bắn chìm và cháy 43 tàu chiến, phá hủy 19 khẩu pháo, diệt và bức rút 127 đồn tua, giải phóng 15 xã, 319 ấp, 296.000 dân, thu 1.703 súng các loại, 32 máy thông tin... (theo báo cáo của đồng chí Nguyễn Ký Ức - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long tại cuộc Hội thảo chiến thắng Xuân Mậu Thân 1968 ở Vĩnh Long ngày 08 - 09/02/1995).

2. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân, quân và dân ta ở miền Nam tiến công và nổi dậy ở 64 thành phố, thị xã và ở nhiều vùng nông thôn sát các thành thị. Chính quyền cách mạng được thành lập ở Huế và ở nhiều vùng nông thôn mới giải phóng. Trong cuộc tiến công và nổi dậy, ta tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, phá hoại một khối lượng khổng lồ các phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế chiến lược của địch, buộc chúng phải hủy bỏ kế hoạch "tìm diệt và bình định" chuyển sang phòng ngự "quét và giữ", làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của chúng.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh còn bộc lộ những nhược điểm và thiếu sót, nhất là trong tư tưởng và nhận thức, trong công tác chỉ đạo và kiểm tra kế hoạch:

- Quán triệt đường lối, phương châm và quyết tâm chiến lược của Đảng chưa sâu, thể hiện trong lãnh đạo, chỉ đạo, Tỉnh ủy chưa chú trọng mặt khởi nghĩa của quần chúng... Chưa quán triệt sâu sắc tinh thần yêu cầu của giai đoạn tổng tiến công nổi dậy là quá trình tấn công liên tục có tính chất chiến lược và rất ác liệt phức tạp, là quá trình đánh đổ hoàn toàn ngụy quân, ngụy quyền và đập tan ý chí xâm lược, hiếu chiến của đế quốc Mỹ, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn... Nên trong lãnh đạo Tỉnh ủy nặng tập trung cho kế hoạch của khả năng I (tức dứt điểm hoàn toàn), tuy có nói đến khả năng II, III và tình huống đánh phản kích kéo dài, hoặc Mỹ ngoan cố mở rộng chiến tranh... Do đó, khi ta không hoàn thành được nhiệm vụ theo khả năng I, thì bên dưới và ngay cả một số cán bộ tỉnh, huyện dao động, bi quan, uể oải về quyết tâm chiến lược của Đảng... sinh ra nhiều diễn biến phức tạp. Một số đảng viên, đoàn viên và thanh niên trước đây đi tòng quân nay thấy kéo dài nên bỏ ngũ trở về (khoảng trên 60%), thậm chí có cả các đồng chí chi ủy viên, các đồng chí trong ban chỉ huy xã đội. Chi bộ lại thiếu nỗ lực phát động quần chúng khởi nghĩa, cho rằng tỉnh, huyện đánh không được, giải phóng không được thì xã làm sao khởi nghĩa giải phóng nổi, từ đó, có một số đồng chí trở về gia đình lo làm ăn để chịu đựng lâu dài (trong năm 1968, tỉnh bị sụt giảm 345 đảng viên do hy sinh trong chiến đấu và

nhất là số nằm im, bỏ Đảng và số chiêu hồi). Cũng từ đó mà cao điểm II, III ta tấn công địch yếu hơn và thiếu liên tục[1].

- Trong chỉ đạo quân sự thì nặng tập trung cho điểm, nhẹ diện. Trong cao điểm I, II, III đợt A, nhìn chung chỉ có lực lượng của tỉnh đánh nhiều còn đa số huyện không nổ súng được, chiến trường nổ súng không đều, không căng kéo được địch để tạo thuận lợi cho điểm mà còn để cho địch điều động quân từ các huyện về điểm gây nhiều khó khăn[2].

- Việc chuẩn bị kế hoạch và tổ chức thực hiện nói chung còn đơn giản, chưa sát thực tế, thiếu tỉ mỉ, chưa dự kiến hết những tình huống phức tạp mà qua cọ xát với địch có thể xảy ra... Điển hình nhất là kế hoạch hậu cần phục vụ cho ngày N giờ G cao điểm I đã làm mất yếu tố bất ngờ, làm giảm quyết tâm, sinh ra nhiều khó khăn phức tạp. Đến cao điểm III đợt A đánh vào thị trấn Kiến Văn, ta chỉ bị 1 cuộc càn ven của địch mà không thực hiện được ý đồ. Vào đợt B đánh thị trấn Thanh Bình cũng do kế hoạch thiếu tỉ mỉ, làm ta gây thương vong cho ta nên không dứt điểm được... đã chứng tỏ Tỉnh ủy chỉ đạo và kiểm tra kế hoạch không sâu sát, tỉ mỉ và toàn diện, thiếu linh hoạt sáng tạo, táo bạo, dám nghĩ, dám làm trong tình hình và thời cơ mới[2].

Dù còn những nhược điểm, thiếu sót và tổn thất, nhưng cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968 đã thể hiện sức mạnh quật khởi, ý chí và quyết tâm giải phóng đất nước

---

1, 2. Bản tự phê của Tỉnh ủy Kiến Phong sau khi học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (mở rộng) của Trung ương Cục miền Nam về động viên quân dân miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn (tháng 3/1968).

không gì lay chuyển nổi của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, là một đòn đánh đau bất ngờ vào sào huyệt của địch. Thắng lợi và những bài học kinh nghiệm trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968 giúp Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh mài sắc thêm tinh thần và ý chí chiến đấu, vượt qua chặng đường khó khăn trước mắt, đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi cuối cùng.

Chương IV

CỦNG CỐ PHONG TRÀO, KIÊN CƯỜNG BÁM TRỤ, CHỐNG PHÁ BÌNH ĐỊNH, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" CỦA MỸ - NGỤY (1969 - 27/01/1973)

I- MỸ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH"

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 thật sự mở ra bước ngoặt lớn của chiến tranh: làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ", làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Tổng thống Mỹ Giônxơn phải chủ trương "phi Mỹ hóa chiến tranh", phải xuống thang chiến tranh, ngừng ném bom phá hoại miền Bắc Việt Nam, chấp nhận ngồi vào đàm phán với ta tại Pari (Pháp) và phải chấp nhận rút quân Mỹ về nước là xu thế không thể nào cưỡng lại được. Nhưng Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 chưa buộc đế quốc Mỹ chấm dứt chiến tranh và từ bỏ dã tâm xâm lược.

Ngày 20/01/1969, Níchxơn nhậm chức Tổng thống thứ 37 của nước Mỹ đã thấy rõ sự phá sản liên tiếp của chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và thất bại của chiến tranh phá hoại lần thứ nhất chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Làn sóng phản đối chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trên thế giới và ngay cả trong lòng nước Mỹ ngày càng lên

cao, phong trào giải phóng dân tộc, các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh. Trước hoàn cảnh không sáng sủa đối với Mỹ, Níchxơn buộc phải đổi chiến lược toàn cầu "phản ứng linh hoạt" bằng chiến lược "ngăn chặn thực tế", đề ra học thuyết Níchxơn với ba nguyên tắc có tính chiến lược:

- Tăng cường sức mạnh của Mỹ.
- Chia sẻ trách nhiệm.
- Sẵn sàng thương lượng (trên thế mạnh).

Ứng dụng học thuyết Níchxơn vào miền Nam Việt Nam, Níchxơn đề ra chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" thay cho chủ trương "phi Mỹ hóa chiến tranh". Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" có những nội dung chính yếu sau:

- Xây dựng quân đội Sài Gòn thật mạnh để đủ sức đánh bại lực lượng vũ trang giải phóng.
- Bình định nông thôn, kiểm soát hầu hết đất đai, dân số ở miền Nam Việt Nam, coi đây là yếu tố sống còn của Việt Nam hóa chiến tranh.
- Ổn định tình hình kinh tế - chính trị ở nội địa miền Nam Việt Nam (vùng còn kiểm soát được).
- Xóa các vùng "đất thánh" ở các nước Campuchia và Lào, kiềm chế viện trợ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước cho miền Bắc Việt Nam...

Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" dự kiến triển khai qua ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: Từ năm 1969 đến năm 1972, chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu cho quân Sài Gòn, rút dần quân Mỹ về nước, cố sức làm suy yếu lực lượng kháng chiến trên quy mô sâu, rộng.

Giai đoạn 2: Sau năm 1972, chuyển giao hoạt động trên không cho quân Sài Gòn, đưa quân Sài Gòn lên tầm có thể đương đầu với quân giải phóng dưới mọi hình thức và quy mô tác chiến trên toàn Việt Nam và Đông Dương.

Giai đoạn 3: Sau năm 1975, hoàn thành "Việt Nam hóa chiến tranh". Lực lượng quân giải phóng bị tiêu diệt, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chỉ còn là một lực lượng chính trị độc lập.

Để đạt được mục tiêu chiến lược, Mỹ - ngụy tập trung bình định nông thôn với kế hoạch ba giai đoạn: "bình định cấp tốc", "bình định đặc biệt" và "bình định xây dựng", tiến hành một lúc 3 loại chiến tranh: "chiến tranh giành dân", "chiến tranh hủy diệt" và "chiến tranh bóp nghẹt".

Ở tỉnh ta, sau Xuân Mậu Thân năm 1968, tính chất chiến trường nổi rõ ba vùng[1]: vùng giải phóng, vùng tranh chấp và vùng yếu tôn giáo, thị xã, thị trấn. Ngoài ra, tỉnh còn có hành lang biên giới Việt Nam - Campuchia, là cầu nối giữa miền Đông với miền Tây Nam Bộ. Xuất phát từ tính chất, vị trí chiến trường nên từ sau Xuân Mậu Thân, Mỹ - ngụy ráo riết

1. Vùng giải phóng ở các huyện phía bắc sông Tiền có 4 xã: Thường Thới Hậu, Tân Công Chí, Tân Thành (Hồng Ngự) và Thanh Mỹ (Mỹ An), vùng hậu các xã bên lộ 30, sông Sở Thượng, Sở Hạ, kinh Nguyễn Văn Tiếp A, B; phía nam sông Tiền có 3 xã giải phóng: Phú Long, Hòa Tân, An Khánh và phân nửa 2 xã Tân Nhuận Đông, Phú Hựu (Châu Thành). Vùng tranh chấp gồm 27 xã, 80 ấp, gồm các xã ấp nằm phía ngoài sông Sở Thượng, Sở Hạ, lộ 30 (từ Hồng Ngự đến Kiến Văn), các tuyến kinh Nguyễn Văn Tiếp A, B, kinh Số Một, sông Cần Lố, tuyến lộ 80 (từ Châu Thành đến Lai Vung) và một số xã trên tuyến lộ 23 (từ thị xã Sa Đéc đến bắc Cao Lãnh). Vùng còn lại gồm huyện Chợ Mới, các cù lao, các xã ven hậu của huyện Lấp Vò là vùng yếu tôn giáo và các thị xã, thị trấn.

bình định khắp ba vùng, cách đánh phá của địch ở mỗi vùng có mức độ khác nhau.

Đối với vùng giải phóng, địch dùng bom, pháo, kể cả B.52 và chất độc hóa học rải thảm có tính chất hủy diệt[1], đánh thẳng vào quần chúng, tát trắng dân, đi đôi với lấn chiếm, tái chiếm hàng loạt đồn, bót, đẩy mạnh hoạt động chiến tranh tâm lý, chiêu hồi chiêu hàng, hoạt động do thám gián điệp và sử dụng những tên đầu hàng phản bội đánh lại ta, phong tỏa kinh tế vùng giải phóng, chốt chặn kiểm soát các đầu mối giao thông.

Vùng chữ V (huyện Châu Thành) và các lõm căn cứ Mỹ An Hưng, Bình Thạnh Trung, Long Hưng (huyện Lấp Vò), từ tháng 01/1969, quân chủ lực ngụy (e15/f9) mở liên tiếp các cuộc càn, chà đi xát lại, cho xe ủi phá địa hình, rải chất độc hóa học triệt phá cây cối. Nhiều làng xóm trước đây rất trù phú, cây trái xum xuê, dân ở đông vui, đến năm 1969 - 1970 trở thành

1. Cụ thể các lượt B.52 đánh phá như sau:
- Ngày 18/5/1968: hai lượt 6 chiếc rải thảm Kinh I.
- Ngày 21/7/1968: hai lượt 6 chiếc bừa Vùng 3, 4 xã Thiện Mỹ.
- Ngày 14/8/1968: bốn lượt 12 chiếc trút bom rải thảm xã Bình Hàng Trung.
- Ngày 02/9/1968: hai lượt 6 chiếc tiếp tục bừa xã Bình Hàng Trung.
- Ngày 05/10/1968: mười hai lượt 36 chiếc bừa xã Bình Hàng Trung.
- Ngày 10/9/1968: bốn lượt 12 chiếc bừa xã Mỹ Quý, Thiện Mỹ.
- Ngày 05/11/1968: sáu lượt 18 chiếc bừa xã Thanh Mỹ và Long Hiệp.
- Ngày 03/12/1968: bốn lượt 12 chiếc tiếp tục đánh Thanh Mỹ, Long Hiệp.
- Ngày 04/12/1968: bốn lượt 12 chiếc bừa xã Mỹ Quý.
- Ngày 06/12/1968: hai lượt 6 chiếc bừa xã Thanh Mỹ.
- Ngày 07/12/1968: hai lượt 6 chiếc bừa xã Bình Hàng Trung.
- Ngày 23/12/1968: hai lượt 5 chiếc bừa xã Bình Thành (Thanh Bình).
- Tháng 01/1969: hai lượt 6 chiếc bừa ấp Mỹ Điền (Thanh Mỹ - Mỹ An).

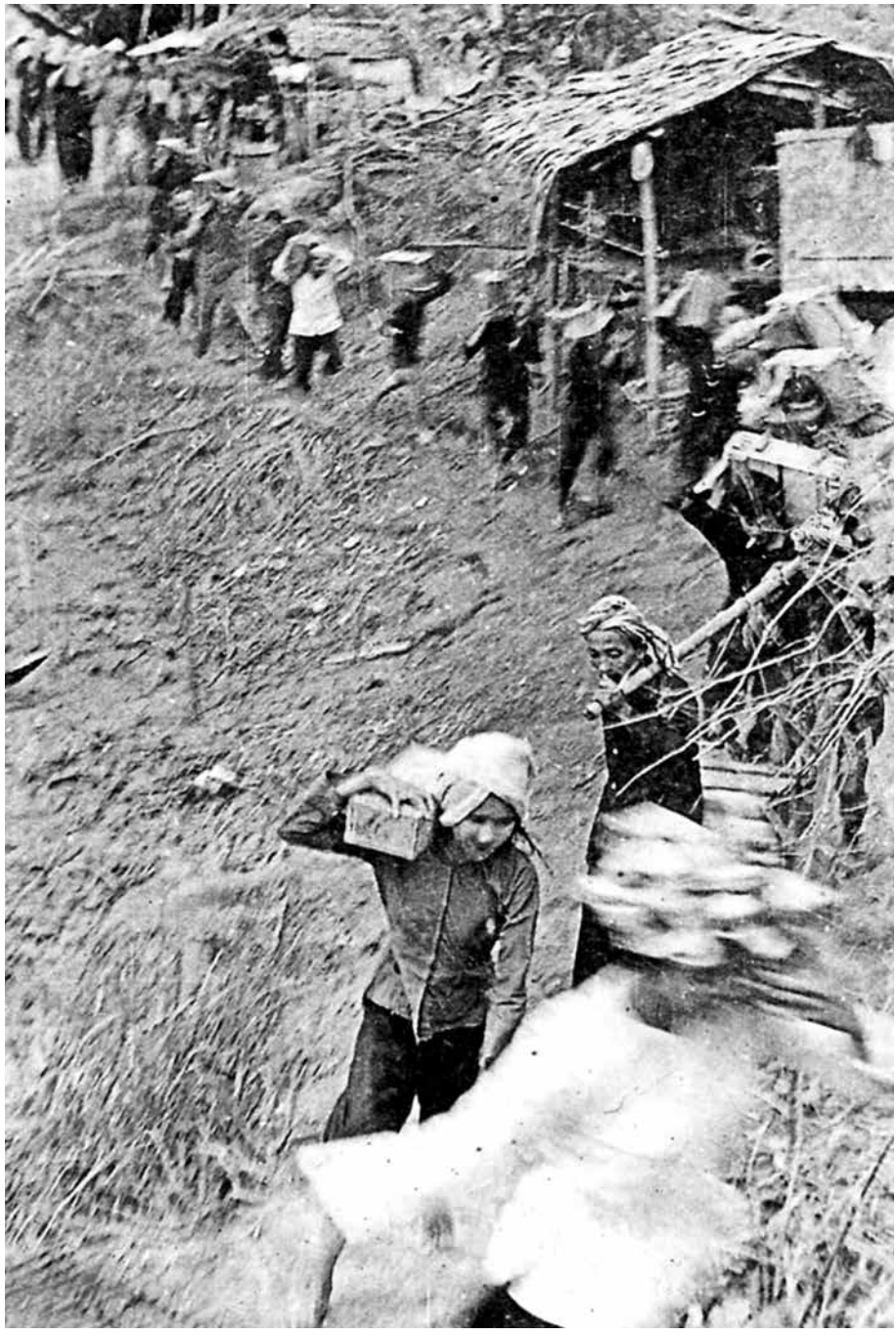

Dân công tiếp lương, tải đạn phục vụ chiến dịch Đông Xuân 1968 - 1969

Ảnh: Hoàng Minh

vùng trắng trống trải, đổ nát, hoang tàn. Dân trong vùng căn cứ giải phóng phải tản cư ra vùng địch tạm chiếm, sống chật chội trong các nhà tạm, trên ghe... ở dọc theo các kinh, rạch và trục lộ giao thông, đời sống khốn khổ, cùng cực. Đến cuối 1969, địch cơ bản bình định xong huyện Châu Thành. Huyện Lấp Vò, sau tổng tiến công Xuân Mậu Thân, địch chiếm lại, đóng thêm 64 đồn, tăng thêm 10 phân chi khu, 10 cuộc cảnh sát. Đặc biệt, ở Long Hưng, địch đóng đồn dày đặc, cách nhau không đầy 1km.

Ở vùng địch kiểm soát và vùng tranh chấp, địch ra sức củng cố bộ máy ngụy quân, ngụy quyền, tăng cường bắt lính đôn quân[1], úp bộ thanh niên vào phòng vệ dân sự. Lập các đoàn bình định, các phái đoàn hỗn hợp gồm các ty, sở (có cả Mỹ, Ôxtrâylia...) về nông thôn nghiên cứu đất, cấp giống lúa, máy móc, vật tư nông nghiệp và cho vay tín dụng lãi suất thấp. Lập nhiều tổ chức, đảng phái phản động, úp bộ nhân dân vào Đảng Dân chủ của Nguyễn Văn Thiệu. Tiếp tục các hoạt động mua chuộc, kềm kẹp, khống chế, khủng bố gia đình cán bộ. Dùng các tên tay sai lợi dụng tôn giáo, khống chế quần chúng tín đồ, ra sức vơ vét, vu khống, làm tiền. Riêng thị xã, thị trấn địch tăng cường phòng thủ[2], mở rộng sân bay Tân Tịch (thị xã Cao Lãnh), sửa chữa lộ giao thông, tăng cường đánh phá vùng ven.

---

1. Năm 1969, ở tỉnh Kiến Phong, địch bắt 4.620 thanh niên đi lính, lập 24 đoàn bình định, mỗi đoàn từ 20 đến 50 tên; chi trên 5 triệu đồng cho các hoạt động "nông tín cuộc".

2. Tháng 12/1968, lực lượng quân sự của địch ở thị xã Cao Lãnh có hơn 4.000 quân, bố trí thành nhiều vòng liên hoàn hỗ trợ nhau. Ban đêm có thiết giáp, thám báo đi tuần tiễu trong nội ô và ngoại ô. Bộ Tư lệnh biệt khu 44, tiểu khu... đều có hầm ngầm kiên cố.

Âm mưu thâm độc và những hoạt động đánh phá điên cuồng của địch tạm thời đạt được một số kết quả và gây cho ta nhiều khó khăn:

- Đẩy được lực lượng quân sự của ta ra xa thị xã, thị trấn, ổn định được vùng kềm, lấn chiếm được vùng ven, giành giật được người và của.

- Bắt được lính, đôn được quân, đóng thêm nhiều đồn, bót và củng cố được bộ máy kềm kẹp ở nhiều xã ấp.

- Hoạt động chiến tranh tâm lý lừa mị và các thủ đoạn chiêu hồi, chiêu hàng của địch ở một mức độ nhất định, làm cho một số cán bộ, đảng viên và quần chúng sa sút ý chí chiến đấu.

II- VỪA TIẾP TỤC CHIẾN ĐẤU CHỐNG PHÁ BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH VỪA XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG KIÊN TRÌ BÁM TRỤ GIỮ ĐẤT, GIÀNH DÂN

Sau đợt I tổng công kích tổng khởi nghĩa, địch điên cuồng phản kích ác liệt "Hầu hết các vùng giải phóng và vùng tranh chấp trong đợt II đến nay, địch đều lấn chiếm và đóng lại, có nơi không còn tề thì chúng đưa tề nơi khác đến để kềm kẹp, ra sức đánh dạt lực lượng vũ trang, cán bộ cơ sở cách mạng"[1]. Trước tình hình đó, trong Chỉ thị số 56/CTNT ngày 05/12/1968 *Sẵn sàng nắm thời cơ đột biến, nhảy vọt tới những thắng lợi cao nhất* và Chỉ thị số 61/CTNT ngày 24/12/1968 *Về việc chuẩn bị sẵn sàng chớp thời cơ đột biến,* Trung ương Cục nhấn mạnh "Phải gắn chặt các mặt hoạt động với việc đánh bại âm mưu

1. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, Sđd, tập II,* tr.710.

bình định cấp tốc của địch, phải coi đây là yêu cầu quan trọng và cấp bách nhất của kế hoạch Đông hiện nay"[1].

Tháng 02/1969, Khu ủy Khu 8 mở hội nghị cán bộ đề ra kế hoạch chống phá bình định cấp tốc của địch.

"Từ mùa Thu 1969, Bộ Chính trị chỉ đạo các chiến trường chuyển hướng hành động nhằm đánh mạnh vào kế hoạch bình định của địch.

Hội nghị Trung ương Cục miền Nam tháng 7/1969 chủ trương đẩy mạnh tiến công quân sự và xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, tăng cường công tác dân vận làm cơ sở cho phong trào đấu tranh chính trị và binh vận, xây dựng và mở rộng căn cứ địa. Nghị quyết vạch rõ nhiệm vụ quan trọng nhất của mặt trận nông thôn là phải giành dân, giành đất, phát triển thế và lực của ta"[2].

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968, lực lượng vũ trang tỉnh, huyện bị tiêu hao nặng[3], quân số chậm được bổ sung[4]. Đảng viên cũng bị tiêu hao một số lượng đáng kể, nhiều chi bộ bị tiêu hao gần hết. Nhiều cán bộ, đảng viên không bám được vào dân. Quần chúng bị đàn áp, khủng bố, bắt lính, bị vơ vét cạn kiệt. Căn cứ của ta bị co hẹp lại,

---

1. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, Sđd,* t.II, tr.709.

2. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II, tr.445.

3. Theo báo cáo số liệu Khu 8, năm 1968, tỉnh Kiến Phong bị hy sinh 340 người, bị thương 505 người, bị bắt 54 người, đầu hàng 11 người.

4. Hai Tiểu đoàn 502 chỉ còn lại 180 quân, địa phương quân huyện chỉ còn 20 - 30 quân, riêng huyện Chợ Mới chỉ có 16 quân (*Lịch sử Khu 8,* tr.157).

quần chúng chạy dạt[1], tài chính bị thất thu nhiều[2]. Một số cán bộ, đảng viên bi quan, dao động, hoài nghi đường lối và quyết tâm chiến lược của Đảng.

Những khó khăn trên đây một phần "*do ta đánh giá chưa hết âm mưu và hành động của địch quay về đánh phá và bình định nông thôn, do ta chưa kịp thời chuyển hướng phương châm hoạt động ở ba vùng*"[3].

Nhưng trước những khó khăn, ác liệt, Đảng bộ tỉnh vẫn vững vàng. Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Khu ủy và quan điểm "bám đất, bám dân, bám chiến trường", tháng 8/1968, Tỉnh ủy Kiến Phong đề ra nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ là "Đẩy mạnh đánh phá địch bằng lực lượng du kích chiến tranh phối hợp với đấu tranh ba mặt, kiên quyết bảo tồn giữ vững lực lượng, bám trụ đánh bại kế hoạch "bình định cấp tốc" của địch, giành dân, giữ đất, mở mảng, mở rộng vùng giải phóng"[4], "Tỉnh ủy chủ trương tiến công ra vùng yếu gây rối hậu phương địch và đầu não địch. Củng cố phát triển du kích mật (nông thôn), tự vệ mật, biệt động mật (thị xã, thị trấn), các đội biệt động của huyện và thị xã đánh vào hậu cứ địch và cơ quan đầu não địch. Chống co thủ phòng ngự đơn thuần"[5].

---

1. Sau Tổng tấn công mùa Xuân năm 1968, tỉnh Kiến Phong có 4 xã và 32 ấp giải phóng, đến tháng 12/1970 còn 3 xã và 27 ấp giải phóng. Năm 1969, dân trong vùng giải phóng 25.000 người, nhưng cuối năm 1970, các xã ấp giải phóng gần như không còn dân.

2. Năm 1969, thu tài chính chỉ được 39 triệu đồng và 24.919 giạ lúa, đạt 60% kế hoạch.

3. Viện Mác - Lênin, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tóm tắt)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.184.

4. Trích nghị quyết Tỉnh ủy Kiến Phong, tháng 8/1968.

5. Trích tài liệu của đồng chí Trần Anh Điền (Tám Bé), nguyên Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong.

Ở phía nam, các huyện, thị xã thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy Vĩnh Long kiên quyết bảo tồn lực lượng, khôi phục lại cơ sở, tạo điều kiện để bung ra hoạt động, tích lũy lực lượng, chuẩn bị thời cơ để chuyển thế chiến lược. Trước mắt, tập trung giải quyết ổn định, sắp xếp lại ăn ở.

Thực hiện nghị quyết trên, cuối năm 1968 và năm 1969, trong tình hình địch đánh phá điên cuồng, ta vẫn đẩy mạnh được phong trào tiến công ba mặt, giành thắng lợi đáng kể:

- Vận động và tổ chức được 58.341 lượt người và 5.990 lượt gia đình binh sĩ kéo ra thị xã, thị trấn, đồn, bót địch đấu tranh trực diện, tán phát 15.274 truyền đơn các loại. Tiêu biểu là các cuộc đấu tranh của l.500 học sinh và giáo chức thị xã Cao Lãnh chống địch bắt học sinh và giáo viên vào phòng vệ dân sự; cuộc đấu tranh của 1.000 quần chúng ở thị trấn Hồng Ngự đòi tự do đi lại làm ăn; cuộc đấu tranh của đồng bào huyện Thanh Bình có 78 người nằm cản đầu xe địch, chống bắt thanh niên đi lính; cuộc đấu tranh của bà con xã Bình Thạnh (Cao Lãnh) kéo lên quận, tỉnh đòi chấm dứt bắn pháo bừa bãi vào ruộng vườn... Các cuộc đấu tranh xoay quanh các khẩu hiệu đòi dân sinh, dân chủ, đòi tự do đi lại làm ăn, chống bắt lính, chống bắt vào phòng vệ dân sự, tố cáo tội ác bọn ác ôn, đòi hòa bình chấm dứt chiến tranh, đòi Mỹ rút quân, đòi bồi thường nhân mạng, tài sản cho quần chúng. Địch phải chấp nhận 3.818 đơn, nhận tội giết người vô cớ, đưa đi điều trị 60 người bị thương, bồi thường thiệt hại cho quần chúng 328.000 đồng, thả 552 người bị bắt, thả 221 thanh niên bị bắt quân dịch, miễn 350 thanh niên vào phòng vệ dân sự.

- Tổ chức học tập, phát động 69.552 lượt người trong đó có 39.897 gia đình binh sĩ và binh sĩ đấu tranh. Riêng đội

tuyên truyền xung phong của lực lượng binh vận, bằng nhiều hình thức (phát loa kêu gọi, truyền đơn, thư tay...) tiếp cận được nhiều đồn, bót và đơn vị địch. Ngoài ra, ta còn giáo dục và xây dựng 132 cơ sở binh sĩ cảm tình, 42 nội tuyến. Trong năm 1969, làm rã ngũ 5.223 tên, phá rã 42 liên toán phòng vệ dân sự với 2.265 quân, 12 vụ binh biến diệt chỉ huy ác ôn; kết hợp lực lượng quân sự diệt 3 đồn, 1 tua, thu 20 súng và nhiều đồ dùng quân sự; củng cố 10 ban binh vận xã, đào tạo 12 cán bộ binh vận xã, 26 cán bộ ấp, phát triển 17 cán bộ mật giao, 47 lực lượng nòng cốt, 30 cán bộ ngoại vi. Đặc biệt, trong tháng 3/1969, lực lượng binh vận huyện Hồng Ngự vận động được Xơnxa - chỉ huy biệt kích Mỹ, làm binh biến, nổ súng diệt 30 tên địch tại sân bay dinh điền Sa Rài, thu gom súng chạy sang phía ta.

Về hoạt động quân sự, thực hiện Nghị quyết tháng 8/1968 của Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang ta kiên quyết bám trụ đánh địch.

Ngày 06/01/1969, Đại đội 279 an ninh vũ trang bảo vệ căn cứ Tỉnh ủy đánh lui cuộc càn của 2 tiểu đoàn Mỹ ở xã Bình Hàng Tây (Kiến Văn) diệt và làm bị thương 30 tên Mỹ, thu 5 súng các loại, bắn rơi 1 trực thăng.

Đêm 22/02/1969, trong cao điểm Xuân 1969 phối hợp tấn công toàn Miền, ta pháo kích đồng loạt 15 mục tiêu quân sự địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Cũng trong tháng 2, du kích xã Tân Nhuận Đông (Châu Thành) phục kích trên hương lộ 8 từ Nha Mân đi Giồng Nổi, bắn cháy 1 xe GMC chở đầy lính tại cầu Ông Đại, diệt 32 tên; lực lượng vũ trang thị xã Sa Đéc đánh vào Ty Cảnh sát, diệt 80 tên.

Ngày 10/3/1969, biệt động thị xã Cao Lãnh gài mìn ở nhà hàng Tân Lợi và Á Đông, làm 48 sĩ quan, phi công và công chức chết và bị thương[1]. Tiếp đó, ngày 20/3, lực lượng vũ trang thị xã đánh kỳ tập 1 trung đội dân vệ ở đồn Mỹ Thọ (Cao Lãnh) diệt 12 tên, thu 1 súng M16 và 1 máy PRC-10. Cùng đêm, pháo kích biệt khu 44 và tòa hành chính (Cao Lãnh).

Tại rạch Ông Củng (xã Long Hiệp), ngày 23/3/1969, Đại đội 279 một lần nữa chạm súng với quân Mỹ. Do địch phát hiện Tiểu đoàn 502 và Tiểu đoàn 261 (Khu) về đóng quân, Mỹ đổ quân đánh trúng đội hình. Tiểu đoàn 502, Đại đội 279 chịu mũi dùi của địch. Địch chết trên 50 tên và bị thương trên 30 tên, chủ yếu do vướng mìn và lựu đạn gài. Ta thu 2 súng M16, 1 máy PRC-25. Tiểu đoàn 502 bắn rơi 1 trực thăng.

Trong các ngày từ 23 đến 28/3/1969, mặc dù quân số ít, Tiểu đoàn 502 vẫn kiên cường bám trụ đánh địch tại Bà Lương (xã Long Hiệp), Tân Trường (xã Mỹ Hội) và đánh địch phản kích tại xã Mỹ Xương (Kiến Văn), diệt 100 tên địch, làm bị thương 60 tên, bắn rơi 1 máy bay trực thăng. Riêng trận chống càn tại xã Mỹ Hội, do chưa có kinh nghiệm chống súng phun lửa trên xe M113 nên ta hy sinh 9 đồng chí.

Tháng 5/1969, thực hiện sự chỉ đạo của Khu 8, Tỉnh ủy và Tỉnh đội Kiến Phong mở đợt vũ trang tuyên truyền vùng yếu tôn giáo tổng Định Hòa, gồm 5 xã Kiến An, Nhơn Mỹ, Long Kiến, Long Điền và Mỹ Hội Đông (huyện Chợ Mới). Lực lượng ta gồm cán bộ địa phương quân huyện Thanh Bình,

1. Số liệu này ghi theo "Nhật ký chiến sự của Phòng Tham mưu Miền" (bản chép tay).

Tiểu đoàn 502 và 15 cán bộ các ngành, 1 y sĩ và 1 y tá. Đây là vùng kềm kẹp từ lâu của địch, ngoài bộ máy tề điệp, cảnh sát, phòng vệ dân sự còn là sào huyệt của Lương Trọng Tường, cơ quan Trung ương Đảng Dân xã (xã Kiến An). Cơ sở của ta ở đây ít và yếu.

Từ ngày 12 đến ngày 17/5/1969, bộ đội ta nhân danh bộ đội của ông Mười Trí[1] về thăm tín đồ Hòa Hảo, vượt qua hệ thống đồn, bót dày đặc ở huyện Thanh Bình, vượt sông Tiền qua cù lao Tây và tiến sâu vào tổng Định Hòa. Nhờ nắm vững tinh thần Chỉ thị ngày 07/02/1968 của Trung ương Cục *Về công tác dân vận trước mắt* và được tập huấn công tác phát động quần chúng, bộ đội ta đã làm tốt công tác vũ trang tuyên truyền xây dựng cơ sở trong đồng bào Hòa Hảo, tuyên truyền cô lập Lương Trọng Tường, quan tâm đến quyền lợi quần chúng, được đa số quần chúng tín đồ tin cậy, giúp đỡ. Sau 6 ngày hoạt động ở tổng Định Hòa, ta đã tạo được địa bàn, đưa Huyện ủy Chợ Mới về bám địa phương, tạo được lõm căn cứ, xây dựng nhiều cơ sở, chuyển một số ấp yếu lên tranh chấp. Điều quan trọng là giải tỏa được những định kiến của quần chúng tín đồ đối với cách mạng trước đây do bị địch xuyên tạc, gây được ảnh hưởng chính trị rộng lớn trong đồng bào Hòa Hảo.

Đợt vũ trang tuyên truyền qua tổng Định Hòa là một bước tạo dựng cơ sở, tạo tiền đề chính trị cho công tác chuyển vùng yếu tôn giáo sau này. Mặt khác, có tác dụng giáo dục cán bộ, bộ đội ta về quan điểm quần chúng và về công tác tôn giáo vận.

---

1. Sư thúc Huỳnh Văn Trí là người yêu nước chân chính, tham gia cách mạng từ kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông có uy tín lớn trong đồng bào theo đạo Hòa Hảo.

Do đánh giá tình hình chưa chính xác và hợp đồng thiếu chặt chẽ của đơn vị tỉnh bạn[1], Tiểu đoàn 502 và một số cán bộ, ban ngành thuộc tỉnh Kiến Phong phải hoạt động đơn độc giữa vùng địch hậu, vừa tuyên truyền phát động quần chúng, vừa chiến đấu trong vòng vây nhiều tầng lớp của địch nên hơn 200 cán bộ, chiến sĩ ta bị bắt và hy sinh[2]. Tổn thất này rất nghiêm trọng ở chỗ: quân số Tiểu đoàn 502 đã bị tiêu hao nặng qua các trận tấn công Xuân Mậu Thân 1968 và đánh địch phản kích thì một lần nữa lại bị thiệt hại nặng, trong khi đó (năm 1969) địch đánh phá, bình định nông thôn rất ác liệt. Tổn thất của Tiểu đoàn 502 làm trầm trọng thêm những khó khăn của tỉnh, ảnh hưởng không ít đến phong trào chung.

Ở các huyện phía nam sông Tiền, địch bình định rất ác liệt nhưng ta vẫn quyết tâm gây dựng lại cơ sở. Mặt khác, chủ động chống địch phản kích, lấn chiếm.

Tháng 4/1969, Tiểu đoàn 857 cơ động tỉnh Vĩnh Long đánh chìm 1 tàu, đánh bị thương 1 chiếc khác trên sông Nha Mân (xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành); tập kích diệt gọn 1 đại đội địch ở Bà Hiếc, diệt 72 tên. Du kích Tân Nhuận Đông bắn cháy 3 máy bay trực thăng. Du kích xã Hòa Tân bắn rơi 1 máy bay phản lực.

---

1. Theo chỉ đạo của trên, lực lượng vũ trang tuyên truyền của Kiến Phong qua tổng Định Hòa, lực lượng của An Giang xuống vùng "chữ O". Nhưng bộ đội tỉnh An Giang xuống tới kinh Xáng, Châu Đốc - Tân Châu thì bị địch chặn đánh, phải dừng lại. Do đó, bộ đội của tỉnh chiến đấu đơn độc trong vòng vây.

2. Lực lượng ta lúc đi gồm trên 300 người, lúc về quân số chỉ còn lại 50 - 60 người (Tiểu đoàn 502 còn hơn 30 người, địa phương quân huyện Thanh Bình còn 10 người. Số bị thất lạc sau tìm thấy thêm được hơn 20 người nữa (Theo *Lịch sử Khu 8,* t.2, tr.167, 169).

Tháng 8/1969, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Vĩnh Long, thị xã Sa Đéc mở mặt trận Hòa Khánh. Trong hai ngày 18 và 19/8/1969, lực lượng vũ trang thị xã phục kích tại rạch Bà Lang và tấn công Ty Cảnh sát. Vùng 4 chiến thuật vội vã điều 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 9, một chi đoàn xe M113 và 1 đại đội bảo an đến tăng viện. Quân ta đánh lui 15 đợt xung phong của địch, ta diệt và làm bị thương 220 tên (có 4 tên Mỹ), bắn cháy 1 xe M113. Ít ngày sau, bộ đội thị xã đánh địch tại cầu Rạch Bần, tập kích Biệt khu 41 và đánh quân tiếp viện, tiêu hao nặng tiểu đoàn quân chủ lực nói trên. Với cách "đánh đau", "đánh hiểm", bộ đội thị xã Sa Đéc đã giành thắng lợi quan trọng, buộc Vùng 4 chiến thuật phải rút một bộ phận quân chủ lực về phòng thủ thị xã.

Ngày 03/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần[1]. Đồng bào chiến sĩ cả nước vô cùng thương tiếc, đau buồn. Tỉnh ủy Kiến Phong ra thông báo và lời kêu gọi: Mỗi đảng viên, đoàn viên, đồng bào, chiến sĩ trong tỉnh tỏ lòng biết ơn, thương nhớ Bác bằng hành động cách mạng thiết thực, biến đau thương thành sức mạnh, phấn đấu hoàn thành sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Bác. Tỉnh mở đợt học tập phát động sâu rộng trong nội bộ

---

1. Theo Thông báo số 151-TB/TW ngày 19/8/1989 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng *Về một số vấn đề liên quan đến Di chúc và ngày qua đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh*: "Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, lúc 9 giờ 47 phút *ngày 02 tháng 9 năm 1969*, ngày Quốc khánh của nước ta. Để ngày Bác mất không trùng với ngày vui lớn của cả dân tộc, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã quyết định công bố Chủ tịch Hồ Chí Minh mất vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 03 tháng 9 năm 1969. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) cho rằng nay cần công bố lại đúng ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời" (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.49, tr.708-709).

Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh được Tỉnh ủy, Mặt trận và chính quyền tỉnh Kiến Phong tổ chức, ngày 09/9/1969 tại kinh Hội Đồng Tường xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh

Ảnh: Nguyễn Đắc Hiền

và quần chúng. Nhiều nơi đồng bào tổ chức lễ truy điệu, các chùa làm lễ cầu siêu, nhiều gia đình trong vùng địch tạm chiếm lập bàn thờ Bác, gửi thư cho Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỏ lòng thương tiếc Bác. Đêm 09/9/1969, tại kinh Hội Đồng Tường (xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh), Tỉnh ủy và các cơ quan tỉnh long trọng tổ chức lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Tỉnh ủy, biến đau thương thành hành động cách mạng, các lực lượng vũ trang toàn tỉnh càng nắm chặt tay súng, dũng cảm đánh địch. Trong tháng 9/1969, bộ đội huyện Mỹ An với 20 tay súng đã đánh lui 3 đợt tấn công của 3 đại đội bảo an tại bờ bao Trợ Kính, kinh Ba (xã Mỹ Hòa,

huyện Mỹ An), diệt và làm bị thương gần 100 tên địch, bắn cháy 4 máy bay, thu nhiều súng đạn và đồ dùng quân sự. Tiểu đoàn 502 liên tục đánh địch càn quét vào các xã Mỹ Hội, Thiện Mỹ, Phong Mỹ (Cao Lãnh). Trong trận Bà Lương (xã Long Hiệp, huyện Kiến Văn), tiểu đoàn diệt 100 tên địch, bắn rơi 1 trực thăng, bắn cháy 1 xe M113. Bộ đội huyện Hồng Ngự đánh địch càn quét ở xã Tân Thành, Tân Hộ Cơ, Thông Bình, diệt nhiều tên địch.

Ngày 26/9/1969, tại ấp Hưng Quới (xã Long Hưng), địch tập trung nhiều cánh quân và trong một ngày đêm bắn 7.000 quả đạn pháo vào một vùng hẹp nhằm triệt hạ căn cứ của Huyện ủy Lấp Vò. Dù khó khăn, ác liệt, tất cả cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan của Huyện đội và Huyện ủy đều trụ lại chiến đấu. Qua hai ngày, ta đánh bại nhiều đợt tấn công của địch, diệt nhiều tên, bắn rơi 2 máy bay trực thăng, bảo vệ an toàn cơ quan Huyện ủy và Huyện đội.

Cuối tháng 11/1969, lực lượng an ninh thị xã Sa Đéc diệt 2 tên tình báo, phá rã 1 toán nằm vùng chỉ điểm (gồm 7 tên). Ít ngày sau, địch tổ chức lại nhóm này, ta cảnh giác phát hiện và tổ chức diệt gọn.

Năm 1969, trong tình hình địch bình định ác liệt, các lực lượng vũ trang tỉnh đã tác chiến đánh địch 1.165 trận lớn nhỏ (gồm chống càn, diệt viện, tập kích, phục kích, pháo kích, bao vây bắn tỉa, đánh bằng vũ khí tự tạo như mìn, đạp lôi, hố chông...); loại khỏi vòng chiến đấu 6.296 tên địch (có 339 tên Mỹ và 26 tên Nam Triều Tiên); phá hủy và hỏng 11 khẩu pháo 105 ly, bắn rơi và bắn cháy 65 máy bay các loại, đánh chìm và cháy 40 tàu thuyền, đánh hỏng và cháy 16 xe quân sự; diệt 26 đồn tua, 163 căn trại lính, 2 cư xá Mỹ, 2 nhà đèn, 2 dinh quận trưởng;

nhiều lần tiến công vào Biệt khu 44, Ty Cảnh sát tài nguyên, Tòa Hành chính (Cao Lãnh), Biệt khu 41, Ty Cảnh sát (Sa Đéc); phá hỏng 13 lượt cầu lớn, phá nhiều đoạn lộ 30, thu nhiều súng đạn và đồ dùng quân sự.

Công tác xây dựng, phát triển lực lượng cũng thu được nhiều kết quả. Năm 1969, ta vận động được 300 thanh niên tòng quân bổ sung cho các đơn vị bộ đội tỉnh, huyện, đôn 77 bộ đội huyện bổ sung cho tỉnh, đưa 89 du kích xã bổ sung cho địa phương quân huyện; phát triển 275 du kích xã, 385 du kích ấp, 143 du kích mật, đưa tổng số dân quân du kích trong tỉnh Kiến Phong[1] lên 1.386 người (gồm 79 xã đội, 487 du kích xã, 249 du kích ấp, 308 du kích mật, 73 tự vệ mật, 145 dân quân tự vệ); củng cố chấn chỉnh lại 12 ban an ninh xã, 698 hội viên nông hội, 802 hội viên phụ nữ.

Từ sau mùa Xuân năm 1968, các cấp ủy trong tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 41/CTNT ngày 11/11/1968 của Thường vụ Trung ương Cục *Về cuộc vận động củng cố và xây dựng chi bộ đảng 4 tốt* và Chỉ thị ngày 20/10/1969 của Thường vụ Trung ương Cục *Về mở đợt phát động "học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch"*.

Ngoài việc triển khai các chỉ thị trên, cuối năm 1969, các cấp ủy, ban ngành, đoàn thể, đơn vị vũ trang trong tỉnh khắc phục mọi khó khăn của chiến trường, tổ chức các cuộc học tập, chỉnh huấn Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục lần thứ chín (tháng 7/1969) về chỉ đạo cách mạng miền Nam. Đặc biệt là đợt tang lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh, học tập tiểu sử, Di chúc của Bác, Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, qua đó,

1. Các huyện phía nam sông Tiền không nắm được số liệu.

củng cố thêm về lập trường, tư tưởng triệt để cách mạng, tư tưởng tấn công địch, quan điểm quần chúng, nâng cao nhận thức về đường lối cách mạng, về đánh giá địch ta.

Nhờ tăng cường giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, giải quyết các vướng mắc về nhận thức tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, tập trung chỉ đạo xây dựng củng cố chi bộ, nhiều chi bộ trước đây bị đánh dạt, nay bám lại trụ được trong dân, nhiều cán bộ, đảng viên dũng cảm ra phía trước trong tình hình rất khó khăn. Ở thị xã Cao Lãnh, lực lượng thị xã cùng các khu ven vẫn kiên cường bám trụ chiến đấu bảo vệ 2 căn cứ du kích lõm ở khu 2 (Mỹ Trà) và khu 4 (Hòa An) làm chỗ dựa cho cán bộ, du kích các xã ven thị xã của huyện Cao Lãnh, vừa tạo bàn đạp tấn công vào đầu não địch. Một số đồng chí hy sinh anh dũng để lại tấm gương sáng tô thắm thêm truyền thống lịch sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh[1].

Trong hoàn cảnh cách mạng gặp nhiều khó khăn, Đảng bộ vẫn luôn coi trọng công tác phát triển Đảng. Năm 1969, có 322 quần chúng ưu tú đã kết nạp vào Đảng, nâng tổng số đảng viên trong tỉnh lên 3.054 đồng chí, có 1.687 đảng viên ở cơ sở, số này có 288 đảng viên không lộ, trong số phát triển có 36 là nữ; thành lập mới 15 chi bộ, củng cố 5 chi bộ vùng yếu, bầu lại 22 xã ủy; phát triển 334 đoàn viên, thành lập mới 8 phân đoàn;

1. Đồng chí Ưu, Phó Bí thư/Chính trị viên xã đội Hòa An đã chiến đấu đến khi hết đạn và bị thương nặng, địch kêu đầu hàng, đồng chí trả lời chúng bằng một quả lựu đạn nhưng không nổ, đồng chí đã hy sinh; nữ đồng chí Trần Thị Thu (bí danh Kim Hồng) - Xã đội phó kiêm Chủ tịch xã Hòa An (thị xã Cao Lãnh) vừa chiến đấu vừa dìu các đồng chí lãnh đạo bị thương trong làn mưa đạn đến nơi an toàn.

đưa 6 đội du kích và cán bộ về bám địa phương, củng cố 230 cơ sở vùng yếu[1]. Nhưng tổn thất của ta cũng rất lớn, trong năm 1969, có 174 đảng viên ở Kiến Phong bị tiêu hao, phần lớn trong số này hy sinh, bị bắt, một số ít cầu an tiêu cực và đầu hàng. Trong số cán bộ đảng viên hy sinh, có 3 Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy (Mười Đồng, Hai Tiến, Bảy Tường) và 3 Tỉnh ủy viên (Tư Tiến, Tám Lời, Út Mới).

Thực tế trên đây khẳng định tư tưởng chỉ đạo *bám đất, bám dân, bám chiến trường* và tinh thần Nghị quyết tháng 8/1968 của Tỉnh ủy là đúng đắn.

Năm 1970, Đảng bộ và quân dân trong tỉnh lại đứng trước những khó khăn mới. Ở Campuchia, Lon Non đảo chính, lật đổ Xihanúc. Mỹ - ngụy mở các cuộc hành quân "Cửu Long" đánh phá hành lang biên giới và đánh lên Campuchia (tháng 3/1970). Việt kiều bị khủng bố kéo về. Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 phối hợp thủy quân lục chiến càn quét "chà xát" dài ngày vào vùng hậu bối các xã Nhị Mỹ, Thiện Mỹ, Phương Thịnh, Mỹ Thọ, Mỹ Hội, Bình Hàng Tây, Thanh Mỹ... Các cụm pháo từ Giáo Đức (Cái Bè, Mỹ Tho), Mỹ An, Kiến Văn bắn phá yểm trợ. Máy bay B.52 tiếp tục ném bom rải thảm ở vùng hậu các xã nói trên. Trên kinh xáng An Long, địch sử dụng 70 tàu, ngày đêm tuần tiễu, cắt đứt tuyến giao liên của ta từ biên giới xuống hậu cứ Đồng Tháp Mười. Ban ngày, chúng dùng phi pháo bắn phá, ban đêm cho trực thăng soi theo đường mòn tuyến hành lang, dùng máy bay thả bom tọa độ. Trong năm 1970, địch bắn 261 lượt pháo yểm trợ càn quét bình định, mỗi lượt từ 200 đến 500 quả, nhiều lần rải chất độc hóa học vào các

1. Số liệu trên đây chỉ nắm được của tỉnh Kiến Phong cũ.

tuyến kinh ở hai huyện Cao Lãnh, Mỹ An. Chỉ tính riêng tỉnh Kiến Phong cũ, năm 1970, địch mở 1.132 cuộc càn quét, trong đó có 83 cuộc càn lớn, 557 cuộc càn, chủ yếu đánh phá các căn cứ của ta, hành lang biên giới, tập trung nhất là các huyện Cao Lãnh, Mỹ An[1].

Ở phía nam sông Tiền, đến năm 1970, địch bình định gần 100% địa bàn, với hệ thống đồn, bót dày đặc. Ở huyện Châu Thành, địch tập trung 2 trung đoàn (15 và 16) của Sư đoàn 9, tiểu đoàn biệt động 43 và 1 chi đoàn thiết giáp đánh phá liên

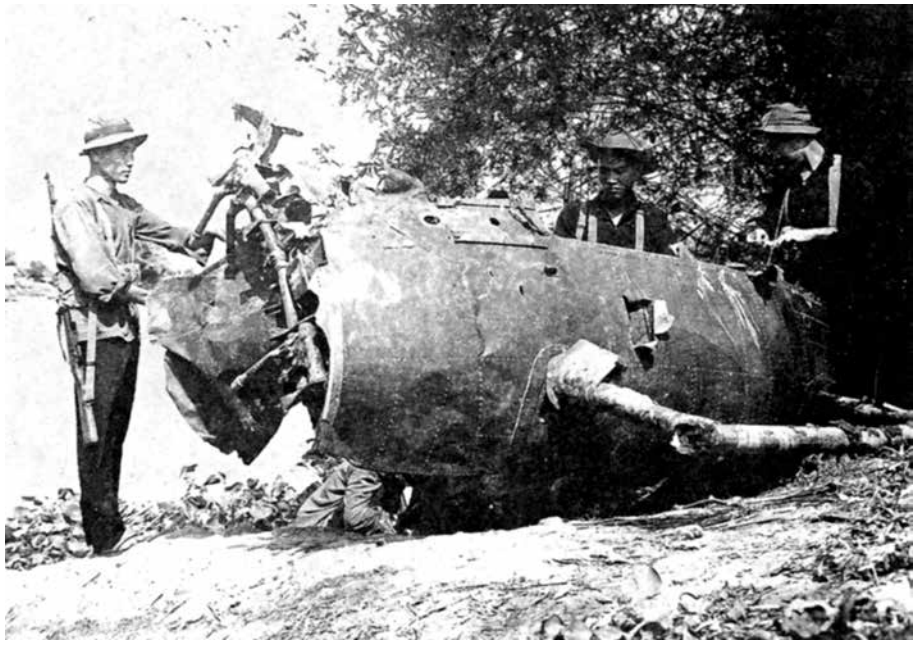

Lực lượng An ninh xã Thường Thời Hậu, Hồng Ngự bắn rơi máy bay Mỹ tại ấp Bình Hòa Thượng (tháng 7/1970)

Ảnh: Nguyên Khuê

1. Năm 1970, địch đóng trên 100 đồn mới ở Cao Lãnh, Thanh Bình, Mỹ An, Hồng Ngự, Châu Thành.

tục nhằm bình định Vùng chữ V. Trực thăng địch ngày bắn phá, đêm soi đèn pha tìm diệt quân ta. Chúng cho xe ủi phát quang địa hình, đóng đồn, lập khu nông binh, nông trại. Đây là thời kỳ khó khăn, ác liệt và bị thiệt hại lớn nhất đối với Đảng bộ và nhân dân huyện Châu Thành, có gia đình bị bom pháo chết không còn một người. Nhiều xã trắng cơ sở đảng, bộ đội huyện Châu Thành chỉ còn hơn 10 tay súng, du kích chỉ còn vài người ở mỗi xã (xã Hòa Tân chỉ còn 1 du kích 17 tuổi), cán bộ không bám được dân, việc bám địa hình và hoạt động hết sức khó khăn. Địch xây dựng lộ từ Nha Mân (Tân Nhuận Đông) tới Xẻo Mát (Hòa Tân) và từ Cái Tàu Hạ (Phú Hựu) qua xã An Khánh, cắt vùng này thành ba mảnh, phá vỡ thế liên hoàn của căn cứ, ngăn chặn tuyến hành lang giao liên từ Khu 8 đi Khu 9, dùng lực lượng chia cắt tuyến Phong Hòa và tuyến Hòa Thành. Tiểu đoàn bảo an - do Huỳnh Trung Hiếu chỉ huy, đánh thiệt hại nặng cơ sở của ta ở hai huyện Sa Đéc, Lấp Vò. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Đéc trước Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 có trên 30 đồng chí, đến tháng 5/1970 chỉ còn 2 huyện ủy viên (Hai Đăng và Năm Kính), đảng viên của huyện chỉ còn 30 đồng chí, có nhiều xã trắng đảng viên. Huyện ủy Lấp Vò còn 7 đồng chí, đảng viên của huyện còn 58 đồng chí. Nói chung, tình hình sau Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, địch đánh phá ác liệt, ta gặp nhiều khó khăn, cơ sở cách mạng bị thiệt hại nghiêm trọng ở Sa Đéc, Lấp Vò.

Địch còn mở chiến dịch "Vì dân", tuyên truyền hòa bình bịp bợm, đẩy mạnh hoạt động chiêu hồi, chiêu hàng, cho đổi

thẻ căn cước để tăng cường kềm kẹp, bắt lính. Trong năm 1970, địch bắt 1.758 thanh niên đi lính, thành lập 7 liên đội bảo an.

Trong tình hình có nhiều khó khăn, Đảng bộ Kiến Phong vẫn giữ vững truyền thống bám đất, bám dân, bám chiến trường. Đầu năm 1970, Tỉnh ủy học tập và triển khai Chỉ thị số 18 của Khu ủy, nêu cao quyết tâm bám trụ đánh địch và ra sức xây dựng lực lượng. Tháng 4/1970, các huyện phía nam được Tỉnh ủy Vĩnh Long chỉ đạo khẩn trương xây dựng lực lượng để tập trung chống bình định: "Nhiệm vụ bức thiết đặt ra lúc này là phải giáo dục đảng viên, chiến sĩ, quần chúng giữ vững ý chí chiến đấu; khắc phục xu hướng nằm im chờ thời của một số cán bộ, đảng viên; phải đẩy mạnh công tác dân vận, gây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh; phải nhận rõ: chống bình định ở nông thôn hiện nay là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu của Đảng bộ và quân dân ta"[1].

Thực hiện quyết tâm trên, Đảng bộ tỉnh chuyển nhiều cán bộ, đảng viên ra phía trước móc nối, xây dựng lại cơ sở, lực lượng vũ trang được củng cố, bổ sung, chặn được các mũi lấn chiếm của địch.

Ở phía nam sông Tiền, địch bình định, đánh phá rất ác liệt, chiến trường bị chia cắt, huyện Sa Đéc và huyện Lấp Vò gặp rất nhiều khó khăn, cơ sở và phong trào bị địch đánh phá, nên từ tháng 5/1970, Tỉnh ủy Vĩnh Long thành lập Phân ban Tỉnh ủy gồm 50 cán bộ (có 3 tỉnh ủy viên) xuống chỉ đạo trực tiếp hai huyện này.

---

1. Trích dự thảo "Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long", Vĩnh Long, 1994, tr.86.

Được tăng cường cán bộ và chỉ đạo trực tiếp của Phân ban Tỉnh ủy, huyện Sa Đéc và huyện Lấp Vò thống nhất phương án gây dựng lại phong trào và đẩy mạnh phát triển lực lượng. Lúc này, địa phương quân huyện Lấp Vò chỉ còn 7 tay súng. Huyện ủy chủ trương đánh hạ uy thế địch, lấy súng địch để trang bị cho ta. Ta đưa lực lượng ra đột nhập Thủ Ô (xã Vĩnh Thạnh), diệt gọn 1 trung đội địch, thu toàn bộ súng. Từ đó, địa phương quân huyện từng bước đã củng cố, cơ sở và phong trào dần được khôi phục.

Sau trận đột nhập diệt địch ở Thủ Ô, địch đưa 15 trung đội đánh phá khu vực rạch Bà Năm. Lực lượng quân y huyện Lấp Vò (do đồng chí Bảy Điệp phụ trách) đã sáng tạo ra cách dùng dàn thun bắn lựu đạn diệt địch rất hiệu quả, làm cho địch hoảng loạn rồi rút chạy.

Từ tháng 5/1970 đến Hiệp định Pari (tháng 01/1973), mặc dù địch tập trung đánh phá ác liệt nhưng phong trào cách mạng không vì thế mà suy yếu, ngược lại, đã từng bước được khôi phục và phát triển, Ban Chấp hành Đảng bộ Sa Đéc được củng cố với 10 đồng chí, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lấp Vò khoảng 20 đồng chí.

Ở phía bắc sông Tiền, đầu năm 1970, tỉnh Kiến Phong mở đợt tấn công phối hợp với toàn khu (cao điểm A.B.C). Quân khu điều 2 trung đoàn mở tuyến hành lang biên giới. Trong đợt tiến công, các lực lượng vũ trang ba thứ quân trong tỉnh đánh 295 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 2.249 tên địch (trong đó 1.131 tên chết, có 9 tên Mỹ); diệt 2 chi khu, đánh thiệt hại nặng cứ điểm biệt kích Mỹ ở Đốc Binh Kiều (Mỹ An), diệt liên

đội bảo an số 28, đánh thiệt hại nặng 5 đại đội địch, bắn rơi 11 máy bay, san bằng 15 đồn, phá hủy 6 pháo 105 ly và cối 106,7 ly. Điểm nổi bật trong đợt hoạt động này là ta giành quyền làm chủ thêm 50 ấp với thế giằng co và giữ thế làm chủ nhiều mức độ, kể cả 3 khu gom dân dọc kinh An Long. Ở huyện Mỹ An nổi lên cuộc đấu tranh ngày 11/3/1970 của đồng bào xã Đốc Binh Kiều chống chỉ dụ phát canh thu tô. Tiếp đó ta vận động được gần 100 gia đình vùng tôn giáo bị địch lừa mị vào vùng này khai hoang, dỡ trại rút về quê cũ làm ăn. Ta bẻ gãy âm mưu đóng đồn, đưa di dân về kinh Ba, kinh Bùi của địch.

Trong ba tháng đầu năm 1970, ta vận động được 62 tân binh bổ sung cho tỉnh, phát triển 150 du kích xã, 237 đảng viên mới, 171 đoàn viên, 237 hội viên nông dân giải phóng, 320 hội viên phụ nữ giải phóng, 98 nòng cốt, thu tài chính được 44 triệu đồng.

Ngoài ra, tỉnh được cấp trên chi viện 1 tiểu đoàn quân tăng cường từ miền Bắc vào. Lực lượng này phân nhỏ thành từng trung đội, tiểu đội xuống huyện, xã làm nòng cốt chiến đấu và xây dựng lực lượng cho địa phương.

Thắng lợi bước đầu trong đợt A.B.C tạo thế cho ta tiếp tục giữ vững địa bàn, giải quyết một phần khó khăn về nhân lực, tài chính.

Tháng 5/1970, Tỉnh ủy Kiến Phong tiến hành Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I. Hội nghị thông qua báo cáo đánh giá tình hình, đề ra nhiệm vụ và bầu Ban Chấp hành mới gồm 18 đồng chí. Đồng chí Trần Anh Điền (Tám Bé) được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ) làm Phó Bí thư.

Sau Hội nghị đại biểu, các ban, ngành cấp tỉnh đã củng cố thêm một bước, các huyện ủy, thị xã ủy được kiện toàn và tăng số lượng cấp ủy viên. Các huyện Hồng Ngự, Cao Lãnh, Mỹ An và trên 30 xã tổ chức bầu cấp ủy mới. Huyện nhiều nhất có 21 huyện ủy viên, huyện trung bình có 15 huyện ủy viên, huyện ít nhất có 7 huyện ủy viên.

Cùng với việc củng cố, kiện toàn các cấp ủy, ta khẩn trương thành lập chính quyền cách mạng từ tỉnh xuống huyện, xã. Việc này bắt đầu tiến hành từ tháng 6/1969, sau khi thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Năm 1970, ở các xã giải phóng và tranh chấp mạnh, ta tổ chức phổ thông đầu phiếu để bầu Hội đồng nhân dân cách mạng và Ủy ban cách mạng xã. Dù chiến tranh ác liệt nhưng số lượng cử tri đi bầu đạt từ 80% đến 100%. Quần chúng ở vùng địch kềm kẹp đã vượt qua đồn, bót ra vùng giải phóng tham gia bầu cử. Kết quả đó chứng tỏ uy tín của cách mạng và thể hiện lòng mong ước, nguyện vọng làm chủ của nhân dân. Ở những xã chưa có điều kiện phổ thông đầu phiếu, ta mở hội nghị quân dân bầu Ủy ban nhân dân cách mạng cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh được bầu sau đó.

Việc xây dựng chính quyền cách mạng các cấp đã tạo nên khả năng mới để tấn công địch về chính trị và ngoại giao, xây dựng chế độ mới trong vùng giải phóng, động viên sức người sức của cho kháng chiến...

Tháng 6/1970, để thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, thực hiện tốt hơn Chỉ thị số 130/CTNT và Nghị quyết số 09 ngày 12/4/1970 của Thường vụ Trung ương Cục, trên cơ sở phân tích kết quả công tác phát triển Đảng lớp

Hồ Chí Minh[1] và yêu cầu nhiệm vụ sắp tới, Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong ra Chỉ thị về "Đẩy mạnh tấn công địch, tăng cường công tác xây dựng Đảng".

Chỉ thị nêu rõ những mặt tiến bộ trong công tác phát triển Đảng hai năm qua: Chú ý phát triển Đảng cả ba vùng, nhất là vùng ven, vùng yếu tôn giáo, thị xã, thị trấn; đặc biệt, phát triển nhiều đảng viên mật nằm sát trong quần chúng; chú ý phát triển Đảng trong lực lượng vũ trang, trong quần chúng tôn giáo, nhất là Hòa Hảo, nhằm vào giới trẻ, nữ, thành phần cơ bản đã kinh qua phong trào đấu tranh cận địch, qua công tác và chiến đấu, chú ý giáo dục và quản lý chặt đảng viên, nâng trình độ nhận thức và trình độ công tác cho đảng viên.

Ngoài ra, trong Chỉ thị này, Thường vụ Tỉnh ủy còn nhấn mạnh công tác xây dựng chính quyền cách mạng và công tác kinh tế tài chính; đề ra phương châm thực hiện ba bám "Chi bộ bám dân, dân bám đất, du kích bám đánh địch"[2]. Đây là Chỉ thị quan trọng nhằm nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh tháng 5/1970 đạt kết quả.

Để chào mừng và thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh, ngày 04/5/1970, lực lượng biệt động mật trong học sinh thị xã Cao Lãnh gài mìn đánh vào quán Minh (số 526, đường Thiên Hộ Dương), cách trung tâm thị xã khoảng 300m về phía tây - nơi sĩ quan, binh sĩ Sư đoàn 9 và cố vấn

1. Sơ kết hai năm (từ tháng 01/1968 đến tháng 6/1970), tỉnh Kiến Phong phát triển được 1.119 đảng viên.

2. Xem Chỉ thị về "Đẩy mạnh tấn công địch, tăng cường công tác xây dựng Đảng" tháng 6/1670 của Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong.

quân sự Mỹ thường tới ăn sáng. Đúng 7 giờ 30 phút, mìn nổ làm chết và bị thương hơn 20 tên, phần lớn là sĩ quan, có 5 cố vấn Mỹ (trong đó 2 chết, 3 bị thương). Sau đó, lực lượng biệt động mật thị xã nhiều lần tấn công các cơ quan, căn cứ quân sự, diệt bọn chỉ huy ác ôn, công an, do thám. Điển hình là trận đánh bãi tập khóa sinh Trường huấn luyện Trần Quốc Toản ở xã Tân Thuận Tây (thị xã Cao Lãnh), làm chết và bị thương hơn 30 tên. Vào 0 giờ ngày 02/6/1970, tổ trinh sát an ninh mật thị xã đã đặt mìn hẹn giờ phá hủy toàn bộ trụ sở xã Hòa An, làm chết và bị thương 2 tên địch, toàn bộ kho súng trang bị cho phòng vệ dân sự của xã bị phá hủy. Cùng với tấn công quân sự, phong trào đấu tranh chính trị ở thị xã Cao Lãnh có bước phát triển. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của phụ nữ, tiểu thương, học sinh và nhiều gia đình binh sĩ chống thu thuế chợ cao, chống quân sự hóa học đường, chống bắt học sinh đi lính, đòi hủy bỏ chương trình dạy văn hóa phản động, trụy lạc, đòi chấm dứt hành động giáo dục bằng vũ lực...

Ở huyện Hồng Ngự và Thanh Bình, các cấp ủy đảng lãnh đạo nhiều đợt quần chúng đấu tranh vạch trần thủ đoạn lừa mị, phản động trong "Luật người cày có ruộng" của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, chống địch cướp đất của nông dân. Mặt khác, vận động nông dân lợi dụng chính sách "nông tín cuộc" để phát triển sản xuất. Về đấu tranh quân sự, thành tích nổi bật của bộ đội và du kích huyện Hồng Ngự và huyện Thanh Bình là dùng công sự nổi trên đồng nước đánh bại hàng chục cuộc càn quét của địch bằng thuyền bay và trực thăng. Sau mùa nước nổi năm 1970, thuyền bay địch không còn hoạt động ở hai huyện này.

Ở huyện Mỹ An, lực lượng đặc công tỉnh đột nhập chi khu Mỹ An trong ngày phát lương, diệt gần 50 tên, làm cháy hơn 1 triệu bạc. Du kích xã Thanh Mỹ dùng lựu đạn bao vây đồn Kinh Ba, đồn Ngã tư Thanh Mỹ và đồn Cống Đứt Đoạn, diệt và làm bị thương gần 100 tên địch. Bọn lính trong đồn không dám bung ra ruồng bố.

Năm 1970, các lực lượng vũ trang của tỉnh đánh 661 trận lớn nhỏ, diệt, làm bị thương và bắt sống 5.951 tên địch (trong đó có 14 tên Mỹ), bắn rơi và bị thương 35 máy bay, diệt gọn 2 ban tề xã, 2 chi khu, 10 đồn và 10 tháp canh, đánh sập 25 trại lính và 1 phòng quận trưởng, bắn chìm và bị thương 17 thuyền bay, 1 canô, 2 tắc ráng, phá hủy 77m lộ giao thông, 1 kho súng, 9 khẩu pháo 105 ly và cối 106,7 ly, 6 đại liên, 1 trọng liên và nhiều máy thông tin, bắn cháy 7 xe M113, 3 xe GMC, 1 xe Jép[1].

Phong trào quần chúng làm rào ngù, mô chiến đấu, đắp cản, gài chông, mìn, lựu đạn phát triển mạnh mẽ, nhất là ở các xã, ấp giải phóng và các lõm du kích. Phong trào thu lượm bom, đạn lép của địch để chế tạo mìn, đạp lôi phát triển mạnh ở nhiều xã.

Cuối năm 1970, ta vẫn giữ vững 3 xã giải phóng, 27 xã tranh chấp mạnh và 6 xã tranh chấp yếu (trong tổng số 63 xã toàn tỉnh Kiến Phong), ta giữ vững và mở rộng diện nắm ấp, nắm dân. Tỉnh Kiến Phong có 311 ấp, ta giữ vững 27 ấp giải phóng, giữ vững và nâng lên 154 ấp tranh chấp mạnh, 77 ấp

1. Số liệu theo Báo cáo chung niên 1970 của tỉnh Kiến Phong, ở các huyện Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò và thị xã Sa Đéc không nắm được số liệu cụ thể.

tranh chấp, nắm được 60.000 dân (trong tổng số 656.000 dân của tỉnh Kiến Phong). Ở các huyện phía nam sông Tiền, địch bình định rất ác liệt nhưng ta vẫn cố gắng giữ vững và mở được tuyến Tân Nhuận Đông để làm chỗ đứng chân cho Tỉnh ủy, Huyện ủy.

Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận phát triển rộng khắp. Năm 1970, qua học tập, phát động có 186.313 lượt người, trong đó có 8.959 lượt gia đình binh sĩ địch, mang theo 12.578 đơn đấu tranh trực diện địch với nội dung chống rải chất độc hóa học, chống thuế kiệm ước, chống bắt lính, lập phòng vệ dân sự, chống cướp giật tài sản, chống cướp đất, đòi bung về quê cũ sản xuất, đòi hòa bình, đòi Mỹ rút quân, đòi tự do đi lại làm ăn. Đáng chú ý là phong trào đấu tranh kết hợp chặt với phá kềm diệt ác, phát triển du kích chiến tranh (năm 1970 ở tỉnh Kiến Phong, quần chúng nổi dậy kết hợp lực lượng tại chỗ diệt 147 tên công an do thám, trấn áp 803 tên, cảnh cáo giáo dục 433 tên, huy động 254.551 lượt người tham gia phong trào nhân dân du kích chiến tranh). Vận động làm rã ngũ trên 4.000 binh sĩ. Địch hoang mang, sa sút, bọn ác ôn bị cô lập, nhiều tên không dám hung hăng, hống hách như trước.

Trong xây dựng lực lượng, cuối năm 1970, ta phát triển được 308 đảng viên, đưa tổng số đảng viên của tỉnh Kiến Phong lên 3.117 người[1], xóa 90 ấp "trắng đảng", phát triển 337 đoàn viên, 1.283 hội viên nông hội, 260 hội viên phụ nữ, đào tạo bồi dưỡng hàng trăm cán bộ đoàn thể. Vận động được 87 thanh niên tòng quân bổ sung cho bộ đội tỉnh, huyện;

1. Trong đó có 435 đảng viên không lộ.

phát triển 1.574 du kích xã, ấp và dân quân tự vệ, nâng tổng số dân quân du kích trong tỉnh Kiến Phong lên 2.941 người[1], nhiều hơn hai lần so với năm 1969. Các ban an ninh tỉnh, huyện được củng cố và tăng cường, nhiều cán bộ được đưa đi đào tạo ở Khu và Miền.

Sau Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh tháng 5/1970, việc vận chuyển vũ khí được giao cho lực lượng vũ trang (hậu cần Tỉnh đội). Chấn chỉnh, củng cố ban giao bưu tỉnh, huyện; toàn bộ giao bưu tỉnh được huy động lên tuyến đường huyết mạch, các cơ sở giao liên công khai chuyển ra cơ sở ngoài dân, đường giao liên bán công khai đã coi trọng. Nhờ thực hiện các biện pháp trên, ta kịp thời giữ vững giao thông liên lạc, phục vụ công tác chỉ đạo của Đảng, vận chuyển hàng trăm tấn đạn bằng ghe hai đáy từ biên giới Việt Nam - Campuchia về chiến trường Trung và Tây Nam Bộ.

Những thắng lợi trên chứng tỏ tư tưởng chỉ đạo và quyết tâm của Tỉnh ủy thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh tháng 5/1970 và Chỉ thị về "Đẩy mạnh tấn công địch, tăng cường công tác xây dựng Đảng" tháng 6/1970 là đúng đắn. Ta đã luôn trụ vững, khôi phục phong trào, vượt qua nhiều khó khăn thử thách, rút ra được những bài học quý để bước vào năm 1971 và đồng khởi năm 1972.

Sau hai năm thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", đầu năm 1971, thế chiến trường chung vẫn giằng co ác liệt giữa ta và địch. Địch đóng đồn lấn chiếm sâu vào vùng

1. Trong đó có 345 du kích xã, 321 du kích ấp, 571 du kích mật, 195 tự vệ mật, 1.509 dân quân tự vệ (năm 1969 tỉnh Kiến Phong có 1.367 du kích các loại - Báo cáo số liệu Khu 8, tháng 8/1970).

giải phóng, gom tát hết dân vào vùng chúng kiểm soát, bóp hẹp địa bàn căn cứ của ta, lập được tuyến ngăn chặn hành lang biên giới, giành được thế đứng ở nông thôn với bộ máy kềm kẹp đã xây dựng trên diện rộng, phát triển lực lượng đông[1], thành lập thêm một số đơn vị mới.

Năm 1971, ở khắp ba vùng, địch mở 786 cuộc hành quân càn quét lớn, nhỏ, có 57 cuộc càn lớn đánh phá căn cứ và hành lang biên giới. Đặc biệt trong mùa nước, địch tập trung đánh phá huyện Cao Lãnh và huyện Mỹ An bằng biệt động quân và địa phương quân. Các huyện phía nam sông Tiền, có nhiều ấp bị địch phá trụi, ta không còn bám được, như rạch Trà Bông (xã Long Hưng), Vùng Chữ V (huyện Châu Thành). Tỉnh ủy và Tỉnh đội Vĩnh Long phải chuyển từ Vùng Chữ V về đóng ở vùng Mỹ Thuận, Đông Thành (Bình Minh), Song Phú, Ngãi Tứ (Tam Bình)...

Ngoài các hoạt động hành quân càn quét, đóng đồn lấn chiếm, gom tát dân, tác động chiêu hồi, phong tỏa hành lang, khống chế kềm kẹp quần chúng, vơ vét, bắt lính, địch còn thành lập "cộng đồng tự vệ", thực hiện tam tự (tự quản, tự phòng và tự túc) nhằm thực hiện kế hoạch "bình định phát triển địa phương". Đặc biệt ưu tiên yểm trợ các chương trình Phượng hoàng, nhân dân tự vệ, thực thi "Luật người cày có ruộng". Chúng úp bộ thanh niên, kể cả phụ nữ từ 18 đến 35 tuổi vào phòng vệ dân sự, tăng cường đôn quân bắt lính.

1. Theo Báo cáo số liệu Khu 8: Số lượng quân địch ở Kiến Phong tháng 12/1970 gồm 190 tên Mỹ, 800 chủ lực ngụy, 5.390 bảo an, 3.670 dân vệ, 440 cảnh sát, 4.760 phòng vệ dân sự, 860 bình định (27 đoàn). Ngoài ra, còn có các đơn vị pháo, thiết giáp và giang thuyền.

Năm 1971, địch bắt trên 1.500 thanh niên đi lính và đưa đi huấn luyện 1.698 phòng vệ dân sự.

Tuy các hoạt động bình định của địch đạt được một số kết quả nhưng về cơ bản vẫn không thu phục được dân chúng, ngược lại càng bị cô lập cao độ về chính trị. Các chính sách phản động, vơ vét, bắt lính, gom dân... của địch làm cho đời sống người dân thường xuyên mất ổn định, gây phẫn uất chồng chất trong các tầng lớp nhân dân, làm cho mâu thuẫn giữa quần chúng với địch ngày càng sâu sắc, sự chống đối càng mạnh và không thể giải quyết được. Địch đôn quân bắt lính, thành phần hết sức hỗn tạp, tư tưởng càng suy yếu, chán ngán chiến tranh, mong muốn có hòa bình. Nội bộ địch mâu thuẫn gay gắt, nhiều sĩ quan, binh lính ngả theo cách mạng.

Trước âm mưu và các hoạt động của địch, tình hình trong tỉnh có nhiều khó khăn, để tháo gỡ, Tỉnh ủy Kiến Phong mở hội nghị học tập và triển khai Chỉ thị số 01/CT-71, ngày 05/01/1971 về "Nắm vững nhiệm vụ và phương hướng công tác trước mắt, ra sức xây dựng thế tấn công chiến lược mới" của Trung ương Cục, các chỉ thị và kế hoạch hướng dẫn của Khu ủy. Qua học tập, các cấp ủy đảng trong tỉnh có chuyển biến mới về nhận thức cũng như công tác chỉ đạo, lãnh đạo, có quyết tâm khôi phục và phát triển lực lượng ở cơ sở mà khâu then chốt là giải quyết tư tưởng chi bộ, đảng viên bám dân, dân bám đất, du kích bám đánh địch, trên cơ sở đó phát động quần chúng và đẩy mạnh ba mũi tấn công.

Mùa khô năm 1971, tỉnh được Quân khu tăng cường Tiểu đoàn 718 cùng với trang bị nhằm giữ vững và đẩy mạnh hoạt động vũ trang. Theo chỉ đạo của Khu, tỉnh mở hai cao điểm hoạt động trong dịp Tết Nguyên đán.

Tháng 01/1971, du kích và nhân dân xã Bình Thạnh (huyện Cao Lãnh) liên tục chiến đấu chống địch càn quét, dùng hầm chông, bãi mìn, cạm bẫy kết hợp phục kích, bắn tỉa chặn đứng các mũi tấn công của địch. Trong 7 ngày cuối tháng 01/1971, quân và dân xã Bình Thạnh đã tiêu diệt 78 tên địch (trong đó có 13 tên Mỹ), bẻ gãy cuộc càn nhiều ngày của địch vào xã. Xã Bình Thạnh được Tỉnh ủy biểu dương và phổ biến kinh nghiệm ra nhiều xã. Từ đó, phong trào du kích bao vây đồn, bót địch được phát động trên diện rộng.

Tháng 02/1971, du kích xã Thanh Mỹ (Mỹ An) bằng nhiều cách đánh linh hoạt như phục kích, tập kích, bắn tỉa, gài mìn... đã tiêu diệt gần 100 tên địch. Biệt động thị xã Cao Lãnh và du kích xã Mỹ Thọ, Nhị Mỹ gài mìn diệt và làm bị thương 40 tên địch, trong đó diệt gọn 1 trung đội bình định ở Doi Me. Địa phương quân huyện Hồng Ngự chặn đánh các liên đội bảo an yểm trợ đóng đồn trên tuyến sông Sở Thượng, Sở Hạ, tiêu diệt 3 tàu địch và một số binh lính; phối hợp du kích chống càn tại xã Bình Thạnh (Hồng Ngự), diệt và làm tiêu hao 2 trung đội của Liên đội 28 bảo an. Tháng 4/1971, bộ đội địa phương cùng du kích xã Tân Hộ Cơ bao vây tấn công đồn Vàm Xép, làm tan rã 1 đại đội bảo an, diệt 1 phó đồn và 17 tên lính, san bằng đồn; du kích xã Bình Thạnh bao vây và tiêu diệt đồn Bình Hưng. Ngày 01/5/1971, địch mở cuộc càn quét tuyến sông Sở Thượng, bị bộ đội huyện Hồng Ngự và du kích tiêu diệt 50 tên, thu 8 khẩu súng.

Thời gian này, bộ đội tỉnh và bộ đội các huyện Cao Lãnh, Thanh Bình làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền bám địa bàn, hỗ trợ phong trào quần chúng tấn công chính trị, binh vận.

Ta tập trung diệt bọn bình định, làm chúng hoảng sợ, nhiều tên không dám hoạt động phải rút về thị xã.

Mùa khô năm 1971, ở các huyện phía nam sông Tiền, phong trào du kích chiến tranh nổi lên tại một số xã. Du kích và nhân dân xã Long Hưng, Mỹ An Hưng (Lấp Vò) trong tháng 02/1971 bao vây và diệt đồn Ông Thắng, dùng thế ba mặt của quần chúng bao vây đồn Mương Trâu, Cả Gáo, Bờ Rào; quân địch phải rút chạy. Du kích xã An Khánh (huyện Châu Thành) gài 1 quả pháo 105 ly tại ngã Nhỏ đường Chùa, diệt và làm bị thương 36 tên địch, bẻ gãy trận càn của địch vào xã. Tổ đặc công thị xã Sa Đéc đánh mìn ở quán Thanh Bình làm chết và bị thương 42 tên sĩ quan.

Tháng 5/1971, lực lượng cơ động tỉnh Vĩnh Long và bộ đội huyện Lấp Vò tập kích Tiểu đoàn 441 bảo an tại kinh Tư, diệt 80 tên lính, thu nhiều súng đạn, bẻ gãy cuộc hành quân càn quét của địch vào xã Long Hưng (căn cứ của Huyện ủy Lấp Vò).

Tháng 6/1971, tỉnh Kiến Phong vẫn giữ được 3 xã giải phóng nhưng số ấp giải phóng chỉ còn 19 ấp (giảm 8 ấp so với tháng 01/1971); chuyển được 49 ấp, trong đó, chuyển từ tranh chấp lên tranh chấp mạnh 4 ấp, chuyển từ tranh chấp yếu lên tranh chấp 10 ấp, từ ấp trắng lên có cơ sở 8 ấp[1], với 100.000 người dân. Vùng giải phóng bị địch đánh phá tát hết dân, ta vận động những gia đình chính sách không đất hoặc thiếu đất vào sản xuất, có trên 500 hộ vùng yếu vào nhận đất bám trụ trong vùng giải phóng. Tỉnh xuất 1.500.000 đồng giúp đỡ

1. Theo Báo cáo số liệu Khu 8 và Báo cáo thống kê số liệu sáu tháng đầu năm 1971.

những gia đình khó khăn, vận động hàng trăm máy cày vào cày đất ban đêm. Chủ trương này đã tạo điều kiện đưa lương thực và các vật dụng cần thiết phục vụ bộ đội.

"Nói chung, trong tình hình khó khăn, phong trào bị núng thế, ta luôn luôn động viên xốc tới tấn công địch, tự lực tự cường phát triển lực lượng, động viên cơ sở từng bước bám dân, duy trì và phát triển thực lực chuyển phong trào lên... Ta phát động trên nửa triệu lượt quần chúng nổi dậy hành động cách mạng, nhất là phong trào đấu tranh nhân 2 cuộc bầu cử của địch. Phong trào du kích chiến tranh được củng cố một bước, lực lượng vũ trang chuyển cách đánh tốt, đánh trúng đối tượng, diệt được một số sinh lực địch (trên 5.000 tên, có 8 đại đội, gần 20 trung đội, 3 đoàn và 3 toán bình định), làm lỏng thế kềm kẹp. Tốc độ phát triển lực lượng địch chậm dần, khó khăn bổ sung. Tình hình chung (thắng lợi của ta ở Đường 9 - Nam Lào và Đông Bắc Campuchia) đang tác động mạnh tư tưởng địch làm cho chúng hoang mang. Nói chung ta đã khôi phục lại thế và tạo được thế mới, địch đã khựng lại và có chiều hướng đi xuống"[1].

Tuy nhiên, phong trào còn bộc lộ những nhược điểm và những mặt yếu chưa khắc phục được:

- Quần chúng đang sục sôi căm thù, sẵn sàng cách mạng nhưng việc tập hợp đội ngũ của ta chưa kịp thời, công tác binh vận còn nhiều mặt yếu.

- Ta đã phát triển và lập chi bộ không lộ ở một số vùng yếu, ấp trắng, nhưng so với yêu cầu còn quá chậm, công tác chi bộ còn yếu, nhất là chi bộ mật (tại chỗ).

---

1. Trích Đề án công tác binh vận sáu tháng cuối năm 1971 của Tỉnh ủy Kiến Phong, số 2/NQDK.

Để khắc phục những mặt yếu của phong trào và để thực hiện ý định và quyết tâm mới, tháng 6/1971, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiến Phong nhất trí thông qua một số đề án công tác sáu tháng cuối năm 1971. Tỉnh ủy chủ trương phát động một cuộc đồng khởi tấn công địch liên tục trong nhiều tháng, trên các mặt tấn công chính trị, tấn công binh vận, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, phát động quần chúng diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ, ra sức xây dựng và phát triển các tổ chức quần chúng, tích cực phát triển Đảng theo yêu cầu, nhất là những xã, ấp trắng, thị xã, thị trấn, vùng tôn giáo, dinh điền.

Căn cứ vào tình hình, đặc điểm chiến trường, Tỉnh ủy chia làm bốn vùng:

- *Vùng tranh chấp*, bao gồm huyện Mỹ An, Kiến Văn, Cao Lãnh (trừ tổng An Tịnh), Hồng Ngự (trừ vùng cù lao).

- *Vùng thị xã, thị trấn và vùng còn thế yếu*, gồm thị xã, các thị trấn, các cù lao An Tịnh, cù lao Tây, cù lao Long Phú Thuận và một số xã thuộc tả ngạn sông Cửu Long của huyện Thanh Bình.

- *Vùng tôn giáo*: huyện Chợ Mới.

- *Vùng biên giới hành lang*, gồm các xã nằm tả ngạn sông Cửu Long của huyện Hồng Ngự và huyện Tam Nông.

Mỗi vùng có yêu cầu, mức độ phù hợp với tình hình, đặc điểm riêng.

Ngoài việc chỉ đạo theo từng vùng, trong Đề án công tác sáu tháng cuối năm 1971, Tỉnh ủy chọn huyện Cao Lãnh (trừ xã Tân An và tổng An Tịnh) làm trọng điểm I, huyện Kiến Văn (trừ Bình Thạnh và Tịnh Thới) làm trọng điểm II và điểm chỉ đạo vùng tôn giáo là huyện Chợ Mới, mảng điểm

của tỉnh là các xã Mỹ Thọ, Nhị Mỹ, An Bình và Thiện Mỹ, hướng phát triển là vùng tả ngạn sông Cửu Long thuộc huyện Thanh Bình và cù lao An Tịnh. Mỗi trọng điểm chỉ đạo có đặt ra ý định bước 1, bước 2. Ở các huyện chọn mảng điểm chỉ đạo cho mỗi huyện.

Nhằm tăng cường chỉ đạo, chỉ huy, ở cấp xã thành lập ban đồng khởi gồm các đồng chí xã ủy hay chi ủy viên phụ trách dân vận, binh vận, xã đội, an ninh... do Bí thư xã hay Chi ủy viên làm Trưởng ban. Mỗi đồng chí trong ban nắm và điều khiển các lực lượng tấn công (những ấp không có chi ủy viên thì đảng viên, đoàn viên, nòng cốt tích cực nắm được lực lượng để hình thành ban). Ở tỉnh và huyện lập ban chỉ đạo trọng điểm có từ 1 đến 4 cấp ủy viên (có 1 hoặc 2 ủy viên ban thường vụ).

Đề án công tác trên thể hiện sự nhất trí cao của Tỉnh ủy đối với đường lối, chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương Đảng[1], của Trung ương Cục và Khu ủy. Nó quán triệt sâu sắc phương châm chỉ đạo chiến lược theo đặc điểm từng vùng, quan điểm đánh giá tình hình địch - ta và nhiệm vụ trung tâm đánh phá bình định.

Thực hiện đề án trên, tỉnh đã đẩy mạnh được phong trào du kích chiến tranh khắp các vùng. Tháng 7 và tháng 8/1971, trong đợt hoạt động đệm, đặc công tỉnh kỳ tập đồn

1. Tháng 5/1971, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đề ra nhiệm vụ quan trọng của chiến trường miền Nam trong thời gian tới là: Kịp thời nắm lấy thời cơ lớn. Trên cơ sở phương châm chiến lược đánh lâu dài, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, phát triển thế tấn công chiến lược mới trên toàn chiến trường miền Nam, đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ.

Cả Môn (xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh) vào ngày 25/7, trinh sát vũ trang đánh chiếm tàu quan thuế địch tại vàm Tân Hưng, Tiểu đoàn 718 tập kích đồn Thống Linh, kỳ tập đồn Cái Sậy (ngày 04/8), bộ đội huyện Mỹ An chống càn ở kinh Ba Mỹ Hòa (ngày 07/8), bộ đội huyện Cao Lãnh phục kích tại rạch Cầu, xã Long Hiệp (ngày 09/8), Tiểu đoàn 502 đánh bại cuộc càn của 3 đại đội bảo an vào phá địa hình căn cứ của ta (ngày 11/8), du kích hoạt động mạnh ở các xã Bình Thạnh, Bình Hàng Tây (Kiến Văn), Mỹ An, Đốc Binh Kiều (Mỹ An). Các trận này ta đã tiêu diệt hàng trăm tên địch, thu nhiều vũ khí.

Đợt cao điểm 20 giờ ngày 21/9, đặc công Khu kỳ tập đồn Cầu Muống (Hồng Ngự), diệt gọn đồn và 2 cụm dã ngoại. Cùng ngày, quân và dân huyện Hồng Ngự phối hợp với bộ đội Khu bao vây các đồn trên tuyến sông Sở Thượng, diệt 1 đồn cấp đại đội. Một đại đội của Tiểu đoàn 502 tập kích diệt ban chỉ huy Tiểu đoàn biệt động 41 tại kinh Số Một, hậu các xã Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây (Kiến Văn).

Tháng 10/1971, tỉnh mở cao điểm hoạt động mới, hướng chỉ đạo tập trung cho 2 huyện điểm Cao Lãnh và Kiến Văn. Tại huyện Cao Lãnh ngày 05/10, một đại đội của Tiểu đoàn 502 kết hợp với bộ đội huyện Thanh Bình và du kích xã đánh một cánh quân địch gần 50 xuồng ở kinh Kỳ Son, phía bắc kinh Nguyễn Văn Tiếp A thuộc xã Thiện Mỹ. Ngày 07/10, 1 đại đội của Tiểu đoàn 502 cùng bộ đội huyện Cao Lãnh và du kích đánh một cánh quân địch ở kinh Tây Xếp, diệt 1 tiểu đội, bắn chìm 4 xuồng; Đại đội 5 của tỉnh chống càn tại Đập Đá (Cao Lãnh). Ba trận này ta tiêu diệt 68 tên địch (trong đó có 1 trung úy), thu 11 súng, 40 xuồng. Tiếp sau, 30 gia đình binh sĩ

đấu tranh với bọn ác ôn chỉ huy đòi bồi thường chôn cất cho chồng, con, em tử trận.

Ngày 22/10, một bộ phận đặc công của huyện Cao Lãnh kỳ tập đồn Tân Trường (xã Mỹ Hội), san bằng 7 lô cốt, nhà chỉ huy khu trung tâm thông tin chiêu hồi và phân chi cảnh sát. Cùng lúc bộ đội tỉnh pháo kích chi khu Kiến Văn.

Ngày 24/10, 1 đại đội của Tiểu đoàn 502 cùng bộ đội huyện Thanh Bình kỳ tập diệt đồn Thầy Cai (xã Tân Phú, huyện Thanh Bình), san bằng 2 lô cốt, 3 nhà lính, diệt và làm bị thương 50 tên địch, làm chủ trận địa, thu 26 súng, nhiều đạn và máy thông tin. Phía ta 4 đồng chí hy sinh và 19 đồng chí bị thương.

Phối hợp trong cao điểm, du kích và bộ đội huyện Hồng Ngự đánh địch ở Cả Sách, Cầu Ván; đặc công huyện Mỹ An đánh mìn định hướng vào chỉ huy sở Tiểu đoàn 417 bảo an ở Mỹ Hòa (ngày 16/10); du kích xã Mỹ Hòa bám đánh Tiểu đoàn 417 bảo an bằng lựu đạn, bắn tỉa, diệt và làm bị thương nhiều tên địch.

Địch dùng lực lượng biệt động quân 41, Tiểu đoàn 85 biệt động quân biên phòng, Trung đoàn 11/f7 và Trung đoàn 15/f9, Tiểu đoàn 423 bảo an đánh dọc theo biên giới sông Sở Hạ và càn sâu vào đất Campuchia; chúng dùng lực lượng bảo an càn dọc theo tuyến lộ 30; cho lực lượng cảnh sát lục xét ở thị xã, thị trấn. Trong các tháng cuối năm 1971, địch tập trung đánh phá vùng nam hai huyện Cao Lãnh và Mỹ An. Sử dụng Tiểu đoàn 75 và Tiểu đoàn 67 biệt động quân, dùng trực thăng đổ nhiều điểm vào các xã Mỹ Hòa, Đốc Binh Kiều, Thanh Mỹ (Mỹ An), Long Hiệp, Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây (Kiến Văn), ban đêm chúng rút về điểm tập trung. Ngoài ra các liên đội bảo an,

cảnh sát và lực lượng đồn, bót, liên tục bung ra càn ven nhằm bảo vệ cuộc bầu cử tổng thống ngụy (ngày 23/10).

Mặc dù địch tăng cường càn quét, ta vẫn tiến công địch trên nhiều hướng: Tháng 11/1971, bộ đội tỉnh đánh đồn Ngã Tư Kinh Một (xã Mỹ Hội) vào ngày 05/11, đánh Tiểu đoàn 15/ Liên đội 41 bảo an ở kinh Nhứt (Mỹ An), pháo kích chi khu Kiến Văn (ngày 10/11), bộ đội huyện Mỹ An và du kích xã Đốc Binh Kiều diệt gọn đồn Kinh Bùi (ngày 23/11), du kích hoạt động mạnh ở các xã Thanh Mỹ, Mỹ An, Đốc Binh Kiều (Mỹ An), Long Hiệp (Kiến Văn), Bình Thạnh, Phương Thịnh, Phong Mỹ (Cao Lãnh), Tân Công Sính, Tân Hộ Cơ (Hồng Ngự).

Tháng 12/1971, 4 đồng chí biệt động thị xã Cao Lãnh đánh mìn ở quán ăn Biên Thùy, làm địch chết và bị thương 40 tên, có 2 sĩ quan lái máy bay L-19, 2 an ninh quân đội, còn lại là phi công, nhân viên, giang thuyền, giang cảnh. Phía ta hy sinh 2 đồng chí, 1 đồng chí (vì mìn nổ sớm 40 phút) bị thương nặng. Trận đánh này gây tiếng vang lớn, làm rối loạn trung tâm đầu não của địch ở thị xã Cao Lãnh.

Ngày 15/01/1972, Tiểu đoàn 718 kỳ tập đồn dân vệ ở Doi Me (xã Mỹ Thọ) và trụ sở tề Mỹ Thọ, địch đề kháng mạnh, ta diệt 1 ban tề xã, đánh thiệt hại 1 trung đội dân vệ (diệt 7 tên, làm bị thương 23 tên, có 3 tề ác ôn, 1 đồn phó, 1 đồn trưởng). Sau trận này, địch rút bỏ tua Ngã Ba Mười Đổng (Mỹ Thọ) về giữ đồn Doi Me, có hai phòng vệ dân sự trả súng không gác, 50 quần chúng và gia đình binh sĩ xung quanh đấu tranh đòi chồng, con, em họ.

Từ ngày 15 đến ngày 22/01, Đại đội 5 của tỉnh và du kích xã Nhị Mỹ, An Bình tiếp tục bao vây đồn Trà Bông, Cái Vừng trên tuyến sông Cần Lố; du kích xã Mỹ Thọ bao vây đồn Thầy

Cắt và luồn vào vùng yếu phát động quần chúng, vận động thanh niên tòng quân; Đại đội 5 của Tiểu đoàn 718 của Khu đánh bọn dân vệ ở đồn Cái Vừng, xã Nhị Mỹ, Cao Lãnh, diệt gọn 1 trung đội.

Tháng 9/1971, các huyện phía nam, trong cuộc chống càn ở ngã tư Nhỏ, rạch Bằng Lăng (nơi trú đóng của Huyện ủy Châu Thành, kinh tài huyện, công trường huyện và hai trung đội vũ trang của Tiểu đoàn 857), ta bắn rơi tại chỗ 1 trực thăng tại Ấp 4, xã Hòa Tân. Du kích xã Hòa Tân bắn rơi 1 máy bay trực thăng ở ngọn Bà Tơ. Địch đưa Đại đội 834 thuộc tiểu khu Sa Đéc, dùng trực thăng đổ quân xuống cánh đồng Bằng Lăng, tổ chức nhiều cuộc tấn công đánh vào khu vực ta đóng quân. Pháo địch bắn phá dữ dội (300 quả) yểm trợ bộ binh nhưng bị thất bại, chúng buộc phải rút quân, mang theo nhiều xác đồng bọn. Cũng thời gian này, du kích xã Tân Hiệp tập kích diệt gọn đồn Xẻo Mây trên cù lao xã Tân Hiệp (Châu Thành).

Tháng 10/1971, bộ đội huyện Lấp Vò liên tục bám đánh một liên đội bảo an và đại đội dân vệ. Qua 15 ngày vây ép, ta diệt và làm bị thương 170 tên, giữ vững địa bàn. Nổi bật là trận quân y huyện chống địch càn phá căn cứ của ta ở khu vực rạch Bà Năm, rạch Chùa (xã Long Hưng) từ ngày 8 đến ngày 21/10/1971. Lúc đầu, địch điều 1 đại đội thám báo 834 của tiểu khu Sa Đéc và 1 tiểu đoàn bảo an đánh vào căn cứ của quân y và công trường huyện. Ta đánh trả quyết liệt nhiều đợt tấn công của địch, sau đó, địch tăng cường thêm 1 tiểu đoàn bảo an từ Tân Dương (huyện Sa Đéc). Quân y huyện dùng nạng giàn thun bắn lựu đạn vào nơi địch co cụm, gây cho địch nhiều thương vong và buộc chúng phải rút quân.

Phong trào đấu tranh chính trị cũng nổi lên ở nhiều nơi trong tỉnh:

Hơn 4.000 lượt học sinh các trường trung học công lập thị xã Cao Lãnh được cơ sở ta vận động và tổ chức đã đấu tranh với chính quyền địch đòi bãi bỏ chế độ "địa phương hóa trường công", lập ban cứu trợ nạn lụt miền Trung bất chấp sự cấm đoán của địch, nêu biểu ngữ "môi hở răng lạnh", "một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ", phong trào đấu tranh được sự hưởng ứng của đồng bào thị xã và ủng hộ của học sinh Vĩnh Long, Sa Đéc, Long Xuyên.

Tại các xã cù lao và thị trấn Hồng Ngự, cơ sở ta vận động 1.000 quần chúng và 200 gia đình binh sĩ đấu tranh suốt 1 ngày đòi thăm chồng, con, em, đòi bồi thường nhân mạng, tố cáo tội ác Mỹ - Thiệu. Quần chúng kéo từ chợ Hồng Ngự đến đồn Cầu Muống. 100 quần chúng thị trấn tố cáo tội ác địch, buộc địch phải thả 10 thanh niên bị bắt lính. Cũng ở thị trấn Hồng Ngự có trên 1.000 học sinh biểu tình giương cao khẩu hiệu "đả đảo chế độ bất công", "đả đảo tên Rô dựa thân thế đánh giáo sư". Học sinh tranh thủ được phòng vệ dân sự và tề ấp đồng tình, không bị đàn áp; Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn phải cử người đến can thiệp. Đây là cuộc biểu dương thị uy lực lượng lớn nhất ở Hồng Ngự kể từ sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Ở huyện Thanh Bình, hơn 300 quần chúng có cả ban trị sự Hòa Hảo và một số nhân viên chính quyền các xã cù lao Tây biểu tình chống bầu cử gian lận và bắt Xã trưởng Tân Huề. Nhân biểu tình, cơ sở ta hướng dẫn quần chúng làm lễ kỷ niệm ngày mất của Bác, có đông tín đồ Hòa Hảo tham dự. Ở xã An Phong

(Thanh Bình) địch bắt 45 thanh niên đi lính, trên 100 gia đình đấu tranh với địch giành giật từng thanh niên.

Tại Khu 4 (huyện Tam Nông), được cơ sở đảng vận động chỉ dẫn, 560 quần chúng đấu tranh bằng nhiều lý lẽ, buộc địch phải để cho bà con trở về chỗ cũ làm ăn.

Huyện Mỹ An, nổi lên ba cuộc đấu tranh của 388 lượt người với 66 lá đơn, có 7 đơn của gia đình binh sĩ. Quần chúng kéo tới tề xã rồi sau đó kéo lên thị trấn Mỹ An, đấu tranh đòi địch phải cho dân trở về chỗ cũ sản xuất, đòi tự do đi lại làm mùa. Chính quyền huyện Mỹ An buộc phải nhượng bộ. Liên tiếp mấy ngày sau, có 96 đại diện của quần chúng tiếp tục đưa đơn đòi giải quyết yêu cầu trở về chỗ cũ, địch phải nhận đơn và giải quyết tại chỗ.

Ở xã Bình Hàng Tây (huyện Kiến Văn), cơ sở đảng lãnh đạo một cuộc đấu tranh tố cáo tên Thọ lấy tiền hồi cư của quần chúng và làm tiền. Trước áp lực đấu tranh của quần chúng, Quận trưởng Kiến Văn ra lệnh tước súng và bắt tên Thọ.

Song song với mũi tấn công chính trị và quân sự, mũi tấn công binh vận được triển khai trên quy mô chiến lược. Năm 1971, ta tích cực tuyên truyền, vận động quần chúng và gia đình binh sĩ học tập thông hiểu chính sách 10 điểm của Mặt trận đối với binh lính, 5 điều kiện trung lập đơn vị, đồn, bót và qua con đường gia đình, quần chúng mà tấn công vào hàng ngũ địch, tập trung làm tan rã, xộc xệch tổ chức, tư tưởng địch, trước hết là bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự xung kích, làm cho lực lượng này mất khả năng bình định lấn chiếm, phá rã chân rết của địch, song song với chống bắt lính, không để địch bổ sung lại. Ta chủ trương hình thành mặt trận bao vây đồn, bót với thế ba mặt giáp công nhằm trung lập hóa,

làm tê liệt, án binh bất động trên diện rộng, tiến tới gỡ đồn, bót, giải phóng xã, ấp. Trong năm 1971, ta mở nhiều đợt học tập phát động trong quần chúng và gia đình binh sĩ, phát tán được 177.900 truyền đơn, khẩu hiệu, tuyên truyền được 9.568 lượt lính bảo an và phòng vệ dân sự. Riêng sáu tháng cuối năm đã tổ chức học cho 42.209 lượt người, trong số này có 17.674 lượt gia đình có chồng, con, em bị cưỡng ép đi lính, phát tán 47.690 truyền đơn, khẩu hiệu, thư tay; tuyên truyền được 6.950 phòng vệ dân sự và bảo an, dân vệ. Kết quả, phong trào đào rã ngũ, binh biến, chống lệnh chỉ huy, tìm cách hòa hoãn với ta lan rộng khắp các vùng. Chỉ tính riêng Trường huấn luyện Trần Quốc Toản có 3.000 binh sĩ đào rã ngũ trong năm 1971. Nhiều binh sĩ, đồn, bót tìm cách hòa hoãn với ta, làm binh biến, bỏ ngũ hoặc tự gây thương tích, như ở các xã Bình Hàng Trung, Long Hiệp, Mỹ Hội (Kiến Văn), Tân Huề (Thanh Bình), Thường Lạc, Thường Thới Hậu (Hồng Ngự)... Qua phong trào binh vận, ta xây dựng được nhiều cơ sở trong quần chúng và gia đình sĩ quan, binh sĩ.

Đấu tranh chính trị, tấn công binh vận đi đôi với diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ của quần chúng. Năm 1971, có 45.362 lượt quần chúng tại chỗ và lực lượng bên ngoài trực tiếp hoặc hỗ trợ diệt tề, công an, do thám, cảnh sát, diệt 206 tên, giáo dục 1.391 tên, trấn áp cảnh cáo 71 tên. Quần chúng xé trên 6.693 bảng liên gia, tố cộng, hơn 20.000 hình Nguyễn Văn Thiệu; phá 7.300m rào ấp chiến lược, 1.273 gia đình với 1.846 người đấu tranh và được trở về chỗ cũ làm ăn.

Công tác xây dựng phát triển lực lượng, xây dựng phát triển vùng ta được tiến hành từng bước vững chắc. Năm 1971, ta vận động 84.392 lượt người tham gia phong trào nhân dân

du kích chiến tranh, làm được 5.668 rào chiến đấu, cắm 58.470 ngù nghi trang, 5.516 bảng tử địa, 17.859 chông tre, chông sắt, làm 217 cản ngang sông, trồng trên 200.000 công tràm xây dựng địa bàn căn cứ, vận động 57 thanh niên tòng quân.

Xây dựng và tổ chức quần chúng theo phương châm công khai hợp pháp là chính kết hợp tổ chức bí mật làm cơ bản; nắm chặt hội viên bí mật công, nông, thanh, phụ giải phóng và tổ chức trung kiên, đồng thời, tổ chức hội công khai, bán công khai. Thực hiện phương châm này, trong năm 1971, ta phát triển mới được 578 hội viên nông hội, 265 hội viên phụ nữ, 157 đoàn viên, đào tạo 128 cán bộ, phát triển 223 cơ sở an ninh các loại.

Các cấp ủy đảng đã giải quyết căn bản vấn đề chi bộ nắm dân. Cán bộ đảng bám về xã phát động quần chúng tấn công, qua đó, đã phát triển được nhiều cơ sở quần chúng, du kích mật và phát triển đảng viên mới, thành lập chi bộ bí mật hoạt động sát với quần chúng, lãnh đạo phong trào. Ở vùng yếu xã Long Điền (Chợ Mới), năm 1971, cán bộ đảng đã bám về xã phát động quần chúng phát triển nhiều cơ sở, du kích mật và đảng viên mới. Có nơi mạnh dạn phát triển nhiều đảng viên mới như xã Mỹ Quý (Mỹ An), trong vòng một tháng đầu năm 1970 đã phát triển được 29 đảng viên. Năm 1971, tỉnh Kiến Phong có 3.750 đảng viên, trong đó có 140 đảng viên mới phát triển, 67 đảng viên không lộ; củng cố và bầu lại 18 xã ủy.

Từ tháng 7/1971, ta triển khai thực hiện Chỉ thị số 07/CT-71, ngày 01/6/1971 của Thường vụ Trung ương Cục về "chuyển hướng công tác tổ chức và xây dựng Đảng bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện và sâu sắc đánh bại kế hoạch bình định và chính sách Việt Nam hóa chiến tranh".

Thực hiện chỉ thị trên, các cấp ủy trong tỉnh phát động xây dựng củng cố chi bộ theo bốn nội dung yêu cầu:

- Chi bộ biết đề ra nghị quyết sát hợp với tình hình thực tế và biết thực hiện nghị quyết.

- Nâng chất lượng các cuộc sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt đều.

- Làm cho chi bộ quán triệt quan điểm quần chúng và đường lối quần chúng của Đảng trong công tác vận động quần chúng.

- Chi bộ biết làm công tác xây dựng nội bộ về các mặt. Các cấp ủy đảng làm việc có chương trình, kế hoạch bảo đảm dân chủ tập thể và đề cao trách nhiệm cá nhân, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của cấp ủy.

Về tài chính, tuy bị địch đánh phá, phong tỏa kinh tế gắt gao, trong năm 1971, ta vẫn thu được 69.198.620 đồng (tăng 16.198.620 đồng so với năm 1970), trong đó, thu từ xuất nhập thị (chợ) khoảng 16.000.000 đồng, từ đảm phụ nông nghiệp 20.000.000 đồng.

Nhờ nắm vững tư tưởng chỉ đạo chiến lược tiến công, phát huy truyền thống tự lực tự cường, quan điểm quần chúng, nêu cao quyết tâm bám đất, bám dân, bám chiến trường, vừa ra sức đánh địch vừa tích cực xây dựng, bảo tồn và phát triển lực lượng, đến cuối năm 1971, ta đã đứng vững và vượt qua "cuộc thử thách to lớn nhất trong các thời kỳ lịch sử của Đảng bộ chống lại cuộc phản kích điên cuồng tàn bạo của Mỹ - ngụy"[1].

---

1. Trích Diễn văn khai mạc Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ hai, tháng 3/1974.

Ngoài những ưu điểm và kết quả đạt được, Tỉnh ủy cũng nhận thấy những khuyết điểm và kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo. Trong cuộc học tập chỉnh huấn Nghị quyết Trung ương Cục (tháng 12/1973), Tỉnh ủy đã tự phê bình:

"Sau Xuân Mậu Thân, địch bắt đầu đẩy lùi lực lượng ta ra khỏi thị xã và các vùng xung yếu, tiến hành phản kích ác liệt để bình định nông thôn. Tỉnh ủy chưa đánh giá đúng với sự tập trung lực lượng Mỹ - ngụy kết hợp một cách toàn diện trong âm mưu bình định, chưa đánh giá hết khó khăn của ta ở cơ sở và phong trào quần chúng để có chủ trương thích hợp với tình hình thực tế. Một kinh nghiệm lớn cho Đảng bộ là chưa phát huy vai trò tập thể của Tỉnh ủy, chưa thực hiện được nguyên tắc dân chủ trong Đảng. Tuy rằng nếu ta làm tốt công tác này, do tình thế chung, ta cũng chưa xoay chuyển được tình thế chiến trường, nhưng nhất định sẽ hạn chế rất lớn các khó khăn, tổn thất cho phong trào và lực lượng cách mạng trong những năm ác liệt ấy... Từ ngày bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ (1970), Tỉnh ủy có khắc phục được một phần, đề ra cách làm việc mới, nhưng cũng chưa chuyển biến mạnh về vai trò của tập thể lãnh đạo, phát huy ý thức trách nhiệm của cá nhân phụ trách, chưa bảo đảm sinh hoạt lệ kỳ của Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành... Nếu có sinh hoạt Thường vụ Tỉnh ủy phần lớn bàn việc chỉ đạo tác chiến của lực lượng vũ trang tỉnh. Từ cách làm việc đó nên mặc dù chỉ đạo của Tỉnh ủy thực hiện các chỉ thị của trên, nhất là Chỉ thị số 01/CT-71 của Trung ương Cục rất chính xác nhưng việc kiểm tra, sơ kết, tổng kết chưa tốt, nên vai trò Thường vụ Tỉnh ủy thúc đẩy sự

phát triển của tình hình thường bị chựng lại ở khâu tổ chức thực hiện”[1].

III- CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC XUÂN - HÈ 1972

Từ sau chiến thắng của ta ở Đường 9 - Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và chiến thắng mùa khô năm 1971 ở miền Nam, cục diện chiến trường đã thay đổi lớn. Mỹ từng bước rút quân và cắt giảm viện trợ, ngụy sa sút, thiếu hụt nghiêm trọng về quân số và lâm vào cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế, tài chính gay gắt hơn bao giờ hết.

Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu áp dụng 40 biện pháp kinh tế tài chính, chủ yếu là tăng tất cả các thứ thuế, phá giá đồng bạc, vơ vét lúa gạo để dốc vào thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Hậu quả trực tiếp là vật giá tăng vọt, nạn thất nghiệp, thất học tăng lên, đầu cơ, tham nhũng tràn lan, nạn cướp phá, làm tiền của tề, lính, cảnh sát hoành hành. Đời sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là quần chúng lao động, binh sĩ, công chức lớp dưới ngày càng khó khăn hơn.

Vì thiếu hụt nghiêm trọng về quân số, chính quyền địch đôn quân, bắt lính ồ ạt khắp nơi. Chúng mở nhiều cuộc hành quân khắp các vùng thành thị, thôn quê.

Chúng tăng cường hơn nữa các biện pháp độc tài phátxít, cào nhà gom dân, kềm kẹp, đàn áp, khủng bố, tăng cường hành quân cảnh sát ở đô thị, tiếp tục các hoạt động chiến tranh tâm lý, lừa phỉnh chia rẽ, hòng cướp đoạt thật nhiều sức người

1. Trích Bản tự phê của Ban Chấp hành Đảng bộ Kiến Phong trong cuộc học tập chỉnh huấn Nghị quyết Trung ương Cục cuối tháng 12/1973 (mốc thời gian từ Xuân Mậu Thân đến năm 1973).

sức của, tăng cường đánh phá cơ sở cách mạng, ngăn chặn các cuộc nổi dậy đấu tranh của quần chúng.

Những tội ác chồng chất của Mỹ - ngụy gây oán hận, căm thù cao độ trong quần chúng, làm căng thẳng tột đỉnh mâu thuẫn giữa nhân dân ta với địch: "Đã đến lúc quần chúng không còn sống nổi cũng không thể chỉ đấu tranh ở mức giằng co hiện nay mà phải vùng lên quyết chiến với địch, đuổi Mỹ, lật Thiệu giành hòa bình, tự do, cơm áo"[1].

Xuất phát từ tình hình trên, và trên cơ sở phân tích so sánh lực lượng giữa ta và địch, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương: "Kịp thời nắm vững thời cơ mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972, giành thắng lợi quân sự quan trọng, đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Níchxơn, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng"[2].

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, của Trung ương Cục và sự hướng dẫn của Khu ủy, trong những tháng đầu năm 1972, các cấp ủy đảng trong tỉnh khẩn trương chuẩn bị và phát động một cuộc đồng khởi mới.

Quyết tâm và yêu cầu đợt xuân - hè 1972 là phát động một cao trào quần chúng tấn công địch liên tục khắp ba vùng, mở rộng diện làm chủ trên các khu vực, mở lõm giải phóng, xây dựng căn cứ và hành lang, ra sức xây dựng lực lượng các mặt, góp phần đánh bại các mặt bình định và "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy.

---

1. Trích tài liệu *Một số hướng dẫn về phát động quần chúng nổi dậy đánh bại kế hoạch bình định nông thôn của địch ở xã, ấp* của Khu ủy Khu 8, do Tỉnh ủy Kiến Phong gửi các ngành và địa phương trong tỉnh ngày 10/3/1972.

2. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tóm tắt), Sđd,* tr.200.

Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy quân sự tỉnh xác định trọng điểm 1 của tỉnh là các xã Mỹ Thọ, Nhị Mỹ, An Bình, Mỹ Ngãi, Phong Mỹ, Phương Thịnh, Thiện Mỹ (huyện Cao Lãnh), vùng trọng điểm 2 của tỉnh là các xã Mỹ Hội, Mỹ Xương, Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây và Long Hiệp (huyện Kiến Văn). Hướng phát triển của tỉnh là vùng tả ngạn sông Tiền của huyện Thanh Bình và cù lao An Tịnh của huyện Cao Lãnh. Mảng điểm của tỉnh gồm bốn xã Mỹ Thọ, Nhị Mỹ, An Bình và Thiện Mỹ.

Mỗi huyện và thị xã có vùng trọng điểm do địa phương xác định. Riêng huyện Hồng Ngự, phối hợp với bộ đội Quân khu mở mảng biên giới.

Tháng 3/1972, trước khi vào cao điểm, ta kiểm tra nắm vững lực lượng và thế bố trí quân sự của địch[1], nắm lực lượng các mặt của ta ở xã, ấp, đồng thời, triển khai công tác phát động quần chúng trên quy mô rộng lớn. Cùng thời gian này tỉnh nhận 7 đại đội quân tăng cường từ miền Bắc vào (bổ sung 1 đại đội cho Tiểu đoàn 502, đưa quân số tiểu đoàn lên 200 người, lấy phiên hiệu cũ là 502A, bổ sung 3 đại đội cho Tiểu đoàn 718, lập lại Tiểu đoàn 502B, các huyện Mỹ An,

---

1. Theo báo cáo số liệu của Khu 8: Lực lượng địch hiện diện ở Kiến Phong tháng 12/1972 gồm 29.070 tên, không kể lực lượng dân sự, trong số này có 1.340 quân chủ lực, 3.940 bảo an, 5.700 dân vệ, 860 cảnh sát, 10.830 phòng vệ xung kích, 6.400 phòng vệ dân sự. Quân Mỹ đã rút hết. Các đơn vị chiến đấu có 2 tiểu đoàn và 1 đại đội của Sư đoàn 7, 1 tiểu đoàn của Sư đoàn 9; 4 tiểu đoàn, 5 liên đội, 17 đại đội bảo an, 211 trung đội dân vệ, 1 đại đội và 8 trung đội cảnh sát dã chiến.

- Lực lượng yểm trợ có 13 trung đội pháo, 2 chi đoàn và 1 chi đội thiết giáp, 2 đại đội giang đoàn, 1 đại đội giang thuyền và 1 đại đội giang cảnh. Tháng 3/1972, địch có 1 cứ điểm cấp tiểu đoàn, 28 đồn cấp đại đội, 166 đồn cấp trung đội, 60 đồn cấp tiểu đội (tổng số chung là 255 đồn).

Kiến Văn, Thanh Bình mỗi huyện tiếp nhận 1 đại đội). Việc Quân khu tăng cường binh lực cho tỉnh đã giải quyết một phần khó khăn về quân số của địa phương mà từ năm 1969 chưa giải quyết được; nhờ đó, mở ra cho tỉnh một khả năng mới trong việc dùng quả đấm quân sự làm đòn xeo đẩy mạnh phong trào.

Việc phát động quần chúng nổi dậy lần này có những đặc điểm mới:

- Sau nhiều năm đấu tranh ác liệt, quần chúng có nguyện vọng thiết tha là vãn hồi hòa bình, chấm dứt chiến tranh. Qua nhiều lần nổi dậy và nhiều lần bị địch phản kích, trả đũa, nhất là sau Xuân 1968, nên quần chúng còn nghi ngại...

- Quần chúng bị dồn ra vùng yếu, ven đường giao thông, thị xã, thị trấn, dưới sự kềm kẹp của địch, muốn trở về chỗ cũ nhưng sợ phi pháo và sợ nổi dậy thì sa vào thế bất hợp pháp, bị địch ruồng bố, chà xát, khó khăn về ăn ở, đời sống.

- Đa số quần chúng có con, em bị bắt vào phòng vệ dân sự, dân vệ, bảo an, chủ lực, ở đồn, bót, lo sợ ta nổi dậy diệt con em họ, muốn con em trở về nhưng họ không có lối ra vì vùng ta làm chủ chưa ổn.

Vì những đặc điểm trên nên khẩu hiệu trung tâm liên hiệp hành động lúc này là "Đoàn kết toàn dân, liên hiệp với binh sĩ yêu nước vùng lên diệt ác phá kềm, bao vây triệt hạ đồn, bót, giải phóng xã ấp để đuổi Mỹ, lật Thiệu, giành hòa bình, độc lập, tự do, cơm áo"[1].

---

1. Trích tài liệu *Một số hướng dẫn về phát động quần chúng nổi dậy đánh bại kế hoạch bình định nông thôn của địch ở xã, ấp* của Khu ủy Khu 8, *Tlđd.*

Nắm vững và đẩy mạnh ba phong trào lớn "Phong trào chống khủng bố vơ vét, bắt lính đôn quân; phong trào bung dân về bám ruộng vườn sản xuất và chiến đấu; phong trào quần chúng nổi dậy diệt ác phá kềm bao vây triệt hạ đồn, bót tiến tới giải phóng xã ấp"[1].

Để công tác phát động đúng với tâm tư, nguyện vọng tha thiết của quần chúng và phù hợp đặc điểm địa phương, ngoài việc thực hiện khẩu hiệu trung tâm, tỉnh còn đưa ra khẩu hiệu tập hợp lực lượng rộng rãi: "*Mọi người góp công sức để mau chóng vãn hồi hòa bình, chấm dứt chiến tranh*".

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, tất cả cán bộ, đoàn thể, cơ sở mật tại chỗ, cán bộ xã, ấp bị lộ và du kích đều được bồi dưỡng nội dung, phương pháp phát động quần chúng. Các cơ quan, các ngành tổ chức các đội công tác đi phát động quần chúng vùng yếu, trên các tuyến dân và trong vùng mình ở. Lập các đội vũ trang tuyên truyền, các mũi tuyên truyền xung kích của các lực lượng thanh niên, học sinh, phụ nữ để tập hợp quần chúng. Dùng các hình thức tập hợp công khai hợp pháp, bán hợp pháp và bí mật để phát động cả bề rộng và bề sâu. Tổ chức các cuộc míttinh của thanh niên, phụ nữ, nông dân, Phật tử, công chức, tư chức, trí thức... có tranh thủ đồn, bót, tề, lính đồng tình tham gia.

Trong tình hình khẩn trương và yêu cầu chuyển mạnh phong trào, năm 1972, ta phát động 78.630 lượt người tham gia đấu tranh chính trị, 25.000 lượt người đấu tranh trực diện, có 41.347 lượt quần chúng tham gia đấu tranh binh vận;

---

1. Trích tài liệu *Một số hướng dẫn về phát động quần chúng nổi dậy đánh bại kế hoạch bình định nông thôn của địch ở xã, ấp* của Khu ủy Khu 8, *Tlđd.*

phát tán 11.664 cuốn "10 chính sách binh vận"; rải và dán 10.064 truyền đơn, vận động 1.638 gia đình binh sĩ làm công tác binh vận.

Theo hướng dẫn của Khu ủy, trong nội bộ Đảng ta mở cuộc vận động xây dựng "ba quyết" và "ba chống": "quyết xốc tới tấn công, vượt qua mọi khó khăn gian khổ để liên tục tấn công địch; quyết phóng tay phát động quần chúng nổi dậy và ra sức phát triển lực lượng; quyết nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết, nâng cao tinh thần tổ chức kỷ luật; chống co thủ hữu khuynh, chống chủ quan đơn giản, chống ỷ lại chờ thời"[1].

Công tác phát động nội bộ và quần chúng theo những nội dung chủ yếu trên là sự kế thừa và phát triển những nhân tố tinh thần và lực lượng mà Đảng bộ đã dày công xây dựng trong những năm địch bình định ác liệt, nhất là trong sáu tháng cuối năm 1971. Nhờ đó, ta có đủ điều kiện nắm lấy thời cơ chuyển mạnh phong trào.

Tháng 4/1972, quân và dân ta ở miền Nam mở cuộc tiến công đồng loạt với quyết tâm đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Hưởng ứng chiến dịch Nguyễn Huệ, từ ngày 05/4, tỉnh Kiến Phong vào cao điểm I. Lúc này Tiểu đoàn 502A đã ém quân ở vùng trọng điểm của tỉnh.

Đêm ngày 05/4/1972, biệt động huyện Hồng Ngự kỳ tập đồn Thường Lạc, tiêu diệt 22 tên, bắt sống 4 tên, thu 24 súng. Trận mở màn chiến dịch ta thắng lợi.

Từ ngày 06 đến ngày 09/4, tất cả các huyện trong tỉnh đều huy động lực lượng áp sát bao vây tiến công đồn, bót và

1. Trích tài liệu *Một số hướng dẫn về phát động quần chúng nổi dậy đánh bại kế hoạch bình định nông thôn của địch ở xã, ấp* của Khu ủy Khu 8, *Tlđd*.

phát động quần chúng diệt ác phá kềm, giải tán nhiều toán phòng vệ dân sự. Ở huyện Hồng Ngự, đặc công Khu (c3/d238) và bộ đội địa phương phối hợp san bằng đồn Cây Me, đồn Tân Thành và đồn Cả Sơ, bao vây đồn Bình Phú (xã Tân Hộ Cơ) và dinh điền Đôn Phục, địch rút chạy. Tiểu đoàn 502A kỳ tập đồn Thầy Cắt (xã Mỹ Thọ, Cao Lãnh) không dứt điểm. Quân và dân huyện Mỹ An (có Tiểu đoàn 502B phối hợp) bao vây bức rút 2 đồn ở kinh Mười Ngàn và Năm Ngàn (xã Mỹ Hòa). Cùng thời gian này, quân ta pháo kích chi khu Kiến Văn, Mỹ An, phá hủy 3 pháo 105 ly; tập kích 3 đại đội bảo an và 1 đại đội thám báo, tiêu diệt và làm bị thương 20 tên địch, bắn chìm 1 tàu trên kinh Phước Xuyên. Biệt động thị xã Cao Lãnh phối hợp với cơ sở trong phòng vệ dân sự xung kích xã Hòa An giải tán 1 toán phòng vệ dân sự, thu 13 súng, sau đó, phối hợp cơ sở xã Mỹ Ngãi phát động quần chúng nổi dậy giải tán 2 toán phòng vệ dân sự, thu 14 súng.

Bị thiệt hại nặng, địch đưa Trung đoàn 11 của Sư đoàn 7 và 2 tiểu đoàn biệt động số 93 và 76 cùng các tiểu đoàn bảo an số 417, 423, 441 mở các cuộc càn quét vào huyện Hồng Ngự, huyện Cao Lãnh, huyện Mỹ An, chiếm lại đồn Cây Me (xã Tân Thành, Hồng Ngự). Trên sông Cửu Long và kinh Phước Xuyên, giang thuyền của địch tăng cường hoạt động. Địch đưa thêm pháo về chi khu Kiến Văn và Mỹ An. Ở thị xã, thị trấn, địch liên tiếp mở các cuộc hành quân cảnh sát, xét hỏi nghiêm ngặt, ra lệnh giới nghiêm từ 9 giờ tối đến 6 giờ sáng hôm sau, tăng cường 2 đại đội bảo an về quân Trường Trần Quốc Toản (Cao Lãnh), ra sức bắt lính đôn quân, chỉ trong 15 ngày đầu tháng 5/1972, đôn 15 trung đội dân vệ lên bảo an.

Vào 16 giờ ngày 17/4, một bộ phận của B702 phối hợp với một bộ phận Trung đoàn 320 của Khu dùng cối và ĐKZ-75 đánh đồn Cua Đinh (xã Tân Thành), diệt gọn đại đội địch đóng ở đây (trong số 80 tên bị ta tiêu diệt, có 1 trung úy và 2 thiếu úy), 2 lô cốt ngầm bị phá hủy. Ta thu 69 súng các loại, trong đó có 30 M-72, 1 máy PRC-25, l.000 đạn cối và 5 tấn đạn.

Ngày 18/4, Trung đoàn 320 cùng địa phương quân Hồng Ngự bao vây bức rút đồn Tham Bua (Cả Sơ); 11 giờ cùng ngày, lính đồn Cây Me (xã Tân Thành) bỏ chạy, ta giải phóng toàn bộ đoạn Tham Bua tới Cua Đinh. Ngày 20/4, địch đưa Liên đội 420 bảo an càn quét khu vực đồn Cua Đinh, bị Đại đội 7 của Trung đoàn 320 phục kích, địch chết và bị thương 30 tên, ta thu 14 súng.

Địch đang hoang mang và bị động đối phó với hoạt động quân sự của ta ở biên giới Hồng Ngự - Campuchia. Nắm vững thời cơ, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung mở mảng ở vùng trọng điểm 1.

Ngày 21/4, một nữ biệt động mật thị xã Cao Lãnh đánh mìn hẹn giờ với 7kg thuốc C4, đặt ở tầng 2 khách sạn Phước Lộc trong nội ô thị xã, làm chết 29 tên, bị thương 32 tên, đa số là sĩ quan, công chức. Trận mở màn mảng điểm của tỉnh thắng lợi; quân địch trong thị xã náo loạn.

Từ ngày 21 đến ngày 23/4, Tiểu đoàn 502A, bộ đội huyện Cao Lãnh và du kích các xã Nhị Mỹ, Mỹ Thọ, Thiện Mỹ bao vây bắn phá các đồn Hai Thu, Thầy Cắt, Mười Đổng, đánh Liên đội 64 bảo an đi giải tỏa, pháo kích đồn Sình Gừa (xã Nhị Mỹ), đánh một toán địch chở những tên bị thương trên kinh Nguyễn Văn Tiếp A, phục kích diệt 2 trung đội dân vệ đồn

Thầy Cắt và diệt 1 trung đội dân vệ đồn Mười Đổng, đánh Đại đội bảo an số 129 ở đồn ngã tư Cái Bèo. Những trận trên ta tiêu diệt 178 tên, làm bị thương 138 tên (có 3 sĩ quan), bắt 10 tên (1 trung úy), thu 29 súng các loại.

15 ngày cuối tháng 4/1972, chấp hành sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, cơ sở đảng các xã vùng trọng điểm phát động quần chúng nổi dậy diệt tề điệp ác ôn, công an, do thám, phá thế kềm kẹp, giải tán gần 400 phòng vệ dân sự, diệt gần 600 tên địch; tổ chức 15 cuộc đấu tranh chính trị, binh vận, diệt và làm rã ngũ gần 900 tên.

Trong cao điểm tháng 4, các địa phương trong tỉnh còn vận động 40 thanh niên đầu quân bổ sung cho bộ đội tỉnh, thu nhận hàng trăm thanh niên vào lực lượng du kích xã, ấp và bổ sung cho bộ đội huyện.

Nắm vững thời cơ lực lượng địch bị căng kéo đối phó khắp nơi trên chiến trường miền Nam, Tỉnh ủy chỉ đạo quyết tiến lên giải phóng lõm, mở rộng vùng. Cao điểm 2 được mở vào đầu tháng 5/1972.

Từ ngày 01 đến ngày 09/5, bộ đội của Khu (Tiểu đoàn 3) cùng quân và dân huyện Mỹ An vây lấn đồn Bà Cò (xã Đốc Binh Kiều), vận động đánh Tiểu đoàn 3/e11/f7 tại khu vực kinh Bằng Lăng, chặn đánh 2 đại đội bảo an ở Mỹ An, giải tỏa đồn Tám Ngàn, bao vây cứ điểm Kinh Nhì, pháo kích cứ điểm Đốc Binh Kiều. Cũng thời gian này, bộ đội tỉnh pháo kích vào Tiểu đoàn 417 bảo an, bộ đội huyện Kiến Văn phục kích đánh Đại đội bảo an số 125/Liên đội 96 hành quân giải tỏa các đồn trên kinh Số Một (xã Bình Hàng Trung). Những trận này ta tiêu diệt, làm bị thương và bắt gần 100 tên địch.

Đồn Mười Đổng xã Mỹ Thọ bị quân và dân ta vây ép. Địch bỏ chạy ngày 06/5/1972

Ảnh tư liệu

Tù binh địch bị lực lượng địa phương quân và du kích các xã Mỹ Thọ, Thiện Mỹ bắt trong trận ngày 24/4 và 09/5/1972

Ảnh tư liệu

Cao điểm 3, vào hạ tuần tháng 5 và đầu tháng 6, quân và dân ta tiếp tục tấn công địch trên nhiều hướng. Tiểu đoàn 502B phối hợp Trung đoàn 320 chủ lực Khu vây lấn, bức rút đồn Tám Ngàn (kinh Ba Tháp, huyện Mỹ An) vào ngày 10/5; bộ đội huyện Cao Lãnh phóng 3 đầu đạn pháo 105 ly vào trận địa pháo Quản Khánh ở thị xã Cao Lãnh (ngày 15/5); Tiểu đoàn 502A cùng bộ đội huyện Cao Lãnh bao vây bót Ông Ấu (xã Thiện Mỹ), đánh quân địch giải tỏa (ngày 16/5); đại đội đặc công cùng bộ đội huyện Hồng Ngự đột nhập khu gom dân Gò Bói (cách ngã ba Thông Bình 7km về phía tây), phối hợp cơ sở phá kềm diệt ác, phát động quần chúng bung về chỗ cũ làm ăn (ngày 01/6); địa phương quân huyện Thanh Bình và du kích xã đánh chìm 1 tàu tuần tiễu của địch trên kinh An Long (ngày 10/6); vũ trang tuyên truyền, phá kềm ở hai xã Phong Mỹ, Mỹ Ngãi, đánh phục kích diệt gọn 1 đại đội địch tại kinh Gáo Giồng xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh (ngày 11/6); Tiểu đoàn 502A phục kích tiêu hao nặng Tiểu đoàn 423 bảo an ở phía nam kinh Nguyễn Văn Tiếp A và khu vực Ba Sao, huyện Cao Lãnh (ngày 10 và ngày 11/6); Tiểu đoàn 502B đánh thiệt hại nặng Đại đội 125 bảo an trên đường hành quân đến đồn Ngã Tư Cái Bèo (ngày 19/6). Tính chung trong cao điểm 3, về mặt quân sự, ta diệt, làm bị thương và bắt sống trên 400 tên địch, thu hàng trăm súng và nhiều đạn; tiêu diệt, bức hàng, bức rút hơn 10 đồn, bót, đánh chìm 1 tàu. Địch trong đồn, bót hoang mang, Tiểu khu Kiến Phong đốc thúc các đơn vị bảo an đi giải tỏa bị quân ta chặn đánh, gây nhiều thiệt hại. Khả năng phản kích của địch giảm, lực lượng bị căng kéo đối phó khắp nơi.

Phong trào đấu tranh chính trị và binh vận trong các tháng giữa năm 1972 chuyển lên mạnh. Qua học tập, phát động

quần chúng phấn khởi nhận nhiệm vụ, tự nguyện xin nhận vũ khí diệt ác phá kềm như các xã Nhị Mỹ, Mỹ Thọ, Thiện Mỹ, Phong Mỹ, Phương Thịnh (huyện Cao Lãnh). Nhiều gia đình vùng yếu xã Hòa An, Tân Thuận Tây, Tân Thuận Đông (thị xã Cao Lãnh) tự nguyện đưa con em tòng quân. Phong trào nhân dân du kích chiến tranh được quần chúng tham gia rộng rãi, tích cực bao vây đồn, bót. Riêng ấp chiến lược Nhị Mỹ, đồng bào vót và cắm 10.000 chông, một số thanh niên trốn lính cùng du kích đánh địch. Vùng cù lao Cái Vừng (Hồng Ngự), cù lao Tây (Thanh Bình), quần chúng nổi dậy tước vũ khí phòng vệ dân sự kết hợp đấu tranh chống bắt lính. Một số ban trị sự Hòa Hảo cũng tham gia phong trào này. Ở thị xã Cao Lãnh, một lần nữa nổ ra cuộc đấu tranh chống bắt học sinh đi lính, chống quân sự hóa học đường, tại xã điểm Mỹ Ngãi có hai toán phòng vệ dân sự khởi nghĩa, giao nộp cơ sở 20 súng; xã Phong Mỹ có hai toán phòng vệ dân sự khởi nghĩa mang ra 19 súng. Ở các huyện Cao Lãnh, Hồng Ngự, Kiến Văn, quần chúng nổi dậy tước vũ khí và giải tán phòng vệ dân sự rất phổ biến. Binh sĩ đào rã ngũ hàng loạt, bỏ lại hàng trăm súng, riêng Tiểu đoàn 417 bảo an đầu hàng hàng loạt.

Ở các huyện phía nam sông Tiền, trong năm 1972 mở nhiều cao điểm nổi dậy, tấn công địch đồng loạt, thực hiện thắng lợi quyết tâm của Tỉnh ủy Vĩnh Long mở tuyến Bình Minh, Châu Thành, Lấp Vò.

Năm 1972, ở huyện Châu Thành, có hơn 60 lần đưa lực lượng bao vây tấn công đồn, bót địch, diệt 20 đồn, đánh thiệt hại 40 đồn, diệt, làm bị thương và làm tan rã hàng ngàn tên địch.

Tại huyện Lấp Vò, tấn công địch bằng phong trào ba mũi của quần chúng làm tan rã hàng trăm tên, thu nhiều đạn

các loại. Địa phương quân huyện đánh địch tại rạch Bà Năm, bắn rơi 3 máy bay. Phong trào đấu tranh chính trị chống địch đôn quân bắt lính, chống úp bộ thanh niên vào phòng vệ dân sự, chống càn quét, ủi phá địa hình, chống khủng bố gia đình cách mạng liên tiếp nổ ra. Trong quý II năm 1972, có 7 cuộc đấu tranh với 434 quần chúng tham gia, giành lại 51.900 đồng tiền thuế máy, thuế heo và thuế đất.

Lực lượng vũ trang thị xã Sa Đéc mở nhiều cuộc tấn công phá vỡ vành đai bảo vệ thị xã của địch. Tại đường Chùa, ta tấn công một tiểu đội thanh niên chiến đấu của địch, thu 11 súng. Ở Tân Hưng, ta đánh sập 1 lô cốt, tiêu diệt 3 tên và Trưởng đồn Cái Đôi. Ở ven xã Bình Tiên (Châu Thành), ta đánh đồn Bà Khôi, thu 6 súng. Ở Tân Quy Đông, ta tấn công 1 đơn vị của địch chốt tại chùa Giác Long, diệt 5 tên, thu 70 súng. Ngoài ra, lực lượng thị xã Sa Đéc còn phối hợp với du kích xã Bình Thạnh (huyện Cao Lãnh) diệt đồn Cá He và đồn Cồn Cặp. Các hoạt động của thị xã Sa Đéc đã tạo điều kiện cho việc nối liền giao thông liên lạc giữa Khu 8 và Khu 9.

Những thắng lợi trên đã làm cho cục diện chiến trường trong tỉnh có chuyển biến tích cực. Quân dân ta phối hợp chặt chẽ với chiến trường chung, tiến công địch liên tục, tiêu diệt và làm tan rã nhiều trung đội, đại đội, liên đội bảo an, gỡ được một số đồn, bót, lực lượng kềm kẹp của địch bị tan rã từng mảng. Ta đã đập tan âm mưu khai hoang Đồng Tháp Mười, làm cho địch phải chùn bước, mở được lõm giải phóng, tạo địa bàn hành lang thuận lợi. Phong trào đấu tranh chống bắt lính, đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ kết hợp với hình thức bạo lực khởi nghĩa của quần chúng diễn ra liên tục và đều khắp. Trong tấn công, ta chú ý xây dựng lực lượng về mọi mặt và

bước đầu có chuyển biến tốt. "Tuy nhiên tốc độ phát triển của phong trào ở tỉnh ta còn chậm, thực lực cách mạng các mặt chưa đủ mạnh, phong trào tiến công và nổi dậy ở nông thôn chưa có một sự chuyển biến thật sự"[1].

Để khắc phục những mặt hạn chế trên và để nắm vững hơn nữa thời cơ chiến lược, ngày 06/6/1972, Tỉnh ủy Kiến Phong ra Chỉ thị số 19/CTĐK về việc "Tập trung lực lượng quân sự, sức mạnh nổi dậy của quần chúng và binh vận dứt điểm mở toang từng khu vực và giải phóng rộng vùng nông thôn, làm chuyển biến tình hình trong tỉnh". Nội dung Chỉ thị nêu lên những thắng lợi to lớn trong ba tháng mở đầu cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972 trên toàn chiến trường miền Nam và trong tỉnh, khẳng định: "So sánh lực lượng trên chiến trường đã có bước phát triển mới thuận lợi hơn bao giờ hết cho ta"[2], chỉ ra nguyên nhân sự phát triển chậm của phong trào trong tỉnh là do "Nhận thức về tình hình và thời cơ thuận lợi

1. Trích Chỉ thị số 19/CTĐK ngày 06/6/1972 của Tỉnh ủy Kiến Phong.

2. Trong ba tháng đợt Xuân - Hè 1972, quân và dân ta ở miền Nam đã tiêu diệt 1/3 số tiểu đoàn của địch, 1/3 lực lượng thiết giáp và pháo binh, làm tan rã một bộ phận quan trọng lực lượng kềm kẹp, gỡ hàng ngàn đồn, bót, giải phóng nhiều quận lỵ, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị, một phần lớn các tỉnh Bình Định, Kon Tum, Bình Long và Tây Ninh, mở ra nhiều vùng giải phóng rộng lớn, giành thêm 1 triệu dân.

Lực lượng vũ trang ta có khả năng tác chiến lớn, không những tiêu diệt được bộ binh, thiết giáp, phá vỡ được những khu vực phòng ngự kiên cố của địch, ở Đông Hà (Quảng Trị), ta đã tiêu diệt và làm tan rã tập đoàn phòng ngự mạnh nhất của địch trên chiến trường miền Nam.

Ở đồng bằng Khu 5, phong trào tiến công và nổi dậy ở vùng nông thôn phát triển thành cao trào rầm rộ; tiêu diệt hàng loạt chi khu, tiêu diệt và làm tan rã nhiều mảng đồn, bót, mở ra vùng giải phóng rộng lớn, liên hoàn giữa nhiều huyện.

hiện nay của cấp ủy, ban, ngành chưa đúng, còn mặt nào đó có hoài nghi, trông chờ, tác phong chưa sâu sát và khẩn trương, hợp đồng chưa ăn khớp... nên chưa tận dụng được thời cơ rất thuận lợi để đưa phong trào lên một bước mới"[1].

"Để tận dụng được thời cơ thuận lợi chưa từng có hiện nay, không cho địch có thời gian ổn định lực lượng và củng cố trận địa phòng thủ của chúng, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương phát triển tấn công liên tục theo chỉ đạo của trên trong suốt những tháng tiếp sau, nhưng chủ yếu là giành thắng lợi lớn trong tháng A, nhằm tạo một sự thay đổi hẳn mới có lợi cho ta về mọi mặt trên toàn tỉnh, trong thời gian đó và trên cơ sở đó tiếp tục tấn công địch, phát huy thắng lợi thực hiện cho bằng được quyết tâm theo Nghị quyết của Tỉnh ủy"[2].

Chỉ thị số 19/CTĐK của Thường vụ Tỉnh ủy được quán triệt ở tất cả các cấp, các ngành trong tỉnh. Ngoài ra, Thường vụ Tỉnh ủy còn gửi các địa phương Thông tri số 06/TT72 ngày 19/5/1972, về việc ngày 08/5 Níchxơn ra lệnh phong tỏa các hải cảng và tăng cường đánh phá miền Bắc nước ta, chỉ đạo "Các nơi dựa vào nội dung này mà tranh thủ liên kết trong kiểm điểm đợt tấn công mà học tập cho nội bộ và có cách phát động quần chúng nhận thức đúng"[3].

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, tháng 7/1972, các lực lượng vũ trang của tỉnh tập trung dứt điểm một số vị trí trên kinh Nguyễn Văn Tiếp A, kinh Cái Bèo, mở thông hành lang, tạo địa bàn đứng chân ở vùng này, kết hợp với lực lượng của trên

---

1, 2. Trích Chỉ thị số 19/CTĐK ngày 06/6/1972 của Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong.

3. Chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong khi gửi Thông tri số 06-TT72 ngày 19/5/1972.

mở mặt trận vây ép địch trên tuyến kinh Tư Mới (4 bis), kinh Nguyễn Văn Tiếp A - đoạn hai xã Mỹ An và Đốc Binh Kiều, phối hợp chặt với mặt trận biên giới Hồng Ngự. Trong khi chỉ đạo tập trung mũi tấn công quân sự, có kết hợp mũi đấu tranh chính trị và binh vận, phát động quần chúng khởi nghĩa và đưa dân về, trên cơ sở đó, tăng cường công tác xây dựng và phát triển lực lượng toàn diện.

Đêm ngày 03, rạng ngày 04/7/1972, tại vùng trọng điểm tỉnh, bộ đội và du kích các huyện Cao Lãnh, Kiến Văn và Mỹ An đồng loạt bao vây tấn công đồn, bót địch. Trong 7 ngày đêm vây ép, ta diệt, bức rút đồn Sình Gừa[1] và đồn Thầy Cắt (lần 2).

Trong các ngày 06, 10 và 26/7/1972, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo tập trung hai Tiểu đoàn 502A, 502B và đơn vị đặc công tỉnh phối hợp với lực lượng của Khu mở đợt tấn công tuyến đồn, bót trên kinh Nguyễn Văn Tiếp A - đoạn từ Mỹ Quý đến Thiện Mỹ. Cùng lúc đó, Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện Mỹ An, Cao Lãnh, Kiến Văn phối hợp với bộ đội tỉnh đánh chiếm các mục tiêu then chốt (ngã tư Cái Bèo, chợ Mỹ Quý, Đường Thét, Ba Sao).

Trong thế bị động, địch đưa Tiểu đoàn 423 bảo an vừa được củng cố liều lĩnh đi giải tỏa, bị bộ đội địa phương diệt gọn Đại đội 923, đơn vị đặc công tỉnh diệt gọn Đại đội 129, số còn lại của Tiểu đoàn 423 bị ta phục kích gây thiệt hại nặng tại vùng 4 (xã Thiện Mỹ) phải rút chạy.

Kết quả là trong cao điểm tháng 7/1972, quân và dân trong tỉnh phối hợp bộ đội của Khu loại khỏi vòng chiến đấu

1. Trong trận diệt đồn Sình Gừa có sự tham gia của lực lượng thị xã Cao Lãnh.

gần 6.000 tên địch, diệt gọn 2 đại đội, 15 trung đội, đánh thiệt hại nhiều lần các tiểu đoàn 423, 417, các liên đội 63, 64, 96, thu 400 súng; diệt đồn Tàu Chìm và đồn Ba Sao, bức rút đồn Sình Gừa (lần 3). Ở mặt trận Đốc Binh Kiều (Mỹ An), ta diệt đồn Kinh Nhì, Bà Cò, kinh Kháng Chiến. Ở Hồng Ngự, ta diệt đồn Bình Phú, Gò Bói, pháo kích Cà Vàng và chi khu Hồng Ngự; giải phóng và giành quyền làm chủ với mức độ khác nhau ở một số ấp. Quần chúng nổi dậy phối hợp với cơ sở trong phòng vệ dân sự khởi nghĩa tước vũ khí của 20 toán phòng vệ dân sự.

Tấn công địch đi đôi với phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Trước tháng 3/1972, nhiều xã chưa có du kích (Thạnh Lợi, Mỹ An), trong đợt nổi dậy đã phát triển mỗi xã có 1 trung đội du kích, xã Đốc Binh Kiều từ 1 trung đội, phát triển thành 2 trung đội, xã Tân Thành (Hồng Ngự), đầu năm 1972, có 13 du kích, đợt nổi dậy Xuân Hè phát triển thêm 30 du kích. Đợt xuân hè, địa phương quân huyện Cao Lãnh phát triển mạnh, thu 40 tân binh, biên chế 2 trung đội; huyện Kiến Văn thu 24 tân binh, thành lập 1 trung đội mới; huyện Hồng Ngự thu 94 tân binh, biên chế 2 đại đội; huyện Tam Nông thu 14 tân binh; huyện Mỹ An thu 14 tân binh, không kể lực lượng trên tăng cường.

Tuy quần chúng hăng hái đưa thanh niên tòng quân và có được kết quả nhất định nhưng chỉ đạt 6,9% chỉ tiêu (120/1.730 người). Dân quân du kích cả cũ và mới là 1.213 người, đạt 35% (trong đó có 45 cán bộ xã đội, 267 du kích xã, 70 du kích ấp, 40 du kích mật, 19 biệt động, 22 dân quân). Nguyên nhân là do thanh niên còn tâm lý e ngại của những năm bình định ác liệt như năm 1969, 1970 và một phần do tác

động chiến tranh tâm lý của địch. Nhưng chủ yếu là do các cấp ủy đảng chưa quán triệt sâu sắc nghị quyết của Tỉnh ủy, chưa thấy hết vị trí và tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở, chưa coi trọng đúng mức lực lượng dân quân du kích như là lực lượng gốc của ba thứ quân, là nòng cốt của ba mũi giáp công ở xã, ấp.

Đợt tiến công và nổi dậy Xuân - Hè 1972 ở tỉnh Kiến Phong kết thúc vào cuối tháng 7/1972. Trong sáu tháng, quân và dân trong tỉnh đã tiêu diệt và làm tan rã 5.772 tên địch (chưa kể lực lượng trên diệt địch tại Kiến Phong), diệt 3 đồn, pháo kích 27 đồn, chi khu, bức rút 13 đồn, diệt và đánh tan rã 202 tên tề điệp, phát động hơn 71.000 quần chúng tham gia các mặt công tác kháng chiến; giải phóng 14 ấp trên 10 ngàn dân, phá lỏng thế kềm kẹp trên tuyến sông Sở Hạ, Tân Thành (Hồng Ngự), tuyến An Long (Tam Nông), kinh Tư Mới, kinh Ba, kinh Nhì, kinh Bằng Lăng (Mỹ An), kinh Nguyễn Văn Tiếp A, kinh Đào, kinh Một (đoạn thuộc Cao Lãnh); vùng giải phóng được giữ vững và mở rộng, làm thất bại một bước quan trọng trong âm mưu bình định lấn chiếm của địch, tạo thuận lợi mới để phát triển tiến công và nổi dậy.

Thắng lợi Xuân - Hè 1972 của quân và dân trong tỉnh đã góp phần cùng cả nước đập tan về cơ bản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Trước thắng lợi to lớn của quân và dân ba nước Đông Dương (Việt Nam, Lào và Campuchia), tạo thuận lợi cho đàm phán tại Hội nghị Pari, ngày 08/10/1972, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp riêng đại diện Mỹ đưa ra dự thảo "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam", qua đàm phán, phía Mỹ đã thống nhất lịch

chấm dứt ném bom và thả mìn ở miền Bắc, công bố và ký hiệp định chính thức tại Pari ngày 31/10/1972. Khu ủy chỉ đạo đón thời cơ ký hiệp định mở rộng vùng làm chủ của ta sát thị xã, thị trấn để khi ngừng bắn giữ nguyên trạng.

Tháng 10/1972, Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong ra Chỉ thị số 32/CTĐK và số 34/CTĐK, động viên các cấp, các ngành "Thừa thắng xông lên giành thắng lợi to lớn nhất trong những ngày sắp đến" và "Hướng dẫn một số nội dung và việc làm cấp bách trong phát động, tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh và nổi dậy khởi nghĩa trước, trong và sau khi có lệnh ngừng bắn".

Đêm ngày 26 rạng ngày 27/10/1972, ta đưa Tiểu đoàn 283 của Khu 8, địa phương quân Kiến Văn, du kích xã Tịnh Thới thọc sâu vào ấp Tịnh Mỹ, Tịnh Châu (xã Tịnh Thới). Mũi 2 gồm Tiểu đoàn 502A và đại đội địa phương quân Thanh Bình thọc sâu đứng chân ở ấp Hòa Thuận, Hòa Long (xã Hòa An). Mũi 3 gồm Tiểu đoàn 502B, biệt động thị xã Cao Lãnh, địa phương quân huyện Cao Lãnh, du kích xã Mỹ Ngãi, Tân An đứng chân trên lộ 30 (xã Tân An, xã Mỹ Ngãi), hình thành thế bao vây thị xã Cao Lãnh, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Nhưng chính quyền Mỹ lật lọng không ký hiệp định, tiểu khu Kiến Phong điều động lực lượng để đối phó. Ở Hòa An, địch đưa 1 tiểu đoàn của Sư đoàn 7, 1 tiểu đoàn bảo an, khoảng 1 tiểu đoàn hỗn hợp dân vệ - bảo an, 1 chi đoàn xe M113 kết hợp nhiều đợt phi pháo tấn công vào đội hình ta, nhưng đều bị ta bẻ gãy, giữ vững trận địa. Ngày 28/10, ta chuyển lực lượng ở Hòa An về phối hợp với Tiểu đoàn 502B và địa phương quân Cao Lãnh đóng từ rạch Ba Sao lên đến sát đồn Bình Trị (xã Mỹ Ngãi) chống địch phản kích suốt ngày 28/10. Đêm ngày 28 rạng ngày 29/10, ta rút toàn bộ lực lượng

ở Mỹ Ngãi, Tịnh Thới về vùng giải phóng. Đợt tác chiến này ta diệt nhiều tên địch, bắn rơi 1 trực thăng, bắn cháy 1 xe M113.

Từ ngày 26/10 đến ngày 11/11/1972, bộ đội huyện Hồng Ngự phối hợp với lực lượng của Miền (e207) triển khai qua vùng cù lao Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận (Hồng Ngự).

Để đối phó việc ta đưa quân qua vùng yếu, cuối tháng 10 và tháng 11/1972, địch tập trung gần đủ Sư đoàn 7, có hỏa lực chi viện mạnh (6, 7 đợt B.52 ném bom rải thảm) đánh phá ác liệt các lõm giải phóng, nhằm đẩy lực lượng ta ra xa dân, gom dân ra vùng yếu; sử dụng Sư đoàn 7 và các liên đội bảo an hành quân dài ngày tuyến biên giới Hồng Ngự, ngăn chặn hành lang, chốt chặn từ Dinh Bà đến Cần Cháp (Tân Thành) qua Kiến Tường. Ở xã Hòa An, địch đưa 1 tiểu đoàn của Sư đoàn 7, 1 chi đoàn xe M113 và 1 tiểu đoàn hỗn hợp bảo an - dân vệ càn quét, ngăn chặn hoạt động của ta. Ở vùng ven yếu, thị xã, thị trấn, địch mở các cuộc hành quân bảo an, cảnh sát, phượng hoàng, tập trung tuyên truyền đòi miền Bắc rút quân, chống chính phủ ba thành phần, úp bộ quần chúng vào các tổ chức của địch, kể cả thiếu nhi, buộc quần chúng phải học võ, tự trang bị dao, mác, gậy, dây, mõ tre... Địch phân loại để phân biệt đối xử đối với binh sĩ và gia đình, đàn áp mạnh số đào ngũ, phản chiến, phát động chiến dịch bắt bớ, khủng bố gia đình cán bộ chiến sĩ ta,...

Ở Mỹ, Níchxơn vừa đắc cử Tổng thống, không ký Hiệp định đã được thỏa thuận trong cuộc họp ngày 17/10/1972. Do không lường hết khó khăn khi tấn công qua vùng cù lao, lực lượng bị cô lập, cơ sở còn yếu, nên Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 207 của Miền bị tổn thất lớn - hơn 100 cán bộ, chiến sĩ hy sinh và bị địch bắt. Ta không đứng chân được dài ngày ở vùng yếu. Cán bộ, đảng viên có diễn biến tư tưởng, hoài nghi thắng lợi của ta,

thấy chiến tranh còn kéo dài, uể oải trong tấn công địch, ngại ác liệt, chờ thời, chờ lực lượng vũ trang của trên đến giải quyết.

Ngày 26/10/1972, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố những nội dung chủ yếu của dự thảo Hiệp định Pari, vạch trần thái độ gian dối và lật lọng của Mỹ. Tuyên bố nhận được sự hưởng ứng rộng rãi của nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ, tạo dư luận đòi Mỹ ký hiệp định chấm dứt chiến tranh.

Nắm được tình hình trên và được sự lãnh đạo kịp thời của Trung ương Cục và Khu 8, Tỉnh ủy đã phát động học tập trong nội bộ và quần chúng, giải quyết tư tưởng để đẩy mạnh các đợt tấn công địch. Qua học tập đã chuyển được phong trào, mặt khác, còn đẩy mạnh tuyên truyền Hiệp định đình chiến và thiện chí hòa bình của ta theo bản tuyên bố ngày 26/10 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vận động thực hiện và đấu tranh cho khẩu hiệu trung tâm "Hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm áo, hòa hợp dân tộc". Do đó, hầu hết lực lượng phòng vệ dân sự không chống trả lại ta. Đồng bào Hòa Hảo nói "Có hòa bình là do công ơn của giải phóng". Rất nhiều người dân tiếp tế gạo, thức ăn cho bộ đội, che giấu, nuôi các chiến sĩ bị lạc đơn vị, nuôi thương binh, chở tử sĩ về vùng giải phóng; một số lớn quần chúng hứa trở về đất vườn cũ. Gia đình binh sĩ tích cực vận động chồng, con, em về để sớm có hòa bình. Nhiều điển hình tốt trong đồng bào Hòa Hảo vận động và tổ chức đưa trên 100 lính của Sư đoàn 7 đào ngũ về với gia đình. Phong trào chống sơn cờ, may cờ ba que, chống phạt vạ diễn ra liên tiếp và mạnh mẽ. Nhiều tốp thanh niên từ 30 đến 40 người tranh thủ được sự đồng tình của ban trị sự đạo hoặc tề ấp, hình thành các khu vực chống bắt lính[1].

---

1. Ở Kiến Phong, địch bắt lính không được nhiều, số bắt được đem đến quân trường chỉ còn 15%.

Tuy địch có phản ứng quyết liệt nhưng chúng không thể ngăn cản được sự hoang mang tan rã của ngụy quân, ngụy quyền, nhất là ở cơ sở. Trong đợt hoạt động tháng 11/1972, ta giải phóng thêm nhiều ấp ở các xã Bình Hàng Trung, Mỹ Hội, Mỹ Xương, Bình Hàng Tây, Long Hiệp, Bình Thạnh... Đánh thiệt hại 2 đại đội, làm rã ngũ hàng trăm tên của Sư đoàn 7 chủ lực ngụy, bắn rơi 1 máy bay trực thăng, bắn hỏng 1 xe M113. Quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ trên diện rộng, nhiều xã xây dựng được lực lượng du kích tại chỗ, phát triển hội viên các đoàn thể.

Nhưng nhìn chung, phong trào phát triển chưa rộng mạnh theo thời cơ mới. Trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, nhất là cấp cơ sở chưa quán triệt tính tiến công của khẩu hiệu trung tâm, vận dụng linh hoạt sát hợp với yêu cầu cấp bách của quần chúng. Mặt khác, Mỹ lật lọng chưa chịu ký kết Hiệp định, do đó, thời cơ ngưng bắn chưa được mở ra, ta chưa có điều kiện và trên thực tế chưa đạt được yêu cầu, ý định của trên và Tỉnh ủy là giải phóng đại bộ phận nông thôn.

Đạt được kết quả ở mức thấp nhưng cao điểm hoạt động đứng chân ở vùng yếu tháng 11/1972 biểu hiện quyết tâm, sự chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và tinh thần chủ động tấn công địch của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã tạo thế chủ động trên chiến trường và những cơ sở cần thiết, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định Pari.

Sau đợt tấn công tháng 11/1972, các đơn vị bộ đội tỉnh lo củng cố, học tập, chuẩn bị cho đợt hoạt động mới. Một số nơi trong tỉnh, phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh, diệt được địch, giữ vững vùng giải phóng ở các xã

Bình Hàng Tây (Kiến Văn), Phương Thịnh, Nhị Mỹ (Cao Lãnh), Tứ Thường, Tân Thành, Tân Hộ Cơ (Hồng Ngự), bẻ gãy một số cuộc càn quét phát quang của địch, giữ và mở lõm giải phóng ở Bình Thạnh (Cao Lãnh), Đốc Binh Kiều, Mỹ Hòa (Mỹ An), diệt và làm bị thương 170 tên, giải phóng 3 ấp với 4.000 dân.

Năm 1972, thực hiện chủ trương chung, Đảng bộ đã nắm vững thời cơ, vượt qua mọi gian khổ hy sinh, lãnh đạo quân và dân trong tỉnh phát động cao trào tiến công và nổi dậy liên tục và mạnh mẽ giành thắng lợi lớn:

Các lực lượng vũ trang ba thứ quân trong tỉnh đánh địch 658 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 9.959 tên; diệt gọn 6 đại đội, 35 trung đội bảo an, 17 trung đội dân vệ; đánh thiệt hại nhiều lần hai tiểu đoàn 423 và 417, các liên đội 63, 64, 28, 95, 96 và các đại đội bảo an số 119, 213, 989, 625, 327; diệt 3 đồn, bức rút 19 đồn tua, đánh thiệt hại nặng 31 đồn tua; bắn chìm và cháy 26 tàu ghe, bắn rơi và bị thương 7 máy bay, bắn hỏng và cháy 3 xe M113, phá hủy 147 súng các loại, thu 546 súng, 160 ngàn đạn các loại, 32 máy thông tin và nhiều đồ dùng quân sự, phương tiện chiến tranh.

Giữ vững và mở rộng các lõm giải phóng gồm 3 xã, 19 ấp, nắm được trên 100.000 dân. Chuyển vùng tranh chấp và tranh chấp mạnh 43 xã trong tổng số 64 xã, 275 ấp trong tổng số 323 ấp toàn tỉnh Kiến Phong[1]. Nối thông hành lang trên các tuyến kinh Bùi, kinh Năm, kinh Nhì, kinh Cái, Bằng Lăng, Bảy Mạnh, Tám Ngàn, kinh Nguyễn Văn Tiếp A, kinh Tư Mới,

1. Tỉnh Kiến Phong (tháng 2/1972) có 7 huyện, 1 thị xã, 64 xã (trước là 67 xã), 323 ấp (trước là 306 ấp), 513.746 dân (trước là 656.000 dân).

tuyến sông Cần Lố, sông Sở Hạ... và các xã Mỹ Hòa, Đốc Binh Kiều, Thanh Mỹ.

Phát động hơn 78.000 lượt quần chúng nổi dậy, 250.000 lượt quần chúng đấu tranh chính trị trực diện, có hơn 41.000 lượt quần chúng làm công tác binh vận; tổ chức 38 cuộc đấu tranh binh vận với 5.200 lượt quần chúng tham gia (có 1.638 gia đình binh sĩ), buộc địch phải thả 185 người bị bắt và 522 thanh niên khỏi bị bắt lính, trả lại cho nông dân 6.500 công ruộng.

Trên cơ sở xây dựng, phát triển lực lượng dân quân du kích, các đơn vị địa phương quân tỉnh, huyện đều được bổ sung quân số. Ngoài số quân được trên tăng cường, ta còn tích cực thu tân binh và rút du kích xã bổ sung bộ đội huyện, tỉnh. Trong năm 1972, bộ đội tỉnh gồm 2 tiểu đoàn 502A và 502B, các đại đội trợ chiến, đại đội độc lập và trinh sát, tăng 570 người (tháng 3/1972 chỉ có 135 người). Địa phương quân các huyện tăng 396 người (tháng 3/1972 chỉ có 205 cán bộ, chiến sĩ). Dân quân du kích có 1.209 người, tăng 634 người.

Các đoàn thể nông, thanh, phụ, cơ sở nòng cốt, quần chúng tích cực và cảm tình được phát triển rộng rãi. Ngoài ra, ta còn nắm các tổ chức công khai, bán khai như hội bóng chuyền, hội miễu, hội đình, hội phụ huynh học sinh, Ban Trị sự giáo hội Phật giáo...

Trên cơ sở đẩy mạnh phong trào tiến công, nổi dậy chuyển vùng và xuất phát từ yêu cầu lãnh đạo, năm 1972 ta phát triển mới 162 chi bộ, đưa tổng số chi bộ toàn tỉnh lên 316 (trong số này có 57 chi bộ hệ quân sự, 84 chi bộ hệ dân chính đảng, 6 chi bộ thị trấn, còn lại là chi bộ xã, ấp (có 53 chi bộ mật). Tổng số đảng viên cuối năm 1972 là 2.626 (riêng tỉnh Kiến Phong). Việc phát triển cơ sở đảng và cơ sở quần chúng nòng cốt với tốc độ tương đối nhanh. Cuối năm 1972, ta chỉ còn 5 xã trắng

(Chợ Mới: 2, Cao Lãnh: 2, thị xã: 1 khu) và 92 ấp trắng (Hồng Ngự: 5, Thanh Bình: 6, Tam Nông: 5, Cao Lãnh: 17, Kiến Văn: 2, Mỹ An: 2 ấp không có dân là Mỹ Quý và Thanh Mỹ, Chợ Mới: 55).

Xuất phát từ yêu cầu cơ cấu tổ chức và yêu cầu bồi dưỡng tăng sinh lực cho Tỉnh ủy, tháng 9/1972, Tỉnh ủy đã đề nghị và được cấp trên chuẩn y bổ sung thêm một số tỉnh ủy viên[1]. Tháng 10/1972, Khu ủy điều động đồng chí Trần Anh Điền (Tám Bé), Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong về Khu, Ban Chấp hành Đảng bộ họp, phân công nhiệm vụ mới cho các cấp ủy viên[2]. Do công tác và hoàn cảnh chiến trường chưa

---

1. Tỉnh ủy viên gồm: Lê Thị Tiệp (Năm Mai), Võ Thái Hòa (Tỉnh ủy viên chính thức), Phan Hữu Lập, Võ Hồng Nhân (Tỉnh ủy viên dự khuyết).

2. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm:

- Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ), Bí thư Tỉnh ủy, phụ trách tổ chức, kiểm tra, tuyên huấn, văn phòng Tỉnh ủy và ban nghiên cứu.

- Nguyễn Văn Năm (Tám Mai), Phó Bí thư, phụ trách quân sự (Tỉnh đội trưởng).

- Nguyễn Văn Nhượng (Năm Nhượng), Ủy viên Thường vụ, phụ trách quân sự (Chính trị viên Tỉnh đội).

- Nguyễn Thế Hữu, Ủy viên Thường vụ, phụ trách an ninh, giao bưu và bộ phận công khai khi có ngừng chiến.

- Nguyễn Thanh Khê (Sáu Cầm), Ủy viên Thường vụ, phụ trách kinh tế tài chính, dân y, chính quyền, thương binh xã hội, thi đua.

- Huỳnh Văn Thưởng (Năm Thảo), Ủy viên Thường vụ, phụ trách khối vận.

- Đoàn Minh Ngọc (Sáu Thượng), Ủy viên Thường vụ, phụ trách mặt trận đấu tranh chính trị đô thị và tư, trí vận.

Các đồng chí Tỉnh ủy viên gồm: Lê Ngọc Bửu (Trần Hựu), Phạm Văn Ty (Tám Ty), Ngô Quang Tựu (Năm Vinh), Lê Văn Bình (Năm Bình), Lê Thị Tiệp (Năm Mai), Phan Hữu Lập (Sáu Lập), Võ Thái Hòa, Phan Văn Đấu (Năm Đấu), Lê Hiếu, Phạm Văn Thành (Hai Hớn), Bùi Quang Thạnh (Mười Thạnh), Huỳnh Văn Vệ (Tư Hải), Võ Hồng Nhân. Mỗi đồng chí chuyên trách các ban ngành đoàn thể cấp tỉnh và một số là Bí thư huyện, thị.

thuận lợi cho việc tổ chức Hội nghị đại biểu bầu Ban Chấp hành mới, nên Tỉnh ủy đề nghị và được Khu ủy chấp thuận cho kéo dài thêm một nhiệm kỳ nữa. Ngoài ra, còn bầu lại 3 Huyện ủy viên[1].

Thắng lợi toàn diện của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh năm 1972 góp phần cùng toàn miền và cả nước làm thất bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (tháng 01/1973) tại Pari, đơn phương rút quân về nước.

1. Thị xã Cao Lãnh: Tháng 10/1972, Khu ủy chỉ định đồng chí Võ Hồng Nhân làm Tỉnh ủy viên dự khuyết/Phó Bí thư Thị xã ủy. Tháng 12/1972, đồng chí Đoàn Minh Ngọc (Sáu Thượng) được bầu vào Thường vụ Tỉnh ủy và điều về tỉnh, đồng chí Võ Hồng Nhân làm Bí thư Thị xã ủy. Ngày 07/01/1973, Khu ủy chỉ định bổ sung 8 thị xã ủy viên, nâng số ủy viên của Thị xã ủy lên 10 đồng chí (có 1 ủy viên dự khuyết).

Chương V

CHỐNG ĐỊCH VI PHẠM HIỆP ĐỊNH PARI VÀ CUỘC TIẾN CÔNG, NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975 GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (28/01/1973 - 30/4/1975)

I- KỊP THỜI CHUYỂN HƯỚNG THEO ĐƯỜNG LỐI, PHƯƠNG CHÂM MỚI, CHUYỂN MẠNH PHONG TRÀO KHẮP BA VÙNG

Do bị thất bại nặng về chính sách bình định và "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam[1] và những thiệt hại lớn trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm bằng không quân vào Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng[2], đế quốc Mỹ buộc phải ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam tại Pari vào ngày 27/01/1973. Theo Hiệp định, Mỹ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, phải rút hết quân Mỹ và quân đồng minh, công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, phải bồi thường chiến tranh, phải công

---

1. Cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972 của quân và dân ta ở miền Nam đã tiêu diệt và làm thiệt hại nặng hơn một nửa số sư đoàn địch, tiêu diệt và làm tan rã gần 2/3 số quân chủ lực ngụy, giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn, phá rã nhiều mảng kềm kẹp của địch.

2. Tháng 12/1972, trong 12 ngày đêm Mỹ ồ ạt đánh phá Thủ đô Hà Nội và Hải Phòng, quân và dân ta bắn rơi 81 máy bay Mỹ, có 34 máy bay B.52, riêng Hà Nội bắn rơi 30 máy bay, có 23 máy bay B.52.

nhận thực tế ở miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát...

Hiệp định Pari mở ra giai đoạn mới của cách mạng miền Nam: *Giai đoạn đấu tranh thi hành Hiệp định để hoàn thành nốt cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.*

Từ ngày 15/3 đến ngày 29/3/1973, những đơn vị cuối cùng của quân Mỹ và chư hầu cuốn cờ rút khỏi miền Nam Việt Nam. Nhưng Mỹ - ngụy vẫn ngoan cố phá hoại Hiệp định, kéo dài chiến tranh. Chúng thực hiện chương trình "tràn ngập lãnh thổ", ra sức lấn chiếm xóa vùng giải phóng, tăng cường cướp bóc, vơ vét, bắt lính, khủng bố, kềm kẹp quần chúng trong vùng chúng tạm thời kiểm soát.

Trước và sau khi ký Hiệp định Pari, âm mưu có tính chất bao trùm của địch là càn quét đóng đồn lấn chiếm và di dân, xóa các lõm giải phóng. Năm 1973, ở tỉnh Kiến Phong, địch mở 1.671 cuộc hành quân càn quét lớn nhỏ, đóng trái phép vào vùng ta 16 đồn, 2 tua, tái chiếm 35 đồn. Chúng càn quét sâu vào các lõm giải phóng, di dân cướp đất, lập "ấp mới" ở kinh Đồng Tiến và kinh Hồng Kỳ (Tam Nông), lấn chiếm di dân vào Giồng Găng (hậu bối xã An Long, Thanh Bình), nhiều lần hành quân chiếm kinh Ba Mỹ Điền (xã Thanh Mỹ, Mỹ An)...

Các huyện phía nam sông Tiền, địch bao vây phong tỏa kinh tế vùng giải phóng, di dân lập khu nông binh, nông trại. Riêng huyện Châu Thành, địch tiến hành ủi phá, phát quang, đóng đồn, lập khu nông binh, nông trại từ năm 1970. Trước tình hình đó, Huyện ủy lãnh đạo phong trào đấu tranh ba mũi của quần chúng chống phá kế hoạch của địch nhưng kết quả còn hạn chế. Năm 1973, địch lập được 8 khu nông binh, 1 nông trại, cướp 41.030 công ruộng, 1.703 công vườn ở các xã An Khánh,

Phong Hòa, Phú Long, lừa mị và cưỡng ép 2.000 dân Quảng Tín vào khu di dân ở Lộ Mới (xã An Khánh).

Tại vùng địch tạm thời kiểm soát, chúng ráo riết bắt lính đôn quân, tăng thuế, vơ vét lúa gạo, tăng cường các biện pháp kềm kẹp, khủng bố. Riêng tỉnh Kiến Phong trong năm 1973, địch bắt 623 thanh niên đi lính, tăng lực lượng phòng vệ dân sự từ 15.000 người (tháng 3/1973) lên 25.000 người (cuối năm 1973), thành lập thêm 2 tiểu đoàn bảo an (517 và 543), lập ra nhiều tổ chức chính trị phản động, trùm lên trên hết là Đảng Dân chủ của Nguyễn Văn Thiệu[1], đưa bọn tay chân vào nắm các tổ chức quyền lợi giới[2], đưa bọn ác ôn về xã ấp để khống chế bộ máy tề, cảnh sát, phòng vệ dân sự. Riêng vùng tôn giáo, chúng đưa tay chân vào các ban trị sự để nắm tín đồ. Trong vùng giải phóng, chúng kết hợp đánh phá bằng quân sự với hoạt động gián điệp, chiến tranh tâm lý, hòng gây mất ổn định.

"Do chính sách cực kỳ phản động, phát xít tàn bạo của địch, những mâu thuẫn cơ bản giữa địch với quần chúng trong các vùng địch còn kềm kẹp, tôn giáo, thị xã, thị trấn, giữa hành động chiến tranh của địch với nguyện vọng hòa bình của quần chúng, giữa chế độ thực dân kiểu Mỹ với lòng khao khát độc lập, tự do, giữa chính sách độc tài phát xít với các quyền tự do dân chủ, giữa bóc lột vơ vét với yêu cầu cải thiện dân sinh, giữa chia rẽ ly gián với hòa hợp dân tộc. Những mâu thuẫn đó

---

1. Theo *Kiến Phong địa phương chí* (xuất bản năm 1974): Đảng Dân chủ đặt trụ sở Tỉnh bộ tại góc đường Cộng Hòa - Nguyễn Huệ, thị xã Cao Lãnh, tổng số đảng viên toàn tỉnh Kiến Phong cuối năm 1974 là 20.082 đảng viên. Ngoài ra, còn có Đảng Cộng hoà: 175 đảng viên, Liên minh Dân chủ Xã hội: 3.070 đảng viên.

2. Ban phụ huynh học sinh, Hội tương tế ái hữu, các nghiệp đoàn, các ban tế tự...

đang và sẽ ngày càng phát triển gay gắt, tạo ra những nhân tố cho tình thế cách mạng ngày càng chín muồi đi đến đánh đổ chính quyền địch"[1].

Về phía ta, tuy gặp nhiều khó khăn, song đang đứng trước thời cơ thuận lợi và nhân tố mới: Khí thế phấn khởi của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng khi có Hiệp định, còn địch thì sa sút hoang mang.

Từ thực tế của tỉnh và thực hiện Chỉ thị số 02/CT-73, ngày 25/01/1973 của Trung ương Cục "Về phương hướng chủ trương nội dung công tác chủ yếu cần tập trung chỉ đạo trong thời gian đầu khi có giải pháp chính trị và ngưng bắn". Chỉ thị nhấn mạnh: "Vấn đề đặt ra cho được khi có giải pháp và ngưng chiến là phải phát huy thắng lợi, tranh thủ thời cơ, dựa vào sức mạnh của quần chúng, biến thành cao trào chính trị bạo lực rộng khắp trên cả ba vùng dưới khẩu hiệu hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm áo, hòa hợp dân tộc, làm tan rã lớn quân ngụy và lực lượng kềm kẹp ở cơ sở, phân hóa và làm suy yếu ngụy quyền các cấp, đi đôi với xây dựng phát triển lực lượng vũ trang, chính trị của ta vững mạnh, củng cố và mở rộng vùng giải phóng và chính quyền cách mạng", Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết "Phát động quần chúng tấn công địch ba mũi kết hợp pháp lý theo phương châm mới trong tình hình có Hiệp định Pari".

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, toàn Đảng bộ đã tập trung cho công tác tuyên truyền, phát động quần chúng, mở cuộc vận động chính trị trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

---

1. Trích Báo cáo công tác phát động quần chúng nổi dậy đánh phá bình định, giành quyền làm chủ từ sau ngày ký kết Hiệp định Pari đến nay của Tỉnh ủy Kiến Phong, 1973.

Nội dung phát động được soạn thảo cụ thể sát với thực tế, quyền lợi thiết thân. Khẩu hiệu trung tâm được vận dụng sát với từng giới, từng vùng, từng hoàn cảnh cụ thể. Hình thức phát động rất đa dạng, phong phú như míttinh, hội họp, truyền đơn, khẩu hiệu, thư tay, đọc báo, vũ trang tuyên truyền, tuyên truyền xung phong, phổ biến các bài diễn ca. Đối với vùng yếu, hình thức phổ biến là thông qua cơ sở nòng cốt chuỗi - rễ tuyên truyền ra quần chúng. Vùng tôn giáo, ta sử dụng nhiều cốt cán trung gian, chức sắc để phổ biến Hiệp định. Đối với binh sĩ thì phát loa, dùng gia đình binh sĩ đem Hiệp định giao tận tay chồng, con, em và thả bè chuối mang băng khẩu hiệu, in một số điều khoản hoặc toàn văn Hiệp định có kèm theo truyền đơn kêu gọi binh sĩ... Ta đã in và phát hành 20.000 văn bản Hiệp định, Nghị định thư, Thông báo chung. Riêng các huyện phía bắc sông Tiền, ta đã tập hợp, phát động hơn nửa triệu lượt người. Từ trong nội bộ Đảng đến quần chúng đều thông hiểu ý nghĩa thắng lợi, thấy các điều khoản Hiệp định giải quyết đúng yêu cầu nguyện vọng, tình cảm thiên liêng và bức thiết của mình: "Pháp lý Hiệp định chẳng những phát huy sức mạnh đấu tranh ba mũi của quần chúng mà nó còn bảo đảm cho thế chính trị hợp pháp của cách mạng của quần chúng, trang bị thêm lý lẽ vững chắc cho quần chúng tấn công địch từng mũi chính trị, binh vận, vũ trang và bằng 3 mũi kết hợp pháp lý"[1].

Cùng với việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền phát động quần chúng, năm 1973 ta còn giành thắng lợi lớn trên mặt trận chống bình định lấn chiếm di dân, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng.

---

1. Trích Báo cáo công tác chống phá bình định năm 1973 của Tỉnh ủy Kiến Phong.

Hiệp định Pari quy định ngày 28/01/1973 ngừng bắn trên toàn miền Nam, nhưng địch tập trung lực lượng lấn chiếm ồ ạt nhằm xóa vùng ta nhằm thực hiện âm mưu "tràn ngập lãnh thổ". Lần này, chúng dự định lấn chiếm gần 20 đồn và chia thành bốn mũi đánh ra các vùng Thầy Cắt (xã Mỹ Thọ), Bà Vừng (xã Nhị Mỹ), kinh Hai Ngàn (xã Thiện Mỹ, huyện Cao Lãnh) và ấp Mỹ Phước (xã Mỹ Quý, huyện Mỹ An). Ở Châu Thành, địch chiếm xã An Nhơn và xã Tân Nhuận Đông để xây dựng "Khu kinh tế hậu chiến".

Để chống địch "tràn ngập lãnh thổ", xóa vùng giải phóng, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, đêm ngày 28/01/1973, lực lượng biệt động thị xã Cao Lãnh ra đóng ở khu 2, 3 (xã Mỹ Trà), Tiểu đoàn 502A và địa phương quân Cao Lãnh, du kích xã Nhị Mỹ, An Bình ra đóng sát lộ 30 (xã An Bình) để tuyên truyền phát động quần chúng giành quyền làm chủ, quân địch ở các đồn xung quanh bung ra đánh vào đội hình của ta. Mũi biệt động thị xã có 1 trung đội do Thành Ba, Thị đội phó chỉ huy, cùng cán bộ các ban, ngành, đoàn thể thị xã, du kích khu 2 phải chống trả 10 đợt tấn công của nhiều đại đội bảo an, giữ vững trận địa (ngày 28/01/1973). Ở xã An Bình, địch đưa cả tiểu đoàn của Trung đoàn 16/f9, máy bay đánh phá ác liệt, đốt nhà dân ở rạch Ông Tú... Đồng thời, chúng đưa quân lấn chiếm xã Mỹ Thọ, ở huyện Tam Nông, Thanh Bình.

Được Tỉnh ủy chỉ đạo, sau hơn một tháng gấp rút chuẩn bị, đêm ngày 07 rạng ngày 08/3/1973, biệt động thị xã cùng với Tiểu đoàn 502A phối hợp nội tuyến diệt gọn 1 đại đội bảo an đồn Đường Thét, bắt sống 6 tên, thu trên 40 súng. Sáng ngày 08/3/1973, địch cho L-19 phát loa tố cáo ta vi phạm Hiệp định,

sau đó, dùng trực thăng đổ quân tái chiếm. Ta dùng cối 82 bắn cấp tập vào đồn, trực thăng và L-19 phải bay về tiểu khu[1].

Sáng ngày 08/3/1973, ở rạch Thầy Cắt (xã Mỹ Thọ), địch huy động 1 tiểu đoàn bảo an, 1 tiểu đoàn chủ lực của Sư đoàn 9, 1 chi đoàn xe M113 cùng lực lượng dân vệ, thám báo, mở cuộc càn quét với ý định đóng 7 đồn ở xã Mỹ Thọ và xã Nhị Mỹ. Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, hai tiểu đoàn 502A, 503B đứng chân tại đây đã phối hợp với bộ đội huyện và du kích xã nổ súng chặn địch. Địch ném bom, bắn pháo dữ dội vào trận địa. Tại đây, ta và địch giằng co quyết liệt hơn một tháng. Ta dùng thế ba mặt của quần chúng tấn công địch, mỗi ngày địch chết và bị thương từ 3 đến 5 tên, binh sĩ địch ngày càng mỏi mệt, hoang mang. Nhân đà đó, ta vận động quần chúng tấn công binh vận bằng pháp lý Hiệp định. Bằng sức mạnh của ba mặt và thế thắng của Hiệp định, ta đã bẻ gãy hoàn toàn mũi lấn chiếm này của địch, giành quyền làm chủ cách lộ 30 khoảng 700m. Sau đó, ta tiếp tục tấn công binh vận tạo hòa hoãn với tiểu đoàn bảo an đóng dã chiến tại đây. Từ hòa hoãn, ta vận động hàng trăm binh sĩ rã ngũ. Bọn chỉ huy địch buộc phải thay đổi nhiều đơn vị nhưng ta vẫn tạo thế hòa hoãn kéo dài gần một năm.

Các mũi lấn chiếm khác của địch ở các xã Phong Mỹ, Thiện Mỹ và Mỹ Quý cũng lần lượt bị ta đánh bại. *Thực tế đó chứng tỏ phương châm mới kết hợp ba mũi với pháp lý Hiệp định là hoàn toàn đúng đắn.* Thắng lợi này càng củng cố lập trường và quyết tâm đánh địch, giữ vững quyền làm chủ. Mặt khác, Tỉnh ủy cũng thấy được sức mạnh của Hiệp định,

1. Võ Hồng Nhân (Chủ biên): *Lịch sử truyền thống và cách mạng thị xã Cao Lãnh (1930 - 2005),* Đồng Tháp, 2012, tr.291.

khả năng đấu tranh của quần chúng trong giai đoạn mới và rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc chỉ đạo.

Phối hợp với mặt trận chống địch càn quét lấn chiếm vùng giải phóng, trong hai tháng đầu sau Hiệp định Pari, ở huyện Hồng Ngự ta đánh diệt và bức rút các đồn Bình Phú, Cả Cái, Cây Me, Gò Da, Gò Chùa, Sâm Sai, Xã Lịnh, Mương Kinh, Cội Tiểu, Cả Sách và Tham Bua (tức Cả Sơ), ở Cao Lãnh bức rút đồn Thầy Cắt[1].

Phong trào diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ, chuyển vùng, giành dân, xây dựng lực lượng cách mạng tại chỗ có bước phát triển mới. Trong quý I năm 1973, số ấp mới chuyển lên là 40 ấp với 154.000 dân. Ta làm chủ mạnh 49 ấp[2], giải phóng mới 4 ấp[3], đưa 797 gia đình về bám ruộng vườn cũ.

---

1. Sau đó địch tái chiếm 9 đồn. Ở Hồng Ngự chỉ còn 3 đồn Cội Tiểu, Cả Sách, Bình Phú địch chưa tái chiếm. Ở Cao Lãnh địch tái chiếm đồn Thầy Cắt xã Mỹ Thọ nhưng ta bức rút lần hai vào ngày 14/3/1973. Cũng thời gian này, địch lấn chiếm đồn Chùa Bà Năm (ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Quý, huyện Mỹ An) nhưng ta bức rút vào ngày 01/4/1973.

2. Số ấp mới chuyển lên làm chủ là:

- Hồng Ngự có 7 ấp: Gò Da (xã Tân Công Chí), Ấp 4 (xã Thường Lạc), ấp Thị (xã Thường Thới Tiền), 3 ấp của xã Phú Thuận, ấp An Thạnh B (xã An Bình).

- Thanh Bình có 3 ấp: Bình Hòa, Bình Trung (xã Bình Thành), ấp Tân Hòa (xã Tân Phú).

- Cao Lãnh có 9 ấp: Ấp 1 (xã Thiện Mỹ), Ấp 6, Ấp 7 (xã Mỹ Ngãi), Ấp 5, Phú Mỹ, Mỹ Phước Cù Lao (xã Mỹ Thọ), ấp Nguyễn Cử (xã Nhị Mỹ), các ấp An Đông, An Võ, An Hòa (xã An Bình).

- Kiến Văn có 3 ấp: Ấp 1 (xã Bình Hàng Tây), Ấp 3 (xã Long Hiệp), ấp Mỹ Thị A (xã Bình Thạnh).

- Mỹ An có 8 ấp: Mỹ Hổ, Thạnh Linh, Thạnh Hiệp (xã Thạnh Lợi), Mỹ Hiệp, Mỹ Thị A (xã Mỹ An), Ấp 3 (xã Mỹ Hoà), Ấp 2 và Ấp 3 (xã Đốc Binh Kiều), ấp Hưng Lợi, ấp Mỹ Điền (xã Thanh Mỹ).

3. Bốn ấp mới giải phóng bao gồm: Bình Hòa Thượng, Bình Hòa Trung (xã Thường Thới Hậu), Ấp 2 (xã Thường Phước), ấp Bình Phú (xã Tân Hộ Cơ, huyện Hồng Ngự).

Giữa tháng 02/1973, Vùng 4 chiến thuật điều các tiểu đoàn của Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9, một chi đoàn M113 ở chiến trường Kiến Văn, Cao Lãnh lên biên giới Hồng Ngự - Campuchia để đối phó sau khi ta bức rút một số đồn, bót. Ngụy quyền địa phương bắt ép quần chúng tố cáo "quân Giải phóng vi phạm Hiệp định" đến Ủy hội quốc tế, như ở Mỹ Trà, An Bình (Cao Lãnh), Mỹ Xương (Kiến Văn) - nơi ta đứng chân ngày 28/01/1973. Những nơi lực lượng ta còn đứng chân, như ở Mỹ Hòa (Mỹ An), Bình Hàng Tây (Kiến Văn), địch đưa quân án ngữ, cắm cờ. Ở kinh Ngang, kinh Bằng Lăng (huyện Mỹ An), địch phát quang, lấn chiếm, đóng lại đồn, bót. Vùng tôn giáo, thị xã, thị trấn, địch tăng cường hành quân cảnh sát, bắt bớ, khủng bố gia đình cán bộ, ngăn cấm quần chúng bàn tán Hiệp định, bắt giam một số người.

Tuy địch có âm mưu và hoạt động phá hoại Hiệp định nhưng đa số ngụy quân, ngụy quyền tinh thần sa sút, nhất là ở bên dưới, nhiều nơi địch co thủ, trung lập.

Ở các huyện phía nam sông Tiền, khi có Hiệp định Pari, Tỉnh ủy Vĩnh Long chỉ đạo "Quyết đánh, không để địch lấn ta", thực hiện phương châm "Giữ vững vùng giải phóng, đứng vững vùng tranh chấp, tấn công vùng kềm và thị xã".

Thực hiện phương châm này, cấp ủy các huyện tập trung đẩy mạnh các mặt hoạt động. Ngày 28/01/1973, các lực lượng của ta bung ra cắm cờ giành dân và sẵn sàng chiến đấu. Tiểu đoàn 857 đứng chân ở Bà Tơ, chặn đứng và tiêu hao nặng quân địch ở chi khu Đức Tôn đi giải tỏa. Đơn vị bảo vệ Huyện ủy và các cơ quan huyện Châu Thành chặn đánh địch tại Mương Kinh (xã An Khánh). Ở các xã Phú Hựu, Tân Nhuận Đông,

Tân Xuân (huyện Châu Thành), địch nống ra gỡ cờ liền bị du kích và nhân dân địa phương chặn đánh. Từ tháng 3 đến tháng 6/1973, Tiểu đoàn 857 cùng bộ đội huyện và du kích các xã đánh bại nhiều cuộc hành quân lấn chiếm đóng đồn của địch ở các xã Hòa Tân, Phú Long, An Khánh, Tân Nhuận Đông và tập kích phân chi khu An Phú Thuận. Những trận này ta loại khỏi vòng chiến đấu 1.223 tên địch[1].

Phong trào đấu tranh chính trị có bước chuyển mới. Khẩu hiệu tập trung yêu cầu chống bắt lính, chống vào phòng vệ quân sự, chống khủng bố vơ vét làm tiền, phá khu gom dân trở về ruộng vườn cũ sản xuất, thực hiện hòa bình, hòa hợp dân tộc. Trong ba tháng đầu năm 1973, riêng huyện Châu Thành có 84 cuộc đấu tranh, 1.391 lượt người tham gia, trong số này có 229 lượt người đấu tranh trực diện. Ngoài ra, còn 103 cuộc đấu tranh lẻ tẻ với tề xã ấp. Kết quả, buộc địch phải bồi thường 1.230.000 đồng và 145 giạ lúa, giành lại 10.080 công ruộng, 107 công vườn. Đặc biệt ở xã Phú Hựu và xã An Khánh, quần chúng đấu tranh buộc địch bắt giam 13 tên tề ác ôn và tham nhũng, 125 gia đình ở khu nông binh, nông trại trở về ruộng vườn cũ.

Ngày 29/3/1973, tin quân xâm lược Mỹ làm lễ cuốn cờ về nước đã tác động mạnh mẽ đến các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào vùng Hòa Hảo và ở thị xã, thị trấn. Đồng bào càng tăng thêm lòng phấn khởi, thấy Mỹ thua đã rõ ràng. Quân ngụy tiếp tục hoang mang vì mất chỗ dựa. Khí thế đấu tranh

1. Trong đó, 237 tên chết, 454 tên bị thương, 31 tên bị bắt, 178 binh sĩ đào rã ngũ,... (theo Báo cáo của Huyện ủy Châu Thành từ tháng 01 đến tháng 9/1973).

của quần chúng trong vùng địch tạm thời kiểm soát phát triển mạnh, nhất là chống bắt lính, đòi về nơi ở cũ.

Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong kịp thời họp để kiểm điểm tình hình sau hơn hai tháng thi hành Hiệp định Pari, đồng thời triển khai hai Chỉ thị số 03/CT-72, số 04/CT-73 của Trung ương Cục. Thường vụ tiếp tục chỉ đạo: "Phát động một cuộc vận động chính trị sâu trong toàn Đảng, quân, dân nổi dậy tấn công địch ba mặt mạnh mẽ khắp các vùng, phá thế kềm kẹp giành quyền làm chủ, chống lấn chiếm gom dân của địch, buộc chúng thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định"[1]. Ý định của Tỉnh ủy là chủ động đánh diệt các đồn giáp với vùng giải phóng, mở rộng vùng. Trong tháng 4/1973, du kích và địa phương quân huyện tác chiến 207 trận, diệt 48 tên, làm bị thương 173 tên, bắt sống 2 tên, 17 hàng binh, bắn rơi 1 máy bay khu trục, bắn cháy và làm chìm 16 tàu, 3 xe M113, thu gần 100 súng, 2 máy thông tin, trên 6 tấn đạn, bức rút 8 đồn, giải phóng 7 ấp[2] gồm 8.000 dân. Hai ngày đầu tháng 5, ta gỡ 2 đồn Quán Tre và đồn Chó Sủa Cành Cạch (huyện Thanh Bình).

Phối hợp với hoạt động vũ trang, trong tháng 4/1973, ta phát động học tập cho 32.500 lượt người. Nội dung gồm các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, các văn bản của Đảng về chống

---

1. Chỉ thị của Tỉnh ủy Kiến Phong (triển khai Chỉ thị số 04/CT-73 ngày 16/3/1973 của Thường vụ Trung ương Cục).

2. Tám đồn bị ta bức rút gồm: Rạch Tre, Cao Đài (xã Bình Hàng Tây), Bốn Miệng (xã Bình Hàng Trung, huyện Kiến Văn), Cầu Muống, Xã Linh, Cầu Ván, Thông Bình (huyện Hồng Ngự), Chín Ấu (xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh). Bức hàng đồn Nhà Thờ (huyện Hồng Ngự), Thốt Nốt (xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh). Giải phóng 7 ấp: ấp Gò Chùa, 1 ấp của xã Thường Phước, ấp Bình Hòa Hạ, 2 ấp của xã Thường Lạc, 1 ấp của xã Bình Thạnh và 1 ấp thuộc xã Thông Bình (huyện Hồng Ngự).

bầu cử tề xã, chống khủng bố gia đình cán bộ, các nội dung cơ bản về Hiệp định, nghị định thư, chính sách hòa hợp dân tộc... Nhờ đó, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận phát triển. Trong tháng 4, có 10 cuộc đấu tranh cận địch, trên 1.000 người trực tiếp đấu tranh chống đôn quân bắt lính, chống cướp đất, đòi về ruộng vườn cũ, đòi thả người bị bắt, đòi tự do đi lại làm ăn; 5.183 gia đình binh sĩ vây đồn, bót, gọi chồng, con, em về nhà, nổi bật nhất là bức rút đồn Bốn Miệng, Cao Đài, Thốt Nốt, giải tán 20 phòng vệ dân sự xã Mỹ Xương (Kiến Văn), làm rã ngũ 218 lính, quần chúng tham gia làm 6.100 thước rào, 8.570 ngù, gài 400 lựu đạn, cắm 170 bảng tử địa, hàng trăm lượt dân công phá đồn, bót.

Nhìn chung, đợt hoạt động tháng 4/1973, ta đã nâng cao được tinh thần, khí thế cách mạng của quần chúng, củng cố niềm tin vào đường lối, phương châm mới của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới và đẩy địch lún sâu vào thế bị động đối phó, buộc tiểu khu Kiến Phong phải tập trung nhiều tiểu đoàn bảo an giải tỏa các đồn bị ta bức rút ở Cao Lãnh, Kiến Văn, Mỹ An, xã Bình Hàng Trung và trục Nguyễn Văn Tiếp A. Ở Hồng Ngự, Tiểu đoàn 417 bảo an và từ 1 đến 3 trung đoàn của Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 ngày đêm túc trực hoạt động. Chúng lấn chiếm 1 tua ở kinh Cái Bèo thuộc xã Bình Hàng Trung (Kiến Văn), 1 đồn ở kinh Phước Xuyên (Tam Nông), tái chiếm lại đồn Thông Bình, Sâm Sai (Hồng Ngự).

Trong tháng 5/1973, Tỉnh ủy mở Hội nghị tổng kết công tác phát động quần chúng tấn công ba mặt từ sau Hiệp định Pari. Hội nghị khẳng định thế thắng của pháp lý Hiệp định, sức mạnh của khẩu hiệu trung tâm và chính sách hòa hợp dân tộc, xác định bản chất ngoan cố, thủ đoạn thâm độc trong lấn

chiếm di dân, kềm dân vùng yếu và tác động tâm lý của địch; phát hiện một số địa phương có hiện tượng thỏa mãn, một số hiện tượng hữu khuynh, hòa hoãn,... Từ đó, Tỉnh ủy có chỉ đạo uốn nắn: "Khẳng định bất kỳ trong tình huống nào cũng phải nắm vững quan điểm bạo lực"[1] và đề ra nhiệm vụ cấp bách là: "Giành dân, giành quyền làm chủ, đập tan âm mưu bình định mới của địch, tấn công và xây dựng chuyển phong trào lên đều và chắc bước hơn ở các vùng"[2].

Hội nghị Tỉnh ủy Kiến Phong mở rộng năm 1973

Ảnh tư liệu

Tháng 7/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21, bàn về nhiệm vụ của cách mạng miền Nam

1, 2. Báo cáo chống phá bình định của Tỉnh ủy Kiến Phong (từ ngày 28/01/1973 đến tháng 6/1974).

trong giai đoạn mới. Hội nghị đánh giá phong trào cách mạng ở miền Nam từ sau khi ký Hiệp định Pari. Hội nghị cho rằng cách mạng miền Nam còn chỗ yếu, như phong trào đấu tranh chính trị phát triển chưa mạnh, vùng giải phóng chưa được củng cố vững vàng, tỷ lệ giữa ba thứ quân chưa cân đối, cơ sở cách mạng ở vùng thành thị và vùng nông thôn do địch kiểm soát còn yếu. Tuy nhiên, nhìn toàn cục, Hội nghị khẳng định thế và lực cách mạng của miền Nam vào năm 1973 vững chắc hơn bất kỳ thời kỳ nào trước đây trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thời cơ chiến lược xuất hiện từ sau Hiệp định Pari ngày càng chín muồi[1]. Hội nghị dự kiến tình hình có thể phát triển theo hai khả năng:

- Ta có thể từng bước buộc địch phải thi hành Hiệp định Pari về Việt Nam, hòa bình được lập lại thực sự.

- Hiệp định Pari về Việt Nam tiếp tục bị địch vi phạm và phá hoại, xung đột quân sự có thể ngày càng tăng, cường độ và quy mô chiến tranh ngày càng lớn, ta lại phải tiến hành chiến tranh cách mạng gay go, quyết liệt để đánh bại địch giành thắng lợi hoàn toàn[2].

Nghị quyết đã xác định những vấn đề cơ bản:

- Phải kiên quyết tiến công, đồng thời phải biết giành thắng lợi từng bước.

- Bạo lực cách mạng mở miền Nam dựa trên lực lượng chính trị và quân sự.

---

1. Xem Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, Sđd*, t.II, tr.847-848.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.34, tr.236.

- Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị; kết hợp khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng; đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận; đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

Như vậy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 không chỉ đề ra những vấn đề cơ bản cho giai đoạn sau Hiệp định Pari mà cho toàn bộ cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng miền Nam[1].

Cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam mở Hội nghị lần thứ 12 (từ ngày 06 đến ngày 18/9/1973), đánh giá: "Có chuẩn bị toàn diện về tinh thần, kế hoạch và tổ chức triển khai với yêu cầu thấy rõ thắng lợi đồng thời nhận thức rõ bản chất ngoan cố của địch; nắm vững tư tưởng tiến công và bạo lực cách mạng, thể hiện trong bố trí chiến lược mới, trong xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang nhằm làm thay đổi có lợi về so sánh lực lượng... Đã dự kiến chính quyền Sài Gòn sẽ lật lọng, phá hoại hiệp định. Tuy nhiên, dự kiến chưa đúng mức. Khi chúng lấn chiếm nhiều nơi, nhưng Trung ương thiếu hướng dẫn kịp thời cho các địa phương chủ động, kiên quyết ứng phó tình huống này"[2] nên nhiều địa phương lúng túng trong việc vận dụng phương châm, phương thức mới đã phát sinh tư tưởng hữu khuynh để địch lấn chiếm vùng giải phóng...

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, dựa vào thực tiễn cách mạng miền Nam,

---

1, 2. Xem Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, Sđd*, t.II, tr.848, 851.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Cục đã cụ thể hóa và khẳng định:

Về công tác quân sự: "Kiên quyết và chủ động đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, tiêu diệt và làm tan rã nhiều địch kết hợp với đấu tranh chính trị và đấu tranh pháp lý của quần chúng, giữ vững, hoàn chỉnh vùng giải phóng và căn cứ địa cách mạng, mở rộng diện tranh chấp, từng bước chuyển vùng tranh chấp thành vùng giải phóng, chuyển vùng địch kiểm soát thành vùng tranh chấp để thu hẹp vùng địch, giành dân và giành quyền làm chủ của dân, tạo thế và điều kiện thuận lợi phát triển phong trào đấu tranh trong đô thị và vùng địch kiểm soát ở nông thôn.

Đi đôi với việc chủ động và linh hoạt tiến công địch, ra sức xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân cân đối và vững mạnh cả ba vùng, *hết sức chú trọng phát triển nhanh chóng lực lượng dân quân du kích,* củng cố và từng bước phát triển bộ đội địa phương, xây dựng chủ lực thành lực lượng tinh nhuệ chất lượng chiến đấu cao, sẵn sàng đánh bại địch trong mọi tình huống, trước mắt cũng như trong trường hợp xảy ra chiến tranh lớn, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn"[1].

Về công tác ở vùng tranh chấp và vùng địch kiểm soát, nhiệm vụ chính trị hàng đầu hiện nay là giành dân và giành quyền làm chủ của dân ở khắp nông thôn và đô thị.

Về công tác đô thị, khi có thời cơ mở ra cao trào đấu tranh của quần chúng thì đòn tiến công chính trị ở đô thị là một trong những đòn có tính chất quyết định.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.34, tr.488.

Cùng với Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Cục đã xác định bước chuyển quyết định, với những nhiệm vụ, phương châm cụ thể, đã củng cố thêm cho cán bộ, chiến sĩ, đồng bào miền Nam, thể hiện tư tưởng tiến công và con đường bạo lực để giải phóng miền Nam nói chung và giải phóng địa phương nói riêng.

Dưới sự chỉ đạo đúng đắn đó, tình hình ở Kiến Phong có bước chuyển biến lớn về nhận thức và phong trào tấn công ba mũi kết hợp với pháp lý hiệp định.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các Đảng bộ địa phương lãnh đạo quần chúng đấu tranh mở và giữ vững vùng giải phóng kết hợp với chuyển vùng, giành dân ở vùng yếu tôn giáo, thị xã, thị trấn.

Vùng giải phóng nổi lên phong trào đấu tranh chống địch di dân lấn chiếm ở kinh Đồng Tiến, Hồng Kỳ (Tam Nông), Giồng Găng (Thanh Bình). Ở đây, địch cướp đất lập nông trường, đưa một số tín đồ Hòa Hảo, Thiên Chúa từ Chợ Mới, An Giang và từ Campuchia về, xây dựng lực lượng vũ trang để canh phòng. Các Đảng bộ địa phương đã kiên trì phát động với nhiều hình thức, dùng lực lượng quần chúng tại chỗ tranh thủ Ban trị sự Hòa Hảo đồng tình đấu tranh giữ đất, dùng truyền đơn, thư tay, loa phóng thanh, vũ trang tuyên truyền... nói rõ âm mưu của Mỹ - Thiệu và tay sai cố ý chia rẽ nhân dân, chia rẽ lương giáo, lấy đất của đồng bào địa phương cấp cho đồng bào di dân, ai muốn có ruộng thì chính quyền cách mạng sẽ tạm giao đất.

Khi quần chúng nhận rõ âm mưu thâm độc của địch, họ không nhận đất, kéo từng tốp trở về xứ. Một số quần chúng

tìm cách xin đất, ta phát động nhân dân tại chỗ nhường lại một ít đất trên tinh thần "chia cơm sẻ áo". Từ đó, mối quan hệ giữa lương giáo, nông dân càng thêm chặt chẽ. Quần chúng tại chỗ liên tục kéo vào đấu tranh với địch đòi lại đất, đìa của mình. Trên căn bản ta đã phá nội dung "xây dựng ấp đời mới" của địch (tuy còn đồn, bót và một số tề, dân vệ, phòng vệ dân sự nhưng không kềm kẹp được dân). Riêng ở Gồng Găng, ta dùng thế ba mặt tại chỗ kết hợp với pháp lý Hiệp định, có vận động báo chí Sài Gòn tố cáo và đấu tranh bằng dư luận ở vùng yếu, tôn giáo. Cuộc đấu tranh giằng co kéo dài hơn 1 tháng, đến ngày 07/6/1973, địch phải rút toàn bộ lực lượng ra khỏi Giồng Găng, nhân dân địa phương giành lại chủ quyền trên 3.000 công đất. Đặc biệt, ở kinh Ba Mỹ Điền (xã Thanh Mỹ, huyện Mỹ An), cuộc chiến đấu chống địch lấn chiếm diễn ra gay go quyết liệt.

Từ ngày 18/6/1973 đến ngày 20/7/1973, địch đưa quân lấn chiếm ba lần. Hai lần đầu bị bộ đội huyện và du kích đánh bại, lần thứ ba (ngày 21/7), chúng đưa 2 tiểu đoàn bảo an có phi pháo yểm trợ, chia hai cánh từ vàm kinh Ba đánh vào và từ ngọn kinh Ba đánh ra. Do tương quan lực lượng tại chỗ, quân ta vừa đánh vừa lui, địch chiếm được và xây 2 đồn, ta chỉ còn giữ được khoảng 1km đoạn giữa kinh Ba.

Kinh Ba Mỹ Điền là căn cứ đứng chân của lực lượng huyện và du kích xã, ngọn kinh Ba là vùng giáp ranh giữa huyện Mỹ An và huyện Kiến Văn, nằm trên hành lang vận chuyển của ta. Địch lấn chiếm kinh Ba nhằm bảo vệ yếu khu Ngã Sáu, chi khu Mỹ An, tuyến đồn, bót trên kinh Nguyễn Văn Tiếp B và để lập nông trường Kiến Mỹ.

Trước tình hình trên, ngày 27/7, Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội đưa 2 đại đội của Tiểu đoàn 502B - lúc này đang học tập, huấn luyện, về mặt trận kinh Ba, cùng Đại đội 3, Tiểu đoàn 502A và lực lượng huyện, du kích xã đánh địch. Đêm ngày 30 rạng ngày 31/7, quân ta bất ngờ bao vây tấn công 2 đồn mới. Nhiều đại đội bảo an và dân vệ từ chi khu Mỹ An đến cứu viện đều bị ta chặn đánh, không giải tỏa được. Đến 16 giờ cùng ngày, 2 đồn mới rút chạy, vùng giải phóng được khôi phục như cũ. Bọn địch còn lại rất hoang mang, 2 trung đội của Đại đội 846 co cụm gần đồn Mỹ Điền 3, quân ta tiếp tục vây, phát loa kêu gọi đầu hàng, địch không dám phản ứng. Đến 1 giờ sáng ngày 04/8, lính đồn Mỹ Điền 3 rút chạy, cùng lúc lính đồn Mỹ Điền 4 cũng rút chạy mặc dù ta không vây lấn. Sau đó địch đưa Đại đội 213 chiếm lại đồn Mỹ Điền 4.

Kết quả, từ ngày 31/7 đến ngày 04/8, ta nhổ được 2 đồn mới và gỡ thêm đồn Mỹ Điền 3, mở rộng vùng giải phóng dài 2.500m.

Để giữ vững và phát huy thắng lợi mới giành được ở kinh Ba Mỹ Điền, Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội chỉ đạo xây dựng trận địa phòng ngự dài 5 km dọc hai bờ kinh. Trận địa gồm 3 tuyến công sự liên hoàn, bên ngoài có 3 tuyến ngù xen kẽ khẩu hiệu, truyền đơn binh vận và lựu đạn gài. Ngoài ra, huy động dân công dọn sạch kinh Ba, bắc cầu ngang sông (cách 400m bắc 1 cầu) để bộ đội cơ động. Trên hướng diện, nhất là huyện Mỹ An phát động tấn công ba mặt kết hợp pháp lý Hiệp định để phối hợp, hỗ trợ mặt trận kinh Ba.

Từ ngày 06 đến ngày 13/8, Tiểu khu Kiến Phong huy động 2 tiểu đoàn và 2 đại đội bảo an, 1 trung đội thám báo và 8 trung đội dân vệ, 1 chi đoàn xe M113, có pháo binh và không quân

yểm trợ, mở nhiều đợt đột kích vào kinh Ba. Chúng chiếm được chướng 500, ta dùng hỏa lực bắn quyết liệt vào đội hình xe M113 và tấn công chiếm lại. Địch rút quân, chỉ bố trí Tiểu đoàn bảo an số 423 cụm quân tại kinh Tư.

Trong các ngày chống địch phản kích, ta đã bẻ gãy trên 40 đợt tấn công, diệt 17 tên, bị thương 38 tên, bắn cháy 3 xe M113.

Bị thất bại nặng, địch buộc phải thay đổi thủ đoạn lấn chiếm. Ngày 14/8, chúng đưa trở lại Tiểu đoàn 423, đại đội 486 bảo an và 1 trung đội dân vệ, xây 1 đồn cách Mỹ Điền 600m về hướng đông nam, ngoài phạm vi phòng ngự của ta. Địch bố trí 2 trung đội bảo an đóng giữ 2 đồn mới. Đêm ngày 18/8, chúng xây xong đồn mới, lấy tên là "Mỹ Điền 4B".

Với quyết tâm đánh bại âm mưu bình định lấn chiếm của địch ở kinh Ba Mỹ Điền, Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội chỉ đạo kiên quyết tấn công, bẻ gãy kế hoạch đóng đồn của địch, tiến lên gỡ đồn, làm chủ đoạn từ đồn Mỹ Điền 2 trở vào, tạo thế du kích chiến tranh đưa phong trào quần chúng lên. Quá trình đánh địch có hướng dẫn quần chúng đấu tranh làm hậu thuẫn cho phong trào tại điểm.

Từ ngày 29/8 đến ngày 31/8, lực lượng ta bao vây lấn sát đồn Mỹ Điền 4A và Mỹ Điền 4B. Địch đưa 3 đại đội bảo an và 2 trung đội dân vệ đến giải tỏa, bị quân ta chặn đánh, tiêu diệt 5 tên, bị thương 14 tên. Địch ở 2 chốt dã chiến rút chạy vào đồn Mỹ Điền 4B. Đảng bộ địa phương tổ chức nhiều tốp gia đình binh sĩ kéo đến chi khu Mỹ An đấu tranh đòi chồng con em, một tốp gia đình binh sĩ ở xã Mỹ Quý vào đồn Mỹ Điền 4B khóc than, tác động tinh thần binh sĩ, bên ngoài,

ta liên tục phát loa binh vận. Đến ngày 31/8, đồn Mỹ Điền 4B và số lính đóng dã chiến rút chạy vào đồn Hai Hiển. Ta làm chủ một đoạn kinh dài trên 10km từ đồn Mỹ Điền 2 đến đồn Mỹ Điền 4, từ đó về sau, địch không lập được nông trường Kiến Mỹ.

Sau 75 ngày đêm chiến đấu chống địch lấn chiếm ở kinh Ba Mỹ Điền (từ ngày 18/6 đến ngày 31/8/1973), ta diệt 148 tên địch, làm rã ngũ 72 tên, bắn hỏng 3 xe M113, thu 6 súng M16, M79 và nhiều lựu đạn, bức rút 5 đồn (gồm 2 đồn cũ là Mỹ Điền 3, Mỹ Điền 4A, đồn mới Mỹ Điền 4B, 2 đồn mới xây dựng được gần 80%), 3 chốt dã chiến, đánh bại nhiều cuộc hành quân giải tỏa của địch.

Mũi chính trị, ta phát động 18.500 lượt quần chúng (có 2.700 lượt gia đình binh sĩ), 9.600 lượt quần chúng tham gia đấu tranh, nổi bật là 25 cuộc đấu tranh trực diện, mỗi cuộc có từ 20 đến 1.000 người. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của 760 quần chúng đứng cản đầu xe M113 không cho cán lúa, một bộ phận quần chúng mang 160 lá đơn tố cáo tội ác địch dùng xe M113 cán thiệt hại 1.000 công lúa, buộc Chi khu phó Mỹ An phải đến giải quyết.

Mũi binh vận có 1.600 lượt quần chúng và gia đình binh sĩ tuyên truyền tranh thủ 2.025 binh sĩ. Hằng ngày, có từ 20 đến 30 gia đình binh sĩ túc trực tại vàm kinh Ba, yếu khu Ngã Sáu để đấu tranh trực diện với bọn chỉ huy hành quân. Ta còn tập hợp quần chúng và gia đình binh sĩ tấn công vào các đơn vị hành quân như Tiểu đoàn 544, Tiểu đoàn 499, Đại đội 213, Đại đội 846 và các trung đội dân vệ, thám báo... bằng các hình thức tuyên truyền, khẩu hiệu, thư tay, truyền đơn, phát loa. Bộ đội

viết 150 thư vận động binh sĩ, gửi 21 đồn và các đơn vị địch. Kết quả làm đào rã ngũ 72 lính, 1 trung đội ở Ngã Sáu chống lệnh chỉ huy, không hành quân phản kích vào kinh Ba; 1 trận địa pháo ở Ngã Sáu không chi viện cho kinh Ba (viện cớ là có lệnh của Sư đoàn mới bắn); tranh thủ hòa hoãn 15 đồn, bót trong vùng không hành quân lấn chiếm, không đi cứu viện, để quần chúng tự do đi lại.

Qua phong trào đấu tranh của quần chúng, ta phát triển được nhiều cơ sở, phát triển lực lượng các mặt. Riêng mặt trận kinh Ba, ta huy động lực lượng cặm 80.000 cây ngù, gài 650 lựu đạn, dọn 4km kinh, bắc 80 cầu, rải cắm 5.000 khẩu hiệu, truyền đơn, thư tay binh vận, 670 người đi dân công (có 200 lượt phụ nữ).

Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống địch lấn chiếm kinh Ba Mỹ Điền là một sự kiện nổi bật nhất ở tỉnh Kiến Phong kể từ sau Hiệp định Pari, *biểu hiện tập trung ý chí tự lực tự cường, truyền thống bám đất bám dân, kết hợp với việc vận dụng sắc bén đường lối, phương châm của Đảng trong tình hình mới, thể hiện sinh động ba mũi giáp công.*

Nhờ chuyển hướng đường lối, phương châm theo tinh thần Điện văn 934[1] và sự chỉ đạo kiên quyết của Tỉnh ủy nên đã phát huy được sức mạnh tổng hợp ba mũi giáp công và pháp lý Hiệp định, phối hợp chặt chẽ giữa công tác phát động trên diện rộng và sự tập trung chỉ đạo điểm, đánh bại kế hoạch của địch lấn chiếm kinh Ba Mỹ Điền. Trong cuộc đấu tranh này, ta đã vận dụng sâu sắc và toàn diện những kinh nghiệm chống địch

1. Điện văn 934 của Trung ương Cục được triển khai thực hiện ở tỉnh Kiến Phong từ tháng 6/1973.

Sơ đồ mặt trận kinh Ba Mỹ Điền

lấn chiếm ở xã Mỹ Thọ (Cao Lãnh), kinh An Long, kinh Hồng Kỳ (Tam Nông) và Giồng Găng (Thanh Bình).

Kể từ sau Hiệp định Pari (27/01/1973), nhất là từ sau Nghị quyết tháng 5/1973 và các nghị quyết cụ thể sau đó của Tỉnh ủy, tình hình trong tỉnh có nhiều chuyển biến có lợi cho ta.

Một đặc điểm quan trọng là ta đã bẻ gãy hầu hết các mũi lấn chiếm của địch, giữ vững và mở rộng vùng ta. Không những thế, ta còn lấn mạnh ra vùng tranh chấp. Từ tháng 01

đến tháng 8/1973, ta diệt 12 đồn địch, bức hàng 3 đồn, bức rút 17 đồn[1], hòa hoãn và làm trung lập (vô hiệu hóa) trên 50 đồn khác. Trong khi đó, địch chỉ lấn chiếm 14 đồn, 1 tua[2]. Lực lượng an ninh làm nòng cốt đánh phá kềm hơn 50 vụ trên trục lộ 30, diệt 12 cuộc cảnh sát trong số 38 cuộc cảnh sát, bước đầu phá được thế kềm kẹp gắt gao của địch, đưa thế đấu tranh ba mặt của quần chúng lên mạnh.

Nhờ mở ra thế mới trong chống lấn chiếm, di dân thắng lợi, ta có điều kiện chuyển được phong trào vùng yếu ở hai thị xã và các thị trấn. Khẩu hiệu trung tâm được vận dụng sát hợp đã có sức lôi cuốn, tập hợp lực lượng rộng rãi trong mặt trận đấu tranh cho yêu cầu bức thiết là hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm áo và hòa hợp dân tộc. Các cuộc đấu tranh chống bắt lính đôn quân, đòi các quyền tự do dân chủ, đòi trở về nhà cũ sản xuất, chống thuế TVA, chống vơ vét lúa gạo... đã có bước chuyển lên vững chắc. Dân tản cư trở về quê cũ cất nhà, sản xuất, vùng giải phóng có dân về ở.

---

1. Số đồn bị diệt: Cả Chay, Cây Dông (xã Mỹ Thọ), Đường Thét (xã Thiện Mỹ), Gò Da, Bình Phú (Hồng Ngự), Huế Ụt (thị xã Cao Lãnh), 3 đồn mới ở kinh Ba và 2 đồn cũ (xã Thanh Mỹ), đồn Cả Môn (xã Nhị Mỹ). Bức hàng 3 đồn: Nhà thờ (xã Thường Phước), Thốt Nốt (xã Nhị Mỹ), Cành Cạch (Thanh Bình). Bức rút 17 đồn: Rạch Tre, Cao Đài (Bình Hàng Tây), Bốn Miệng (Bình Hàng Trung), Chín Ấu (Nhị Mỹ), Vàm Xáng (Mỹ Thọ), Cầu Muống, Xã Lịnh, Cầu Ván, Thông Bình, Thường Phước, Cả Sách, Cà Vàng, Cây Me, Cả Sơ, Cả Cái, Sâm Sai (Hồng Ngự), Quán Tre (Thanh Bình).

2. Số đồn địch đánh chiếm gồm: Cao Lãnh: Thầy Cắt (Mỹ Thọ), Bà Vừng (Thiện Mỹ), Thốt Nốt (Nhị Mỹ); ở Kiến Văn: Cây Dông (Mỹ Hội), Cống Hai Dao và 1 tua ở hệ kinh Cái Bèo (Bình Hàng Trung); ở Mỹ An: Kinh Ngang (Mỹ An), Bằng Lăng (Đốc Binh Kiều), 1 đồn Mỹ Điền (Thanh Mỹ); ở Tam Nông: 1 đồn hệ kinh Phước Xuyên; ở Hồng Ngự: Thông Bình, Sâm Sai, Thước Nước, Láng Biển.

Lực lượng các mặt của ta tuy chưa đáp ứng yêu cầu nhưng đã có bước phát triển tốt. Từ sau Hiệp định đến tháng 9/1973, ta đã lấp trên 10 xã và gần 50 ấp trắng Đảng, phát triển thêm 312 đảng viên mới. Tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh Kiến Phong đến tháng 9/1973 là 2.753 người, trong số này có 1.150 đảng viên ở xã ấp, 77 đảng viên ở thị xã và 46 đảng viên ở thị trấn. Ngoài các tổ chức bí mật, ta đã xây dựng được nhiều tổ chức công khai, bán công khai, tạo cơ sở để tấn công địch và nắm quần chúng.

Công tác binh vận thu được nhiều kết quả, tạo được bước hòa hoãn trên diện rộng, là điều kiện thuận lợi cho ta tiến lên mở rộng vùng.

Tuy nhiên, còn một số mặt yếu, làm hạn chế kết quả thu được của phong trào. Hiện tượng xả hơi, cầu an còn tồn tại trong một số ít cán bộ và địa phương, quan điểm bạo lực cách mạng, quan điểm quần chúng nhiều địa phương và cán bộ vận dụng chưa tốt; việc chỉ đạo, chỉ huy của các cấp ủy, cấp đội còn chậm và chưa sâu sát; công tác xây dựng lực lượng chưa được chú ý đúng mức. Song, nhìn chung tình hình trên đã tạo cho ta nhiều khả năng và nhân tố mới, càng làm sáng phương châm chỉ đạo mới của Đảng, giúp nhiều kinh nghiệm cho các cấp ủy trong lãnh đạo tấn công địch.

Nhằm tạo nên sự chuyển biến tình hình một cách căn bản, tháng 10/1973, Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong ra Chỉ thị số 09/CT-73, về việc mở cuộc tấn công tổng hợp "Bạch Đằng" nhằm phối hợp với toàn Khu.

Yêu cầu của đợt này là: "Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh, tập trung mọi khả năng và lực lượng, tập trung sự chỉ đạo của các cấp ủy và các ngành, phát huy

chủ động tấn công địch ba mặt kết hợp với pháp lý Hiệp định trong khắp ba vùng, kiên quyết đánh bại một bước quan trọng âm mưu bình định lấn chiếm, phá thế bố trí hiện nay của địch, làm chuyển biến tình hình. Phải nhằm tiêu hao, tiêu diệt, tan rã và suy sụp lực lượng của địch, nhất là tiểu đoàn bảo an, kết hợp gỡ hàng loạt đồn, bót, mở lõm và lõm liên hoàn trên các khu vực vùng giải phóng, song song chuyển thế làm chủ rộng ở thị xã, thị trấn, vùng yếu, tôn giáo lên một bước, đồng thời ra sức xây dựng vùng ta, xây dựng và phát triển các lực lượng về số lượng và chất lượng"[1].

Ngoài việc đề ra yêu cầu chung, Thường vụ Tỉnh ủy còn chỉ đạo nhiệm vụ cụ thể và vận dụng phương châm cho mỗi vùng.

Chỉ thị trên được quán triệt, triển khai đến các cấp ủy, cấp đội, ngành, đoàn thể, cơ quan, trên cơ sở đó, các đơn vị và địa phương lập kế hoạch và quyết tâm chiến dịch.

Với nỗ lực lớn, trong cao điểm 1, đợt Bạch Đằng (từ ngày 25/9 đến ngày 25/10/1973), lực lượng vũ trang ba thứ quân trong tỉnh đánh 288 trận (chủ lực Khu: 86 trận, tỉnh: 34 trận, huyện: 49 trận, du kích xã: 119 trận), loại khỏi vòng chiến đấu 480 tên (tiêu diệt: 148 tên, bị thương: 238 tên, bắt: 10 tên, rã ngũ: 48 tên), biệt động và an ninh vũ trang thị xã Cao Lãnh diệt phân chi khu Mỹ Ngãi (ngày 11/10) và 1 trung đội dân vệ ở kinh Hồng Kỳ (ngày 21/10); đánh thiệt hại nặng 2 đại đội bảo an số 951 và 952 thuộc Tiểu đoàn 499; bắn chìm 6 tàu, 2 tắc ráng, bắn hỏng 4 xe M113; diệt gọn 2 đồn, bức rút,

1. Trích Chỉ thị số 09/CT-73 ngày 05/10/1973 của Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong về việc mở đợt tấn công tổng hợp Bạch Đằng.

san bằng 12 đồn, đánh thiệt hại 1 đồn, bao vây cô lập 8 đồn[1]; dùng cơ sở nội ứng kết hợp lực lượng bên ngoài khởi nghĩa ở xã Thiện Mỹ (ngày 24/10); thu nhiều súng đạn, đồ dùng quân sự; giải phóng 5 ấp, gồm Ấp 2 và Ấp 4 (xã Phương Thịnh), ấp Lợi An (xã Thanh Mỹ), Ấp 1 và Ấp 2 (xã Đốc Binh Kiều).

Quân địch tuy đông nhưng không đủ giữ đồn và cứu viện; sĩ quan, binh sĩ địch rất dao động. Hầu hết bọn đi giải tỏa, kể cả xe M113 trước đây là chủ bài nhưng giờ không dám xông vào đội hình, phổ biến là bọn chỉ huy chống lệnh đi cứu viện, một số đồn muốn hòa hoãn với ta.

Trước tình hình trên, địch rút quân về phòng ngự ven lộ 30, cố gắng giải tỏa các đồn Mương Đào (Mỹ Thọ), Xáng Xéo (Mỹ Hội) và hệ đồn, bót trục kinh Nguyễn Văn Tiếp B, xã Đốc Binh Kiều (Mỹ An), mở chiến dịch vu khống ta vi phạm Hiệp định, tăng cường phong tỏa kinh tế, ra sức vơ vét lúa gạo và kềm kẹp quần chúng vùng tôn giáo. Ngày 29/9/1973, an ninh quân đội Vùng 4 chiến thuật bắt Đại tá Trần Thanh Nhiên[2], Tỉnh trưởng Kiến Phong và đưa Đại tá Nguyễn Văn Minh thay thế.

---

1. Diệt 2 đồn ở kinh Hồng Kỳ xã Tân Công Sính (ngày 19/10); đánh thiệt hại đồn Giồng Găng (ngày 14/10); bức rút san bằng các đồn: Bằng Lăng (ngày 26/8), Kinh Ngang (ngày 05/10), Kinh Chà xã Đốc Binh Kiều (ngày 08/10), Kinh 25 Đìa Khế xã Mỹ An (ngày 15/10), Kinh Năm (ngày 16/10), Đìa Chuối xã Đốc Binh Kiều (ngày 22/10), Cả Mác xã Phương Thịnh (ngày 25/10) và đồn Gốc Khế trên kinh Nhất, xã Thanh Mỹ (ngày 28/10); bao vây cô lập các đồn: Chùa Tổ, Bốn Miệng, Mỹ Thành, Cao Đài, Xáng Xéo, Mương Đào (Kiến Văn), Kinh 4 Thầy Cai (Cao Lãnh), Mỹ Điền 4 (Mỹ An).

2. Do phạm tội hối lộ, không triệt để thi hành các biện pháp thu vét lúa gạo.

Phối hợp chặt với vũ trang, ta huy động 400 lượt quần chúng, có cả gia đình binh sĩ ở xã Thanh Mỹ và xã Mỹ An, mang hàng trăm đơn đấu tranh trực diện với Quận trưởng Mỹ An, chỉ huy chi đoàn xe M113, các ban chỉ huy lực lượng bảo an hành quân, đòi bồi thường lúa gạo, gà, vịt bị cướp phá, đòi được tự do chở lúa gạo, đòi bãi bỏ lệnh kê khai ruộng đất, lúa gạo, chống địch bắn pháo vào xóm ấp,... Quận trưởng Mỹ An phải nhận hết đơn, ra lệnh Ban canh nông và Cuộc cảnh sát Mỹ An điều tra số lúa của đồng bào bị hư hại để bồi thường, lệnh cho các đồn, bót cho mỗi gia đình đi xay 10 giạ lúa (trước đó chỉ cho xay 3 giạ). Ngoài ra, các gia đình binh sĩ còn vận động binh sĩ đồng tình vạch trần hành động vi phạm Hiệp định của bọc ác ôn, vận động đồn, bót không bung ra và làm rã ngũ 13 binh sĩ.

Thắng lợi của cao điểm 1, đợt "Bạch Đằng" càng cổ vũ, nâng cao tinh thần khí thế "chồm lên đổi đời" của quần chúng, chứng tỏ sự chỉ đạo nhạy bén và chính xác của Tỉnh ủy, từ đó đã động viên toàn lực vào chiến dịch, đánh địch kiên quyết và táo bạo, đẩy địch lún sâu hơn vào thế bị động và suy yếu. Điều đáng chú ý là nghệ thuật chỉ đạo, chỉ huy hợp đồng chiến đấu của ba thứ quân tốt hơn, nhiều địa phương vận dụng ba mũi kết hợp pháp lý Hiệp định chặt chẽ hơn (như ở Thanh Mỹ, Mỹ An...).

Tháng 11/1973, tỉnh lại phối hợp với chiến trường toàn khu mở cao điểm 2, đợt Bạch Đằng. Những ngày đầu cao điểm, Tiểu đoàn 502A cùng bộ đội Kiến Văn và biệt động thị xã Cao Lãnh đồng loạt bao vây một số đồn, bót dọc lộ 30. Ngày 11/11/1973, 3 đồn địch rút chạy, gồm đồn Xóm Xẻo (xã Long Hiệp), đồn Cao Đài (xã Bình Hàng Tây) và đồn Hai Hiển (xã Nhị Mỹ). Tiếp đó, nhiều địa phương huy động lực lượng tại chỗ

bao vây đồn, bót. Ngày 21/11, bộ đội và du kích huyện Hồng Ngự diệt chốt Tắt Ông Rèn (xã Tân Hội, huyện Hồng Ngự), quân và dân quận Kiến Văn bức rút hai đồn Cá Hô (xã Bình Thạnh) và đồn Xẻo Của (xã Long Hiệp) vào ngày 23/11. Bộ đội và du kích Cao Lãnh dùng thế ba mặt và chiến thuật đánh mùa nước đã bức rút đồn Hai Lúa, giải phóng hoàn toàn xã Phương Thịnh (đêm ngày 23 rạng ngày 24/11/1973). Bộ đội và du kích huyện Mỹ An bức rút đồn Kinh Nhì, phối hợp với Tiểu đoàn 502B tập kích Sở Chỉ huy Tiểu đoàn bảo an số 417 tại bờ bao Gốc Khế trên kinh Số Một (xã Thanh Mỹ), diệt 20 tên.

Trong cao điểm 2, đợt Bạch Đằng, hoạt động du kích được đẩy mạnh trong 35 xã, chiếm 58,3% số xã trong tỉnh Kiến Phong[1]. Nổi bật là du kích xã Bình Thạnh (huyện Kiến Văn), chỉ với 12 du kích xã và 8 du kích ấp đã bao vây đồn Cá He từ ngày 19/11, đồng thời đưa 4 gia đình binh sĩ vào đồn kêu gọi chồng, con, em, kết hợp bên ngoài phát loa kêu gọi. Qua 3 ngày vây ép, địch chết 1, bị thương 4 (trong đó có 1 phó đồn), 11 binh lính bỏ trốn, số còn lại ra hàng vào 13 giờ ngày 21/11, ta thu 16 súng (13 M16, 2 đại liên 30, 1 cối 60, 1 M79). Phát huy thắng lợi, du kích tiếp tục tấn công ba mặt bức rút đồn Cá Hô (23/11/1973), giải phóng phần lớn xã Bình Thạnh.

---

1. Gồm những xã: 9 xã thuộc huyện Hồng ngự (Tân Hội, Thường Phước, Thường Thới Tiền, Thường Thới Hậu, Thường Lạc, Bình Thạnh, Tân Hội Cơ, Tân Thành, Tân Công Sính), 5 xã thuộc Mỹ An (Đốc Binh Kiều, Mỹ Quý, Mỹ Hòa, Thạnh Lợi, Thanh Mỹ và thị trấn Mỹ An), 6 xã thuộc Kiến Văn (Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây, Bình Thạnh, Long Hiệp, Mỹ Hội, Mỹ Xương), 7 xã của Cao Lãnh (Mỹ Trà, Mỹ Ngãi, Thiện Mỹ, Phong Mỹ, Phương Thịnh, Nhị Mỹ, Mỹ Thọ), 5 xã thuộc Thanh Bình (Bình Thành, Tân Phú, An Long, An Phong, Tân Thạnh), 2 xã thuộc Tam Nông (Phú Cường, Phú Đức).

Qua hai cao điểm, đợt "Bạch Đằng", quân và dân trong tỉnh giành thắng lợi to lớn:

- Ta đã liên tục và chủ động tấn công địch, mở rộng vùng giải phóng kết hợp đưa dân về[1] và cải tiến các mặt công tác xây dựng vùng giải phóng[2], hình thành thế liên hoàn rất có lợi cho ta, tạo điều kiện tiến công lan ra các vùng tranh chấp, vùng yếu phía trước. Phong trào tấn công địch ba mặt chuyển mạnh khắp các vùng giải phóng, tranh chấp, từng bước giành được thế làm chủ nhiều địa bàn quan trọng (tuyến lộ 30, ven thị xã, thị trấn).

- Lực lượng của ta được củng cố và phát triển, tư tưởng tiến công được phát huy, khả năng bức rút đồn, bót của du kích được nâng lên[3].

---

1. Theo báo cáo của Khu: Từ tháng 7 đến tháng 11/1973, Kiến Phong diệt, bức rút 21 đồn tua (có 3 diệt, 18 bức rút và khởi nghĩa). Đến cuối năm 1973, vùng giải phóng của Kiến Phong gồm 2 xã (Thường Thới Hậu và Phương Thịnh), 22 ấp, 12.000 dân; tranh chấp mạnh 104 ấp, 70.000 dân, vùng yếu và tranh chấp yếu 207 ấp, 468.000 dân (trong tổng số 63 xã, 333 ấp, 550.000 dân).

2. Xây dựng từng bước vững chắc, trước hết là phát động phong trào xây dựng xã ấp chiến đấu: vận động quần chúng rào 1.700m, làm 28.500 chướng ngại, gài 650 lựu đạn, cắm 10.500 chông, 1.550 bảng tử địa, 31.700 lượt người vét 2.000m kinh. Ngoài ra, còn giải quyết ruộng đất cho dân, vận động trồng cây gây rừng, phát triển y tế, xã hội, giáo dục...

3. Theo báo cáo của Khu 8: Tổng số dân quân du kích ở Kiến Phong trước ngày 28/01/1973 có 1.233 người. Đến tháng 10/1973, tổng số dân du kích là 1.604 người. Có 7 huyện, một thị xã có ban an ninh, 32 xã có ban an ninh xã. Điển hình như xã Bình Thạnh (Kiến Văn) -1 xã ở cù lao gần cuối tỉnh, tự lực gỡ đồn, bót giải phóng phần lớn xã; xã Phong Mỹ (Cao Lãnh) từ sau Hiệp định đến cuối năm 1973 đã sáu lần tổ chức cho phòng vệ dân sự khởi nghĩa lấy hơn 100 súng, đa số trở thành lực lượng của ta.

Một thắng lợi lớn và nổi bật thứ hai là chuyển vùng yếu, tôn giáo. Vùng này gồm 24 xã[1] và 104 ấp, trong đó có 12 xã của huyện Chợ Mới với 167.000 dân, 3 xã cù lao Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận (Hồng Ngự) với hơn 40.000 dân... Quần chúng ở đây bị kềm kẹp nặng, sau nhiều năm vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, đến cuối năm 1972, 6 xã của huyện Chợ Mới có chi bộ, đảng viên, quần chúng đã ít nhiều am hiểu cách mạng[2].

Khi Hiệp định Pari được ký kết, Tỉnh ủy xác định: "Đây là khu vực quan trọng, phải tìm mọi cách chuyển cho được vùng yếu tôn giáo tạo điều kiện cho khu vực bên tả ngạn gỡ, mở và giữ". Trong tháng 4/1973, Tỉnh ủy mở Hội nghị chuyên đề về phát động quần chúng, xây dựng lực lượng. Hội nghị kết luận nhiều vấn đề quan trọng, phát hiện được nhiều nhân tố mới ở vùng yếu tôn giáo xuất hiện sau ngày có Hiệp định, thống nhất yêu cầu công tác phát động quần chúng tấn công địch và xây dựng lực lượng trong tình hình mới, nắm vững nội dung Hiệp định và khẩu hiệu trung tâm phát động quần chúng đấu tranh buộc địch thi hành Hiệp định. Tháng 7/1973, trong Nghị quyết về xây dựng lực lượng chính trị của Tỉnh ủy

1. Gồm các xã: Mỹ Hội Đông, Nhơn Mỹ, Mỹ Hiệp, Tân Mỹ, Hội An, Kiến An, Long Kiến, Hòa Bình, Bình Phước Xuân, Mỹ Luông, Long Điền, An Thạnh Trung (Chợ Mới), Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận (Hồng Ngự), Tân Huề, Tân Quới, Tân Long (Thanh Bình), Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây (Cao Lãnh), Tịnh Thới (Kiến Văn)...

2. Theo Báo cáo của Tỉnh ủy Kiến Phong tại Hội nghị Tổng kết đánh phá bình định của Trung ương Cục tháng 8/1974: Vùng Hòa Hảo có khoảng 20% quần chúng rất hiểu và ủng hộ cách mạng, khoảng 70% có hiểu cách mạng đôi chút, nhận thấy Mỹ xâm lược, Thiệu bán nước, nhưng họ chỉ lo tu hành,...

cũng đề ra yêu cầu cụ thể đối với vùng yếu Hòa Hảo, tập trung cho huyện Chợ Mới, từ đó rút kinh nghiệm chuyển các vùng cù lao bên tả ngạn.

Những cán bộ công tác vùng Hòa Hảo được học tập thông suốt về tư tưởng và quyết tâm. Trước hết là giải quyết thành kiến, định kiến, tin và dựa vào quần chúng nông dân có đạo, kiên trì phát động, lãnh đạo quần chúng đấu tranh cho quyền lợi bức bách của mình, qua đó, nâng cao giác ngộ dân tộc, giác ngộ giai cấp. Điều này phải được giải toả không những bằng phá kềm gỡ đồn mà trước tiên phải gỡ kềm về tư tưởng để họ tự giác đứng lên giải phóng bản thân, giải phóng xã ấp.

Cán bộ, đảng viên trở về vùng Hòa Hảo tìm cách bám trụ vào gia đình tín đồ, vào thanh niên trốn lính và lính đào ngũ, thông qua gia đình họ (chiếm 70% - 80% số hộ trong vùng Hòa Hảo) để tuyên truyền vận động, càng làm họ hiểu hơn yêu cầu bức bách nhất, đau khổ nhất là chồng con em bị bắt lính, đôn quân. Nhiều gia đình chạy chọt, lo lót mà trở nên nghèo túng. Cán bộ bàn bạc với các gia đình cách làm cụ thể để con, em khỏi bị bắt lính, khỏi bị địch kềm kẹp, vơ vét, cướp bóc[1]. Đối với gia đình thiếu ruộng đất thì tạm giao đất trong vùng giải phóng. Nhờ đi vào quyền lợi bức thiết của quần chúng và từ những hành động cụ thể mà gắn bó quần chúng Hòa Hảo

1. Thời gian này ở Chợ Mới có nhiều tụ điểm thanh niên trốn lính. Cán bộ về thâm nhập vào số thanh niên này tuyên truyền Hiệp định, hướng dẫn họ làm hầm bí mật để trốn. Sau đó, tổ chức các gia đình có con em đang trốn lính thành hệ thống chuyền tin cho nhau mỗi khi cảnh sát đến. Ta còn tranh thủ ban trị sự, tề xã, ấp thông báo cho bà con việc bắt lính. Thời gian đầu cách làm này có kết quả ở Cù lao Giêng sau đó phổ biến ra nhiều nơi.

với cách mạng, cán bộ, đảng viên đều bám trụ tốt trong quần chúng tín đồ. Ngoài ra, ta còn đưa một số thanh niên trốn lính và lính đào ngũ vào vùng giải phóng (xã Bình Thạnh: 400 người, xã Long Hiệp: 300 người, xã Phương Thịnh có lúc đến 3.000 người), số thanh niên này được các đoàn thể nông, thanh, phụ ở cơ sở giúp đỡ giáo dục.

Việc xây dựng và phát triển cơ sở vùng yếu tôn giáo thực hiện theo chỉ thị của Trung ương Cục. Cán bộ móc nối cơ sở cũ và nắm nhân tố mới trong quần chúng tín đồ và dựa hẳn vào họ[1]. Hướng dẫn họ tự đưa người quản lý xóm làng, bảo vệ thanh niên... Qua thử thách dần dần kết nạp người có đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Cách làm này được quần chúng chấp nhận, họ rất phấn khởi, hăng hái tham gia các mặt công tác. Các ban trị sự, từ xã, ấp, ta tranh thủ bằng chính sách hòa hợp dân tộc, huyện Chợ Mới có 12 xã thì ta nắm được 8 ban trị sự, còn lại ta nắm từng người trong ban trị sự. Nhờ vậy, ta hướng dẫn họ kiện một số tên ác ôn rồi đưa tín đồ hoặc cơ sở nòng cốt của ta lên thay.

Cuối năm 1973, Chợ Mới hình thành thế tranh chấp ở một số vùng, một số xã hình thành thế chính trị tương đối mạnh. Trước Hiệp định, huyện còn 6/12 xã chưa có chi bộ, nay chỉ còn 1 xã trắng. Lập được cơ sở ở 50 ấp trắng, trong đó có 34 ấp có chi bộ, tổ đảng hoặc tổ hạt nhân. Có 30 thanh niên trốn lính xin đi tòng quân, được huấn luyện thành cán bộ hoạt động tại chỗ.

Đáng chú ý là phong trào đấu tranh chống bắt lính lan rộng. Trước Hiệp định, mỗi năm ở các vùng yếu tôn giáo,

1. Vì đa số cơ sở cũ là gia đình kháng chiến thường bị địch theo dõi.

địch bắt khoảng 3.000 đến 4.000 thanh niên đi lính, từ sau Hiệp định đến cuối năm 1973, chúng chỉ còn bắt được vài trăm người.

Rút kinh nghiệm ở Chợ Mới, Tỉnh ủy chỉ đạo vùng cù lao Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận. Cuối năm 1973, trong số 3 xã yếu, ta chuyển lên tranh chấp 2 xã[1]. Xây dựng phát triển được hàng chục du kích mật trong các đội phòng vệ dân sự, làm nhiệm vụ canh gác, thông báo tin hoặc bảo vệ các cuộc họp của ta.

Có thể nói, từ sau Hiệp định Giơnevơ (1954), chưa bao giờ ta chuyển một cách đồng đều vùng yếu tôn giáo như lần này. Đạt được thắng lợi như vậy là vì Đảng bộ đã kịp thời nắm bắt những nhân tố mới xuất hiện sau ngày có Hiệp định Pari, vận dụng đúng đắn và sáng tạo phương châm mới, chính sách hòa hợp dân tộc, khẩu hiệu trung tâm; biết đổi mới nội dung, phương pháp vận động quần chúng Hòa Hảo, phát triển lực lượng trên cơ sở phát triển thế hợp pháp, thế công khai là chủ yếu[2]. *Thắng lợi này không những đặt cơ sở chuyển vùng mạnh hơn trong năm 1974, 1975 mà còn có ý nghĩa to lớn trong xây dựng và bảo vệ đất nước sau chiến tranh.*

Cùng với thắng lợi chuyển vùng yếu tôn giáo, phong trào thị xã, thị trấn có bước phát triển mới. Các cuộc đấu tranh

---

1. Sau cuộc phản kích của địch tháng 10/1972, hầu hết cơ sở ở 3 xã này bị vỡ, sau Hiệp định Pari ta phải xây dựng lại.

2. Theo Báo cáo số liệu chi bộ, đảng viên của tỉnh Kiến Phong đến cuối tháng 11/1973, trong 10 tháng sau Hiệp định Pari, huyện Thanh Bình phát triển 40 đảng viên mới (năm 1972 phát triển 20 đảng viên), huyện Chợ Mới phát triển 20 đảng viên mới (năm 1972 phát triển 8 đảng viên). Hướng phát triển chủ yếu ở vùng yếu tôn giáo là các xã ấp trắng. Tỷ lệ phát triển đảng viên mật ở 2 huyện này chiếm 90 đến 100% so với tổng số đảng viên mới.

chống thuế, chống phạt vạ, đòi tự do đi lại, chống đuổi chợ, đòi tự do học đường trong nhà trường... liên tiếp nổ ra. Các khu ven thị xã, thị trấn mở được lõm du kích, lõm chính trị, xây dựng thêm lực lượng, tạo thế đứng chân áp sát đầu não địch. Trong nội ô thị xã, ta xóa được nhiều khu, phố trắng cơ sở.

Ở vùng tranh chấp, phong trào đấu tranh phá thế kềm kẹp, giành quyền làm chủ nổi lên mạnh, mở ra nhiều lõm làm chủ ven lộ 30, ở các tuyến kinh Nguyễn Văn Tiếp A, Nguyễn Văn Tiếp B, sông Cần Lố, sông Sở Thượng, Sở Hạ, tạo điều kiện đưa dân về quê cũ, lấp hết các ấp trắng dân trước đây, hình thành các tuyến dân trong vùng giải phóng. Từ đó, tạo điều kiện xây dựng vùng ta và bảo vệ hành lang. Riêng tuyến lộ 30 ta phát động phong trào đấu tranh chính trị và binh vận rộng rãi, có cuộc đấu tranh của hàng ngàn người ở kinh xáng An Long buộc địch phải cho đồng bào đi lại vùng ta làm ăn sinh sống. Âm mưu bao vây kinh tế vùng giải phóng bị thất bại.

Quá trình hoạt động chuyển phong trào ba vùng, Đảng bộ trưởng thành thêm một bước về tổ chức, cán bộ và năng lực lãnh đạo. Tháng 11/1973, toàn tỉnh Kiến Phong có 326 chi bộ[1], trong số này có 35 chi bộ mới thành lập[2], hầu hết là ở xã ấp. Tổ chức cơ sở đảng đã vươn ra 59/62 xã trong toàn tỉnh Kiến Phong, chỉ còn 3 xã trắng là Mỹ Hội Đông (huyện Chợ Mới), Tân Thuận Tây (huyện Cao Lãnh), Tân Long (huyện Thanh Bình)

1. Trong số 326 chi bộ có 21 chi bộ xã, 110 chi bộ ấp, 24 chi bộ du kích, 8 chi bộ công an, 6 chi bộ xã, 7 chi bộ thị trấn, 68 chi bộ quân sự, 82 chi bộ cơ ngành dân-chính-đảng, 74 chi bộ mật.

2. Trong số 35 chi bộ mới có 2 chi bộ xã, 12 chi bộ ấp, 4 chi bộ thị xã, 3 chi bộ du kích, 2 chi bộ đội công tác, 8 chi bộ mật.

và 72 ấp trắng[1]. Tháng 11/1973, tổng số đảng viên tỉnh Kiến Phong là 2.764 người[2], có 384 đảng viên mới. Số đảng viên mới phát triển phần lớn ở cơ sở, hướng mạnh vào vùng yếu, tôn giáo, thị xã, thị trấn[3].

Về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, Tỉnh ủy đánh giá: "Đã từng bước đi vào nền nếp lãnh đạo toàn diện, sát tình hình, sát thực tế hơn. Thể hiện biết phát huy những nhân tố mới như mạnh dạn tập hợp hội nghị đại biểu các huyện, xã và lực lượng vũ trang toàn tỉnh để tổng kết việc phát động quần chúng trong tình hình mới và tiếp theo các cuộc tổng kết công tác vùng giải phóng, tranh chấp, vùng yếu tôn giáo và công tác xây dựng lực lượng, xây dựng Đảng... Trong các cuộc họp này giúp cho Tỉnh ủy, các ngành tỉnh sát tình hình thực tế hơn. Đã giúp được cho huyện, xã về trình độ nhận thức về phương châm, phương thức và cách vận dụng sát hợp vào từng loại hình xã ấp, nhất là việc tổ chức lực lượng điều khiển tấn công

1. Tháng 11/1973, tỉnh Kiến Phong có 349 ấp. Trong đó, 117 ấp có chi bộ, 10 ấp có tổ đảng, 7 ấp có tổ trung kiên, 83 ấp có từ 1 đến 2 đảng viên, 59 ấp có cơ sở quần chúng, 72 ấp trắng. Trong số 72 ấp trắng có 14 ấp trước có đảng viên sau đó không còn đảng viên.

2. Trong số này có 289 đảng viên nữ, 622 đảng viên mật, 132 đảng viên trong du kích, 14 đảng viên trong tín đồ Hòa Hỏa, 432 đảng viên ở xã ấp, 30 đảng viên ở nội ô thị xã, 4 đảng viên ở thị trấn (có 01 nội ô), 552 đảng viên ở hệ quân sự, 481 đảng viên ở hệ dân - chính - Đảng. Số đảng viên bị tiêu hao trong năm 1973 là 108 đảng viên (hy sinh 37 đảng viên, bị bắt 4 đảng viên, khai trừ 21 đảng viên, xóa tên 44 đảng viên).

3. Trong số 384 đảng viên tỉnh Kiến Phong kết nạp trong năm 1973 có 202 đảng viên công tác ở xã, 17 đảng viên ở thị xã, 3 đảng viên ở thị trấn, 162 đảng viên ở cơ quan, 7 đảng viên là tín đồ Hòa Hảo, 42 đảng viên là nữ, 119 đảng viên mật, 64 đảng viên ở vùng yếu, lấp 18 ấp trắng (theo báo cáo cán bộ, đảng viên của tỉnh Kiến Phong đến cuối tháng 11/1973).

địch ba mặt ở cơ sở. Qua đó lực lượng ở cơ sở được phát triển, nhất là ở các vùng yếu tôn giáo. Vùng tranh chấp gắn chặt yêu cầu tấn công địch ba mặt và nắm dân. Lực lượng du kích xã ấp và địa phương quân huyện được phát triển, nâng được chất chiến đấu. Chi bộ được nâng một bước về bám quần chúng và lãnh đạo phong trào. Nhờ tập trung lãnh đạo toàn diện của Tỉnh ủy nên đã tổng hợp được sức mạnh của bản thân đánh bại các mũi lấn chiếm của địch, giữ vững vùng giải phóng, mở ra được nhiều lõm giải phóng, giành được thế chủ động tiến công trên chiến trường"[1].

Bên cạnh những tiến bộ trên, Tỉnh ủy và toàn Đảng bộ còn có những nhược điểm, khuyết điểm: "Đánh giá tình hình ta, địch nhất là mặt phản động ngoan cố và các thủ đoạn gian xảo của địch về kềm dân chưa thật sát. Nghị quyết tháng 5/1973 của Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ của dân, Tỉnh ủy có chỉ đạo nhưng chưa tập trung, chưa bám khâu phát động quần chúng nhằm mục tiêu để quần chúng hành động cách mạng, nên phong trào chuyển lên chưa tương xứng. Lực lượng chính trị quần chúng được phát triển củng cố nhưng hãy còn chậm. Đội ngũ ba mặt, lực lượng tấn công thiếu chặt chẽ nhất là cán bộ chỉ huy, điều khiển chưa bảo đảm chức năng, còn đơn giản trong chỉ đạo phá kềm kẹp. Có làm được nhiệm vụ vây ép bức hàng, bức rút đồn, bót nhưng chưa diệt được nhiều sinh lực địch trong vùng tranh chấp tạo thế giành quyền làm chủ của dân. Do đó chưa tạo ra được chất lượng mới, lực lượng mới trong quần chúng nhất là trong

1. Trích Bản tự phê của Tỉnh ủy Kiến Phong trong cuộc học tập chỉnh huấn Nghị quyết Trung ương Cục (cuối tháng 12/1973).

các tuyến dân, chưa giải quyết được khó khăn kéo dài về xây dựng lực lượng vũ trang", "Thiếu đi sâu giải quyết tư tưởng tiến công đến tận cơ sở, nhất là trong tình hình có Hiệp định, nên từng nơi, từng lúc còn những tư tưởng nghỉ ngơi, xả hơi, tự tư tự lợi, thiếu xông xáo tấn công địch liên tục. Lãnh đạo của Tỉnh ủy thiếu tập trung quán triệt cho các cấp, nhất là làm chuyển biến Huyện ủy về cách làm việc giúp cho chi bộ; chưa đặt thành nền nếp trong kiểm điểm tổng kết công tác Đảng, nên chưa biểu lộ được trách nhiệm của Tỉnh ủy trong công tác Đảng"[1].

*

* *

Trong thế thất bại và suy yếu, năm 1974, bọn ngụy quân, ngụy quyền địa phương vẫn tỏ ra ngoan cố và hung hãn. Chúng bình định nông thôn một cách tập trung hơn nhằm lấn chiếm, xóa vùng ta, củng cố thế kềm kẹp ở vùng chúng kiểm soát.

Thực hiện âm mưu trên, địch đưa Bộ Tư lệnh Sư đoàn 9 về thị xã Cao Lãnh, đưa 1 trung đoàn của Sư đoàn 9 và 1 thiết đoàn M113 về Hồng Ngự nhằm lấn chiếm, di dân vào bờ bắc kinh An Long, chốt chặn hành lang biên giới của ta.

Từ ngày 28/01/1973 đến ngày 20/6/1974, hơn 100 lượt đồn, bót bị ta tiêu diệt, bức hàng, bức rút, địch tái chiếm 78 đồn, lấn chiếm thêm 6 đồn[2]. Ngoài ra, địch còn bắt lính, đôn quân để bổ sung quân số bị tiêu hao và tăng quân lên mức độ đáng kể. Tháng 12/1973, tổng số binh lực của địch

1. Trích Bản tự phê của Tỉnh ủy Kiến Phong trong cuộc học tập chỉnh huấn Nghị quyết Trung ương Cục (cuối tháng 12/1973).

2. Theo Báo cáo của Khu 8 từ năm 1968 đến năm 1975.

ở Kiến Phong là 40.180 quân (gồm 14.640 chủ lực, bảo an, dân vệ và cảnh sát, 25.540 phòng vệ xung kích và phòng vệ dân sự), đến tháng 5/1974, binh lực địch đã tăng lên 41.900 quân (gồm 15.500 chủ lực, bảo an, dân vệ và cảnh sát, 26.400 phòng vệ xung kích và phòng vệ dân sự). Lực lượng yểm trợ gồm 16 trung đội pháo 105 ly và 155 ly (tăng 3 trung đội so với tháng 12/1973), 3 chi đoàn, 1 chi đội M113, 4 đại đội giang đoàn, giang thuyền, giang cảnh. Quân địch chiếm giữ các tuyến giao thông quan trọng, thị xã, thị trấn, các cù lao đông dân, nhiều của.

Tuy vậy, địch đang đứng trước những khó khăn không thể khắc phục được. Đó là mâu thuẫn gay gắt giữa ngụy quân, ngụy quyền với nhân dân lao động, sự phân hóa và xâu xé trong nội bộ vì quyền lợi và thiếu hụt trầm trọng về kinh tế do Mỹ cắt giảm viện trợ. Trong khi đó, vùng giải phóng của ta ngày càng được củng cố, mở rộng[1], người dân lần lượt trở về nơi cũ sản xuất, bộ mặt nông thôn giải phóng không ngừng đổi mới, lưu thông trên các kinh rạch trở lại bình thường. Đây là căn cứ địa, là bàn đạp để ta áp sát tấn công ra vùng nông thôn phía trước[2].

---

1. Gồm: 2 xã Thường Thới Hậu (Hồng Ngự) và Phương Thịnh (Cao Lãnh), 22 ấp bao gồm vùng hậu dọc sông Sở Hạ, phía nam kinh An Long giáp bắc Nguyễn Văn Tiếp A, từ hậu Bình Thành, Tân Phú vào kinh Tư Bis, hậu Nhị Mỹ, Mỹ Thọ, Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây, hậu Thanh Mỹ, kinh Ba Mỹ Hòa và Ấp 4 xã Đốc Binh Kiều.

2. Vùng nông thôn phía trước: Dọc theo tả ngạn sông Tiền từ Hồng Ngự xuống Kiến Văn, Mỹ An, các khu dinh điền, các thị xã, thị trấn, vùng cù lao tôn giáo Cái Vừng (Hồng Ngự), cù lao Tây (Thanh Bình), cù lao An Tịnh (Cao Lãnh - Kiến Văn) và huyện Chợ Mới.

Tháng 3/1974, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiến Phong lần thứ II. Về dự Hội nghị gồm 50 đại biểu chính thức, đại diện 7 đảng bộ huyện, thị và các đảng bộ cơ ngành tỉnh.

Hội nghị thảo luận và nhất trí thông qua hai văn kiện: Báo cáo chính trị nhiệm kỳ và bản tự phê của Ban Chấp hành, Nghị quyết tình hình nhiệm vụ năm 1974.

Hội nghị bầu Ban Chấp hành mới gồm 25 ủy viên, trong đó có 4 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Thế Hữu làm Phó Bí thư[1].

Hội nghị ra Nghị quyết: "Phát huy thế tiến công trên khắp chiến trường bằng ba mặt kết hợp pháp lý Hiệp định trên cả ba vùng nhằm giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, bảo đảm nắm dân, giành dân, giành quyền làm chủ của nhân dân.

---

1. Ban Chấp hành nhiệm kỳ II gồm:

- Ủy viên chính thức: Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ), Nguyễn Văn Năm (Tám Mai), Đoàn Minh Ngọc (Sáu Thượng), Huỳnh Văn Vệ (Tư Hải), Võ Thái Hòa (Thái Hoà), Nguyễn Thế Hữu (Tư Hữu), Huỳnh Văn Thưởng (Năm Thảo), Phan Hữu Lập (Sáu Lập), Lê Thị Tiệp (Năm Mai), Ngô Quang Tựu (Năm Vinh), Bùi Quang Thạnh (Mười Thạnh), Võ Hồng Nhân (Hồng Nhân), Phạm Văn Thành (Hai Hớn), Lê Hiếu, Phan Văn Đấu (Năm Đấu), Phạm Văn Trọng (Ba Trọng), Võ Văn Tám (Chí Công), Nguyễn Văn Ba (Bảy Tạo), Đặng Việt Mai (Việt Mai), Mạch Văn Vấn (Ba Hiệp), Võ Thị Việt (Năm Việt).

- Ủy viên dự khuyết: Châu Mỹ Duyên (Út Huyền), Hồ Trung So (Tư So), Nguyễn Văn Hải (Năm Hải), Mai Văn Quán (Năm Quán).

Theo Báo cáo kết quả Hội nghị Đảng bộ Tỉnh KX7 nhiệm kỳ II (từ ngày 19/3 đến ngày 26/3/1974) của TVKX7 gửi TVQT2 (tài liệu số 101, bản viết tay, lưu trữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng) thì đồng chí Tám Mai làm Phó Bí thư Tỉnh ủy/cán sự Tỉnh đội, Tỉnh đội chánh.

Không ngừng củng cố và phát triển lực lượng các mặt, Thực hiện phương châm xây dựng để tấn công và tấn công để xây dựng ngày càng cao, càng mạnh và phát triển không ngừng"[1]. Nghị quyết gom toàn bộ vùng tranh chấp, vùng yếu tôn giáo, thị xã, thị trấn thành một hướng tấn công, gọi là "*vùng nông thôn phía trước*" và đặt ra nhiệm vụ: tiến công liên tục ra phía trước, giữ vững và không ngừng mở rộng xây dựng phía sau. Hai vùng này có mối quan hệ mật thiết, tác động hỗ trợ cho nhau cùng phát triển. Có tấn công liên tục ra phía trước mới buộc địch lo đối phó chống đỡ, cố giữ vùng chúng kiểm soát, không có điều kiện và thời gian càn quét lấn chiếm, di dân vào vùng giải phóng, tạo điều kiện và thời gian để củng cố và xây dựng vùng ta. Ngược lại, có nỗ lực xây dựng vùng ta ở phía sau mới tạo được thế mạnh, lực lượng để tiến công ra phía trước.

Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiến Phong lần thứ II đánh dấu bước trưởng thành của Đảng bộ về tổ chức và lãnh đạo. Thắng lợi của Hội nghị là nhân tố bảo đảm đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiến lên.

Ở các huyện phía nam, Tỉnh ủy Vĩnh Long chỉ đạo: mở đợt tấn công bao vây đồn, bót, mở vùng giành quyền làm chủ. Thực hiện nghị quyết và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy hai tỉnh và Trung ương, sau Hội nghị đại biểu, các cấp ủy mở đợt học tập triển khai các Chỉ thị số 01/CT-74, số 02/CT-74, số 04/CT-74 của Trung ương Cục. Trong quá trình tấn công địch theo nhiệm vụ địa phương, nhiều nơi đã tiến hành sắp xếp, củng cố tổ chức, bầu xã ủy, chi ủy, cải tiến nội dung, lề lối làm việc của các cấp ủy.

---

1. Trích Nghị quyết I/1974 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiến Phong.

Các ban ngành nhiều xã, ấp được củng cố bổ sung cán bộ. Đợt củng cố chi bộ này chủ yếu theo nội dung ba vấn đề then chốt nêu trong Chỉ thị số 01/CT-74:

- Nhận rõ tính chất, vai trò của tổ chức đảng cơ sở và nhiệm vụ chính trị địa phương.

- Nâng cao chất lượng hội nghị, chất lượng nghị quyết và chi bộ tổ chức thực hiện nghị quyết.

- Chi bộ phải gắn liền bám chặt trong quần chúng.

Triển khai Chỉ thị số 01/CT-74, các cấp ủy huyện và thị xã đề ra kế hoạch, phân công cấp ủy và cán bộ triển khai cho xã. Mỗi huyện chọn xã điểm chỉ đạo[1] và lập đoàn chỉ đạo điểm do huyện ủy viên phụ trách. Mỗi cán bộ trong đoàn nắm 1 ấp của xã điểm giúp chi bộ chuyển lên theo ba vấn đề then chốt trong củng cố xây dựng chi bộ, bồi dưỡng bí thư, phó bí thư chi bộ, trưởng, phó ngành, xã, ấp, nhất là lề lối làm việc và phát triển đảng viên mới.

Qua triển khai Chỉ thị số 01/CT-74, "Rọi lại nhận thức và việc làm thời gian qua, thấy còn nhiều mặt yếu kém. Đa số chưa hiểu về tính chất đảng, vai trò của chi bộ cơ sở nhất là tính chất giai cấp, tính tiền phong chiến đấu và chưa thông nhiệm vụ chính trị địa phương, do đó còn một số đảng viên tiêu cực, nặng lo gia đình, thiếu gương mẫu công tác, thiếu

1. Huyện Kiến Văn: hai xã điểm là Mỹ Xương và Bình Hàng Trung; huyện Cao Lãnh: hai xã điểm là Thiện Mỹ và Phong Mỹ; huyện Mỹ An: hai xã điểm là Mỹ Quý và Thanh Mỹ; huyện Thanh Bình: hai xã điểm là Bình Thành và Tân Phú; huyện Tam Nông: hai xã điểm là Mỹ Hưng và Phú Cường; huyện Hồng Ngự: hai xã điểm là Tân Thành và Bình Thạnh; thị xã Cao Lãnh: Khu 2 và Khu 3; Chợ Mới: Hội An.

quyết tâm trong tấn công địch"[1]. Từ những phát hiện đó, các cấp ủy kịp thời uốn nắn.

Thành công của Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh và việc triển khai các chỉ thị đã làm chuyển biến sâu sắc về nhận thức và năng lực lãnh đạo của cơ sở đảng.

Song song với việc chấn chỉnh củng cố chi bộ, các cấp ủy đảng trong tỉnh phát động và lãnh đạo cuộc tấn công Xuân - Hè năm 1974.

Lúc này địch chủ trương lấn chiếm di dân, vơ vét lúa gạo khắp ba vùng. Chúng đưa 2 tiểu đoàn, 1 đại đội thám sát của Trung đoàn 14/f9, 4 chi đoàn xe M113 trực tiếp càn quét lấn chiếm, đưa quân chốt các tuyến kinh, cửa khẩu hòng chặn hành lang và ngăn không cho ta thu đảm phụ[2], chủ yếu ở khu vực hậu huyện Thanh Bình, xã Phương Thịnh (Cao Lãnh) là vùng tập trung lúa mùa, đồng trống trải. Ở Hồng Ngự, trong ba tháng đầu năm 1974, địch liên tục càn quét vào các gò ở hậu Tân Thành và các ấp giải phóng, đốt phá, dùng trực thăng cướp trên 600 giạ lúa của dân, gom một số dân về ấp Cây Me, Chòi Mòi. Ở Thanh Bình, địch dùng xe M113 càn quét, máy bay và pháo bắn phá liên tục các ấp tranh chấp kết hợp tác động tâm lý, một số quần chúng ở ven lộ 30 và vùng cù lao tôn giáo có ruộng đất ở hậu Thanh Bình và Tam Nông phải thu hoạch nhanh, rồi chở lúa và gia đình ra vùng địch để tránh thiệt hại. Riêng ở kinh An Long, Tiểu đoàn 417 bảo an cùng

1. Trích Báo cáo sơ kết triển khai các Chỉ thị số 01/CT-74, số 02/CT-74 của Tỉnh ủy Kiến Phong, tháng 6/1974.

2. Một số hình thức thuế có vận động đồng bào tự nguyện đóng góp.

6 trung đội càn quét, trong 8 ngày chúng hãm hiếp 30 phụ nữ, đốt cháy hơn 100 giạ lúa, cướp đi 3.000 giạ.

Tuy địch tập trung lượng cướp phá lúa gạo nhưng nhìn chung kế hoạch của chúng bị thất bại. Ngay từ đầu chúng đã gặp phải sức tấn công mạnh mẽ của quân và dân ta trong chiến dịch Xuân - Hè năm 1974.

Ba tháng đầu năm 1974 (cao điểm 1 Xuân - Hè), bộ đội địa phương tỉnh, huyện cùng bộ đội chủ lực Quân khu 8 hoạt động mạnh tuyến kinh Nguyễn Văn Tiếp B, diệt 6 đồn, các địa phương dùng thế ba mặt tại chỗ bao vây bức rút, bức hàng 8 đồn 2 chốt[3]. Ngày 03/3/1974, Tiểu đoàn 502B dùng chiến thuật công đồn diệt viện, giành thắng lợi giòn giã tại Mương Khai, Rạch Cầu xã Mỹ Hội (trên kinh Số Một). Trận này ta bắn bị thương và cháy 6 xe M113, diệt và làm bị thương 60 tên, thu 1 súng 12,7 ly (chi đoàn xe M113 gồm 11 chiếc, bỏ lại trận địa 3 chiếc). Tháng 4/1974, Chi bộ và du kích mật khu 4 (Hòa An) được bán đội biệt động thị xã Cao Lãnh hóa trang Tiểu đoàn 502 cùng nội tuyến trong phòng vệ dân sự (do đồng chí Chín Thi - Trưởng An ninh thị xã và Lê Hoàng Vân - Bí thư Khu 4 chỉ huy) bất ngờ đột nhập vào trạm gác của phòng vệ dân sự ở vàm rạch Cả Da, khống chế và tước súng liên toán phòng vệ dân sự, bắt 25 phòng vệ dân sự, thu 25 súng, đốt trạm gác.

---

3. Diệt các đồn: Bằng Lăng, Bà Cò, Kinh Ngang, Kinh Chà, Kinh Nhì, Gò Tháp. Bức rút, bức hàng các đồn: Kinh Năm xã Đốc Binh Kiều (ngày 02/01), Gốc Khế (ngày 03/01), Vàm Kinh Nhì xã Thanh Mỹ (ngày 12/01), Vàm kinh Ba xã Thanh Mỹ (ngày 14/01), Cá He xã Bình Thạnh (ngày 15/01), Kinh Tư Trước xã Thiện Mỹ (ngày 14/01), Kinh Nhất xã Mỹ An (ngày 22/01), đồn Thất Cao Đài, xã Bình Hàng Tây và 2 chốt ở xã Thường Thới Hậu (ngày 12/01).

Ta đưa lực lượng này về vùng giải phóng, qua học tập, nhiều người tình nguyện đi bộ đội, số còn lại xin ở lại vùng giải phóng làm ăn. Ở huyện Châu Thành, ta tấn công nông trại An Khánh, diệt hàng chục tên, bắt sống 19 tên, thu 20 súng, bức rút đồn Bờ Dứa và đồn Cầu Lộ (xã Tân Nhuận Đông).

Các hoạt động của ta đẩy địch vào thế bị động đối phó, tạo điều kiện cho các địa phương lãnh đạo quần chúng nhân dân thu hoạch nhanh vụ mùa, cất giấu lúa và đóng đảm phụ giải phóng. Ở các vùng tranh chấp, vùng yếu tôn giáo và thị xã, thị trấn, phong trào đấu tranh chính trị được chuyển lên, nổi bật nhất là đấu tranh chống bắt lính, chống vơ vét, chống hãm hiếp, chống gom dân, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi trở về đất cũ ở vùng giải phóng... Tiêu biểu là cuộc đấu tranh trực diện với chỉ huy đoàn xe M113 của 65 người dân ở xã Tân Hộ Cơ (Hồng Ngự), có sự ủng hộ của Ban trị sự Cao Đài, buộc địch phải trả lại 130 giạ lúa.

Cao điểm 2 Xuân - Hè năm 1974 (từ ngày 19 đến ngày 30/4/1974), ta thu được thắng lợi. Trong vòng 10 ngày ta diệt và bức rút 9 đồn (Hồng Ngự: 3 đồn, Mỹ An: 3 đồn, Kiến Văn: 3 đồn)[1], bao vây pháo kích gần 20 đồn, bót khác, đánh sập 3 cầu, cắt đứt lộ 30[2], diệt và làm bị thương gần 150 tên địch, bắt sống 10 tên,

---

1. Diệt các đồn: Cây Me (Hồng Ngự) ngày 19/4, vàm kinh Ba xã Thanh Mỹ (Mỹ An) ngày 23/4, cứ điểm Gãy Kinh Một ngày 25/4. Bức rút các đồn: Tham Bua (Hồng Ngự) ngày 21/4, Cả Cái (Hồng Ngự) ngày 22/4, Cống Tư Duyên, Cống Hai Giao ngày 25/4, Vàm Kinh Nhì, Kinh 25 ngày 26/4 và đồn Thông Lưu (xã Mỹ Xương, huyện Kiến Văn) ngày 30/4.

2. Đánh sập 2 nhịp cầu Cần Lố (sông Nhị Mỹ), đánh hỏng cầu Ngã Cái (xã Long Hiệp) trong đêm ngày 23/4. Ngày 24/4, tiếp tục đánh hỏng cầu rạch Ông Củng, cầu Rạch Chùa trên lộ 30.

thu gần 50 súng. Hàng ngàn quần chúng tấn công địch ba mặt tại đồn, bót[1], đi dân công phục vụ tiền tuyến, xây dựng xã, ấp chiến đấu, kéo ra thị trấn, thị tứ đấu tranh tố cáo tội ác địch.

Tại các khu vực trọng điểm, địch bị động, lúng túng đối phó. Các tiểu đoàn bảo an lún chân chiếm đóng, mất khả năng hành quân giải tỏa, tái chiếm. Các tiểu đoàn quân chủ lực địch dè dặt, không can thiệp trong lúc bọn bảo an bị căng ra và bị diệt ở nhiều nơi. Hệ thống đồn, bót của bảo an, dân vệ rúng động, hoang mang, tan rã. Bị căng kéo trên các chiến trường khác nên phi pháo và sự chi viện của quân chủ lực gặp khó khăn. Tình hình đó là thời cơ tốt để ta mở ra và có khả năng mở nhanh.

Ngày 30/4/1974, Thường vụ Tỉnh ủy họp kiểm điểm đợt tấn công Xuân - Hè năm 1974 và biểu dương thành tích của các lực lượng vũ trang, các đảng bộ, các ngành, các cơ quan phục vụ. Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá: "Những kết quả bước đầu của đợt tấn công Xuân - Hè năm 1974 chứng minh các cấp đảng bộ, các lực lượng vũ trang, các cán bộ chiến sĩ đã nhận rõ nhiệm vụ của mình qua chỉnh huấn. Là kết quả của ý chí đoàn kết chiến đấu, liên tục tấn công địch, hợp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, giữa các chiến trường, giữa ba mặt tại chỗ mà khâu quan trọng là công tác tổ chức và chỉ đạo bố trí, sử dụng lực lượng một cách hợp lý ở các khu vực trọng điểm"[2]. Thường vụ chỉ ra mặt yếu của các địa phương là khâu tổ chức

1. Trong hai cao điểm mùa khô năm 1974, du kích hoạt động mạnh ở 6/7 huyện, 21/63 xã, tác chiến 83 trận, diệt và làm bị thương 50 tên.

2. Đảng văn số 10/CV-74 ngày 30/4/1974 của Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong về việc kiểm điểm và chỉ đạo đợt tấn công Xuân - Hè năm 1974.

lực lượng, thiết kế lực lượng ba mặt ở xã, ấp chưa tốt nên nhiều nơi bỏ lỡ thời cơ. Để khắc phục thiếu sót và khai thác đúng mức thời cơ, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo:

"Mỗi huyện, mỗi xã, mỗi ấp nhất thiết phải có mục tiêu tấn công... Bên cạnh mục tiêu của từng cấp phải chỉ đạo diện diệt địch, tiêu hao địch. Mỗi xã có mục tiêu diệt điểm bằng ba mặt, các ấp khác căng kềm, tiêu hao, chặn quân giải tỏa...

Một yêu cầu rất quan trọng là giành dân, giữ dân, chuyển vùng yếu phía trước; diệt ác ôn, phá kềm kẹp, phá rã và tước vũ khí phòng vệ dân sự, đánh chỗ dựa của địch, gắn liền với phát động quần chúng và giành quyền làm chủ.

Phải nắm vững phương châm vừa tấn công vừa xây dựng. Bên cạnh kế hoạch tấn công phải có kế hoạch xây dựng toàn diện, nhất là lực lượng vũ trang và tổ chức lực lượng ở các vùng mới mở ra, kịp thời đưa dân về bảo đảm vụ mùa cho kịp thời tiết. Nạo vét các kinh rạch bảo đảm hành lang"[1].

Tháng 5/1974, quân và dân trong tỉnh hợp đồng với toàn Khu mở cao điểm 3, đợt Xuân - Hè. Quân khu điều 2 trung đoàn về Kiến Phong với ý định mở mảng biên giới Hồng Ngự - Campuchia và tuyến hành lang Kiến Văn - Mỹ An.

Đầu tháng 5, tại các vùng trọng điểm của 3 huyện Hồng Ngự, Mỹ An và Kiến Văn, các lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với bộ đội Khu đồng loạt bao vây tấn công hàng chục đồn, bót, căn cứ quân sự của địch. Ở Hồng Ngự tấn công tuyến đồn, bót trên sông Sở Hạ, sông Tân Thành. Ở Mỹ An, tấn công tuyến đồn, bót trên kinh Nguyễn Văn Tiếp B, kinh Số 1.

---

1. Đảng văn số 10/CV-74 ngày 30/4/1974 của Thường vụ Tỉnh ủy Kiến Phong về việc kiểm điểm và chỉ đạo đợt tấn công Xuân - Hè năm 1974.

Tại Kiến Văn, nhiều đồn, bót ở các xã Mỹ Hội, Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây, Long Hiệp, Bình Thạnh bị quân và dân ta bao vây, bắn phá. Ở Châu Thành, ta diệt đồn Cai Hạt trong tháng 4, giải phóng 7 ấp (xã Tân Nhuận Đông); xã An Khánh ta tấn công nông trại lần hai.

Trước sức mạnh tấn công đồng loạt của ta, quân địch tại các đồn, bót hoảng hốt rút chạy[1]. Các tiểu đoàn bảo an 435, 544 và các tiểu đoàn của e14/f9 cùng các chi đoàn xe M113 đều bị quân ta đánh thiệt hại nặng.

Qua ba cao điểm của kế hoạch mùa khô năm 1974, ta gỡ được 59 đồn (diệt 11, bức rút 38, tự rút 10), mở các vùng kinh Một, kinh Nguyễn Văn Tiếp B, Mỹ Hòa (Mỹ An), hậu các xã huyện Kiến Văn, Tân Thành, Thường Thới Hậu và các lõm giải phóng ở Ấp 3 (Thường Phước), ấp Thượng, ấp Trung (Thường Thới Tiền), Cả Cái, Tham Bua (Tân Thành), Gò Tre, Rọc Muống (Tân Công Chí, huyện Hồng Ngự).

Cùng với hoạt động quân sự chuyển mở vùng giải phóng, sáu tháng đầu năm 1974, phong trào diệt ác phá kềm, chuyển vùng, giành dân ở vùng nông thôn phía trước có bước phát triển mới, nhất là sau Đảng văn số 10/CV-74 của Tỉnh ủy ngày 30/4/1974. Các lực lượng vũ trang và an ninh vũ trang

1. Ở Hồng Ngự: đồn Cả Cái rút chạy ngày 07/5, đồn Tham Bua tự rút và đồn Cây Me bỏ chạy ngày 12/5. Ở Mỹ An: đồn Cống Đứt Đoạn rút ngày 02/5, sau đó các đồn Vàm Kinh Nhì, Ba Chăng, Gốc Khế, Đìa Chuối cũng tự rút, đồn Vàm Kinh Ba bị diệt gọn vào ngày 12/5. Ở Kiến Văn: số đồn địch rút chạy gồm: Ngã Cái ngày 14/5, Mương Khai ngày 27/5, Mương Ngang ngày 20/5, Tư Viên, Năm Khoe, Cá He, Khém Sâu (cuối tháng 5). Ở Châu Thành 5 đồn tháo chạy gồm: Hai Lách, Cả Trinh, kinh Mới, kinh 19, Cây Sộp.

thọc sâu trừng trị những tên ác ôn kềm kẹp quần chúng. Diệt nhiều cảnh sát ở các xã An Phong, Phú Cường, Phú Thành, Mỹ Ngãi, Bình Hàng Tây... Riêng ở Hồng Ngự, trong sáu tháng đầu năm 1974, đánh 10 trận, diệt hàng chục cảnh sát, tề ấp, trưởng đồn, bắn bị thương Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn bảo an 436, bắt Phó cuộc cảnh sát Tân Hội, hầu hết phòng vệ dân sự ở các xã tranh chấp bị tan rã, tề lưu vong, đồn, bót co lại, thế kềm kẹp bị lỏng. Nhiều tên ác ôn bỏ việc hoặc thanh minh với quần chúng, hứa để quần chúng tự do đi lại làm ăn, buôn bán.

Ngày 25/5/1974, sau khi học Nghị quyết của Khu ủy Khu 8 do một đồng chí Khu ủy viên trực tiếp triển khai, Tỉnh ủy Kiến Phong rọi lại Nghị quyết năm 1974 của Tỉnh ủy, về cơ bản là đúng với tinh thần Nghị quyết của Khu. Do đó, Tỉnh ủy không ra Nghị quyết mới mà đề ra một kế hoạch nhằm cụ thể hóa Nghị quyết năm 1974 của Tỉnh ủy, đồng thời chấp hành đúng Nghị quyết Khu ủy. Kế hoạch này chia chiến trường trong tỉnh làm 6 khu vực chỉ đạo, có yêu cầu, ý định và những mặt công tác cụ thể phù hợp với tính chất mỗi khu vực. Việc chia khu vực nhỏ không mâu thuẫn với các vùng mà ngược lại giúp các xã ở mỗi vùng triển khai các mặt công tác tốt hơn.

Kế hoạch trên được triển khai và thực hiện đến cuối tháng 9/1974 và hướng kế hoạch cho cuối năm.

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy, trong các tháng 6, 7, 8 năm 1974, mặc dù vào mùa mưa và địch vẫn duy trì thường xuyên 2 trung đoàn chủ lực, từ 2 đến 4 chi đoàn xe M113, quân và dân trong tỉnh vẫn gỡ được 24 đồn ở các xã Tân Công Chí, Bình Thạnh, Mỹ An, Phong Mỹ... (diệt: 1, bức rút: 10,

tự rút: 13), 5 đồn ở huyện Chợ Mới dù không bị vây ép nhưng địch vẫn rút bỏ.

Tháng 8/1974, Quân khu chủ trương mở đợt "đánh nhồi" với ý định mở rộng vùng giải phóng, thông suốt hành lang và buộc địch bị động đối phó liên tục, không cho chúng có thời gian củng cố. Khu điều thêm về tỉnh Kiến Phong Trung đoàn 320 và Tiểu đoàn 283 đặc công[1].

Trong đợt "đánh nhồi", từ ngày 16/8 đến ngày 20/9/1974, các lực lượng vũ trang trong tỉnh phối hợp với bộ đội Khu đánh địch liên tục, diệt 7 đồn[2], pháo kích kiềm chế trận địa pháo Quản Khánh, cách thị xã Cao Lãnh hơn 1.000m (đêm ngày 16, ngày 17/8), pháo kích gây thiệt hại nặng Chi khu Kiến Văn, diệt 52 tên (đêm 03/9), huy động quần chúng phá nhiều đoạn lộ 30.

Hưởng ứng đợt "đánh nhồi" của Quân khu, trong mùa nước, 1 tiểu đội biệt động bí mật vận động phục kích cách đồn Ông Huề (kinh Thầy Kiện) khoảng 300m chặn đánh bọn lính đi phát lương trở về, diệt và làm bị thương nhiều tên, thu 16 súng, trong đó có 2 M79, 2 máy PRC-9, 2 máy PRC-25. Đêm 16 rạng sáng 17/8 biệt động thị xã Cao Lãnh, du kích Khu 2 đã phối hợp pháo kích vào trận địa pháo Quản Khánh. Đêm ngày 23/8 biệt động thị xã phối hợp Tiểu đoàn đặc công 283 diệt đồn Huế Ụt (Mỹ Ngãi) diệt 1 ban tề xã, 1 cuộc cảnh sát, 1 toán bình định và 1 tiểu đội dân vệ, thu nhiều vũ khí. Đêm ngày 10/9,

1. Lúc này, ở Kiến Phong có 3 trung đoàn (1, 207 và 320) và Tiểu đoàn 283 đặc công của Khu hoạt động.

2. Gồm các đồn: Kinh Công Sự ngày đêm 22/8, Huế Ụt xã Mỹ Ngãi ngày 23/8, Xã Của xã Bình Hàng Tây ngày 25/8, Cầu Bốn Miệng xã Bình Hàng Trung ngày 01/9, Chùa Tổ xã Bình Hàng Trung ngày 09/9, Rạch Chanh xã Mỹ Trà ngày 10/9, đồn Cả Vừng xã Nhị Mỹ ngày 11/9.

biệt động thị xã Cao Lãnh phối hợp với Tiểu đoàn 283 tiến công diệt đồn Rạch Chanh (Mỹ Trà) tạo thế cho du kích Khu 2, Khu 3 và biệt động thị xã về bám trụ ở hai khu này.

Những đợt tấn công liên tục của quân và dân ta đã đẩy kẻ thù vào thế suy yếu toàn diện. Đúng như nhận định của Tỉnh ủy: "Lực lượng của địch trong tỉnh tuy còn đông nhưng tinh thần tư tưởng hoang mang ngày càng bộc lộ rõ, không thể gánh nổi nhiệm vụ lấn chiếm và giải tỏa đồn, bót bị ta bao vây. Các tiểu đoàn bảo an cơ động sa vào thế buộc phải làm nhiệm vụ chiếm đóng. Sự suy yếu đó buộc trung đoàn của Sư đoàn 9 và 4 chi đoàn xe M113 phải có mặt ở chiến trường ta, làm nhiệm vụ càn quét giải tỏa mà đáng lẽ ra bọn bảo an phải làm. Tuy có gặp một số khó khăn đối phó với chủ lực địch nhưng thế và lực của ta vẫn chủ động đi lên, còn địch bị động đi xuống. Các chính sách phản động của địch, nhất là âm mưu bắt lính đôn quân, vơ vét, bóc lột để phá hoại Hiệp định, kéo dài chiến tranh đã để lộ thế suy yếu về chính trị, đã tác động đến toàn bộ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu mà địch không thể giải quyết được. Các thủ đoạn kềm dân bằng các tên tay sai khoác áo tôn giáo với âm mưu di dân lập nông trường, xây dựng lực lượng bảo an quân... đã bị quần chúng tín đồ và ban trị sự ở cơ sở vạch mặt phản đối. Thế kềm kẹp của địch ở vùng yếu, tôn giáo, thị xã, thị trấn tiếp tục lỏng, rã trước thế tấn công ba mặt giành quyền làm chủ của quần chúng"[1].

Tính chung từ ngày 28/01/1973 đến tháng 9/1974, quân và dân Kiến Phong diệt hơn 3.000 tên địch, làm bị thương hơn

1. Trích Kế hoạch thực hiện nghị quyết năm 1974 của Tỉnh ủy Kiến Phong ngày 25/5/1974.

4.000 tên, rã ngũ 15.840 tên (kể cả phòng vệ dân sự), bắt sống 150 tên; diệt, bức hàng, bức rút trên 130 đồn (có đồn phải gỡ đi gỡ lại 4 - 5 lần); giải phóng 1 xã (Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh), 30 ấp (cộng với số ấp giải phóng cũ là 47 ấp), giành quyền làm chủ trên 100 ấp khác; ở các vùng Chợ Mới (trừ tổng Định Hòa), các cù lao, ven tuyến lộ 30, thanh niên tập hợp lại từng khu vực chống bắt lính, từ đó đã giành quyền làm chủ nhiều lõm; đưa hơn 40.000 dân về vùng giải phóng; chuyển lên tranh chấp và tranh chấp mạnh 49 xã, 217 ấp, 364.690[1] dân trong tổng số 63 xã, 334 ấp, 567.000 dân của tỉnh Kiến Phong; lấp 13 xã trắng, còn 25 ấp và 2 khu (ở thị xã) "trắng Đảng".

Từ khi có Hiệp định đến tháng 9/1974, ta còn phát triển gần 500 đảng viên, 600 đoàn viên, 3.000 hội viên nông hội, phụ nữ, trên 1.000 du kích các loại[2] và nhiều cốt cán, nòng cốt tổ chức công khai, bán khai ở vùng yếu, thị xã, thị trấn. Các xã tả ngạn sông Cửu Long đều có từ 1 đến 2 tiểu đội du kích, trong đó, 11 xã có số lượng du kích tương đương 1 trung đội. Vùng giải phóng căn bản ổn định, chế độ dân chủ nhân dân

1. Số liệu đến cuối tháng 6/1974 của các huyện Cao Lãnh, Kiến Văn, Chợ Mới, Mỹ An và thị xã (thiếu huyện Hồng Ngự và Tam Nông).

2. Theo báo cáo số liệu của Khu 8: Lực lượng chính trị ở xã ấp của tỉnh Kiến Phong như sau: Số mới phát triển từ tháng 12/1972 đến tháng 6/1974: 441 đảng viên, 324 đoàn viên, 1.090 hội viên nông hội, 813 hội viên phụ nữ; số hiện diện tháng 6/1974 (đã trừ tiêu hao): 1.249 đảng viên cơ sở xã ấp, 717 đoàn viên, 2.695 hội viên nông hội, 1.049 hội viên phụ nữ (đã trừ tiêu hao). Lực lượng vũ trang ở xã, ấp: Phát triển từ tháng 12/1972 đến tháng 6/1974: 326 du kích xã, 573 du kích ấp, 79 du kích và tự vệ mật, 215 dân quân; số hiện có tháng 6/1974 (đã trừ tiêu hao): 430 du kích xã, 622 du kích ấp, 561 du kích và tự vệ mật, 150 dân quân. Thu tân binh: năm 1973 được 331 thanh niên, sáu tháng đầu năm 1974: 16 thanh niên.

trong vùng giải phóng không ngừng được củng cố, thể hiện được tính ưu việt hơn hẳn so với vùng địch, có ảnh hưởng lớn đối với quần chúng ở vùng yếu, tôn giáo. Các mặt y tế xã hội, giáo dục được xây dựng và phát triển khá[1]. Về kinh tế, ta tạm cấp đất 40.000 công cho đồng bào vùng yếu (đa số là Hòa Hảo), khai hoang phục hóa 60.000 công, thu đảm phụ được 600 triệu đồng, các cơ quan dân - chính - đảng và đơn vị bộ đội tỉnh, huyện đều có bộ phận sản xuất tự túc.

Đến tháng 9/1974, ta tạo được thế liên hoàn giữa các vùng và lõm giải phóng, thông suốt giữa các huyện lên biên giới Campuchia, qua Kiến Tường, Mỹ Tho, về cơ bản đạt yêu cầu nêu trong Nghị quyết của Tỉnh ủy năm 1974.

Vùng giải phóng được mở rộng là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ địa cách mạng. Căn cứ Xẻo Quýt ở xã Long Hiệp (huyện Cao Lãnh) - nơi Tỉnh ủy đóng từ những năm 1960 và trong suốt những năm địch bình định đánh phá ác liệt (1969 - 1972), đến cuối năm 1973 được xây dựng vững chắc hơn, đã có nhà ở, công sự, nhà bếp, nhà ăn và hội trường nhỏ. Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II (tháng 3/1974) được tổ chức tại hội trường lớn (ở kinh Xáng Phèn, xã Long Hiệp). Với phương châm xây dựng căn cứ lấy dân làm gốc, Tỉnh ủy Kiến Phong dựa vào sự che chở, bảo bọc của quần chúng, bám trụ tại căn cứ Xẻo Quýt trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

---

1. Tài liệu "Số liệu nắm được đến cuối tháng 6/1974 của Kiến Phong" cho biết: Toàn ngành y tế của tỉnh có 647 người, 20 trạm y tế xã, 21 nhà bảo sinh, 263 giường bệnh. Ở vùng ta, có trường bổ túc văn hóa công nông, khôi phục 14 trường học, in 3.000 cuốn sách giáo khoa.

Chín tháng đầu năm 1974, với những thắng lợi toàn diện như trên đã tạo ra một thế mới mạnh hơn nhiều so với trước đây: "Đó là thế tiến công liên tục khắp ba vùng. Thế tiến công đó ngày càng tiến sâu vào vùng yếu tôn giáo, áp sát thị xã, thị trấn, đã đập tan các âm mưu lớn của địch, mở ra triển vọng mới cho yêu cầu chuyển toàn bộ chiến trường lên"[1].

II- THÀNH LẬP TỈNH SA ĐÉC VÀ TỈNH LONG CHÂU TIỀN, ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG Ở CÁC HUYỆN PHÍA NAM SÔNG TIỀN

Tháng 8/1974, để tạo điều kiện chuyển mạnh vùng yếu Hòa Hảo và tạo sự gắn bó chiến trường giữa nam và bắc sông Tiền, Trung ương Cục giải thể tỉnh Kiến Phong, thành lập tỉnh Sa Đéc và tỉnh Long Châu Tiền[2]. Tỉnh Sa Đéc gồm 7 huyện, 2 thị xã: Chợ Mới, Cao Lãnh, Kiến Văn, Mỹ An và thị xã Cao Lãnh (Kiến Phong), Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành và thị xã Sa Đéc (Vĩnh Long). Tỉnh Long Châu Tiền gồm 7 huyện: Hồng Ngự, Thanh Bình, Tam Nông (Kiến Phong), An Phú, Tân Châu, Phú Tân A và Phú Tân B (An Giang) với 53 xã, 256 ấp, 650.000 dân[3].

---

1. Trích Báo cáo chuyên đề về chống phá bình định của tỉnh Kiến Phong từ ngày 28/01/1973 đến tháng 6/1974.

2. Phía địch giữ y nguyên địa giới hành chính các tỉnh Kiến Phong, Vĩnh Long, Long Xuyên, Châu Đốc...

3. Tân Châu có 7 xã, 39 ấp, 53.620 dân; An Phú có: 9 xã, 42 ấp, 81.000 dân; Phú Tân A, Phú Tân B: 13 xã, 75 ấp, 190.000 dân; Hồng Ngự có: 11 xã, 56 ấp, 110.000 dân; Thanh Bình có: 6 xã, 24 ấp, 51.150 dân; Tam Nông có: 7 xã, 22 ấp, 54.000 dân (tháng 3/1976 sáp nhập Phú Tân A và Phú Tân B thành huyện Phú Tân (sau này thành lập huyện Phú Châu thay huyện Phú Tân)).

Trước đó, Trung ương Cục và Khu ủy Khu 8 đã chỉ định thành lập hai tỉnh ủy mới:

- Tỉnh ủy Sa Đéc: Đồng chí Nguyễn Văn Năm (Tám Mai) được chỉ định làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Thế Hữu (Tư Hữu) và đồng chí Võ Thị Việt (Năm Việt) làm Phó Bí thư.

- Tỉnh ủy Long Châu Tiền: Đồng chí Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ) được chỉ định làm Bí thư, đồng chí Đoàn Minh Ngọc (Đoàn Văn Thượng - Sáu Thượng) làm Phó Bí thư.

"Sự phân công chia lại chiến trường, tổ chức lại tỉnh như trên thể hiện quan điểm tấn công, quan điểm thực tế và quan điểm quần chúng nhằm tập trung chuyển vùng yếu tôn giáo và toàn bộ chiến trường lên, đánh bại âm mưu bình định mới của Mỹ - Thiệu, giành dân, giành quyền làm chủ, thay đổi tương quan trong một thời gian ngắn theo yêu cầu của ta ở vùng này. Tổ chức lại tỉnh Sa Đéc như trên thực tế đã tạo ra cho Đảng bộ và quân dân ta nhiều khả năng và thuận lợi mới trong tấn công địch và chuyển phong trào. Vì nó sẽ phát huy được truyền thống đoàn kết đấu tranh của nhân dân Long Châu Sa nói chung và Sa Đéc hiện nay nói riêng qua quá trình kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ"[1].

Song việc lập tỉnh mới đặt ra trước Đảng bộ những khó khăn cần giải quyết. Địa bàn hoạt động ở các huyện phía nam còn hẹp, chỉ có vài lõm đứng chân (lõm du kích) ở Châu Thành, Lấp Vò; cơ sở ở xã ấp và lực lượng vũ trang còn yếu, nhiều xã,

1. Trích Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sa Đéc (tháng 8/1974) thực hiện quý IV/1974 và phương hướng cho năm 1975.

ấp chưa có cơ sở đảng[1], lực lượng địch còn khá mạnh, đồn, bót dày đặc. Giữa các huyện phía nam và các huyện phía bắc bị sông Tiền chia cắt, giao thông liên lạc và chuyển quân qua sông gặp nhiều khó khăn.

Xuất phát từ tính chất chiến trường và âm mưu của địch, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sa Đéc tháng 8/1974 thông qua Nghị quyết quý IV/1974 và phương hướng năm 1975 là:

"Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng bộ và các Chỉ thị số 01/CT-74, số 02/CT-74, số 04/CT-74 của Trung ương Cục. Trên cơ sở đó, nỗ lực tấn công địch liên tục, đều khắp, tiêu diệt và làm tan rã địch, quyết đánh bại âm mưu bình định của địch, không ngừng mở rộng vùng giải phóng, nỗ lực giành dân, giành quyền làm chủ ở vùng yếu tôn giáo, nắm cho được khối nông dân Hòa Hảo, phát huy tiềm lực tại chỗ nhằm làm thay đổi nhanh chóng tương quan tại xã, ấp với thế du kích chiến tranh liên hoàn, tạo căn cứ địa bàn đứng chân, bảo đảm hành lang thông suốt, chuyển toàn bộ chiến trường lên một bước toàn diện. Tích cực

1. Theo Bảng kê lực lượng các mặt của các huyện tháng 7/1974: Huyện Lai Vung có 10 xã: 1 xã có chi bộ, 6 xã có đảng viên, 3 xã trắng (Tân Phước, Tân Thành, Hòa Long), chia làm 44 ấp gồm 11 ấp có đảng viên, 15 ấp có cơ sở, 18 ấp trắng. Huyện Lấp Vò có 13 xã: 1 xã có chi bộ, 5 xã có đảng viên, 4 xã trắng (các xã còn lại có cơ sở quần chúng nòng cốt), chia làm 66 ấp, 6 ấp có tổ đảng, 16 ấp có đảng viên, 23 ấp có cơ sở, 20 ấp trắng. Huyện Châu Thành: tổng số 169 đảng viên (49 mật, 35 nữ), trong đó hệ quân sự 19 đảng viên, hệ dân - chính - đảng 49 đảng viên, ở xã 101 đảng viên. Thị xã Sa Đéc: tổng số 65 đảng viên (33 mật, 9 nữ), 9 chi bộ trong đó có 5 chi bộ cơ quan quân sự và dân - chính - đảng, nội ô có 10 đảng viên, 1 chi bộ mật, ngoại ô 23 đảng viên, 3 chi bộ.

xây dựng lực lượng mọi mặt, nhất là khâu xây dựng chi bộ, lực lượng vũ trang tại chỗ, xây dựng vùng ta vững mạnh, tạo cơ sở vững chắc giành thắng lợi cho năm 1975”[1].

Tỉnh ủy chỉ đạo phân chia lại ranh huyện, xã như sau:

- Huyện Lai Vung có 10 xã: Tân Dương, Hòa Thành, Tân Thành, Long Hậu, Vĩnh Thới, Tân Hòa Bình, Hòa Long, Tân Phước, Long Thắng và Phong Hòa.

- Huyện Lấp Vò có 13 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Thạnh Trung, Hội An Đông, Mỹ An Hưng, Định Yên, Vĩnh Thạnh, Long Hưng, Tân Mỹ, Tân An Trung, Tân Khánh Tây, Tân Đông và Tân Khánh.

- Huyện Châu Thành có 10 xã: Phú Hựu, An Nhơn, Tân Nhuận Đông, An Phú Thuận, An Khánh, Hòa Tân, Phú Long, Tân Phú Trung, Tân Hiệp và Bình Tiên.

- Thị xã Sa Đéc gồm: Tân Xuân, An Tịch, Tân Phú Đông, Tân Quy Tây, Tân Quy Đông, Vĩnh Phước, Tân Vĩnh Hòa, Tân Hưng.

- Huyện Mỹ An nhận thêm xã Mỹ Hưng (Tam Nông) thành 7 xã.

- Các nơi khác giữ như cũ.

Như vậy, tỉnh Sa Đéc sau khi được điều chỉnh ranh huyện và thị xã, có 7 huyện (Cao Lãnh, Mỹ An, Kiến Văn, Chợ Mới, Lấp Vò, Lai Vung và Châu Thành), 2 thị xã (Sa Đéc và Cao Lãnh), 69 xã, 374 ấp và 9 khu phố, 45 ấp của 2 thị xã. Dân số chung trong tỉnh là 632.394.

---

1. Trích Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sa Đéc (tháng 8/1974).

"Bố trí lại huyện, ranh huyện và thị xã như trên xuất phát từ tính chất của tỉnh, yêu cầu và nhiệm vụ sắp đến, triển vọng tình hình và trình độ cán bộ nhằm tập trung sức của Đảng bộ, chuyển cho được khối dân ở đây, xây dựng căn cứ địa bàn, hành lang, tạo thuận lợi cho giành thắng lợi sắp đến"[1].

Trên cơ sở ổn định tổ chức huyện, xã, tỉnh chia làm 4 khu vực chỉ đạo:

- Khu vực I: tả ngạn sông Tiền từ xã Phong Mỹ (Cao Lãnh) xuống xã Bình Thạnh (Kiến Văn), trừ 4 xã Tân An, Tân Thuận Tây, Tân Thuận Đông (Cao Lãnh) và Tịnh Thới (Kiến Văn). Khu vực này mang tính chất căn cứ, hành lang ven Đồng Tháp Mười, gồm có 21 xã, 95 ấp, 116.480 dân, trong đó có 29 ấp giải phóng (25.000 dân), 52 ấp tranh chấp mạnh và 14 ấp tranh chấp yếu (70.000 dân).

- Khu vực II: hữu ngạn sông Tiền từ Cái Tàu Thượng cặp kinh Lấp Vò xuống Hòa Thành, Long Thắng (Lai Vung) và hết huyện Châu Thành, 4 xã Tân An, Tân Thuận Tây, Tân Thuận Đông (Cao Lãnh) và Tịnh Thới (Kiến Văn). Khu vực này gồm 27 xã, 138 ấp, khoảng 125.000 dân, là vùng kềm mới nằm trên trục giao thông thủy bộ có tính chiến lược, chịu ảnh hưởng trực tiếp của căn cứ Đồng Tháp Mười và căn cứ chữ V Châu Thành, là bản lề tiếp nối ven Tháp Mười qua hữu ngạn sông Tiền. Từ tính chất và vị trí đó, ta chuyển được khu vực này là giành chủ động trên chiến trường.

---

1. Trích Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sa Đéc (tháng 8/1974).

- Khu vực III (vùng có đông tín đồ Hòa Hảo)[1]: có 22 xã, 133 ấp, 202.301 dân (huyện Lấp Vò: 3 xã, huyện Chợ Mới: 12 xã, huyện Lai Vung: 7 xã). Khu vực này là vùng tôn giáo, nằm trên trục giao thông thủy bộ do địch kiểm soát (lộ 37, lộ 54 và lộ 8 gặp sông Hậu). Trong số 22 xã chỉ có xã Tân Mỹ (Chợ Mới) có xã ủy, 7 xã có chi bộ (Mỹ Hiệp, Bình Phước Xuân, Long Điền, Hội An, Mỹ Luông của huyện Chợ Mới, Phong Hòa, Long Hậu của huyện Lai Vung), 5 xã trắng Đảng (Mỹ Hội Đông của Chợ Mới, Bình Thành của Lấp Vò, Tân Phước, Tân Thành, Hòa Long của huyện Lai Vung). Từ sau Hiệp định Pari, phong trào quần chúng đấu tranh đang chuyển lên, xuất hiện nhiều khả năng, nhân tố mới, cơ sở cách mạng có phát triển nhưng còn chậm.

- Khu vực IV: gồm hai thị xã Sa Đéc và Cao Lãnh, các thị trấn và khu phố trong tỉnh (các thị trấn Mỹ An, Kiến Văn, Chợ Mới, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành, các khu phố Mỹ Luông (Chợ Mới), Doi Me (Cao Lãnh), Mỹ Xương (Kiến Văn), Gãy Cờ Đen (Mỹ An).

Ở 4 khu vực trên, Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ và bước đi cụ thể sát với tình hình đặc điểm của mỗi khu vực. Trọng điểm của tỉnh trong thời gian này là vùng kềm mới, khu vực II của tỉnh. "Nội dung công tác theo Nghị quyết Tỉnh ủy là chuyển,

1. Tỉnh ủy chia khu vực III thành hai vùng để chỉ đạo cụ thể và sâu sát hơn: Vùng bìa có 8 xã, 48 ấp, 80.587 dân, gồm Chợ Mới có 7 xã (Long Điền, Mỹ Luông, Hội An, An Thạnh Trung, Tân Mỹ, Mỹ Hiệp và Bình Phước Xuân), Lai Vung: 1 xã (Long Hậu); vùng này còn 9 ấp trắng Đảng là Long Bình (xã Long Điền), Mỹ Hòa (xã Mỹ Luông), An Bình, An Thái (xã Hội An), Phú Mỹ (xã Tân Mỹ), ấp Trung (xã Mỹ Hiệp), Long Khánh A, Long Hưng và Long Hòa (xã Long Hậu). Vùng ruột có 14 xã, gồm Chợ Mới: 5 xã (Kiến An, Mỹ Hội Đông, Nhơn Mỹ, Long Kiến và Hòa Bình), Lấp Vò: 3 xã (Bình Thành Tây, Bình Thành Đông, Định Yên), Lai Vung: 6 xã (Tân Thành, Tân Phước, Tân Hòa, Hòa Long, Vĩnh Thới, Phong Hòa).

mở, giữ, xây. Muốn thực hiện được nhiệm vụ theo Nghị quyết phải quán triệt quan điểm bạo lực cách mạng, thể hiện bằng thế ba mặt tại chỗ, bằng lực lượng ba mặt tại chỗ và quả đấm của lực lượng vũ trang tập trung"[1].

Cuối tháng 9/1974, Nghị quyết của Tỉnh ủy được triển khai xong ở cấp xã, chuẩn bị cho đợt hoạt động mùa khô 1974 - 1975.

Tháng 10/1974, ta mở cuộc vận động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân làm chuyển biến sâu sắc về nhận thức tình hình, phát huy thế tấn công ba mặt, kiên quyết chống địch lấn chiếm, thực hiện mở và chuyển vùng. Các lực lượng vũ trang tỉnh đánh 120 trận (tỉnh: 6 trận, các huyện thị: 36 trận, du kích xã: 78 trận), loại khỏi vòng chiến đấu 271 tên địch (chết, bị thương: 118 tên, bắt: 6 tên, rã: 67 tên), diệt 2 đồn, 1 tua[2], bức rút 1 đồn 2 chốt, bao vây đánh thiệt hại 9 đồn, địch tự rút 3 đồn[3]; đánh sập trụ sở cảnh sát An Khánh (Châu Thành); phá 10 đoạn lộ 30 từ vàm xáng Mỹ Thọ đi Kiến Văn và từ chi khu

1. Lời bế mạc Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng lần thứ I, ngày 17/9/1974.

2. Gồm đồn Cai Hạt (xã Tân Nhuận Đông) do bộ đội Châu Thành và du kích diệt ngày 25/9, tua Kinh Phèn do du kích Mỹ Hưng huyện Mỹ An diệt ngày 21/9, đồn Miễu Trắng (xã Bình Thạnh) do bộ đội Kiến Văn diệt ngày 20/10.

3. Bức rút đồn Đìa Chuối xã Đốc Binh Kiếu (Mỹ An) ngày 12/10 (địch chiếm lại ngày 25/10/1974), một chốt ở bắc ngã tư Cái Bèo (xã Mỹ Hội) ngày 01/10, một chốt của Tiểu đoàn bảo an 441 ở xã Bình Thạnh ngày 15/10 (các chốt này do bộ đội huyện và du kích đánh). Bao vây đánh thiệt hại 9 đồn, trong đó, huyện Kiến Văn vây 5 đồn: Xóm Xẻo, Xẻo Quýt (Long Hiệp), Rạch Tre (Bình Hàng Tây), Cồn Trọi (Bình Thạnh); huyện Mỹ An đánh thiệt hại 2 đồn ngã tư Bằng Lăng và Trung tâm Đốc binh Kiều (xã Đốc Binh Kiều); huyện Châu Thành bao vây đồn Lãnh Lâm (An Phú Thuận); bộ đội tỉnh bao vây đồn Kinh Ngang (xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh). Địch tự rút 3 đồn: An Nhơn (xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành), Rạch Tre (xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh), Bánh Ú (xã Đốc Binh Kiều, huyện Mỹ An).

Kiến Văn đi An Hữu (Cái Bè - Mỹ Tho); thu 19 súng, 6.500 đạn, phá hủy 1 xe GMC chở đầy đạn pháo (bộ đội Cao Lãnh); mở thêm 3 lõm mới, hình thành thế du kích chiến tranh ở rạch Tre xã Bình Hàng Tây, khu vực Lòng Ống xã Long Hiệp (Kiến Văn), Ấp 3 xã Đốc Binh Kiều (Mỹ An); củng cố các lõm giải phóng cũ bằng các hoạt động vận động quần chúng làm 8.900 cây ngù, 31 cản ngang sông, ngang đường; đắp 30 mô trên lộ 30, gài 400 lựu đạn. Cũng trong tháng 10/1974 binh vận làm tan rã 652 tên địch, trong đó có 281 quân chủ lực, 205 bảo an, 65 dân vệ, 2 tề xã và 99 phòng vệ dân sự.

Tuy nhiên so với yêu cầu, so với khả năng và điều kiện thuận lợi của tình hình chung thì kết quả đạt được còn thấp. Ta chưa tập trung tấn công làm tan rã bọn kềm kẹp ở cơ sở như dân vệ, tề, cảnh sát, phòng vệ dân sự. Đặc biệt, phong trào đấu tranh của quần chúng và gia đình binh sĩ có những chuyển động mới nhưng ta chưa phát động hướng dẫn kịp thời. Phong trào thị xã, thị trấn chưa kịp chuyển lên theo tinh thần nghị quyết của Tỉnh ủy. Nguyên nhân chủ yếu là công tác binh vận và công tác thị xã, thị trấn chưa thật quán triệt từ trong cấp ủy ra ngành, giới, xuống tận đảng viên.

Tháng 11/1974 (từ ngày 20/10 đến ngày 20/11), Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung chuyển, mở khu vực bắc sông Tiền gồm 3 huyện Cao Lãnh, Kiến Văn và Mỹ An. Trọng điểm là khu vực lộ 30 huyện Kiến Văn. Kết quả: diệt đồn Cống Trực (xã Thiện Mỹ) ngày 27/10 và đồn Ba Sao (xã Thiện Mỹ) ngày 15/11[1]; bức rút hai đồn ở xã Mỹ Quý là đồn Tàu Chìm ngày 27/10 và đồn Đường Thét ngày 16/11[2]; bao vây đánh thiệt hại 12 đồn khác,

1, 2. Các đồn này địch chiếm lại trong ngày hoặc sau 1 ngày.

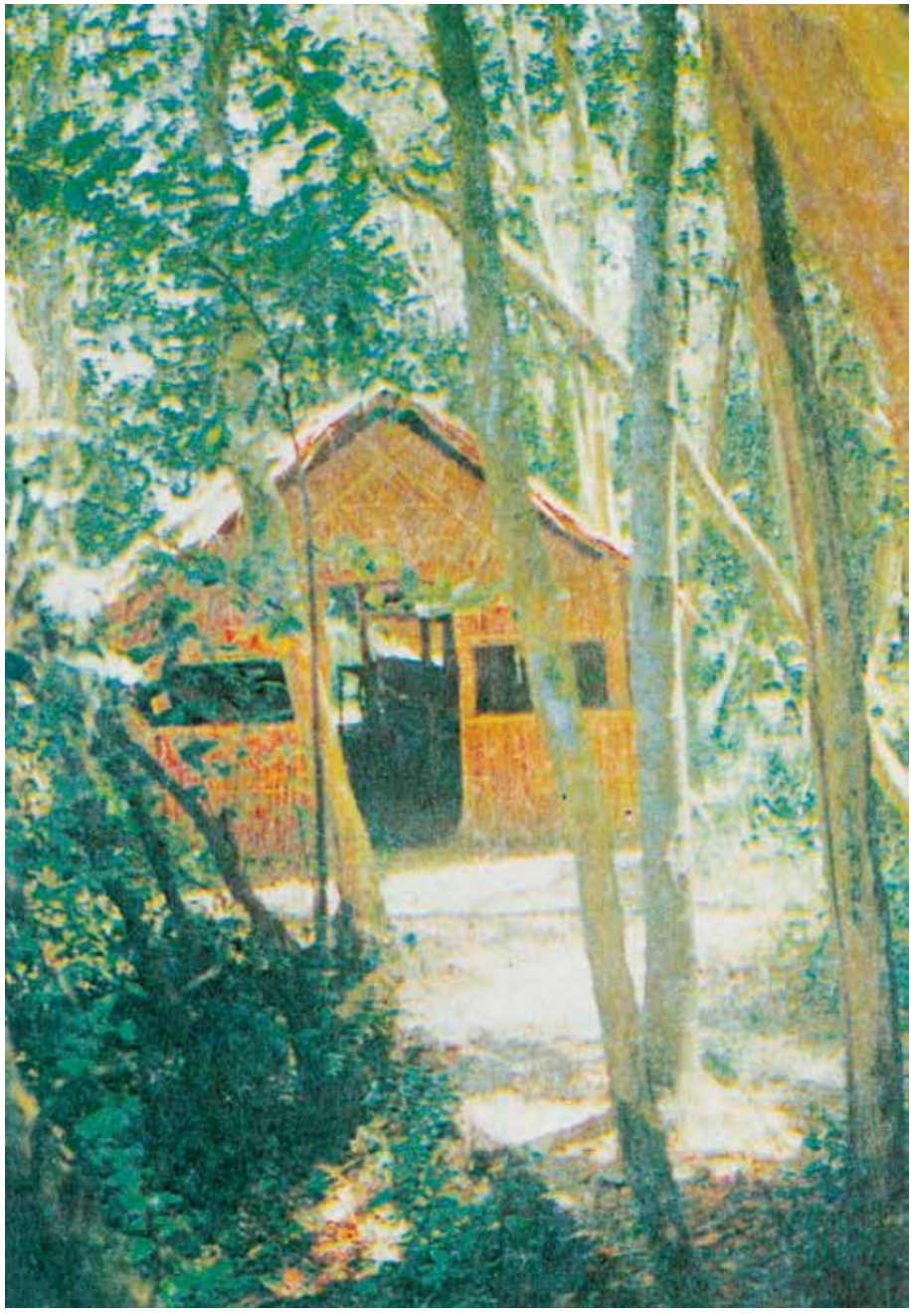

Hội trường Tỉnh ủy năm 1974 thuộc khu di tích căn cứ Xẻo Quýt (Đồng Tháp)

Ảnh tư liệu

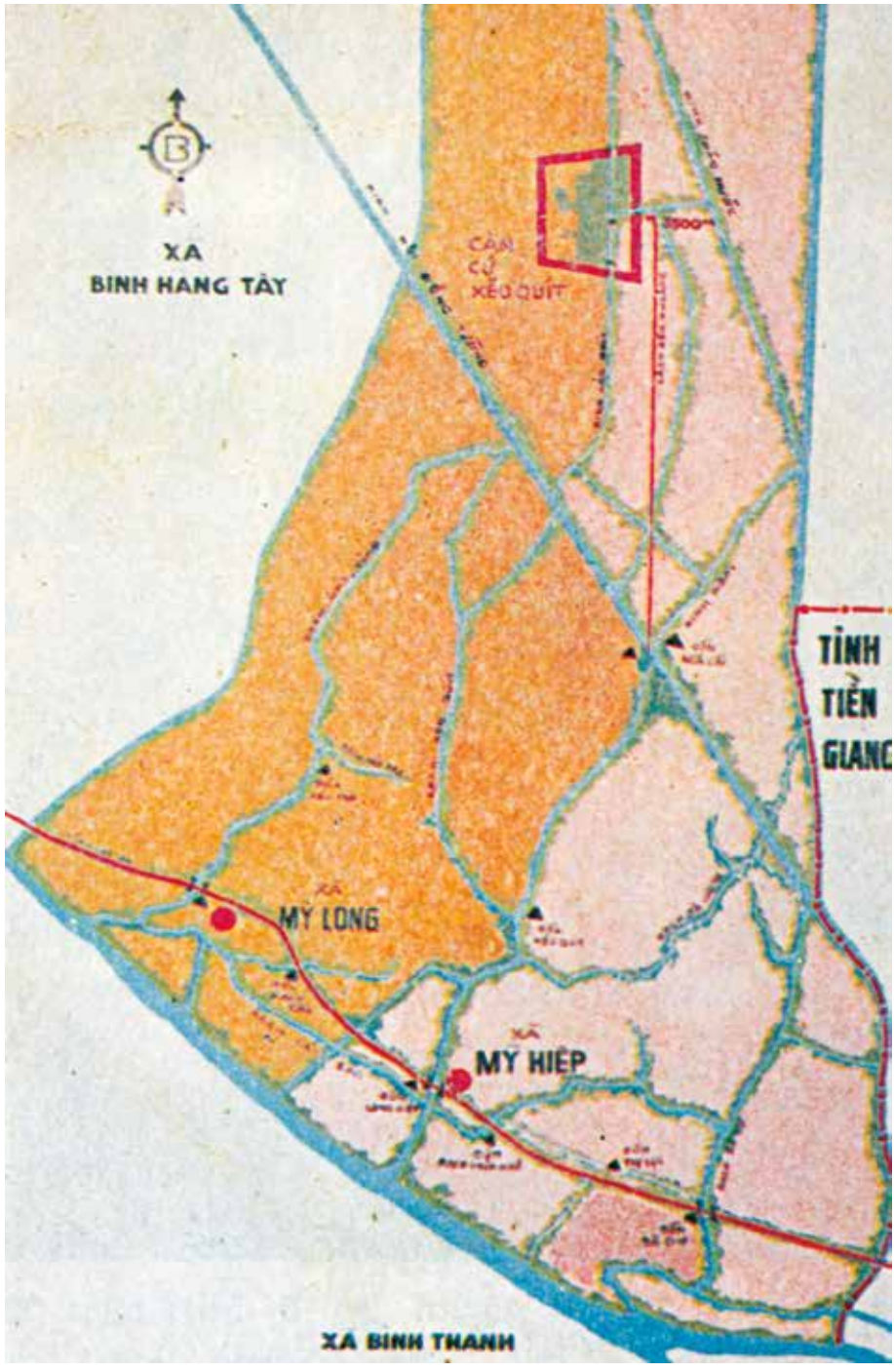

Sơ đồ căn cứ Xẻo Quýt ở xã Long Hiệp, huyện Cao Lãnh

gồm đồn Ngã tư Bằng Lăng, Kinh Năm (xã Đốc Binh Kiều), Mỹ Điền 4 (xã Thanh Mỹ), Tàu Chìm, Bà Vẹn (xã Mỹ Quý), Cái Bèo (xã Bình Hàng Trung), Trâm Bầu, Bình Linh (xã Bình Thạnh), Bà Dư (xã Long Hiệp), Cái Vừng (xã Nhị Mỹ), Đường Thét (xã Thiện Mỹ), Cả Đức (xã Phong Mỹ). Ta đánh hỏng 1 tàu chở đạn pháo đi từ Cao Lãnh xuống Mỹ An, cắt đứt 20 đoạn trên lộ 30, tiêu diệt và làm tan rã 849 tên (toàn tỉnh) trong đó binh vận làm rã 489 tên, mở thêm lõm du kích ở Kiến Văn, Mỹ An.

Nhiều địa phương, cơ sở binh vận hướng dẫn gia đình binh sĩ vận động chồng, con, em trở về (các huyện Mỹ An: 88 người, Kiến Văn: 86 người, Cao Lãnh: 97 người và thị xã Cao Lãnh: 40 người).

Điều đáng chú ý là đang mùa nước gặp nhiều khó khăn nhưng bộ đội các huyện và dân quân du kích hoạt động rất mạnh và đạt kết quả. Để động viên các địa phương và đơn vị, ngày 25/11/1974 Thường vụ Tỉnh ủy có thư gửi cán bộ chiến sĩ bộ đội huyện, dân quân du kích các huyện Cao Lãnh, Kiến Văn, Mỹ An như sau:

"Bằng sức mạnh tổng hợp của phong trào nhân dân du kích chiến tranh, các đồng chí đã bao vây hàng chục đồn, tua, đánh đúng đối tượng ác ôn, tề, thám báo, bọn giải tỏa, phá địa hình. Diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch, hàng chục trận thu được vũ khí, mở giữ nhiều lõm du kích, áp sát lộ 30, từng bước làm chủ và đứng chân đánh địch trên lộ 30, hình thành thế bao vây thúc sát cô lập thị trấn Kiến Văn và Mỹ An, chặn được tàu trên tuyến Nguyễn Văn Tiếp A (Phong Mỹ), hình thành thế gọng kềm áp dần thị xã Cao Lãnh ở hướng đông và bắc, làm địch càng thêm bị động phải đối phó khắp nơi,

tạo ra nhiều khả năng mới trong mở, giữ và chuyển vùng. Các đồng chí đã dũng cảm đánh với bọn chủ lực liên tiếp 2, 3 tháng, tiêu hao và kềm chân chúng. Nhiều địa phương du kích ấp luân phiên cùng du kích xã đánh địch rất tốt"[1].

Tuy nhiên, ta vẫn còn những mặt yếu chưa khắc phục được trong mùa nước. Cấp tỉnh còn lúng túng về phương thức giữ vùng mới mở, nhất là chiến thuật chống chiến xa địch mùa nước nên không giữ được. Cấp huyện vây lấy đồn, bót chưa dứt điểm, chốt chặn bị đánh tróc.

Ở huyện Hồng Ngự, huyện Thanh Bình và huyện Tam Nông thuộc tỉnh Long Châu Tiền, theo Nghị quyết và kế hoạch của Tỉnh ủy, trong cao điểm cuối tháng 11/1974, từ ngày 14 đến ngày 16/11, Tiểu đoàn 502 đồng loạt nổ súng đánh địch ở ba khu gom dân 10, 11, 12 kinh Xáng Cụt (huyện Tam Nông), diệt 1 đồn khu 10, tiêu hao và bức hàng đồn khu 11, tiêu hao nặng đồn khu 12, diệt gọn 1 phân chi khu, 1 ban tề ấp, 1 ban tề xã, 1 cuộc cảnh sát, 1 đoàn bình định, 1 liên toán phòng vệ dân sự, 2 trung đội dân vệ, đánh hỏng nặng 1 xe M113, hơn 5.500 dân ở ba khu gom dân 10, 11, 12 kéo về vùng giải phóng. Trong các đêm 16, 17, 18/11, quân ta pháo kích liên tục đồn Cả Môn, đến ngày 19/11, đồn Cả Môn rút chạy.

Vùng diện gồm các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình, Tân Châu, bộ đội địa phương và du kích xã ấp pháo kích đồn Cồn Cỏ, Láng Nghệ (Hồng Ngự), phân chi khu và cuộc cảnh sát Bình Thành (Thanh Bình), đánh mìn làm sập đồn Mương Kinh (Tân Châu), phá hỏng 2 đoạn lộ 30, vũ trang tuyên truyền các

1. Thư gửi cán bộ, chiến sĩ bộ đội huyện, dân quân du kích các huyện Cao Lãnh, Kiến Văn, Mỹ An ngày 25/11/1974.

xã An Bình (thị trấn Hồng Ngự), Vĩnh Xương, Tân An, Phú Hữu, Vĩnh Lộc (Tân Châu), giải tán 1 toán phòng vệ dân sự và làm tan rã 25 tên dân vệ.

Tháng 12/1974 (từ ngày 20/11 đến ngày 20/12/1974), phối hợp với chiến trường chung, ta tích cực tiến công địch giải phóng vùng, chuyển thế phong trào quần chúng, làm cơ sở cho việc hoàn thành nhiệm vụ mùa khô 1975.

Để đạt được yêu cầu trên, các lực lượng vũ trang tỉnh tập trung chuyển mở khu vực I (phía bắc sông Tiền) và bước đầu chuyển mở khu vực II (phía nam sông Tiền). Các địa phương đẩy mạnh hoạt động chính trị, binh vận, vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng vùng ven, vùng yếu, chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất, chuẩn bị mục tiêu, thiết kế lực lượng ba mặt tại chỗ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trong cao điểm hoạt động tháng 12/1974, ta cắt đứt giao thông nhiều đoạn trên lộ 30 (Kiến Văn), đứng chân trên trục sông Cần Lố và Nguyễn Văn Tiếp A (Cao Lãnh - Mỹ An), bao vây, pháo kích, dùng vũ khí thô sơ (chông, mìn, lựu đạn...) thúc ép 20 đồn ở ba huyện Cao Lãnh, Kiến Văn, Mỹ An, pháo kích nhiều lần vào các cụm pháo Quản Khánh, Thống Linh, Ngã Sáu, chi khu Kiến Văn và chi khu Mỹ An. Các lực lượng vũ trang tỉnh tác chiến 178 trận (tỉnh: 25 trận, huyện thị: 70 trận, du kích: 83 trận), loại khỏi vòng chiến đấu 200 tên địch. Biệt động thị xã Cao Lãnh kết hợp với du kích xã Nhị Mỹ bao vây, bức rút đồn Cái Tre, Cả Môn, mở ra lõm giải phóng áp sát thị xã Cao Lãnh và bức rút đồn Tư Truyền (xã Mỹ An Hưng), đánh bật 2 chốt do Đại đội 4/d544 bảo an đóng ở phía tây nam

đồn Cống Trực, bao vây đánh thiệt hại 28 đồn, bót[1], phá hỏng 1 xe M113, phá hủy 2 chiếc phà (Cao Lãnh), mở lõm du kích ấp An Quới (xã Mỹ An, Hưng A, huyện Lấp Vò).

Từ ngày 08/12/1974 đến ngày 07/01/1975, Bộ Chính trị họp đợt 2 (mở rộng). Khi ta giải phóng thị xã Phước Long ngày 06/01/1975, Tổng thống Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu yêu cầu Mỹ chi viện không quân để chiếm lại Phước Long, nhưng bị đại sứ Mỹ từ chối, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố rút bỏ Phước Long càng chứng tỏ khả năng quân đội Mỹ quay lại cứu vãn chế độ Sài Gòn không còn nữa. Bộ Chính trị thông qua quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, đồng thời dự kiến: Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Tỉnh ủy đã chỉ đạo các đơn vị và địa phương quán triệt quyết tâm của Bộ Chính trị, học tập thư của Bộ Chỉ huy Miền, Khu ủy và Bộ Chỉ huy Quân khu. Các huyện triển khai Chỉ thị

1. Bức rút 2 đồn, 2 chốt, gồm bộ đội tỉnh phối hợp với Địa phương quân huyện Cao Lãnh và du kích bức rút đồn Cả Tre (xã Nhị Mỹ) ngày 10/12 (địch tái chiếm ngày 13/12); bộ đội huyện Lấp Vò và du kích Mỹ An Hưng bức rút đồn Tư Truyền ngày 7/12, giải phóng ấp An Quới với 1.800 dân; bộ đội tỉnh đánh bật 2 chốt do Đại đội 4/d544 bảo an đóng ở phía tây nam và phía đông đồn Cống Trực ngày 11/12. Bao vây đánh thiệt hại hơn 20 đồn, bót: bộ đội tỉnh 3 đồn gồm: Cống Trực, Đường Thét, Ba Sao Chợ (xã Thiện Mỹ); bộ đội Cao Lãnh và du kích gồmc các đồn: Cả Đức, Ngã Tư Phong Mỹ, Cầu Xây, Kinh Kháng Chiến (Phong Mỹ), Ba Sao Ngoài Đồ Sơn (Thiện Mỹ), Cả Vừng, Cả Tre, Cả Môn, Trà Bông (Nhị Mỹ). Bộ đội Mỹ An và du kích gồm các đồn: Đìa Chuối, Ngã Tư Đốc Binh Kiều, Tàu Chìm, Trâm Bầu, Bà Vẹn, Chợ Mỹ Quý (Mỹ An). Bộ đội Kiến Văn cùng du kích bao vây các đồn gồm: Bà Dư, Rạch Miễu, Ngã Chùa nhỏ (Long Hiệp), kinh Ranh, Xáng Xéo (Bình Hàng Trung), Mương Khai (Mỹ Hội). Bộ đội huyện Châu Thành bao vây đồn Xẻo Lò (Phú Hựu).

"Tổng kiểm tra lực lượng" của Tỉnh ủy. Bộ đội tỉnh, huyện củng cố biên chế, tổ chức đơn vị, bổ sung lực lượng, tranh thủ huấn luyện về kỹ thuật, chiến thuật. Các tổ chức lưu huấn bám sát cơ sở, huấn luyện cho du kích ở cả hai khu vực phía bắc và nam sông Tiền. Nói chung, ta đã hoàn thành triển khai Chỉ thị của Trung ương Cục về kế hoạch mùa khô năm 1975.

Thực hiện kế hoạch mùa khô năm 1975, Tỉnh ủy chủ trương thành lập Ban Chỉ huy mặt trận (tiền phương) và các ban chỉ huy khu vực; thành lập một đài vô tuyến điện báo Lấp Vò chung cho cả khu vực phía nam sông Tiền; lập đài điện báo lưu động theo các đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy tiền phương của tỉnh[1]; củng cố mạng lưới giao thông liên lạc nội tỉnh; khai thông hai đường giao liên vượt sông Tiền: từ Bình Thạnh qua Châu Thành và từ Mỹ Xương qua Tân Mỹ (Lấp Vò). Lãnh đạo các địa phương khẩn trương thu hoạch nhanh vụ mùa, phát động quần chúng thi đua đóng góp đảm phụ nông nghiệp, cất giữ lúa gạo không để lọt vào tay địch[2]. Các xã, ấp rà soát lực lượng, phát động quần chúng, thiết kế lực lượng ba mũi chuẩn bị tấn công đồn, bót khi vào đợt. Tỉnh phân công 1/3 cán bộ ngành qua Khu vực II làm công tác chuẩn bị. Rút kinh nghiệm các lần đưa quân ra Chợ Mới (tháng 5/1969) và vùng cù lao Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận (tháng 11/1972), lần này Tỉnh ủy Sa Đéc chỉ đạo đưa trước lực lượng cán bộ qua các huyện phía nam sông Tiền

1. Theo số liệu của ngành Bưu điện tỉnh Đồng Tháp, cuối năm 1974 tỉnh Sa Đéc có 9 đài gồm: 3 đài của Tỉnh ủy, 2 đài của Tỉnh đội, 1 đài của An ninh tỉnh, 1 đài ở Cao Lãnh, 1 đài ở Hồng Ngự và 1 đài ở Lấp Vò.

2. Xem Chỉ thị số 06/CT-74 ngày 24/11/1974 "Về việc tấn công ba mặt, giành vụ mùa đại thắng lợi".

điều nghiên, chuẩn bị chiến trường một cách căn cơ, sâu sát, tỉ mỉ. Việc triển khai Chỉ thị về tổng kiểm tra lực lượng cũng nhằm mục đích này.

Vào mùa khô 1975, lực lượng và thế bố trí của địch ở tỉnh Sa Đéc như sau:

Ở phía bắc sông Tiền, địch bố trí 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 15/f9 tại xã Bình Hàng Trung (Kiến Văn), 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 14/f9 và 2 chi đoàn xe M113 ở xã Mỹ Hòa (Mỹ An), 2 chi đội xe M113 giữ chi khu Kiến Văn. Bộ Tư lệnh Sư 9 ở thị xã Cao Lãnh, Ban Chỉ huy Trung đoàn 15/f9 ở tại Kiến Văn. Quân chủ lực có 1.370 tên giữ trục lộ 30 và hậu chi khu Kiến Văn. Lực lượng bảo an gồm 7 tiểu đoàn, trong đó có 2 tiểu đoàn cơ động số 542 (Kiến Văn) và 499 (Mỹ An). Ngoài ra, còn có các tiểu đoàn pháo đồn trú, bố trí giao hội khi chi viện. Chúng bố trí các chốt tiểu đoàn, đại đội xen kẽ đồn bảo an dân vệ, nối liền các trục giao thông với chi khu, phân chi khu. Các tuyến chủ yếu là lộ 30, kinh Nguyễn Văn Tiếp A, B, kinh Tư Mới. Ngoài ra, chúng còn đóng chốt sau kinh Hội Đồng Tường (Kiến Văn), Hai Hạt, Bằng Lăng, kinh Ba (Mỹ An). Bọn tề, cảnh sát, phòng vệ dân sự ban ngày bung ra hoạt động, ban đêm rút vào đồn, công sở, phân chi khu.

Ở phía nam sông Tiền, địch không bố trí quân chủ lực. Quân bảo an có 8 tiểu đoàn thì 5 tiểu đoàn đưa ra ngoài tỉnh hoạt động, 3 tiểu đoàn còn lại đóng tại thị xã Sa Đéc (1 tiểu đoàn), Châu Thành (1 tiểu đoàn) và Lấp Vò (1 tiểu đoàn). Ngoài ra, ở Tân Dương (huyện Lai Vung) có hậu cứ Tiểu đoàn bảo an 405, ở Bình Thành (huyện Lấp Vò) có hậu cứ Tiểu đoàn bảo an 441. Lực lượng bảo an độc lập gồm 20 đại đội, đóng đồn

cùng với dân vệ theo trục giao thông thủy bộ. Phòng vệ dân sự xung kích ở các tua gác, trụ sở tề xã, ấp hoặc đóng dã ngoại. Một ít toán phòng vệ dân sự tuần tra canh gác phân chi khu, chi cảnh sát. Bọn tề xã ấp và cán bộ bình định ban ngày làm việc tại công sở, vào buổi tối phân tán rải rác ở nhà dân. Chúng kềm dân theo kiểu hành chính, cảnh sát, có chân rết là phòng vệ dân sự và bọn cảnh sát ngầm. Quân số trực tiếp cầm súng: 24.795 tên[1], không kể 12.500 "bảo an quân" ở huyện Chợ Mới do Lương Trọng Tường tổ chức[2]. Các căn cứ quân sự địch gồm: hai tiểu khu (Kiến Phong, Sa Đéc), 8 chi khu, 50 phân chi khu, 2 trường huấn luyện, 3 sân bay nhỏ, 11 trận địa pháo, 15 hậu cứ trung đoàn và tiểu đoàn, 432 đồn, bót, tua, chốt.

Lực lượng địch tuy đông, bố trí liên hoàn và có hệ thống công sự vững chắc nhưng bị dàn mỏng, căng kéo, nhất là quân bảo an bị lún chân chiếm đóng nên giảm dần cơ động, quân số giảm mạnh. Dân vệ và phòng vệ dân sự hầu hết là người tại chỗ do đó dễ bị tan rã khi quần chúng tấn công binh vận. Hỏa lực phi pháo, xe M113 giảm nhiều càng làm cho tinh thần binh sĩ sa sút, hoang mang. Nhưng mặt khác, địch bố trí các tiểu đoàn chủ lực, các chi đoàn xe M113 ở các huyện phía bắc sông gây trở ngại cho ta chuyển mở vùng này, tạo bàn đạp đưa lực lượng qua phía nam.

---

1. Trong số này có 1.370 quân chủ lực, 3.750 quân bảo an (không kể 5 tiểu đoàn hoạt động ngoài tỉnh), 3.600 dân vệ, 450 cảnh sát dã chiến, 360 pháo binh, 190 tiếp vận, 446 tề xã, 617 tề ấp, 12.550 phòng vệ dân sự (có súng)...

2. Lương Trọng Tường mang danh lãnh đạo Phật giáo Hòa Hảo và được Mỹ - Thiệu cho phép lập quân đội để chống cộng.

Từ ngày 20/12/1974[1], thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng, toàn miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy.

Ở tỉnh Sa Đéc, trong cao điểm 1 (từ ngày 20/12/1974 đến ngày 20/01/1975), Tỉnh ủy chỉ đạo hướng trọng điểm vào trục lộ 30, sông Cần Lố, quyết tâm mở rộng vùng này. Khi chiến sự nổ ra, địch ráo riết chốt giữ cắt đứt giao thông vận chuyển của ta qua phía nam sông Tiền, trước mắt gây cho ta một số khó khăn. Trong khi đó, theo kế hoạch, Quân khu chi viện cho tỉnh Sa Đéc 1 trung đoàn đứng chân ở địa bàn bắc sông, đến giờ nổ súng vẫn chưa đến kịp. Do vậy, trong cao điểm 1 chỉ một số nơi nổ súng lẻ tẻ ở Cao Lãnh, Kiến Văn, Lấp Vò và Châu Thành, kết quả rất thấp. Cuối cao điểm gỡ được 7 đồn, bằng chỉ tiêu và không giữ được dài ngày vì địch phản kích quyết liệt và chiếm lại. Đặc biệt, trên tuyến lộ 30 (Kiến Văn) có yêu cầu lớn là mở ra, tạo địa bàn hành lang đưa quân qua phía nam chưa giải quyết được.

Ở tỉnh Long Châu Tiền, vào 2 giờ sáng ngày 16/01/1975, khu vực trọng điểm trên tuyến sông Sở Thượng, Sở Hạ (Hồng Ngự), bộ đội tỉnh diệt đồn Bù Lu (Bình Thạnh) và đồn Ba Chánh (Thường Lạc), phát triển tấn công bao vây đồn Vàm Xép (Tân Hội), đồn Sâm Sai, đồn Cầu Muống, pháo kích nặng đồn kinh Kháng Chiến, đánh tiêu hao các trung đội dân vệ ở Cả Gốc, ngã ba Đình. Ngày 20/01, địch dùng pháo tập trung dọn đường, Tiểu đoàn 542 bảo an cùng lực lượng dân vệ đánh vào giải tỏa, kết hợp với Tiểu đoàn 517 bảo an đánh xuống mương Ba Chánh, líp lại tuyến sông Sở Thượng.

---

1. *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, Sđd*, t.II, tr.890 ghi ngày 05/12/1974.

Tuyến sông Tiền, lực lượng ba mũi của Ấp 3 (xã Thường Phước) gỡ được đồn Cây Dừa, bao vây đồn Mương Kinh, bức rút chốt mương Xã Sông (ngày 20/01), bao vây đồn Bến Đò.

Vùng diện, bộ đội huyện Tam Nông và du kích xã Tân Thành đứng chân làm chủ trên sông Tân Thành, tấn công tiêu hao đồn Cả Sơ, Cây Me (Hồng Ngự, ngày 16/01). Du kích xã Phú Hiệp, Phú Đức đột nhập khu 9, 10, 11, 12 (Tam Nông) vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng phá rã phòng vệ dân sự, pháo kích đồn, bót.

Trong cao điểm, quần chúng nổi dậy đồng loạt cả điểm và diện. Ta đưa hàng trăm quần chúng của bốn xã Thường Phước, Thường Thới Tiền, Thường Thới Hậu, Thường Lạc (Hồng Ngự) trực tiếp tham gia tấn công, bao vây đồn, bót. Ở Thanh Bình, thế ba mặt của quần chúng chuyển lên. Xã Tân Phú phá rã phòng vệ dân sự các ấp, phá rã lực lượng bảo an quân của Lương Trọng Tường (Hòa Hảo), phá kế hoạch cướp lúa di dân của địch. Du kích mở rộng hoạt động ra Giồng Găng, Cả Sậy, tạo thế đứng ở Cả Môn.

Nói chung, ở ba huyện thuộc tỉnh Long Châu Tiền vào cao điểm chậm trễ nên không đạt kế hoạch giải phóng bốn xã Thường Thới Tiền, Bình Thạnh, Tân Hội và Thường Lạc. Nguyên nhân chủ yếu là do đánh giá tình hình không đúng, thiếu tự lực tự cường, trông chờ, ỷ lại vào lực lượng vũ trang của trên xuống làm thay, chưa mạnh dạn phát động quần chúng nổi dậy tấn công địch; tư tưởng hợp pháp chủ nghĩa còn nặng, nhất là một số cán bộ ở vùng yếu, tranh chấp. Những mặt yếu này của các địa phương, đơn vị được Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo uốn nắn.

Cao điểm 2 (từ ngày 20/01 đến ngày 20/02/1975), tỉnh Sa Đéc tập trung chuyển mở khu vực II (nam sông Tiền).

Mấy ngày đầu cao điểm, ta tập trung 2 tiểu đoàn mở địa bàn trục lộ 30 (Kiến Văn), kịp thời chuyển lực lượng qua phía nam. Việc đưa cả Tiểu đoàn 502A và Tiểu đoàn 502B qua đứng chân, mở mảng ở phía nam sông Tiền là một quyết định táo bạo, thể hiện quyết tâm cao độ của Tỉnh ủy để giành thắng lợi nhất định, đưa thế cách mạng của tỉnh đi lên, buộc địch vào tình thế bị động đối phó. Trước đó, đêm ngày 18/01/1975, trọng điểm phía nam bắt đầu nổ súng ở huyện Châu Thành, tiếp đến đêm ngày 23/01, nổ súng ở huyện Lấp Vò, đồng thời triển khai qua Lai Vung.

Trong 12 ngày, ba huyện đã gỡ được 53 phân chi khu, đồn tua và trụ sở tề. Huyện Lai Vung với 15 tay súng trong 7 ngày đã gỡ 3 đồn.

Trong hai cao điểm ta giải phóng cơ bản ba xã Hòa Tân, Mỹ An Hưng, Tân Mỹ và 16 ấp, tạo địa bàn đầu cầu giữa phía nam và phía bắc sông Tiền của tỉnh.

Những nơi được ta phát động, quần chúng nổi dậy, tham gia phong trào ba mũi bao vây gỡ đồn, bót, bắn phá đồn, làm công sự, xây dựng thế du kích chiến tranh giữ vùng mới mở, có trên 500 quần chúng trực tiếp tham gia. Phong trào chống bắt lính, đòi cứu đói, đòi tự do đi lại làm mùa... diễn ra liên tục ở các vùng yếu, vùng tôn giáo. Sôi động và quyết liệt nhất là các cuộc đấu tranh chống Thiệu khủng bố, bắt lính sau vụ giải tán "bảo an quân". Ngày 20/01/1975, ở xã Vĩnh Thới, hơn 1.000 tín đồ Hòa Hảo bao vây phân chi khu chống bắt lính. Địch vội vã gọi chi khu cứu viện vì sợ tín đồ cướp phân chi khu. Ở Lấp Vò, qua phát động, quần chúng chuyển biến rất tốt, có người cho cách mạng mượn 100 giạ lúa, nhiều người xay lúa dự trữ cho bộ đội, nhiều người tham gia công tác, đi dân công, tòng quân... Trong hai cao điểm, ở Châu Thành, Lấp Vò, ta xây

dựng được 128 cơ sở mới, xóa 1 xã trắng Đảng, 6 ấp trắng cơ sở, lập chi bộ mới tại xã Tân Mỹ.

Các huyện Cao Lãnh, Kiến Văn, Mỹ An bằng lực lượng tại chỗ vây đồn, bót, giữ vững và mở rộng thêm 8 lõm du kích, nâng diện làm chủ lên 12 ấp. Những ngày cuối tháng 2, biệt động thị xã Cao Lãnh đánh tiêu hao nặng bót cầu Kinh Cụt trên lộ 30, pháo kích trận địa Quản Khánh. Du kích xã Thiện Mỹ (Cao Lãnh) và xã Mỹ Hòa (Mỹ An) dùng mìn đánh hỏng 2 xe M113. Ngoài ra, du kích xã và các cơ quan tỉnh còn bung ra đánh địch ở Mỹ Quý (Mỹ An), Mương Khai, Mương Ngang (xã Mỹ Hội)...

Ở Long Châu Tiền, cao điểm 2 (từ ngày 06 đến ngày 16/02/1975), tỉnh tập trung lực lượng vùng trọng điểm 1, chuyển mở xã Tân Phú, Bình Thành (huyện Thanh Bình), sử dụng lực lượng huyện, xã mở xã Bình Thạnh, xã Tân Hội và phát triển tấn công vùng Tứ Thường (huyện Hồng Ngự), loại khỏi vòng chiến đấu hơn 100 tên địch, làm rã 195 tên, diệt 2 đồn, đánh thiệt hại nặng 1 phân chi cảnh sát và 7 đồn[1]. Ngoài ra, còn vũ trang tuyên truyền diệt ác phá kềm, phát động quần chúng ở nhiều xã của các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình, Tam Nông và Tân Châu. Đặc biệt, ta kịp thời đưa cán bộ vào chi phối một phần phong trào đấu tranh chống bắt lính, chống chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đàn áp tôn giáo của tín đồ Hòa Hảo ở Phú Tân, Thanh Bình.

---

1. Diệt đồn Cả Gốc (xã Tân Hội, đêm ngày 05/02) và đồn Ba Đàn (Cả Chánh, sông Sở Hạ, ngày 16/02). Đánh thiệt hại phân chi cảnh sát xã Bình Thành (Thanh Bình), dùng thế ba mặt tấn công, bao vây, gây thiệt hại các đồn Sâm Sai, Láng Biển, Vàm Xép, trung tâm Bản Đô, Trà Đư (Hồng Ngự), Cả Sơ, Cây Me (Tam Nông), Đồng Dức, Xóm Chùa (Tân Châu).

Cao điểm 3 (từ ngày 27/02 đến ngày 18/3/1975) tại vùng trọng điểm tỉnh ở các huyện phía nam, ngày 11 và ngày 13/3/1975, Đại đội 3/Tiểu đoàn 502A cùng địa phương quân Lấp Vò tiến công phân chi khu Tân Dương. Cùng ngày, bộ đội tỉnh và du kích đánh thiệt hại, bức rút khu nông trại Phú Yên và Rau Cần (xã Phú Long, huyện Châu Thành), bộ đội Châu Thành bức rút đồn Hang Mai (xã An Nhơn). Ngoài ra, trong 6 ngày đầu cao điểm, bộ đội tỉnh phục kích đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 441 bảo an tại xã Mỹ An Hưng; Tiểu đoàn 1 tỉnh Vĩnh Long cùng bộ đội Châu Thành và du kích các xã tấn công bao vây bức rút hàng chục đồn, bót khác, giải tán 1 toán phòng vệ dân sự, 1 toán phòng vệ dân sự khởi nghĩa mang 19 súng, pháo kích kềm chế chi khu Đức Tôn (Châu Thành) và phân chi khu Long Hưng (Lấp Vò). Đặc biệt, ngày 12 và 13/3 trên 12.000 quần chúng ở khu gom dân xã An Khánh (di dân Quảng Tín) đã nổi dậy bung ra ngoài làm ăn hoặc trở về quê cũ.

Khu vực I (phía bắc sông Tiền), từ ngày 12 đến ngày 17/3/1975, Trung đoàn 5 của Quân khu 8 bao vây, tấn công tiêu diệt yếu khu Ngã Sáu (Thanh Mỹ), địch vội vã đưa Tiểu đoàn 2/e10/f7 vào giải tỏa, bị ta chặn đánh tại khu vực ngã tư Bằng Lăng kinh 28, tiêu diệt tiểu đoàn này. Địch dùng trực thăng đổ Tiểu đoàn 3/e10 đến tiếp ứng cũng bị chặn đánh. Cùng lúc, ta pháo kích vào Hậu Mỹ, Chợ Giồng (Cái Bè - Mỹ Tho), Mỹ An, phá hủy và làm hỏng 2 khẩu pháo 105, cháy 1 kho đạn.

Phát huy thắng lợi ở Ngã Sáu, ta tiếp tục tấn công tiêu diệt và bức rút 7 đồn, gồm 3 đồn trên kinh Tư Mới, đồn Đìa Chuối, đồn Đìa Khê, hai đồn Kinh Ba Mỹ Điền, diệt 1 chốt dã

ngoại (Ngã tư Thanh Mỹ). Giải phóng hoàn toàn xã Mỹ Trung (Cái Bè - Mỹ Tho), giải phóng cơ bản 3 xã Thanh Mỹ, xã Mỹ An và xã Đốc Binh Kiều.

Ngày 18/3, một tiểu đoàn của Trung đoàn 5 (Quân khu 8) đánh diệt đồn Ngã tư Thanh Mỹ (Mỹ An), diệt 85 tên, bắt 2 tên, giải phóng hoàn toàn xã Thanh Mỹ[1].

Ngày 19/3, Tiểu đoàn 1 và trinh sát Trung đoàn 5 (Quân khu 8) bao vây tiến công căn cứ liên đội bảo an ở cua Gãy Kinh Một, do Tiểu đoàn 417 bảo an (thiếu) đóng giữ, đến ngày 25/3 diệt gọn căn cứ này.

Phối hợp với hoạt động của bộ đội Khu 8, trong các ngày kể trên, bộ đội huyện và du kích bao vây một số đồn, bót. Bộ đội huyện Cao Lãnh đột ra ven thị xã trục Cần Lố, Nguyễn Văn Tiếp A, vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng diệt ác phá kềm. Du kích các xã của Kiến Văn đánh nhiều trận phục kích nhỏ, diệt từng tên ác ôn, áp sát lộ 30. Biệt động thị xã Cao Lãnh phối hợp với nội ứng diệt đồn Kinh Ngang, xã Mỹ Trà (ngày 17/3).

---

1. Ngày 18/3/1975, Tỉnh ủy Sa Đéc kịp thời gửi thư động viên cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 5 (Quân khu 8). Thư có đoạn viết: "... Trong vòng không đầy 1 tuần lễ, các đồng chí đã chiến đấu liên tục và anh dũng lập công, đã diệt 1 yếu khu Ngã Sáu, diệt căn cứ tiểu đoàn bảo an ở ngã tư Thanh Mỹ, diệt và bức rút gần 10 đồn cấp đại đội, trung đội khác, diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch, thu trên 100 súng, giải phóng hoàn toàn xã Thanh Mỹ và 5 ấp của xã Mỹ An và Đốc Binh Kiều với gần 10.000 dân... Trong chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, chúng ta cũng không tránh khỏi hy sinh và mất mát. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xin nghiêng mình tưởng niệm các đồng chí đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và giai cấp. Từ nay mảnh đất bất khuất Đồng Tháp Mười đã ôm chặt công lao của các đồng chí để ngày mai được nở hoa độc lập tự do, đồng thời xin chuyển đến các đồng chí thương bệnh binh lời thăm hỏi và chúc sức khoẻ của chúng tôi. Mong các đồng chí sớm bình phục tiếp tục chiến đấu".

Yếu khu Ngã Sáu bị quân ta đánh chiếm ngày 17/3/1975

Ảnh: Hoàng Dũng

Kết thúc ba cao điểm (từ ngày 20/12/1974 đến ngày 20/3/1975), quân và dân tỉnh Sa Đéc - Long Châu Tiền đã diệt, làm bị thương 402 tên địch, bắt 42 tên, rã ngũ 1.764 lính, khởi nghĩa 61 lính bảo an và phòng vệ dân sự[1]; diệt, bức rút 143 đồn, bót, gồm 84 đồn, 19 tua, 3 phân chi khu, 6 nông trại, 28 trụ sở tề ấp, 3 căn cứ[2]; thu 61 súng, giải phóng hoàn toàn 1 xã (Thanh Mỹ - Mỹ An); giải phóng cơ bản 6 xã: Hòa Tân[3],

1. Trong số 1.764 binh sĩ rã ngũ có 795 bảo an, 65 chủ lực, 513 dân vệ, 374 phòng vệ, 1 cảnh sát, 11 thám báo, 3 pháo binh, 2 tề xã. Trong số khởi nghĩa 61 binh sĩ có 2 bảo an, 59 phòng vệ dân sự gồm 1 toán và 2 liên toán.

2. Số đồn, bót ta gỡ trong quý I, địch chiếm lại 28 đồn tua, phân chi khu. Ngày 20/3/1975 số đồn, bót còn lại trong tỉnh (Sa Đéc) là 319 đồn. Ngoài ra còn 2 tiểu khu (Sa Đéc, Cao Lãnh), 7 chi khu, sân bay Tân Tịch,... So với cuối năm 1974, giảm 109 đồn.

3. Riêng xã Hòa Tân địch chiếm lại.

An Khánh, An Phú Thuận, Phú Hựu (Châu Thành), Mỹ An Hưng (Lấp Vò), Bình Hàng Trung (Kiến Văn), hình thành lõm giải phóng ở Khu vực I gồm xã Thanh Mỹ (Mỹ An) nối liền 6 ấp giải phóng cũ của xã Long Hiệp (Kiến Văn) và Khu vực II gồm các xã An Khánh, An Phú Thuận, Phú Hựu (chỉ còn một vài đồn, không kiểm soát được dân); chuyển 93 ấp lên tranh chấp và giải phóng với 46.780 dân[1]; phát động quần chúng gia đình binh sĩ và binh sĩ đấu tranh 42 cuộc, 1.815 người tham gia đấu tranh chống bắt lính đôn quân, đòi phụ cấp, đòi phát lương cho binh sĩ, không đi cứu viện, đòi tài sản, đòi về nhà ăn tết...; ngăn chặn 1 đoàn tàu sắt (6 chiếc) và 73 phòng vệ dân sự đi cứu viện đồn Cả Đức (xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh).

Lực lượng các loại đều phát triển[2]. Tỉnh thành lập 1 đại đội đặc biệt hoạt động tại Kiến Văn, 1 đại đội Quyết Thắng của

1. Trong số 93 ấp chuyển lên gồm có 42 ấp giải phóng hoàn toàn (14.037 dân), 35 ấp tranh chấp yếu lên tranh chấp mạnh (22.743 dân), 12 ấp yếu lên tranh chấp yếu (10.000 dân), 3 ấp phá lỏng thế kềm kẹp, 1 ấp từ trắng lên có Đảng (ấp Vĩnh Hội, xã Vĩnh Thạnh, Lấp Vò).

2. Phát triển trong quý I năm 1975: 32 đảng viên, có 9 mật (thị xã Sa Đéc: 2, Kiến Văn: 10, Lấp Vò: 14, Châu Thành: 6), 165 đoàn viên (Kiến Văn: 38, thị xã Sa Đéc: 4, thị xã Cao Lãnh: 6, Lấp Vò: 34, Châu Thành: 8, Cao Lãnh: 75), 429 hội viên thanh niên giải phóng (Châu Thành: 58, Lấp Vò: 104, Kiến Văn: 46, Cao Lãnh: 220, thị xã Cao Lãnh: 1), 99 phụ nữ giải phóng (Châu Thành: 1, Kiến Văn: 21, Lấp Vò: 12, Chợ Mới: 14, Cao Lãnh: 39, Mỹ An: 12), 134 du kích xã (Châu Thành: 34, Lấp Vò: 39, Kiến Văn: 36, thị xã Sa Đéc: 2, Cao Lãnh: 18, Mỹ An: 4, thị xã Cao Lãnh: 1), 138 du kích ấp (Châu Thành: 19, Lấp Vò: 28, Kiến Văn: 39, Mỹ An: 30, Cao Lãnh: 25), 22 du kích mật (thị xã Sa Đéc: 2, Kiến Văn: 7, Châu Thành: 3, Chợ Mới: 10), 67 dân quân (Kiến Văn: 17, Lấp Vò: 50), 219 thanh niên nam nữ thoát ly công tác (15 thanh niên vào cơ ngành tỉnh, huyện, số còn lại vào địa phương quân huyện, tỉnh), 120 nông dân giải phóng (Châu Thành: 3, Lấp Vò: 36, Kiến Văn: 33).

huyện Châu Thành, thành lập 1 chi bộ xã Long Hậu (Lấp Vò), lập mới 16 chi đoàn, 1 phân đoàn, 4 đội vũ trang và nhiều tổ trung kiên.

Thắng lợi trên đã góp phần chuyển thế và lực của ta lên một bước và đẩy địch lún sâu vào thế bị động, lúng túng...

Ngay khi vào chiến dịch mùa khô, trước sức tiến công mãnh liệt của ta ở Vĩnh Trà, Chương Thiện, Phước Long, Buôn Ma Thuột, Bình Trị Thiên, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ, địch phải điều quân chủ lực và các chi đoàn xe M113 ở tỉnh đi nơi khác. Thế bố phòng của địch bị đảo lộn ở cả phía nam và phía bắc sông Tiền, không thực hiện được âm mưu đánh phá vùng ta, vơ vét lúa gạo, ngăn chặn hành lang, tái chiếm những nơi đã mất...

Ở phía nam sông Tiền, vùng kềm cũ và kềm mới của địch tuy có bộ máy kềm kẹp tương đối hoàn chỉnh, lợi dụng được bọn tay sai trong tôn giáo phục vụ âm mưu bình định, nhưng thực tế qua ba cao điểm, trước thế tấn công hai chân ba mũi của quần chúng, có lực lượng vũ trang làm đòn xeo, trong một thời gian ngắn ta đã mở một mảng lớn ở Châu Thành và Lấp Vò, đạp đổ hình thức kềm kẹp lâu nay của địch, đẩy chúng vào thế bị động chống đỡ và lúng túng trong phòng ngự.

Tuy nhiên, thắng lợi đạt được so với quyết tâm trong Nghị quyết của Tỉnh ủy vẫn còn thấp[1]. Lực lượng vũ trang tỉnh,

---

1. Chỉ tiêu tiêu diệt và làm tan rã địch cả năm 1975 là 4.500 tên, trong đó, chỉ tiêu trong mùa khô năm 1975 là 3.000 tên. Kết quả bước I mùa khô là: 1.357 tên (diệt 1.023 tên, làm tan rã 334 tên), đạt tỷ lệ 45%.

- Chỉ tiêu gỡ đồn cả năm 1975: 350 đồn, mùa khô: 234 đồn. Kết quả đạt được là 137 đồn, đạt 58% (kết hợp ba mũi tấn công 115 đồn).

- Chỉ tiêu năm 1975 giải phóng 20 xã, 130 ấp, 175.000 dân. Chỉ tiêu mùa khô 1975 giải phóng 14 xã, 87 ấp, 117.000 dân. Kết quả bước I

huyện chưa làm được vai trò quả đấm, đòn xeo theo yêu cầu, ba mũi giáp công tại chỗ ở nhiều xã, ấp chưa tự lực dứt điểm đồn, bót. Trọng điểm tỉnh, huyện chưa làm được nhiệm vụ đột phá, thôi động, diện phát huy thắng lợi hẹp và chậm, công tác phát triển lực lượng, xây dựng vùng ta còn chậm, không có nơi nào đạt 50% chỉ tiêu. Nói chung, ta chưa hình thành được thế tiến công và nổi dậy đúng theo quy mô, tính chất chiến dịch tổng hợp.

Tỉnh ủy đã kịp thời phân tích, kết luận các thiếu sót, nhược điểm trên xuất phát từ nguyên nhân chi phối là tư tưởng:

"Tư tưởng co thủ hữu khuynh thỏa mãn nửa chừng đang tồn tại trong các cấp bộ Đảng, trước hết là trong các cấp lãnh đạo, trong số cán bộ chủ trì Đảng và quân sự (...) Các huyện ủy, xã ủy, ban ngành nơi lập được thành tích khá thì thỏa mãn, chưa thấy hết những mặt yếu, chưa kịp thời nâng mức phấn đấu, nơi thành tích chưa cân xứng có biểu hiện bị ám ảnh thời kỳ khó khăn đâm ra rụt rè, co thủ, thiếu kiên quyết đưa phong trào lên, do dự đưa lực lượng qua vùng yếu, lo ngại trước phản ứng phi pháo của địch. Một số cấp ủy viên không bám vững địa bàn mục tiêu tấn công. Trong các đảng bộ cơ sở còn một số đảng viên không bám dân, rị mọ, rụt rè trong tấn công,

---

mùa khô: giải phóng 1 xã (Thanh Mỹ); giải phóng cơ bản 6 xã: Bình Hàng Trung (huyện Kiến Văn), Mỹ An Hưng (huyện Lấp Vò), Hòa Tân, An Phú Thuận, Phú Hựu (huyện Châu Thành); giải phóng hoàn toàn 42 ấp với 14.000 dân.

- Phát triển lực lượng các loại chưa đạt chỉ tiêu (đảng viên: 41/200, đoàn viên: 44/300, dân quân: 250/1.000, tân binh: 167/200). Kiến Văn, Cao Lãnh, Châu Thành đưa tân binh đạt 45 - 50%.

- Lấp xã trắng so với chỉ tiêu: 1/8 xã trắng Đảng, 6/60 ấp trắng cơ sở quần chúng.

- Trong tổng số 69 xã toàn tỉnh Sa Đéc, có 44 xã có dân quân du kích.

số xã ủy viên, chi ủy viên, đảng viên bỏ công tác, đánh địch cầm chừng vẫn còn nhiều”[1].

Tháng 3/1975, theo tinh thần Chỉ thị số 02/CT-75 của Trung ương Cục[2], Tỉnh ủy Sa Đéc họp Hội nghị mở rộng để kiểm điểm đánh giá tình hình bước I mùa khô ở tỉnh, nhận định khả năng triển vọng sắp tới, đề ra yêu cầu, nhiệm vụ các tháng còn lại của mùa khô năm 1975, Hội nghị nhất trí thông qua Nghị quyết bổ sung Nghị quyết cơ bản năm 1975 của Tỉnh ủy.

Nghị quyết nêu rõ: Tình hình sắp tới sẽ liên tục phát triển thuận lợi cho các chiến trường trong tỉnh, trên cơ sở những nhân tố khách quan và chủ quan sau đây:

“Kết quả đợt I mùa khô của ta còn thấp nhưng đã làm thất bại một bước kế hoạch mùa khô của địch, thế và lực của chúng bị đẩy vào bị động, suy yếu rõ rệt và không cưỡng lại nổi. Khả năng tăng cường lực lượng của địch bị hạn chế lớn, bảo an đang bị sa sút nặng, quân số tuột, bị động chống giữ, mất tác dụng yểm trợ. Dù địch đang ra sức củng cố lực lượng kềm kẹp ở cơ sở nhưng không thể ngăn chặn được đà tan rã sụp đổ. Thế chung của địch về quân sự, chính trị, kinh tế... đang thua và đang tuột xuống nhanh.

Đời sống quần chúng hiện nay hết sức bức bách, bị bắt lính và vơ vét hết sức thậm tệ, nạn đói đang đe dọa, khả năng

---

1. Trích Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tháng 3/1975.

2. Chỉ thị số 02/CT-75 của Trung ương Cục có những nội dung chính:

- Đánh giá đợt I (tức bước I mùa khô năm 1975) và khả năng triển vọng tới.

- Ý nghĩa vị trí đợt II mùa khô, hướng dẫn yêu cầu xây dựng và chỉ đạo kế hoạch đợt II thật toàn diện (hơn trước).

- Tổ chức chỉ đạo và lề lối làm việc, chỉ huy.

vùng lên đổi đời rất lớn. Trước thế suy yếu toàn diện của địch, ta kiên quyết bám chặt, đi sâu phát động quần chúng theo tinh thần Chỉ thị 04, chấn chỉnh công tác tổ chức và hướng dẫn hành động, ta sẽ phát huy được sức mạnh ba mũi rất to lớn, có nhiều xã tự lực giỡ đồn, bót giải phóng cho mình.

Nâng cao trình độ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, mạnh dạn phóng tay phát động quần chúng, tin dựa quần chúng (nhất là quần chúng tôn giáo), bố trí cán bộ bám sát cơ sở là nhân tố quyết định để đưa phong trào lên giành thắng lợi nhảy vọt”[1].

Trên cơ sở thắng lợi bước I, căn cứ vào so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường và yêu cầu, quyết tâm của mùa khô theo Nghị quyết cơ bản của Tỉnh ủy, Tỉnh ủy xác định quyết tâm, nhiệm vụ các tháng còn lại của mùa khô năm 1975 là: “Tích cực đánh bại âm mưu bình định mới của địch, đưa toàn bộ chiến trường trong tỉnh lên thế giải phóng tranh chấp mạnh (giải phóng đại bộ phận nông thôn), khai thông hành lang giữa nam - bắc sông, giữa các huyện và liên tỉnh, nhanh chóng phát triển lực lượng cách mạng, đồng thời đẩy mạnh phong trào thị xã, thị trấn”.

Nghị quyết bổ sung này được quán triệt trong các cấp ủy, ban ngành, đơn vị đến cơ sở. Triển khai nghị quyết, có kiểm điểm sâu sắc đợt I mùa khô, giải quyết những tư tưởng còn cản ngại, nhất là chống tư tưởng cầu an, hữu khuynh, trên cơ sở đó xác định quyết tâm và kế hoạch, biện pháp thực hiện của từng cấp. Riêng Tỉnh ủy, phân công thường trực cơ bản,

1. Trích Nghị quyết hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tháng 3/1975, bổ sung Nghị quyết cơ bản của Tỉnh ủy năm 1975.

lập Ban Chỉ đạo trọng điểm và Ban Chỉ huy chiến dịch[1]. Ban Cán sự Tỉnh đội xây dựng kế hoạch, quyết tâm, cao điểm hoạt động tháng 4/1975. Theo kế hoạch này, ở Khu vực II trọng điểm tỉnh, tập trung 2 tiểu đoàn, 1 đại đội độc lập của tỉnh cùng bộ đội huyện, du kích xã, lấy huyện Lai Vung là hướng tấn công chủ yếu, huyện Lấp Vò và xã Hội An Đông (Chợ Mới) là thứ yếu, huyện Châu Thành và thị xã Sa Đéc là hướng kiềm chế quan trọng. Khu vực I (bắc sông) tỉnh lấy 6 xã Bình Hàng Tây, Bình Hàng Trung, Mỹ Hội, Mỹ Xương, Long Hiệp, Bình Thạnh (Kiến Văn) và 4 xã Đốc Binh Kiều, Mỹ An, Thanh Mỹ, Mỹ Quý (Mỹ An) là vùng trọng điểm tỉnh; khu vực thứ yếu: các xã bắc Mỹ An, huyện Cao Lãnh và thị xã Cao Lãnh (làm nhiệm vụ kiềm chế). Lực lượng ở đây chủ yếu là bộ đội huyện và du kích xã.

Cao điểm tháng 4/1975 (từ ngày 21/3 đến ngày 20/4/1975) ta tấn công trên cả hai khu vực phía nam sông và phía bắc sông. Vùng bắc sông tấn công đều, diện bao vây đồn, bót khá rộng. Địa phương quân huyện và du kích đứng chân làm chủ trên trục Nguyễn Văn Tiếp A. Pháo kích chi khu Kiến Văn, Cao Lãnh, Mỹ An và trận địa pháo Quản Khánh bằng hỏa lực đầu đạn pháo 105, 155 và cối (gói thuốc TNT có kíp nổ, thường gọi là "ổ giá"). Du kích Kiến Văn vũ trang tuyên truyền uy hiếp mạnh lộ 30.

---

1. Thường trực cơ bản gồm các đồng chí: Tư Hữu, Sáu Cầm, Lê Hiếu, Thái Hoà. Ban Chỉ đạo trọng điểm các đồng chí: Tư Sa (Trưởng ban), Năm Vinh (Phó ban, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy chiến dịch), Năm Thảo (Phó ban). Các đồng chí Tư Hải, Ba An, Chín Nghĩa, Sáu Chánh, Năm Châu, Việt Mai, Năm Quán phụ trách phong trào chính trị binh vận, ba mũi tại cơ sở. Ban Chỉ huy chiến dịch gồm các đồng chí: Năm Vinh (Chỉ huy trưởng), Năm Thảo (Chính trị viên), Năm Quán, Bảy Sơn,Việt Mai.

Riêng trọng điểm phía nam sông vào cao điểm, địch phản kích quyết liệt. Đêm ngày 07/4, ta đồng loạt bao vây tấn công phân chi khu Tân Mỹ, Tân Khánh, Tân Khánh Tây, Tân Đông, trụ sở tề ấp Khánh Thuận và pháo kích trận địa pháo Vĩnh Thạnh. Địch điều Tiểu đoàn 441 từ Tân Dương ra giải tỏa phân chi khu Tân Khánh Tây, Tiểu đoàn 435 từ Long Hưng vội vã dùng tàu chuyển ra rạch Bần hỗ trợ Tiểu đoàn 441. Chi khu Đức Thịnh đưa lực lượng dân vệ đang đóng cập lộ 23 đến giải tỏa phân chi khu Tân Khánh Tây. Các cánh quân địch đều bị ta chặn đánh nhưng địch dốc hết khả năng giải tỏa xong. Sáng ngày 09/4, Tiểu đoàn 441 phát triển giải tỏa phân chi khu Tân Mỹ rồi tiến thẳng đến Tân An Trung, Tiểu đoàn 435 bố trí một đại đội giữ phân chi khu Tân Khánh Tây, còn đại bộ phận theo lộ 23 đến Tân An Trung. Địch cũng đưa lực lượng giải tỏa đồn Bờ Rào, đồn Bồ Húc (Vĩnh Thạnh).

Kết quả tháng 4, các lực lượng vũ trang tỉnh Sa Đéc đánh 234 trận (bộ đội khu: 1 trận, bộ đội tỉnh: 32 trận, bộ đội huyện: 91 trận, du kích xã: 115 trận) loại khỏi vòng chiến đấu 1.005 tên[1], thu nhiều vũ khí, khí tài, phương tiện chiến tranh; san bằng trụ sở tề ấp Khánh Thuận (Tân Đông), tua Cái Tắc (Long Hiệp) bức rút 1 căn cứ, 12 đồn[2]; đánh thiệt

1. Số địch bị tiêu diệt là 114 tên, bị thương 220 tên, bị bắt 41 tên, tan rã 614 tên, giải tán 16 phòng vệ dân sự (Châu Thành). Phía ta hy sinh 19 đồng chí, bị thương 29 đồng chí, bị bắt 2 đồng chí.

2. Gồm các đồn: Cao Lãnh: đồn Đường Gạo, Cả Đức (Phong Mỹ), Ông Huề (Mỹ Trà); Mỹ An: đồn Tân Quy, Mỹ Thành 4 (Mỹ Hoà), Trâm Bầu (Mỹ Quý); Kiến Văn: Xáng Xéo (bức rút 2 lần), Mỹ Thành (Mỹ Hội), Chợ Cũ (Bình Hàng Trung), căn cứ Gãy Kinh Một; Lấp Vò: Bờ Rào (Long Hưng), Mương Khai (Tân Đông); Châu Thành: đồn Ông Ngũ (Tân Nhuận Đông). Địch chiếm lại trụ sở Khánh Thuận, đồn Ông Huề và đồn Trâm Bầu.

hại nặng Tiểu đoàn 417 bảo an ở Gãy Kinh 1 (Kiến Văn), phân chi khu Tân Mỹ (d502A), phân chi khu Tân Khánh Tây (d502B), phân chi khu Tân Đông (bộ đội huyện Lấp Vò), đồn Chín Cai, đồn Xóm Xẻo (bộ đội và du kích Kiến Văn), đồn Ngã tư Cái Bèo, đánh hỏng 4 khẩu pháo 105 và 155 ly ở Quản Khánh, đánh sập nhiều nhà cửa, ụ gác ở chi khu Cao Lãnh.

Trong tháng 3 và những ngày đầu tháng 4, sức tấn công áp đảo của quân và dân ta ở các chiến trường Tây Nguyên, Quảng Trị và đồng bằng Khu 5 đã tiêu diệt và làm tan rã từng mảng lớn ngụy quân, ngụy quyền. Tình hình đó làm cho tinh thần sĩ quan, binh sĩ địch càng thêm sa sút, hoang mang. Ngày 14/4, Chi đoàn thiết giáp 3/f9 là đơn vị quân chủ lực cuối cùng rút khỏi chiến trường Sa Đéc. Tiểu khu Kiến Phong, Sa Đéc đôn đốc cấp dưới tử thủ. Chúng ra lệnh cấm trại, thường xuyên hoán đổi lực lượng, ráo riết đôn quân bắt lính. Bộ máy tề ở xã, ấp bị phá rã. Vùng kiểm soát của địch bị thu hẹp dần. Tình hình đó tạo ra thời cơ để quân và dân ta tự lực giải phóng tỉnh nhà, cùng cả nước hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

III- CUỘC TIẾN CÔNG, NỔI DẬY GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG CỦA TỈNH TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Sau những thắng lợi dồn dập của ta ở Tây Nguyên, Nam Trung Bộ[1], Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long trong

1. Chỉ trong thời gian ngắn, ta đã phá vỡ hoàn toàn thế đứng chiến lược của địch trên vùng Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ, giải phóng 2/3 đất đai, diệt 2 quân đoàn, phá hủy và thu trên 40% cơ sở vật chất hậu cần của địch.

tháng 3 và nửa đầu tháng 4/1975, cục diện quân sự, chính trị ở miền Nam đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt. Trên cơ sở phân tích tình hình và thời cơ chiến lược, Bộ Chính trị Trung ương Đảng hạ quyết tâm: "Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động "thần tốc, táo bạo, bất ngờ"[1]. Theo đề nghị từ chiến trường, ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị đặt tên cho chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Ngày 15 và ngày 16/4/1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sa Đéc họp mở rộng khẩn cấp[2] đã tập trung thảo luận Nghị quyết đặc biệt và Mệnh lệnh Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa của Trung ương Cục.

Hội nghị nhất trí với nhận định thời cơ chiến lược giành toàn thắng cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, tình thế và thời cơ trực tiếp giải phóng hoàn toàn tỉnh đã đến.

Hội nghị xác định nhiệm vụ chung của Đảng bộ là: "Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tập trung cao lực lượng, tinh thần, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng, vùng lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sụp toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền, cướp chính quyền về tay nhân dân với khí thế tấn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.36, tr.95-96.

2. Hội nghị có mặt 36 đồng chí, gồm các Ủy viên Thường vụ, Tỉnh ủy viên, Bí thư các Huyện ủy Mỹ An, Kiến Văn, Cao Lãnh và ban ngành cấp tỉnh.

công quyết liệt, thần tốc, táo bạo, quyết giành toàn thắng (...) Cụ thể: xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh"[1].

Hội nghị nêu lên các biện pháp đặc biệt nhằm động viên tinh thần, lực lượng tối đa, tập trung tấn công địch liên tục, táo bạo, quyết liệt:

"Mở đại hội đảng viên, đoàn viên, học tập tình hình, làm lễ nhận mệnh lệnh Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa với hình thức nghiêm chỉnh. Sau khi đả thông nhiệm vụ chung thì phân công nhiệm vụ cho đảng viên, đoàn viên. Đảng viên, đoàn viên tuổi từ 17 đến 35 phải làm nghĩa vụ quân sự, cầm súng trực tiếp chiến đấu ở bộ đội tỉnh, huyện. Đảng viên còn lại phân công trực tiếp lãnh đạo từng lực lượng quần chúng công kích, khởi nghĩa và xây dựng lực lượng phía sau. Những đảng viên, đoàn viên mất phẩm chất, không chấp hành mệnh lệnh Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa và phân công của đảng bộ thì đưa ra khỏi Đảng, công bố cho quần chúng biết và phải làm tròn nghĩa vụ công dân. Đối với đảng bộ cơ sở nếu xét đồng chí cấp ủy viên nào có những sai phạm, không tiêu biểu, quần chúng thiếu tin tưởng thì kịp thời thay đổi ngay. Phải hết sức tranh thủ thời gian. Thời gian lúc này là sức mạnh, quyết tâm của chi bộ là quyết định. Sức mạnh của quần chúng là phong ba bão táp nổi lên quét sạch cuồng phong chế độ Mỹ - Thiệu"[2].

Ngoài những nội dung chủ yếu trên, Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng ngày 15 và ngày 16/4/1975 còn nêu lên những công tác lớn như: kế hoạch tấn công và xây dựng

---

1, 2. Trích Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy Sa Đéc mở rộng ngày 15 và ngày 16/4/1975.

lực lượng, công tác phát động quần chúng xây dựng lực lượng khởi nghĩa[1], công tác xây dựng vùng ta tiếp thu quản lý vùng giải phóng và công tác chỉ đạo thực hiện.

Đây là hội nghị có ý nghĩa lịch sử đặc biệt. Nghị quyết của Hội nghị là ánh sáng trực tiếp mở đường, đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng bộ và quân dân trong tỉnh đến toàn thắng.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các địa phương khẩn trương phát động nội bộ và quần chúng để xây dựng lực lượng công kích và khởi nghĩa. Huyện Mỹ An trong vòng 5 ngày đã điều động đảng viên, đoàn viên và du kích đưa lên huyện thành lập 1 đại đội địa phương quân. Các huyện Kiến Văn, Cao Lãnh, thị xã Cao Lãnh có chuyển biến tốt. Các huyện phía nam sông mở hội nghị triển khai mệnh lệnh vào ngày 20/4/1975. Lực lượng dân quân du kích xã, ấp phát triển nhảy vọt. Nhiều xã đã tổ chức được lực lượng khởi nghĩa bao gồm già, trẻ, gái, trai với khí thế vũ trang xuống đường cướp chính quyền. Huy động hàng trăm lượt người đi dân công phục vụ chiến đấu và hàng nghìn lượt người tham gia phong trào du kích chiến tranh, bắn phá đồn, bót, khai thông 40.000m kinh rạch lưu thông phục vụ sản xuất và chuẩn bị cho tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Ở các vùng tôn giáo, thị xã, thị trấn, quần chúng xin nhận nhiệm vụ cách mạng như tiếp tế, dẫn đường...

---

1. Kế hoạch tấn công và xây dựng lực lượng: điều địa phương quân huyện, thị lên thành lập 1 tiểu đoàn mới của tỉnh; điều du kích lên bổ sung địa phương quân huyện, thị đủ mạnh; động viên thanh niên làm nghĩa vụ quân sự; xây dựng kế hoạch an bài. Phát động quần chúng, xây dựng lực lượng khởi nghĩa, có tổ chức thành tổ, toán, có chỉ huy lãnh đạo.

Ban Chỉ huy quân sự tỉnh họp lần cuối chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân năm 1975

Ảnh tư liệu

Ngày 26/4/1975, Tỉnh ủy nhận được mệnh lệnh hiệp đồng với mặt trận Sài Gòn vào Chiến dịch Hồ Chí Minh.

11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, mặt trận Sài Gòn giành toàn thắng. Tổng thống Dương Văn Minh buộc phải tuyên bố đầu hàng. Lúc này, từ trung tâm chỉ đạo của tỉnh Sa Đéc xuất phát mệnh lệnh tung hết cán bộ ra phía trước. Lực lượng ta ở các nơi theo kế hoạch đã phân công phối hợp chặt cùng với mũi chính trị, binh vận của quần chúng nhanh chóng đánh chiếm một số đồn, bót và áp sát nhiều mục tiêu quân sự quan trọng.

Tại thị xã Cao Lãnh, theo lệnh của Ban Chỉ huy chiến dịch, Tiểu đoàn 3 của tỉnh (mới thành lập) cùng với biệt động, du kích, chia làm ba mũi tiếp cận thị xã từ chiều ngày 30/4. Cùng ngày, Đại tá Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Minh ra lệnh "tử thủ"

nhưng y lên máy bay trốn khỏi Cao Lãnh. Nhiều sĩ quan, binh lính địch cùng bỏ chạy, chỉ còn lại Trung tá Thinh[1]. Theo kế hoạch đã định, cơ sở và lực lượng quần chúng tại chỗ nổi dậy tiếp quản một số cơ quan ngụy quân, ngụy quyền, treo cờ giải phóng. Đến 20 giờ cùng ngày, Trung tá Thinh liên lạc với ta xin hàng. 23 giờ ngày 30/4/1975, quân cách mạng tiến vào tiếp quản và làm chủ hoàn toàn thị xã. Trước tòa hành chính ngụy, đông đảo đồng bào thị xã tập hợp từ sáng sớm ngày 01/5/1975. Lúc 6 giờ, đoàn cán bộ quân - dân - chánh tỉnh trong tư thế hiên ngang của người chiến thắng, ra tiếp nhận sự đầu hàng của cơ quan đầu não ngụy quyền tỉnh Kiến Phong.

Huyện Cao Lãnh được phân công tiếp quản căn cứ quân sự Trần Quốc Toản.

Tại vùng phụ cận thị xã Cao Lãnh, đêm 30/4, lực lượng ta đồng loạt nổi dậy làm chủ tuyến lộ 30, bao vây số đồn, bót còn lại, truy quét tàn quân địch. Du kích xã Mỹ Thọ và quần chúng nổi dậy đánh chiếm và làm chủ khu phố Doi Me. Vào 17 giờ ngày 30/04, đội bảo vệ Tỉnh ủy (c279) kết hợp du kích và lực lượng quần chúng chiếm bệnh viện quân y ở Kiến Văn, quần chúng bức hàng cứ điểm chi đoàn xe M113 tại Ngã Cái, thu 80 súng, bắt 37 hàng binh. Đến 5 giờ sáng 01/5, lực lượng ta kết hợp với quần chúng chiếm chi khu Kiến Văn.

Tại thị trấn Mỹ An, khá đông quân lính từ các nơi co cụm về đây, lực lượng vũ trang huyện cùng quần chúng nổi dậy tấn công mạnh. 17 giờ ngày 30/4, hai sĩ quan ngụy gặp đại diện của ta để thỏa thuận sẽ tập trung quân giao súng đầu hàng

1. Trung tá Thinh là cơ sở nội tuyến của ta, lúc này làm Chủ tịch Hội đồng hàng tỉnh của ngụy.

vào 7 giờ sáng ngày 01/5. Lúc đó, một toán quân địch ở ngã tư Đốc Binh Kiều rút về Mỹ An, bị du kích chặn lại. 4 giờ sáng 01/5, quân địch (khoảng 300 tên) rút chạy khỏi thị trấn Mỹ An sau khi phá hỏng 2 khẩu pháo[1]. Thị trấn Mỹ An được giải phóng vào sáng ngày 01/5. Trước đó, một toán quân địch ở đồn Ngã tư Cái Bèo kéo quân về Mỹ An bị du kích và cán bộ xã Mỹ Quý buộc phải đầu hàng, các đồn, bót còn lại ở huyện Mỹ An cũng lần lượt đầu hàng.

Ở phía nam sông Tiền, mục tiêu trọng điểm là thị xã Sa Đéc. Ngay từ đầu năm 1975, Tỉnh ủy chỉ đạo Thị xã ủy Sa Đéc đưa cán bộ về bám địa bàn, xây dựng lực lượng. Nhờ đó, trước ngày 30/4, lực lượng vũ trang thị xã cùng cơ sở chính trị và binh vận đã quét sạch bọn địch ở rạch Bần, tạo thế áp sát thị xã, đánh sập cầu Hòa Khánh trong nội ô, 2 ụ gác, 1 đồn dân vệ, giải phóng 2 ấp, tạo thế tranh chấp mạnh ở 2 ấp. Đêm ngày 30/4/1975, Tiểu đoàn 502A và Tiểu đoàn 502B được điều từ Tân Mỹ, Mỹ An Hưng, kinh Thầy Lâm, tiến về phối hợp với lực lượng địa phương, chia làm 5 mũi đánh vào thị xã. Trong nội ô, quần chúng được phát động nổi dậy áp đảo bọn đầu sỏ. 23 giờ ngày 30/4, Đại tá Tiểu khu trưởng chạy trốn. Trong đêm ngày 30/4/1975, cơ sở ta và quần chúng nổi dậy chiếm một số cơ quan địch ở thị xã, treo cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng. 7 giờ sáng ngày 01/5/1975, quân ta từ nhiều hướng tiến vào tiếp

1. Toán quân này do Quận trưởng Phổ chỉ huy, đến kinh Hội thì co cụm lại để tìm cách kéo về "tử thủ" ở Chợ Mới. Lực lượng quần chúng các xã kết hợp với du kích bao vây áp đảo, liên tục phát loa gọi hàng, rạng sáng ngày 02/5/1975, ta đã làm tan rã và bắt sống toàn bộ, trong đó có Quận trưởng Phổ.

quản và làm chủ hoàn toàn thị xã Sa Đéc. Một cuộc míttinh lớn được tổ chức trước dinh Tỉnh trưởng, cờ Mặt trận tung bay trên nóc dinh và trên khắp các phố phường thị xã.

Ở các huyện và thị trấn Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy huyện, lực lượng địa phương quân huyện, du kích phối hợp chặt với lực lượng nổi dậy của quần chúng nhanh chóng tiếp quản và tự giải phóng hoàn toàn được các huyện, xã vào 9 giờ sáng ngày 01/5/1975. Riêng chi khu Đức Thành (Lai Vung) do Tiểu đoàn 441 của Huỳnh Trung Hiếu chỉ huy, ngoan cố chống cự nhưng thấy lực lượng ta và quần chúng nổi dậy quá mạnh nên rút chạy về cố thủ tại Chợ Mới, ta tiếp quản chi khu vào sáng ngày 02/5.

Đêm ngày 30/4 và sáng ngày 01/5/1975, các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình, Đồng Tiến (Tam Nông) của tỉnh Long Châu Tiền cũng được giải phóng hoàn toàn. Trước đó, ta giải phóng được 2 xã của huyện Thanh Bình và một số ấp dọc sông Tiền của xã Thường Thới Tiền (Hồng Ngự). Ta tranh thủ vận động thanh niên trong vùng giải phóng tòng quân, xây dựng một tiểu đoàn mới của tỉnh. Bộ đội các huyện đều được bổ sung quân số. Sau khi hoàn thành tiếp quản chi khu, quận lỵ, lực lượng tỉnh, huyện triển khai các vùng xung yếu, truy quét tàn quân ở các xã từ Long Sơn xuống Phú Lâm, Phú An, Hòa Hảo, Hưng Nhơn, Hiệp Xương, Bình Thạnh Đông. Tại đây, đến ngày 04/5/1975, ta bao vây, gọi hàng và làm tan rã hoàn toàn số tàn quân của Lương Trọng Tường.

Theo chỉ đạo của trên, ngày 07/5/1975, ta thành lập Ủy ban Quân quản thị xã Sa Đéc và thị xã Cao Lãnh. Ngày 03/5/1975, Ủy ban Cách mạng lâm thời tỉnh ban hành lệnh

giới nghiêm, khẩn trương truy quét tàn quân địch, ban hành các thông cáo về trật tự an ninh, hướng dẫn và lập các điểm trình diện, thu nộp các loại vũ khí, chất nổ, tài sản công cộng, giải tán các tổ chức đảng phái phản động, phổ biến các chủ trương, chính sách của cách mạng...

Riêng ở huyện Chợ Mới, hàng chục ngàn tàn quân, chủ yếu là bảo an quân của Hòa Hảo, từ các nơi ngoan cố rút về "tử thủ" tại khu vực chùa Tây An. Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo điều 3 tiểu đoàn tỉnh (Tiểu đoàn 502A, 502B và 1 tiểu đoàn mới thành lập) và 1 chi đoàn xe thiết giáp, một số giang thuyền, tàu nhỏ chiến đấu, pháo 105 ly mới thu được, phối hợp để giải phóng Chợ Mới. Lực lượng này có nhiệm vụ kết hợp với cơ sở tại chỗ vừa tấn công áp đảo địch, vừa tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy, kết hợp sử dụng tốt mũi đấu tranh chính trị, binh vận làm phân hóa giữa bọn sĩ quan ác ôn với số binh sĩ, tách bọn phản động trong tôn giáo ra khỏi tín đồ, bao vây, dồn ép toàn bộ địch lại khu vực chùa Tây An để làm tan rã chúng.

Sau bốn ngày liên tục truy kích, vây ép của lực lượng ba thứ quân và mũi nổi dậy đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng, ngày 05/5/1975, phần lớn tàn quân địch co cụm ở huyện Chợ Mới đã tan rã; số còn lại rút vào "tử thủ" ở chùa Tây An. Sáng ngày 06/5, ta huy động lực lượng đồng loạt siết chặt vòng vây và tấn công địch, buộc chúng phải đầu hàng. Đến 8 giờ sáng ngày 06/5/1975, ta đã giải phóng hoàn toàn huyện Chợ Mới và chùa Tây An, thu 30.000 súng các loại, 1 máy bay trực thăng, hàng chục xe quân sự, tàu xuồng và nhiều quân trang, quân dụng.

Sau hơn bốn tháng kể từ khi vào cao điểm 1 mùa khô (từ ngày 20/12/1974 đến ngày 06/5/1975), dưới sự lãnh đạo của Trung ương, mặc dù tỉnh không có lực lượng vũ trang của Khu, Miền trực tiếp hỗ trợ, nhưng toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng tỉnh, góp phần cùng đồng bào và chiến sĩ cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam vào ngày 30/4/1975.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và phối hợp Chiến dịch Hồ Chí Minh, quân và dân trong tỉnh đã tiêu diệt, đánh bị thương, bắt sống và làm tan rã hơn 60.000 tên địch, đánh tiêu diệt 18 đồn, bức hàng bức rút 125 đồn, đánh thiệt hại nặng 150 đồn khác. Riêng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, ta tiêu diệt và chiếm gần 400 đồn còn lại, thu 60.000 súng các loại, 500 tấn đạn, 650 xe các loại (trong đó có 23 xe M113, 6 xe M118), 45 tàu lớn nhỏ, 1 máy bay L-19, 1 máy bay trực thăng và rất nhiều phương tiện chiến tranh.

Nhìn chung, việc hưởng ứng Chiến dịch Hồ Chí Minh ở tỉnh diễn ra thuận lợi. Địch trong thế hoảng loạn, tan rã. Ta tích cực và khẩn trương động viên được toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đồng loạt tiến công, nổi dậy, chiếm lĩnh và tiếp quản nhanh gọn, giành thắng lợi trọn vẹn.

Ngày 02/5/1975, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Sa Đéc ra bản Tuyên bố: "Kể từ giờ phút này đất nước ta sạch bóng quân Mỹ, tỉnh ta đã hoàn toàn giải phóng. Đã xóa bỏ hoàn toàn các cơ cấu ngụy quân, ngụy quyền và các tổ chức chính trị phản động do Mỹ và bọn tay sai lập ra từ hơn 20 năm nay (...)

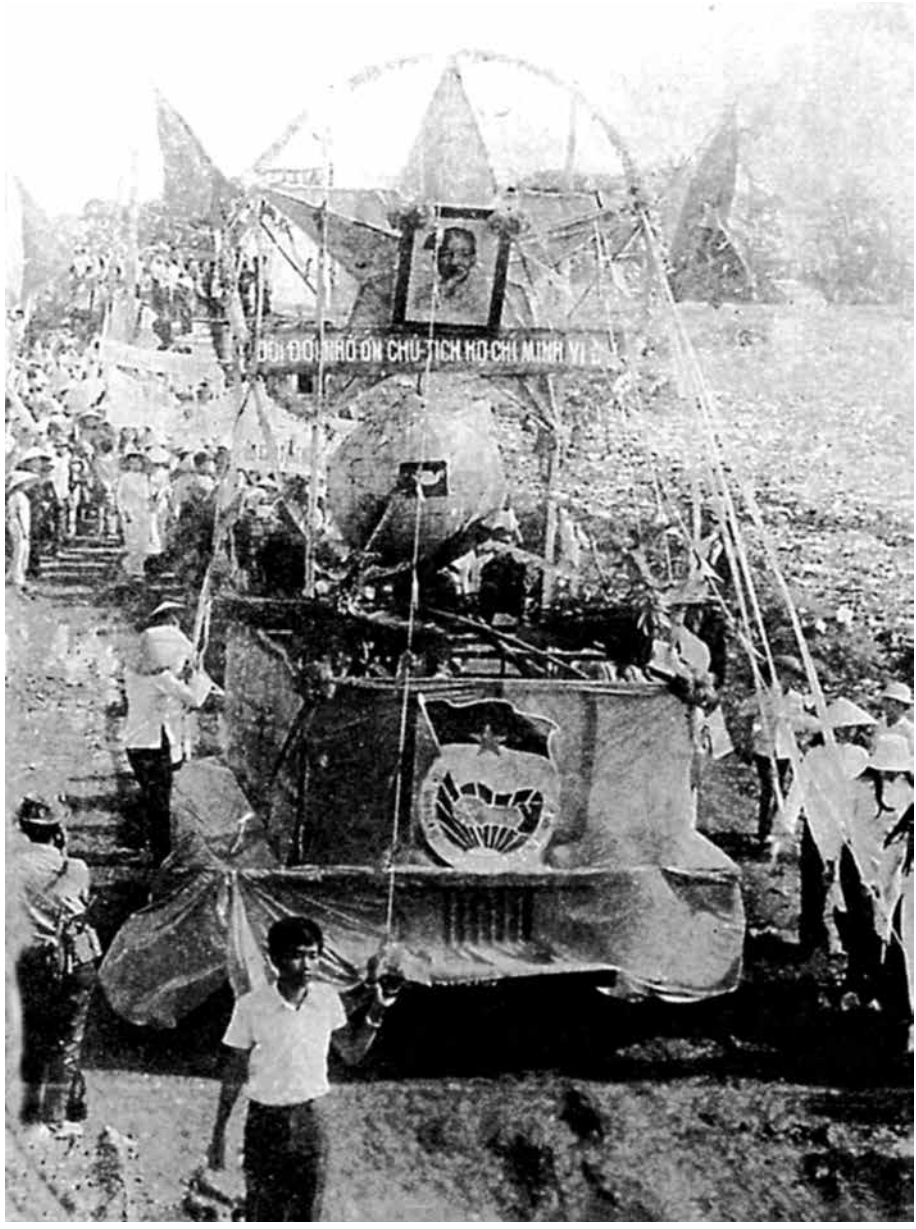

Lễ mừng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng
ở thị xã Sa Đéc, tháng 5/1975

Ảnh tư liệu

Lễ mừng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng
ở thị xã Cao Lãnh, tháng 5/1975

Ảnh tư liệu

Đã thành lập chính quyền cách mạng các cấp". Cũng từ giờ phút đó, lịch sử chứng kiến một bước ngoặt vĩ đại đối với tỉnh Sa Đéc nói riêng, cả nước nói chung: *Kết thúc thắng lợi 30 năm liên tục, bền bỉ và anh dũng chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, đưa cả nước bước sang một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.*

KẾT LUẬN

45 năm kể từ khi các chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên trong tỉnh được thành lập (tháng 11/1929) đến ngày giải phóng hoàn toàn (ngày 30/4/1975), Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp đã vượt qua muôn vàn gian khổ hy sinh, trực tiếp lãnh đạo nhân dân trong tỉnh lập nhiều chiến công oanh liệt, giành thắng lợi to lớn, góp phần làm vẻ vang các chặng đường lịch sử của Đảng và dân tộc.

Đảng bộ tỉnh cùng với cả nước đã lãnh đạo ba cuộc vận động cách mạng lớn 1930 - 1931, 1936 - 1939, 1939 - 1945 và khi thời cơ đến, Đảng bộ kịp thời phát động khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân (ngày 25/8/1945), góp phần quan trọng vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nắm chính quyền, Đảng bộ tỉnh ra sức xây dựng, củng cố khối đoàn kết toàn dân để gìn giữ chính quyền, bảo vệ Tổ quốc và hết lòng chăm lo những lợi ích chính đáng, thiết thực cho dân.

Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược đánh chiếm tỉnh Sa Đéc lần thứ hai (ngày 17/01/1946), Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân anh dũng đứng lên cùng với Nam Bộ và cả nước kháng chiến, kiến quốc theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất*

nước, không chịu làm nô lệ"[1]. Suốt 9 năm kháng chiến trường kỳ, Đảng bộ và quân dân Đồng Tháp đã vượt qua biết bao khó khăn, gian khổ, hy sinh, chiến đấu dũng cảm chống lại thực dân Pháp và bè lũ tay sai, lập nên những chiến công lẫy lừng trên sông Sở Thượng, Tháp Mười, Cao Lãnh, Phú Hựu, Nha Mân, Chân Đùng, Cái Hố... đã làm rạng ngời quê hương, Tổ quốc, với địa danh "Chiến khu Đồng Tháp Mười" vang dội.

Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi nhưng Đồng Tháp và cả miền Nam chưa được giải phóng. Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh lại tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cực kỳ cam go, ác liệt kéo dài 21 năm. Đảng bộ kiên trì bám trụ trong dân, lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi Mỹ - Diệm phải thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống "tố cộng, diệt cộng"; đòi dân sinh dân chủ, củng cố, xây dựng cơ sở, xây dựng căn cứ. Đặc biệt, Đảng bộ mà chủ yếu là Tỉnh ủy đã nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, sớm xây dựng, duy trì lực lượng vũ trang để diệt ác phá kềm bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng và nhân dân. Với chiến thắng Gò Quản Cung và khởi nghĩa giải phóng xã Thanh Mỹ bằng ba mũi giáp công, đóng góp vào việc hình thành phương châm tiến công của cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước... Tiến lên vận động nhân dân nổi dậy Đồng khởi giành quyền làm chủ, giải phóng xã, ấp, phát động cuộc chiến tranh nhân dân, phát huy sở trường chiến đấu trên chiến trường đồng nước, tấn công địch bằng hai chân ba mũi giáp công, ở cả thành thị và nông thôn, đóng góp nhiều bài học kinh nghiệm về Đồng khởi, về xây dựng lực lượng vũ trang, đoàn kết tôn giáo, bám trụ vận động

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.534.

quần chúng... phục vụ tốt cho sự chỉ đạo chung của Đảng, góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh và nhiều chiến thuật "tân kỳ" của đế quốc Mỹ trên đồng nước Tháp Mười và chiến trường đồng bằng sông Cửu Long. Những trận thắng gắn liền với các địa danh Gò Quản Cung, Gò Tháp Mười, Thanh Mỹ, Rạch Ruộng, Mỹ Điền, Xẻo Quýt, Vùng Chữ V, Tứ Thường, Cao Lãnh, Sa Đéc, Long Hưng... luôn được Đảng bộ, quân dân trong tỉnh và cả nước tin yêu, ghi nhớ.

Trong cuộc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa năm 1975, quân dân tỉnh Đồng Tháp đã nhanh chóng giải phóng quê hương, rồi cùng với tỉnh An Giang, Long Châu Tiền và lực lượng chủ lực của Khu 8 kiên quyết, khôn khéo tấn công vào sào huyệt cuối cùng của bọn tàn quân Mỹ - ngụy rút về tử thủ ở Tây An, Chợ Mới, buộc chúng phải đầu hàng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi cuối cùng, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Suốt chặng đường 30 năm kháng chiến trường kỳ, gian khổ, Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp luôn trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Bác Hồ, cùng với cả miền Nam tin tưởng chấp nhận "đi trước về sau", thực hiện bằng được lý tưởng giành độc lập tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong cuộc chiến đấu đầy cam go thử thách ấy, Đồng Tháp đã có 18.649 liệt sĩ, 7.835 thương binh, hàng chục ngàn đồng bào yêu nước bị địch giết hại, đánh đập, bắt bớ, tù đày đến tàn phế.

Công lao và những đóng góp to lớn của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Đồng Tháp đã được Tổ quốc ghi công, được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (năm 2000),

Huân chương Sao Vàng - huân chương cao quý nhất của Nhà nước; 2.076 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng[1]; 62 đơn vị, địa phương và 48 cán bộ chiến sĩ đã được tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Nhiều cán bộ, chiến sĩ được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, 1.143 Huân chương Chiến công, 3.017 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, 3.509 Huân chương Giải phóng, 2.201 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, nhiều huân chương, huy chương kháng chiến các hạng và hàng chục ngàn bằng khen, giấy khen, trên 8.700 gia đình có người hoạt động kháng chiến và trên 13.500 gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng.

*

* *

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi vẻ vang trọn vẹn nhất của nhân dân Việt Nam nói chung, của nhân dân Đồng Tháp nói riêng. Trong suốt 30 năm kháng chiến chống lại hai đế quốc có tiềm lực kinh tế, quốc phòng hùng mạnh, Đảng bộ và quân dân Đồng Tháp đã phải vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đem hết "*tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải*" để chiến đấu giành độc lập tự do, thực hiện mục tiêu lý tưởng: thống nhất Tổ quốc, cùng cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở Đồng Tháp là nhờ có sự lãnh đạo tài tình của Đảng, đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn và sự giúp đỡ, chi viện của phong trào cách mạng miền Nam, của hậu phương miền Bắc,

1. Số liệu tính đến tháng 7/2019.

của các nước xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình của nhân dân Campuchia láng giềng và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song nguyên nhân trực tiếp là do tinh thần bất khuất, ý chí chiến đấu giành độc lập, thống nhất Tổ quốc, truyền thống cách mạng kiên cường của Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp, của lực lượng vũ trang tỉnh luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, với dân, có cách đánh sáng tạo, phù hợp với chiến trường đồng nước.

Trải qua 45 năm lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh, Đảng bộ Đồng Tháp đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị cho công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo sự nghiệp xây dựng đất nước ngày nay.

Thứ nhất, tuyệt đối trung thành với lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp; chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc để cùng cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đảng giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đường lối, chủ trương của Đảng đã đáp ứng nguyện vọng tối cao của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc; nó là ánh sáng chỉ đường cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Vốn có truyền thống yêu nước, khát vọng giành độc lập, tự do nên từ những ngày đầu thành lập Đảng, nhân dân Đồng Tháp đã sớm giác ngộ đi theo Đảng, đoàn kết xung quanh Đảng, cùng đồng bào cả nước vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, tiến hành cuộc đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành thắng lợi.

Trong suốt các chặng đường lịch sử ấy, Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp luôn thể hiện lòng trung thành vô hạn với lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp, chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

Đây là bản chất truyền thống bền vững, thể hiện đậm nét, nhất là trong các thời kỳ cách mạng gặp nhiều khó khăn và trong những bước ngoặt quyết định thắng lợi của cách mạng.

Trong các thời kỳ: đầu năm 1946, 1950 - 1951, 1954 - 1959, 1969 - 1971, phong trào cách mạng đứng trước tình thế hiểm nghèo. Nhiều cơ sở đảng bị thiệt hại. Hàng ngàn cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng bị hy sinh, bị bắt, bị tra tấn, tù đày vẫn giữ vững khí tiết cách mạng. Với niềm tin sắt đá vào tiền đồ tươi sáng của cách mạng, các cấp ủy Đảng trong tỉnh nêu cao tinh thần chủ động khắc phục khó khăn, tin tưởng và dựa vào quần chúng, từng bước khôi phục cơ sở, củng cố và đẩy mạnh phong trào. Quần chúng nhân dân, dù bị địch kềm kẹp, khủng bố khốc liệt, nhất là đồng bào vùng bị địch tạm chiếm, vẫn vững niềm tin vào Đảng và Bác Hồ, hết lòng nuôi dưỡng, che giấu, bảo vệ cán bộ và cống hiến nhiều sức người, sức của cho kháng chiến. Họ đã đấu tranh bền bỉ, anh dũng suốt bao năm, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

Trong các cao trào cách mạng như Đồng khởi 1959 - 1960, phá ấp chiến lược 1963 - 1964, Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972, cao điểm chuyển vùng giành dân sau Hiệp định Pari năm 1973 và Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, quân và dân Đồng Tháp với khát vọng

giành độc lập tự do đã đạp bằng mọi khó khăn, gian khổ, nắm vững thời cơ, tiến công địch đồng loạt, liên tục và mạnh mẽ, góp phần cùng cả nước giành toàn thắng.

Trung thành với lợi ích dân tộc và giai cấp, vượt qua mọi khó khăn, hy sinh chiến đấu vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội là bài học truyền thống, là bài học cao cả cho hôm nay và mai sau.

Thứ hai, chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng.

Hoạt động thực tiễn của Đảng bộ trong 45 năm làm cách mạng dân tộc dân chủ, biểu hiện tập trung cao nhất là thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nổi lên bài học có tính chủ đạo xuyên suốt là bài học về chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng.

Đây là vấn đề then chốt, có quan hệ trực tiếp đến phong trào mạnh hay yếu, thành công hay thất bại.

Thực tiễn 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) cho thấy: Có vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện địa phương thì phong trào mới chuyển mạnh, giành thắng lợi rực rỡ. Năm 1946, ta đã đấu tranh bảo toàn lực lượng khi thực dân Pháp trở lại xâm lược; năm 1956, lợi dụng mâu thuẫn và xung đột giữa các giáo phái thân Pháp với Diệm, xây dựng lực lượng vũ trang; trước Đồng khởi năm 1960, đã sớm phát hiện và coi gia đình binh sĩ là một bộ phận của lực lượng đấu tranh chính trị quần chúng, từ đó hình thành ba mũi tấn công; mạnh dạn phát động quần chúng nổi dậy từ cuối năm 1959, tổng kết báo cáo về trên, giúp Khu ủy và

Trung ương Cục có kinh nghiệm chỉ đạo Đồng khởi toàn miền thắng lợi; chủ động và sáng tạo trong chỉ đạo phong trào giữ và mở vùng, giành dân sau Hiệp định Pari năm 1973; chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng sáng tạo chủ trương mở vùng yếu phía nam sông Tiền, tạo thế và lực cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975...

Tuy nhiên, cũng có nơi, có lúc thể hiện chủ trương thiếu sáng tạo, kế hoạch thiếu cụ thể, tỉ mỉ, thiếu kiểm tra hoặc kiểm tra chưa sâu sát, hoặc do chủ quan, thiếu cảnh giác mà dẫn đến phong trào chưa mạnh, thậm chí thất bại nặng.

Chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng là biểu hiện bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức, chỉ đạo của các cấp ủy. Bài học này không những có ý nghĩa trong các thời kỳ cách mạng trước đây mà còn rất hữu ích trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Thứ ba, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân; tự lực tự cường, kiên trì bám trụ đánh thắng địch trên chiến trường đồng nước Đồng Tháp Mười.

Chiến lược chiến tranh nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp là một trong những phương pháp cách mạng của Đảng được thể hiện trên phạm vi toàn quốc. Song, sự vận dụng đường lối ấy vào hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương phải hết sức linh hoạt và sáng tạo.

Đồng Tháp là chiến trường đồng bằng, không có rừng núi, chỉ có đồng cỏ trống trải, nhiều sông rạch chia cắt, nửa năm nước ngập; có đường biên giới với Campuchia; là một địa bàn

chiến lược quan trọng, bản lề nối liền miền Đông với miền Tây Nam Bộ; là vùng có nhiều đồng bào các tôn giáo bị địch lợi dụng kềm kẹp nặng nề. Nhưng nhân dân Đồng Tháp vốn có truyền thống cách mạng lâu đời, có căn cứ địa Đồng Tháp Mười rộng lớn và phong trào vũ trang từ thời chống thực dân Pháp rất mạnh. Do đặc điểm ấy mà ngay sau đình chiến năm 1954 và trong hơn 20 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, Mỹ - ngụy luôn luôn tập trung cố gắng để bình định cho được vùng này. Do vậy, cuộc đọ sức giữa ta và địch đã diễn ra giằng co, phức tạp, lâu dài và ác liệt.

Vấn đề đặt ra là: Làm cách gì để đánh thắng kẻ thù có số quân đông hơn gấp bội, được trang bị và yểm trợ bằng số lượng khổng lồ phương tiện và vũ khí hiện đại của Mỹ?

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Trung ương Cục, Khu ủy, Đảng bộ, nhân dân Đồng Tháp đã vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp với phương châm, hình thức mới.

Đó là quá trình nắm vững thực tiễn, lợi dụng hình thái chiến tranh của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ - một cuộc chiến tranh giành đất, giành dân. Từ đó Đảng bộ đã dày công gây dựng cơ sở rộng khắp trong quần chúng, phát huy sức mạnh chính trị, thế hợp pháp cách mạng của quần chúng, không để địch phân tuyến chia vùng, nơi nào cũng có thế trận bao vây chia cắt, tiến công địch. Đây là thế trận rất lợi hại, làm cho quân địch luôn luôn bị vây hãm, bị động đối phó trong vòng vây điệp trùng của quần chúng cách mạng, làm hạn chế tác dụng của phương tiện, vũ khí hiện đại của chúng, đồng thời ta luôn giữ vững, phát huy quyền chủ động, tiến công địch

bất kỳ lúc nào, ở đâu, buộc địch phải bị động đối phó với cách đánh linh hoạt, muôn hình, muôn vẻ của ta.

Tạo được thế trận như trên là một quá trình phấn đấu gian khổ, bền bỉ. Tuy nhiên, để chiến thắng kẻ thù, Đảng bộ đã phải cố gắng hết sức lớn về xây dựng thực lực cách mạng, thực hiện phương châm hai chân: chính trị và vũ trang, ba mũi giáp công: chính trị, quân sự và binh vận.

Xây dựng lực lượng chính trị là trước nhất và là vấn đề cơ bản của cách mạng. Hàng ngàn cán bộ và quần chúng trung kiên đã lăn lộn khắp ba vùng (vùng căn cứ giải phóng, vùng tranh chấp và vùng yếu tôn giáo, thị xã, thị trấn), tuyên truyền, vận động, giáo dục các tầng lớp nhân dân, kể cả gia đình binh sĩ, các tôn giáo và ngụy quân, ngụy quyền để phát triển cơ sở, xây dựng lực lượng. Nhờ đó, đã tổ chức được nhiều mũi, nhiều đợt đấu tranh chính trị và binh vận, phối hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang với nhiều hình thức, quy mô và mức độ.

Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, tạo những quả đấm quyết định làm đòn xeo cho phong trào là hết sức cần thiết. Ý thức được việc này, tỉnh đã tái lập lực lượng vũ trang rất sớm (năm 1956). Ngoài việc đưa về trên hàng ngàn thanh niên bổ sung cho quân chủ lực, tỉnh còn chú ý xây dựng lực lượng địa phương tỉnh, huyện và dân quân du kích xã, các đội biệt động ở thị xã, thị trấn. Những năm gặp nhiều khó khăn (1961 - 1963, 1969 - 1972) tỉnh đã hết sức cố gắng củng cố, phát triển lực lượng vũ trang. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bộ đội địa phương tỉnh luôn duy trì từ 1 đến 2 tiểu đoàn; trong cuộc đọ sức chiến lược mùa khô 1967 - 1968

và năm 1975 đã phát triển lên 3 tiểu đoàn. Ở cấp huyện, luôn được duy trì từ 1 trung đội đến 2 đại đội địa phương quân, cấp xã từ l đến 3 tiểu đội du kích và có lúc là đại đội dân quân tự vệ. Các lực lượng vũ trang tỉnh đã phối hợp chặt với các mũi đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng và lực lượng chủ lực của trên trong từng trận tấn công, trong mỗi chiến dịch. Càng về cuối cuộc chiến, lực lượng vũ trang càng giữ vai trò quyết định giành thắng lợi.

Vấn đề xây dựng thực lực cách mạng, đánh địch bằng ba mũi giáp công luôn là phương châm hành động của mọi cấp, mọi ngành; là nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy. Nó còn được kết hợp nhuần nhuyễn giữa tấn công quân sự với nổi dậy của quần chúng để giành quyền làm chủ, làm chủ để tiến công địch liên tục, mở rộng diện và nâng mức làm chủ ngày càng cao. Đó là quy luật, được quán xuyến từ đầu đến cuối cuộc chiến, là một đặc điểm cơ bản của cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ, cứu nước. Nó xuất phát từ đường lối cách mạng giải phóng dân tộc có kết hợp từng bước cách mạng dân chủ và việc vận dụng linh hoạt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, Đảng bộ còn lãnh đạo kết hợp đánh địch bằng nhiều phương tiện, vũ khí thô sơ và hiện đại, kết hợp lực lượng địa phương quân, dân quân du kích với quân chủ lực của Khu và Miền, mở các đợt tiến công quy mô chiến dịch tổng hợp; kết hợp đánh lớn với đánh vừa và đánh nhỏ, đánh thường xuyên với chiến dịch; phối hợp tiến công, nổi dậy của quân và dân trong tỉnh với toàn miền và hoạt động ngoại giao của Đảng và Nhà nước; sáng tạo và áp dụng nhiều cách đánh địch đạt hiệu

quả cao trên chiến trường đồng bằng nước nổi, đặc biệt là cách đánh tập kích, kỳ tập, có nhiều trận nâng thành chiến lệ cho các nơi học tập.

Nhờ kết hợp nhiều lực lượng, nhiều hình thức tiến công, nhiều cách đánh địch linh hoạt, sáng tạo, ta đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, đánh lùi địch từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Thắng lợi của chiến tranh nhân dân ở tỉnh Đồng Tháp còn bắt nguồn từ tinh thần tự lực, tự cường, kiên cường bám trụ.

Tự lực tự cường là phẩm chất quý báu mang tính truyền thống. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phẩm chất ấy được phát huy cao độ và nhờ đó mà lực lượng cách mạng tồn tại, phát triển và đánh thắng kẻ thù.

Tự lực tự cường xuất phát từ ý thức sâu sắc, hy sinh chiến đấu vì phong trào cách mạng miền Nam và cả nước. Đó là tinh thần tự lực tự cường không khép kín, không từ chối hoặc phủ nhận sự chi viện của trên, của phong trào cách mạng các tỉnh, đồng thời, cũng không trông chờ ỷ lại lực lượng của trên đến chi viện làm thay.

Tự lực tự cường xây dựng lực lượng, trong sản xuất, sửa chữa vũ khí, trong công tác hậu cần...

Tự lực tự cường làm nảy nở sự sáng tạo. Nổi bật là sáng tạo vũ khí thô sơ tự tạo đánh trả có hiệu quả lực lượng và phương tiện chiến tranh, vũ khí hiện đại của đế quốc Mỹ; sáng tạo ra những cách đánh độc đáo trên chiến trường đồng nước, sáng tạo cách đánh thiên biến vạn hóa ngay trong lòng địch làm chúng không chống đỡ nổi.

Kiên cường bám trụ là biểu hiện tập trung cao nhất của ý chí quyết chiến quyết thắng và tinh thần tự lực tự cường.

Bám trụ bằng nhiều hình thức và nâng lên thành khẩu hiệu hành động: Cán bộ bám dân, dân bám đất, du kích bám đánh địch. Trong quá trình thực hiện, ở những địa bàn gặp nhiều khó khăn, như vùng yếu tôn giáo huyện Chợ Mới và vùng ven sông Hậu của huyện Lấp Vò..., có một số chi bộ bị địch đánh tan rã, cán bộ không bám được trong dân (thời kỳ 1961 - 1962 và 1969 - 1972) nhưng ngay sau đó Tỉnh ủy chỉ đạo tìm cách khôi phục lại. Nhìn chung, trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cơ sở đảng bám chặt, đều khắp trong dân, kể cả vùng yếu tôn giáo, thị xã, thị trấn. Số xã trắng có lúc, có nơi vẫn còn nhưng rất ít.

Tiêu biểu nhất là quá trình bám trụ và đánh thắng địch trên chiến trường đồng nước Tháp Mười. Ở đây địa hình trống trải, đồng cỏ mênh mông, trở ngại rất lớn trong việc đóng quân, sinh hoạt và di chuyển, nhất là mùa nước nổi. Sau Đồng khởi năm 1960, Tỉnh ủy chủ trương phát động bộ đội, các cơ quan và nhân dân trồng cây gây rừng, cải tạo địa hình, nhưng địch tìm mọi cách tàn phá bằng bom đạn, chất độc hóa học... nên nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn. Với quyết tâm trụ vững, đánh thắng địch tại chiến trường này, cán bộ, bộ đội và du kích thực hiện ăn ở, di chuyển, sinh hoạt kín đáo, đào đắp chướng liếp, làm ngù, cản, hầm chông, bãi mìn... chống địch ruồng bố. Vào mùa nước thì làm công sự nổi đánh địch, cán bộ làm hầm bí mật, bộ đội hành quân, vận chuyển hậu cần phục vụ chiến đấu đều dùng xuồng, phục kích, vận động tập kích cũng dùng xuồng làm phương tiện chủ yếu. Mở đầu là trận

Gò Quản Cung, sau đó đánh địch trên đồng nước trở thành sở trường của bộ đội tỉnh, huyện và du kích xã. Có nhiều trận đánh thắng địch trong mùa nước ở Đồng Tháp Mười nổi tiếng khắp miền Nam như các trận diệt thuyền bay Mỹ của du kích Hồng Ngự, Thanh Bình, trận diệt 37 tàu chiến Mỹ trên sông Rạch Ruộng (04/12/1967)...

Xây dựng căn cứ là điển hình tiêu biểu của tinh thần tự lực, tự cường và quyết tâm bám trụ. Căn cứ có nhiều quy mô, cấp độ khác nhau. Những căn cứ nhỏ thường là lõm du kích hoặc nơi ở của cán bộ, bộ đội. Căn cứ lớn hơn và được bảo vệ chu đáo thường là các cơ quan lãnh đạo như Khu ủy, Tỉnh ủy (căn cứ Khu ủy ở Tứ Thường - Hồng Ngự, căn cứ Xẻo Quýt của Tỉnh ủy Kiến Phong ở Cao Lãnh, căn cứ chữ V Châu Thành của Tỉnh ủy Vĩnh Long, căn cứ Long Hưng, Mỹ An Hưng... của Huyện ủy Lấp Vò, căn cứ hậu xã Mỹ Trà của Thị xã ủy Cao Lãnh, căn cứ Gò Tháp, Thanh Mỹ của Mỹ An,...). Căn cứ của nhiều chi ủy, du kích xã thường ở sát đồn, bót địch, việc bảo vệ căn cứ chủ yếu dựa vào lòng dân. Những năm địch bình định ác liệt, Tỉnh ủy và các cơ quan tỉnh tuy có di chuyển nhưng vẫn là các địa bàn căn cứ tại tỉnh để chỉ đạo phong trào. Tỉnh ủy bám chiến trường đã là tấm gương cho cán bộ bám dân, dân bám đất, bộ đội và du kích bám đánh địch.

Với niềm tin tất thắng, Đảng bộ, các lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh đã bám trụ kiên cường, bền bỉ suốt 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Nhiều chi bộ xã phải "lột xác" mấy lần vẫn bám trụ tại địa bàn xã nhà. Đây là một truyền thống đáng tự hào.

Thắng lợi của chiến tranh nhân dân trên chiến trường Đồng Tháp là bản hùng ca về tài năng, trí tuệ sáng tạo vĩ đại, của tinh thần tự lực tự cường, kiên cường bám trụ với ý chí quyết chiến quyết thắng của Đảng, quân và dân trong tỉnh.

Thứ tư, tin dân, dựa vào dân, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Truyền thống yêu nước, đoàn kết là tài sản quý báu được hình thành, vun đắp trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Nhân dân Đồng Tháp đã kế thừa truyền thống ấy và được minh chứng qua hàng loạt các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, như tham gia đạo quân của Nguyễn Huệ đánh đuổi giặc Xiêm, các cuộc khởi nghĩa của Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều, Thống Linh chống Pháp,... Những năm đầu thế kỷ XX, truyền thống đó được tiếp tục hâm sôi qua hưởng ứng các phong trào yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh, qua việc đùm bọc, nuôi dưỡng các sĩ phu yêu nước như cụ Võ Hoành, cụ Nguyễn Quang Diêu, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc,...

Từ ngày có Đảng (năm 1930), truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân trong tỉnh được nhân lên gấp bội khi hòa nhập với tư tưởng cách mạng vô sản. Nhân dân ta đoàn kết xung quanh Đảng trong Mặt trận Việt Minh, Liên Việt, giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi. Quá trình đấu tranh cách mạng nổi lên nhiều tấm gương tiêu biểu của chủ nghĩa anh hùng mới - chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, sức mạnh đoàn kết toàn dân được phát huy, nâng lên tầm cao mới.

Để đoàn kết những người Việt Nam yêu nước, xuất phát từ tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam, Đảng ta chủ trương thành lập mặt trận. Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Ở Đồng Tháp (Kiến Phong cũ) cuối năm 1961, Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh ra mắt đồng bào, có đủ các đại biểu cho nông dân, công nhân, thanh niên, phụ nữ, lực lượng vũ trang, tôn giáo, học sinh, trí thức, tư sản dân tộc, các nhân sĩ yêu nước... Tiếp sau đó, Mặt trận huyện, xã lần lượt được thành lập. Mặt trận đã giương cao ngọn cờ đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Cương lĩnh và chính sách đại nghĩa của Mặt trận ngày càng ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, nhất là đối với nông dân, thanh niên, trí thức, thương gia, tư sản dân tộc. Đồng bào các tôn giáo, gia đình binh sĩ, công chức tham gia hoặc ủng hộ kháng chiến ngày càng nhiều. Hàng ngàn binh sĩ địch được tuyên truyền chính sách của Mặt trận đã quay về với nhân dân. Chính sách Mặt trận càng có ảnh hưởng lớn trong quảng đại quần chúng càng góp phần củng cố thế và lực cách mạng, làm cho cách mạng mỗi ngày càng mạnh lên, tạo điều kiện thuận lợi lôi kéo các tầng lớp trung gian, gia đình binh sĩ và binh sĩ ngả theo cách mạng, cô lập ác ôn, cô lập kẻ thù, tạo thế cho quần chúng nổi dậy đấu tranh, khởi nghĩa đánh đổ kẻ thù.

Bài học và những kinh nghiệm về phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, sức mạnh đoàn kết toàn dân mãi mãi là bài học quý báu trong mọi giai đoạn cách mạng.

Thứ năm, đoàn kết hữu nghị với nhân dân Campuchia, khai thông và giữ vững hành lang biên giới, góp phần củng cố liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương.

Tỉnh Đồng Tháp có đường biên giới với tỉnh Prey Veng (Vương quốc Campuchia). Nhân dân hai tỉnh, hai dân tộc Việt - Khmer có quan hệ hữu nghị từ lâu đời. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân hai tỉnh đã từng chung lưng đấu cật đánh thắng nhiều cuộc hành quân càn quét của địch trên vùng biên giới.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, việc giữ gìn phát huy mối quan hệ đoàn kết truyền thống với nhân dân Campuchia, khai thông và giữ vững hành lang biên giới có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào cách mạng của tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh Nam Bộ. Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp có đóng góp tích cực để giải quyết vấn đề này. Nhờ đó, đã tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của nhân dân Campuchia, mở thông hành lang biên giới, bảo vệ vững chắc cho căn cứ của khu Trung Nam Bộ, tạo thế căn cứ liên hoàn từ Khu nối với các tỉnh có biên giới, với Trung ương Cục xuống Đồng Tháp Mười và các tỉnh đồng bằng. Hành lang biên giới là nơi ta tập kết, vận chuyển vũ khí, đạn dược, lương thực, thực phẩm, tiền bạc, cơ sở vật chất kỹ thuật xuống chiến trường khu Trung và Tây Nam Bộ, đồng thời góp phần tiếp tế cho miền Đông và

Trung ương Cục. Hành lang biên giới Đồng Tháp với Campuchia cũng là bàn đạp cho bộ đội chủ lực của Khu và của Miền mở các đợt tấn công xuống Đồng bằng sông Cửu Long.

Do vị trí chiến lược quan trọng của vùng biên giới đối với cuộc kháng chiến nên Đảng bộ và quân dân Đồng Tháp đã ra sức củng cố về mọi mặt. Còn Mỹ - ngụy và các thế lực phản động thì dùng nhiều âm mưu thủ đoạn chia rẽ, phá hoại tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân hai nước, như đánh phá hủy diệt địa hình vùng biên giới, tăng cường hoạt động do thám gián điệp, đóng đồn dày đặc, lập khu dinh điền, nông trường bảo an, trung tâm biệt kích nhằm cắt đứt tuyến hành lang vận chuyển qua biên giới của ta, cô lập phong trào kháng chiến ở Nam Bộ. Mặt khác, ở Campuchia, chúng giúp bọn phản động Lon Non làm đảo chính; mở rộng chiến tranh lên đất Campuchia.

Đoàn kết chiến đấu với nhân dân và cách mạng Campuchia dù trải qua nhiều thăng trầm trong lịch sử nhưng nhìn chung ở tỉnh Đồng Tháp, mối quan hệ đó đã đem lại thắng lợi quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước, là bài học cho giai đoạn sau năm 1975, đóng góp tích cực vào việc củng cố tình hữu nghị giữa ba nước Đông Dương.

Thứ sáu, thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của cách mạng.

Từ ngày chi bộ Đảng đầu tiên được thành lập đến ngày toàn thắng 30/4/1975, Đảng bộ Đồng Tháp đã trải qua 45 năm chiến đấu và trưởng thành. Với 15 năm hoạt động bí mật, Đảng bộ đã lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi dân sinh dân chủ,

lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tiếp đó, Đảng bộ lãnh đạo quân dân trong tỉnh kháng chiến, kiến quốc suốt 30 năm. Thực tiễn phong phú của đấu tranh cách mạng đã giúp cho Đảng bộ rút ra được nhiều kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ thường xuyên chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức vận dụng thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Mỗi khi có chủ trương, nghị quyết của trên hoặc trước âm mưu mới của địch, các cấp ủy đảng kịp thời tổ chức cho cán bộ, đảng viên, quần chúng học tập nắm bắt tình hình, quán triệt chủ trương, thống nhất ý chí hành động, quyết tâm đánh địch, thắng địch. Điển hình là các cuộc vận động xây dựng củng cố chi bộ vào những năm 1946 - 1947, cuộc vận động chuyển hướng chiến lược sau đình chiến năm 1954, trong đó việc sắp xếp tổ chức, lập lại chi bộ bí mật được coi là then chốt; cuộc vận động xây dựng chi bộ A, chi bộ B và chi bộ độc lập công tác năm 1958; cuộc vận động đưa chi bộ, đảng viên bám sát quần chúng trong ấp chiến lược 1962 - 1963; cuộc phát động giáo dục tư tưởng dám đánh Mỹ, thắng Mỹ 1965 - 1966; cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng viên "Bốn tốt" cuối năm 1960, đợt củng cố chi bộ theo Chỉ thị số 01/CT-74 năm 1974 của Trung ương Cục... Sau mỗi đợt vận động, Đảng bộ được củng cố vững mạnh hơn, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo, tạo ra được sức mạnh và thế chủ động tiến công địch trên từng địa bàn, vượt qua được nhiều khó khăn thử thách, bảo tồn, giữ vững phát triển được lực lượng và phong trào cách mạng.

Trong công tác tư tưởng, Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo cho các cấp ủy, nhất là cơ sở chú trọng giáo dục rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, giữ gìn và nêu cao khí tiết cách mạng của người đảng viên cộng sản, bồi dưỡng quan điểm quần chúng, ý thức và tinh thần sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ của Đảng cho đảng viên...

Công tác tổ chức là nhiệm vụ trọng yếu của Đảng luôn được Tỉnh ủy và các cấp ủy chỉ đạo sát sao, tập trung cao cho việc tổ chức xây dựng và phát triển lực lượng, nhất là lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, binh vận. Trong đó, đặc biệt chú ý đến công tác củng cố cơ sở đảng, giao trách nhiệm và bảo đảm cho các tổ chức Đảng và đảng viên bám sát chiến trường, bám địa bàn, bám đất, bám dân lãnh đạo chiến đấu, công tác, củng cố xây dựng vùng giải phóng. Ở thị xã, thị trấn, vùng yếu tôn giáo còn bị địch kềm kẹp thì chỉ đạo cho tổ chức đảng, đảng viên tìm mọi cách nắm, tập hợp, đoàn kết các lực lượng, các tôn giáo và quần chúng yêu nước đấu tranh chống địch, giành quyền làm chủ. Đây là những bài học quý về công tác xây dựng Đảng trong hai cuộc kháng chiến.

Trong tổ chức củng cố xây dựng lực lượng, Đảng bộ luôn chú trọng tới công tác tuyên truyền phát triển đảng viên, để Đảng đủ sức lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ trong mỗi giai đoạn, ở từng vùng, từng địa phương, trong mỗi cơ quan, đơn vị. Cuối năm 1929 đầu năm 1930, Đảng bộ tỉnh từ chỗ chỉ có một hai chục đảng viên, đến Cách mạng Tháng Tám toàn tỉnh đã có gần một trăm đảng viên. Qua kháng chiến 9 năm, đến năm 1954, đã có hàng ngàn đảng viên. Thi hành Hiệp định Giơnevơ, 2.563 cán bộ, đảng viên, chiến sĩ tập kết ra miền Bắc,

số đảng viên còn lại rất ít, lại bị giặc khủng bố, bắt bớ, tù đày, tàn sát và phải chuyển vùng... Nhiều cấp ủy huyện và cơ sở phải xây dựng lại, phải "lột xác" nhiều lần. Nhưng qua đấu tranh thử thách, Đảng bộ vẫn phát triển được đội ngũ; cán bộ, đảng viên vẫn kiên cường, lớp sau nối tiếp lớp đi trước cứ thế trưởng thành. Năm 1960, chỉ riêng tỉnh Kiến Phong (phân nửa của tỉnh Đồng Tháp hiện nay) đã có 1.066 đảng viên, so với trước Đồng khởi tăng 197,7%, năm 1973, phát triển lên 2.764 đảng viên và đến khi giải phóng năm 1975, toàn tỉnh có trên 4.000 đảng viên bám trụ trong dân ở mọi địa bàn.

Tuy nhiên, trải qua kháng chiến lâu dài, gian khổ, ác liệt, cuộc đấu tranh chống địch và đấu tranh xây dựng nội bộ không phải lúc nào trong Đảng bộ cũng diễn ra êm xuôi. Một số không ít cán bộ, đảng viên tỏ ra mệt mỏi, cầu an, co thủ, dao động chạy dài hoặc bất mãn đã bỏ vị trí chiến đấu. Một số ít đi chiêu hồi, đầu hàng giặc, khai báo phản bội Đảng, nhất là trong các năm 1946, 1950 - 1951, 1954 - 1959, 1969 - 1972... Nhưng Đảng bộ các cấp đã chủ động, kiên quyết đấu tranh, xử lý kịp thời nên hạn chế được nhiều tác hại, giữ vững được niềm tin của quần chúng và đảng viên đối với Đảng.

Mặt khác, để bảo đảm sự trong sạch vững mạnh đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, các cấp ủy - tiêu biểu là Tỉnh ủy, đã giữ vững sinh hoạt định kỳ, thực hiện phê bình và tự phê bình, đấu tranh giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối, quan điểm của Đảng. Đây là bài học kinh nghiệm sớm được vận dụng bổ sung, phát huy ở Đồng Tháp. Khi Cách mạng Tháng Tám diễn ra, trong Đảng bộ có hai nhóm (*Tiền phong* và *Giải phóng*) chưa thống nhất

ý chí, hành động... Đảng bộ đã đấu tranh, kịp thời sắp xếp, thống nhất tổ chức, tập trung cao nhất cho cuộc kháng chiến. Mỗi khi thành lập đơn vị mới có sự thay đổi về vị trí địa lý, về sắp xếp tổ chức... hoặc trước yêu cầu, nhiệm vụ mới nặng nề hơn, hay trước sự đánh phá khốc liệt của kẻ thù, trong Đảng bộ có biểu hiện dao động hoặc công thần địa vị... thì cấp ủy chủ động kịp thời giải quyết cả về mặt tư tưởng và tổ chức. Vì thế mà phong trào cách mạng trong tỉnh luôn được giữ vững và phát triển. Đây là bài học quý báu cho sự lãnh đạo của Đảng bộ Đồng Tháp trong công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hôm nay.

PHỤ LỤC

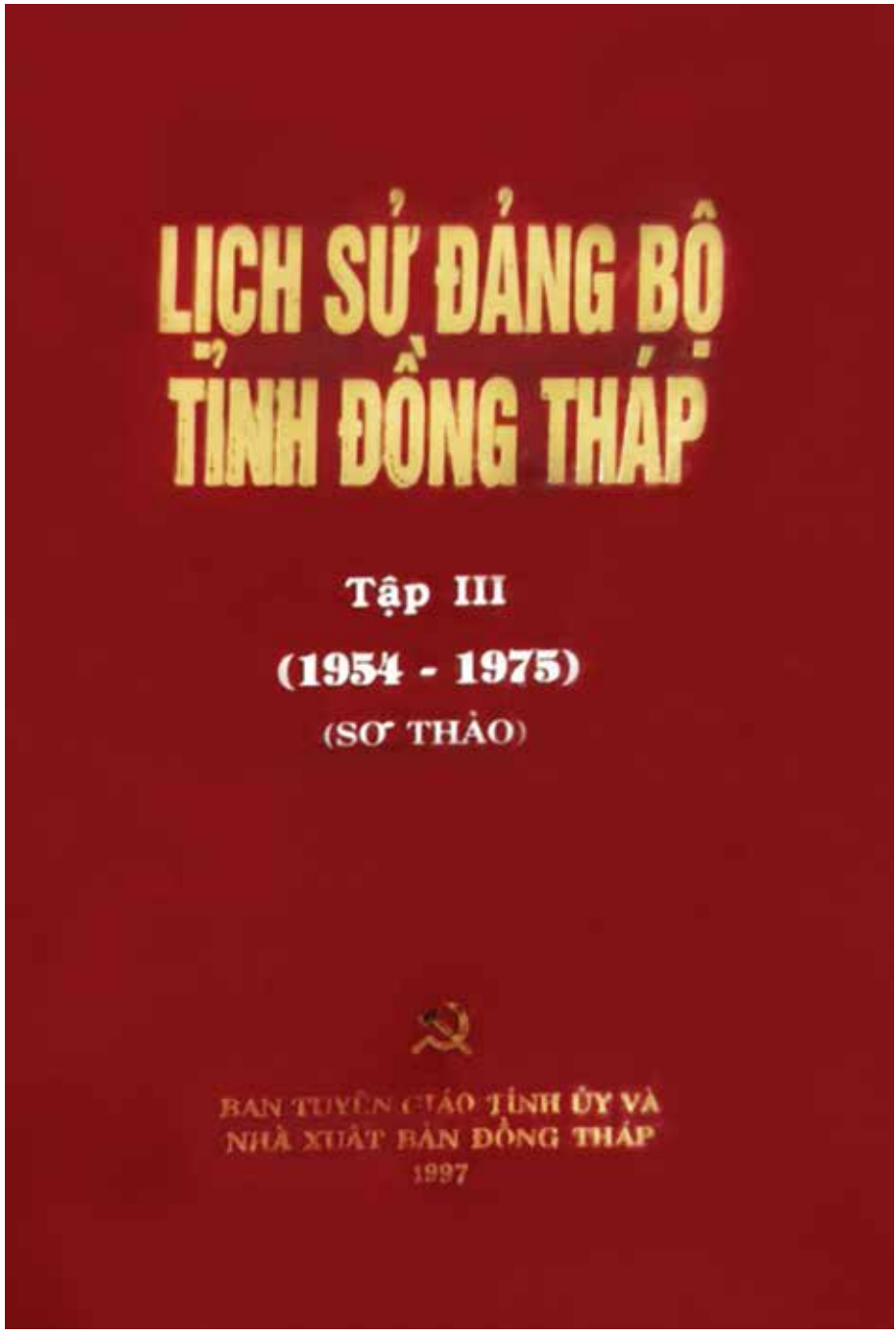

Bìa cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, tập III, sơ thảo, xuất bản năm 1997

LỜI GIỚI THIỆU

Sau khi cho xuất bản cuốn "Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, tập 1 (1927 - 1945)", Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh các giai đoạn tiếp theo. Tập III viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ được đăng ký thực hiện dưới dạng một đề tài khoa học.

Trong 5 năm tiến hành, sau nhiều lần tổ chức hội thảo, xin ý kiến đóng góp của các cán bộ lão thành và tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 30-4-1995, Hội đồng Khoa học tỉnh tổ chức nghiệm thu đề tài, có sự tham gia phản biện của GS.PTS Trịnh Nhu, Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng thuộc Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mac-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (Hà Nội), GS. Mạc Đường, Viện trưởng Viện KHXH Thành phố Hồ Chí Minh, GS. Hồ Sĩ Khoách, Trường ĐHTH Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở hội nghị nghiệm thu xác nhận giá trị khách quan, khoa học của đề tài, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận cho biên tập xuất bản cuốn Sơ thảo "Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp tập III".

Tập sách phản ánh một thời kỳ đầy cam go thử thách, thời kỳ đấu tranh cách mạng oanh liệt, hào hùng nhất của Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp. Suốt 21 năm chiến đấu trường kỳ gian khổ trên chiến trường Đồng Tháp Mười, địa hình trống trải, sông rạch chằng chịt, lũ lụt thường xuyên, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh luôn phải đương đầu với các kiểu chiến lược, chiến thuật, phương tiện và vũ khí hiện đại cùng với những mưu mô xảo quyệt, tàn bạo của đế quốc Mỹ và tay sai. Nhưng với truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng rất kiên cường, Đảng bộ Đồng Tháp đã thực hiện

sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, lãnh đạo quân dân trong tỉnh vượt qua mọi khó khăn, phối hợp với chiến trường chung, liên tục tấn công địch ở cả thành thị và nông thôn, kết hợp chặt chẽ giữa tấn công quân sự với tấn công chính trị và binh vận, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Tập sách cũng giới thiệu một số bài học kinh nghiệm lãnh đạo chủ yếu và những truyền thống vẻ vang của Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp.

Mặc dù bộ phận biên soạn có nhiều cố gắng, nhưng do hoàn cảnh chiến tranh, nhiều tài liệu lịch sử bị hư hỏng, thất lạc, đến nay vẫn chưa sưu tập được đầy đủ, nhân chứng sống nhiều đồng chí đã qua đời, do đó tập sách không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Chúng tôi rất mong đồng bào, đồng chí trong tỉnh và bạn đọc gần xa góp ý để tiếp tục bổ sung, chỉnh lý cho lần xuất bản chính thức sau này đạt chất lượng cao.

Nhân dịp xuất bản tập III Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn Viện Lịch sử Đảng Trung ương, Cục Lưu trữ Quốc gia thuộc Văn phòng TW Đảng, Lưu trữ TW II, Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo Khu ủy Khu Trung Nam bộ (Khu 8), Phân viện Lịch sử Bộ Quốc phòng, Quân khu 7, Quân khu 9 và Tỉnh ủy các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Tiền Giang, các đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, cán bộ đã từng công tác chiến đấu ở Đồng Tháp hiện nghỉ hưu hoặc còn đang công tác, cùng đồng bào, đồng chí gần xa đã góp công sức, trí tuệ cho tập III Lịch sử Đảng bộ Đồng Tháp thời kỳ 1954-1975 hoàn thành.

Ngày 30 tháng 4 năm 1997

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY ĐỒNG THÁP

Lời giới thiệu cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, tập III, sơ thảo, xuất bản năm 1997

CÁC SỐ LIỆU VÀ THÀNH TÍCH ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

I- ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN
ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TUYÊN DƯƠNG ANH HÙNG

1. Đơn vị

STT	Đơn vị	Ghi chú
I	**Đơn vị lực lượng vũ trang**	
1	Tiểu đoàn 502 Bộ đội địa phương tỉnh Kiến Phong - Sa Đéc (Đồng Tháp)	
2	Trung đoàn 320 Bộ đội địa phương tỉnh Kiến Phong - Sa Đéc (Đồng Tháp)	
3	Đại đội 2/D4/Trung đoàn 320 Bộ đội địa phương tỉnh Kiến Phong - Sa Đéc (Đồng Tháp)	
4	Đại đội Trinh sát Trung đoàn 320 Bộ đội địa phương tỉnh Kiến Phong - Sa Đéc (Đồng Tháp)	
5	Đại đội Trinh sát chính trị và trinh sát vũ trang tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp)	
6	Đơn vị c279 (nay là Phòng Cảnh sát bảo vệ và cơ động, Công an Tỉnh)	
7	Đội Trinh sát chính trị và vũ trang (nay là Phòng Bảo vệ chính trị I, Công an Tỉnh)	

8	Đội An ninh vũ trang tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp)	
9	Phòng Tình báo (Công an Tỉnh)	
10	Ban An ninh huyện Cao Lãnh	
11	Ban An ninh huyện Hồng Ngự	
12	Ban An ninh huyện Châu Thành	
13	Ban An ninh huyện Lấp Vò	
II	**Tỉnh**	
1	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Tháp	
III	**Huyện, thị**	
1	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh)	
2	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Cao Lãnh	
3	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Thanh Bình	
4	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Mỹ An (nay là Tháp Mười)	
5	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Châu Thành	
6	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Lấp Vò	
7	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Hồng Ngự	
8	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc)	

IV	**Xã, phường, thị trấn**	
1	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Mỹ (huyện Tháp Mười)	
2	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Hòa (huyện Tháp Mười)	
3	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Đốc Binh Kiều (huyện Tháp Mười)	
4	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Trường Xuân (huyện Tháp Mười)	
5	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Quý (huyện Tháp Mười)	
6	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Trà (thành phố Cao Lãnh)	
7	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hòa An (thành phố Cao Lãnh)	
8	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thạnh (huyện Cao Lãnh)	
9	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phong Mỹ (huyện Cao Lãnh)	
10	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Ba Sao (huyện Cao Lãnh)	
11	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Nhị Mỹ (huyện Cao Lãnh)	
12	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Hội (huyện Cao Lãnh)	
13	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Long (huyện Cao Lãnh)	

14	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Hàng Tây (huyện Cao Lãnh)	
15	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Hàng Trung (huyện Cao Lãnh)	
16	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Thọ (huyện Cao Lãnh)	
17	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phong Hòa (huyện Lai Vung)	
18	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Dương (huyện Lai Vung)	
19	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Hậu (huyện Lai Vung)	
20	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hòa Tân (huyện Châu Thành)	
21	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã An Khánh (huyện Châu Thành)	
22	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Long (huyện Châu Thành)	
23	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Nhuận Đông (huyện Châu Thành)	
24	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã An Phú Thuận (huyện Châu Thành)	
25	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Hựu (huyện Châu Thành)	
26	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Phú (huyện Thanh Bình)	

27	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã An Phong (huyện Thanh Bình)	
28	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thành (huyện Thanh Bình)	
29	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Thành A (huyện Tân Hồng)	
30	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thông Bình (huyện Tân Hồng)	
31	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Huyện Cơ (huyện Tân Hồng)	
32	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thường Thới Tiền (huyện Hồng Ngự)	
33	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thường Phước (huyện Hồng Ngự)	
34	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thường Thới Hậu (huyện Hồng Ngự)	
35	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Thuận (huyện Hồng Ngự)	
36	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Hội (thị xã Hồng Ngự)	
37	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Công Sinh (huyện Tam Nông)	
38	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Quy Đông (thành phố Sa Đéc)	
39	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Quy Tây (thành phố Sa Đéc)	

40	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Mỹ (huyện Lấp Vò)	
41	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Hưng A (huyện Lấp Vò)	
42	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thành (huyện Lấp Vò)	
43	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ An Hưng B (huyện Lấp Vò)	
44	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Vĩnh Thạnh (huyện Lấp Vò)	
45	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hội An Đông (huyện Lấp Vò)	
46	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thạnh Trung (huyện Lấp Vò)	
47	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Khánh Trung (huyện Lấp Vò)	
V	**Khóm, ấp**	
1	Dân quân du kích ấp Hưng Lợi, xã Thanh Mỹ (huyện Tháp Mười)	

2. Cá nhân

STT	Họ và tên	Ghi chú
1	Liệt sĩ Phạm Thị A	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
2	Liệt sĩ Lê Thành Á	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

3	Liệt sĩ Nguyễn Văn Bảnh	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
4	Nguyễn Văn Bảy	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
5	Liệt sĩ Phạm Văn Bảy	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
6	Trần Văn Bảy	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
7	Liệt sĩ Văn Tấn Bảy	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
8	Liệt sĩ Lê Văn Bé	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
9	Liệt sĩ Đinh Công Bê	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
10	Liệt sĩ Đặng Văn Bình	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
11	Liệt sĩ Nguyễn Văn Châu	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
12	Võ Văn Dánh (từ trần)	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
13	Đặng Văn Dầy	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
14	Liệt sĩ Nguyễn Văn Dũng	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
15	Cao Văn Đạt (từ trần)	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

16	Nguyễn Thế Đoàn	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
17	Liệt sĩ Nguyễn Văn Đừng	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
18	Nguyễn Văn Hải	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
19	Liệt sĩ Dương Văn Hòa	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
20	Hà Hồng Hổ	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
21	Nguyễn Minh Hồng (từ trần)	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
22	Liệt sĩ Võ Thanh Hồng	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
23	Trần Thanh Hùng	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
24	Liệt sĩ Nguyễn Văn Khải	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
25	Liệt sĩ Lê Văn Kiếc	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
26	Nguyễn Văn Lẹ	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
27	Liệt sĩ Trần Thanh Liêm	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
28	Liệt sĩ Lê Văn Lượng	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

29	Liệt sĩ Bùi Văn Nổi	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
30	Nguyễn Văn Phấn (từ trần)	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
31	Liệt sĩ Nguyễn Thị Phiến	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
32	Liệt sĩ Nguyễn Văn Phối	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
33	Liệt sĩ Trần Văn Phục	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
34	Liệt sĩ Trần Trung Sĩ	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
35	Phan Văn Son (từ trần)	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
36	Phùng Thị Tám	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
37	Đoàn Văn Thắng	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
38	Liệt sĩ Trần Thị Thu	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
39	Nguyễn Văn Tiệp (từ trần)	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
40	Liệt sĩ Nguyễn Thị Trà	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
41	Liệt sĩ Nguyễn Văn Tre	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

42	Liệt sĩ Nguyễn Minh Trí	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
43	Đoàn Phước Truyền	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
44	Nguyễn Văn Út (từ trần)	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
45	Liệt sĩ Phạm Văn Vẽ	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
46	Liệt sĩ Nguyễn Văn Vóc	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
47	Liệt sĩ Nguyễn Văn Voi	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
48	Nguyễn Thị Ngọc Xuyến	Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

II- BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Tổng số Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (tính đến ngày 31/7/2019) đã được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng, truy tặng ở tỉnh Đồng Tháp là hơn 2.076 mẹ, trong đó, có 78 mẹ còn sống. Số mẹ còn sống đều được các địa phương, đơn vị phụng dưỡng hằng tháng đến suốt đời.

+ Mẹ có nhiều con là liệt sĩ nhất là Trương Thị Y, có 6 con là liệt sĩ và bản thân mẹ cũng là liệt sĩ.

+ Số Bà mẹ Việt Nam Anh hùng của từng huyện:

Huyện Cao Lãnh: 522 người

Huyện Châu Thành: 348 người

Huyện Tháp Mười: 335 người

Huyện Lấp Vò:	216 người
Thành phố Cao Lãnh:	60 người
Huyện Hồng Ngự:	122 người
Thị xã Hồng Ngự:	66 người
Huyện Thanh Bình:	126 người
Huyện Lai Vung:	91 người
Thành phố Sa Đéc:	50 người
Huyện Tân Hồng:	77 người
Huyện Tam Nông:	63 người

III- DANH HIỆU ĐƯỢC TẶNG

Quân và dân tỉnh Kiến Phong: *"Kiên cường bám trụ, giữ đất giành dân"*

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *"Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân"*

IV- HUÂN, HUY CHƯƠNG CÁC LOẠI

* Huân chương Sao Vàng cho quân và dân tỉnh Đồng Tháp

* Huân chương các loại: 19.054 chiếc

Bao gồm: Huân chương của liệt sĩ: 12.178 chiếc, của cán bộ: 2.856 chiếc, của nhân dân: 4.020 chiếc. Có 3.773 Huân chương hạng Nhất, 3.340 Huân chương hạng Nhì, 11.941 Huân chương hạng Ba.

* Huy chương các loại: 7.973 chiếc

Bao gồm: Huy chương của cán bộ: 1.346 chiếc, của nhân dân: 6.627 chiếc. Có 3.797 Huy chương hạng Nhất, 4.176 Huy chương hạng Nhì.

* Riêng hệ quân sự (theo lịch sử quân sự) có:

- Huân chương Bảo vệ Tổ quốc: 3.017 chiếc

- Huân chương Chiến công: 1.143 chiếc
- Huân chương Giải phóng: 3.509 chiếc
- Huân chương Chiến sĩ vẻ vang: 2.201 chiếc
- Huân chương Kháng chiến: 189 chiếc
- Huân chương Hữu nghị: 143 chiếc
- Huân chương Chiến sĩ giải phóng: 14.118 chiếc
- Huy chương các loại: 848 chiếc

V- GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VÀ ĐÓNG GÓP ỦNG HỘ KHÁNG CHIẾN

* Số người tham gia cách mạng: 64.252 người

Trong đó: bộ đội: 21.115 người, thanh niên xung phong: 1.336 người, các hình thức khác: 41.801 người

* Số của cải, vật chất đóng góp cho cách mạng[1]

- Vàng: 42.343 chỉ
- Nhà: 766 ngôi, với tổng số diện tích: 46.159m^2
- Các tài sản đóng góp quy ra lúa: 40.610 tấn

* Có trên 8.700 gia đình có người tham gia kháng chiến và trên 13.500 gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng

VI- SỐ LIỆU LIỆT SĨ, THƯƠNG BINH

- Tổng số liệt sĩ toàn tỉnh: 18.649 người
- Tổng số thương binh: 7.835 người

1. Số liệu thống kê chưa đầy đủ.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 1954 - 1975

(Gồm tỉnh Sa Đéc, Kiến Phong, Long Châu Tiền trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975)

I- BÍ THƯ

STT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
1	Nguyễn Văn Phối (liệt sĩ)	1954 - 1956; Bí thư Tỉnh ủy Sa Đéc 1959 - 02/1960 Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
2	Nguyễn Kim Nha	1957 Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
3	Nguyễn Văn Thử (Sáu Sa)	1958 Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
4	Trần Anh Điền (Tám Bé)	4/1960 - 1963 1965 - 1972 Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
5	Lê Thái Hiệp (Lê Thái, Bảy Hiệp)	1964 Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
6	Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ)	1973 - 1974 Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong 1974 - 1975 Bí thư Tỉnh ủy Long Châu Tiền

STT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
7	Nguyễn Văn Năm (Tám Mai)	1974 Bí thư Tỉnh ủy Sa Đéc
8	Nguyễn Thế Hữu (Tư Hữu)	1974 - 1975 Bí thư Tỉnh ủy Sa Đéc

II- PHÓ BÍ THƯ

STT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
1	Nguyễn Việt Châu	9/1954 - 01/1956 Tỉnh ủy Sa Đéc
2	Nguyễn Văn Y	1957 Tỉnh ủy Kiến Phong
3	Đồng chí Thệ (Bảy Thệ)	1958 Tỉnh ủy Kiến Phong
4	Nguyễn Văn Phàn (Sáu Chung)	1961 - 1962 Tỉnh ủy Kiến Phong
5	Võ Văn Trị (Mười Đồng)	1962 - 1968 Tỉnh ủy Kiến Phong
6	Võ Thị Việt (Năm Việt)	1974 Tỉnh ủy Sa Đéc
7	Lê Văn Sa (Tư Sa)	9/1974 - 12/1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
8	Đoàn Minh Ngọc (Đoàn Văn Thượng)	6/1974 - 12/1975 Tỉnh ủy Long Châu Tiền

III- ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

STT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
1	Mai Xuân Quảng	9/1954 - 01/1956 Tỉnh ủy Sa Đéc
2	Nguyễn Văn Minh (Tám Thanh)	1956 - 1957 Tỉnh ủy Kiến Phong
3	Năm Điệp (Bảy Nhứt)	1958 - 1960 Tỉnh ủy Kiến Phong
4	Phan Văn Giản (Hai Lân)	1965 Tỉnh ủy Kiến Phong
5	Bùi Văn Bê (Năm Tiên) (liệt sĩ)	1964 - 1969 Tỉnh ủy Kiến Phong
6	Lại Văn Nhị (Hai Tiến) (liệt sĩ)	1968 Tỉnh ủy Kiến Phong
7	Nguyễn Văn Nhượng (Năm Nhượng)	12/1968 - 12/1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
8	Hồ Văn Mừng (Tư Tiến)	1968 (có Quyết định nhưng chưa công bố thì hy sinh)
9	Võ Văn Chứa (Bảy Tường) (liệt sĩ)	1969 - 1972 Tỉnh ủy Kiến Phong
10	Nguyễn Thanh Khê (Sáu Cầm)	12/1972 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
11	Huỳnh Văn Thưởng (Năm Thảo)	1973 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
12	Võ Văn Liêu (Lê Hiếu)	6/1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc

IV- TỈNH ỦY VIÊN

STT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
1	Nguyễn Văn Y (Năm Trà)	9/1954 - 01/1956 Tỉnh ủy Sa Đéc
2	Nguyễn Văn Thuyền (Ba Tôn)	9/1954 - 01/1956 Tỉnh ủy Sa Đéc
3	Trương Ngọc Thanh (Tư Rạng)	9/1954 - 01/1956 Tỉnh ủy Sa Đéc
4	Nguyễn Ngọc Thăng (Sáu Vàng)	1956 - 1960 Tỉnh ủy Kiến Phong
5	Đặng Tâm Quảng	1957 - 1958 Tỉnh ủy Kiến Phong
6	Nguyễn Văn Triệu (Mười Ái)	1962 - 8/1972 Tỉnh ủy Kiến Phong
7	Lê Thị Huệ (Năm Vạn)	1963 - 1968 Tỉnh ủy Kiến Phong
8	Nguyễn Khắc Thận (Chín Hương)	1964 - 1968 Tỉnh ủy Kiến Phong
9	Nguyễn Văn Bảy (Sáu Chời)	1965 - 1969 Tỉnh ủy Kiến Phong
10	Đỗ Văn Cảnh (Út Mới)	1967 - 1969 Tỉnh ủy Kiến Phong
11	Lê Ngọc Bửu (Trần Hựu)	1968 - 1974 Tỉnh ủy Kiến Phong

STT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
12	Bùi Công Di (Tám Lời)	1968 - 1969 Tỉnh ủy Kiến Phong
13	Bùi Quang Thạnh (Mười Thạnh)	1969 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
14	Ngô Quang Tựu (Năm Vinh)	1970 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
15	Phạm Văn Thành (Hai Hớn)	1970 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
16	Lê Thị Tiệp (Năm Mai)	1972 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
17	Võ Đông Xuân (Võ Hồng Nhân)	1972 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
18	Võ Thái Hòa	1972 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
19	Phan Hữu Lập (Sáu Lập)	1972 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
20	Phạm Văn Ty (Tám Ty)	1972 - 1974 Tỉnh ủy Kiến Phong
21	Phan Văn Đấu (Năm Đấu)	1972 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong
22	Lê Văn Bình (Năm Bình) (liệt sĩ)	1972 Tỉnh ủy Kiến Phong
23	Trần Văn Gia (Ba Tranh)	1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc

STT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
24	Hồ Trung So	1974 - 1975 Tỉnh ủy Long Châu Tiền
25	Mạch Văn Vấn (Ba Hiệp)	1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
26	Văn Phước An	1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
27	Châu Mỹ Duyên (Út Huyền)	1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
28	Nguyễn Văn Hải	1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
29	Đặng Việt Mai	1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
30	Phan Văn Nỉ (Hai Lô)	1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
31	Mai Văn Quán (Năm Quán)	1974 -1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
32	Phạm Hồng Dân	1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
33	Lê Thị Hoa	1974 -1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
34	Đinh Phước Hải	3/1975 - 02/1976 Tỉnh ủy Sa Đéc

STT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
35	Lê Văn Mai	3/1975 - 02/1976 Tỉnh ủy Sa Đéc
36	Huỳnh Thanh Hùng	10/1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
37	Huỳnh Ngọc Vệ (Tư Hải)	1974 - 1975 Tỉnh ủy Sa Đéc
38	Võ Văn Tám	1974 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong và Sa Đéc
39	Nguyễn Văn Ba (Bảy Tạo)	1974 - 1975
40	Phạm Văn Trọng (Ba Trọng)	1974 - 1975 Tỉnh ủy Kiến Phong và Long Châu Tiền

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY

NGUYỄN VĂN PHỐI

Bí thư Tỉnh ủy Sa Đéc (1954 - 1956)

Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong (1959 - 02/1960)

NGUYỄN KIM NHA
Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
(1957)

NGUYỄN VĂN THỬ
Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
(1958)

TRẦN ANH ĐIỀN
Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
(4/1960 - 1963; 1965 - 1972)

LÊ THÁI HIỆP
Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
(1964)

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong
(1973 - 1974)
Bí thư Tỉnh ủy Long Châu Tiền
(1974 - 1975)

NGUYỄN VĂN NĂM
Bí thư Tỉnh ủy Sa Đéc
(1974)

NGUYỄN THẾ HỮU
Bí thư Tỉnh ủy Sa Đéc
(1974 - 1975)

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 5

Lời giới thiệu 7

Chương I

ĐẤU TRANH GIỮ GÌN, SÚC TÍCH LỰC LƯỢNG TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI (1954 - 1960) 13

I- Thực hiện đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ 13

II- Lãnh đạo xây dựng lại lực lượng vũ trang, đấu tranh chống "tố cộng, diệt cộng" 38

III- Phát động quần chúng khởi nghĩa từng phần, tiến lên Đồng khởi giành chính quyền, làm chủ nhiều vùng nông thôn 68

Chương II

PHÁT ĐỘNG CAO TRÀO PHÁ ẤP CHIẾN LƯỢC, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" (1961 - 1965) 100

I- Tiến công địch ba mặt, giữ thế làm chủ của quần chúng ở nông thôn 100

II- Mỹ triển khai chiến lược "chiến tranh đặc biệt" (1961 - 1965) 104

III- Phát động cao trào phá ấp chiến lược, xây dựng, củng cố vùng giải phóng 125

Chương III

ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH NHÂN DÂN GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968) 155

I- Phát động toàn dân đánh thắng chiến thuật "thuyền bay" và "hạm đội nhỏ trên sông" 155

II- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 186

Chương IV

CỦNG CỐ PHONG TRÀO, KIÊN CƯỜNG BÁM TRỤ, CHỐNG PHÁ BÌNH ĐỊNH, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" CỦA MỸ - NGỤY (1969 - 27/01/1973) 213

I- Mỹ triển khai chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" 213

II- Vừa tiếp tục chiến đấu chống phá bình định của địch vừa xây dựng lực lượng kiên trì bám trụ giữ đất, giành dân 219

III- Cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972 261

Chương V

CHỐNG ĐỊCH VI PHẠM HIỆP ĐỊNH PARI VÀ CUỘC TIẾN CÔNG, NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975 GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (28/01/1973 - 30/4/1975) 287

I- Kịp thời chuyển hướng theo đường lối, phương châm mới, chuyển mạnh phong trào khắp ba vùng 287

II- Thành lập tỉnh Sa Đéc và tỉnh Long Châu Tiền, đẩy mạnh hoạt động ở các huyện phía nam sông Tiền 340

III- Cuộc tiến công, nổi dậy giải phóng quê hương của tỉnh trong Chiến dịch Hồ Chí Minh 371

Kết luận 383

Phụ lục 405

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung: TS. LÊ HỒNG SƠN
ĐINH ÁI MINH
VŨ PHƯƠNG HÀ
Vẽ bìa: LÊ THU TRANG
Chế bản vi tính: HỒNG HẠNH
Sửa bản in: BAN SÁCH KINH ĐIỂN - LÝ LUẬN
Đọc sách mẫu: NGUYỄN THỊ VÂN

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ thương mại Phú Thịnh.
Địa chỉ: Lô B2-2-5 Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản: 1553-2020/CXBIPH/11-303/CTQG.
Quyết định xuất bản số: 5036-QĐ/NXBCTQG, ngày 17/6/2020.
Mã số ISBN: 978-604-57-5699-7.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2020.